

TRUYỆN NGẮN NGÔ TẤT TỐ

Giới thiệu đôi nét về Ngô Tất Tố

Nhắc đến truyện ký Việt Nam trước cách mạng tháng Tám có lẽ không ai là không nhớ đến Ngô Tất Tố, một cây bút lỗi lạc của văn học hiện thực đương thời.

Ngô Tất Tố sinh năm 1893, mất 1954, quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội), ông xuất thân là một nhà nho gốc nông dân, là một học giả với nhiều công trình triết học và văn học cổ có giá trị; một nhà báo nổi tiếng với nhiều bài mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước cách mạng. Sau cách mạng nhà văn tận tụy trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ông đã hy sinh trên đường công tác ở sau lưng địch. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị thuộc nhiều thể loại tiêu biểu như: Các tiểu thuyết: *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940); các phóng sự: *Tập án cái đình* (1939); *Việc làng* (1940)...

Với những đóng góp lớn lao của bản thân cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, Ngô Tất Tố đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn hoá nghệ thuật đợt 1 năm 1996

Sau đây, **Download.com.vn** xin giới thiệu đến các bạn Tuyển tập truyện ngắn Ngô Tất Tố được chúng tôi tổng hợp chi tiết, chính xác và đăng tải ngay sau đây. Mời các bạn độc giả cùng tham khảo.

MỤC LỤC

LÊU CHỒNG	4
Tựa	4
Chương I.....	5
Chương II	12
Chương III	22
Chương IV	35
Chương V	46
Chương VI.....	60
Chương VII.....	69
Chương VIII	80
Chương IX.....	101
Chương X	121
Chương XI.....	134
Chương XII.....	147
Chương XIII	172
Chương XIV	189
Chương XV	203
Chương XVI	218
Chương XVII.....	229
Chương XVIII	244
Chương XIX	256
Chương XX	276
Chương XXI	288
TẮT ĐÈN.....	298
Chương I.....	298
Chương II	303
Chương III	308
Chương IV	313
Chương V	319
Chương VI.....	326
Chương VII.....	332
Chương VIII	337
Chương IX.....	342
Chương XII.....	354
Chương XIII	357
Chương XIV	361
Chương XV	366
Chương XVI	371
Chương XVII.....	375
Chương XVIII	378
Chương XIX	383

Chương XX	388
Chương XXI	394
Chương XXII.....	400
Chương XXIII	406
Chương XXIV	411
Chương XXV.....	416
Chương XXVI	421
Chương XXVII	427
TRONG RỪNG NHỎ	430
Lời nói đầu	430
Chương I.....	431
Chương II	439
Chương III	448
Chương IV	464
Chương V	482
Chương VI.....	496
Chương VII.....	511
Chương VIII	524
Chương IX.....	545
Chương X	555
Chương XI.....	565
Chương XII.....	575
Chương XIII	585
VIỆC LÀNG	592
Lớp người bị ở xót	592
Một đám vào ngôi.....	597
Cái án ông cụ	602
Nghệ thuật băm thịt gà.....	606
Đôi giày mất dây.....	610
Góc chiếu giữa đình	614
Nén hương sau khi chết.....	618
Hạt gạo xôi mới	622
Mua cỗ.....	626
Con gà thờ	630
Cỗ oản tuần sóc.....	637
Một tiệc ăn vạ	642
Xâu lòng thờ	646
Một chiếc lăm lộn	651
Miếng thịt giỗ hậu.....	656
Món nợ chung thân	660
Một cái thảm trạng.....	665

LÈU CHÔNG

Tựa

Ngày nay nghe đến hai từ "Lều Chông", có lẽ nhiều người sẽ lấy làm lạ vì những từ ấy từ biệt chúng ta mà đi tới chỗ mất tích đã gần ba chục năm nay. Nhưng mà trước hơn hai chục năm đi ngược trở lên, cho đến hơn một nghìn năm, "Lều" "Chông" đã làm chủ vận mệnh của giang sơn cũ kỹ mà người ta tán khoe là "bốn nghìn năm văn hiến". Những ông ngồi trong miếu đường làm rường cột cho nhà nước, những ông ở nơi tuyến thạch, làm khuôn mẫu cho đạo đức phong hóa, đều ở trong đám "lều chông" mà ra. Lều chông với nước Việt Nam chẳng khác một đôi tạo vật đã chế tạo đủ các hạng người hữu dụng hay vô dụng. Chính nó đã làm cho nước Việt Nam trở nên một nước có văn hóa. Rồi lại chúng nó đã đưa nước Việt Nam đến chỗ diệt vong. Với chúng, nước Việt Nam trong một thời kỳ rất dài kinh qua nhiều cảnh tượng kỳ quái, khiến cho người ta phải cười, phải khóc, phải rưng rờ hồn vía.

Ngô Tất Tố

Chương I

Gần nửa tháng rồi, trong làng Văn khoa, lúc nào cũng náo nức, rộn rịp như sắp kéo hội. Đình trung điểm sở cũng như quán nước hàng quà chỉ làm chỗ hội họp của các ông già, bà già và những cây gậy trúc mũi sắt, những gói trầu cau lớn bằng cái đầu. Chuyện mới, chuyện cũ luôn luôn theo những bãi cốt trầu, những làn khói thuốc đồng thời tuôn ra và nổ như bỏng rang. Ông này nhắc làng mình thật được hưởng đình. Ông kia đoán họ Trần kết ngôi mộ tổ. Bà này bảo cụ đồ phúc đức hiền hậu, chịu khó lễ các đền chùa. Bà kia khen cô nghề tốt nét đủ điều, biết phân biệt kẻ trên người dưới.

Cái hoa gạo nở đầu tháng giêng đã được tán là điềm tốt. Con khánh khách kêu trên các đình giữa ngày khai hạ, cũng được tôn là tin mừng. Câu chuyện tuy duy nhất chỉ quanh quẩn có thế, nhưng sự nô nức đã bắt người ta cứ phải chiếu đi chiếu lại bàn tán hết ngày ấy sang ngày khác, đầu làng cuối làng, thường có những tiếng cười nói rầm rầm. Hôm nay lại càng tấp nập hơn nữa....

Từ lúc trời mới sáng rõ, một hồi mõ đã tiếp tiếng vang của ba hồi trống cái khua động góc trời trên đình. Với chiếc dải lưng lụa đỏ bỏ mũi sang cạnh sườn, lý trưởng không khác phó lý, trương tuần, tung tăng vác tay thước chạy nhào từ đình đến điểm. Giữa một hồi tí u của những tiếng hiệu ốc đi đôi với dịp hiệu sừng, người ở các xóm kéo ra tíu tít. Chỗ này vài chục đàn ông đi với mai, thuổng, xẻng, cuốc gậy nạng và câu liêm; chỗ kia mười người đàn bà và những quang, thúng, sào, sọt lủng lẳng dưới đầu đòn gánh. Một toán lại một toán. Một lũ lại một lũ. Ống quần xắn trên đầu gối, gấu váy kéo lên đến nửa bụng chân, các toán, các lũ lần lượt tiến vào sân đình.

Một bầu ồn ào chiếm cả khu đình và điểm. Mặt trời từ trên ngọn tre xuyên sang mái đình tung bừng đón tiếng chào của đàn chim sẻ. Ánh sáng lóng lánh chiếu trên nùm quả dành của đôi đồng trụ cửa đình.

Cái ồn ào mỗi lúc một lớn. Chĩnh nước chè khô đã bị mấy chục bát đàn vục cạn. Hai thùng cau khô để đó dần dần biến thành đồng bã trầu tàn. Hết thảy các toán, các lũ nhất tề đứng dậy. Như một đạo quân ra trận, mấy trăm con người rầm rập kéo ra đầu làng và vui vẻ tiến thẳng đến đoạn đường cùng tận địa giới.

Theo mệnh lệnh của ông lý, ông phó, ông trương, dân phu bắt đầu sang sửa từ đầu địa phận trở về. Các bầu tát nước đều được bồi đắp phẳng phiu. Những đám cỏ gấu ven đường đều bị giẫy sạch và hất xuống ruộng. Người tá cắt hết những cây vẩy ốc bám vào ven thành. Người ta giật hết những cái ánh tre khum khum rủ trên đường cái. Người ta quét hết những đồng cặn rác kinh niên bừa bãi khắp các đầu ngõ ven đường. Hương lý vẫn thúc giục vội vã. Tù và vãn rúc từng hồi dài từ xóm này đến xóm kia. Trời dần dần nóng thêm. Mấy trăm bộ mặt đỏ như đồng tụt mồ hôi đỏ ra bóng nhoáng. Nhưng cái oi bức của tiết đầu hạ vẫn không ngăn nổi sự nô nức của đám người làm việc hết lòng.

Gần đến nửa buổi, bao nhiêu khúc đường khắp khênh, gò ghề đều trở nên những dải đất óng mượt như tấm lụa mới. Những tiếng cười nói vui như ngày tết, lại đưa các toán, các lũ dân phu lần lượt trở về sân đình.

Một tuần trầu nước vừa tàn, lý trưởng đứng trên thềm đình đồng dục nói xuống:

- Trưa lắm rồi! Xin « chạ » đi rửa chân tay và cắt đồ đạc. Rồi "chạ" đến luôn nhà quan tân khoa để còn làm rạp, kê phản, sắp sửa bữa bát mâm nôi, kéo nữa không kịp?

Một buổi ồn ào dòn dập trong đám đông, đàn ông, đàn bà, lẻ tẻ ai về nhà nấy. Trương tuần cắt lũ tuần phu canh cổng làng. Lý trưởng, phó lý và tất cả những hạng đàn anh lật đật kéo vào nhà ông nghè mới. Ở đây, từ đầu cổng cho đến xó bếp toàn là những vẻ vui mừng. Các ông, bà, cô, cậu trong quan họ đã họp tấp nập. Trên chiếc ghế ngựa quang dầu kê ở gian giữa, cố ông bắt chân chữ "ngũ", ngồi bằng điệu bộ rất đắc ý. Phía dãy phản ở gian bên cạnh, ông trưởng họ Trần thông thả đưa chiếc quạt thước phẩy mấy chòm râu trắng xóa, bàn định các việc sẽ đến trong ngày mai.

Ngoài sân, cổ bà cũng như cô nghề, tất tả chạy ngược chạy xuôi, vừa sắp sửa các thứ đồ dùng, vừa cắt đặt việc này việc khác. Sau mấy cái vái cung kính dâng khắp các cổ ông, cổ bà và các vị già lão, lý trưởng, phó lý và bọn trùm trưởng ghé ngồi vào hàng ghế cuối cùng. Dân làng kéo đến môi lúc mỗi đông. Từ nhà dưới đến nhà trên, kẻ đứng, người ngồi, lổ nhổ như một khu chợ. Theo lời cắt cử của các vị tôn trưởng, những người "làm giúp" tới tập đi tìm công việc. Mượn mâm, mượn nồi, mượn bát đĩa và gánh nước đô đầy các chum, các vại, đó là phận sự của đàn bà. Còn phe đàn ông thì chia ra thành hai ban: một ban chôn tre, dựng rạp, kê phản, kê ghế, sắp đặt các đồ bài trí, một ban nữa vào chuồng bắt lợn, làm gấp mấy chục mâm dấm ghém để kịp làng xóm họ mạc ăn tạm bữa trưa.

Công việc bắt đầu túi bụi. Tiếng người hò hét, tiếng mâm bát đụng nhau, hòa với tiếng lợn kêu ì éc ngoài vườn làm thành cái vọng âm âm của một đình đám to lớn. Hơi lửa trong bếp hợp với hơi người các nơi càng tăng thêm sức nóng của trời hè. Đúng trưa, cỗ bàn làm xong, hai tòa rạp lớn cũng vừa lợp kín. Những chiếc chiếu hoa dài thườn thượt như lá cót đại lần lượt phủ kín các dãy giường phản từ trong nhà ra ngoài sân. Hàng mấy chục mâm rau nộm thịt mỡ chất đầy trong những bát đàn, đĩa đàn, la liệt đặt khắp các nhà các rạp.

- Xin mời bà con hãy đi xoi cơm kéo đói. Các việc để đó ăn xong rồi ta hay làm.

Lời nói chia ông trưởng họ Trần không kém tiếng hò của ông đại tướng đứng đầu ba quân, nó có sức mạnh khiến cho mọi người rầm rập đứng dậy. Đàn ông với đàn ông, đàn bà với đàn bà, bốn một, tám hai làng xóm, họ mạc tự ý rủ nhau, tiện chiếu nào ngồi vào chiếu ấy. Mâm này gọi rượu, mâm kia gọi cơm, rồi mấy mâm khác vâm véo giục lấy nước canh nước mắm. Lối đi chật hẹp trong mấy gian rạp thành chỗ chen nhau của người ra vào.

Giống như lớp tằm ăn rồi, một loạt năm sáu chục mâm nhất tề nhấc chén cất đĩa. Mặt trời chênh chếch chiếu vào đầu rạp, các mâm chỉ còn bát không, đĩa không. Bằng một giọng nói chững chạc, ông trưởng họ Trần tỏ ra người rất thạo việc:

- Xin mời bà con ăn trâu, uống nước, rồi thì ai vào việc ấy đi cho. Xem chừng công việc hãy còn nhiều lắm. Ta phải làm gấp mới được!

Bao nhiêu mâm cỗ ăn tàn lần lượt bị đưa xuống khu sân bếp, để nhường các chiếu trong rạp cho những đĩa trâu cau khô và những đoàn ẩm tay đựng nước chè xanh. Tiệc trâu nước không đầy một khắc. Mọi người ò ạt đứng lên.

Lúc này công việc càng rộn rịp. Ở đằng sau nhà những người vật trâu bò reo ầm ĩ. Ở trong rạp, có một đoàn dao thót ký cốc băm thịt, băm xương. Và ở trước sân, mấy chục chiếc chày huỳnh huých nện xuống đáy cối đá đại. Một đám vàng vàng đỏ đỏ nghe nghện từ nhà dưới bếp lên nhà trên. ĐÓ là các thứ xôi gấc, xôi dành và xôi lá diếp đóng trong những chiếc "mâm dăng" sơn son.

Góp vào đó, mỗi mâm thêm một cái sỏ lợn, hoặc cái "lăm" lợn, một nậm rượu và một đĩa trâu. Ông trưởng họ Trần xúng xính trong chiếc áo tể màu lam cụng kính đi theo mấy mâm xôi thịt để thay mặt cô ông lễ yết các nơi đình, chùa, văn chỉ, và các nhà thờ đại tôn, tiểu tôn. Vọng canh đầu cổng "tùng tùng" mấy tiếng trống báo. Tiếp đến một tràng pháo nổ liên thanh. Hai mâm cau tươi đưa hai ông bạn thân của cô ông đến mừng quan nghè. Bằng một dáng bộ ung dung, cô ông từ trên ghế ngựa quang dầu khoan thai thò chân xuống đất. Ngài sẽ sàng xỏ chân vào giày và trịnh trọng bước ra đầu thềm. Rồi vái một vái gần sát mặt đất, cô ông cụng kính mời quý khách lên thẳng nhà trên.

Trống cái ngoài cổng lại điểm mấy tiếng giật giọng. Một lũ cai tổng, phó tổng, lý dịch các xã trong tổng, ló nhó theo mấy bao chè sinh hậu và một hòm pháo bàn đào khúm núm tiến vào trong rạp. Mấy ông quan họ còn đương vồn vã mời khách vào ghế, và mấy ông khách hàng tổng còn đang đưa đẩy nhường nhau ngồi trên, thì ở ngoài cổng lại có mấy tiếng trống cái báo hiệu.

Theo hình thể của đám rông rần, một bọn chừng bốn mươi người kéo dài từ cổng vào sân với chiếc khay vuông có để vài bức câu đối nhiều đỏ. Giờ này mà đi, trống báo luôn luôn không dứt, khách đến mỗi lúc mỗi nhiều. Bọn này ngồi chưa yên ghế, bọn

khác đã râm rập kéo vào. Mấy ông quan họ chuyên việc tiếp khách, ai nấy nhể nhại mô hôì. những cậu học trò bé con cuống cẳng chạy không kịp nước để khách dập giọng.

Trên chiếc án trước thềm, chè, pháo, cau tươi chất đầy như quả non bộ. Liền con công, câu đối vóc nhiều, treo khắp vách, khắp tường. Những cỗ giò, nem, ninh, mọc kể tiếp nhau từ phía cỗ đệ lên. Khách khứa lục đục vào tiệc. Bọn nào đến trước ăn trước, bọn nào đến sau ăn sau. Mâm này bùng ra, mâm kia bùng vào. Trong rạp cũng như trong nhà, không lúc nào không có vài mâm ăn uống.

Trời gần tối, khách đã hơi vãn. Hối trống thu không của điểm canh vừa tan, những cây bạch lạp, những quả đèn lồng, những đĩa dầu trong các quang tre lần lượt theo nhau bắt lửa. Ngoài sân, trong rạp ánh sáng rực rỡ như ban ngày. Ông trưởng họ Trần cởi tấm áo lam trao cho người nhà cất đi rồi gọi lý trưởng, phó lý đến hỏi:

- Thế nào, những đồ hành ngoi ngày mai, các thầy sắp sửa đủ chưa?

Lý trưởng nhanh nhẩu:

- Trình cụ, chúng con sắm sửa đâu đây cả rồi.

Phó lý lễ phép nói thêm:

- Trình cụ, còn thiếu hai cái cán cờ tứ linh, vì bị một gãy, chúng con đã tìm đôi sào phơi dùng tạm.

- Những ai đi rước? Cất cử xong chưa?

- Bẩm đã! Tất cả hơn một trăm suất, toàn là người làng, chúng con không dám cất đến ông nào trong quan họ.

Ông trưởng họ Trần hơi cau lông mày:

- Cái đó là lẽ tất nhiên. Việc khác, dân làng cũng không được phép cất người quan họ đi rước, huống chi việc này... Thế các thầy có dặn những người vào việc phải ăn mặc cho tử tế không?

- Bẩm có. Chúng con đã bắt dân làng đều mặc áo đỏ và thắt dải lưng màu xanh. Ai không có sẵn thì phải đi mượn.

Ông trưởng họ Trần ra bộ vừa ý:

- Phải cho trang trọng một chút mới được... Còn có hàng tổng, hàng huyện trông vào. Không nên cầu thả để cho người ta chê cười làng mình.

Một người tuần phu ở cổng đi vào, chắp tay đến đứng dưới thềm:

- Trình cụ, phường chèo đã đến.

Ông trưởng họ Trần ngẫm nghĩ giây lát:

- Ra bảo chúng nó cứ ngồi ngoài ấy. Lúc nào có người ra gọi sẽ vào.

Rồi, chỉ tay ra thẳng gian rạp chính giữa, ông ấy nhìn mặt lý trưởng, phó lý:

- Bây giờ, công việc đã thư, các thầy hãy sai đứa nào thu xếp chỗ này, để cho phường chèo vào hát một lúc.

Lý trưởng, phó lý sung sướng như lính lệ được chuyển sai, họ dạ một tiếng rất gọn và cùng đem theo lệnh của ông trưởng quan họ xuống nẻo nhà dưới loan báo cho bọn trai làng.

Qua một hồi dọn dẹp, kê cúng, gian rạp chính giữa nghiêm nhiên thành một sân khấu lâm thời. Trống châu trên thềm thùng thẳng điểm bốn, năm tiếng. Chừng hơn mười người phường chèo theo đôi hòm vuông lối nhỏ tiến vào. Trẻ con đua nhau hò reo. Trong rạp ồn ào như đám vỡ chợ. Sau khi mấy bộ quần áo đã vắt lên sợi dây thừng chằng suốt hai chiếc cột rạp, để ngăn cho nửa gian rạp thành một căn buồng, hộp 'phân, hộp son và những mũ bạc, mũ vàng, mũ lông công, mũ cánh chuồn, la liệt bày ra nắp hòm mặt án.

Trống rung. Mỗ điểm nhất gừng. Phèng phèng, chũm chọe đồng thời nổi lên. Trò bắt đầu diễn. Trước rạp, sau rạp và hai bên rạp, người đứng chật như nêm cối. Hết một hồi

trông đạo trò, cả đám đều im phăng phắc để nhìn bộ miện người kếp giáo đầu đương mấp máy môi sau một chiếc quạt giấy. Đánh sạt một cái, cái quạt bị cụp hẳn lại, người kếp lấy hết gân mặt gân cổ, gân môi để ngân cho giọng thật dài:

- Nhớ thuở xưa tích cũ, có một chàng trai tên gọi Lưu Bình...

Mọi người xôn xao bảo nhau:

- À họ làm trò "Tây Dương nghĩa phụ".

Đêm càng khuya, trò càng xô sát, khán giả càng nô nức. Người ta vỗ tay cười reo khi nghe anh hề cắt nghĩa "đại phong" là lọ tương. Và người ta tỏ vẻ ái ngại thương xót, khi thấy Lưu Bình lắc đầu nhăn mặt trước bát cơm thiu và quả cà mốc của nhà Dương Lễ.

Nửa đêm, trò vừa hết vở. Khán giả ồn ào giải tán sau một hồi trông tan trò. Ông trưởng họ Trần oai vệ ra lệnh cho bọn lý trưởng, phó lý:

- Bây giờ nửa giờ tý rồi, sang giờ sữu thì phải khởi hành. Các thầy giục họ bùng mâm để chạ xơi rượu, không thì trễ quá.

Chương II

Lại một lần nữa, ruột gan cô Thúy không kìm được sự hồi hộp. Và cái hồi hộp lần này có lẽ còn mạnh hơn mấy lần trước nhiều lắm. Trí nhớ của cô còn in rành rành. Cách đây vừa đúng một năm, bấy giờ cô mới có mười chín tuổi. Cái đêm sắp sửa thắng quần thắng áo để đi làm người nội trợ cho cậu khóa Trần Đăng Long, tim cô đã bị một phen rung động. Song lúc ấy cô chỉ tự thấy bẽn lễn và cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn những cảnh tượng đầu tiên và những câu nói thứ nhất của mình trong khi bắt đầu giáp mặt người bạn trăm năm. Thế mà thôi. Rồi đến hồi cuối tháng một năm ngoái, khi được tin chồng cô đổ cử nhân, bụng cô lại nôn nao lần nữa. Nhưng cái địa vị của một cô cử vẫn không thay đổi hoàn cảnh của một cô khóa, cho nên lúc này ở trong lòng cô chỉ có một sự sung sướng êm đềm, nó không bắt cô kích thích nhiều quá. Lần này khác hẳn. Tuy quãng đường từ cô cử lên đến cô nghệ, cũng không lạ hơn quãng đường từ cô khóa lên đến cô cử, nhưng cái khó nghĩ cho cô là cuộc vinh qui ngày mai.

Bởi vì từ thuở tám bé đến giờ, chưa từng thấy người con gái nào được cái vinh hạnh như mình, và chưa được rõ cái quang cảnh ấy ra sao, cho nên óc cô cứ phải loanh quanh suy tính: "*Không biết chốc nữa mình sẽ phải ngồi thế nào, phải đứng thế nào, và phải ăn nói thế nào cho đúng điệu bộ một bà tiến sĩ?*" Hỏi mãi, cô vẫn không tìm thấy câu trả lời. Trống canh ngoài điểm chột điểm ba tiếng muốn báo để cô biết cái giờ lên đường sắp đến nơi rồi. Khêu rõ ngọn đèn trên quang, cô vội xỏ đầu ra chải. Mái tóc mấy lần rẽ đi rẽ lại, mà khi ngó vào trong gương, đường ngôi trên trán vẫn chưa được ngay. Cô đương băn khoăn, muốn sửa thêm cho nó thật chỉnh, ngoài rạp vừa nôi hỏi trống tan trò. Cổ bà ở ngoài bước vào, giục cô sang phòng bên kia cùng ăn cơm tạm.

Theo lời mẹ chồng, cô vội bỏ gương, bỏ lược đi ra. Sau khi điểm tâm bằng một đĩa xôi và hai bát chè, cô lại sang phòng bên này. Bỏ cau, tằm trầu, giờ gói thuốc lá quần vại

chục điều, rồi cô xếp cả vào cái tráp tròn sơn son, và thêm vào đó ít cánh hoa hồng, hoa huệ.

Nhà dưới, làng xóm ăn uống đã xong. Ai nấy tấp nập đi lấy cán cò, cán quạt và tìm đèn võng. Trống ngực khi ấy lại càng đập mạnh, cô vội mở rương lấy hết mấy bộ quần áo mới ra thay. Quần cũng như áo, các cái đều vừa như in, chỉ tiếc đôi giày vân hài khí chật, làm cho hai bàn chân cô đều thừa một ngón chân út.

Ngoài rạp, chiêng, trống xen nhau thôi thúc hết một hồi thứ nhất, cô ông, cô bà đã cho gọi cô ra đứng chờ sẵn trên thềm. Bốn chiếc võng đào, đèn cong, mui luyến cũng đã chực ở dưới sân. Đợi cho dứt hồi chiêng trống thứ hai, thì ba chiếc võng cũng hạ thấp xuống, cô và cô ông, cô bà mỗi người bước lên một võng. Chiêng trống điểm thêm một hồi và ba tiếng nữa, tức thì bốn đôi đèn lồng dẫn đường cho bốn chiếc võng từ từ tiến ra ngoài cổng.

Cái võng bỏ không ra trước rồi đến võng cô ông, rồi đến võng cô bà, rồi đến võng của cô nghề. Cuối cùng thì bọn trai làng khiêng vác cò quạt tàn lọng.

Ra khỏi cổng nhà, chiêng trống lại im, lọng vẫn cụp cò vẫn cuốn, cả đám lần lần tiến trong bóng cây âm thầm. Nếu không có tiếng nói chuyện rầm rầm và mấy ngọn đèn le lói, có khi nhiều người sẽ ngỡ là toán kỳ binh kéo đi đánh úp chỗ nào. Tới đầu địa phận, xa trông trước mặt, thấy có bóng người ló nhố trong đám ánh lửa vàng vàng. Ai nấy đều biết ngay rằng: đó là những người hàng tổng cũng đi dự vào cuộc rước ấy.

Mấy người đàn anh trong bọn dân phu hàng tổng cung kính vái chào hai cô và bà nghề. Hai toán người này liền nhập vào làm một, rồi cùng thẳng đường trở đi. Lần này là lần đầu tiên trai làng Văn khoa được làm những kẻ đồng hương với quan nghề, cho nên mỗi người đều nhận thấy mình vinh dự hơn hết những người các làng khác trong tổng. Họ tự coi họ là chủ, còn những người kia là những kẻ phục dịch. Trời gần sáng. Trên đường đi đã rõ bóng người. Trong bọn dân làng Văn Khoa, một ông vác cò ngoảnh lại nhìn lũ hàng tổng, rồi mỉm cười và nói với người bên cạnh:

- Thảo nào người ta vẫn bảo: "Chưa đồ ông nghề đã đe hàng tổng". Coi vậy!... đồ đến ông nghề cũng có sượng thật. Cả tổng đều phải đi rước!

Đến ông vác lọng nói lời:

- Ấy là bây giờ đã giảm hơn xưa nhiều lắm... Hôm qua, tôi thấy các cụ nói rằng: ngày xưa, trong đời nhà Lê nhà liếc gì đó, mỗi khi có một ông nghề mới đồ, hàng tổng, hàng huyện, đều phải đem cờ đem quạt đến tận kẻ chợ mà đón. Nhưng từ năm Gia Long nguyên niên mà đi, kẻ chợ dời vào Thuận Hóa, người Bắc tới đó xa quá, các quan sợ làm phiền dân, cho nên chỉ bắt rước từ tỉnh nhà trở về mà thôi.

Rồi ông vác tàn nói xen:

- Phải rồi. Tôi cũng nghe nói thuở xưa ông nghề oai lắm. Hễ mà đồ lên một cái thì là nội những ruộng đất trong tổng muốn cấm chỗ nào cũng được. Chẳng những cấm đâu dân chịu đấy, mà lại còn được hàng huyện làm cổng, hàng tổng làm nhà cho nữa, thế mới sượng chứ!

Và ông cầm cờ vất lại:

- Có thể thật đấy. Tháng trước, khi được tin mừng ở kinh đô báo về, cô nghề có cho gọi tôi vào dọn nhà cửa, sân vườn. Gần trưa, các cậu học trò về hết, cô ông bảo tôi lên thêm nhà học hầu nước. Lúc ấy, tôi thấy cô nói với cụ trưởng họ thế này: "Làng K.Q.Đ. ở cạnh đường xứ, chỗ gần sông đông, trước kia là đất làng Vân. Về sau có ông họ Đinh - cô có nói tên nhưng tôi quên mất - có ông họ Đinh ở K.Q.Đ. thi đỗ tiến sĩ, mới cấm khu đất ấy làm dinh. Rồi thì những kẻ tôi tớ cũng theo đến mà ở. Dần dần thành ra một cái làng. Xem thế thì biết cái chuyện "hàng huyện làm cổng, hàng tổng làm nhà" mà trong phương ngôn đã nói là chuyện có thật...

Cả tụi chép miệng ra ý tiếc rẻ:

- Hoài của! Nếu như lệ ấy còn đến ngày nay, có lẽ chúng mình cũng được đi theo quan nghề để lập thêm làng Văn khoa nữa.

Câu chuyện đương còn tiếp tục bên đường chợ có dãy quán bán quà. Theo lời cổ ông ở trên đưa xuống, hàng tổng đều được dừng lại tạm nghỉ. Bước chân ra đi từ đầu canh ba đến giờ, bọn phu hàng tổng chừng đã thấy đói. Họ kéo ồ vào khắp các quán, kẻ có tiền ăn quà ăn bánh, kẻ không tiền thì giở cơm nắm ra chấm với muối vừng.

Lúc ấy mặt trời đã lên độ hai con sào, trên đường, ngoài khách đi chợ, loáng thoáng có vài bọn đi xem. Bọn phu hàng tổng mỗi người vừa kịp uống một hớp nước, hút một điều thuốc thì đã được lệnh cử bộ. Chuyến này là lượt trở đi, chưa cần phải giữ nghỉ vệ. Người đi vẫn quăng thừa quăng mau, cò quạt tàn, lọng vẫn nghiêng ngả, ngả nghiêng, cái chổng đầu lên, cái chúc đầu xuống. Vào khoảng nửa buổi thì tới cửa tỉnh. Hàng phó lộ nhò kéo nhau ra xem. Ngày trước những ông nghề mới, sau khi ở kinh, lĩnh cò biên về thẳng tỉnh nhà để vào lễ quan tổng đốc đều phải ra luôn nhà trọ, rồi thì hàng tổng đến đó rước về.

Nhưng quan tổng đốc bây giờ là bậc hiếu học, thấy ông tân khoa Trần Đăng Long trẻ tuổi, linh lợi, ngài càng yêu mến, nên mới phá cách mà lưu ông ấy ở lại trong dinh và đã phi trát về huyện, sức các dân xã phải vào trong dinh đốc bộ mà đón.

Theo lệnh ấy, vồng, lọng, cò quạt, cứ việc nghênh ngang tiến vào cửa thành. Đến cổng dinh quan tổng đốc, cổ ông, cổ bà và cô nghề xuống vồng đi bộ. Giữa mấy tiếng trống báo rất hùng dũng của bọn lính canh trên chòi, một người đội tuần lật đặt ở trong chạy ra. Cổ ông, cổ bà và cô nghề sửa lại khăn áo cho thật tề chỉnh để theo hấn đi vào trong dinh.

Làng tổng xúm lại từng tốp ngồi lê ngồi la ở các bãi cỏ ngoài dinh, kẻ ăn trà, người hút thuốc vệt. Cò quạt vồng lọng, dựa ở bên đường ngổn ngang. Nửa giờ sau, giữa lúc dân phu đang vây quanh chĩnh nước chè tươi và chiếc điều cày, thỉnh thoảng ông bộ lão đều quay vào phía cửa dinh, ai nấy cong lưng vái một vái cực kỳ trịnh trọng.

Quan nghề đã đi với cổ ông từ trong dinh ra. Cả bọn hàng tổng rầm rập đứng lên, ai vào công việc của người ấy. Bốn chiếc đòn vồng ghéch đầu ven tường cũng như số

nhiều cờ quạt, tàn, lọng đều được nhắc ra một cách vội vàng. Các võng đều chế theo kiểu bát cống, mỗi cái phải tám người khiêng. Với chiếc nón dẫu đội đầu và bộ áo xanh nẹp đỏ,

phủ tấm ban kiên màu đỏ, tất cả ba mươi hai người phu công nhất tề đỡ tay vào các đầu đòn để hạ cho mấy chiếc võng thấp gần mặt đất. Giống những ông nghề bằng giấy mà hàng nam đến rằm tháng tám, người ta vẫn thấy ở cổ trông trắng quan nghề đi ủng đen, mang xiêm xanh, bận áo thụng lam và đội mũ cánh chuồn lông lánh những bông hoa bạc. Sau khi vị tân khoa ấy đã bệ vệ bước chân lên võng và ngồi chống tay vào chiếc gối xếp đặt ở đầu võng, cô ông, cô bà, lần lượt trèo vào võng mình.

Sau rốt đến lượt cô nghề. Với hai gò má đỏ bừng như muốn biểu lộ một cái tâm trạng nửa mừng nửa thẹn, cô này nhìn trộm bộ điệu lên võng của chồng và của cha chồng, mẹ chồng. Rồi sẽ sẽ xéch cao hai ống quần lĩnh và rón rén cất cái gót của chiếc vân hài, cô ghé ngồi vào chỗ mép võng để co hai chân lên võng. Mấy chục người nhất tề nâng các đòn võng lên vai và đứng im lặng chờ nghe hiệu lệnh.

Đám rước lúc ấy bắt đầu sắp thành hàng ngũ. Đầu quân là lá cờ đỏ có thêu bốn chữ "nhất giáp tiến sĩ". Rồi đến bốn chiếc lọng vàng nghiêng đầu vào nhau che cho mấy chữ "ân tứ vinh qui" đề giữa tấm biển sơn son chung quanh có lớp riềm nhiều đỏ. Rồi đến một chiếc trống đánh đu dưới cây đòn gỗ bắc dọc trên vai hai người dân phu. Kề đó, ông thủ hiệu trống luôn luôn tỏ vẻ oai vệ bằng bộ mũ tể, áo tể, cái dùi trống chênh chếch gục đầu vào ngực và đôi hia đen xúng xính dưới hai ống quần màu "dúm". Tiếp đó, bốn cậu bé con đứng ra bốn góc để chiếm lấy một khu đất vuông vắn như hình bàn cờ. Cả bốn, ai cũng như nấy, áo đỏ, dải lưng xanh, xà cạp màu xanh, tay trái chống vào cạnh sườn, tay phải vác lá cờ phất khuôn khổ vừa bằng vuông yếm. Rồi đến ông cầm trống khẫu. Rồi đến võng của quan nghề. Đi kèm ở hai bên võng, hai người rước đôi lọng xanh chớp bạc, hững hờ giương ở cạnh mũi võng. Và thêm vào đó, bên này một người vác chiếc quạt lông, bên kia, một ông lê mễ cắp cái tráp sơn đen và xách một chiếc điều ống xe trúc.

Sau vông, pháp phối năm lá cờ vuông, đủ cả năm sắc xanh, đỏ, vàng, trắng và tím. Đứng đúng như năm cái chằm ở mặt « ngũ » của con thò lò, năm ông vác cờ đi giầy tàu, mặc áo nhiễu điều, đội mũ đuôi én, và đều khum tròn hai tay để giữ lấy cây cán cờ cắm trên chiếc cối gỗ đeo ở trước bụng. Rồi đến ông cầm kiếng đồng. Rồi đến vông của bà nghề.

Bằng tấm áo lụa màu hồng điều và vòng khăn nhiễu màu cánh chả vắn kiểu vành dây, hai người con gái rón rén đi hầu cạnh vông để vác cây quạt lá vả và bưng cái quả sơn son. Cũng như vông của quan nghề, vông của bà nghề cũng được hộ vệ bằng đôi lọng xanh, chỉ kém có cái chóp bạc.

Rồi đến vông của cô ông. Rồi đến vông của cô bà. Rồi đến mấy ông bồ lão khúm núm trong những tấm áo thụng màu lam. Rồi đến các thứ kèn trống đàn sáo. Rồi đến một dãy chừng bốn, năm chục lá cờ sắp theo hàng một, cái nọ cách cái kia độ vài ba thước. Cuối cùng thì là hai người khiêng chiêng. Ông thủ hiệu chiêng phục sức và điệu bộ không khác ông chủ hiệu trống, cũng áo tể, cũng mũ tể, cũng đôi hia đen, và chiếc dùi dựa luôn luôn múa ở cửa tay áo thụng.

Với chiếc loa đồng vác vai, lý trưởng Văn Khoa và nhiều chức dịch hàng tổng tung tăng chạy từ đầu nọ đến đầu kia, để làm cho hết phận sự những người dẹp đám.

Sau ba hồi trống cái giống nhau với những tiếng chiêng bu bu, tiếp đến một hồi trống khải đi đôi với hồi kiếng đồng, đám rước lục tục theo con đường cũ đi ra, đàn sáo kèn nhị nổi lên inh ỏi. Ra khỏi cổng thành độ vài chục bước, ông chủ hiệu trống thành linh thúc ba tiếng trống díp nhau, để ra hiệu cho hết mọi người đều phải dừng lại. Rồi thì một tay chống thẳng vào sườn, người giữ hiệu lệnh của đám rước đó khoan thai lui xuống năm bước. Và dang hai chân theo hình chữ "bát", ông ấy múa chiếc dùi trống tiến lên năm bước để nện luôn vào mặt trống mấy tiếng tùng tùng. Dứt hồi tùng tùng thứ nhất, bốn cậu bé con cầm bốn lá cờ phát đồng thời quay mình đánh thót và cùng chầu mặt vào nhau. Sau hồi tùng tùng thứ hai, cả bảy nhiều cậu nhất tề múa tít lá cờ trong tay để chạy cho hết chiều ngang của mặt đường cái, người ở bên tả xông sang

phía hữu, người ở bên hữu xông sang phía tả. Luôn hồi từng từng thứ ba, các cậu lại đều quay tròn ngọn cờ và rậm rạp lui về chỗ cũ. Đến hồi từng từng thứ tư, cờ lại múa bốn cậu lại cùng bước vào giữa đường. Rồi ai nấy đều cúi đầu xuống để phát lá cờ qua mặt và hứ một tiếng thật dài. Thế rồi, mỗi một tiếng từng là một cái phát cờ, và mỗi cái phát cờ lại một tiếng "hứ". Vừa đủ bốn lượt "từng hứ", ông thủ hiệu trông đồng dặc điểm thừa dùi trống để ra lệnh cho các cậu đó lùi lại chỗ đứng lúc nãy và quay mặt nhìn lên tiên quân.

Chiêng trống lại thùng thảng đánh từng tiếng một, đám rước lại lần lần tiên lên. Đi hết con đường trong tỉnh, mặt trời vừa lên đến thẳng đỉnh đầu. Cả một khu vực mông mênh của bầu trời đều bị nhuộm thành màu vàng chói. Người đi trên đường luôn luôn ngửi thấy mùi khét. Cờ vuông, cờ chéo, hết thảy rũ rượi như lũ áp mồ. Dân phu hàng tổng ai nấy sắc mặt đỏ gay, mồ hôi thấm ra ngoài áo. Chùng đã khó chịu với sự nóng nực, mấy người đi đầu sẽ sẽ giục nhau bước rảo cho chóng đến nhà. Nhưng ông thủ hiệu trông cố muốn kéo cho công việc của mình thêm dài, chốc chốc lại tiến ngũ bộ, thoái ngũ bộ, dang cánh tay múa dùi, nháy trống, để diễn một trận "từng hứ", làm cho cả đám đều phải dừng lại. Trời cứ nắng, chiêng trống cứ từng từng, bu bu... đàn sáo kèn nhị cứ thi nhau xuống chìm lên bổng. Thiên hạ đi xem đông như nước chảy. Nón sơn chen với nón lá, yếm áo lấp ló trong đám áo the. Người ta dất nhau. Người ta co nhau. Người ta du nhau, đẩy thau. Người ta lợi bì bõm dưới ruộng lúa chiêm và leo tót vót trên các cành đa, cành gạo. Thân đường chật hẹp không đủ chỗ chứa. Đàng đầu cũng như đàng cuối, chen chúc những người là người. Cờ quạt võng lọng đều phải ùn lại như một toán quân bị hãm. Lý trưởng Văn khoa hùng dũng kẻ loa vào miệng: « Bớ hai bên hàng xứ! Đẹp ra để quan lớn tr...ây! »

Tiếng "trây" như bị dính ở miệng loa. Nó đã xoắn lại như vành tròn ốc và kéo dài ra như một sợi thừng. Đít loa "ngoáy" tròn độ năm sáu vòng, vẫn chưa tuôn cho đi hết dư hướng của nó. Những người đứng gần đều phải chới tai. Cả một góc trời như bị xé toạc. Hàng xứ vẫn đâu đứng đấy, hình như không ai nhúc nhích. Ông lý của làng quan nghề

lại phải trốn mắt phùng mang để "bớ hàng xứ" lân nữa. Cũng vẫn thế. Đường đi cứ bị ngăn cản như thường. Mấy ông tuần phu liền xắn tay áo chạy suốt hai bên dọc đường, và sẵn roi mây trong tay, họ vụt túi bụi một lượt. Đám đông tức thì dồn dập như một lớp sóng. Người nọ xô người kia, cố cướp lấy đường mà chạy. Bà già, trẻ con ngã sấp ngã ngửa ở các bờ ruộng. Mặt trời chênh chếch về tây. Đường về đã hết chừng hai phần ba. Vòm trời thỉnh thoảng điểm có bóng râm. Ánh nắng dần dần êm dịu. Tiếp đó, một trận gió nồm từ dưới đồng chiêm nhẹ nhàng đưa lên. Cả đám đều tỉnh người ra. Những con rồng phượng trong các cờ quạt hết thảy lỏng lẻo múa nhảy như muốn theo tiếng đàn sáo cùng bay tít lên mây xanh.

- Ô kìa ông nghề!

- Ô kìa bà nghề!

Tiếng reo giật giọng thành linh bật lên giữa hồi chiêng trống vang lừng. Trăm nghìn con mắt đổ dồn vào đám lọng xanh đi trước. Mấy bức màn mảnh mảnh cánh sáo đã quán lên sát mũi võng lúc nào. Thiên hạ được dịp xem mặt cả nhà quan nghề. Ít kẻ nói đến cô ông, cô bà. Người ta chăm chú nhìn vào cô nghề nhiều nhất.

Trước sự chỉ trở của hàng xứ, cô nghề vẫn ra vẻ e lệ sượng sùng, tuy trong bụng cô đã cảm thấy vinh dự cực điểm. Luôn luôn cô phải nhai trầu phúng phính, vì sợ để cái mồm không dễ hóa ra người vô duyên. Và, luôn luôn cô phải cầm gương lên soi, vì sợ cốt trầu chảy ra ngoài mép. Có lúc muốn tỏ ra bộ chín chắn, cô giả vờ ngấm những cánh hồng con bướm trong chiếc quạt tàu. Rồi có lúc muốn làm ra người nhanh nhẩu, cô lại đưa mắt nhìn ngược nhìn xuôi, nhìn từ con cò bay trên lưng trời, nhìn đến con trâu ăn cỏ ở dưới bờ lúa. Hai gò ngò xếp tè he đã mỏi, nhiều lúc đã thấy chuột bó. Nhưng cô không dám duỗi ra, e rằng duỗi dài hai chân, không phải bộ điệu của người sang trọng.

Cái bụng dưới nhịn đái lâu quá nó đã phát tức anh ách. Mấy lần cô toan bảo phu hạ võng để mình đi đái nhưng rồi cô đều phải thôi. Bởi vì cô không biết rằng bà nghề theo chồng vinh quy có thể xuống võng đi đái được không. Và cô lại còn sợ rằng trong đám

người xem đông nghịt thế này, thì đi vào đâu. Không lẽ việc ấy cũng bắt hàng tổng dẹp chỗ...

Bóng xế chiều. Nắng nhạt dần. Trên đường đã thấy hơi mát. Người đi xem lại càng đông thêm. Đoàn võng lọng của hai vợ chồng ông nghè vừa qua một quãng ngã tư, thì ở cạnh đường bỗng có tiếng kêu tru tréo:

- Chị làm sao thế? Chị Ngọc! Chị làm sao thế. Chị Ngọc! Ôi trời ơi! Ôi các ông, các bà ơi! Cứu chị tôi với! Chị tôi làm sao thế này!

Tiếng kêu cấp bách phát ra một cách thành linh, làm cho chiêng trống đàn sáo tự nhiên im bật, cả người đi rước lẫn người đi xem tự nhiên đứng lại. Một người con gái trạc hai mươi tuổi đương nằm sóng sượt trên bãi cỏ của con đường ngang, đầu tóc rũ rượi, hai mắt nhắm nghiền, bọt mép đùn ra trắng xóa. Và một người nữa, cũng con gái, tuổi chừng mười lăm, mười sáu trở về, đương ôm lấy đầu người này vừa lay vừa kêu. Rồi ở cạnh đó, đôi thùng lô và đôi tay nải lỏng chổng lảo nhuyển xuống vệ đường.

Những người ở gần cuống quít xúm lại cấp cứu, kẻ rằng nâng cô ấy dậy, người bảo cứ để cô ấy nằm yên. Mấy bà lão già vâm véo giục nhau đá ra lòng bàn

tay lấy nước xoa vào mặt và đổ vào miệng cô gái phải cảm. Cô gái phải cảm vẫn bất tỉnh nhân sự. Tiếng gọi chị và tiếng kêu cứu của người em gán mỗi lúc một thêm luống cuống, hình như đầu lưỡi đã bị lú lại. Lúc ấy cô nghè và cố ông, cố bà tuy có dừng võng nhìn ra, nhưng ai nấy đều giữ bộ mặt thản nhiên.

Riêng có quan nghè xem chừng cũng thấy cảm động, ngài gọi lý trưởng Văn Khoa đến cạnh mà hỏi:

- Có phải cô Ngọc vẫn bán giấy bút ở Chợ Kim Bảng không?

Lý trưởng lễ phép:

- Bẩm phải.

Quan nghề chỉ tay ra nẻo cây đa cạnh đường mà bảo:

- Thầy chạy đến bảo mấy mẹ đàn bà làm phúc cùng vục cô ấy vào chỗ mát kia! Ai lại để cho người ta nằm phơi dưới nắng như vậy? Tội nghiệp! Trồng lại thúc. Chiêng lại khua. Dàn sáo lại đua nhau réo rắt. Đám rước lần lần tiến về đường làng Văn Khoa. Con đường đã được cả làng trau chuốt từ sáng hôm qua và đã nằm chờ quan nghề một đêm và một ngày trời.

Chương III

Đêm qua, trời lại nực hơn mấy đêm trước, Vân Hạc không thể ngồi yên xem sách. Với một chiếc gối và một chiếc chiếu, chàng lũng củng đổi chỗ khắp cả khu vực trong nhà để tìm một nơi mát mẻ nhưng trong bầu nung nấu của trời tháng năm, đâu cũng như đâu, ngọn cây, ngọn cỏ đều đứng chằm chằm, không đâu có một tí gió. Từ thềm ra sân, từ sân ra vườn, rồi từ vườn ra bờ ao, mỗi chỗ chàng chỉ trải chiếu nằm được giây lát, liền thấy hơi nóng như từ gấm chiếu bốc lên, lại phải cuốn chiếu cấp gối chạy đi nơi khác, y như một người hóa dại.

Mãi đến "gà gáy thứ hai", trời mới hơi dịu, ngoài sân, ngoài vườn, hơi sương tỏa ra mù mù chàng bèn vào buồng học, ngả lưng trên một chiếc ghế ngựa, thiu thiu nhắm mắt. Mới chợp đi được một lúc, thì một tiếng kẹt cửa đã làm cho chàng thức dậy. Trời vừa sáng rõ. Mấy con chim sẻ ríu rít kêu trên giàn hoa. Cánh cửa mở to, một cậu học trò và chiếc nón son úp ở sau lưng theo chân thẳng nhỏ khép nép bước đến trước án thư, vái một vái, rồi đặt một chiếc phong bì lên án:

- Thưa bác, thầy con sai con trình bác cái thư.

Cậu ấy lui ra, khoanh đứng tựa vào cửa. Sau một cái ngáp thật dài, chàng oằn oại ngồi dậy bằng một điệu mệt nhọc. Rồi chàng cầm lấy phong thư và mở ra đọc:

“Trình trước văn kỹ anh Đào Vân Hạc.

Độ này chắc anh để hết thì giờ vào việc quyết đoạt thủ khoa, cho nên sao lãng cả tình bè bạn. Hơn một tháng nay, không được gặp anh, cổ kiệu đã mốc, bàn cờ đã bị cát bụi phủ đầy. Tôi vẫn khao khát tôn nhan, như lúc nắng cạn khao khát trận mưa rào. Nay nhân dậy sớm, ra thăm vườn hoa thấy một giò lan bạch ngọc mới nở, sự khao khát ấy lại càng bồn chồn. Vậy xin anh hãy phí một chút quang âm, tạm dời gót ngọc đến túp lều tranh, ta cùng xem hoa nghe chim hót, để tiêu ngày dài của mùa hè.

Tôi đương quét lới "hoa trắng" đợi anh, mong rằng anh đến ngay cho.

Hoa sen đương nở, kính chúc vạn an. Còn nhiều chuyện khác, để lúc gặp nhau sẽ nói.

Sao Tuế ở ngôi Quý Dậu, trước tết Hạ chí năm ngày (*)

Đệ Nguyễn Khắc Mẫn

Bái thư.”

Đọc xong, chàng để mảnh thư xuống án mỉm cười và nhìn vào mặt cậu học trò kia:

- Cháu về thưa với thầy rằng: bác bảo cho người mua rượu và làm đồ chén ngay đi. Bác sẽ sang bây giờ.

Dạ một tiếng rất lễ phép, cậu học trò ấy lại vái Vân Hạc một vái rồi ra. Vân Hạc đứng dậy ra sân, chàng vừa múc nước rửa mặt vừa lẩm bẫm nghĩ thầm: "Hôm nay anh chàng tự nhiên cao hứng thế này, chắc có việc gì quan hệ. Ta phải sang ngay kéo hẩn mong đợi".

Rồi chàng lững thững trở vào buồng học sắm sửa khăn áo. Thằng nhỏ lịch kịch để lên án thư bộ khay chén và ấm nước sôi; đặt trên mảnh gỗ có chuôi như cái bê đựng vôi của thợ nề. Chàng vừa pha nước vừa lẩm bẫm đoán thử câu chuyện chốc nữa Khắc Mẫn sẽ nói với mình. Nhưng mà không sao đoán được. Là vì từ trước đến giờ, ở giữa hai người không có việc gì có thể dùng làm manh mối cho sự suy nghĩ. Uống tàn ấm nước, chàng liền cắp nón ra cổng.

Ngoài đồng, người làm đã đông. Trên các ruộng nước đục, lổm chổm những mô đất cày, trâu bò đang gò lưng tằm kéo bừa theo hiệu lệnh hùng dũng của tiếng "vật diệt".

Mặt trời lên khỏi ngọn tre, chàng mới đến làng Bình Khê, chỗ dạy học của Nguyễn Khắc Mẫn, cái làng chỉ cách chỗ ở của chàng độ một thôi đường. Lớp học buổi sáng chưa xong, trong nhà Khắc Mẫn tiếng ê a vẫn còn ầm ĩ. Chàng vừa bước vào khỏi cổng, Khắc Mẫn lật đật đứng dậy đón chào bằng dáng điệu vồn vã đôn đả.

Những tiếng ê a trong nhà tự nhiên im bật. Một lũ học trò lớ nhố đứng dậy với những khóm hồng mao ngát nghêu trên đầu. Rồi cậu nào cậu nấy chắp tay vái như bô củi:

- Lạy bác ạ!

- Lạy bác ạ!

Gần hai chục tiếng "lạy bác" lao xao theo nhau thành một dây dài, khiến cho Vân Hạc lia lịa gật đầu không kịp. Chàng phải xua tay ngăn lại:

- Các cậu cứ ngồi yên mà học.

Cả bọn học trò lần lượt ngồi xuống. Rồi thì những tiếng ê a lại thi nhau nổi lên. Khắc Mẫn vui vẻ mời Vân Hạc ngồi vào bộ phản chính giữa, cái phản cao nhất các phản trong nhà. Thầy sẽ sàng mở nắp giỏ, rót một chén nước chè nụng đưa đến trước mặt Vân Hạc. Mùi hoa sỏi theo làn khói nước bay lên ngát ngào. Khắc Mẫn vừa cười tủm tỉm vừa hỏi:

- Đêm qua huynh ông đã đi hát nhà trò, thế mà không rủ tiểu đệ đi với?

Với Khắc Mẫn, Vân Hạc tuy kém đến hai chục tuổi nhưng vẫn được nhận là bạn vong niên, cho nên mỗi lúc nói chuyện, hết sức suồng sã, không cần phải giữ ý tứ. Hai người vẫn thường gọi nhau là anh, có khi đến mày tao nữa. Lần này tự nhiên thấy Khắc Mẫn tôn mình là huynh ông, Vân Hạc không khỏi ngạc nhiên, song chàng cũng cứ làm lơ và vẫn trả lời như lời mọi ngày:

- Ai bảo anh thế?

Khắc Mẫn ra vẻ đắc ý:

- Nếu không đi hát, làm sao huynh ông ngủ đến bạch nhật chưa dậy?

Vân Hạc chùng không chịu nổi cái lối kiêu cách của bạn, chàng liền nói nửa thật nửa bỡn:

- Nếu anh không vút hai tiếng huynh ông vào lọ mắt thôi của anh, thì tôi đứng dậy lập tức, không thèm nói với anh một câu nào nữa.

Khắc Mẫn bèn cười khi khi:

- Thế thì đêm qua anh đi hát với những thằng nào, phải thú tội ngay đi đã!

Vân Hạc uống cạn chén nước rồi đáp:

- Chẳng đi hát với thằng nào cả. Vì lúc chập tối nực quá, mãi tới gần sáng mới ngủ, cho nên dậy trưa. Anh bảo đương lúc trời nắng như nung thế này, ai có động dại mà chui đầu vào nhà trò?

Khắc Mẫn vẫn cười giòn giã:

- Té ra anh bị ngờ oan. Thế mà từ nãy đến giờ, tôi cứ oán anh đi chơi không rủ anh em.

Một cậu học trò cắp sách đứng lên với đôi ống mũi thập thò bò xuống gần miệng, song song đo nhau như đôi ngà voi. Khép nép tựa lưng vào tấm cánh cửa, cậu ấy nói bằng tiếng mũi:

- Thưa thầy xin đọc!

Khắc Mẫn sẽ giương đôi mắt:

- Hãy đi hỉ mũi đi đã! Có một bài học, đọc đi đọc lại mấy lần không trơn. Ngày mai còn mà thế nữa, thì mày chết đòn!

Hình như sợ rằng bước đi chỗ khác, mấy chữ trong bụng sẽ bị rơi mất, cậu ấy liền giơ tay áo quạt ngang lỗ mũi, cho "ngòi mũi" nguệch sang một bên, rồi cất giọng ề ề:

"Hồn mang chi sợ,

Vị phân thiên địa.

Bàn cổ thủ xuất.

Thủy phán âm dương..."

vừa dứt hai tiếng "âm dương", cậu ấy sung sướng như đã trút được gánh nặng trên vai, liền kết một câu gọn tách:

- Thừa thầy xin hết.

Rồi cậu ấy nhanh nhẩu lui ra, nhường tám cánh cửa cho một cậu khác tựa hồng mao vào. Sau khi đã chiếu lệ xin phép thầy đồ, cậu này đằng hắng ba tiếng để đưa ở cuống họng ra một câu ngắc ngứ:

"Thiên tử trọng hiền hào,

"Văn chương giáo nhĩ tào.

Nhai mãi hai chữ "nhĩ tào" đến bốn, năm lượt, cậu bé đáng thương vẫn không nghĩ ra được câu tiếp theo. Trước cái cau mày dữ dội của thầy đồ; cậu đó như đã hết cả hồn vía, sắc mặt tự nhiên tái đi và cứ đứng im, không thể đọc nốt và cũng không dám cựa quậy, chẳng khác một pho tượng gỗ. Vân Hạc có ý thương hại con trẻ, muốn cho cậu ta thoát được ngọn roi thị oai của Khắc Mẫn, chàng vội nhắc:

- Đọc luôn đi chứ! "Vạn ban...!".

Giống như con ếch đớp được cái hoa mướp, cậu đó mừng rỡ đớp lấy hai tiếng "vạn ban" và tiếp:

"Vạn ban giải hạ phẩm

"Duy hữu độc thư cao".

Và cũng thêm vào đó bốn tiếng "thừa thầy xin hết", cậu bé đáng thương vui vẻ đi đến chỗ ngồi của mình.

Vân Hạc lẩm bẩm nghĩ thầm: "Không hiểu vì sao người ta lại cứ bắt tội trẻ con phải học những sách quái gở? Những đứa độ tám, chín. tuổi, mới vỡ lòng được vài bốn

tháng, còn biết đời "hồn mang" là cái gì, kẻ "hiền hào" là người như thế nào, vậy mà chúng nó cứ phải học cho thuộc lòng, thật là một sự khổ cho con trẻ".

Mỗi dây tư tưởng của chàng còn đương vắn vơ, chợt thấy Khắc Mẫn quát lớn:

- Vẫn chưa đưa nào đi mài son à?

Một cậu học trò lễ phép tiến đến bên cạnh án thư, để bụng lấy chiếc nghiên son và đem ra sân. Rồi vục luôn đĩa son vào đám bèo tấm trong cái bể cạn trồng cây si con, cậu đó múc lấy chừng lưng đĩa nước và liền ngồi thụp xuống sân. Ngón chân cái bên phải đè vào miệng đĩa phía trong và ngón tay cái bên trái giữ lấy miệng đĩa phía ngoài, cậu bé ngoan ngoãn nhắm môi, cầm hòn son xoay tít trong lòng tròn đĩa. Bèo tấm bị nghiền nát biến. Nước trong đĩa hóa ra một chất đo đỏ và đặc như keo. Cậu ấy lễ phép bung vào trong nhà rồi đặt lên mặt án thư.

Cả lũ học trò mở sách chồng làm một chồng giao cho một cậu đệ lên cạnh cái ông bút trên án. Khắc Mẫn mở tủ lấy ra một pho sách trao cho Vân Hạc và nói:

- Bộ sách này quý lắm, tôi mới mượn được của một chú khách. Anh coi đi. Để tôi chấm sách cho chúng nó học. Rồi sau ta sẽ nói chuyện.

Vân Hạc vội đón tập sách và sẽ hé mở để coi những chữ in ở mép các tờ. Tưởng là gì, té ra bộ truyện « Bình sơn lãnh yến ».

Chàng đặt cả tập xuống chiếu và nhìn ra bọn học trò:

- Cậu nào có sách tô thì đem vào đây để ta viết cho mà tô.

Khắc Mẫn ngạc nhiên:

- Sao anh không đọc? "Tứ tài tử" đây mà! Hay lắm anh ạ!

Vân Hạc mỉm cười:

- Tôi đã coi từ năm lên mười tuổi rồi. Nó cũng xoàng xoàng vậy thôi!

Khắc Mẫn ra ý bên lên:

- Thế thì anh viết giúp tôi mấy cái phóng vậy.

Rồi thầy ngoảnh mặt vào bọn học trò trông trọng:

- Phóng của chúng bay lèm nhèm cả rồi, phải không? Dem giấy đem bút để bác viết cho mỗi đứa một cái.

Mấy cậu thi nhau "vâng ạ". Rồi họ chọn bút, mài mực, tháo sách lấy giấy đưa lên trước mặt Vân Hạc. Liền đó, học trò chia làm hai toán. Một toán vây quanh án thư, nhòm thầy chấm sách. Một toán nữa vịn vai nhau đứng ở đầu phản để xem ông khách viết phóng. Chồng sách trên án chấm xong, phóng của Vân Hạc cũng viết được năm, sáu cái. Khắc Mẫn cầm lấy tập phóng bày ra mặt chiếu, ngắm đi ngắm lại từng tờ, và khen tâm tấc:

- Chữ anh tốt thật, nét sắc như cắt và tươi như hoa.

Rồi thầy lại tiếp:

- Văn hay chữ tốt như anh, thế mà thi cứ hỏng mãi, có lẽ chỉ tại cái tội lão quá. Nếu anh chưa được cái lão, tôi chắc là sẽ đỗ ngay.

Vân Hạc chỉ cười ngặt nghẽo, không trả lời. Khắc Mẫn xếp tập phóng lại, phân phát cho lũ học trò và giục:

- Dem sách ra mà học đi!

Tức thì cả đám học trò mỗi người vác một cuốn sách nhón nháo chạy quanh cùng nhà: cậu này tựa vào cạnh cột, cậu kia ghé lên bậc cửa, một vài cậu nữa quì gối xuống đất để ngòai châu lên tấm phản của thầy. Một sập ê a theo nhau nổi lên. Trong nhà ồn ào như đám chẵn lẻ. Những câu "thưa thầy chữ gì", luôn luôn thúc vào lỗ tai Khắc Mẫn, khiến thầy cứ phải quay bên nọ, ngoảnh bên kia, mỗi miệng trả lời không kịp. Nhiều

lúc Vân Hạc phải bảo giúp. Tiếng học dần dần uể oải. Dãy phản bên cạnh xen vào mấy tiếng ầm ọe. Một cậu học trò với bộ mặt bò nhếch bò nhác tiến đến trước án thư:

- Thưa thầy anh Thận chen con!

Khắc Mẫn chỉ tay và quát:

- Thằng Thận ra đây! Ra ngay đây!

Cậu học trò nữa suýt soát đứng dậy đi đến cạnh án thư và núc hai tay vào nhau như thầy phù thủy bắt quyết:

- Thưa thầy anh ấy beo con.

Sẵn cây roi mây nằm chờ trên án, Khắc Mẫn không kịp phân xử, phạt luôn mỗi cậu mấy roi. Cái roi như cũng thích ra oai với lũ trẻ con, mỗi lần được giáng hạ vào đầu vào cổ hai kẻ bị tội, nó lại kêu một tiếng đánh "vút". Hai cậu bé con so vai, rụt cổ, van như té sao, vẻ mặt không còn sắc máu. Khắc Mẫn hăm hè tuyên án:

- Học không học. Chỉ chòng nhau. Sao mà những của khó dạy làm vậy! Thôi cho ra phản. Mỗi đứa ngồi riêng một xó.

Hai cậu ấy méu máo lui ra. Lại một cậu khác khép nép tiến vào:

- Thưa thầy hôm qua anh Ất ra đường chửi nhau để cho chúng nó...

Khắc Mẫn đương cơn thịnh nộ, liền dồn:

- Chúng nó làm gì?

Cậu đó rụt rè ra bộ sợ hãi:

- Chúng nó chửi thầy ạ!

Vân Hạc phì cười và hỏi:

- Chúng nó chửi thầy thế nào? Phải nói lại cho thầy nghe chứ.

Khắc Mẫn cũng cười và ngó sang phía Vân Hạc:

- Anh đừng chơi cái kiểu ấy! Chỉ tỏ hư cho trẻ con.

Rồi thầy phát câu học trò:

- Tứ rày muốn sống không được mách nhảm! Nếu còn mách nhảm sẽ được đủ một trăm roi.

Trước sự lườm nguýt của chúng bạn, cậu ấy len lét trở ra, rồi bẽn lễn ngồi vào chỗ cũ. Khắc Mẫn ra lệnh cho các học trò:

- Đứa nào thuộc bài vào mà kẻ đi!

Mấy cậu nhỏ tuổi láu táu đem sách đến trước mặt thầy, rồi thì các cậu chen nhau, đẩy nhau, tranh nhau kẻ trước. Cuộc kẻ nghĩa bắt đầu. Những tiếng ê a ở hai gian bên cạnh đều phải hạ xuống thành tiếng lầm rầm, để cho mấy cậu bên này cất nghĩa chữ "chi" là 'chung', chữ "ky" là "thừa". Vân Hạc đứng dậy ra sân đứng đỉnh đạo thăm hoa cảnh. Bóng nắng vừa đến nửa thềm, cuộc kẻ nghĩa đã xong. Khắc Mẫn lúi húi đưa ngọn bút son vào tập sách tô, sách phóng và sách câu đối, bài đoạn. Vân Hạc thành linh trở vào vừa cười vừa hỏi:

- Giò lan bạch ngọc mới nở ở đâu? Hoa rụng anh quét đổ vào chỗ nào? Sao tôi không thấy?

Khắc Mẫn ngơ ngác:

- Mùa này làm gì có lan, lấy đâu ra hoa mà rụng.

- Thế thì sao trong thư, anh lại dám nói là "thấy lan nở" và "quét hoa rụng"?

- Thì cũng nói thế cho đẹp câu văn, cần gì phải có hoa, có lan mới được? Tôi thấy cổ nhân thường thường viết như vậy cả.

Vân Hạc khôi hài:

- Nhưng tôi không thích kiểu đó. Nếu anh còn chơi với tôi, thì phải chừa lỗi văn sáo bả ấy đi.

Hai người cùng phá lên cười. Buổi học đến đây là hết. Các cậu học trò tập nập cấp sách ra đi, sau khi đã chào khách của thầy bằng những cái lạy không ngoảnh cổ trở lại.

Thằng ở nhà chủ lễ mễ bung mâm rượu đặt vào phản của thầy đồ, rồi nó lễ phép đi ra. Ông chủ với bộ khăn áo chỉnh tề và một nai rượu cầm tay, lật đặt từ trên nhà khách đi xuống. Sẻ sàng để nai rượu vào chỗ cạnh mâm, ông ấy gãi tai nói với Vân Hạc:

- Không mấy khi ông sang chơi đây với thầy đồ tôi thấy rất làm hân hạnh. Gọi là có chén rượu nhạt mời ông xơi tạm.

Vân Hạc và Khắc Mẫn mời ông ta cùng ngồi uống rượu với mình. Nhưng ông ấy nhất định từ chối, vì đã ăn cơm từ lúc thợ cày đánh trâu ra đồng. Rồi ông chủ cáo biệt lên nhà trên. Để mặc thầy thù tiếp ông khách.

Lượng rượu Khắc Mẫn tuy không theo kịp Vân Hạc, song vì ở vào ngôi chủ, lễ phép bắt thầy cứ phải nhắc chén lên lại đặt chén xuống, thỉnh thoảng nhấp cho ướt môi. Sau vài lần chén tạc, chén thù, những chuyện thi cử văn chương đã thấy càn cạn. Khắc Mẫn bỗng làm ra bộ nghiêm nghị và hỏi:

- Năm nay anh bao nhiêu tuổi?

Vân Hạc biết thầy bắt đầu vào đề, nhưng chàng vẫn trả lời một cách thản nhiên:

- Hăm hai tuổi rồi, anh ạ!

Khắc Mẫn tiếp theo một câu văn hoa:

- Câu thơ lá thắm đã định thả vào ngòi nào hay chưa?

- Tôi chưa dám nghĩ gì đến chuyện đó.

Khắc Mẫn rót cho Vân Hạc một chén rượu đầy, rồi thầy vừa cười vừa nói:

- Vậy thì tôi kính mừng anh.

Vân Hạc ngơ ngác:

- Mừng tôi cái gì? Anh hãy nói cho tôi biết.

Khắc Mẫn cười hỏi tiếp:

- Anh biết cô Ngọc đây chứ?

- Có phải cái cô vẫn bán giấy bút ở chợ Kim Bảng đó không?

- Phải đó.

- Tôi biết lắm, cô ấy năm nay độ mười tám tuổi, con ông đồ Vân Trình chứ gì?

- Phải rồi! Nhưng anh có chịu cô ấy là bậc tuyệt sắc hay không?

- Vùng khác không biết thế nào. Nội trong vùng này, có lẽ tôi chưa thấy ai đẹp hơn người ấy. Nhưng anh hỏi tôi như vậy để làm gì?

- Là vì cô ấy sắp sửa làm người gánh gạo cho anh đi học. Tôi muốn biết trước ý anh đối với cô ta như thế nào?

Vân Hạc vội vàng xua tay:

- Anh đừng nói vậy mang tiếng. Hình như trước kia cô ta đã nhận trâu cau của anh nghề Long đấy mà.

Khắc Mẫn rót thêm rượu vào chén Vân Hạc rồi nói:

- Phải. Có! Năm xưa cụ đồ Văn Khoa đã có cật mối đến hỏi cô ấy cho ông nghề Long. Đó là gượng theo ý muốn của ông ta. Thực ra cụ ông, cụ bà đều không thuận cả. Các cụ cho rằng hồng nhan phần nhiều bạc mệnh, nếu lấy cô ấy về làm nàng dâu, tất nhiên sau này sẽ không hay cho con trai mình. Vì vậy, các cụ cứ dùng dằng mãi không cưới. Nhân được một người thầy số đoán rằng cô ấy với ông nghề Long khắc tuổi, không lấy

được nhau, các cụ mới cả quyết thôi không đi sâu cô này, rồi mượn người sang hỏi cô Thúy. Vậy thì bây giờ cô ấy với ông nghề Long có dính dáng gì nữa đâu mà anh phải kiêng?

Vân Hạc nói giọng nghiêm trang:

- Đành rằng thế. Nhưng chúng mình với anh nghề Long là chỗ đồng song, thì dẫu cho cô ta không lấy anh ta đi nữa, chúng ta cũng vẫn phải coi như vợ người bạn, không nên nói chuyện bông đùa mà đem cô ấy ra làm đầu đề, thì trông thấy nghề Long, mặt mũi sẽ ra thế nào?

Khắc Mẫn cũng đổi ra vẻ đứng đắn:

- Tôi nói thật đấy. Không phải nói đùa. Anh đừng tưởng rằng nếu anh lấy cô Ngọc sẽ là bất nghĩa với ông nghề Long. Câu chuyện không như thế đâu. Giả sử anh chịu kết duyên với cô ấy, thì ông nghề Long cảm ơn anh lắm.

Vân Hạc chưa kịp nói sao, Khắc Mẫn lại tiếp:

- Anh có nghe chuyện cô Ngọc phải gió trong khi gặp ông nghề Long vinh quy hay không?

Vân Hạc lắc đầu:

- Tôi không nghe biết gì cả..

Khắc Mẫn gật đầu:

.- Ừ tôi cũng đoán rằng anh chưa biết. Nếu anh có biết chuyện đó, chắc anh sẽ thương cô ấy vô cùng.

Vân Hạc điềm một nụ cười:

- Anh định múa cái mép ông môi để kiểm chè của tôi chăng? Khó lắm. Cái giọng môi lái, tôi chán lắm rồi. Chúng ta hãy nói chuyện khác.

Khắc Mẫn nói giọng nghiêm nghị:

- Tôi không thèm chê của anh. Và cũng không phải là kẻ mối lái. Nhưng tôi nói để anh biết rằng: cái mối nhân duyên giữa anh với cô Ngọc đã có một ông tơ hồng sẽ xe cho anh. Dù anh muốn chối cũng không thể được.

Vân Hạc có ý nửa ngờ nửa tin:

- Ông tơ hồng ấy là ông nào thế? Anh thử nói cho tôi nghe.

Khắc Mẫn mỉm cười:

- Anh đã muốn nghe rồi ư? Tôi không nói vội. Nếu anh muốn nghe, đêm nay phải ngủ lại đây với tôi. Bây giờ chúng ta cứ việc đánh chén đi đã. Bữa rượu hôm nay chính là cái tiệc đầu tiên của tôi mừng anh.

Vân Hạc cố gắng lần nữa, Khắc Mẫn chỉ đáp một câu rất vắn:

- Thầy? Thầy chứ còn ai!

Chương IV

Đến nay vợ chồng ông đồ Vân Trình mới thật khỏi lo. Tháng trước, khi được tin cô Ngọc đi chợ về đến giữa đường bị cảm, cả hai ông bà đều hết hồn vía. Không kịp khóa tráp, khóa tủ, ông đồ vợ vội lấy lọ thuốc gió giắt vào trong mình, bà đồ thì dãn lảng giềng hũy coi nhà giùm, rồi cùng hỏa tốc đến cái ngã tư gần chợ Kim Bảng. Bấy giờ cô Ngọc đã được đem lại bãi cỏ dưới bóng rợp của một cây đa. Sắc mặt vẫn xám mét. Chân tay không động đậy. Nếu trên ngực không còn thoi thóp thở, thì chẳng khác người chết rồi. Bà đồ mếu máo kêu khóc, hú hồn vía vang một khu đồng. Ông đồ rề ràng trao lọ thuốc gió cho cô Bích, con gái thứ hai của ông, và bảo cô này mở gánh hàng lấy đĩa đựng trầu, xin ít nước tiểu mài với những viên thuốc ấy. Rồi hai ông bà dùng lược ghè miệng cô Ngọc đổ vào và xoa khắp cả mình mấy cô ấy. Mặt trời tà tà, cô Ngọc tỉnh dần, nhưng vẫn loạng choạng không đứng dậy được. Chờ khi hết nắng, ông đồ mới thuê hai người gánh hai gánh hàng để bà đồ và cô Bích cùng dìu cô Ngọc về nhà. Đêm ấy và ngày hôm sau, cô Ngọc mấy lần ngất đi, gọi mãi mới tỉnh. Và lúc tỉnh dậy, thỉnh thoảng lại cứ nói mê nói sảng, khi thì xưng là cô thám, khi thì xưng là cô bảng, y như một người ma làm. Thầy thuốc đổi bốn năm ông, bói toán cúng cấp, lễ bái chẳng thiếu đâu, bệnh trạng vẫn đâu đóng đấy. Kết cục, ông đồ phải mời cụ bảng Tiên Kiêu thăm mạch và bốc thuốc cho, các chứng mới lui dần.

Độ này cô ấy đã gần bằng cũ. Tuy mặt mũi hầy còn xanh xao, nhưng tinh thần thì đã sáng khoái như thường. Từ mấy bữa trước, cô thấy trong mình không còn tật bệnh gì nữa, đã xin đi chợ bán hàng, kéo nữa nghỉ lâu mất khách. Nhưng mà ông, bà sợ cô chưa được thật khỏe, xông pha gió máy có thể lại bị cảm lại cho nên nhất định bắt cô cứ phải ở luôn trong nhà, không được đi lại dưới ánh nắng. Thậm chí cô muốn ngâm sợi, đánh suốt, dẹt nốt cái "củi" còn dở, ông bà cũng không bằng lòng, vì sợ để cô vầy nước thì độc. Chiều lòng cha mẹ, cô vẫn hết sức kiêng khem. Nhưng phải cả ngày quanh quẩn trong mấy gian nhà như tù giam lỏng, thì ai mà không buồn?

Nhiều lúc cô muốn nhắm mắt cố ngủ, cho khỏi nghĩ vẩn nghĩ vơ. Song ngủ mãi cũng chán con mắt, không thể nào mà chợp đi được. Rồi thì những mối tư tưởng luẩn quẩn ở đâu nó lại kéo đến như mớ bòng bong, gỡ không ra, dứt đi không được. Nhất là những khi vừa mới thiu thiu, chợt bị con muỗi vo ve bên tai phải tỉnh dậy, thì trong mình cô tự thấy một trận bâng hoàng khó tả, nghĩ mãi không biết mình đang nằm ở chỗ nào.

Cô rất thèm người nói chuyện. Nhưng đương mùa chợ búa cày cấy, chị em chúng bạn ai có việc nấy, không ai được thừa thì giờ để đến trò chuyện với cô. Cho đến cô Bích, người em tin cậy của cô, cũng phải mãi miết đi chợ, từ sáng đến tối, không được thư nhàn mấy khi. Thành ra ban ngày cũng như ban đêm, ngủ đi thì thôi, hễ bừng mắt ra, cô lại thấy mình một mình vò vố. Vì thế, cô cứ phải mượn cuốn Kim Vân Kiều làm bạn giải buồn. Quyển sách như cũng biết ốm ở trên người. Mỗi khi cô mở nó ra, nếu không đụng phải đoạn Kim Trọng gặp Thúy Kiều, thì lại trúng vào chỗ Thúy Kiều cất lên sang nhà Kim Trọng. Tuy rằng cô đã hết sức trấn tĩnh, nhưng mà coi đến những câu:

*“Sóng tình hồ đã xiêu xiêu
Xem trong âu yếm có nhiều lá loi...”*

Hay là:

*“Tóc tơ căn vặn tám lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”.*

Thì trong bụng cô bồi hồi, bồi hồi, hình như có vật nóng nóng bốc lên ở ngực và cổ. Tức thì cô liệng quyển chuyện xuống giường và nằm vắt tay lên trán để đưa tư tưởng đến chỗ mơ màng xa xăm.

Sáng nay lúc cô băng mình trở dậy, bỗng chớp hai mắt nháy rồi, vuốt mãi nó cũng không thuận. Rồi khi cô ăn cơm xong, vào buồng, lại một con nhện thành linh sa thẳng xuống chỗ trước mặt. Cô toan vò lấy để xem nó là nhện vàng hay nhện trắng, nhưng con vật ấy nhanh quá, cô vớ chưa kịp, nó đã đánh đu sợi tơ của nó và bò lên gần xà nhà

mất rồi. "Điềm gì mà lạ thế này. Lành hay gở?". Câu hỏi quanh quẩn đi lại ở trong óc. Nó bắt cô phải phân vân hồi hộp, đứng ngồi không yên.

Lật đầu giường lấy cuốn Truyện Kiều, cô hé mở ra để xem đằng nào là đầu, đằng nào là cuối. Rồi hai bàn tay chấp lại một cách cung kính, cô đưa cuốn sách lên tận ngang mặt, đặt nghiêng "bụng sách" vào thẳng sống mũi và khấn lầm rầm:

"Lạy vua Tì Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, tên tôi là Hoàng Thị Ngọc, ở làng Vân Trình, thành tâm xin cô một quẻ..."

Vừa dứt tiếng quẻ, cô liền ngừng lại và chỉ mấp máy hai môi, không biết là nói những gì. Dứt hồi thì thào, cô bấm một ngón tay cái vào giữa cuốn sách rồi giở ra xem. Ngón tay cái của cô trúng vào chỗ này:

*"Bó thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm đùm bọc lấy nhau,
Vào luôn ra cúi, công hầu mà chi".*

Đọc đi đọc lại mấy lần, cô vẫn không hiểu nàng Kiều bảo mình cái gì!

- Hay là mình không thành tâm, cho nên cô Kiều không ứng?

- Thì lại bói lại quẻ nữa xem sao?

Một lần nữa, cuốn sách bị cô đưa lên ngang trán và làm đúng những công việc vừa rồi. Rồi cô nhìn theo chỗ ngón tay đã bấm. Nó là cái gì?

*"Vội vàng sắm sửa lễ công
Kiệu hoa cát gió đuốc hồng ruổi sao.
Bày hàng cổ vũ xông xao,
Song song đưa tới trường đào sánh đôi".*

Mặt cô tự nhiên thấy nóng bừng bừng. Ruột gan cô tự nhiên bồn bồn như bị lửa đốt. Không kịp suy nghĩ ý nghĩa của mấy câu đó, cô liền lăn đùng xuống giường và thở hừng hực như người say nắng. Cảnh tượng của đám vinh qui hôm nọ thành linh lại hiện trước mắt. Kìa lá cờ vàng phấp phới trước gió. Kìa cái biển gỗ sơn son thếp vàng chói lọi dưới ánh mặt trời. Rồi một chàng trẻ tuổi cổ nghiêng chiếc mũ hoa vàng cười nụ với người bên đường. Rồi một cô con gái không lấy gì làm xinh, đang ồng ẹo ngồi trong chiếc võng mảnh mảnh cánh sáo. Rồi... vô số là thứ khác nữa.

Giống như con chuồn chuồn trong mắt những người chực giờ, những cảnh tượng ấy cứ dính liền với con mắt cô, xua tay nó không đi, nhắm mắt lại nó càng rõ rệt. "Số kiếp mình thật không ra gì... Cờ đã đến tay, ai ngờ lại về kẻ khác." Cô không định nghĩ như thế. Nhưng mấy câu ấy nó cứ vờ vẫn kéo đến và trở đi trở lại mãi mãi trong trí.

Mặt mỗi lúc một nóng thêm, gan ruột mỗi lúc mỗi bồn bồn thêm, rồi thì cô thấy xâm xâm tối mặt như lúc sắp sửa phải cảm độ trước.

- Em đi chợ đây chị ạ! Chị có mua gì hay không?

Tiếng nói thỏ thẻ thành linh từ cửa kéo vào, làm cô mở bừng mắt ra. Cô Bích vừa đến cạnh giường với bộ mặt nhí nhảnh và tiếp:

- Chị làm sao mà mặt đỏ bừng lên thế?

Cô ngồi vùng dậy mà đáp:

- Không biết làm sao từ lúc ăn cơm đến giờ, tự nhiên chị thấy hàm hấp như người sắp phát sốt ấy em ạ. Em hãy ra bẻ mức cho chị một bát nước mưa.

- Chết nổi! Chị uống nước mưa có độc cho không?

- Không độc đâu. Chị xót ruột lắm, chị muốn uống một bát nước mưa cho mát. Em cứ mức vào đây cho chị. Giấu đi, đừng để thầy mẹ trông thấy.

Ngoan ngoãn, cô Bích trở ra. Một lát, cô ấy rón rén trở vào với một bát nước trong như nước suối. Sẽ sàng đón lấy bát nước của em, cô Ngọc uống ừng ọc một hơi. Nước vào đến đâu, ruột gan thấy mát đến đấy. Cô Bích nhanh nhẩu cất gánh đi chợ, để lại cho chị cả một gian phòng tịch mịch và những luồng tư tưởng vẫn vơ.

Cô toan đứng dậy ra sân để cho dứt những cái nghĩ ngợi quanh quẩn. Nhưng khi cầm gương lên soi thấy hai má còn đỏ bừng bừng, cô lại vớ lấy quyển Kiều rồi sẽ nghiêng mình xuống giường. Song cô không coi, cuốn sách vẫn úp trên ngực, hai mắt cô vẫn lơ lơ nhìn lên mái nhà.

"Lấy chồng cho đáng tầm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen...". Nghĩ vậy rồi cô lại tự gạt đi: "Sao ta lại tơ tưởng mãi nhưng chuyện của người? Ô hay, con đã mọc răng, nói năng chi nữa."

Thôi, trăm đường tránh chẳng phải số, số có tự nhiên sẽ có, nếu số không có, cầu cung chả được, hơi đâu mà...". rồi cô quả quyết ngồi dậy và lại cầm gương lên soi. Ngoài cổng có tiếng gậy chống lộc cộc, cô vội nhô đầu nhìn ra. Cụ bảng Tiên Kiều đương đứng đỉnh bước vào trong cổng với chiếc gậy trúc và một cậu bé con xách cái túi gấm theo sau. Lật đặt cô vội ra sân đuôi chó và cúi đầu chào cụ bảng:

- Lạy bác ạ?

Cái nón dựa trên đầu sẽ gật một cái, cụ bảng toi tả cười hỏi:

- Con Ngọc đây à? Mày đã bằng cũ chưa cháu? Thầy có ở nhà đấy chứ?

Lễ phép, cô đáp:

- Thưa bác, cháu đã gần được bằng cũ. Thầy cháu có nhà đấy ạ.

Rồi cô nhanh nhẩu đứng ra một bên, để giữ cho con chó xồm khỏi sủa. Ông đồ Văn Trình vừa ở trong nhà bước ra. Hai ngài vái nhau một cái cực kỳ long trọng, rồi cùng đi vào trong thềm. Sau khi đã hạ chiếc nón dựa trao cho cậu học trò treo lên trên vách, cụ

bảng mở túi lấy vuông khăn mặt lau qua những giọt mồ hôi trên trán, rồi cụ ngồi luôn vào phản, vừa cầm cái quạt phe phẩy, vừa cất cái giọng sang sảng:

- Nóng quá, tôi đi đã sớm, thế mà còn thấy bức bối khó chịu. Nếu chậm lát nữa, có lẽ phải lăn ra đường...

Ông đồ cung ghé vào phản và nói một cách vui vẻ:

- Bác nhiều hơn tôi năm tuổi, nhưng xem ý còn mạnh hơn tôi. Chính tôi bây giờ đi sang bên bác, nhiều khi đã thấy mỏi chân, phải nghỉ đến hai ba chỗ. Nếu tôi bằng tuổi bác, có lẽ sẽ không đi được từ đây đến làng Tiên Kiều.

Cụ bảng tươi cười:

- Ủ, tôi vẫn biết bây giờ bác đã ngại đi. Sáng nay, tôi toan cho người mời bác sang chơi nói chuyện. Nhưng sợ bác vẫn biếng đi, nên tôi lại phải cố sang.

Cụ đồ vội hỏi:

- Bác đã có chuyện gì lạ!

Cụ bảng vẫn cười:

- Lạ thì không lạ. Nhưng nó cũng không phải là một việc thường.

- Việc gì vậy?

- Tôi muốn đưa ông thám, ông bảng đến nhà cho bác.

Cô Ngọc vừa xách siêu nước lên đến đầu thềm. Thoảng nghe câu đó, hai má tự nhiên đỏ bừng. Bẽn lẽn đưa siêu nước cho cậu bé con đi theo cụ bảng, và nhờ cậu ấy nhóm lò đun hộ, cô liền thụt vào trong buồng. Cụ đồ ngay thật hỏi lại cụ bảng:

- Ông bảng nào? Ông thám nào? Bao giờ thì họ lại đây?

Cụ bảng cười giòn khanh khách.

- Thông thả, chuyện đó hãy gác lại đó, để lúc uống rượu sẽ hay. Bây giờ chúng ta uống nước rồi thưởng một vài ván cờ cái đã.

Lò nước đã nổ. Cậu tiểu đồng quen lệ mọi ngày nhắc bàn cờ và túi quân cờ trên vách đặt lên trên án. Cụ đồ hạ bàn cờ xuống phản, vừa đổ quân cờ ra bày, vừa ngâm:

"Kỳ cục tiêu tường hạ, "Tôn tử lạc dư xuân."

Rồi cụ lại tán:

- Hai câu ấy thế mà hay đây. Trong lúc nóng nực này chỉ đánh cờ là có thể quên sự oi bức.

Siêu nước đã sôi, cậu nhỏ rón rén trág qua cái ẩm da chu, bỏ chè, chế nước, rót ra chén tống và chuyên vào hai chén con, rồi đệ cả bộ bàn chè lên án. Hai cụ rung đùi thưởng cái hương thơm mát của chè đầu xuân. Cuộc giải khát đã đi hết tuần thứ ba, các cụ bắt đầu quay vào bàn cờ. Cô Ngọc vẫn nằm thủ hiêm trong buồng chờ nghe những lời cụ bắng sẽ nói. Sự im lặng của gian buồng và sự hồi hộp trong quả tim bắt cô suy nghĩ đến câu cụ bắng mới nói vừa rồi. "Cớ sao bác bắng lại nói đột ngột như vậy? Hay là bác ấy đã biết tâm sự của mình rồi chẳng! Không có lẽ cứ như em Bích kể lại, thì hôm nọ, trong lúc nói mê, nói sảng, mình cũng xưng là cô thám, cô bắng luôn luôn. Nhưng đó chẳng qua là tiếng nói của kẻ bị mất trí khôn, chắc không ai để ý..." Thế rồi, mồ hôi toát ra, cô tự thấy mình xấu hổ như đã làm một điều vô ý trước đám đông người. Ở nhà ngoài, cuộc cờ đến lúc xô xát tiếng cười giòn giã xen lẫn với tiếng quân cờ chí chát đụng nhau, khiến cô dút hẳn được sự nghĩ ngợi lẫn quẩn.

Bóng nóng đã ra đến cột giàn hoa, trong buồng nóng như cái hầm, cô toan đứng dậy ra vườn hóng mát, chợt trông đến cái quả trầu, cô mới nhớ ra từ nãy đến giờ, quên chưa tằm trầu. Sẽ sàng ngồi dậy, cô đi lấy dao bổ cau rọc trầu, tằm mấy chục miếng xếp vào coi, rồi đưa cậu nhỏ đặt giúp lên chỗ hai cụ. Bà đồ đi chợ đã về. Nhanh nhẩu cô ra đón thúng để mẹ vào chào cụ bắng, rồi cô xuống bếp sửa soạn đồ rượu. Theo ý bà đồ, thì cô còn phải kiêng nước, kiêng lửa vài ba ngày nữa cho được thật khỏi. Nay vì trong nhà

có khách, trời cũng đã trưa, sợ rằng một mình lủn củng, hoặc giả cơm khách trễ quá, nên bà đành để con gái mớ vào những việc lật vật.

Cuộc cờ trên nhà đã hết hai ván, đồ chén cũng vừa làm xong. Vì nhà không có đầy tớ, cô phải rón rén lên dọn bàn cờ, rồi để mâm rượu vào đó, và bảo cậu nhỏ sang bên buồng học ăn cơm. Sau khi cụ bả đã gửi lời cô xuống chào bà đồ, hai cụ cùng quay vào mâm. Chén rượu đã rót một lần thứ nhất, bà đồ vui vẻ ở nhà dưới lên để đáp lễ lại lời chào của ông bạn chí thân với chồng. Cụ bả chỉ vào chiếc ghế bên cạnh và nói:

- Mời bác hãy ngồi lên đây xơi nước, tôi có câu chuyện muốn nói với cả bác trai bác gái.

Rồi cụ nhìn vào ông đồ:

- Con Ngọc năm nay mười chín tuổi rồi phải không?

Ông đồ ra vẻ ngạc nhiên:

- Cháu nó mới có mười tám.

Cụ bả lảm nhảm bấm đốt ngón tay:

- Được! Mười tám lại còn tốt hơn mười chín.

Uống cạn chén rượu, cụ tiếp:

- Bác đã có biết Tư Hạc học trò tôi chứ?

Ông đồ lắc đầu:

- Tôi chỉ nghe tiếng anh ta, chứ không rõ lắm. Có phải tên hấn là Đào Văn Hạc đó không?

- Phải đó!

- Anh ta người ở đâu nhỉ?

- Hấn ở Quốc Oai. Con trai út cụ cống Đào Nguyên đấy mà. Trong học trò tôi, có hấn linh lợi hơn cả. Vì tình thân với cả hai bên, tôi muốn nói với hai bác gả con cháu Ngọc cho hấn.

Vừa cầm nai rượu tự rót vào chén của mình, cụ bảng vừa thêm:

- Nếu như hai bác muốn cho con cháu được làm cô thám, cô bảng, thì ngoài hấn ra, chắc không có người nào hơn. Tôi nói thế, không phải quá khen học trò của tôi. Kể ra, cái tài thám, bảng, thiên hạ vẫn không thiếu gì, nhưng phần nhiều họ đã cao tuổi hoặc là họ quen cố chấp câu nệ, không ai được hoạt bát như hấn.

Ông đồ ra vẻ toi tả:

- Bây giờ bác nói tôi mới nhớ ra. Trong kỳ bình văn ở trường bác hồi đầu năm ngoái, tôi đã xem qua quyển của anh ta. Kể thì anh ta cũng là một tay đại tài, tôi không chê một điều gì. Nhưng việc gả bán cho cháu thì tôi nhường quyền bà nó.

Rồi ông quay sang bên phía bà đồ:

- Thế nào? Ý bà ra sao, thì nói với bác.

Bà đồ rõ ràng:

- Cụ cống mất rồi, thưa bác?

- Phải, cụ ấy mất từ lúc Tư Hạc còn nhỏ.

Bà đồ ra ý ngân ngại:

- Trên cụ cống cũng là một nhà danh vọng ở tỉnh Đoài với nhà tôi thật là môn đương hộ đối. Tôi chỉ hiềm một điều rằng chúng tôi hiềm hoi, chỉ được hai đứa cháu gái, muôn gả chồng cho nó ở chỗ gần nhà, để khi mẹ con đi lại cho tiện.

Cụ bảng nói vui như tết:

- Điều đó bác không quản ngại. Từ đây lên đến quê hấn, vừa đi vừa về, chỉ hết độ già nửa ngày, có gì là xa. Nếu bác sợ xa, thì tôi bắt hấn phải đến gửi rể. Việc này tự tôi chủ trương tất cả. Bởi thấy nó là mối lương duyên nên tôi muốn cướp quyền của ông tơ hồng xem sao!

Bà đồ không còn lẽ gì từ chối, liền chuyển câu chuyện sang cho ông đồ.

- Nếu thế thì xin tùy ý thầy cháu. Thầy cháu bằng lòng, tôi cũng xin vâng lời bác.

Ông đồ khò hời:

- Khéo lắm. Tôi đưa cho bà, bà lại còn đưa cho tôi.

Rồi ông rót rượu vào chén cụ bảng và tiếp:

- Con tôi cũng như con bác. Tùy bác muốn gả cho ai thì gả. Quyền ông tơ hồng bác còn muốn cướp hưởng chi quyền tôi. Có điều tôi muốn bác hãy thông thả, để tôi bảo qua với cháu.

Cụ bảng vẫn cười:

- Cố nhiên cũng phải hỏi ý nó chứ. Nhưng tôi xem chúng nó cũng ngoan ngoãn dễ bảo, tôi nói phắc nó phải nghe. Vậy xin bác hãy cho gọi nó ra đây để tôi bảo thẳng với nó.

Nãy giờ, cô Ngọc vẫn ngồi im lặng trong buồng, không dám đánh tiếng. Khi nghe cụ bảng nói đến câu đó, cô liền cất lên đi xuống nhà dưới. Bà đồ theo xuống tận nơi, và nói một cách ngọt ngào:

- Con lên nhà khách, bác bảng muốn hỏi gì con đây.

Cô Ngọc đỏ mặt tía tai, và nói một cách nũng nịu:

- Thôi con chả lên.

Bà đồ tủm tỉm cười nụ:

- Bác bảng muốn làm mỗi mầy cho anh khóa Hạc, học trò của bác ấy, có thuận thì lên mà nói với bác.

Cô Ngọc gục đầu xuống gối và sẽ thỏ thẻ:

- Tùy thầy, tùy mẹ, con không biết.

Rồi cô e lệ đứng dậy và đi sang nhà hàng xóm. Bà đồ lại lên nhà khách nói với cụ bảng:

- Thừa bác, cháu nó xấu hổ, không dám lên ạ!

Cụ bảng lại cười:

- Thôi được. Nó xấu hổ tức là nó đã thuận đấy. Vậy thì hai bác nhận lời cho tôi đi thôi.

Bà đồ cáo biệt đi xuống nhà dưới. Hai cụ gật gù đánh chén mãi đến quá trưa mới xong. Cô Ngọc vẫn còn núp bên hàng xóm chưa về. Cậu nhỏ người nhà cụ bảng phải dọn mâm bát và lấy tắm nước.

Mặt trời tà tà, cụ bảng mới từ biệt ra về. Trước khi đứng dậy, cụ còn dặn lại ông đồ:

- Độ mấy bữa nữa, tôi sẽ lại sang nói chuyện với bác.

Chương V

Một hồi gà gáy âm ô, làm cho Vân Hạc giật mình thức giấc. Ngọn đèn trên quang lù mù sắp tắt, đôi dầu đã gần cạn khô. Không muốn làm phiền thằng nhỏ, chàng tự đứng lên rót dầu vào đèn, và dụi cái tàn đỏ ối ở đầu sợi bấc. Rồi chàng mở cửa ra sân.

Trăng chưa lặn. Ánh vàng chên chéch nhòm vào giàn hoa. Những bóng cây nhài, cây mộc dương leo lên thềm. Mặt thềm khoang khua như một bức tranh thủy mặc.

Trời hãy còn sớm. Trống ngoài điểm mới điểm canh tư. Các nhà láng giềng vẫn im phăng phắc.

Chàng toan vào phòng ngủ thêm. Sực nhớ hôm nay là kỳ bình văn, phải đến trường sớm hơn mọi ngày, ngủ nữa, e rằng quá giấc, quá trưa, thì đi không kịp. Chàng bèn súc miệng, rửa mặt, rồi một mình đứng đỉnh đạo dưới bóng trăng.

Trong đám ánh trăng trong vắt, thỉnh thoảng điểm một luồng gió hiu hiu, hết thấy bóng cây trước sân đều bị rung động. Chàng bỗng tưởng đến cái cảnh Trương Sinh đợi Thôi Oanh Oanh trong truyện Tây Sương liền ngâm:

"Đãi nguyệt Tây sương hạ.

Nghênh phong hộ bán khai.

Cách tường hoa ảnh động.

Nghi thị ngọc nhân lai".

Thế rồi hình ảnh cô Ngọc tức thì hiện ra trong óc Chàng khen ông đồ Văn Trình cũng khéo tìm chữ đặt tên cho con. Với cái nước da trắng nõn, với cái khuôn mặt trái xoan và cái dáng bộ yếu điệu, nàng thật đáng gọi là ngọc nhân lắm. Chàng nhớ những hôm qua chợ Kim Bảng, tình cờ nhìn hàng nàng, bao giờ nàng cũng tươi như bông hoa, và không bao giờ mà nàng có vẻ ngoa ngoắt, trai lơ như bọn con gái kẻ chợ. Chàng tự cho rằng mình lấy được nàng, tức là danh sĩ sánh với giai nhân, chẳng kém gì những cặp vợ chồng trong tiểu thuyết.

Nhưng chàng lại băn khoăn rằng trước kia nàng đã đính hôn với Trần Đăng Long, thì với chàng, nàng đã là vợ chưa cưới của một người bạn. Bây giờ nếu chàng kết duyên với nàng, hoặc giả cũng bị thiên hạ chê cười. Rồi chàng tự an ủi rằng việc này do ở cụ bảng ép chàng, không phải tự chàng mà ra. Một người đạo mạo nghiêm nghị và yêu chàng, quý chàng như cụ bảng Tiên Kiêu, không lẽ lại dạy học trò làm điều trái với danh giáo? Song chàng vẫn không hiểu vì sao cụ bảng lại cô ghép nàng với chàng, vì sao hôm nọ, trong khi khuyên chàng lấy nàng, cụ lại bảo rằng nếu chàng bằng lòng cưới nàng làm vợ, tức là cứu cái đời nàng, tức là làm ơn cho Trần Đăng Long? "Hay là nàng với nghề Long ngày xưa đã có gì ám muội?" Chàng nghĩ như thế, rồi chàng lại tự hối hận, cho là mình đã vô lễ với nàng. Chàng tin nàng là con nhà gia giáo, không khi nào lại làm những việc bất chính.

Mặt trăng từ từ lặn vào bóng mây, bầu trời dần dần vắng đục. Chàng bèn lững thững bước vào trong phòng. Vừa đi, chàng vừa lẩm bẩm một mình. "Có lẽ vợ chồng là duyên số thật. Ừ, xưa kia mình tuy biết nàng, nhưng vẫn chẳng hề nghĩ đến nàng. Thế mà từ bữa nghe đồ Mẫn nói, nhất là từ bữa nghe cụ bảng nói đến giờ, không phút nào mà ta quên nàng. Cái đó mới lạ cho chứ! Không biết trong những lúc này, nàng có nghĩ gì đến ta không? Chắc có! Ta nhớ nàng, tất nhiên nàng cũng nhớ ta, nếu như cụ bảng đã ngỏ cho nàng biết cái ý định của cụ."

Trời sáng, Vân Hạc cắp nón vừa ra đến cổng, thì gặp Khắc Mẫn. Hai chàng liền sánh vai cùng tới trường học.

Trong các lò "rèn đúc nhân tài" bấy giờ, trường của cụ bảng Tiên Kiêu là lớn hơn hết. Trừ ra mười cậu đồng sinh là những con cháu trong nhà, học trò cụ bảng chỉ có hai lớp đại tập và trung tập. Trung tập hàng ngày phải đến nghe sách, hàng tuần phải học làm văn. Còn đại tập thì mỗi tháng tập văn hai kỳ. Kể cả đại tập và trung tập, học trò trong trường có tới gần ba trăm người. Vân Hạc và Khắc Mẫn đi đến cửa trường thì các cậu học trò trung tập cũng vừa kéo đến.

Sau những chiếc nón sơn quai chuối lần lượt úp lên các tường, cả mấy trăm người nghiêm trang ngồi sắp hàng ở các dãy ghế. Cụ bảng còn ở nhà trong chưa ra. Một cậu học trò bé con chạy đến rí tai Vân Hạc:

- Thầy bảo anh bình văn xong rồi, phải ở lại đây, để thầy còn dặn gì đấy.

Rồi thì học trò đại tập lục tục đến dần. Rồi thì, năm gian tiền tế thênh thang như năm gian đình dần dần hiện ra quang cảnh chật hẹp, kẻ ngồi người đứng lố nhố khắp trong nhà ngoài thêm.

Trống cái thông thả điểm một hồi ba tiếng.

Học trò trên các phản ghế hết thầy trở lại hàng lối nghiêm chỉnh. Hai cậu nhỏ tuổi lễ mễ bưng điều bưng tráp và mang giỏ ấm, khay chén đặt lên án thư.

Những tiếng thì thầm xôn xao nhất tề im bật. Cụ bảng từ nhà trong ra với một bộ khăn áo chỉnh tề. Trên các phản ghế, học trò rầm rập đứng dậy khắp lượt.

Khoán thai cụ ngồi vào tám ghế sau chiếc án thư và mở nắp tráp lấy gói thuốc lá ra cuộn. Tất cả học trò lại cùng rầm rập ngồi xuống. Một cậu nhỏ tuổi lễ phép đến trước án thư sẽ bưng bộ đồ đánh lửa ra thêm.

Qua một hồi kỳ cách của hòn đá lửa đập vào thỏi sắt, lửa ở trong đá đã bắt ra lớp bụi nhùi trong cái hộp gỗ và bén vào đó, cậu ấy rón rén nhón lấy một ít bụi nhùi có lửa, tiếp vào môi giấy, phì phò thổi cho thành ngọn, để châm sang sợi ruột gà và châm lửa vào môi thuốc lá đã cuộn, cụ bảng ra hiệu cho các học trò đọc sách.

Một cậu trung tập cung kính đệ một chồng sách in lên án. Bằng một câu xin phép rất lễ độ và mấy tiếng đàng hắng rất đồng dục, một cậu tốt giọng nhanh nhẹn mở sách ra đọc.

Tất cả học trò cặm cùi mở sách ra coi.

Theo lệ hàng ngày, mỗi buổi đều đọc đủ ba thứ sách: kinh, truyện và sử.

Hôm nay bắt đầu đọc Kinh dịch, rồi đến sách Trung dung rồi đến cuốn Tổng sử. Mỗi khi đọc hết bài cái, bài bàn của một chương nào trong sách, cả trường im lặng như tờ. Máy trăm con mắt đều chăm chỉ ngó vào cuốn sách của mình. Máy trăm lỗ tai đều bình tĩnh đợi nghe lời giảng của thầy. Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ giảng rất rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng lời bàn nào là phải, lời bàn nào là quấy. Cụ nói như rót vào tai học trò. Khi giảng đến hào lục tam của quẻ Khôn Kinh dịch, cụ đặt nồi thuốc xuống án và hỏi một cách sùng sốt:

- Các anh nghe chương này có thấy gì không.

Các cậu học trò đều không trả lời, vì không hiểu ý cụ hỏi ra sao. Cụ liền nhìn vào cuốn sách và cất cao giọng:

- "Lục tam, hàm chương khả trinh. Hoặc tòng vương sự, vô thành, hữu chung."

Và cụ lại gặng:

- Các anh tưởng nó có đúng với điệu lục bát trong các ca dao của ta hay không? Rồi cầm nồi thuốc hút thêm một hơi, cụ vừa rung đùi vừa tiếp:

- Trong kinh, truyện, sử, mỗi bộ đều có một câu lục bát. Ở kinh là câu ấy rồi, còn ở truyện thì là câu gì?

Các cậu học trò cố sức lục hết trí nhớ để tìm lấy câu trả lời. Nhưng không ai nói câu nào. Cụ vuốt chòm râu bạc phơ và ngâm:

"Phù thủy, nhất thước chi đa.

"Cập kỳ bất trắc ngoan đà giao long..."

Rồi cụ lại hỏi:

- Phải câu ấy ở sách Trung dung, các anh mới đọc hôm qua đó không? Sao mà chóng quên vậy? Nếu như trời cho đỗ đạt, được sang sứ Tàu, các anh sẽ đối đáp làm sao cho khỏi nhục đến quân mệnh!

Các câu học trò đều cúi gằm mặt, tỏ ra đáng bộ bề bàng. Cụ ngừng một lát rồi thêm:

- Còn câu ở sử, chắc chắn các anh cũng không thể nhớ.

Và cụ ngân giọng:

*“Đế sĩ Sái Xác hữu công,
Sử chi tòng tự Triết tông miếu đình...”*

Rồi cụ ngẩng lên nhìn các học trò và nói:

- Các anh thử giở cuốn Tống Cao Tôn mà xem, câu đó ở ngay đầu sách đấy mà.

Các câu học trò im lặng phục thầy là bậc nhớ sách. Cụ bưng mở giỏ, rót một chén nước nhấp giọng, rồi cụ cắt nghĩa:

- Cũng vì có mấy câu đó cho nên từ xưa đến nay đã có nhiều người cho rằng: lối văn trên sáu dưới tám của ta gốc ở kinh, truyện và sử mà ra. Nhưng theo ý ta, thì nói như vậy có lẽ cũng quá khiên cưỡng. Trời đã sinh ra mỗi nước có một thứ tiếng, thì tất nhiên mỗi nước cũng phải có một điệu hát. Nếu bảo điệu hát lục bát gốc ở kinh, truyện và sử, thì sao ở Tàu lại không có cái thể văn ấy? Tuy vậy, các cụ đời trước nói thế, bây giờ mình cũng hãy hay rằng thế, để rồi kê cứu dần dần, không nên vội vàng bài bác.

Hết cuộc chuyện phiếm, một cậu học trò thay lượt cậu trước đọc cuốn Trung dung. Rồi một cậu nữa lại tiếp cậu này đọc cuốn Tống sử. Mặt trời đã cao, cuộc nghe sách của học trò trung tập mới hết. Lúc này học trò đại tập đã đến đông đủ. Trong năm gian nhà ngột những hơi người. Cụ bưng tạm nghỉ để quạt cho ráo mồ hôi.

Học trò lác đác đứng dậy ra sân hóng mát.

Khắc Mẫn dắt Vân Hạc và mấy người nữa đến ngồi túm tụm ở dưới gốc nhãn, rồi họ thi nhau bắt Vân Hạc phải đọc những bài văn của chàng trong kỳ này cho họ nghe trước. Một câu học trò đứng đỉnh đến trước Vân Hạc nhìn chàng bằng con mắt ranh mãnh và tủm tỉm cười. Vân Hạc đoán là hắn đã hiểu biết việc riêng của mình, liền hỏi:

- Mà cười cái gì, thằng Cung?

Người ấy vẫn cười:

- Mai kia tao sẽ cho mày bài thơ.

Vân Hạc cũng cười:

- Được! Có giỏi mày cứ làm! Nếu thơ không hay, tao sẽ nọc cỏ đánh cho ba chục.

Ngoài cổng có tiếng cười nói giòn giã. Một lũ nón dứa quai lụa bạch lần lượt từ cổng tiến vào trong sân. Các cụ nghè, cử, bạn thân của cụ bảng và là sơ khảo, phúc khảo của các quyền tập đến dự bình văn.

Cụ bảng lật đật đứng dậy đón khách.

Sau mấy cái vái trịnh trọng rước mấy ông khách lên thềm, cụ bảng vui vẻ nói:

- Chết chữa nắng quá! Các bác đi sớm ít nữa, có mát hơn không?

Cụ nghè Quỳnh Lâm chỉ vào cụ cử Liên Trì và đáp:

- Nếu tôi không cô phá đám, thì ông lão này còn ngồi ngất ngưỡng với nai rượu thuốc, chứ đã chịu đi cho đâu.

Cụ cử Liên Trì mỉm cười để đưa hai câu thơ cổ:

*“Bách niên tam vạn lục thiên nhật,
Nhất ẩm tu khuynh tam bách bôi”*

Các cụ cùng ngồi lên chiếc phản giữa. Ai nấy phì phạch quạt lấy quạt để. Nhưng vẫn không ai chịu bỏ khăn áo Cụ bưng phải sai hai cậu bé con cầm đôi quạt lông đứng hai đầu phản phẩy vào.

Cạn ba tuần chè tàu, cụ bưng lục lại tập văn của học trò và chọn mấy quyển được bình đề riêng một chông.

Hôm nay là kỳ tứ lục: một bài chiếu và một bài biểu. Tất cả độ hơn mười quyển được đọc. Chỉ có một quyển của Đào Vân Hạc dấu sơ dấu phúc phê ưu, dấu ngoại phê "bình", và năm quyển nữa ba dấu đều phê "bình", được đọc từ đầu đến cuối. Còn các quyển khác, hoặc "bình thứ", hoặc "thứ mác" chỉ được đọc lời từng đoạn. Những quyển được đọc, mặt quyển đều có đề một chữ "bình". Những đoạn được đọc thì ở cạnh các dòng chữ đều có đánh dấu bằng "chấm mắt ngỗng". Soạn xong tập quyển, cụ bưng cầm trao cho mấy ông bạn:

- Các bác coi lại. Nếu có quyển nào không đáng cho đọc, thì xin bỏ đi.

Mỗi cụ đón lấy vài quyển, coi qua một lượt, rồi:

- Được cả không có quyển nào phải loại.

Cụ nghề Quỳnh Lâm cầm quyển của Đào Vân Hạc chìa hỏi cụ bưng:

- Quyển này chúng tôi đã phê "ưu" cả, sao bác lại đánh xuống "bình"?

Cụ bưng rẽ ràng đáp:

- "Bình" là phải! Các bác cho "ưu" cũng khí quá đáng. Vả lại hấn còn ít tuổi, phải cần mài dũa cái tính hiếu thắng. Nếu như kỳ nào cũng "ưu", e rằng hấn sẽ coi mình là thánh là trượng, không chịu học hành, ấy là có hại cho hấn.

Rồi cụ trông xuống đám học trò ngồi cạnh:

- Trưa lắm rồi, ai lên đem quyển xuống đọc đi chứ!

Khắc Mẫn lễ phép đứng lên và tiến đến trước án thư. Cụ nghè Quỳnh Lâm đưa cho thầy cuộn văn của Đào Vân Hạc và dặn:

- Đọc quyền này trước!

Khắc Mẫn lĩnh quyền văn đi xuống chỗ cũ. Mùi mực, tẩm một ngòì bút thật đầm. Một tay cầm bút, một tay. cầm quyền, thầy bắt đầu đọc bài chiếu trước. Tất cả học trò đều giở một tập giấy bán đặt lên đầu gối. Tai nghe văn, tay thì viết lia viết lịa. Văn đọc đến đâu, họ phải cố viết cho kịp đến đây. Chữ thảo một lối lòi tói như sợi xích chó. Với một giọng vừa kêu vừa trong, Khắc Mẫn đọc rất đại dễ, gãy gọn, từ đoạn nọ đến đoạn kia, mạch lạc cực kỳ phân minh. Nhất là những lúc lên giọng, xuống giọng, tiếng thầy càng réo rắt dịp dàng, khiến cho câu văn càng nổi.

Cái nhà chứa gần ba trăm con người lúc ấy có vẻ nghiêm tĩnh của một tòa cổ miếu. Ngoài tiếng bình văn của Khắc Mẫn và tiếng khen hay của các khảo quan, cơ hồ không còn có gì khác nữa.

Hết bài chiếu đọc đến bài biểu. Mở đầu hai câu “phục dĩ”, cụ cử Liên Trì và cụ nghè Quỳnh Lâm rồi rít giục điểm, giục khuyên. Khắc Mẫn miệng đọc tay chép, mắt thì nhìn vào quyền văn, cuống quýt như người phường trò vừa hát vừa phải đánh tiếng gõ mõ.

Đọc xong quyền của Vân. Hạc, cụ bẳng lại bảo tạm nghỉ để các học trò uống nước và hút thuốc lào. Những người viết chậm, tranh nhau mượn quyền Vân Hạc để họ chép lại những đoạn lúc nãy phải bỏ cách quãng vì viết không kịp. Như quên cả sự oi bức, người ta xúm nhau đến hơn chục người ngó vào quyền văn.

Cụ nghè Quỳnh Lâm sai người lấy chiếc ghế đầu bắc ở bên cạnh, gọi Vân Hạc cho ngồi ở đó, tự mình rót một chén nước trao cho Vân Hạc, và cụ tấm tắc khen ngợi:

- Văn cậu khá lắm! Đỡ đến nơi rồi. Cậu phải cố đi, khoa hương này hãy lấy cho bác cái thủ khoa, rồi hội sau thì lấy cho bác cái đình nguyên nữa. Tiền trình của cậu có cơ viên đạt, bác lấy làm mừng!

Vân Hạc chỉ lễ phép đón lấy chén nước, không dám trả lời, vì chàng không biết trả lời thế nào. Cụ nghề quay mặt sang phía cụ báng và thêm:

- May được người con nối nghiệp, bác cống Đào Nguyên tuy mất cũng như còn sống.

Cụ báng ngằn ngừ lắc đầu:

- Tôi chưa dám chắc như vậy. Là vì văn chương của hấn tuy có lỗi lạc, nhưng vẫn không khỏi có chỗ cầu kỳ sến tẻ, lại thường vượt ra ngoài qui củ. Nếu gặp quan trường thì hấn có thể đỗ cao. Nhưng nếu không gặp, tất nhiên sẽ bị hỏng tuột. Bao giờ hấn chữa được cái tật ấy, thì mới có thể chắc được!

Rồi cụ gọi các học trò và hỏi:

- Các anh nghe quyền Vân Hạc thế nào? Có thấy cái bệnh gì không?

Hết thầy im lặng, không có ai đáp. Cụ tiếp:

- Văn chương anh ta tuy cũng khá đấy, nhưng phải cái tật rất lớn là có nhiều đoạn rắc rối, bướng bỉnh, không chịu theo đúng khuôn phép. Đó là một điều tối kỵ trong các lỗi văn cử nghiệp, nhất là thể văn tứ lục.

Cụ cử Liên Trì nói xen:

- Phải! Văn chương cầu thị bất cầu kỳ, nếu quá cầu kỳ tất nhiên không lợi trường ốc. Bởi vì, trong lúc quan trường chấm văn, người ta chấm như ăn cướp, một khắc phải chấm đến mấy chục quyển, còn thì giờ đâu mà nghĩ ngẫm nghĩ nghĩa cho mình? Thói thường hễ mà dấu "so" đã chấm thế nào, ấy là dấu "phúc", dấu "giám" lại chấm thế ấy, nếu như mình đặt một câu cầu kỳ, hoặc là ý nghĩa quá ư sâu xa, mà trong lúc vội vàng, ông sơ khảo không kịp hiểu hết, ông ấy sờ cho vài chiếc và phê cho một chữ "liệt", thì rồi những ông phúc khảo, giám khảo cũng lại sờ theo, và cũng phê cho vài chữ "liệt" nữa. Cái quyển đã đến ba "liệt", ông phân khảo khó lòng mà giám phê "bình" phê "ưu". Thế là hỏng oan chứ gì.

Cụ nghề Quỳnh Lâm nói lời:

- Ấy, cụ Nguyễn Công Hoàn ngày xưa suốt đời thi hỏng cũng chỉ vì có tật ấy.

Hỏi cụ quay ra hỏi các học trò:

- Các thầy đã nghe chuyện cha con cụ Nguyễn dành nhau về một câu tứ lục hay chưa?

Rồi không đợi học trò trả lời, cụ kê:

- Cụ Nguyễn Công Hoàn là bậc danh sĩ đời Lê, văn hay, học rất uân sức, chỉ phải cái tật đặt câu câu kỳ, thành ra thi mãi không đỗ. Ông Nguyễn Công Lĩnh là con, sức học tuy còn kém cụ rất xa, nhưng mà văn chương hoạt bát, ngoài hai mươi tuổi đã đỗ hương cống, rồi lại đỗ luôn tiến sĩ. Khoa ấy, tôi không nhớ là khoa nào, ông Lĩnh đã làm chủ khảo, cụ Nguyễn vẫn còn cấp quyền đi thi, và cũng lại hỏng như trước...

Nói đến đây, cụ nghề ngừng lại, để uống hớp nước nhấp giọng, rồi tiếp:.

- Thế rồi đến khi việc trường đã xong, ông Lĩnh về nhà thăm cha. Đầu tiên, cụ Nguyễn hỏi ngay:

“Khoa này có được quyền nào khá không?”. Ông con ngay thật thưa rằng: "Có một quyền khá, chỉ vì phải câu tứ lục thất niêm., không thể lấy đỗ". Cụ Nguyễn liền gặng. "Câu tứ lục ấy thế nào? Có nhớ không?" Ông con thưa rằng có nhớ và đọc như vậy:

“Lưu hành chi hóa tự tây đông, nam bắc vô tư bất phụ.

"Tạo tự chi công tự Cảo Mân, Kỳ Phong dĩ mặc bất hưng".

Rồi thì ông ấy lại tiếc ngậm ngùi mà rằng: “Nếu như câu dưới, họ đảo hai chữ "Cảo Mân" ra làm "Mân Cảo", cho đúng niêm luật, thì hai câu ấy hay biết chừng nào". Cụ Nguyễn không đợi cho con hết lời, vác gậy phang luôn chừng vài chục gậy. Và cụ nghiêng răng nghiêng lợi, chửi mắng tàn nhẫn. Cụ bảo ông con dốt nát như thế mà đi chấm trường, chôn sống biết bao nhiêu người...".

Cụ nghe lại nhìn học trò và hỏi:

- Các thầy có biết tại sao cụ Nguyễn phải đánh một ông chủ khảo như vậy?

Học trò còn đương im lặng suy nghĩ, cụ nghe lại tự cắt nghĩa:

- Thì ra hai câu tứ lục ấy chính của cụ Nguyễn, ý cụ đặt như thế này:

“Lưu hành chi hóa tự Tây, Đông Nam Bắc vô tư bất phục,

Tạo tự chi công tự Cảo, Mân Kỳ Phong dĩ mạc bất hưng”.

Học trò nghe rồi, ai nấy sung sướng như nghĩ ra một điều mới lạ. Cụ cử Liên Trì nói thêm:

- Nếu như nghĩ một chút, chắc ai cũng nhận thấy rằng: trong hai câu đó, câu trên tất phải ngắt đến chữ "Tây", câu dưới tất phải ngắt đến chữ "Cảo". Chữ nếu chấm như kiểu ông Lân, một đằng ngắt đến chữ "Đông", một đằng ngắt đến chữ "Mân" thì không có nghĩa gì cả. Bởi vì nhà Chu khởi ở phương Tây, đóng kẻ chợ ở đất Cảo, người ta chỉ có thể nói: "Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây, các phương Đông Nam Bắc đâu đâu cũng phục. Cái công đắp dựng gây từ xứ Cảo, các xứ Mân Kỳ Phong đều cũng dấy theo". Chữ ai lại nói: "Cái thói trôi đi nổi tự phương Tây phương Đông... cái công đắp dựng gây từ xứ Cảo, xứ Mân?" Nhưng vì bốn chữ Tây Đông Nam Bắc và bốn chữ Cảo Mân Kỳ Phong đặt liền với nhau, trong lúc vội vàng, câu trên người ta ngắt đến chữ Đông, thì câu dưới người ta cũng lại ngắt đến chữ Mân, như thế, chẳng những thất niêm mà còn vô nghĩa nữa chứ! Ấy đó là văn chương câu kỳ có hại như vậy. Các thầy nên biết mà tránh.

Dứt mạnh hiểu dụ của cụ cử, mấy cậu nhỏ tuổi ngoan ngoãn tiếp tuần chè tàu thứ hai. Công việc bình văn lại sốt sắng đi theo thứ tự của nó. Lần này cụ bẻ cho đọc đến quyền của Bùi Đốc Cung, cái người trêu ghẹo Vân Hạc lúc nãy. Văn của Đốc Cung tuy không xuất sắc bằng của Vân Hạc, nhưng cũng vào bậc học cứng, lời tươi và kêu như chuông, các cụ sơ khảo, phúc khảo luôn khen “được”.

Gần trưa, tan cuộc bình văn.

Cụ bảng giờ dần tập quyền còn lại trên án, gọi tên từng người học trò, quyền của người nào trao trả người ấy.

Bộ điều khác nhau của từng người trong lúc lĩnh quyền như muốn tỏ cho kẻ ngoài biết sự hơn kém của các học trò. Có ông hớn hờ tươi cười với cái "thứ mác" con con. Cũng có ông vội vàng gấp tư quyền văn và bỏ vào túi một cách vội vàng để giấu cho kín cái "liệt" hay cái "thứ cộc" ở mặt quyền. Chồng quyền trên án phân phát đã hết, học trò lũ lượt cắp nón đi ra, để lại một mình Vân Hạc vì có lời dặn của cụ bảng phải đợi ở đó.

Mấy cậu nhỏ tuổi rón rén lấy chậu vẩy nước, quét cho sạch cát bụi và những bã điều, tàn đóm trong năm gian nhà. Nhà trường dần trở lại quang cảnh thanh vắng như một nơi toàn thạch. Bao nhiêu ánh nắng đều bị ngăn lại trên đám lá um tùm của mấy cây nhãn và giàn thiên lý trước thềm, trong nhà lúc nào cũng mát rười rượi.

Sau nhà có tiếng lạch cạch.

Một mâm đồ rượu ngát ngào ngực trên đầu anh bếp từ từ tiến vào phản giữa. Cụ bảng mời mấy ông bạn uống rượu và cho Vân Hạc bắc ghế ngồi hầu bên cạnh. Cụ cử Liên trì quay lại mâm rượu và nói khôi hài:

- Hữu tửu thực tiên sinh soạn, hữu sự đệ tử phục kỳ lão.

Rồi cụ cầm luôn bầu rượu đưa cho Vân Hạc để chàng rót ra các chén. Các cụ cất chén khắp lượt. Vân Hạc vẫn rụt rè giữ lễ chưa dám uống. Cụ nghề Quỳnh Lâm nhất định bắt chàng phải uống. và cũng nói giọng khôi hài:

- “Đương nhân bất nhượng ư sư”. Cụ Khổng đã dạy như thế, cái đức "nhân" còn không nhường thầy, huống chi một vài chén rượu lại phải sợ thầy hay sao? Cậu cứ uống. Làm đáng tài trai, cần phải ngang tàng mới được, không nên e lệ như bọn con gái.

Cụ cử Liên Trì mỉm cười:

- Ấy, họ cũng chỉ làm gái ở trước mặt chúng mình đó thôi. Khi mà ngồi cạnh nhà trò, tôi chắc mép ấy phải hết hàng hũ.

Vân Hạc giả vờ cúi mặt để giấu cái bộ buồn cười của mình. Rồi chàng xin phép các cụ và nhắc chén rượu nhấp một hớp nhỏ. Cụ báng bắt đầu đem chuyện nhân duyên của chàng nói cho mấy cụ kia nghe và thêm:

- Sở dĩ tôi phải ra công khuôn xếp việc này, cũng vì áy náy cái cảnh vợ chồng anh đồ Vân Trình và thương con bé cái Ngọc. Các bác có lẽ chưa rõ đầu đuôi. Con bé ấy trước kia đã nhận lấy Trần Đăng Long, về sau không hiểu vì sao bên này lại thôi không cưới. Thế rồi cái hôm nghe Lòng vinh qui, con Ngọc tình cờ đi qua, nó tiếc cái ngôi bà nghe đến nổi ngất đi như đứa ngộ gió. Tôi đã chữa bệnh cho nó, phải dùng đến hơn mười thang "khai uất" mới khỏi. Nhưng khỏi là khỏi tạm thời mà thôi, nếu không lấy được người chồng vừa ý thì có ngày nó sẽ phát điên phát rồ. Vợ chồng bác đồ Vân Trình chỉ được hai đứa con gái, nó là lớn, nếu nó mà hỏng một đời, thì cảnh già của ông bà ấy cũng đau đớn lắm. Bởi vậy, tôi phải tình nguyện đi làm môi chồng cho nó.

Cụ nghe, cụ cử tám tấc khen là môi lương duyên và khuyên Vân Hạc nên mau mau lo việc cưới hỏi, không nên để chậm. Cụ báng ngắt lời:

- Cái đó đã ở tôi cả, không việc gì đến hấn.

Rồi cụ nhìn sang Vân Hạc:

- Hôm qua thầy cũng cất công sang chơi ông Vân Trình nói về chuyện này. Ông đồ, bà đồ đều bằng lòng. Công việc thế là xong. Ngày mai anh phải về quê thưa với bác cống và anh cả, anh hai...

Vân Hạc hết sức giữ cho vẻ mặt tự nhiên, chàng chỉ im lặng mà nghe và thỉnh thoảng điểm một tiếng dạ rất khẽ, chứ không nói đi nói lại. Cụ báng lại ngó mặt chàng:

- Nhưng phải gửi rể kia đấy. Vì bác đồ gái chê quê nhà anh ở xa quá, có ý ngăn ngừa không thuận, nên thầy phải hứa như thế.

Cụ nghề Quỳnh Lâm tạt ngang:

- Thế thì cậu khóa sừng bằng vua Thuấn mất rồi. Nhưng mà cháu có muốn học ông Thuấn, chỉ nên học đến cái chỗ gửi rể ấy thôi, chớ có học hơn. Để cho vợ chồng bác đồ Vân Trình kiếm lấy người rể nữa chứ. Cả nhà cười ầm, làm cho Vân Hạc xấu hổ đỏ mặt. Lâu lâu cụ bẵng lại quay sang phía Vân Hạc:

- Còn một điều này, thầy phải nói trước để cho anh liệu: cái chí con Ngọc nó chỉ thích làm bà thám, bà bãng chứ không phải nó muốn làm cô khóa quèn. Vì thế, khi nó nói mê nói sảng, luôn luôn tự xưng mình là cô thám, cô bãng. Rồi khi vợ chồng lấy nhau, anh phải nghĩ vào chỗ đó, làm sao cho khỏi phụ lòng cháu tôi thì làm.

Cả nhà lại cùng cười vang.

Chương VI

Ở nhà ngoài, mấy bàn tài tử tôm đã tan. Họ mặc tới tập giục nhau ai vào việc nấy. Đàn ông bắt nót con lợn làm thịt. Đàn bà đi thắng đường, vo gạo, sắp sửa nấu chè thổi xôi. Ông đồ bà đồ cũng đã trở dậy để sai bảo mấy cậu học trò đun nước quét nhà và nhờ mấy bà cụ già bỏ cau tằm trâu.

Cô Ngọc vẫn còn núp ở trong buồng chưa ra. Hôm nay cô chỉ phân vân hồi hộp, chứ không sốt ruột như những hôm trước. Trước kia, từ bữa ông đồ bà đồ chịu lời cụ bảng Tiên Kiều thuận gả cô cho Đào Văn Hạc, cô đã tự thấy nhân duyên của mình cũng không đến nỗi hẩm hiu. Tuy rằng trước mặt chị em chúng bạn, cô vẫn chê Văn Hạc là cóc láo, là kiết xác mỏng toi, và có khi cao hứng, cô còn thề rằng nhất định đi tu chứ không lấy chàng, và cũng không lấy người nào, nhưng thực ra, với chàng, cô đã mãn nguyện vô cùng. Là vì trong con mắt cô, không có người nào hơn chàng, cả đến nghề Long cũng còn kém chàng rất xa. Chàng rất đứng đắn nhưng không lù đù. Chàng tát mình trai, nhưng không có tính bợm bãi. Những lúc cô ngồi bán hàng ở chợ Kim Bảng, thường có hàng lũ học trò đi qua, phần nhiều họ đều ăn nói chớt nhả, hoặc là con mắt nhìn ngược nhìn xuôi chập chối như quạ đậu chuồng lợn, riêng có Văn Hạc lúc nào cũng giữ vẻ tự nhiên dù miệng chàng vẫn tươi như hoa, tiếng nói của chàng vẫn có duyên và rất dễ nghe. Đáng để cho cô vừa lòng hơn nữa là cái tài hoa của chàng. Tuy rằng cô chưa khi nào hỏi ai, nhưng danh tiếng chàng đã khét cả tỉnh Hà Nội, nó vẫn luôn luôn bay đến tai cô một cách vô tình.

Cô biết văn chàng không ưu thì bình, không bao giờ phải xuống bình thú. Cô biết trong ba bốn trăm học trò cụ bảng Tiên Kiều, chàng là một người thứ nhất, không ai đề nổi. Cô biết các ông bạn của cụ bảng Tiên Kiều đều phục chàng có tài thám, bảng, sức học hơn hẳn nghề Long, tuy chàng đã ba khoa thi hương không đỗ. Tóm lại, người chàng, nét chàng, tài học của chàng, bấy nhiêu cái đã làm cho cô bòn chòn sung sướng mỗi

khi nghĩ đến ngày mình làm vợ chàng. Cô tin đời cô sẽ có một lần cũng như cô Thúy, chằm chệ ngồi trên chiếc võng mành mành cánh sáo, để hàng tổng hàng xã rước đi rước về. Cô lại tiếc rằng ông thám, ông bảng vẫn chỉ là hàng tiền sĩ, dù chàng có đỗ thám hoa, bảng nhãn, cô cũng không hơn cô Thúy bao nhiêu.

Nhưng cũng có lúc tự cô lại thấy chán nản buồn bã. Là vì cô nhớ năm trước eo người thầy bói đoán rằng số cô trắc trở về đường nhân duyên, quả nhiên sau đó đã xảy ra việc bên nhà nghề Long bỏ cô không cưới. Bây giờ cái việc cô với Vân Hạc mới là lời của cụ bảng nói với ông đồ bà đồ, chưa đâu vào đâu, chắc đâu sau này lại không có kẻ bàn ra nói vào. Xong cô cũng chưa đến nỗi thất vọng. Bởi vì cô chắc cụ bảng Tiên Kiêu là bậc người lớn, cụ đã nói sao, phải đúng như vậy, không khi nào có chuyện trẻ con như vợ chồng ông đồ Văn Khoa.

Tuy rằng những khi đi chợ tình cờ gặp mặt Vân Hạc, cô thường giả vờ nhìn đi đằng khác, như không để ý đến chàng, nhưng mà trong lúc bước chân ra đi, cô lại mong được gặp chàng để thử ngấm lại dáng bộ chàng bây giờ ra sao. Tuy rằng nhưng lúc ngồi với chị em chúng bạn, bị họ đem Vân Hạc ra làm đầu đề chế cô, giễu cô, cô vẫn xấu hổ đỏ mặt, có lần đã phải phát cáu với họ nhưng mà chính cô lại muốn được họ chế mình, giễu mình như thế, và nếu không thế, thì câu chuyện của họ sẽ không được cô đề vào lỗ tai. Cái phút hồi hộp thứ nhất của cô hồi ấy là bữa cô vừa ở chợ về, bà đồ bảo cho cô biết cụ bảng Tiên Kiêu đã xin ấn định ngày đi trầu cau. Bây giờ cô không có can đảm để hỏi "thầy mẹ đã nhận lời chưa", nhưng cô chỉ mong được nghe bà đồ nói rằng: "Ta đã nhận lời rồi đây". Thế rồi tứ lúc ăn hỏi, xin cưới mà đi, sự bòn chòn ở trong bụng cô lại cứ mỗi ngày mỗi tiến. Với cô lúc ấy, một ngày tức là một năm. Cái thời gian từ cuối tháng sáu đến đầu tháng tám, chỉ có hơn ba chục ngày, nhưng với cô nó đã dài như ba chục năm. Hàng ngày óc cô luôn luôn phải làm tính trè, hết một ngày thì cô rút đi một ngày, hết hai ngày thì cô rút đi hai ngày, nhưng cái chuỗi ngày chưa tới vẫn như không ngắn chút nào. Những đêm mưa ngâu rả rích, giọt mưa lách tách rơi xuống đầu thềm, và những buổi chiều gió thu hiu hắt thổi quanh nhà, bóng tà man mác in trên

lá cây đều là những cái thì khắc khó chịu cho cô hơn hết. Bây giờ những ngày sốt ruột ấy nó đã như nước chảy chậm, dần dần tiêu hết đi rồi. Cái giờ mà cô chờ đợi, đương sắp sửa tới. Chỉ một lúc nữa thì đến giờ ngo, họ nhà trai sẽ sang đón dâu. Từ trưa hôm qua mà đi người cô lúc nào cũng thấy rạo rức, nhất là những lúc nghe tiếng bà con làm giúp, thì nhau gọi mình là cô dâu.

Không phải cô thẹn về sự trêu cợt của họ. Hơn một tháng nay, người ta đùa cô, chế cô đã nhiều, cô đã quen rồi. Lúc này, trước sự ỡm ờ của mọi người, cô đã thừa đủ can đảm để mà đâm ý ra đó. Vậy mà không biết làm sao hai tiếng cô dâu lại có sức mạnh màu nhiệm, mỗi khi lọt vào tai cô. (Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc). Cả đêm hôm qua, cô chỉ ngủ đi nửa giờ. Nhiều lúc cô đã cố nhắm nhắm mắt, nhưng không thể ngủ được. Những tiếng đi lại huỳnh huých và những tiếng nói chuyện xôn xao của một đình đám linh đình bắt cô phải để tất cả tâm trí vào cảnh tượng đêm mai. Trong phút này, cái tiếng đêm mai đã phải đổi ra đêm nay, óc cô vẫn cứ bộn rộn về cảnh tượng đó. "Đúng trưa mới bắt đầu ở đây ra đi, nhanh lắm cũng phải đến nhá nhem mới tới Đào Nguyên. Thế thì cuộc lễ tơ hồng sẽ vào ban tối". Cô tính như thế, và cô cho rằng như thế càng hay, vì lễ tơ hồng ban tối, sẽ khỏi tro trên như các đám khác làm lễ ban ngày. Cô lại tiếc từ trước đến giờ mình không để ý đến các đám cưới của người trong họ. Không rõ trong lúc ngồi với chú rể mà ăn mâm cỗ cúng ông tơ hồng, cô dâu có phải uống rượu hay không? Nếu có thì uống mấy chén? Và cô cân nhắc đến tiếng xung hô của mình phải dùng trong cái phút ấy không biết khi thoát giáp mặt Vân Hạc, mình nên gọi « anh chàng ta » là gì, bằng mình hay bằng anh? Rồi cô nghĩ luôn đến những cử chỉ, lễ độ và những câu chuyện sẽ nói trong khi vợ chồng bắt đầu ngồi đối diện với nhau. Cô không hiểu rằng cái lúc hãy còn ăn uống, mình nên thay bộ áo ngoài, hay cứ mặc nguyên như trước. Thở rồi hai má thấy nóng hôi hổi. (Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc). Tiếng kêu giật giọng của con lợn đương bị chọc tiết, chói lói thúc vào lỗ tai, làm cô phải dứt hẳn mạch tư tưởng. Một người chị họ đi qua cửa buồng, vừa cười vừa nói the thé:

- Gớm chữa! Cô dâu bây giờ vẫn chưa thềm dậy. Ngủ gì mà ngủ kỹ thế.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc) Cô chưa nói sao, người ấy mở màn nhòm vào buồng và giục:

- Thôi đi. Ngủ độ bấy nhiêu cũng đủ. Dậy đi thôi. Mặt trời đã xỏ vào mắt kia kìa. Dậy xem gạo để đâu đong cho chúng tôi nấu cơm.

Cô liền trả lời bằng giọng cố thây:

- Em còn định ngủ thẳng đến trưa, nhưng chị đã nói thì em xin thôi.

Rồi cô oằn oại ngồi dậy.

Trái với thường lệ mỗi ngày, hôm nay cô không chải đầu không soi gương, chỉ quần lại qua loa cái vành khăn vấn, rồi cô bạo dạn mở cửa bước ra. Máy người em họ đua nhau chế giễu:

- Thừa chị đã dậy ạ!

- Sao chị không cố ngủ thêm lúc nữa?

Cô mỉm cười và vẫn bầy bả:

- Công việc đã có các dì làm hộ. Tôi cần phải ngủ để lấy lưng cho đêm nay chứ! Nhưng mà còn đòi các dì nữa đấy. Chỉ sợ sau này các dì lại té bằng hai tôi thôi.

Đứng đĩnh ra bề, cô toan múc nước rửa mặt. Không biết bụng cô nghĩ ngợi ra sao, thau nước múc rồi lại bỏ không rửa. Lững. thững cô xuống nhà bếp và ngồi thụt vào đám mấy người con gái.

Nhà trên, nhà dưới, công việc dao thót vẫn được tiến hành một cánh tấp nập.

Mặt trời lên khỏi ngọn cây, một loạt độ vài chục mâm vừa xong. Sau khi cái sỏ lợn đã đệ ra đình nộp cheo, và mấy mâm thịnh soạn đã bung đi cúng nhà thờ, họ mặc rộn rã bảo nhau ăn uống, để một lát nữa còn phải làm cỗ thết họ nhà trai.

Cô cũng ghé vào với các chị em, ăn lều ăn láo một vài lưng cơm. Rồi lại lẩn vào trong đám đàn bà con gái, ngồi dụi, ngồi dò lúc tựa vào lưng người này, lúc gục vào vai người kia, đề giầu cho kín cái vẻ khác thường trên mặt.

Gần trưa, một cậu học trò bé con lúc nãy bị cắt ra ngóng ở nẻo đầu làng, tất tả chạy về nói với ông đồ là họ nhà trai đã đến. Quang cảnh trong nhà mới càng tui bụi.

Người ta thúc mấy cậu này quạt nỏ hoả lò cho nước chóng sôi. Người ta sai mấy cậu kia lấy chiếc phát trần phẩy qua dây chiếu cạp điều cho sạch cát bụi. Người ta bắt hai cô con gái bung hai coi trầu ra tận ngã ba đón họ nhà trai.

Cô Ngọc vẫn cố ngồi lý dưới bếp để làm ra bộ bạo dạn. Một lát sau, ngoài cổng nghe có tiếng người ồn ào tiếp luôn đến tiếng trẻ con cười reo:

- Chú rể đã đến!

Mấy cô con gái lờ tờ kéo ra nấp sau tường hoa cạnh cổng, để chờ xem mặt chú rể.

Bấy giờ cô mới lật đật chạy vội lên buồng. Lúc ấy mọi người đổ xô cả ra phía cổng, ở chỗ cửa buồng không có người nào, cô bèn khép cánh cửa lại rồi đứng sau cửa nhìn ra.

Đám con nít xúm xít ở phía sau cổng, tự nhiên giạt ra hai bên, rồi cùng chấp tay vái như bỏ củi:

- Lạy cụ ạ!

- Lạy cụ ạ!

Với một bó hương nghi ngút cầm tay, cụ bảng Tiên Kiều xúng xính khoác áo thụng lam đi trước, rồi đến cụ cử Liên Trì. Rồi đến mấy ông cụ già. Rồi đến mấy bà cụ già. Rồi đến một toán con gái. Rồi đến một bọn con trai. Rồi đến một lũ bung tráp xách diều, với mấy người phu khiêng vồng.

Cô Ngọc chăm chăm nhìn không chớp mắt, chủ ý chỉ định coi thử Vân Hạc ăn mặc có lịch sự không. Nhưng chàng đứng lấp vào đoàn nón dứa lỗ nhỏ, cô không thể trông được rõ.

Thình lình một tiếng pháo nổ. Cả bọn nhà trai ùn lại khu giữa sân. Rồi đó những tiếng đi đùng tiếp nhau đi một hồi dài. Xác pháo bắn ra tứ tung, khói bốc đen ngòm, mùi thuốc pháo đưa vào trong nhà khét lẹt. Khi ấy mặt cô càng nóng, bụng cô càng thấy nôn nao, cô phải lén vào trong giường, ngồi im.

Họ nhà trai lục tục tiến lên nhà trên. Cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và các ông bạn của ông đồ ở bên nhà học vừa sang. Các cụ vái nhau một lượt, rồi cụ cử Mai Đình nhìn vào cụ bảng Tiên Kiều, cụ cử Liên Trì mà nói:

- Té ra chúng ta hôm nay chia làm hai cánh. Các bác ăn về cánh nhà trai, chúng tôi thì ăn về cánh nhà gái. Cụ cử Liên Trì mỉm cười:

- Phải. Tôi cũng biết các anh ăn về bên chắc.

Cụ cử Mai Đình cũng cười và tiếp:

- Chứ ai có dại mà đi ăn về bên lép như các ngài.

Cụ bảng Tiên Kiều nói chen:

- Tôi can các anh đừng bẻ tay bụi ngày rằm. Cỗ bàn có thiếu gì giò nem!...

Một trận cười rộ kết liễu cho cuộc bông đùa, quan viên hai họ chen nhau ngồi vào các ghế.

Tuần trà đầu tiên đã đoạn. Cụ bảng nói với quan họ nhà gái cho người đưa rể đi lễ mấy nơi cần lễ. Một cậu phòng của nhà trai mở tráp lấy chiếc áo tấc trao cho Vân Hạc. Mấy chục cặp mắt trong đám đồng thời đổ xô vào chàng rể mới. Vân Hạc tuy đã trơ trên, nhưng cũng không khỏi xấu hổ khi phải khoác tấm áo lung thùng vào mình để đi với bọn phù rể theo người nhà gái dẫn đường đến mấy nhà thờ.

Những cô con gái rõ mặt chú rể thi nhau bàn tán bình phẩm; kẻ chê chú rể xác lác, người khen chú rể giỏi trai.

Bà đồ tung tăng chạy lên chạy xuống, đóng dả chị em bè bạn cô Ngọc sắp sửa quần áo để đi đưa dâu. Một lát sau, chú rể lại về với bọn phù rể. Bà cống lễ phép đứng dậy nói với cụ bảng xin mời ông đồ bà đồ ngồi lên cho chú rể làm lễ. Cả hai ông bà nhất định không nhận. Bà cống nhất định chèo kéo. Một bên cô nài, một bên cô chối, câu chuyện giằng co một hồi. lâu. Kết cục cuộc áp tón phải nhường chỗ cho mấy mâm cỗ và mấy nai rượu.

Sau khi đã thay phiên nhau mời chào quan viên hai họ vào tiệc, ông đồ lánh sang nhà học, bà đồ cũng đi giục giã mấy người làm giúp bung mâm để những ông, bà, cô, cậu phải đi đưa dâu uống rượu; rồi bà vào báo cô Ngọc cùng ngồi với các chị em ăn cơm luôn thể.

Bóng nắng chầm giọt, nhà trong nhà ngoài ăn uống đều xong.

Cụ bảng sai người đi mời ông đồ bà đồ tới đó để xin đón dâu. Những người vào việc võng cằng điều tráp tấp nập sắp sửa đồ đạc. Mấy bà cụ già trong họ cùng giục cô Ngọc đứng lên thay đổi quần áo.

Nhưng cô bây giờ tự nhiên lại thấy bẽn lễn xấu hổ, nắn ná cô cứ ngồi ỳ với bọn chị em. Mấy bà cụ già nóng ruột, thúc giục đến bốn năm lần, bấy giờ cô mới liềm liềm đứng dậy ra sân. Sau khi đã múc chậu nước lau qua mặt mũi, cô vào trong buồng, mở rương lấy gói quần mới, áo mới, và chiếc quai thao mới, bỏ cả ra giường. Rồi cô lật chiếu đầu giường cầm lấy chiếc gương Tư mã, nhưng lại ra bộ ngượng ngùng nửa muốn soi, nửa không muốn soi.

Những người bạn gái xúm lại, kẻ xỏ khăn, người chải đầu, người rẽ đường ngôi, rồi người lấy chiếc khăn nhiễu tam giang của cô mới mua; nắn nót vắn vào cho cô. Mặc họ vắn mình như vắn dưa, cô không nói năng gì cả.

Ngoài sân lạch tạch một tràng pháo nổ. Quan họ nhà trai đã tan một tuần trà nước cuối cùng. Bà cống Đào Nguyên, cụ bảng Tiên Kiều có lời cáo từ.

Rồi thì mọi người rục rịch đứng dậy vái chào ông đồ bà đồ và bước xuống sân. Cụ nghè Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và mấy ông già bà già dự cuộc đưa dâu, cùng đi luôn với họ nhà trai ra cổng.

Cô Ngọc vẫn còn lúng túng trong buồng, chưa chịu thay đổi quần áo. Mấy bà nhiều tuổi trong họ phát câu:

- Không phải là việc trẻ con mà cứ làm nũng! Thế nào gọi là ngày lành tháng tốt? Một năm mới được một ngày. Một ngày mới được một giờ. Liệu mà sắm sửa mau lên, sắp hết giờ ngọ rồi đấy. Nếu đi lúc nào cũng được thì ai còn xem giờ làm gì?

Cô Ngọc đỏ bừng hai má và trả lời bằng giọng buồn rầu:

- Các bà mắng cháu oan quá. Nào cháu có làm nũng đâu! Nhưng mà... Cô không nói nữa và đứng phắt dậy, cởi hết cả lớp quần áo đương mặc, để thay một lượt áo mới váy mới. Rồi cô khẽ nâng chiếc gương Tư mã ngắm lại dung nhan của mình, cái tuổi xuân đương dậy thì, thêm có tơ lụa trang điểm, cố nhiên vẻ yêu kiều phải rực rỡ hơn ngày thường. Cô cố giữ nguyên sắc mặt cho khỏi tươi cười, để giấu kín cái hớn hờ của sự đắc ý.

Chị em thì nhau nói giễu:

- Đẹp rồi! Đáng là cô thám, cô bảng lắm rồi. Thôi đi đi chứ. Đêm có khuya ngày có rạng!

Cô không trả lời. Ngó ra cửa buồng cô bảo Bích lấy chiếc chiếu trải ra giữa thềm. Rồi mời ông đồ bà đồ ngồi trên phản, cô rón rén bước vào trong chiếu sụp xuống lạy cha lạy mẹ mỗi người một lạy. Ông đồ vẫn thản nhiên như thường. Nhưng bà đồ coi bộ rất là cảm động, nước mắt dập dính trong hai khóe mắt. Sẽ lau nước mắt, bà gượng làm bộ

vui vẻ: - Thôi con đi đi? Kéo nữa hai họ chờ đợi. Mẹ đã nói với cụ bảng, bà công rồi đây. Ngày mai cơm nước xong rồi, vợ chồng lại cùng về đây với thầy mẹ.

Cô Ngọc cũng rung rung hai hàng nước mắt. Uể oải xỏ chân vào đôi dép cong, rồi cô thơ thẩn đứng dậy, toan quay vào buồng. Mấy cô phù dâu đứng đợi đã lâu, có ý nóng ruột, họ liền lấy chiếc nón thúng quai thao trao tay cho cô và giục:

- Đi đi! Chùng chình mãi! Chị bắt anh ấy chờ đến bao giờ?

Điềm nhiên, cô đặt chiếc nón lên đầu và buồn bã bước chân xuống thềm, rồi đi lẫn vào giữa đám con gái đó. Cái nón chênh chếch chúc về phía trước, hết sức giấu kín đôi má hồng hồng của cô, cái má đang bị nóng hổi về sự rạo rực trong tim phổi.

Ngoài đường quan viên hai họ vẫn thúng thảng vừa đi vừa đợi. Ra khỏi cổng làng, dâu rể và các ông già, bà già lần lượt lên võng. Những cô con gái và những cậu con trai răm rắp đi bộ theo sau.

Nắng tây gay gắt rọi xuống đồng lúa xanh non, như muốn thúc đám cưới đi cho rảo bước. Ngồi trên võng, nhìn lên những người đi trước, cô sực nhớ đến câu chuyện mà mình bói được độ nọ:

*“Vội vàng sắm sửa lễ công.
Kiệu hoa đón gió, đuốc hồng ruổi sao.
Bà hàng cổ vũ xông xao.
Song song đưa tới trường đào sánh đôi.”*

Cô mỉm cười và tự hỏi mình: có lẽ bốn câu ấy ứng vào cái việc hôm nay đây rồi. Rồi cô liền nghĩ tới bốn câu nữa mà cô cũng bói được trong hôm ấy và cô tự hỏi: không hiểu bốn câu này là ý làm sao?

Chương VII

Ánh nắng nhạt của trời tháng chín đã phá tan lớp sương mù bắt đầu in xuống mặt đất. Cánh đồng lúa chín tung bừng biến thành làn biển sắc vàng. Hơi sương đọng lại ban đêm còn đầm đìa trên lá cây và lóng lánh trên ngọn cỏ.

Dáng bộ vui vẻ của một người đương được hả dạ, cô Ngọc - bây giờ có thể gọi là cô khóa Hạc - tung tăng đi trên bờ đê với chiếc thúng nhúi cặp dưới sườn. Chốc chốc cô lại quay đầu về phía cổng làng để ngó xem chồng ra chưa.

Nhưng mà chàng vẫn chưa ra.

Thủng thẳng bước một, cô dạo tới một gốc cây đa ven đê. Và lật chiếc nón khua sơn nhôi bạc đặt ngửa xuống một đám cỏ, cô để cái thúng lên trên. Rồi vén váy áo cho khỏi lòa xòa, cô ngồi vào một đoạn rễ đa cạnh đó và giờ thúng lấy kim chỉ và miếng mận nhiều, cô vừa khâu túi vừa đợi chồng.

Sau cái đêm đuốc hoa phòng động, cô về quê chồng lần này là hai.

Bởi vì từ khi xong lễ lại mặt, Vân Hạc đã cho người sang nhà trọ dọn hết sách vở đồ đạc sang nhà ông đồ Vân Trình, để cùng cô hưởng cuộn đoàn viên, cho nên cô dù đã đi lấy chồng, nhưng vẫn được ở nhà với cha với mẹ. Vợ chồng ông đồ cũng muốn cho cô trọn đạo làm dâu. Cho nên cách đó ít bữa, ông bà lại bắt Vân Hạc đưa cô về làng Đào Nguyên để thăm bà công và đi chào các ông chú bà bác trong họ.

Cô ở nhà chồng chỉ có hai đêm một ngày, thì bà công Đào Nguyên giục cả vợ lẫn chồng phải sang Vân Trình. Là vì năm đó, hương thi có kỳ ân khoa, bà sợ con trai nấn ná ở nhà, hoặc giả lại sao nhãng về việc đèn sách. Chiều ý mẹ Vân Hạc phải đi ngay.

Năm gian nhà khách của ông đồ Vân Trình lúc ấy đã thành ra giang sơn riêng của vợ chồng cô. Với cái giang sơn ấy, đời cô hơn một tháng nay, có thể nói là đây nhưng thi

vị. Ngày thi đi chợ bán hàng, tối về cô lại dệt cửi. Buồng cửi của cô đối nhau với buồng học của Vân Hạc. Những lúc đêm khuya nhà vắng, bóng trắng vắng vặc rọi trước thêm, chàng học, cô thì dệt vải, tiếng đọc sách giòn giã xen với những nhịp đều đặn của tiếng ác kêu, khiến cô luôn luôn cảm thấy cái sung sướng êm đềm của đời tuổi trẻ vô tư vô lự.

Nhưng mà chí cô không phải có thế, cô còn muốn được hơn nữa. Bây giờ kỳ thi sắp tới. Chỉ còn cách năm ngày nữa, chàng phải trẩy trường. Vì vậy ông bà đồ bảo chàng và cô phải về Đào Nguyên để sửa lễ thờ. Vân Hạc tuy vẫn không thích việc đó, nhưng vì chiều lòng ông nhạc, bà nhạc, chàng cũng không muốn từ chối.

Sáng nay cô và chàng ăn cơm sớm hơn mọi ngày. Đáng lẽ hai người cùng đi một lúc, nhưng vì vợ chồng mới cưới cô vẫn chưa hết cái tính xấu hổ, sợ rằng đi đôi với chồng lại bị chị em chê cười. Cho nên cô mới dặn chàng đi sau để mình đi trước, ra khỏi cổng làng cô sẽ vừa đi vừa đợi. Dưới bóng rợp mát của cây đa, mắt cô tuy nhìn vào mũi chỉ đường kim, nhưng bụng cô vẫn để cả vào lời người thầy bói mà cô bói trong phiên chợ trước. Người ta vẫn đồn lão thầy bói đó đoán quẻ hay lắm. Hắn bảo tháng này mình có tin mừng, chắc anh chàng ta thế nào cũng đỗ. Vả lại cụ bảng Tiên Kiều, cụ nghề Quỳnh Lâm và nhiều cụ khác đều nói quyết rằng anh ta phải đỗ kia mà. Nhưng, anh ta đỗ ngay, mình cũng không thích. Vợ chồng lấy nhau mới già một tháng, mà chồng đã đỗ, thiên hạ sẽ bảo mình không có công nuôi chồng đi học ngày nào. Ước gì anh ta hỏng vài khoa nữa, rồi sau hãy đỗ để mình nuôi hắn cho thiên hạ biết tay". Nhưng rồi cô lại gạt đi mà rằng: "Sao mình nghĩ đại đột như thế? Gì thì gì, chứ chồng đỗ sớm vẫn có sướng hơn. Thi hương đã vậy, lại còn thi hội. Nếu khi mình đã con bận con mọn, vác đôi vú ọ ẹ mà lên ngôi võng vinh qui, có lẽ không thú gì nữa".

Cái túi khâu đã gần xong, vẫn chưa thấy bóng Vân Hạc. Cô toan đứng dậy trở về, thì trong cổng làng một chiếc nón dứa vừa nhô ra dưới bóng nắng. Nhìn cái dáng điệu nhanh nhẩu và nhẹ nhàng của người đội nón, cô nhận đích là chồng mình, tức thì cô lại ngồi xuống để khâu cho xong cái túi.

Bóng nắng lan đến gốc đa.

Trận gió hiu hiu thổi qua đồng lúa.

Những bông lúa chín lướt theo chiều gió còn cợn như một lớp sóng vàng.

Tiếng hát đưa liềm của mấy cô thợ gặt thi nhau lên bổng xuống chìm, réo rắt trong cánh đồng bát ngát.

Trước cảnh tượng bao la man mác, cô dừng mũi kim, mơ màng nhìn ra đám chân trời xa xa.

- Làm gì mà thơ thần vậy?

Tiếng hỏi thành linh dội vào bên tai, khiến cô giật mình quay lại. Vân Hạc đã sùng sững đứng ở đằng sau với một nụ cười. Chàng tiếp:

- Đợi lâu thế hắt nóng ruột lắm đấy nhỉ?

Cô cũng mỉm cười và đáp:

- Không nóng ruột. Chỉ tính quay về đây thôi.

- Trang điếm những gì mà ở nhà bây giờ mới đi?

Vừa nói, cô vừa thu xếp cái thúng, rồi cô uốn vai, vặn mình, uể oải đứng dậy. Vợ chồng liền sánh vai nhau vừa đi vừa nói những chuyện tầm phơ. Con đường tuy xa, nhưng chàng vẫn luôn đi về, cô thì hàng ngày đi chợ đã quen, cho nên ai nấy cũng không thấy mỏi lắm.

Mặt trời gần đến đỉnh đầu, cổng làng Đào Nguyên lù lù hiện ra ở trước mặt. Cô toan lùi lại để chồng vào trước. Nhưng chàng bảo cô cứ việc cùng đi, không phải e lệ gì cả. Hai người mới nhô đầu vào cổng nhà, lũ cháu thi nhau cười reo:

- Ấy, chú tư, thím tư đã về!

Rồi chúng đua nhau lạy chú, lạy thím và chúng xúm xít xung quanh, đứa này nắm tay, đứa kia níu lấy vạt áo của thím. Xoa đầu chúng nó khắp lượt, cô và chàng vui vẻ đi vào trước thềm. Bà cống đang ở trong nhà mừng rỡ bước ra. Cô và chàng cùng cung kính chào. Bà cống tươi cười:

- Ừ các con đã về đây ư? Đẻ đang cố mong đợi. Nếu như hôm nay chúng bay không về, thì có lẽ ngày mai đẻ phải cho người đi gọi.

Vân Hạc sững sờ:

- Thưa đẻ có việc gì ạ?

Bà cống vội đáp:

- Không! Có việc gì đâu. Vợ chồng hãy vào trong nhà mà nghỉ. Đi đường lúc nắng có mệt lắm không.

Cô Ngọc lễ phép:

- Thưa đẻ, cũng không nắng lắm. Vì ở trên đường có gió luôn luôn.

Rồi cô nhẹ nhàng lên thềm và sai một đứa cháu lớn đi xuống nhà dưới lấy cho cái đĩa. Sau khi đã giở thùng lấy mấy chiếc bánh cốm bày lên trên đĩa, bung đến trước chỗ bà cống, mời bà xơi nước, cô đem gói kẹo phân phát cho lũ trẻ con. Mấy người chị dâu nghe tiếng vợ chồng chú tư đã về, ai nấy đơn đã chạy lên chào hỏi. Trong nhà vui như ngày tết. Hết một lượt chuyện hàn huyên, Vân Hạc đứng dậy tung tăng vừa đi bách bộ trong nhà vừa hỏi mấy người chị dâu:

- Anh cả đi đâu không thấy? Anh hai, anh tú độ này có về nhà không?

Bà cống đón lời:

- Bác cả sang chơi bên Bắc, mới đi sáng nay. Còn anh hai và anh tú thì hơn tháng nay không về đến nhà. Hôm qua hai anh có nhắn về rằng: hễ con có về, thì con cứ việc sửa

lễ ra thờ. Từ nay đến hôm trẩy trường, các anh ấy không về nữa. Vì thế, để cứ mong ngóng vợ chồng nhà mày.

- Con cũng đã toan không về. Nhưng vì mẹ con bên kia giục mãi, con cũng chiều lòng, nên phải nghe lời. Lễ mãi, khoa nào cũng lễ, hỏng vẫn hoàn hỏng. Quỷ thần có giúp cho mình đâu, mà mình cứ phải cúng các ông ấy?

Vừa nói Vân Hạc vừa ngồi xuống ghế, vớ lấy cái điều sai cháu châm lửa hút thuốc. Bà cống ra bộ không ưng lời con, vội gắt:

- Cái thằng ăn nói hay chứ! Làm người thì phải kính trọng quỷ thần. Cúng ngài không phải chỉ cốt để ngài phù hộ. Mày đốt thì mày hỏng, trách gì quỷ thần? Nếu như cúng mà được đỗ, ai còn phải học làm gì.

Co Ngọc tiếp lời mẹ chồng:

- Ấy ở bên kia anh ấy cũng cứ nói buống như thế. Mẹ con khuyên mãi mới chịu về đây.

Vân Hạc mỉm cười:

- Thì cứ cúng, tôi có ngăn cản gì đâu. Nhưng thưa để phải để đến ngày mai chứ?

Bà cống rẽ ràng trả lời:

- Gà gạo tao đã mua sẵn cả rồi. Nhưng cũng phải chờ đến sáng mai mới sửa. Việc lễ lạt không nên sửa vào buổi chiều.

Một đứa cháu gái với bộ mặt nhễ nhại mồ hôi, xách một siêu nước từ dưới nhà bếp lên thêm. Cô Ngọc nhanh nhẩu chạy ra đón lấy. Rồi cô súc ấm, tráng chén, pha mấy chén nước, đệ đến trước mặt bà cống. Bà cống cầm chồng bánh cốm đưa cho cô va nói:

- Con đem bóc ra, để các bác uống nước cho vui.

Chị tú chạy lại đón lấy chồng bánh và nói:

- Để con bóc cho. Thím nó chưa biết bóc đĩa để đâu.

Rồi thì chị cầm lấy mấy cái bánh đi xuống nhà dưới. Bà cống vui vẻ bảo chị cả, chị hai cùng sang bên ấy uống nước với mình. Với mấy chị này, bà chỉ là người nằng hàu của bố chồng, nhưng lúc ấy các bà vợ cả, vợ hai cụ cống đều mất. Bà được là chủ của gia đình. Cái nét hiền từ đứng đắn của bà, đã làm cho những người dâu con cụ cống đều phải kính trọng yêu mến như một người mẹ. Đối với bà, họ giữ rất đúng lễ phép, thường thường không ai ngồi đôi cùng bà bao giờ. Vì vậy, bây giờ bà tuy mới họ, họ vẫn nhất định từ chối:

- Bà mặc chúng con.

Chị tú đã bung mâm bánh ở nhà dưới lên, rón rén đặt xuống bên cạnh bà cống. Một lần nữa, bà lại giục các chị dâu sang đó ăn bánh. Nể lời bà, chị hai liền đến bung lấy một đĩa, đem sang đây phần bên này.

Bà cống lại gọi lũ cháu vào quanh phần mình, rồi bà xắt bánh, xóc cho mỗi đứa một miếng.

Cái tiệc đơn sơ cử hành trong một bầu không khí đầm ấm khiến cho cô Ngọc nô nức mừng thầm về nền phúc đức nhà chồng. Và cô không khỏi băn khoăn cho cảnh vắng vẻ của nhà mình. Xong bữa nước, trời vừa đúng trưa. Chị cả, chị hai, ai đi làm việc nấy. Cô và chị tú cùng xuống bếp nấu cơm.

Mặt trời tà tà, cô vào xin phép bà cống cho mình và mấy đứa cháu nhỏ đi thăm mấy ông chú bác và vài chị em trong họ. Lân la hết nhà này đến nhà khác, khi cô trở về thì trời vừa tối.

Trong nhà hãy còn đầy những khách khứa, bà con trong họ nghe tin Vân Hạc mới về, người ta rủ nhau đến chơi để hỏi thăm về chuyện thi cử của chàng.

Mặc chồng tiếp khách ở nhà trên, cô xuống nhà dưới, ngồi chuyện văn với mấy người chị dâu. Một lát sau khách khứa về hết. Vân Hạc cũng cùng đi chơi với họ. Bà cống cho gọi cô và mấy người kia lên cả trên nhà. Rồi bà bắt cô thắp đèn, đem truyện phật

bà Quan âm kể cho cả nhà cùng nghe. Lâu nay bà vẫn thèm nghe truyện ấy, nhưng mà không có ai kể. Vả lại, bà vẫn nghe nói dẫu mình biết chữ, nhưng bà chưa tin, nên muốn thử xem cô có biết chữ thật không.

Thầy cô đọc được trôi chảy, đúng vắn, dứt mạch, không bị ngắc ngứ chỗ nào, thì bà rất lấy làm mừng.

Chị hai như cũng ngạc nhiên về sự thông thái của em dâu, ngơ ngẩn nét mặt sẽ hỏi:

- Thím đi học được bao nhiêu năm?

Cô bầm đót rồi đáp:

- Tám năm tất cả. Em đi học từ năm lên sáu. Vì thầy mẹ em hiếm hoi, lúc đẻ em, thầy mẹ em không xâu lỗ tai. Đến năm em lên sáu tuổi thầy mẹ em lại bắt em để hồng mao, mặc quần trắng, giả làm con trai, học chung lớp với học trò trẻ con. Em học lẻo đẻo đến năm đã mười bốn tuổi, phải đi chợ coi hàng cho mẹ em, bấy giờ mới nghỉ.

Chị em tươi cười hỏi tiếp:

- Thế thím đã đọc được những sách gì?

Cô thỏ thẻ trả lời:

- Cũng như những học trò con trai, vỡ lòng em học Tam tự kinh, rồi đến Sơ lục vấn tân, rồi đến Minh đạo gia huấn, rồi đến ấu học ngũ ngôn thi, rồi đến Hiếu kinh, rồi đến Luận ngữ chính văn. Năm em mười tuổi, thầy em mới cho em học kinh Lễ, nhưng chỉ học thiên Khúc lễ, và thiên Nữ tắc mà thôi. Hết hai thiên ấy, mỗi ngày em chỉ được viết một tờ phóng và học mấy bài thơ trong quyển Đường thi. Vì lúc ấy mà đi, ngày nào em cũng phải đánh ống, đánh suốt, tập nghề dệt vải.

Chị cả ra bộ tàn nhẫn:

- Thuở nhỏ tôi cũng đi học như thím, nhưng chỉ học đến quyển Hiếu kinh thì thôi Thế mà bây giờ không nhớ một chữ nào cả. Tôi tối dạ quá.

Đêm đã khuya, bà công thấy mình hơi mệt. Cuộc kể chuyện bị tan giữa lúc nhiều người còn thèm. Chị cả, chị hai, chị tú rục rịch ai vào buồng riêng của người nấy. Những đứa cháu nhỏ châu chực từ tối đến giờ tranh nhau đòi được ngủ với thím tư. Vân Hạc vẫn chưa về. Bà công bảo cô đem cả lũ cháu vào trong phòng mình cùng ngủ.

Vừa lạ nhà, lại vừa băn khoăn không biết chồng mình bê tha ở đâu, cô trần trọc đến hết canh ba mới chợp mắt được một lát. Mấy con gà trống phành phạch vỗ cánh thi nhau gáy ở sau nhà, làm cô giật mình thức giấc. Ngoài sân đã thấy có tiếng nôi xanh lạch cạch và tiếng vo gạo sần sạt. Những người chị dâu đã dậy làm việc cả rồi. Cô nhiên cô cũng không thể nằm nữa. Sợ động giấc ngủ của mẹ chồng, cô sẽ rón rén xuống đất và sẽ ngỏ cửa ra sân để cùng các chị bắc chỗ thổi xôi, đun nước làm thịt gà.

Bây giờ Vân Hạc mới về. Cô toan hỏi chồng đi đâu suốt đêm. Nhưng sợ mấy người chị dâu cười mình ghen bóng ghen gió, nên cô lại thôi. Trời rạng đông, tiếng gà giục giã gáy dồn. Bà công trở dậy và xuống ngồi ở, nhà bếp xem xét công việc.

Sáng rõ. Xôi, gà đều chín. Các thức cơm canh cũng vừa làm xong. Theo lời dặn của bà công, cơm canh để cúng ở nhà, còn xôi gà thì đem cúng đình và cúng nhà thờ đại tôn. Sau khi hai chỗ xôi và hai con gà được đóng làm hai mâm, bà bảo cô Ngọc sắp đủ trà rượu vào đó và đi lấy hai bông hoa hồng cắm vào hai cái mỏ gà, rồi cho người nhà bưng đi.

Bởi vắng anh cả, Vân Hạc phải chỉnh đốn khăn áo để thắp đèn hương khấn cụ. Rồi chàng đi theo hai mâm xôi gà đi ra đình lễ thánh và vào nhà thờ đại tôn lễ tổ. Bà công dặn với:

- Con nhớ nói với ông từ, ông trưởng khấn cho anh hai, anh tú nữa đấy.

Vân Hạc tủm tỉm cười nụ:

- Vâng, con đã nhớ. Nhưng không biết. con chỉ lễ đủ phận con hay phải lễ thay cả hai anh ấy?

Bà cống cau mày:

- Đừng nói trẻ con! Việc quỷ thần không phải chuyện đùa.

Vân Hạc im lặng ra cổng. Bà cống cung kính đến trước bàn thờ, rẽ ràng ngồi xuống chiếc sập kê liền hương án, sẽ xỏ. nửa vành khăn vấn, hạ xuống ngang với sống mũi, và chìa hai tay nâng vành khăn ấy cho nó không không ở trước hai mắt, bà vừa lễ vừa khấn ông cống phù hộ các con khoa này thi cử cho may. Một hồi lầm rầm đã dứt mạch bằng ba cái gập đầu trình trọng, bà nghiêm. trang quay ra bảo các nàng dâu cùng vào lễ thầy và đi đánh thức lũ trẻ trở dậy, để cho chúng nó lễ ông. Ngoài cổng có tiếng chó sủa. Cả nhà đồng thời ngó ra.

Cụ Năm, chú ruột Vân Hạc, lù lù chống gậy bước vào trong cổng với hai quan tiền vắt vai.

Chị hai tất tả chạy ra trông chó và đón ông chú vào thềm. Bà cống chào hỏi bằng giọng vui vẻ:

- Ông đem tiền đi đâu? Hay định cho cháu đây chăng?

Cụ Năm lễ phép trả lời:

- Vâng. Cái nghĩa làm chú thì phải thế chứ.

Rồi cụ đặt hai quan tiền xuống chúc án thư giữa đôi tràng kỷ và tiếp:

- Thưa bác, anh tư đi đâu? Bác đã cúng ông cống chưa đây?

Bà cống đáp:

- Cháu nó ra đình lễ tổ. Tôi khấn ông cháu rồi ạ!

Cụ Năm lật đặt đến trước bàn thờ và nói:

- Xin vái ông anh vậy thôi, mõi lắm, không lễ được nữa.

Rồi cụ chấp tay cúi đầu, vái luôn năm cái. Vân Hạc vừa về, chàng mời ông chú sang ngồi ở bên tràng kỷ. Rót một chén nước đệ đến trước mặt cụ Năm, rồi chàng chấp tay đứng hầu bên cạnh. Cụ Năm cầm chén nước lên và hỏi:

- Hôm nào thì anh trở trường.

- Thưa chú hai năm tháng này!

- Mồng một tháng sau đã phải vào trường, mà đến hai năm tháng này mới đi, e rằng chậm quá, anh nên đi sớm thì hơn. Bởi vì tới nơi còn phải đi tìm nhà trọ và phải sắp sửa các đồ cần dùng. Xong rồi cũng phải nghỉ ngơi vài ngày cho tinh thần khoan khoái, thì khi viết văn mới được linh lợi.

- Thưa chú, đồ đạc cháu đã sắp sẵn ở nhà, còn nhà trọ thì cháu đã có chỗ quen mọi năm. Không phải tìm nữa. Hai năm tháng này đi cũng vừa.

Cụ Năm chỉ tay vào hai quan tiền:

- Nếu được thế thì hay lắm. Đây chú đỡ cho vài quan, để khi tới trường mà cho... nhà trọ.

Bà cống nói xen:

- Chết nỗi. Sao ông lại nuông cháu quá như vậy!

Cụ Năm vừa cười vừa nói:

- Chẳng nuông cũng đến thế thôi! Ai theo chân mà giữ chúng nó!

Rồi cụ quay sang Vân Hạc:

- Nhưng chơi thì chơi, cũng phải để bụng vào việc thi cử mới được, chớ có lu bù thái quá. Bây giờ chú đã già rồi, nghiệp nhà trông vào các anh: Các anh còn đương niên thiếu lực cường, phải cố nỗ lực lấy gia thanh, đừng có lết đệt như chú. Hễ khi tới trường, có gặp anh hai, anh tú, cũng bảo chú dặn như vậy.

Vân Hạc vâng lời, rồi xách cả hai quan tiền đem đặt sang phản bên kia.

Ngoài cổng lại có bóng người thập thò, chị cả vội vàng chạy ra đón tiếp. Bà bác, bà thím, bà cô, một lũ lô nhô tiến vào trong sân. Sau khi đã chào bà cống, cụ Năm và ghé ngồi vào chiếc phản cạnh, mỗi bà mở bọc giở ra một chuỗi tiền đen và bảo Vân Hạc:

- Nghe tin anh sắp trả trường, gọi là chúng tôi mỗi người giúp anh một quan để anh thêm tiền đồ giang.

Vân Hạc chưa kịp nói sao thì một bọn nữa độ năm sáu người, vừa họ nội, vừa họ ngoại, lũ lượt kéo đến. Cũng như các bà kia, những người này cũng đem tiền đến cho Vân Hạc: người một hai quan, người năm bảy tiền. Vân Hạc cảm ơn khắp lượt rồi chàng vừa cười vừa nói:

- Giả sử mỗi tháng đi thi một lần, thì trong một năm, tôi có thể cưới được một người vợ nữa.

Rồi chàng thu xếp các món tiền đó chồng làm một đồng.

Hai người nhà bùng cỗ đi cúng lúc nãy đã đội cỗ trở về, bà cống giục các nàng dâu sắp sửa mâm bát để mời họ mạc uống rượu. Đàn bà con gái hết thấy đều chối là mới ăn cơm xong. Chỉ có đàn ông nhận lời. Chừng nửa buổi bữa rượu mới tan. Họ mạc lẻ tẻ ra về với câu ân cần chúc cho Vân Hạc khoa này nhất cử. Trông thấy chiều trời đã trưa, bà cống liền sai cô Ngọc đem cả số tiền bà con giúp đỡ, lấy mo bó làm hai bó. Rồi bà thúc giục con dâu, con trai phải về Vân Trình vì ngày mai còn phải lễ thờ ở bên ấy nữa.

Chương VIII

Đêm ấy không có trăng.

Phố phường Hà Nội đã theo cảnh tượng trời đất biến thành một khối đen sì.

Vũ trụ thu lại vùng ánh sáng của mấy cây đình liệu. Gió bắc ào ào thổi. Chín mươi ngọn lửa lớn bằng chín mươi cái bích hết thảy điên cuồng lồng phách như muốn lia những bó đuốc nửa nhảy vọt lên từng mịt mù. Quang cảnh trường thi hôm nay rộn ràng hơn mấy hôm trước.

Dưới lớp mái ngói của nhà Thập đạo, mũ áo thấp thoáng hiện trước bóng đèn lồng.

Trong mấy gian chòi canh lơ lửng gác ở lưng trời, trống cái đi đôi với thanh la, chốc chốc lại đưa ra những tiếng oai nghiêm trịnh trọng.

Ngoài dãy phen nửa hùng vĩ như bức tường thành quây kín lấy khu nền tường, đội lính trú phòng rầm rập theo vó ngựa của quan giám trường đề điệu diễu từ mặt nọ đến mặt kia. Tiếng nhong nhong của nhạc ngựa hòa với tiếng đình đình của trống quân, càng giúp cho cuộc tuần phòng thêm vẻ cẩn mật.

Trên nếp cổng tiền, một bức hoành biển nghiêng mình nằm ghéch đầu trên đôi đồng trụ, chiều dài thườn thượt không kém một chiếc thuyền thoi. Sóng biển phủ một bức diềm nhiễu điều, chính giữa kết thành một hoa sen to bằng cái mâm, hai đầu thì hai trái găng lớn như cái thúng lủng lẳng đu ở cạnh cột. Lòng biển, bốn chữ "Tân hưng thịnh điển" song song đứng ngang một hàng, nét vàng lóng lánh trong nền sơn son như muốn cười với ánh lửa của trời tối.

Từ mặt tiền qua phía tả đến mặt hậu, cũng như từ mặt hậu qua phía hữu đến mặt tiền, bốn cửa của bốn vi giáp, ất, tả, hữu đều thênh thang.

Những cái khung bảng chứa hàng mấy nghìn tên người đều ngoảnh bộ mặt "dán giấy" ra đường, như đương ngóng các thầy sĩ tử.

Mấy chiếc ghế treo cao chín mươi bậc cùng đôi bốn chân và đứng ngất ngưỡng ở ngoài các cửa như đương đợi các ông khảo quan.

Trước hai cửa của hai vi tả hữu, cũng như trước hai cửa của hai vi giáp ất, toàn lính thể sát đo nhau đứng chực ngoài cửa với những dáng bộ rất nghiêm trang. Tầm áo nẹp xanh thân đỏ ngọn gàng nấp dưới chiếc nón dẫu sơn quang dầu. Những sợi dây tòng của chiếc tay thước khảm chai, bông bênh rủ xuống miếng ban kiên sắc sớ.

Khoảng đầu canh ba, tiếng ồn ào bắt đầu nổi ở nẻo xa xa. Rồi nó dần dần gần lại. Rồi nó dần dần rõ thêm. Rồi nó dần dần đưa đến những đám đèn đuốc lập lòe như đám ma chơi. Học trò các nơi tấp nập kéo đến cửa trường.

Gió bắc thổi càng dữ.

Những cây đình liệu cháy càng nổ.

Trên miếng đất giá lạnh của trời đông, bóng người chật như đám hội.

Có người tóc đã bạc phơ. Cũng có người hồng mao còn ngất ngheo trong vành khăn nhiễu. Có người không giấu sự nghèo túng, thân hình gầy guộc so sỏi trong mảnh áo đơn. Cũng có người như muốn khoe vẻ phong lưu, quanh mình quấn mấy lần áo bông sù sù, hai hàm răng còn run cầm cập. Có người hai vai nặng trĩu khuỷu tay còn đủ sức thích bên kia gạt bên nọ, len từ ngoài tít vào trong cùng. Cũng có người cất cổ không lên, lều chiếu đều bị lôi sênh xệch ở mặt đất. Vênh cái mặt dương dương tự đắc, đó là người mới thi lần đầu.

Vẻ lo ngại hiện đầy trên bộ trán nhăn nheo ấy là kẻ lão đảo trường ốc.

Còn nữa, và còn nhiều nữa. tả không thể hết.

Đêm càng khuya, học trò kéo ra càng nhiều. Ai vào vi nào, lật đặt tìm đến của vi ấy. Dưới hàng vạn nón chóp lô nhô đứng ở bốn cửa, hàng vạn con người cùng một lối trang sức như nhau: sườn này cái chõng tre và bộ gọng lều; sườn kia, thì bó áo tơ và cuộn áo lều, hoặc một đôi chiếu cói; trên ngực, quả bầu be và chiếc ống quyển; dưới bụng thì cái yên mộc hay cái tráp sơn. Bấy nhiêu đồ vật, nặng có, nhẹ có, lớn có, bé có, dài có, ngắn có, hết thấy xúm lại và đu cả lên cái cổ yếu ớt của các ông thư sinh. Hình như trời cũng bắt tội nhà nho, trước khi bước lên đường công danh, đều phải tập làm việc của bọn phụ trạo.

Kẻ chen vào người đẩy ra, kẻ du lại, người ẩn lại dưới ánh lửa sáng, đám người dồn dập bị xô đẩy còn cộn như lớp sóng nước triều. Tiếng gọi nhau, tiếng hỏi nhau, tiếng chào nhau, tiếng mắng nhau, tiếng cãi nhau, tiếng rầm rầm nói chuyện với nhau. Các thứ tiếng ấy hợp lại, làm cho bốn khu cửa trường, âm âm như bốn cái chợ.

Sang đầu canh tư, các cây đình liệu đều cháy hết già một nửa. Tàn nửa đỏ ối theo ngọn gió bắc tản mát bay khắp vùng trời. Rồi từ từ, nó rơi xuống đám đầu người, xuống quãng đất không. Xuống những nơi ở tít xa xa, nếu nó không bị tắt ở trong bóng tối.

Thình lình trong nhà Thập đạo, kiểng đồng giống với trống khău, đồng dục đánh luôn ba hồi. Các bóng đèn lồng nhất tề lay động. Các áo thụng lam, các mũ cánh chuồn đồng thời rộn rịp như sân khấu rạp tuồng.

Sau khi bốn ông ngự sử đã đem chức trách đàn hặc lên bốn chòi canh, các ông khảo quan tức thì cất nhau mỗi người đi mỗi ngả. Cũng như mọi khoa, hai ông phân khảo phải coi hai cửa tả hữu, ông phó chủ khảo được theo chiếc biển "phụng chỉ" ra cửa vi ất. Còn cửa vi giáp thuộc quyền ông chánh chủ khảo và lá cờ "khâm sai" của nhà vua ban.

Dứt mấy tiếng yết hậu của trống khău và kiểng đồng, hai hàng đèn lồng bắt đầu ở nhà Thập đạo từ từ tiến ra. Rồi đến một đôi long vàng cung kính rước lá cờ khâm sai đi trước. Rồi đến ông chánh chủ khảo và bốn chiếc long xanh khúm núm theo sau.

Bộ dạng quan chánh chủ khảo mới oai làm sao?

Cái bồi từ hình con công, cái vành đai đột chỉ vàng. cái gấu áo thêu thủy ba. cái xiêm xanh viền chân chỉ hạt bột, và đôi ủng đen có đôi bướm bạc long lanh, bấy nhiêu thứ đó hợp lại với cây hốt ngà cầm ở trước ngực và chiếc mũ gấm xòe hai cánh ra ngoài hai tai, đủ làm cho ngài giống hệt những quan phường chèo nếu ngài có bộ râu dài như họ. Đám rước ra đến cửa vi, người lính cầm cờ khâm sai lễ phép leo lên chiếc ghế treó và cắm cán cờ vào cái lỗ thùng sau ghế. Quan chánh chủ khảo tạm giữ cây hốt bằng một tay trái để lấy tay phải vịn vào chân ghế treó. Rón rén bước qua các bậc, và trèo lên ghế, ngài sẽ vén cái vạt sau của tấm phẩm phục, rồi ngồi vào giữa mặt ghế. Cây hốt lại được trở lại phía trước mặt ngài với sự nâng niu của hai bàn tay sủng sính trong đôi tay áo rộng như cái cống. Cả sáu chiếc lọng lần lượt nhô lên trên ghế. Những cái xanh che quan chủ khảo. Còn những cái vàng thì che lá cờ khâm sai.

Tiếng ồn ào ở khu cửa trường tự nhiên im bật.

Mấy nghìn con mắt đều đổ dồn vào viên đại thần đứng đầu khảo quan.

Thình lình ở trên lưng trời có tiếng ầm ồ:

"Báo oán giả tiên nhập! Báo ân giả thứ nhập? Sĩ tử thứ thứ nhập!" Hồi loa dũ dội như muốn phá tan cái bầu tịch mịch, làm cho mọi người đều phải ngơ ngác. Dứt tiếng gầm hét, người lính đứng cạnh ghế treó của ông chủ khảo theo miệng một người lại phòng cũng đứng chỗ đó với một cuốn sổ trong tay chìa loa gọi tên một người học trò.

Một tiếng dạ bật lên trong đám đông.

Một chàng thiếu mền, với cái dáng bộ liều chết, cổ lách được qua "vòng vây", đề đề các đồ kèn cồng đến khu đất trước ghế treó của quan chủ khảo.

Toán lính thể sát bắt đầu làm việc.

Họ giở bó áo toi và cuốn áo lều. Họ nhòm những cái "cái chõng", chân chõng. Họ ghé vào ống đựng quyền và quả bầu be đựng nước. Họ lần dải lưng và vuốt các gấu áo, gấu

quần của chàng thiếu niên. Họ cởi tung cả bộ gong lều. Rồi họ lục soát đến cái tráp sơn của chàng ấy đeo ở trước rón.

Ngoài một hộp mực, vài cái bút, vài cây sáo, một cái dùi vớ, một tập giấy bản và mấy cái bánh giầy, mấy cái bánh giò, một nắm cơm, vài miếng chả trâu, vài miếng thịt rang, trong tráp không có vật gì khả nghi.

Chàng thiếu niên được phép lĩnh quyền của người lại phòng, cẩn thận cuộn lại, bỏ vào chiếc ống quyền đeo ở trước ngực, rồi tung tăng đi vào trong trường với các đồ đặc xức xích bám quanh vai, quanh cổ. Đến lượt người khác theo tiếng loa gọi tiếng vào.

Bọn lính thể sát lại xúm nhau lại làm các công việc như trước.

Người này cũng không có sách thạch bản hay là văn cũ chữ "kiến" chi hết, nhưng mà các đồ lật vật thì không đựng bằng tráp mà đựng bằng yên. Trong cái yên, cũng có giấy, mực, dùi, bút, thịt, chả, cơm, bánh như chàng thiếu niên vừa rồi, và còn hơn một bộ đồ hút thuốc phiện.

Bọn lính thể sát bữu môi:

- Vào thi vẫn còn đeo bong cái của tội này, thì lúc nào hút, lúc nào làm văn?

Người ấy ngáp một cái dài và trả lời:

- Có hút, văn mới hay! Nếu không hút thì sao ra văn?

Rồi hấn đón lấy quyền của người lại phòng và lều đều đi vào trong trường.

Tên lính cầm loa lại gọi đến tên người khác.

Khám trong lều chõng của người này cũng không thấy thứ gì gian lận, nhưng trong cái yên lại có một chiếc dâm đào cỏ. Bọn lính... thể sát ngạc nhiên và hỏi:

- Sao lại đem cái này vào trường?

Người ấy khẽ đáp:

- Thưa cậu tôi mắc bệnh đi kiết.

Bọn lính không hiểu lại hỏi:

- Đi kiết thì dùng cái đó làm gì?

Người ấy ngập ngừng:

- Thưa cậu, đề khi làm văn, lỡ ra bị mót đại tiện, thì đào nền lều mà tương nó xuống, rồi lại vùi đi. Chứ làm thế nào? Trong trường, chỗ nào cũng có lều của học trò, "đi" vào đâu được?

Bọn lính thể sát đã hiểu công dụng của cái dằm, họ liền cho phép người ấy vào trường sau khi hắn đã nhận quyền thi bỏ vào ống quyển.

Người lính cầm loa lại bắc loa gọi:

- Đào Vân Hạc, Sơn Tây, Đào Nguyên!

Vân Hạc đứng ở ngoài xa, tuy có nghe thấy tên mình, nhưng không thể nào mà vào được.

Người lính cầm loa gọi đến ba lần, vẫn không thấy có người thưa, hắn bèn đặt quyển thi của Đào Vân Hạc xuống cạnh chiếc ghế của quan chủ khảo, rồi gọi đến người tiếp theo.

Một người coi bộ rất khỏe, dạ một tiếng lớn, rồi cố xô đẩy những người chung quanh, hùng dũng đeo lều chiếu vào tận cửa trường.

Bọn lính thể sát xúm lại lục đồ đạc.

Các vật cần dùng của người này, không khác của mấy người trước. Riêng có thứ đồ đựng nước, không phải là quả bầu be, mà là một cái lọ sành rộng miệng.

Ngạc nhiên, một người trong bọn liền thò cái que khoắng vào trong lọ, tức thì ở dưới lọ, có vật tròn tròn bèn lên mặt nước. Cái gì thế nhỉ? người lính đó nghiêng cái miệng lọ

và móc lấy vật ấy ra. Té ra một mớ giấy bản viết chữ nhỏ như con kiến, người ta vo lại và trát sáp ong ở ngoài cho khỏi thấm nước.

Của phi pháp liền bị tịch thu. Và cái tội "mang sách vào trường" liền tống ông học trò ấy ra khỏi cuộc thi cử.

Tên người khác được nhắc đến trong miệng loa.

Và, sau một tiếng dạ gọn gàng, một người đứng tuổi tiến đến trước mặt bọn lính thể sát với một dáng bộ lo sợ. Thấy người này có vẻ đáng ngờ, bọn lính thể sát càng lục kỹ các thứ đồ đạc. Nhưng không bắt được cái gì gian lận, họ đã toan tính cho đi. Thành linh một người trong bọn họ trông thấy phía trong một cái "cái chõng" có một miếng vá, hấn bèn dùng con dao nhọn cậy tung miếng vá ấy ra. Thì ra trong đó có để hai cuốn "Hành văn bảo kíp" -thứ sách thạch bản, chữ in nhỏ bằng hột cám- Cũng như cái ông vừa rồi, người ấy liền bị trói lại để giải ra dinh tổng đốc với tất cả đồ vật của mình.

Người lại phòng, người lính cầm loa và bọn lính kiểm soát lại cứ tiếp tục ai làm việc nấy như thường.

Chừng nửa canh năm, sương mù tỏa khắp bầu trời, ngọn lửa ở các cây đình liệu đã lui xuống gần mặt đất ánh sáng đã hiện ra sắc ủa vàng.

Đám người và đám lều chõng ở ngoài đã chuyển hết ba phần tư vào trường, khu đất của trường chỉ còn lơ thơ vài trăm học trò. Tiếng ồn ào dần dần nhỏ bớt.

Mặt trời mọc. Các cây đình liệu cũng vừa cháy hết. Vũ trụ đã khôi phục cảnh tượng xinh đẹp và mộng mên của ban ngày.

Mấy nghìn học trò của vi giáp đã được vào trường gần hết. Bảy giờ người ta mới lại gọi đến những người lúc nãy đã gọi một lần mà chưa thấy vào.

Quyển của Vân Hạc bị đặt ở dưới cuối cùng, cho nên tên chàng phải gọi sau rốt.

Sau khi chàng vào khỏi cửa, cánh cửa vì giáp liền bị khóa lại. Quan trường và tất cả các người tùy phái đều theo cửa chính vào nhà thập đạo. Lúc ấy tất cả học trò vì giáp đóng lều đã xong.

Những chỗ gần nhà Thập đạo đã bị những người vào trước chiếm hết. Chàng toan đem lều ra đóng ở phía ngoài cùng. Nhưng khổ quá, cái khu đất ấy, lúc này còn là một cõi biên thù bỏ hoang, các ông vào trước đem bã văn chương tuôn cả ra đó, mùi theo ngọn gió đưa ra ngạt ngào, không thể nào mà chịu cho nổi. Chàng lại lách thếch vác lều chõng đi lung khắp các miếng đất phía trong.

Trong một cái lều ở gần vi hữu bỗng có tiếng gọi:

- Đào Vân Hạc? Anh tìm ai mà lặt đặt thế.

Nghe rõ tiếng Nguyễn Khắc Mẫn, chàng đáp:

- Tôi đi kiếm một chỗ đóng lều, chứ không tìm ai!

Khắc Mẫn nói lớn:

- Đến đây! Chỗ này còn rộng! Mau lên!

Vân Hạc mừng quá, chàng vội đeo các đồ đạc lại chỗ gần lều Khắc Mẫn. Nhanh nhẩu, Khắc Mẫn đỡ bộ lều chõng trên vai Vân Hạc xuống đất. Cởi hết mấy nuộc dây chằng, thầy lấy sáu chiếc gọng lều cắm làm hai hàng, để cho Vân Hạc vít những đầu gọng sâu vào các ống ròng rọc. Rồi một người trả; áo lều lợp lên, một người đem đôi áo tơi che kín hai đầu. Bốn phía góc lều đã được Khắc Mẫn đóng bốn cái cọc nhỏ và neo bốn chiếc gọng lều vào đó, cho khi có gió, lều khỏi lay chuyển. Vân Hạc liền đem cái chõng kê vào trong lều, rồi chàng sang lều Khắc Mẫn, giở bộ đá lửa đánh lửa hút thuốc.

Chiếc lều bên cạnh, bỗng thấy có khói bốc nghi ngút. Vân Hạc tưởng là bị cháy, vội chạy ra coi. Nhưng không phải. Người ta đốt vàng. Ông chủ lều ấy sợ có oan hồn theo

vào trường thi báo oán, nên phải dùng thứ lễ ấy tiễn họ. Chàng mỉm cười và quay vào lều của mình.

Một hồi trống cái từ trên chòi canh giật giọng đưa xuống. Trong vi tức thì hiện ra cảnh tượng nhốn nháo.

Khắc Mẫn nói với sang lều Vân Hạc:

- Có phải trống "ra đầu bài" đó không?

Vân Hạc gật đầu:

- Chớ còn trống gì bây giờ?

Rồi chàng mở tráp lấy bút vạ hộp mực đem đến cái nhà lợp cốt ở gần nhà Thập đạo.

Hai chiếc lọng xanh và đôi mã tấu sáng quắc vừa rước quan giám trường đề điệu ở nhà Thập đạo đi xuống. Như hai dòng nước chảy sau chiếc thuyền chạy mạnh, đám học trò đương đứng lạt đật rẽ sang hai bên để cho mặt đất hở ra một con đường rộng. Bằng dáng điệu hùng dũng, ông đề điệu đi thẳng đến trước cái nhà lợp cốt trao tờ giấy yết đầu bài cho người lại phòng dán lên khung bảng, rồi ngài đồng dặc quay ra và lại lên nhà Thập đạo để đi coi sóc việc trường.

Hàng nghìn học trò trong vi nhất tề xúm lại trước bảng, kẻ đọc người viết.

Khoa này mới đổi phép thi, kỳ đệ nhất thi bằng kinh nghĩa. Hai bài truyện là:

Luận ngữ: Tắc hà dĩ tai?

Mạnh Tử: Vị thiên hạ đắc nhân.

Năm bài kinh thi:

Kinh dịch: Bạt mao dĩ kỳ vụng chinh cát.

Kinh thư: Dụng như tác chân tiếp.

Kinh thi: Nam sơn hữu đài.

Kinh lễ: Tuyên hiền dữ năng.

Kinh Xuân thu: Cập Tề nhân minh vu U.

Vân Hạc không chép, chàng chỉ nhăm qua một lượt rồi trở về lều. Học trò ở trước nhà bảng dần dần tản mát, ai nấy trở lại, chỗ ở của mình với cái dáng bộ lo ngại nhiều hơn vui vẻ.

Trên chiếc chòi canh ở góc vi giáp, quan ngự sử giơ chiếc tay áo lưng thùng chỉ xuống dưới vi đưa ra một hồi cho che không rõ là những tiếng gì. Tức thì người anh áo nẹp kê loa vào miệng và hét:

- Bớ truyền sĩ tử? Ai ở lều nấy, không được nhón nháo chạy đi chạy lại.

Nhưng mà trong vi vẫn cứ nhón nháo như thường.

Giây lát học trò vào hết các lều. Bảy giờ cả trường đều im phăng phắc. Vân Hạc lúi húi chép các đầu bài vào một mảnh giấy. Rồi chàng bó gói ngò nghĩ không biết nên làm tất cả bảy bài hay chỉ nên làm hai bài. Bởi vì theo phép, kỳ kinh nghĩa tuy những bảy cái đầu đề, nhưng chỉ những người kiêm trị mới làm tất cả còn ai chuyên kinh thì chỉ làm hai bài: một bài truyện và một bài kinh trong bảy bài đó, muốn làm bài nào cũng được.

Với học trò, chuyên kinh là lối phổ thông, còn kiêm trị thì là một sự đặc biệt. Người nào đại tài, viết hai bài vẫn còn thừa sức, thì họ viết cả bảy bài cho oai, người nào viết văn tuy nhanh, nhưng lời văn không được xuất sắc nếu làm hai bài sợ không đủ phê, thì họ cũng viết bảy bài để trông vào sự rộng rãi của ngòi bút quan trường, là vì những quyền kiêm trị, bao giờ cũng được chấm nói hơn những quyền chuyên kinh một chút. Vân Hạc mọi ngày vẫn chuyên kinh Thi và một hai khi có làm kinh Dịch, hôm nay vì thấy mấy bài ở các kinh kia cũng không khó lắm, ý chàng cũng muốn làm cả.

Nhưng lại sợ không đủ thời giờ, nên chàng vẫn còn đắn đo. Khắc Mẫn thành linh gọi chàng và hỏi:

- Này anh Hạc? Đầu đề khoa này ra khéo đấy nhỉ. Có phải trong bảy bài đó, trừ bài Xuân thu, sáu bài kia đều có ý nghĩa về việc "dụng nhân" cả không?

Vân Hạc ngồi ở lều mình nói sang:

- Phải rồi! Tôi cũng nhận thấy như thế. ừ thì đình nào đám ấy, có thể mới hợp với cảnh thi cử.

- Trong hai bài truyện, anh làm bài nào?

- Tôi vẫn chưa định.

- Có tài như anh thì nên làm bài Luận ngữ cho tỏ ra văn đàn anh, chứ tôi thì tôi xin lạy cả nón. Với tôi, bốn chữ "Tắc hà dĩ tai" khó quá đi mất? Viết sao cho được rõ nghĩa chữ "Tắc" chữ "Tai"!

- Nó cũng chưa khó bằng bài kinh Thi. Tôi tính kinh nghĩa mà đến "Nam sơn hữu đài" thì ác vô hạn.

- Thế thì bài kinh anh làm kinh Thi hay kinh Dịch?

- Có lẽ tôi sẽ làm cả.

Khắc Mẫn ra vẻ ngạc nhiên:

- Ái chà! Lại khiêm trị à? Anh định cướp lấy thủ khoa sao đây?

Vân Hạc vừa cười vừa đáp:

- Thủ khoa hay không chưa biết, nhưng kỳ này tôi quyết phải lấy bốn chữ "ưu". Còn anh, anh làm bài nào?

Khắc Mẫn nói giọng chua chát:

- Cố nhiên là bài "Tuyên hiền dữ năng", chứ bài nào nữa. Xưa nay tôi vẫn chịu nước văn đàn em, chỉ làm kinh Lễ mà thôi, không dám đụng đến kinh Thi, kinh Dịch như anh. Nhưng theo ý tôi, xấu đều hơn tốt lỗi. Anh quyết phải lấy bốn "ưu", tôi chỉ cần bốn cái "thứ muối" là được. Vậy mà chưa chắc... chưa chắc thắng bốn "ưu" đó hay là thắng bốn "thứ muối" sẽ đó.

Vân Hạc vội vàng nói lảng đàng khác:

- Thôi đừng nói lắm, viết đi. Kéo mà đến chiều không xong, trống cái nó thúc vào đấy, lại sắp viết liều viết lĩnh.

Ngoài trường, tiếng trống cà rùng mỗi lúc mỗi mau, nhạc ngựa rộn rịp đưa lại. Trên chòi canh cửa vi tả bỗng có tiếng ầm óe làm cho hai người đều im câu chuyện để lắng tai nghe. Thì ra bên ấy có người học trò vợ vẫn đứng ngoài lều, bị quan ngựa sử trông thấy. ngài truyền cho lính ra lệnh dọa nạt.

Tan cuộc ồn ào, Vân Hạc bắt đầu làm bài. Cũng như lúc tập văn ở nhà, chàng không phải giáp, nghĩ đến đâu viết luôn vào quyển đến đấy.

Mặt trời lên khỏi đầu bức phen nửa ở phía đông trường, chàng vừa viết xong hai câu phá thừa của bài truyện, trên chiếc chòi canh cửa vi giáp, vừa có trống báo hiệu "nhật trung". Chờ cho mực ráo, chàng sẽ cuộn quyển văn lại, bỏ vào ống quyển, rồi bảo Khắc Mẫn:

- Đi ra lấy dầu nhật trung chứ anh.

Khắc Mẫn trả lời bằng giọng luống cuống:

- Anh đi trước! Tôi chưa viết được chữ nào cả.

Chàng nói an ủi:

- Được! Còn sớm chán! Anh cứ thông thả. Đừng vội. Hễ vội thì viết hay lắm.

Rồi chàng thu xếp bút mực vào yên và đeo ống quyển đến nhà Thập Đạo.

Cạnh bức rào nửa cao đến khỏi rón, bọn lính phục dịch tấp nập đi lại. Trên chiếc chiếu đàn cạp xanh, mấy người lại phòng to vo ngồi cạnh hòm ản và cái hộp son.

Học trò chưa có ai tới, chàng là người thứ nhất trong cuộc "lấy dấu nhật trung". Nhờ vậy, chàng không phải mất công chờ đợi. Sau khi quyển văn đã đưa qua bức rào nửa, trao tay cho một người lính để hắn đem vào cho người lại phòng giữ ản, tức thì người lại phòng ấy đóng cái dấu đỏ vào cuối dòng chữ viết dở ở giữa trang đầu và lại đưa luôn trả chàng.

Với chiếc ống quyển lủng lẳng dưới cổ, chàng về gần đến lều mình, mới gặp một vài người trở ra. Vào lều chàng lại bình tĩnh viết tiếp từ đoạn khai giảng trở xuống.

Gần trưa, chàng đã viết xong một bài Luận ngữ, một bài kinh Thi và gần hết bài kinh Dịch, Khắc Mẫn vẫn còn lúng túng trong lều, không thấy nói năng gì cả.

Chàng giục:

- Trưa rồi, anh không ra lấy dấu "nhật trung", chốc nữa đông người lại phải châu chực mất thì giờ.
- Tôi mới viết được hơn một dòng, cứ đem lấy dấu có được không?
- Không được. Phải viết đủ hai dòng rưỡi, hay kém vài chữ. Chứ viết ít quá lại phòng họ không đóng dấu.

Khắc Mẫn lại hỏi:

- Trong quyển đã có dấu "giáp phùng" đóng ở giữa khe trang trên trang dưới, còn dùng gì đến dấu "nhật trung" mà người ta bắt chúng mình mất công mất việc về nó?

Chàng cười và đáp:

- Anh không hiểu à? Cái dấu "giáp phùng" cốt để giữ cho kẻ gian khỏi tháo những tờ từ trang thứ hai trở xuống, mà thay các tờ khác vào. Còn dấu "nhật trung" là để chứng rằng quyển đó viết ở trong trường, không phải là viết sẵn ở ngoài đưa vào. Bởi thế

người ta mới bắt chúng mình viết dở thì đem quyền đi để lấy dấu ấy? Nhưng thôi, anh viết đi, đừng nói chuyện nữa...

Khắc Mẫn lại gục xuống tráp, cẩn thận. đếm từng nét và nắn từng chữ. Chừng nửa giờ sau, viết được nốt một dòng nữa, chàng mới cuống quýt bỏ quyền vào ống rồi đi.

Vân Hạc viết xong bài kinh Dịch và hai vế trung cổ của bài Mạnh Tử, mới thấy Khắc Mẫn tắt tả chạy về với bộ mặt đỏ gay. Thày thở và nói vào lều Vân Hạc:

- Khổ quá? Chờ đợi từ bấy đến giờ, mới xin được một tí son. Anh viết đến bài nào rồi?

Vân Hạc đáp:

- Tôi đã viết đến bài thứ ba.

Khắc Mẫn luống cuống:

- Chết chưa! Anh viết được ba bài rồi! Tôi mới viết được có vài dòng.

Vân Hạc ngửa nhìn lên trời và an ủi:

- Bây giờ mới gần trưa thôi! Anh cứ vững dạ, không nên bối rối.

Hai người cùng im. lâu lâu một lúc, Khắc Mẫn lại gọi Vân Hạc và hỏi:

- Này anh Hạc? Chỗ dấu giáp phùng cũng phải bỏ trống đấy nhỉ?

Vân Hạc vừa viết vừa trả lời:

- Dấu nhật trung mới phải bỏ trống, dấu giáp phùng thì viết đè lên.

Khắc Mẫn vỗ tay xuống chõng một cái đánh đốp:

- Thôi chết. Thế thì bỏ mẹ tôi rồi?

Vân Hạc ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao?

- Tôi bỏ trống chỗ dấu giáp phùng không viết. Bây giờ viết đề lên cái dấu ấy rồi xóa những chữ dưới đi, có được không?

- Ô? Thế ra anh không thuộc trường qui à! Chung quanh dấu giáp phùng cũng như chung quanh dấu nhật trung và các hàng đầu hàng vĩ, không được đồ (xóa) di (sót) câu (móc), cái (chữ), một chữ nào. Nếu ai đồ, di, câu, cái vào những chỗ đó, tức là thiệp tích.

Khắc Mẫn vò đầu vò tai:

- Vậy thì bây giờ tôi làm thế nào? Trời ơi?

Rồi thầy lại hỏi:

- Họ cấm đồ di câu cái vào những chỗ đó làm gì cho khổ người ta thế này!

Vân Hạc cắt nghĩa:

- Ấy, là người ta giữ gian. Vì sợ có kẻ thông với quan trường, có ý đồ di câu cái vào những chỗ đó để đánh dấu cho quan trường biết quyền của mình. Nhưng cái đó cũng là nghĩ quẩn. Thực ra, nếu có người nào thông với quan trường, thì họ đánh dấu vào đâu chẳng được, cứ gì phải mấy chỗ đó. Thôi anh mau mau đề một quyền khác rồi đi cánh quyền đi vậy!

Khắc Mẫn bấy giờ ruột gan rối như canh hẹ. Thầy mở tráp lấy tập giấy lệnh, gấp vội vàng độ hơn mười tờ và dọc giấy xe hai sợi lè thật chắc. Sau khi đã cầm nghiêng đổ xuống mặt tráp cho tập giấy ấy khỏi so le, thầy đem tờ phóng đặt lên mặt nó để làm mẫu dùi bốn lỗ lè. Vân Hạc lại nhắc:

- Anh nhớ đóng quyền cho đúng phép nhé? Bề ngang chia làm sáu dòng, chừa một dòng làm gáy. Bề dọc chia làm năm quãng, ba quãng đầu, cuối và giữa cũng phải dài bằng hai quãng xâu lè.

Khắc Mẫn hốt hoảng:

- Chút nữa anh không nói thì tôi chia bề ngang ra làm bảy dòng.
- Không được, phải gấp sáu, chừa một dòng làm gáy còn năm dòng, khi viết lại chia làm sáu. Thế mới đúng phép.

Khắc Mẫn đóng xong, tháo lấy tờ mặt quyển cũ, niên canh, quán chỉ và dòng "cung khai tam đại" cho khỏi lầm. Rồi chàng bỏ vào ống quyển lại đến nhà Thập đạo xin dấu giáp phù. Bấy giờ, chung quanh bức rào của nhà Thập đạo, học trò kéo đến đã đông, phần nhiều xin dấu nhật trung, nhưng cũng có năm bảy người đem quyển xin "cánh". Khắc Mẫn phải đợi độ hơn nửa giờ, cái quyển của thầy đưa vào mới được đưa ra. Lật đặt, thầy đem về lều, viết cái đầu đề bài truyện và đoạn phá thừa của bài ấy, rồi lại đem quyển đến nhà Thập đạo lần nữa để lấy dấu nhật trung.

Vân Hạc đã viết đến đoạn kết tỵ của bài kinh Lễ.

Theo thứ tự trong quyển của chàng, thì nó là bài thứ năm. Vì sờ Khắc Mẫn rồi ruột, chàng phải nói là mới viết đến bài thứ tư.

Mặt trời tà tà, Khắc Mẫn viết gần xong bài Mạnh Tử, vừa hết trang dưới của tờ thứ hai trong quyển. Thế là hai tờ dính đến dấu son, thầy viết qua rồi. Từ đây trở xuống, nếu có lầm lỡ, xóa bỏ, cứ việc xé tờ này đi, thêm tờ khác vào không phải đi cánh quyển nữa. Kiểm điểm một lượt, thấy trong những trang đã viết, không có chỗ nào phạm trường qui thầy mừng rỡ bảo với Vân Hạc:

- Thoát nạn rồi? Tao đã viết qua hai tờ thứ nhất và thứ nhì rồi, mày ạ?

Vân Hạc vui vẻ:

- Khá lắm. Tôi cũng đỡ lo cho anh. Nhưng anh cũng phải nhanh lên. Sắp tối rồi đấy.

Khắc Mẫn viết nốt câu đóng của bài truyện, rồi vớ lấy chiếc điều cày đặt mỗi thuốc lào vào đó, thầy vừa giở hộp đá lửa, đánh lửa hút thuốc, vừa nghĩ bài kinh.

Bấy giờ trong bụng đã thấy đói như cào, thầy hỏi Vân Hạc:

- Anh đã ăn uống gì chưa?

Vân Hạc trả lời:

- Đã! Từ nãy đến giờ, tôi vẫn vừa viết vừa ăn. Nhịn ăn mà viết thì chịu sao được Khắc Mẫn nói thêm:

- Tôi vội quá, chưa kịp ăn uống gì cả.

Rồi thày mở nắp lấy những cơm nắm bánh giò, thịt rang, chả trâu, phùng môm, trộn mắt vừa nhai vừa nuốt chập chuội. Sau khi đã ngửa cổ dốc quả bầu be vào miệng, và súc ồng ọc mấy cái, thày lại cắm đầu giáp mấy câu mở của bài thứ hai.

Mặt trời lui xuống đầu bức phen nửa phía tây.

Khắc Mẫn mới giáp đến đoạn trung cổ của bài kinh.

Trên chòi canh thành linh điểm một tiếng trống.

Trong trường loáng thoáng có người dỡ lều.

Vân Hạc đương đếm những chỗ xóa, sót, móc, chữa, để viết vào dưới chữ "cộng quyền nội", chợt thấy Khắc Mẫn gọi hỏi:

- Đã trông thu quyền rồi đấy phải không?

- Phải trông thu quyền đấy.

- Sao họ thu quyền sớm thế?

- Còn sớm gì nữa, mặt trời sắp sủa lặn rồi.

- Anh xong chưa?

- Tôi xong rồi. Anh cũng đã xong rồi chứ?

- Nào đã xong. Hãy còn nguyên một bài kinh chưa viết được dòng nào hết, tôi mới nghĩ được hai vế trung cổ, còn giáp ra đó. Anh phải nghĩ nốt cho tôi hai vế hậu cổ và mấy câu kết ty. Nếu không thì tôi tự tử.

- Nhưng tôi không quen viết kinh nghĩa kinh Lễ, sợ viết không hay lỗ hỏng, rồi anh lại đổ cho tôi.

Khắc Mẫn càng bối rối:

- Không hay cũng được! Túc quyển thì thôi.

Vân Hạc ra bộ ái ngại:

- Thế thì được! Anh đưa bản giáp những đoạn của anh đã nghĩ cho tôi coi qua. Để tôi nghĩ tiếp, kéo nó không liền với nhau.

Khắc Mẫn ngửa mặt trông lên chòi canh, thấy tên lính canh đương ngoảnh mặt sang phía bên kia, thầy liền vo tròn bản giáp của mình rồi liệng sang lều Vân Hạc. Nhặt nắm giấy ấy, Vân Hạc giở ra nhìn qua mấy dòng ở dưới, rồi lại vo lại và liệng sang trả Khắc Mẫn.

Trống cái trên chòi mỗi lúc mỗi mau. Nhạc ngựa ở ngoài bờ rào mỗi lúc mỗi thêm rộn rịp, dấy lều phía nhà Thập đạo mỗi lúc mỗi thưa dần. Bấy nhiêu cảnh tượng đều như lửa đốt vào lưng Khắc Mẫn. Thầy cầm đầu nhìn tờ giấy giáp, viết lia viết lịa không kịp chớp mắt.

Hồi trống thứ nhất đã sắp hết. Học trò trong trường lũ lượt đeo lều đeo chõng đi ra. Vân Hạc nhân lúc nhón nháo chạy thọt sang lều Khắc Mẫn để đưa cho thầy tờ giấy giáp đoạn hậu cổ của bài kinh Lễ mà chàng nghĩ hộ. Khắc Mẫn không ngó đến tờ giấy ấy và cũng không hỏi bạn đã cho mình xong chưa.

Trống cái trên chòi lại càng rộn rã. Trong trường, trời đã nhá nhem, mắt nằm không thấy nét mực trên giấy, bấy giờ thầy mới ngẩng lên, lấy bộ đá lửa trao cho Vân Hạc và nói:

- Anh đánh hộ tôi cái lửa!

Rồi cúi xuống chỗ thang chõng, cời lấy một chiếc ống tre đeo nhọn mà người ta vẫn gọi là cọc cắm nền, thầy đóng xuống chỗ đầu chõng và cắm cây nến vào đó.

Vân Hạc vừa đánh lửa, chàng tiếp than lửa vào cái môi giấy rồi thổi cho bùng và châm vào ngọn nến ấy.

Khắc Mẫn viết hết hai vế khai giảng thì vừa hết một hồi trống thứ nhất. Dịp trống lại khoan thai điểm từng tiếng một. Thì giờ khi ấy mới chóng làm sao!

Trước mắt Khắc Mẫn hình như nó đã đi như tên bắn, thầy vừa viết xong hai vế trung cổ, tiếng trống đã lại dồn mau. Luồng gió thành linh thổi vào trong lều, làm cho ngọn nến tắt phụt. Cuống quýt thầy sờ bộ đồ đánh lửa. Vừa đánh vừa hỏi Vân Hạc:

- Hồi trống này ngắn hơn hồi trống trước, có phải không anh?

Vân Hạc đáp:

- Tại anh bối rối trong bụng, cho nên tưởng là nó ngắn, thực ra hồi nào cũng như hồi nào.

- Anh bảo lấy gì làm ngữ mà họ đánh được đều thế

- Có ngữ chứ. Anh không biết đó thôi. Cái ngữ của các hồi trống chỉ có mười bảy đồng tiền Gia Long. Khi bắt đầu đánh một tiếng thứ nhất, người lính cầm canh cầm mười bảy đồng tiền Gia Long bày từng đồng một cho thành một hàng. Bày xong hấn lại lần lượt nhắc từng đồng một lên tay, khi nào nhắc hết cả mười bảy đồng, mới đánh đến tiếng thứ hai. Rồi hấn bỏ lại một đồng, còn mười sáu đồng, lại đem bày, xóa như trước. Bày xong xóa xong mười sáu đồng ấy mới đánh đến tiếng thứ ba. Cứ mỗi tiếng trống

hắn lại rút đi một đồng như thế. Rút cho đến khi hết cả mười bảy đồng tiền, thế là hết một hồi trống.

Lửa cháy, Khắc Mẫn châm vào ngọn nến. Bấy giờ chàng viết đến đoạn của Vân Hạc làm hộ. Trời lại tối đen như mực. Mấy cây đình liệu lại bị đốt cháy đùng đùng. Cảnh tượng đêm qua lại diễn lại một lần nữa.

Chờ cho Khắc Mẫn viết đến dòng "cộng quyền nội", Vân Hạc mới ra dỡ lều, bó buộc các thứ đồ đạc.

Hồi trống thứ ba giục mau, Khắc Mẫn cộng xong những chữ xóa, sót, móc, chữa và viết ra chỗ cuối quyển. Vân Hạc lại sang dỡ lều thu xếp đồ đạc hộ bạn.

Hai người vừa tới nhà Thập đạo, người lại phòng thu quyển đã đương nâng nắp hòm quyển và sắp đặt lại. Tất tả, Vân Hạc, Khắc Mẫn cùng rút quyển văn trong ống và trao cho hắn. Tiếng trống cuối cùng vừa dứt, người lại phòng liền khóa hòm lại. Một ông cụ già lật đật đem quyển đến nơi, thì chỗ ổ khóa vừa bị gián giấy niêm phong. Ông ấy năn nỉ kêu van người lại phòng hãy mở hòm ra để cho quyển văn của mình vào trong. Hắn cũng ra vẻ thương hại ông cụ. Nhưng hắn không giám bóc tờ niêm phong, và nói:

- Thế là số cụ không đỡ, cụ đành lòng vậy. Bây giờ nếu tôi mở hòm mà bỏ quyển của cụ vào, thì tôi sẽ phải tù một gông.

Cái hòm liền bị bọn lính mật sát khiêng vào trong nhà Thập đạo.

Ông cụ kêu khóc nức nở, cố xông lên nhà Thập đạo để lấy cái có tuổi già mà xin quan trường gia ân cho mình. Nhưng cũng không được. Quan trường chỉ úy lạo ông cụ mấy câu, rồi sai lính dẫn ra.

Vừa đi ông cụ vừa kêu:

- Khốn nạn! Tôi thi đã vừa mười khoa, bán hết cửa nhà ruộng đất về việc khoa cử. Định đi một khoa này nữa thì thôi. Bây giờ lại bị ngoại hàm, có khổ hay không?

Vân Hạc chỉ mặt Khắc Mẫn và nói:

- Hú vía! Chỉ chậm một bước, thì tao ngoại hàm vì mày!

Khắc Mẫn nhăn răng cười xòa. Rồi theo ánh lửa của cây đèn dầu, hai người cùng về nhà trọ.

Chương IX

Ánh nắng đã luồn qua khe cửa sổ chiếu vào sàn gác. Hạt bụi thi nhau đùa giỡn trong những luồng sáng tím xanh.

Con Nhài sẽ sàng đưa ngọn chổi lúa quét qua mặt gác, rồi nó rón rén nhắc chiếc điều ngô thổi hết bã thuốc tàn đóm và đem bàn chè mẫu ra lau.

Vân Hạc vẫn ôm cô Phượng nằm trong tấm chăn nhiều đốm.

Cạnh chàng, một tấm chăn nữa cũng đương phủ kín hai người: Bùi Đốc Cung và cô Cúc.

Gian gác tĩnh mịch như tòa miếu cổ ở giữa cánh đồng không, người ta có thể đếm được những dịp đều đều của bốn hơi thở.

Thế là trong mười ngày chờ đợi xem bảng của kỳ đệ nhất, Vân Hạc cũng như Đốc Cung đã vắng nhà trọ đến sáu đêm liền. Khi bị anh em lôi kéo, khi thì tự chàng lôi kéo anh em, trong sáu đêm đó, đêm nào chàng cũng ở phố hàng Lò, cái nơi đã được thiên hạ đặt tên là "rừng son phấn".

Tuy nó chỉ là chuyện "phùng trường tác hỉ", chàng không chung tình với một người nào, nhưng trước những cuộc rượu nồng, dề béo, chàng vẫn được phần đông chị em đổ vào mắt xanh. Họ trọng chàng là hạng học trò có tiếng, họ thích chàng ăn nói có duyên, nhất là họ yêu ngón chầu của chàng nhiều tiếng tài tình trác lạc.

Lên la hết nhà này đến nhà khác, cái nợ phong hoa đã làm cho chàng thành người bê tha.

Đào Phượng là người gặp chàng sau cùng, song lại là người mến chàng thứ nhất. Mỗi duyên hội ngộ giữa chàng với nàng mới bắt đầu trong ba bữa nay, nhưng nàng đã dùng hết cách khôn khéo của nhà nghề để giữ chàng ở luôn nhà mình.

Khăng khít với chàng để làm gì? Nàng đã thừa biết chàng mới cưới vợ, hơn nữa, nàng còn nghe rằng, vợ chàng vừa nhan sắc, vừa nét na, với chàng rất tương đắc không có khi nào nàng lại đại đột mà hồng mong chàng sẽ chút ân tình cho mình.

Chỉ vì ở bên tai nàng, chàng là một tay danh sĩ, người ta bảo rằng khoa này nhất định là chàng phải đỗ không thủ khoa thì cũng á nguyên. Vả lại, từ khi chàng đến nhà nàng, mắt nàng đã trông thấy chàng bói kiệu và đánh tổ tôm. Không cuộc tổ tôm nào mà chàng không ù chi chi, không cuộc bói kiệu nào chàng không kiệu độ một, hai ván, có khi chàng được cả "tứ mỹ" hoặc "tam từng" nữa. Với những điều ấy, nàng càng chắc rằng mười phần chàng đỗ cả mười. Theo sự kinh nghiệm của các cụ nói lại thì nhà cô đào cũng giống như nhà chứa trọ, khoa nào được có ông khách thi đỗ, tức là trong nhà làm ăn phát tài. Và từ khoa sau trở đi, học trò sẽ đua nhau tìm đến nhà mình mà trọ hay hát. Bởi vì người ta cho là cái nhà có lợi cho sự thi cử. Trái lại, nhà nào không có ai đỗ, người ta sẽ bảo cái nhà không hay, khoa sau dù có nhữ thánh cũng không ai thêm đến cửa.

Cái sự thi đậu của chàng quan hệ với nàng như vậy, cho nên nàng phải cố kiết mà níu lấy chàng.

Trước sự ân cần chiều đãi của nàng, cố nhiên chàng không có thể dứt tình mà đi. Luôn trong ba ngày trước đây, chàng không hề về đến nhà trọ. Hai đêm trước, đêm nào, chàng và Đốc Cung cũng thức cho đến sáng bạch với tiếng đàn, tiếng hát và những cuộc rượu quay thìa. Nhưng đêm vừa rồi, vì đã giáp ngày ra bảng, sợ rằng thức quá, khi vào trường sẽ hại cho sự viết văn, cho nên chàng phải giục Đốc Cung đi ngủ từ lúc nửa đêm. Giấc ngủ báo thù vẫn khác với giấc ngủ thường, từ nửa đêm cho đến bây giờ, hai người đều kéo một mạch không ai cựa cựa.

Con Nhài lau xong ẩm chén, nó lại rón rén đi xuống nhà dưới, mặc hai cô chủ ngủ tiếp hai ông quý khách.

Chị hàng xôi cháo lù lù tiến đến trước cửa và quai mồm rao mấy tiếng chua lôm, làm cho Đốc Cung giật mình đánh thót. Chàng liền tung chăn ngồi dậy, dụi mắt trông ra ngoài cửa rồi nói một cánh sừng sốt:

- Chết chưa? Bây giờ là bao giờ rồi?

Cô Cúc oằn oại vặn mình mấy cái và đáp:

- Hãy còn sớm chán! Ngủ thêm lúc nữa. Vội gì anh!

Đốc Cung ngáp một tiếng dài, rồi tiếp:

- Mặt trời đã xỏ vào mắt mà còn là sớm. Thế thì không còn bao giờ là trưa!

Tức thì Đốc Cung lật tót chăn của Vân Hạc và gọi:

- Dậy đi mày! Trưa lắm rồi?

Vân Hạc mở choàng hai mắt và gắt:

- Mày làm cái gì mà nhăng lên thế! Trưa thì mặc trưa, tao cần gì.

Đốc Cung nói bằng giọng ồm ờ:

- Đi lên nhà trọ sắp sửa khăn gói mà về với vợ! Chứ làm gì!

- Tao hông à?

- Cái bộ học hành như mày chả hông thì "vào" với ai?

- Nếu tao mà hông kỳ này, thì cả trường không còn thằng nào "vào" nổi.

Rồi đó, Vân Hạc cũng rút cái cánh tay phải đương bị cô Phụng gói đầu và ngồi nhòm dậy.

Cô Phụng cũng dậy và gọi con Nhài lấy nước rửa mặt.

Tan cuộc trà sớm, Vân Hạc, Đốc Cung xắn sửa khăn áo toan đi, cô Phượng, cô Cúc nhất định níu lại và noi:

- Các anh ở đây. ăn cháo cái đã.

Hai người cùng một mực từ chối:

- Thôi để cho chúng tôi đi, kéo trưa. Hôm nay là ngày ra bảng, bây giờ hãy còn ở đây, cũng là liều lĩnh lắm rồi...!

Hai ả vẫn kéo nèo:

- Trưa với sớm thì làm gì? Đến chiều xem bảng cũng được. Bảng vẫn còn đấy, chứ ai đã cất đi đâu mất. Các anh chẳng đỗ thì ai đỗ, em chắc như vậy. Không cần phải xem bảng nữa.

Rồi ả nắm lấy một chàng. Họ thi nhau lật khăn, cởi áo hai chàng và kéo vào phản.

Con Nhài vừa xách lên đó một nai rượu lớn. Nó cắt hai bức chăn nhiều vào phòng và ngã chiếc mâm chân quỳ ra phản. Kề đến thành bếp lễ mễ bung lên và đặt vào mâm một con gà luộc đựng trong một chiếc đĩa sứ rất lớn. Rồi thì chúng nó sắp sửa vào đó tất cả các thứ bát, đĩa thìa, chén và nhiều những món ăn khác.

- Nào! Mời hai anh vào đi. Mọi ngày chúng em không dám uống rượu, nhưng hôm nay nhất định tiếp với các anh một bữa thật say.

Đào Phượng vừa nói vừa kéo Vân Hạc, Đốc Cung vào cạnh chiếu rượu và giục đào Cúc:

- Chị rót rượu ra. Sao cứ lóng ngóng mãi thế!

Vân Hạc vừa cười vừa nói:

- Uống thì uống, cần gì!

Rồi chàng ngoảnh nhìn Đốc Cung:

- Nếu như ngày nào các chị cũng có hảo tâm thế này, thì chúng mình chẳng phải thi cử làm chi cho nhọc.

Hai chàng liền ngồi lên phản. Cô Cúc nhanh nhẩu, lau tay nhấc đĩa thịt gà ra gỡ. Cô Phượng cầm nai rượu đổ ra cái bát giữa mâm, rồi vớ chiếc thìa múc một thìa đầy, và hỏi cô Cúc:

- Tôi muốn chúc anh ấy nhà chị một thìa, có được không đấy?

Cô Cúc xua tay:

- Không được. Không được. Chị muốn cướp chồng của tôi hay sao?

Cô Phượng vừa cầm thìa rượu vừa cười:

- Chị đã nói thế, thì tôi cướp cho mà xem. Sướng chưa, phen này lấy luôn hai chồng một lúc.

Rồi nàng đưa thìa rượu lên miệng Đốc Cung:

- Mời chồng xơi rượu!

Đốc Cung gạt thìa rượu ra và nói:

- Đây tôi không làm chồng lẽ, nghe không?

Cô Phượng vẫn cười:

- À, anh còn giữ trinh tiết với chị ấy nhà anh? Thôi thế thì em trở về với chồng cũ vậy.

Rồi nàng đổ thìa rượu ấy vào bát, lại múc thìa khác và chìa tận miệng Vân Hạc:

- Nào anh xơi rượu với em.

Vân Hạc vừa cười vừa nói:

- Ai mặt mũi nào uống rượu với một người vợ đã đi ve trai?

Cô Phượng lại cười:

- Ông Dương Lễ cho vợ đi với bạn luôn trong ba năm còn được, huống chi tôi mới về bạn của anh một câu. Thôi anh nuốt giận làm lành.

Vân Hạc chưa kịp nói gì, dưới thang gác bỗng có tiếng chạy huỳnh huỵch. Con Nhài hốt hoảng đến trước cô Phượng:

- Thưa cô, dưới cửa sổ có hai ông nào đang hỏi ông Hạc.

Vân Hạc vội hỏi:

- Người như thế nào?

- Hai người ấy cùng mặc áo the, nước da trắng trẻo, một ông độ ba tư, ba năm, một ông độ hai bảy hai tám.

Đốc Cung nhắm mắt Vân Hạc:

- Mày thì chết, muốn sống đi trốn cho mau. Để tao ngồi đây chịu tội thay mày.

Vân Hạc vội vàng chạy thụt vào buồng, khép luôn cửa lại.

Cô Phượng bảo Nhài:

- Mày xuống nói với hai ông ấy, ở trên này không có ai là ông Hạc nhé!

Con Nhài vâng rồi đi xuống mới hết thang gác thì đã có tiếng chân người thành thịch đi lên.

Ai thế? Đào Tiêm Hồng và Đào Đoàn Bằng, anh thứ hai, và anh thứ ba của Vân Hạc.

Với bộ mặt giận dữ, hai người xăm xăm bước đến trước chiếu rợp giữa khi Đốc Cung, đào Phượng, đào Cúc bỏ thìa rượu đứng dậy.

Đốc Cung tươi cười vờ hỏi:

- Hôm nay trời, trái gió làm sao mà cả hai bác lại cùng đi tìm cái thú yên hoa? Chắc là các bác đều được vào cả.

Đoàn Bằng đôi ra dáng bộ vui vẻ đáp:

- Gớm chữa! Dễ một mình anh biết chơi, còn chúng tôi là gỗ cả đấy.

Độc Cung cũng cười, nhưng không nói gì. Đào Phương, đào Cúc đơn đả mời hai người vào ghế và cung kính rót hai chén nước bung lại.

- Xin mời hai ngài xơi nước.

Tiêm Hồng vẫn nhìn Độc Cung bằng một bộ mặt hăm hăm.

- Thằng Hạc nhà tôi trốn đi đâu rồi?

Độc Cung giả cách ngờ ngác:

- Anh Hạc đã ra đấy ư? Hôm qua tôi nghe nói anh ấy về quê đến chiều hôm nay mới ra kia mà!

Đoàn Bằng phì cười:

- Thôi anh đừng khéo vờ vẩn. Tôi chắc nó lại núp đâu quanh đây.

Rồi thầy chỉ vào mâm rượu và tiếp:

- Đũa bát kia của nó, có phải không? Nếu không, sao ba người lại có đến bốn đôi đũa và bốn cái bát?

Độc Cung vẫn nói bằng cách thản nhiên:

- Chúng tôi cũng đương bàn tán với nhau, không hiểu vì sao tự nhiên thằng bếp lại dọn thừa đũa thừa bát. Hoặc giả nó là cái điếm hai bác đến chơi. Vậy xin hai bác vào đây uống rượu với tôi luôn thể.

Đào Phương, đào Cúc cũng đều làm bộ trèo kéo:

- Chẳng mấy khi hai ngài quá bộ đến đây. Vậy xin hai ngài hãy tạm ngồi lại xơi rượu với ông Cung để chúng em được hầu tiếp.

Tiêm Hồng càng cúi:

- Chúng tôi cũng muốn uống lắm. Mếp rượu còn có khi nào chê rượu? Huống chi lại được uống với các chị thì còn thú hứng nào bằng. Nhưng còn e rằng: chúng tôi ngồi đây lúc nữa, thì trong gầm phản, tất nhiên có đĩa chết ngạt. Và đĩa chết ngạt ấy có nhiên phải là thằng Hạc.

Đoàn Bằng nói xen:

- Hôm nay lại còn dất nhau đến đây, tôi cũng chịu cho cái đức bê tha của các anh!..

Tiêm Hồng cướp lời:

- Chúng tôi nhờ anh bảo thằng Hạc rằng: đời còn dài, muốn chơi chẳng thiếu gì lúc. Hôm nay hãy tạm đi ra cửa trường nhòm qua cái bảng xem sao.

Rồi hai người từ biệt đứng dậy và xuống thang gác. Đốc Cung, đào Phụng, đào Cúc theo chân tiễn ra đến cửa.

Đoàn Bằng quay lại nói với hai ả:

- Tôi xin hai chị nể lời chúng tôi, hôm nay hãy tạm tha cho thằng này và thằng Hạc. Có muốn giam hãm chúng nó, các chị cũng nên chờ đến đêm mai.

Hai ả vẫn khăng khăng một mực:

- Ông nói oan chúng em, thật quả, từ xưa đến giờ, nhà em không có ông khách nào tên là Hạc cả.

Đoàn Bằng mỉa cười:

- Nào tôi có ăn vạ đâu? Sao chị cứ phải chối mãi?

Rồi thầy theo sau Tiêm Hồng lui thủi cùng đi về phía cửa Nam. Đốc Cung và đào Phụng, đào Cúc chờ cho hai người đi một quãng xa, mới cùng lên gác. Ba người đều cười rũ rượi.

Vân Hạc cũng vừa mở cửa ở trong buồng ra.

Chàng bảo đào Phụng:

- Gớm? Cái buồng nhà chị sao mà lắm muỗi thế. Nếu chậm lúc nữa, có lẽ tôi sẽ bị nó đốt chết. Hai ông ấy đi đến đâu rồi?

Đào Phụng dún dây trả lời:

- Đi xa lắm rồi. Mời các anh cứ vào xơi rượu, không ngại gì nữa.

Đào Cúc nói xen:

- Các ông anh kể cũng rộng lượng đấy chứ, lúc mà cái ông nét mặt hằm hằm nói gắt anh Cung, em cứ tưởng hai ngài sẽ phá cửa buồng để bắt anh Hạc.

Đốc Cung nhìn mặt Vân Hạc:

- Ủ nếu lúc ấy thằng Hồng, thằng Bằng cố cậy cửa buồng mà vào, chúng nó bắt được mày đương nằm ở dưới gầm giường, thì mày xử trí ra sao?

Vân Hạc bật cười:

- Tao tát vào cái miệng mày bây giờ. Đừng nói láo. Chốc nữa lại sắp ra cửa trường mà kháo như thế!... Người ta nằm ở trên giường, chớ ai chui gầm giường bao giờ!

Rồi chàng ghé ngồi vào phản và tiếp:

- Giả sử bây giờ tao bị bắt quả tang, thì cũng đến ý ra đó, chứ làm thế nào. Chúng mình kể cũng vô phúc thật đấy. Các ông ấy mắng không oan. Ai lại đến ngày ra bảng vẫn kéo lì ở nhà cô đào.

Độc Cung như không hề để ý đến lời Vân Hạc. Chàng mủm mỉm cười và ra bộ nghĩ ngợi.

Đào Phượng múc một thìa rượu, chúc cho Vân Hạc và nói:

- Cái sự hôm nay là lỗi tại em tất cả. Vậy xin tạ lỗi với anh một thìa.

Vân Hạc đón lấy thìa rượu và nói:

- Chị để tôi uống tự nhiên, không cần phải thế. Chúng tôi rất ghét cái kiểu kẻ miệng húp thìa rượu ở tay người khác.

Vân Hạc đương đưa thìa rượu lên miệng sắp uống. Độc Cung bỗng nhìn đào Phượng và cười ngặt nghẹo:

- Tôi nhờ chị hãm cho ông Hạc một câu.

Đào Phượng vui vẻ:

- Vâng? Xin anh nghĩ câu hãm cho em.

Độc Cung liền đọc:

"Trời cao con Hạc vầy vùng".

Vân Hạc ra bộ thích ý:

- Được đấy! Thằng khá đấy... Đọc nốt xem sao?

Độc Cung rung đùi đọc tiếp:

"Ai xui Hạc trắng vào trong gằm giường?

"Nghĩ đến mà thương".

Vân Hạc nuốt vội hớp rượu trong miệng và chỉ vào mặt độc Cung:

- Thằng đều! Những đứa báo oán ở đâu, sao hôm nọ nó không quật chết mày ở trong trường thi?

Đốc Cung cười bảo đào Phụng:

- Nhưng mà thôi, chị đừng hăm nữa. Để tôi chữa làm bốn câu mưỡu. Rồi tôi cho nó một bài hát nói.

Vân Hạc cũng cười:

- Muốn gì thì gì! Hễ mà bịa chuyện nói láo, thì mày đừng chết.

Đào Phụng nói chêm:

- Cứ để cho anh ấy làm.

- Nhưng mà nó cứ nói không làm có. Rồi chốc nữa lên cửa trường, gặp ai nó cũng đọc ra cho nghe. Người ta tưởng là chuyện thật.

Đốc Cung vẫn cười:

- Ừ thì tôi cũng đại xá cho nó. Để nó còn vác mặt về quê thăm vợ. Nếu tôi cho nó một bài hát nói thì không khéo nó phải tự tử.

Câu chuyện bông đùa kéo dài đến khi gần hết một bát rượu lớn. Hai chàng bắt đầu ăn cháo.

Tan cuộc rượu, hai chàng lại đội khăn mặc áo để đi xem bảng.

Đào Phụng, đào Cúc đòi đi theo. Nhưng mà Vân Hạc không nghe, chàng nói:

- Nếu tôi đi với hai chị, lỡ gặp anh hai và anh tú tôi, thì tôi trốn đi đường nào?

Hai ả cùng nói cổ kiết:

- Các anh cứ cho chúng em đi với. Lên gần cửa trường, chúng em sẽ trụt lại sau, không đi gần với các anh nữa, thì thôi chứ gì.

Độc Cung cũng ngăn hai ả:

- Thôi các chị cũng nên thương nó, đừng theo nó nữa. Nếu như các chị cố đi với nó, thì rồi mai kia vợ nó xé xác nó ra.

Rồi hai chàng từ biệt hai ả cùng đi lên phía trường thi.

Lúc ấy bảng đã kéo rồi. Học trò đứng ở dưới bảng đông như đám hội. Độc Cung bảo với Vân Hạc:

- Hãy đến xem bảng con đã.

- Mà bị phạm húy hay sao mà muốn xem bảng con trước?

- Tao không phạm húy, nhưng hình như trong bài "Nam sơn hữu đài", tao viết chữ thọ thiếu mất một nét.

- Mà viết mười mấy nét?

Độc Cung vừa đi, vừa lấy ngón tay ngoạch ngang, ngoạch dọc, rồi đáp:

- Tao viết có mười bốn nét.

- Thế thì đúng rồi, còn thiếu gì nữa, chữ "thọ" chỉ có mười bốn nét thôi. Vừa tới bên ngoài bảng con. Cái bảng treo chừng ngang đầu người, phía trước đương bị đám người che kín. Vân Hạc bảo Độc Cung.

- Mà thử lách vào, trông xem có tên thằng Nguyễn Khắc Mẫn ở đó hay không. Hôm ấy nó viết vội lắm. Tao sợ nó phạm trường qui, nếu không thì cũng phạm húy, hay là có chữ thừa nét thiếu nét, chứ khó mà được trọn vẹn.

Độc Công ưng lời. Rồi để Vân Hạc đứng đợi ở ngoài, chàng cố lách qua đám người vào tận cạnh bảng nhằm suốt một lượt từ đầu đến cuối. Tất cả trong bảng, có độ hai chục tên người.

Người thì viết không đủ quyền, người thì viết phải chữ "hồng" mà không "kính khuyết nhất bút", có người đồ, di, câu, cải quá số mười chữ, mỗi người mỗi tội khác nhau. Nhưng không có tên Khắc Mẫn.

Đốc Cung lại cố lách ra tìm đến chỗ Vân Hạc:

- Không biết nó có được vào hay không, chứ ở bảng con thì không thấy có tên nó. Hai chàng liền cùng tiến lại trước bảng vi giáp.

Vừa thoát nhìn trên bảng, đã thấy tên Đào Tiêm Hồng.

Vân Hạc mừng reo:

- Anh Hai tao được "vào" rồi.

Đọc nốt cho đến cuối bảng, hai chàng đều không thấy tên mình, họ bèn dắt nhau sang cửa vi ất. Ở đây chỉ thấy tên Nguyễn Khắc Mẫn và Đào Đoàn Bằng, không có tên hai chàng. Đốc Cung chỉ bảo Vân Hạc:

- Thằng Mẫn và anh Tú mày được "vào" rồi kia kìa không có lẽ tao với mày bay kinh nghĩa cả.

Rồi thẳng đường, hai chàng lại đến coi bảng vi hữu. Đến đây mới thấy có tên Đốc Cung, nhưng vẫn không thấy có tên Vân Hạc. Đốc Cung lại trêu Vân Hạc:

- Chắc là mày hỏng.

Vân Hạc vẫn vững dạ:

- Mày và thằng Mẫn còn "vào" khi nào tao lại bị hỏng.

(Bị kiểm duyệt bỏ hời Pháp thuộc)

Vừa nói, hai chàng vừa lật đật trở lại đến cửa vi tả, trông gần bảng, vẫn không thấy tên Vân Hạc ở đâu, lúc ấy chàng mới hơi núng, liền bảo Đốc Cung:

- Có lẽ quan trường không mất mày ả.

Độc Cung chỉ tay vào phía cuối bảng:

- Có họa mày mù, chẳng tên mày thì tên thằng đều kia à.

Vân Hạc nhìn theo chỗ tay Độc Cung đã chỉ, quả nhiên thấy có chữ Đào Vân Hạc đứng trên hai dòng chữ con "Sơn tây - Đào nguyên". Chàng điềm nhiên nói:

- Ủ, có thể chứ. Nếu tao mà hỏng thì còn trời đất nào nữa.

Vân Hạc, Độc Cung vui vẻ quay ra cùng vợ vẫn trong đám đông để tìm những người quen biết. Nhưng mà không gặp người nào, hai chàng bèn lững thững đi về nhà trọ. Vân Hạc vừa đi vừa phàn nàn:

- Tao về bây giờ chắc ông anh sẽ mắng tàn nhục.

Độc Cung an ủi:

- Không sợ. Tao xem hai thằng anh mày cũng còn biết điều. Chúng nó có giận mày đi nữa, cũng chỉ nhiếc móc qua loa, chứ không làm tàn nhẫn như người khác đâu. Vả lại, còn phải nể mặt tao chứ. Nếu như chúng nó tàn nhẫn với mày, thì có khác gì tàn nhẫn với tao?

Vân Hạc lẩm bẩm:

- Không biết đứa nào thóc mách mà các ông ấy lại biết chúng mình nằm ở nhà ấy? Tao đồ rằng chỉ có thằng Mẫn. Bởi vì cái thằng đều ấy xưa nay vẫn có cái tính tâng công như thế.

- Có lẽ. Tao cũng ngờ nó. Để rồi hỏi xem, nếu quả phải nó, thì chúng mình cũng nên trừng trị cho nó chừa cái thói ấy.

Độc Cung đương sắp nói tiếp, thình lình một bọn độ năm, sáu người nghênh ngang tiến đến trước mặt.

Khi đã gần giáp Vân Hạc, Đốc Cung, họ vẫn dắt tay nhau, như định ngăn cản đường đi. Một người trong bọn trừng mắt và thét:

- Các anh có mắt hay không? Làm sao thấy người ta thế này vẫn cố sầm sập đâm vào?

Hơi rượu theo với tiếng thét bay ra sắc súa, làm cho Vân Hạc, Đốc Công biết ngay đó là những vị anh hùng không có tên ở trên bảng, chỉ chực gây sự với bất kỳ người nào. Hai chàng lễ phép xin lỗi, rồi lánh ra hai vệ đường để cho bọn đó đi lên.

Đi một quãng dài, vừa gặp Khắc Mẫn cúi thủi bên đường, với bộ mặt thù thù. Vân Hạc liền hỏi:

- Thằng này đi đâu?

Khắc Mẫn không trả lời và cũng không thèm trông lên. Đốc Cung không hiểu là vì có gì, chàng hỏi tiếp:

- Cái thằng làm sao mà lại mặt sung mày xia lên thế? Không về sắp sửa đồ đạc để mai vào trường, lại còn dẫn xác đi đâu?

Khắc Mẫn dừng lại với bộ điệu hằm hằm tức giận:

- Đi đâu mày hỏi làm gì? Ông bảo đừng xỏ. Vừa mới được vào một kỳ đã chực lên mặt với ông phải không?

Hai chàng không biết ý tứ Khắc Mẫn ra sao, Vân Hạc nói bằng giọng ngạc nhiên:

- Mày điên đấy à, thằng Mẫn? Có sao tự nhiên vô cớ lại chực cà riềng cà tỏi với chúng tao?

Khắc Mẫn đổi giọng mát mẻ:

- Thôi tôi cũng cảm ơn anh. Anh có lòng tốt đã giúp cho tôi một đoạn "hậu cổ" quý hóa. Nhưng mà tôi chưa phạm hủ, chưa bị tù tội anh ạ.

Rồi thày lại vùng vằng đi không quay cổ lại.

Vân Hạc phì cười và giục Đốc Cung:

- Thôi đi! Mặc kệ nó. Hễ nó tự tử thì chúng mình chôn, cần gì.

Đi vài chục bước ngoảnh lại trông thấy Khắc Mẫn đã đi hơi xa. Vân Hạc hỏi Đốc Cung:

- Mà có biết làm sao không?

- Nó tưởng nó hồng, nên nó oán mày phản nó chứ gì! Tao cũng đoán thế, nhưng hãy cứ im không báo vội... Để nó khổ cực từ giờ đến chiều, cho nó chừa cái tội tâng công đi đã.

Đốc Cung đồng một ý ấy:

- Tao cũng định thế.

Hai chàng cùng quay đầu lại, vừa thấy Khắc Mẫn đi rẽ ra lối bờ sông. Đốc Cung hoảng hốt:

- Có lẽ nó tự tử thật mày ạ!

Vân Hạc quả quyết:

- Thằng ấy khi nào lại dám tự tử. Nó không phải đứa có gan như thế. Hãy cứ theo nó.

- Nhưng sợ nó yên chí bị hồng và phát phần mà đi lang thang đâu mất, chúng mình không biết đường nào mà tìm.

- Ừ phải! Nếu không báo cho nó biết, lỡ nó kéo đi, không kịp vào trường ngày mai, thì ra chúng mình ác quá.

Hai chàng liền lật đật trở lại, đuổi theo Khắc Mẫn và gọi:

- Mày không hồng đâu, Mẫn ạ! Đừng đi tự tử mà mất mạng oan!

Khắc Mẫn cũng quay mặt lại và nói bằng giọng căm tức:

- Ông có tự tử cái con...? Đừng trêu tiết ông mà không ra gì bây giờ. Hai thằng xỏ lá!

Hai chàng cùng cười sảng sặc.

- Thằng chó! Cáo gì chúng ông! Hãy lại cửa trường mà xem. Chẳng tên thằng Nguyễn Khắc Mẫn thì tên con chó ở bảng đấy à?

Khắc Mẫn càng bước rào cẳng và nói thật lớn:

- Ủ! Tên con chó đấy! Hai con chó chứ không phải một. Con chó lớn ở làng Đào Nguyên và con chó con ở làng Trúc Lâm.

Hai chàng đều thấy bức mình, nhưng cố đuổi cho kịp Khắc Mẫn, rồi nói bằng giọng nghiêm trang:

- Sao anh lại tưởng anh hồng?

Khắc Mẫn vẫn cắm đầu đi không đáp. Vân Hạc, Đốc Cung hỏi với:

- Thế thì mắt anh đã coi bảng chưa, hay là mới nghe thấy người ta nói?

Bây giờ Khắc Mẫn mới dừng chân lại:

- Tao coi đã ba lần rồi?

- Anh coi những bảng vi nào?

- Tất cả bốn vi.

- Vậy mà không thấy tên anh?

Khắc Mẫn không nói vùng vằng toan đi. Hai chàng cũng cười:

- Thế thì anh mù mắt rồi? Ba chữ Nguyễn Khắc Mẫn lớn bằng cái mẹt ở bảng vi ất mà không trông thấy có khổ không?

Khắc Mẫn có ý nghi ngờ:

- Các anh nói thật hay nói xỏ tao?

- Nói thật chứ ai nói đùa làm gì? Anh hãy trở lại mà coi.

Khắc Mẫn vẫn nhất định không tin.

- Trở lại để chúng bay phỉ nhổ ông thêm một mẻ nữa, phải không? Đừng xỏ? Đây ông ngần này tuổi đầu, khi nào phải lừa hai thằng ranh con!

Vân Hạc không thể nhịn cười và không biết nói thế nào cho Khắc Mẫn tin. Đốc Cung cố giữ nét mặt đứng đắn và ôn tồn:

- Không? Chúng tôi không thêm lừa anh làm gì. Bảng có tên anh thật đấy. Trở lại mà xem, rồi cùng trở về nhà trọ sắp sửa đồ đạc...

Khắc Mẫn không để cho nói hết câu, liền gặng:

- Nếu như không có tên tao, chúng bay làm sao?

Vân Hạc vội thề:

- Không có tên anh, chúng tôi sẽ xin cấp tráp cho anh suốt đời..

Khắc Mẫn ngần ngừ nói gượng:

- Ủ, ông bay kinh nghĩa mà được hai thằng này bung tráp, đi hầu, thì cũng đáng đời.

Rồi thầy bèn theo Vân Hạc, Đốc Cung lại nẻo trường thi. Bấy giờ học trò đâu về đầy cả, cửa trường chỉ còn lơ thơ ít người. Hai chàng dắt Khắc Mẫn đến cửa vi ất, chỉ tay lên bảng và hỏi:

- Tên mày hay tên con chó ở kia hử Mẫn?

Khắc Mẫn sung sướng như người chết rồi lại được sống lại, thầy ứa nước mắt vừa cười vừa nói:

- Quái lạ! Thế mà làm sao lúc này tôi trông đến ba bốn lượt đều không thấy cả? Hay có đứa nào che mắt?

Lúc ấy Vân Hạc mới cáu:

- Chó nó che mắt mày à? Chẳng qua vì mày đã quá hoạn đắc hoạn thất, cho nên hoa cả hai mắt không thấy gì nữa. Quân dê tiện! Làm bạn với mày nhục cả chúng tao!

Đốc Cung mắng thêm:

- Thảo nào ngày xưa có đứa cướp vàng giữa chợ mà không trông thấy người nào. Thằng này nếu được thấy vàng, có lẽ nó cũng tối mắt như thế. Thôi hết kỳ này thì tổng nó đi trọ nhà khác! Không để cho nó ở chung, bẩn cả chúng mình.

Khắc Mẫn nhận rằng cười khì.

- Bây giờ các anh nói sao tao cũng phải chịu, chứ tao cãi sao cho kịp hai cái miệng ấy?

Ba người liền cùng quay về.

Mặt trời vừa đến đỉnh đầu. Khí trời đã không lạnh lắm. Trong phố, hàng quà đã rao ầm ơ.

Vân Hạc, Đốc Cung vẫn chưa tan cơn tức cười Khắc Mẫn, hai chàng lại trêu:

- Bây giờ chúng tao mới hỏi tội thằng Mẫn?

Khắc Mẫn bẽn lèn:

- Ủ, tao còn tội gì nữa, thì nói nốt đi.

- Sao mày dám hót với anh Hồng anh Bằng rằng chúng tao hát ở nhà con Phượng để các anh ấy đi bắt chúng tao?

- Ai bảo chúng bay như thế?

- Chúng tao biết, chứ phải ai bảo. Không mày hót thì còn thằng nào vào đây?

- Thế thì làm sao đến ngày ra bằng chúng bay vẫn còn bê tha?

- Bê tha mặc kệ chúng tao, việc gì đến mày? Lần này tha cho; lần sau, còn mách leo nữa, chúng ông rút lưỡi.

Ba người về đến nhà trọ. Vân Hạc, Đốc Cung vừa nhô vào cửa, Đoàn Bằng liền nói bằng giọng thễ thọt:

- Thừa hai ngài đã về!

Vân Hạc nín thít không dám nói gì. Đốc Cung pha trò:

- Chả dám! Bẩm ngài! Ngài làm gì mà nghiêm khắc vậy!

Tiêm Hồng cau mày:

- Ngài dạy quá lời. Chúng tôi đâu dám nghiêm khắc với các ngài? Nhưng không biết ngày mai các ngài có định thi nữa, hay là hoãn đến khoa sau?

Đốc Cung kết thúc câu chuyện bằng một cuộc cười xòa. Vân Hạc giả vờ lảng xuống nhà dưới, rồi chàng sẽ bảo thằng nhỏ nhà trọ sắp sửa đồ đạc và dặn chủ trọ mua các thức ăn, làm sẵn, để ngày mai cho cả bọn vào trường.

Chương X

Con gà của nhà hàng xóm bắt đầu gáy tiếng thứ nhất, ông chủ nhà trọ đã lên nhà trên đánh thức những ông khách trọ.

Anh em Vân Hạc và Đốc Cung, Khắc Mẫn hoảng hốt tung chăn ngồi dậy. Trước ánh lửa bùng bùng của ngọn đèn nỏ trong tay ông chủ, mọi người áy ó dụi mắt trông ra ngoài sân. Trời vẫn còn tối mù mù. Mấy tàu lá chuối sau nhà đương phì phạch đánh nhau với ngọn gió bắc. Hơi rét thấu đến tận xương.

Lần lượt châm lửa vào mấy đọi đèn trên những chiếc quang treo lủng lẳng ở dưới sà nhà, ông chủ vui vẻ đi xuống nhà dưới.

Thằng nhỏ nhanh nhàu đệ lên dây phản của các ông khách hai cái hỏa lò than đỏ rực rực. Rồi một thằng khác đem tiếp vào đó tất cả một bộ khay chén và một ấm siêu nước sôi.

Vân Hạc dịch ra giữa phản vừa pha nước, vừa khoác cái chăn sù sù.

Ngoài sân vẫn gió to, thỉnh thoảng lại có giọt mưa lách tách rỏ xuống tàu chuối.

Gà gáy giục, cuộc trà vừa tan. Một nai rượu và một mâm đồ ăn lù lù tiến lên thay chỗ cho bộ ấm chén.

Ông chủ vui cười nói với bọn khách:

- Thưa các ngài, hôm nay là ngày vào kỳ đệ nhị các ngài tuy không bận làm, nhưng tôi thành tâm sửa thêm nai rượu, xin mời các ngài xơi tạm để giúp thêm cho khiêu văn.

Tiêm Hồng lễ phép cảm ơn và bảo ông ấy vào ngồi uống rượu. Nhưng mà ông ta từ chối không dám, rồi xuống nhà chơi.

Vân Hạc, Đốc Cung quay vào rót rượu, so đĩa.

Tuy rằng ai nấy vẫn chưa hết cơn dở ngủ, uể oải không muốn ăn uống, nhưng cuộc rượu vẫn cử hành trong một cảnh tượng vui vẻ. Riêng có Khắc Mẫn chỉ nhấp vài hớp, rồi gọi thằng nhỏ lấy cơm. Thầy kéo một mạch hết bốn, năm bát, rồi đứng phắt dậy, rửa miệng, uống nước và đi sắp sửa đồ đạc của mình.

Gió vẫn thổi dữ. Mưa càng nặng hạt hơn trước.

Trời càng tối đen như mực. Khắc Mẫn rồi rít giục bọn Vân Hạc uống rượu phiên phiên để đi ra trường. Nhưng bọn này vẫn cứ kè cà chén thù, chén tạc. Nóng ruột. Khắc Mẫn liền bảo thằng nhỏ châm đuốc cho mình. Rồi thầy giở một chiếc áo tơ khoác vào lưng và lấy lều, chiếu, yên lợ, đeo hết lên cổ. Với dáng bộ lật đật, thầy nhìn vào bọn Vân Hạc.

- Các anh ra sau nhé! Tôi phải đi trước, vì tôi phải vào trước các anh.

Đốc Cung mỉm cười:

- Sao mà tự làm khổ cái thân mà như vậy? Bây giờ quan trường còn ngủ, chứ dễ người ta đã ra cửa trường để đón mà vào đó chắc? Ra từ bây giờ để đứng cửa trường mà run đây à!

Khắc Mẫn không trả lời. Tất cả bước luôn xuống thêm. Cả bọn trong này đều cười sảng sặc. Giây lát thấy thầy bước lên, mỗi người hỏi mỗi câu:

- Không đi nữa à?

- Quên cái gì đấy?

Khắc Mẫn không để ý đến những câu hỏi ấy, thầy lừ lừ nhìn mặt Tiêm Hồng:

- Tôi sẽ đóng ở gần nhà Thập đạo. Lát nữa bác vào thế nào cũng đến đây nhé.

Tiêm Hồng gật đầu, Khắc Mẫn lại lật đật xuống thêm, rồi đi, Đốc Cung vừa cười vừa nói:

- Cái ngu nó làm cho người ta phải khổ như thế.

Vân Hạc đón lời:

- Vì nó nhiệt tâm về công danh, ngồi đây sốt ruột không chịu được, cho nên phải đi. Chứ nó cũng không quá ngu đến nỗi không biết bây giờ quan trường chưa ra, ra đó cũng đến đứng đó.

Gió lạnh.

Mưa đã nhẹ hột.

Ngoài sân trời sáng mờ mờ.

Nai rượu cũng đã gần cạn. Mọi người bắt đầu ăn cơm.

Cuộc rượu tan, ngoài phố có tiếng người đi rầm rập. Tiêm Hồng gọi thằng nhỏ đem hết lều, chiếu, yên, tráp lên đó, để ai nấy kiểm điểm một lượt xem có quên thiếu thức gì hay không.

Đoàn Bằng ngó ra ngoài sân rồi nói:

- Mưa to thế này, chắc là trong trường lụt lắm. Bây giờ giữ sao cho hai cái chân khỏi lắm?

Đốc Cung phụ họa:

- Ủ, nếu chân lắm mà ngồi lên chõng, có khi nó sẽ giẫy ra quyền vắn...

Vân Hạc nói:

- Thôi thì mỗi người đành phí một đôi bát tất. Bây giờ cứ đi bát tất mà lụt bùn. Vào trường, đóng lều xong, sẽ tháo vút đi.

Tiêm Hồng khen:

- Cái đó thông đấy. Cũng chỉ còn có cách ấy có thể làm cho chân sạch.

Rồi cả bốn người cùng đội nón, khoác áo toại, hai chân xỏ bít tất, sầm sập bước xuống sân đất, với những đồ đạc đeo xúc xích ở vai và cổ.

Vân Hạc ra bộ câu kính:

- Cái nước nhà mình nghĩ cũng buồn cười. Bao nhiêu ông to, ông lớn, làm giường, làm cột cho nước nhà đều ở thi mà ra, thế mà làm sao người ta lại không chịu làm vài chục gian nhà, để cho chúng mình ngồi thi?

Đoàn Bằng cắt nghĩa:

- Không phải các cụ ngày xưa đều không nghĩ đến điều đó. Nhưng trong trường thi hương, không thể cất nhà cho học trò ngồi thi. Là vì học trò đông quá, cất đến mấy chục gian nhà cũng không đủ chứa. Và lại, thi ở giữa trời, các quan ngự sử còn có thể đứng trên chòi mà nhìn xuống dưới để rình những kẻ gian lậu, chứ nếu thi ở trong nhà, thì các ông ấy ngồi đâu mà canh?

Đốc Cung ngắt lời:

- Thì quan ngự sử cứ vào trong vi mà coi chẳng được hay sao? Sao lại cứ phải đứng ở trên chòi mới được?

Tiêm Hồng đáp:

- Không được! Các ông ngự sử cũng đều là người biết chữ. Nếu vào trong vi, lỡ các ông ấy gà cho học trò thì sao? Bởi vì cần phải phòng bị chỗ đó, cho nên, người ta mới cất các ông đề điệu phải đem đầu bài xuống dán ở trong các vi. Ông đề điệu là người dốt đặc một chữ không biết, không thể gà cho ai được.

Đốc Cung đương toan nói thăm đằng sau bỗng có tiếng kêu "trời", làm cho ai nấy đều phải giật mình quay lại.

Một ông cụ già đầu bạc râu bạc đương nằm chổng gọng trên đường, cuộn áo lều gác chéo giữa cổ, chiếc chõng tre và cái tráp sơn đề xấp đề ngựa trên bụng.

Thì ra, vì đường trơn quá, ông cụ tuổi già sức yếu bị toại, không thể gượng nổi, phải ngã bổ kênh ra đó.

Cả bọn vội vàng chạy lại, kẻ nhắc lều chõng, người nâng ông cụ trở dậy. Ông cụ chỉ run cầm cập, mặt mũi xám ngắt, không thể nói được một câu nào.

Vân Hạc vừa dắt ông cụ vừa lẩm bẩm:

- Khốn nạn! Bấy nhiêu tuổi đầu, còn thi với cử làm gì cho khổ thế này?

Đốc Cung có ý ái ngại ông cụ, chàng nói:

- Trời đang mưa rét, ông cụ già nua như vậy, nếu vào trường chưa chắc đã viết được văn. Hay là chúng mình hãy đưa ông cụ vào một nhà nào gần đây, để cho ông cụ nằm nghỉ.

Ông cụ khi ấy đã hơi hoàn hồn, nghe nói, vội vàng xua tay và cất cái giọng run run:

- Các thầy... hãy cứ làm ơn dắt lão đến cửa trường... Lão thi đã sáu khoa rồi, khoa này mới được vào kỳ đệ nhị, sống chết lão cũng vào trường cái đã.

Vân Hạc cố gàn:

- Nhưng mà chúng tôi sợ cụ không thể chống nổi với sức mưa rét...

Ông cụ vẫn vừa run vừa nói:

- Nhất là chết ở trong trường lão cũng cam lòng.

Tiêm Hồng lại hỏi:

- Cụ vào vi nào?

Ông cụ đáp bằng tiếng tai:

- Lão vào vi tả.

Vân Hạc nhanh nhẩu tiếp lời:

- Vậy thì cù đi với tôi! Tôi cũng vào vi tả đây!

Bốn người bèn cùng chia nhau mỗi người mỗi việc: kẻ xách yên, người đeo lều chõng, kẻ cầm cánh tay phải, người nắm cánh tay trái, cùng dìu ông cù đi đến cửa trường.

Trong trường vừa nổi một hồi trống cái báo tin quan trường sắp ra.

Trên khu đất trước cửa vi giáp, học trò đã đến tấp nập.

Kỳ này bị hỏng rất nhiều, số người chỉ độ bằng một phần ba kỳ trước. Mọi người trao trả ông cù các thứ đồ đạc, rồi cùng chia ngả đi tới các vi. Vân Hạc dắt được ông cù đến cửa vi tả, người lính cầm loa ở cạnh ghế chéo đã bắt đầu gọi tên học trò.

Chiều trời tự nhiên lại thấy tối sầm. Gió bắc lại nổi ào ào. Mây đen tự nẻo chân trời đùn đùn tiến lên giữa trời, và lan ra khắp bầu trời. Đánh nhoáng một cái, mọi người đều phải lóa cả hai mắt. Vòm trời đen kịt như bị nứt ra nhiều vết, những luồng chớp nhoáng chói lọi đồng thời bật ra và thi nhau vằn vèo chạy đi chạy lại như đàn rắn vàng. Tiếng sét doành doành nổi lên như phá góc trời tây bắc; nó dòn nhau, nó đuổi nhau, nó ù ù đưa nhau sang mãi góc trời đông nam, làm cho tầng không chuyển động như sắp sụp đổ.

Hột mưa lớn bằng quả ổi lác đác sa xuống mặt đất xuống nón học trò, và lộp bộp rơi xuống đôi lọng xanh của ông phân khảo đương chễm chệ ngồi trên ghế treó với áo thụng xanh. mũ cánh chuồn và cây hốt ngà voi.

Công việc lúc này có vẻ cấp bách.

Người lính cầm loa luôn luôn thét không dứt miệng. Mỗi tên một người học trò chỉ được gọi đến hai lần. Nếu ở dưới không có tiếng thưa, tức thì người ta gọi luôn tên khác. Bọn lính thể sát làm việc cũng rất lạo thảo. Với các đồ đạc của học trò, họ chỉ nhòm ghé qua loa, thấy không có vẻ khả nghi thì thôi.

Trời cũng dọa chứ chưa làm thật. Sau khi học trò, quan trường, lính tráng vào hết trong trường, gió vẫn ào ào, sấm vẫn ù ù, chớp vẫn nhấp nháy, nhưng cơn mưa vẫn không lớn thêm. Người ta đoán rằng trời mưa để làm hoa rét, chứ cái tiết mùa đông, tháng giá, ít khi thấy có mưa to. Mà thật vậy, chỉ có cái rét là đáng ghê sợ. Được có mưa gió giúp sức, cái khí hậu tai ác đó mỗi lúc mỗi tai ác thêm, nó làm cho nhiều người học trò chân tay run lẩy bẩy, mặt mũi không còn sắc máu, hai môi xám nhợt như kẻ ngã ao: Nhất là mấy ông hàn sĩ áo đơn quần mỏng lại càng bị nó hành hạ cực khổ, lắm người cóng đờ cả mười ngón tay, không thể cầm được bộ giọng lều. Vân Hạc cũng không khỏe mạnh hơn ai, chàng cũng lập cập hai hàm răng làm một, tuy trong mình đã quần mấy lần áo bông áo kép. Lóng ngóng bằng đến nấu chín nồi cơm, chàng vẫn chưa lợp được kín cái lều.

Bởi vì ngọn gió quái ác thúc vào bụng bụng, cái áo lều buộc được bên nọ, thì bên kia lại bật ra rồi, có khi nó còn nhỏ cả giọng lều lên nữa. May quá, hôm nay chàng vẫn đem theo bốn chiếc cọc nhỏ và một chiếc dùi đục, chàng dùng dùi đục đóng chặt bốn cái cọc ấy cho đầu nó xuống sát mặt đất rồi mới buộc chằng vào bốn góc lều.

Nhờ vậy, cái lều mới khỏi lung lay.

Hai bên đầu lều đã được che kín bằng hai chiếc áo toai chàng đem cái chõng đặt vào trong lều, rồi toan tháo bít tất bỏ đi. Nhưng lát nữa còn phải đi lấy đầu bài, nếu bỏ bít tất thì chân lại lấm, lấy gì mà lau. Nghĩ thế, chàng lại cứ để cả đôi bít tất ngồi thông hai chân xuống đất và giở đá lửa đánh lửa hút thuốc. Đôi tất lúc ấy đất nhả bết vào đã thành một đôi ủng đất, nó làm cho chàng hai chân nặng trĩu, hơi rét tê dại da thịt.

Cài chòi gần nhà Thập đạo thông thả điểm một hồi trống cái. Quan trường phân phát những mảnh giấy viết đầu bài cho hai ông chánh phó đề điệu và các lại phòng đem dán ở bảng các vị. Theo như thí pháp mới định, kỳ đệ nhị có một bài thơ và một bài phú.

Thơ là: "Bang gia chi quang" thể thất ngôn, vần thập tứ diêm.

Phú là: "Sĩ nguyện lập sư triền thể luật phú, vắn "nhân chính khả duyệt thiên hạ chi sĩ", tất cả tám chữ, theo lối thuận áp.

Vân Hạc coi qua đầu bài rồi trở về lều. Chàng tháo bút tất quăng xuống xó lều và giờ ông quyền lấy quyền nắn nót viết năm chữ lớn "Bang gia chi quang thi" và tám chữ con "dụng thất ngôn luật, thập tứ diêm vận" chàng lại bỏ quyền vào ông, bó gói ngồi nghĩ thể cục của tám câu thơ.

Gió lại thổi dữ. Sấm sét lại nổi ầm ầm. Nước mưa ở đâu đổ xuống sún sụt. Cái lều của chàng tuy đã có cọc buộc ghì xuống đất, nó vẫn vẹo vọ rung rinh mỗi khi gặp một cơn gió giật. Chốc chốc chàng lại cứ phải nắm lấy gọng lều và ấn xuống đất cho lều khỏi bung.

Càng về gần trưa, mưa càng dữ dội. Các rãnh trong vi đều thành luồng nước trắng xóa. Bong bóng nổi trên mặt nước lênh bênh. Một lát sau, nước dềnh lên khỏi mặt rãnh, nó tràn vào lều và lênh láng chảy qua gầm chõng.

Vân Hạc đương ngồi trên chõng, gục đầu vào chiếc yên gỗ, hí hoáy viết mấy câu thơ, chợt thấy cái chõng tự nhiên thấp xuống dần dần, rồi nó lún xuống đến sát mặt đất, bùn nước theo khe nan chõng phòi cả lên trên mặt chõng.

Cái gì mà lạ thế nhỉ?

Thì ra khu đất trường thi, mấy tháng trước đây, chỉ là những ruộng lúa mùa. Kỳ thi sắp tới, lúa cũng vừa chín. Sau khi lúa cắt hết rồi, người ta đem trâu cày lên và đập qua loa cho vỡ những tảng đất lớn. Rồi họ đánh thành từng luống như luống khoai sọ để cho học trò cắm lều lên trên. Kỳ trước được trời nắng ráo, xéo vào luống đất lỏn nhỏn, tuy có đau chân, nhưng còn sạch sẽ một chút. Bây giờ gặp hôm mưa to, luống đất bị nước ngấm vào, nó đã thành ra luống bùn, không đủ sức để đỡ cái chõng và một người ngồi. Vì vậy cái chõng mới phải thụt xuống, thụt cho đến khi bốn chân ngập hết như bốn cái cọc mới thôi.

Vân Hạc cũng như hết thấy mọi người, tuy ngồi trên chõng vẫn không khác gì ngồi dưới đáy ao, đít áo, đũng quần, nước bùn thấm vào bê bết. Gió bắc như có thù riêng, luôn luôn quạt cho giọt mưa hắt vào các khe lều. Vì sợ nước bắn vào, quyền thi sẽ bị tỳ ố, chàng phải quay lưng ra phía ngọn gió, để lấy lưng làm cái bình phong chắn cho hạt nước tàn ác khỏi bay vào đến quyền văn. Nhưng cái lưng chàng không phải là vật kỵ gió, kỵ mưa, nước mưa theo gió hắt vào, nó đã thấm qua mấy lần áo bông, áo kép lọt tới da thịt. Cái nước lúc ấy mới độc làm sao, nó vào đến đâu, chàng thấy ở đấy cứ buốt thon thót như bị tên bị độc bắn phải; miệng thít tha, tay run lẩy bẩy, chàng không thể nào cầm bút mà viết, tuy chàng đã nghĩ được xong bài thơ, một vắn "lung" một vắn "nhập đề" và một vắn "thực" của bài phú. Cái làm cho chàng phải lo hơn nữa là việc lấy dấu "nhật trung". Quyền của chàng đã viết được ba dòng rưỡi ở trang đầu, nghĩa là đến chỗ đóng dấu nhật trung rồi đấy, nhưng mà dấu ấy chưa có, thì còn cứ phải để đó không được viết tiếp xuống dưới. Lúc tạnh ráo, công việc ấy cũng còn phải chờ, phải đợi, phải chầu chực mất nhiều thì giờ, huống chi bây giờ, mưa gió ầm ầm, đi bằng cách nào cho đến được nhà Thập đạo mà không bị ướt?

- Thà bỏ mẹ nó mà ra cho rảnh. Thi với cử thế này thật là nhục hơn con chó. Dù có đỗ đến ông gì, làm đến ông gì, cũng không bỏ công.

Chàng vớ luôn lấy quyền văn, đã toan xé toạc làm đôi: Thành linh lại nhớ ra rằng: dù không thi nữa, cũng phải đem nộp quyền trắng thì mới ra được. Nếu không có quyền, bọn lính canh cửa tưởng mình vào làm gà, chúng sẽ bắt bớ lôi thôi. Rồi chàng lại nghĩ: nếu nộp cái quyền có vài dòng chữ tắt nhiên sẽ bị liệt vào hạng "duệ bạch", rồi nó đem tên tuổi mình yết ra bảng con thì mình sẽ bị mang tiếng viết không nổi quyền....

Liều tình với trời, chàng lại cắn răng ngồi mà nghĩ nốt mấy vắn phú nữa.

Gió đã yếu dần, mưa cũng nhỏ dần. Thẳng trên đỉnh đầu, mặt trời đã nhón nhoén ngó xuống nhân gian bằng bộ mặt tẻ bẽ như bị xấu hổ.

Vân Hạc vội vàng cầm chiếc ống quyền đi thẳng đến nhà Thập Đạo.

Trong vì bắt đầu nhón nháo. Kẻ ở phía tả chạy sang, người ở phía hữu chạy lại, quang cảnh không khác một đám trôn loạn. Hết thấy mấy trăm con người, ai cũng như ai, mặt tái mét, môi thâm xì, quần áo lấm bê lấm bết, như người đào dưới đất lên.

Trên các luống bùn úng ình, và các rãnh nước lênh đênh, gọng lều, áo lều, áo toi, chiếu cói, giấy bút, lồng chông ngổn ngang, không khác khu chợ sau một cơn giông bão.

Té ra trong lúc mưa gió dữ dội, đã nhiều cái lều không thể đứng vững, bị gió cuốn đi, và cũng lắm ông học trò rét quá, không thể ngồi mà viết văn, đành nộp quyền trắng để tháo lấy thân.

Trong nhà Thập đạo, người đông như một buồng trô. Ngoài bọn quan trường, lại phòng và lính canh gác lại thêm những ông cụ già vì lều trốc, lều giới, xin vào làm văn tại đó. Vân Hạc mới chìa ống quyển qua bức rào nứa, một người lính tức thì chạy ra đón lấy và đưa vào nhà Thập đạo cho người lại phòng. Mưa rét cũng có cái lợi, nó lợi cho cái ống quyển không phải nằm chờ phút nào, người lại phòng nhanh nhẩu mở ống lấy quyển đóng dấu, rồi lại chuyển cho người lính đưa ra trả chàng.

Thế là xong cái nạn lấy dấu nhật trung.

Bây giờ trong trường, có rất nhiều nước, nước ở các vũng, các rãnh dềnh lên, lênh láng khắp chung quanh lều. Bì bõm trao chân vào cái vũng nước cạnh lều, chàng sẽ kiễng chân bước vào mặt chõng. Cái chõng tuy bị chìm dưới bùn, nhưng quần áo chàng lau mãi từ sáng đến giờ, nó cũng không lấm lấm nữa.

Chĩnh chện ngồi xếp bằng tròn trên chõng, chàng mở tráp lấy cuộn giấy bản để chùi mặt tráp cho khỏi ẩm ướt. Trong bụng đã thấy hơi đói, chàng bèn giở các quả bánh, ăn chập ăn chuội vài miếng, rồi mới cầm đầu vào viết. Lúc đầu tay hãy còn cóng, nét chữ hãy còn hơi run nhưng chàng viết độ vài dòng, thì tay lại thuận, chữ lại hoạt bát như trước.

Mãi miết viết luôn một mạch, chừng nửa buổi chiều thì đến vần "chi". Trời lại tự nhiên sầm tối, rồi lại mưa gió sấm sét âm âm. Bây giờ lại càng rét hơn sáng ngày. Quần áo tuy đã khô ráo, mà chàng luôn luôn thấy như nước đổ vào lưng, da thịt cứ buốt thon thót.

Bấm gan viết nốt vần "sĩ" chàng đọc lại quyển từ đầu đến cuối để đếm những chữ xóa, sót, móc, chữa và biên vào dưới chữ "cộng quyển nội". Thoát nạn.

Thôi, còn tiếc gì của nữa, chàng bỏ tất cả lều chõng đồ đạc, chỉ cởi lấy đôi áo toi, để khoác vào mình cho khỏi mưa ướt, rồi chàng đội nón và cầm ống quyển đi ra.

Tuy chưa có trống thu quyển, nhưng cái cửa sang nhà Thập đạo đã ngỏ, chàng đến trước nhà Thập đạo và đưa quyển văn ra nộp, vừa gặp lúc ông chủ khảo vợ vẫn ở đó. Ngài tự đón lấy quyển văn của chàng và mở ra coi mấy câu ở đầu trang. Rồi ngài lẩm nhẩm gật đầu và khen:

- Giỏi lắm! Mưa rét như vậy mà còn viết được những câu như thế này, đáng sợ thật! Có lẽ thủ khoa sẽ về người này....

Thì ra trong trường lúc ấy, trừ ra những người rét không viết được, phải trả quyển trắng di ra, chàng tức là người nộp quyển thứ nhất. Vì vậy mới được quan trường ngó đến. Trước sự khen ngợi của ông chủ khảo, chàng cứ im lặng qua cửa chính trước nhà Thập đạo rồi ra.

Ngoài trường lại càng rét dữ. Đường đi vừa lội vừa trơn như mỡ, chàng dò mãi không được một bước.

Hạt mưa tua tủa như những mũi tên, luôn luôn theo gió bắn vào mặt chàng. Chàng đương đập hai hàm răng để chống lại với mưa và gió, thỉnh thoảng có tiếng hỏi:

- Thưa ông đã ra.

Nhưng chàng không thừa vì không biết người ta hỏi ai. Tiếng hỏi lại cố tranh với tiếng gió:

- Ông Hạc? Lều chõng của ông đâu cả?

Chàng vội nuốt những giọt nước tràn chua trên mặt để mở mắt nhìn xem người nào. Nhưng cái mặt người ấy đương bị trùm hụp dưới chiếc nón sơn khiến chàng nhìn mãi mới biết đó là thằng bếp nhà trọ.

Chàng hỏi:

- Anh đến đây làm gì?

Thằng bếp chạy đến nắm cánh tay chàng dắt đi và đáp:

- Ông chủ sai con ra đón lều chõng cho các ông. Sao ông lại không đem đồ đạc gì về thế này?

- Ai có phải tội mà đeo bong những của tội ấy? Tao bỏ hết trong trường rồi.

Thế thì ông để con dắt ông vậy.

Vân Hạc nói không ra hơi:

- Thôi anh ở đây đợi các ông kia. Nếu các ông ấy đem lều chõng ra, thì anh đeo giúp cho họ, tôi đi về một mình cũng được, không phải dắt.

- Bây giờ vẫn chưa có trông thu quyền, những ông kia có lẽ còn lâu mới ra. Vậy để con đưa ông về, rồi lại ra đây đón các ông ấy cũng vừa.

Lúc này con rét như đã ngấm vào trong tim phổi, chàng chỉ lấy bảy chục ngã, tưởng như nếu đi một mình, không khéo thì không về được đến nhà. Vì vậy chàng không từ chối cái hảo tâm của anh bếp.

Bì bõm lội trên con đường lênh láng bùn ba, chàng đã mấy lần trượt chân chục lần xuống đất, tuy đã được có thằng bếp khỏe mạnh làm cột cho mình nương tựa.

Tới nhà trọ, trời đã gần tối. ông chú trọ sốt sắng đợi ở trước cửa. Thấy chàng, ông ta đơn đả chào hỏi:

- Ôi chà. Rét quá, ông nhỉ! Tôi không thấy khoa nào đương thi lại bị mưa gió dữ dội thế này. Xin mời ông vào trong nhà sưởi ấm cái đã, rồi sẽ thay đổi quần áo.

Vân Hạc chỉ nói được một tiếng vâng. Rồi chàng run rẩy bước lên trên thềm.

Giữa gian nhà giữa, đóng cũi đương nổ đùng đùng, mấy chiếc ghế nhỏ la liệt bày khắp chung quanh.

Chàng không kịp rửa hai chân lắm, chỉ lật được chiếc nón sơn và đôi áo tơ quăng ra giữa nhà, rồi sà luôn vào chiếc ghế gần nhất ở cửa.

Độ một giờ sau, Đốc Cung, Tiêm Hồng, Đoàn Bằng lần lượt tiến về. Ai cũng như vậy, quần áo lấm như trâu vùi, mặt mũi không còn sắc máu. Trời đã tối mịt, mới thấy Nguyễn Khắc Mẫn với tất cả đồ đạc linh kính của thày.

Chương XI

Đã hai ngày nay, cô Ngọc chỉ những lật đật chạy ra chạy vào, không hề bước chân lên chiếc khung cửi.

Rủ suốt cô đánh từ chiều hôm kia bây giờ đã ôi, lượt sợi ở ngoài đã biến ra màu vàng vàng và khô cứng như một lần vỏ, ruồi muỗi đậu vào đen kịt.

Súc sợi ngâm trong vại nước cũng chín đều rồi, đáng lẽ thì phải đập com từ sáng hôm qua, nhưng cô vẫn không lúc nào giờ đến nó được.

Mà nào có bận gì đâu? Thì giờ của cô chỉ dùng vào việc pha nước, tằm trâu, phục dịch khách khứa hết cả.

Là vì từ hôm được tin Vân Hạc đã thi xong kỳ đệ nhị trở về thăm nhà, bà con nội ngoại lục tục đến chơi hỏi han, bọn này ra thì bọn kia vào, rình rịch suốt ngày không lúc nào dứt.

Ai cũng giật mình kinh sợ, khi nghe Vân Hạc thuật lại những cảnh mưa rét lắm lợi trong trường.

Nhất là lúc thấy chàng nói rằng có ông cụ già chết rét trong lều, thì không người nào mà không ái ngại thương xót.

Nhưng cái thương một ông người đứng ở đầu đầu đầu, vẫn không lấn được cái mừng cho một người rể họ mình.

Tuy rằng trong đám chú, bác, cô, dì, cũng không mấy người biết chữ, không rõ giá trị văn chương ra sao, nhưng nghe cụ đồ Vân Trình dè dặt khen ngợi sau khi đã xem bản giáp bài thơ bài phú của chàng đem về, thì ai cũng tin là chàng sẽ đỗ. Người ta thì nhau đem những điều mộng tốt lành kể ra. ông này khoe mình mơ thấy nhà cháy, ông kia bảo tôi mơ thấy đi vật trâu, bà khác bảo mình mơ thấy đi xem rước, đám rước có cả võng lọng. Rồi thì những người bông phèng lại bắt đầu gọi cô Ngọc là cô cử.

Trước sự cầu chúc của họ mạc hàng xóm, cô vẫn tỏ bộ ngượng ngùng và vẫn hết lời từ chối:

- Các ông, các bà có lòng mong cho như thế, tôi xin cảm ơn. Nhưng đến bao giờ được thế, bấy giờ sẽ hay, bây giờ tôi xin các ông, các bà đừng nói trước vội.

Mỗi khi nghe tiếng bà cử của người ta gán gắm cho mình, cô vẫn nhũn nhận trả lời như vậy. Tuy vậy, ở trong trái tim cô vẫn không khỏi luôn luôn hồi hộp.

- Ừ thì mình làm bà cử, cũng đáng chứ sao?

Người ta muốn làm bà cử thì khó, chứ mình muốn làm bà cử, tưởng cũng không khó lắm. Có điều muốn được hơn kia, chứ được cái tiếng bà cử, thì vẫn còn thua chị ấy.

Cả đêm vừa rồi, trong lúc nằm cạnh chồng, óc cô quanh quẩn đi lại có mấy câu đó.

Sáng nay, vì gần đến ngày ra bảng kỳ đệ tam, Vân Hạc sắp phải trả trường, nên cô cũng phải dậy sớm để sửa đồ đạc cho chàng.

Ấm nước đun sôi, Vân Hạc cũng vừa tan giấc.

Ông đồ, bà đồ còn ở nhà trên chưa xuống. Cô Bích và mấy đứa người nhà đều ở dưới bếp nấu cơm. Trong nhà ngang, ngoài vợ chồng cô, không có ai nữa. Trao cho chàng chén nước súc miệng, cô mỉm cười và hỏi bằng giọng âu yếm:

- Thế nào? Đi bây giờ hay là đến chiều?

Chàng đón chén nước với dáng bộ lơ đãng:

- Bây giờ cũng được, đến chiều cũng được, mình bảo nên đi lúc nào thì tôi xin đi lúc ấy.

Cái ấm chuyên chông mông trên miệng chén tổng vừa nhả hết những nước sôi ở trong, cô Ngọc sẽ ra hai chén và nhắc một chén đưa chồng.

- Thế thì ngoan lắm! Tôi khen cho mình biết điều! Vậy tôi bảo mình ở nhà đến mai sẽ đi có được không?

Chàng đưa chén nước lên dưới cặp môi tươi cười:

- Cứ kể thì thôi không đi nữa cũng được. Tôi đi chẳng qua là đi hộ mình. Vì mình háo hức muốn làm bà cử, cho nên tôi phải chiều lòng. Chứ tôi nghĩ đến cái trận mưa rét hôm nọ, thì tôi chẳng thiết gì thi cử cả.

Cô Ngọc nuốt vội hớp nước trong miệng, để cảm chén tống rồi tiếp vào chén Vân Hạc.

- Thế mà mình không bị bắt. Cũng may đấy nhỉ?

Vân Hạc ngơ ngác không hiểu:

- Bị bắt về việc gì?

Cô Ngọc rói nốt nước trong chén tống vào chén của mình và cười ngặt nghẽo:

- Thi gian chứ gì? Mình đi thi hộ tôi mà lại... ! Có phải là thi gian không?

Vân Hạc cũng cười sằng sặc:

- Thật đấy. Tôi không nói đùa? Sở dĩ tôi thi khoa này, chỉ cốt để cho mình làm bà cử...

Cô Ngọc không đợi chồng nói hết:

- Bà cử mà thôi à?

Vân Hạc vội vàng nói tiếp:

- À quên bà thám, bà thám hoa. Nhưng muốn bà gì thì bà, cần phải có tiền đây đã. Hôm nay mình sắp cho tôi được bao nhiêu quan?

- Mình định bán non hai tiếng "bà cử" đây chứ gì? Ừ thì tôi cũng mua non cho mình. Nhưng phải tính hạ một chút.

- Hạ nhất cũng phải đủ năm chục quan. Bây giờ hãy đưa hai chục, còn ba chục nữa thì để đến ngày phúc hạch.

CÔ Ngọc chế nước sôi vào ấm chuyên và cười mủm mỉm:

- Nói thách vừa vừa chứ nào! Nói thế thì còn ai dám mặc cả. Thế thì mình muốn bao nhiêu?

- Năm tiền!

- Chết chữa! Cái giá bà cử rẻ thế kia ư? Nếu thế thì để tôi bán cho người khác vậy.

- Ừ mình muốn bán cho ai thì bán. Bán cho các cô ở phố hàng Lò. Hôm nọ, còn có cái tội bằng cái đình đây.

Nhà trên có tiếng ho khạc khúng khắng. Ông đồ, bà đồ đã dậy. Cô Ngọc cáo từ chồng bằng một cái nguyền thân yêu, rồi xuống nhà dưới sắp sửa cơm nước với cô Bích.

Trên ngàn cây bưởi trước sân, ánh mặt trời lấp loáng nhuộm trên lớp lá úa vàng. Mấy con chích chòe đua nhau đón chào sự ấm áp bằng những tiếng hót réo rắt. Ông đồ đứng đĩnh đi xuống nhà khách với tất cả cảm tình vui vẻ:

- Rét quá thế này hay để gần trưa hãy đi, anh ạ?

Rồi ông khoan thai ngồi vào phản ngựa Vân Hạc đương ngồi và tiếp:

- Ngày mai mới ra bằng kia mà? Tội gì đi từ bây giờ cho vất vả.

Vân Hạc vội vàng đứng dậy, chuyên một chén nước đệ đến trước mặt ông nhạc:

- Vâng, bây giờ đi khí rét. Nhưng không đi lại sợ hai anh con mong. Vì con đã hẹn với các anh con sáng nay ra sớm.

Ông đồ nhỏ hớp nước trong miệng vào ống phóng:

- Được? Chậm một lúc nữa cũng không sao. Các bác ấy chắc cũng biết rằng trời giá lạnh thế này ai mà đi sớm cho được?

Bà đồ cũng vừa bước vào trong nhà với một giọng nói đơn đả:

- Nhân tiện hôm nay tôi có sửa lễ ra thờ, anh hãy ở nhà lát nữa. Đợi cho đồ lễ làm xong, đem ra đình cúng, anh ra lễ thánh cái đã.

Thì ra từ khi Vân Hạc đi thi, ông nhạc bà nhạc vẫn luôn luôn cầu khẩn quỷ thần ủng hộ cho chàng. Ngoài cái lễ thứ nhất cử hành trước khi Vân Hạc lên đường, mỗi lần gần ngày vào trường, ông bà đều có sửa xôi và gà ra đình cúng đức "thượng đẳng".

Trước sự ân cần chu chĩ của cha mẹ vợ, cố nhiên chàng phải xin vâng. Thằng nhỏ lại xách lên đó ấm nước sôi khác.

Chàng tự đi súc ấm pha chè, chuyên lượt nước mới. Rồi chàng lễ phép ngồi vào chiếc ghế bên cạnh khi đã đề khay nước trước mặt bố vợ.

Ông đồ một tay chống xuống mặt phản, một tay cầm chén lấy nước kéo qua miệng khay đánh sạt một cái để gạt những nước dính ở chôn chén cho khỏi rỏ xuống quần áo. Và nhìn Vân Hạc, ông cất cái giọng:

- Về việc quỷ thần thật là không biết thế nào. Cứ lấy lý ra mà nói, thì ai chẳng bảo thi cử cốt ở học lực, hễ mà học khá, dầu không cung kính cũng đỡ, nếu mà học không biết gì thì dầu thành tâm lễ bái đến đâu mặc lòng, quỷ thần cũng không thể làm cho mình đỗ. Thế mà chính tôi đã thấy có người nhờ về quỷ thần mà đỗ có lạ không chứ?

Ngừng lại để uống cho cạn chén trà, ông đồ quay mặt sang phía bà đồ:

- Bà còn nhớ ông cử Mỹ đấy nhi?

Bà đồ nhanh nhẩu trả lời:

- Có, ông ấy là em ruột ông nghề Trịnh, người bên bắc, đã làm huân đạo ở huyện gì đó, phải không?

Ông đồ sẽ rung cái chân đương xếp chữ "ngũ" trên phản:

- Phải đấy, chính ông ấy khi đỗ cử nhân, đã được thần làm văn cho đấy.

Rồi ông hỏi lại Vân Hạc:

- Anh có biết chuyện ấy không?

Vân Hạc cầm chén tống nước, rới vào hai cái chén con trong khay và đáp:

- Thừa thầy không.

Ông đồ rõ ràng giờ ổng thuốc lá để cuộn một điếu và kể:

- Tôi nghe người ta nói rằng cái năm thi đậu cử nhân, ông ta học kém lắm, đã bị hỏng hạch kia mà. Thế mà tình cờ gặp anh thầy bói, ông ta xem chơi một quẻ, anh thầy bói đó đoán rằng khoa ấy thế nào ông ta cũng đỗ. Ông ta cho hấn chỉ nói láo, chứ đã hỏng hạch không được đi thi, thì đỗ vào đâu được nữa?

Nhưng anh thầy bói quả quyết lời hấn không sai, nếu khoa ấy ông ta không đỗ, thì cứ đến mà vọt cái tráp của hấn...

Mỗi thuốc cuộn xong, ông đồ gọi thằng nhỏ châm đóm, rồi lại tiếp tục:

- Thấy hấn nói chắc như vậy, ông ta hơi tin, khi về nhà mới bảo với ông nghề Trịnh lên tỉnh xin quan đốc học cho mình đi thi. Ông nghề Trịnh phì cười mà gạt đi rằng: "Mày học dốt quá, hạch còn không đỗ nữa là đi thi? Tao xin cho mày thì được, nhưng chỉ sợ mày viết bất túc quyền, hoặc là phạm húy, phạm lỗi, thì tội cả đến tao nữa".

Ông Mỹ hết sức nản nỉ và đem lời ông thầy bói kể với ông nghề. Nhưng ông này cũng vẫn không nghe. Cuối cùng ông Mỹ phải dọa anh rằng nếu mà không được đi thi khoa ấy nhất định phải nhảy xuống sông tự tử. Ông nghề Trịnh sợ em bực chí đâm ra liều lĩnh, nên cũng đành lòng đi nói với quan đốc học tỉnh nhà cho ông ta vào sổ thí sinh.

Thằng nhỏ đã cầm đóm lửa trao cho ông đồ, vừa châm môi thuốc, ông đồ vừa nói một cách chậm rãi:

- Đến khi ông Mỹ thấy trường thi ông nghề Trịnh ở nhà cứ lo canh cánh. Lo là phải. Em ruột ông nghề mà đi thi bị tội, còn gì là danh giá ông nghề? Lúc vào trường, ông này trông thấy đầu đề đã phát luống cuống không biết làm ra thế nào. Thành linh có một ông già đầu tóc bạc phơ chống gậy chui vào trong lều, và ông ấy bảo đưa giấy để mình giáp bài cho. Thế rồi, ông cụ cứ viết thao thao bất tuyệt, một lúc xong cả mấy bài, mà văn cực hay, ông Mỹ chỉ việc trông vào bản giáp mà chép.

Ông đồ im đi một lát, để hút một hơi thuốc lá. Bà đồ và Vân Hạc yên lặng lắng tai chờ nghe. Thở hết khói thuốc trong miệng, ông đồ cao hứng nói tiếp:

- Kỳ đệ nhị, ông Mỹ được vào, và lại thấy ông già ấy. Rồi kỳ đệ tam cũng vậy. Đến kỳ phúc hạch ông Mỹ mới hỏi tên họ ông già là ai, để khi thi xong thì xin tạ ơn. Bấy giờ ông già mới nói tên tuổi của mình cho ông này biết. Đến khi xướng danh, ông Mỹ được đậu cử nhân khá cao. Những bài thi của ông Mỹ khoa ấy, năm trước có một ông bạn đã đọc với tôi. Hay thật. Nhưng tôi quên cả, chỉ nhớ có hai câu thơ. Bài thơ khoa ấy đề là "Lũ phong niên". Câu trạng của ông già làm cho ông Mỹ thế này:

"Thuỷ ứng Chu hoa tam bạch hậu,

Trường trưng Thương quả thập hoàng sơ".

Ông đồ hút hơi thuốc nữa, rồi gặng Vân Hạc:

- Anh có chịu hai câu thơ ấy là hay hay không. "Chu hoa" đối với "thương quả" "tam. bạch" đối với "thập hoàng" chữ nào chữ ấy chọi nhau chan chát, mà đều là việc ở đời nhà Chu, rất sát ngay vào đầu đề nữa. Tôi tưởng thơ cử nghiệp mà đến như thế thì thật là tuyệt bút. Thấy nói khi chấm đến hai câu thơ ấy, quan trường có phê hai chữ "thần cú".

Bà đồ ra bộ ngơ ngác:

- Thế sau có biết ông cụ già người ở đâu không?.

Điều thuốc đã tàn, ông đồ dúi cái đầu lử vào sườn nghiên mực cho tắt than đỏ, rồi dán lên cột:

- Ấy! Sau khi thi đỗ, ông cử Mỹ có theo lời dặn của ông già ấy, tìm đến quê quán ông ta tạ ơn. Té ra vị ân nhân đó chính là cụ tổ tam đại của một vọng tộc trong tỉnh Hà Nội...

Bà đồ vội ngoảnh sang nhìn Vân Hạc:

- Đây. Anh chả cứ bảo cái việc báo ân báo oán ở trường thi là chuyện hoang đường...!

Vân Hạc chỉ cười mუმ mუმ. Ông đồ kết luận:

- Nhưng mà về sau cái ông cử ấy đâm ra sảng bậy vô lại, không còn chút nào nho phong. Có lần ông ta chim vợ một anh đội tuần bên Bắc bị hấn bắt quả tang.

Nói đến đây ông đồ lại hỏi Vân Hạc:

- Anh có biệt hấn làm thế nào không?

Và ông lại tự trả lời:

- Hấn lột trần cả đôi trai gái, trói chung vào một cái chõng, sau lính tuần khiêng đi diễu khắp các phố. Trước chõng thì hấn bắt người lính khác cầm một cái biển bằng mo bôi vôi. Trong biển có đề bảy chữ.

"Dương vô vị hề khuyến vô kiên"

Rồi ông cắt nghĩa:

Đó là hấn muốn triết tự cái tên ông Mỹ. Chữ dương là dê mà không có đuôi và chữ khuyến là chó mà không có cái chấm ở vai hợp lại chẳng thành ra chữ mỹ à? Chuyện đó nếu ở một nhà không có thần thế thì đến mắt cả cử nhân mà còn phải tù phải tội nữa

chứ. Nhưng may ông Mỹ là em ông nghề, nhờ có anh xin ông tổng đốc sở tại làm ngơ đi cho, cho nên chỉ bị nhục với hàng phố một bữa chứ không việc gì.

Ấm trà đã tàn. Bà đồ đứng dậy xuống bếp để bảo chị em cô Ngọc sắp sửa đồ lễ. Một lát sau, xôi gà đều chín. Vân Hạc rửa mặt chải đầu, sắm sửa khăn áo, để theo mâm lễ ra đình.

Bóng nắng ra đến nửa thềm, cả nhà mới xong được bữa cơm sáng, cô Bích vội vàng quẩy gánh đi chợ vì sợ chợ trưa. Bà đồ mở chiếc hòm cằng lấy năm quan tiền đưa cho cô Ngọc và tươi cười:

- Đây là tiền của thầy mẹ giúp cho anh tư. Còn vốn riêng của chị để đâu, phải bỏ mười lăm quan nữa ra đây, cho đủ hai chục. Muốn làm bà nọ, bà kia, cũng phải tốn tiền mới được.

Rồi bà bung đĩa xôi và mấy miếng thịt gà sang cho lũ trẻ hàng xóm.

Bấy giờ các cậu học trò mới lục tục đến, ông đồ phải lên nhà trên nghe cho họ đọc.

Cô Ngọc bung năm quan tiền đặt vào phản giữa, và ngó chồng một cách ồm ồm:

- Nào ông định tiêu bao nhiêu nữa đây? Độ năm tiền nữa có đủ không?

Vân Hạc nín không trả lời, vì thấy ở ngoài sân, thằng nhỏ đương đưa một người lạ đi vào nhà ngang.

Tới thềm, người ấy đứng lại để lấy phong thư trong túi, trao cho thằng nhỏ, nhờ nó đưa vào trong nhà. Vân Hạc đón phong thư nhìn qua dòng chữ đề ngoài, chàng cười túm túm:

- À thư của anh Nghè Long? Không biết hấn nói gì đây?

Cô Ngọc vội vàng tiến đến bên cạnh án thư, chờ coi Vân Hạc xé cái phong bì, moi lấy một bức hoa tiên ở trong. Hoa tiên viết toàn chữ nho đại ý như vậy:

"Anh Tư Đào Nguyên, trước án tạm ghé mắt xanh.

Đệ về quê nhà đã gần nửa tháng. Vì quá bận rộn về chuyện thù tiếp khách khứa, cho nên nay mới viết thư báo tin với huynh ông.

"Tính lại những ngày đệ với huynh ông xa cách thắm thoát đã đầy một năm. Trong mấy tháng tập việc ở viện Cát Sĩ, cái xuân sắc của đô thành tuy có rườm rà, tươi thắm, nó vẫn không thể khiến đệ quên được cảnh vui của nơi cửa tuyết, song huynh, những đêm gió mát trăng trong, đứng trên sông Hương ngó về phương Bắc, ngắm đám mây bạc lơ lửng trên núi Tản Viên, đệ thường tưởng như sắc mặt, tiếng cười của huynh ông vẫn phảng phất ở đâu bên cạnh..."

Vân Hạc ngừng lại để nói với vợ:

- Đứng trên sông Hương mà trông thấy đám mây bạc trên núi Tản Viên, mắt của quan nghè thật là tinh hơn mắt ông Thiên Lý Nhõn trong truyện Phong thần.

Cô Ngọc sẽ cất cái giọng ngây thơ:

- Ấy thế, nhưng mà người ta cũng đổ ông nghè.

Vân Hạc không trả lời, chàng lại cúi xuống đọc tiếp:

"Giữa lúc nhớ mong khao khát huynh ông, thành linh được tin huynh ông kết duyên cảm sát với Lê tiểu thư ở làng Vân Trình, đệ thật mừng rỡ khôn xiết.

"Chuyện này, ở địa vị đệ, đáng lẽ không được nhắc đến, nhưng với huynh ông, đệ là một kẻ rất thân, đã được huynh ông coi như ruột thịt, há nên vì sự tỵ hiềm mà không bày tỏ nỗi lòng?

"Cái việc của đệ với Lê tiểu thư, đầu đuôi thế nào, huynh ông chắc đã biết rồi, không cần thuật lại.

"Thú thật với huynh ông, hồi tháng năm vừa rồi, khi đệ mang ơn vinh qui, giữa đường thấy Lê tiểu thư bị cảm, đệ thật bồi hồi khôn xiết.

Vân Hạc ngẩng lên nhìn vợ:

- Đuốc chưa? Sao mà trên đời lại có người đuốc như thế?

Cô Ngọc cười ngượng:

- Thôi đi? Anh đừng ghen bóng, ghen gió! Hãy đọc nốt đi, xem hấn nói ra sao đã nào?

Vân Hạc lại ngó vào bức hoa tiên:

"Từ đó, đệ đã thề với trời đất quỷ thần, quyết làm mối cho tiểu thư một người bạn trăm năm xứng đáng.

Trong con mắt đệ, cái người nên được tiểu thư nâng khăn sửa lược chỉ có huynh ông mà thôi. Vì vậy, đệ phải đem cái tâm sự đó kính thưa với thầy chúng ta và nhờ thầy thu xếp giúp cho."

Vân Hạc lại cười sảng sặc:

- Anh ta muốn kể công với mình đây chắc. Nhưng mình không ơn. Chẳng qua anh ta muốn tìm chồng cho vợ chứ tử tế gì với mình...

Cô Ngọc nguyền chồng một cái thật dài, tưởng như cả mấy gian nhà sắp bị đổ. Vân Hạc vờ không trông lên, chàng cứ thảo thiên xem xuống đoạn dưới:

"May sao thầy cũng xét tấm chân thành của đệ, nên đã tự nhận lấy quyền làm ông Nguyệt hạ lão nhân.

Chỉ tiếc sau đó vài ngày đệ liền phụng chỉ vào kinh tập sự không được tới nhà lan, dự cuộc vịnh thơ, nghe tiếng êm ái của đàn cầm, đàn sắt. Đó là một việc đệ vẫn lấy làm ân hận.

Nhưng mà, vợ thảo gặp chồng hiền, họ Mạnh đã đẹp duyên nàng chén; trai tài sánh gái sắc, chàng Tiêu đã phi chí cưới rông, sự kỳ ngộ ấy thật đáng ghi vào diễm sử, túc nguyện của đệ đối với huynh ông và Lê tiểu thư thế là thỏa kiếp lắm rồi.

"Lẽ ra, ngày nay đệ phải tự mình đèn trước lầu Tần, nâng chén quỳnh tương mừng chị bốn chữ "bách niên giai lão", nhưng mà đệ hiện được lệnh bỏ đi tri phủ Thuận Thành, hành kỳ đã gấp, không tiện tự sang bái yết và chẳng, hoa hòe đã nở huynh ông chắc đương để tâm trí vào trận đua văn. Đệ cũng không dám vì chuyện riêng tây, làm bận sức bay nhảy của bằng mây côn biển.

Vậy xin bái chúc huynh ông gió xuân đắc ý, thẳng đường mây bẻ quế cung trăng, để cho cái tài tế thế kinh bang có thể đem ra giúp dân giúp nước. Sau khi việc trường đã đoạn, xin mời huynh ông tạm rời gót ngọc tới tề ty, cho đệ được hầu tiếp quang trần, thì đệ khôn xiết hân hạnh. Vài hàng sơ lược, cố để giải tâm lòng son. Dù có chỗ nào sơ xuất, mừng rằng huynh ông lượng thứ.

Đương mùa mai nở, kính chúc văn an.

Năm...tháng...ngày...

Đệ Trần Đăng Long bái".

Vân Hạc đặt bức hoa tiên xuống án:

- Té ra anh ta đã bỏ đi được tri phủ...Thằng cha may thế...!

Cô Ngọc ra bộ tần ngần:

- Thế là chị Thúy đã làm bà phủ rồi đấy. Sướng nhỉ.

Rồi cô rẽ ràng đi lên nhà trên. Vân Hạc lấy bút và giấy viết luôn bức thư trả lời Đăng Long, rồi chàng cho gọi cái người đưa thư lúc nãy, giao hấn cầm về. ông đồ đã tan buổi học của lũ học trò tí nhau, lững thững ở nhà trên đi xuống và hỏi:

- Chị Tư đâu? Đồ đạc tiền nong của anh ấy chị đã sắp sửa đủ chưa?

Với một tiếng dạ vui vẻ, Cô Ngọc nhanh nhẩu bước xuống nhà ngang:

- Thưa thầy, con sắp sửa đủ cả rồi ạ!

Vừa nói, cô vừa lễ mễ vác mấy quan tiền đặt vào trong phản và sai thằng nhỏ đem số tiền ấy nhập với những quan tiền của bà đồ đưa cho lúc nãy, lấy mo bó làm hai bó. Bà đồ ở sân vừa vào:

- Thế chị đưa tiền anh Tư bao nhiêu?

CÔ Ngọc tươi cười:

- Thừa mẹ năm quan. Và năm quan của mẹ cho nữa là mười.

Bà đồ cũng cười:

- Ít nhất chị cũng phải có mười quan. Với năm quan của tôi là mười lăm quan, chứ chị nẩy ra được năm quan thôi thì anh ấy tiêu sao cho đủ?

CÔ Ngọc vẫn cười lơ lửng:

- Bao nhiêu, con cũng không tiếc, nhưng con chỉ sợ anh ấy có nhiều tiền lại càng hay đi cô đào.

Rồi cô vào buồng mở hòm lấy hai quan nữa giao cho thằng nhỏ và tủm tủm cười nụ, cô nhìn chồng:

- Thôi mười hai quan là đủ lắm rồi. Hễ mà được vào phúc hạch thì lấy mấy trăm cũng có.

Vân Hạc chỉ cười không đáp.

Tiền nong đồ đạc thu xếp xong. ông đồ bà đồ bảo thằng nhỏ đóng gánh đưa chàng lên Hà Nội.

Chương XII

Lúc gần sáng, ngoài sân đương im ả, tự.nhiên nổi gió ào ào, rồi mấy hạt mưa lác đác sa xuống. Cả nhà trọ đều lo thom thồm tưởng rằng lại như kỳ trước, ông trời độc ác lại chờ đến lúc vào trường mà trút xuống, làm tội cái thân học trò.

Nhưng mà không. Gặp tiết tiểu hàn, trời phải chiều lệ làm phép thế thôi. Cả nhà ăn uống vừa xong, thì mưa vừa tạnh, gió vừa im, bầu trời dần dần sáng sủa, mặt trời dần dần nhô lên đầu tường phía đông.

Ông chủ nhà trọ lần này càng thêm chu tất.

Trong mỗi cái yên cũng như trong mỗi cái tráp, ngoài những đồ dùng ăn một ngày, ông ấy đã nhớ cả trầu cau tươi và thuốc lá cuộn sẵn. Hơn nữa ông ta còn mượn đầu được bốn anh con trai khỏe mạnh nhanh nhẩu, đưa xuống nhà ngang nhất định xin với các ông khách trọ để chúng mang đỡ lều chõng.

Cố nhiên cái hảo tâm ấy không thể bị ai từ chối.

Một lũ dài tấp nập kéo nhau ra cổng, sau khi đã dặn ông chủ làm sẵn đồ rượu để tối về nhà cùng uống cho vui.

Vân Hạc bước rảo đằng sau Đốc Cung với một giọng bắn khoăn:

- Thằng Mẫn cũng được vào nót có phải vui không? Vắng nó, cũng thấy như thiếu cái gì ấy vậy.

Đốc Cung vẫn rậm rập cất gót, không quay trở lại:

- Ừ cái lúc mà nó hoạn đắc, hoạn thất, thì ai cũng phải bực mình. Nhưng nghĩ bốn thằng được vào, một mình nó hỏng thì cũng tội nghiệp. Trưa hôm qua, khi nó mếu máo chào chúng mình và vác bộ áo lều xuống thềm, tao vừa ái ngại vừa buồn cười, nhưng phải cố nằm không dám cười.

- Lúc ấy đứa nào vô phúc mà cười một tiếng, không khéo thì cà ra đánh nhau. Thấy nó hồng thi cũng thương hại thật đấy. Nhưng, bây giờ mới hồng, cũng là may cho nó lắm rồi. Nó thi cả thấy bốn khoa thì ba khoa bị bay kinh nghĩa, khoa này mới được vào phú. Với sức học của nó, như thế cũng là đủ lắm. Nếu nó được vào kỳ này, không khổ mày thì lại khổ tao hay là khổ các anh tao. Nó vào cùng vi với thằng nào thì khổ thằng ấy... Kỳ đệ nhất tao đã phải làm cho nó hai vế hậu cổ bài kinh lễ, kỳ đệ nhị, anh hai tao lại phải cúng nó một vắn phú đấy...

Vân Hạc vừa nói vừa cố đi tới bên cạnh Đốc Cung, ngẩng lên thấy Tiêm Hồng, Đoàn Bằng, đã cách một quãng khá xa, chàng tiếp:

- Thằng cha kia còn dốt hơn nó nhiều lắm, phải không mày?

Một luồng gió bắc ù ù từ phía mặt trời đến, hai người đều phải rung mình, Đốc Cung khoắc lấy cánh tay Vân Hạc và đi sát vào bên cạnh chàng cho đỡ rét, rồi hỏi:

- Thằng nào?

- Thằng ấy ?...

- À, Trần Đức Chinh phải không? Nếu như được thằng Mẫn thì nó cần gì chúng mình. Sức học của nó, chưa chắc đã được bằng lớp trung tập. Tao không hiểu nó định thi làm gì! Chắc nó chỉ cốt cấp quyền vào trường để gỡ cái tiếng "con nhà gia thế" chứ gì? Con nhà gia thế ba mươi mấy tuổi đầu, không thi không cử, thì cũng nhục cho cha mẹ lắm chứ!

- Nhưng tao lo quá, văn sách là kỳ nặng nhất, một mình viết đến hai quyển thì viết làm sao?

- Không sợ! Tao đã bảo rồi nó rồi! tao bảo kỳ này nếu cậu vào nữa thì rất nguy hiểm. Là vì đến kỳ phúc hạch, lính tráng canh phòng riết lắm, không ai có thể làm gà cho ai. Và lại, những người được vào phúc hạch, mười phần chắc đồ chín phần, người ta phải để tâm lực lo vào quyền của người ta, không ai chịu đi làm mướn. Nó cũng nghe ra và cho

lời tao là phải. Vậy thì đến khi vào trường, mày chỉ cốt viết cái quyển của mày cho kỹ, còn quyển của nó thì giáp qua loa cho nó chép lại, miễn là khỏi có tội thì thôi chứ không cần hay. Nếu làm hay, lỡ ra mà nó được vào phúc hạch tức là mày giết nó đấy.

- Thế thì được! Đi thi chỉ cốt lấy hồng, thì có khó gì! Nhưng sao mày không cho nó hồng từ kỳ phú, có phải sướng cho nó không?

Đốc Cung mỉm cười:

- Nào tao có định làm cho nó vào? Mày tính cái lúc mưa rét như thế, quyển của tao, tao cũng viết bậy, viết bạ, hướng chỉ là quyển làm mướn! Thật quả cái quyển của nó tao chỉ viết quấy viết quá, chẳng ra nghĩa lý gì cả. Khi ở trường ra, tao tưởng nếu cả trường chỉ hồng một người cũng phải đến nó. Và giá bị hồng ngay kỳ trước, nó cũng mãn nguyện lắm, vì đã là ông nhất trường rồi. Thế mà ai ngờ nó lại được vào, mới khổ cho người ta chứ! Người ta xem bảng thấy tên thì mừng, chứ nó xem bảng thấy tên thì mặt tái mét trông ngực đánh thòm thòm...

Đang sau có tiếng chân người thành thị, Đốc Cung vội quay trở lại, thấy có một lũ độ bốn, năm người, chàng liền ngừng lại, chờ cho bọn đó đi vượt lên đằng trước mình, rồi thêm:

- Thật đấy! Tao không nói dối. Lúc nhìn trên bảng thấy có chữ Trần Đức Chinh, nó cuống cả lên, vì không được vào cùng vi với tao, thế rồi nó lật đật chạy đi kiếm tao, nhờ tao thuê người làm bài. Như thế có nhục hay không?

Vân Hạc phì cười:

- Thế kỳ trước mày lấy của nó bao nhiêu?

- Ba chục quan! Còn kỳ đệ nhất nó mượn cái thằng ở bên Bắc Ninh, nghe đâu cũng phải bấy nhiêu.

- Thế sao kỳ này nó lại chịu trả đến bốn chục quan?

- Ô! Bốn chục quan, chứ tám chục quan nó cũng phải mượn. Viết không nổi quyền, nó không mượn thì làm thế nào? Cáo thô tả mà ra à? Tao định bóp nó cho mày lấy sáu chục quan, nhưng nghĩ thương hại, cho nên nói có bấy nhiêu.

Vân Hạc chỉ tay ra đằng trước mặt:

- Nhưng mày chưa nói với hai ông kia chứ?

Đốc Cung lắc đầu:

- Mày tưởng tao dại lắm sao! Ai có dại gì mà đem chuyện ấy nói với thằng cha ấy!

- Ủ nếu nói hai ông ấy thì nguy cho tao! Vì các ông ấy không ưa chuyện đó. Giả sử khoa này tao đỗ, thì còn không sao, vạn nhất khoa này tao hỏng, ấy là các ông ấy sẽ thi nhau mà nhiếc mắng suốt đời..

Câu chuyện còn đương nói dở, ở phía trước mặt đã nghe có tiếng ồn ào.

Đến cửa trường rồi.

Quan trường vẫn chưa ra. Ngoài trường, các cửa còn đóng im ỉm. Hôm nay vắng teo, số người lại chỉ bằng một phần ba kỳ trước. Nếu so với kỳ đệ nhất, có lẽ không được bằng một phần mười. Những ông đầu bạc và những cậu còn để hồng mao, bây giờ không thấy có mấy, phần đông đều là những người trong ngoài bốn mươi. Trời tuy giá rét, nhưng trên nét mặt mỗi người đều như vẽ ra một cái tâm trạng vui sướng. Phải! Đã vào đến kỳ đệ tam, mười phần chắc đỗ bảy rồi, không cử nhân cũng tú tài. Dù có hỏng nữa cũng là một ông nhị trường, đủ cho thiên hạ phục mình học cứng. Đứng trước cái cảnh trạng ấy, dẫu người chín chắn đến đâu cũng không giấu được vẻ tự hào.

Người ta tự hào bằng những câu sáo rất cũ:

- Kỳ trước tao viết bất thành văn lý, thế mà cũng vào, có chết hay không?

- Tao không học hành gì cả, sách vở quên như hũ nút. Lát nữa, không khéo đến nộp quyền trắng mà ra.

Giữa tiếng âm âm của đám đông, trong trường giạt giọng điềm một hồi trống cái. Cửa trường ngổ toang. Hai ông chánh phó chủ khảo đồng dặc từ nhà Thập đạo đi ra với cờ, biển, lọng.

Kỳ này còn ít học trò, hai vi tả, hữu, không phải dùng đến, chỉ thi ở hai vi giáp, ất. Vân Hạc vào vi ất, Tiêm Hồng, Đoàn Bằng, và Đốc Cung đều vào vi giáp.

Vì tên mình mãi cuối bảng, phải vào sau, hai chàng dắt nhau đứng đỉnh đi rong. Thành linh nghe đằng sau có tiếng người hỏi:

- Bùi tiên sinh!

Đốc Cung, Vân Hạc cùng quay lại.

Trần Đức Chinh vừa suýt tới nơi với bộ mặt hớt hơ hớt hải và một người lính áo nẹp đeo lều chống đi theo.

- Tôi tưởng tiên sinh ở cửa vi giáp quanh quần tìm mãi bên ấy.

- Chúng tôi cũng đương tìm cậu!

Sau khi đã nói tên Đức Chinh với Vân Hạc và nói tên Vân Hạc với Đức Chinh, Đốc Cung ra bộ trình trọng:

- Hai ông cứ việc nói chuyện tự nhiên. Tôi sang bên kia.

Rồi chàng lật đật quay lại cửa vi ất. Vân Hạc đứng lại bên cạnh Đức Chinh:

- Tên cậu ở trên tên tôi phải không?

Đức Chinh chưa hết trông ngực, chàng vừa thở vừa trả lời bằng giọng lễ phép:

- Thừa vâng. Tên tôi ở trên tên ngài độ bốn chục người.

- Hôm nay chắc rằng người ta canh phòng nghiêm ngặt hơn những hôm trước. Vậy cậu vào trước, thì nhớ đóng lều ở chỗ cách nhà Thập đạo thật xa. Nhưng cũng nên đóng

vào nơi đông người, đừng đóng lẻ loi ra gần bờ rào. Rồi khi tôi vào, tôi sẽ tìm đến chỗ cậu.

Hồi trông nhập khẩu ở nhà Thập đạo đi ra đã điếm mau nhịp rồi nói rút mạch bằng ba tiếng đồng dục cuối cùng.

Lọng vàng, lọng xanh trịnh trọng rước ông phó chủ khảo và chiếc biễn phụng chỉ lên mặt ghế treo.

Chồng quyền cạnh quan phó chủ khảo đã chuyển lên tay người lại phòng. Người lính cầm loa và bốn lính thể sát tới tấp ai làm việc nấy...

Bởi vì số người đã thừa, học trò không phải len lỏi chen chọi như các kỳ trước.

Cái loa của người lính áo nẹp đương ậm ọe ở trên ghế treo, phía sau đám đông bỗng có tiếng trống khẩu đồ hồi.

Những người đứng trong ngơ ngác hỏi nhau và nhất tề quay mặt ra ngoài. Đám người lần lần rẽ sang hai bên như hai đàn vịt. Dưới bốn chiếc lọng xanh chớp bạc, lù lù tiến vào một ông cụ già co ro trong tấm áo gấm tam thể. Với chòm râu điếm bạc phát phơ bay ngoài cái quai lụa bạch của chiếc nón lông, người ta có thể đoán ông ấy vào khoảng hơn sáu mươi tuổi. Và với lũ áo đỏ nẹp xanh lếch thếch xách điều bụng tráp, cặp mã tấu, tay thước đi theo đằng sau, người ta lại có thể biết ông đó là một vị đại thần.

Đứng đỉnh cật đôi ông quần, nhiều trắng lượt trượt trên hai chiếc giày kinh, vị đại thần khoan thai đi vào chỗ trước cửa trường.

Chiếc đẳng gô gụ và chiếc ghế bành gô trắc lên nước đã kê sẵn ở phía tay trái. Sau khi cùng quan phó chủ khảo chấp tay cúi đầu một cách cung kính, vị đại thần ấy chễm chệ ngồi vào ghế bành. Những người đi theo nghiêm trang đứng hầu ở phía sau lưng. Khu trời trên ghế khí chật, nó không đủ chỗ cho bốn chiếc lọng cùng giương. Hai chiếc được che vào thẳng đầu viên đại thần. Còn hai chiếc nữa, thì phải che nghiêng hai bên.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc.)

Như đã quen lệ, người lính xách đèn, thông đèn, đặt lên mặt đèn, đặt vào nõ đèn một môi thuốc lòn, giữa khi bạn hấn mở cái lồng ấp, thổi hòn than hồng châm lửa vào một sợi dây ruột gà.

Viên đại thần rung đùi vít chiếc xe trúc dài vít như chiếc cần câu, ngài nhịp nhàng đặt luôn mấy cái cho ngọn lửa ở trên nõ đèn nhô lên thụt xuống, như một ngọn đèn gặp gió, rồi mới hút một hơi dài.

Khói thuốc trong mũi, trong miệng từ từ theo ngọn gió bắc tan vào trong đám không trung giá lạnh, viên đại thần hùng dũng chỉ tay lên chiếc ghế treo của ông phó chủ khảo và đưa ra một dây những tiếng lú lú. Tức thì, hai chiếc lọng vàng ở trên cái biển phụng chỉ liền được nâng lên chót vót giữa trời.

Mấy người học trò nhà quê thì thầm hỏi nhau:

- Ông gì mà oai thế nhỉ? Đó là ông tổng đốc của tỉnh Hà Nội.

Tuy không dự vào công việc trong trường, nhưng những công việc ngoài trường, đều do ngài coi sóc, từ một gánh nước ăn của các quan trường trở lên. Hai kỳ trước vì lúc gặp rét, khi bị mưa. ngài không thể tới.

Hôm nay được trời khô ráo, nên ngài đến qua cửa trường để coi học trò vào trường.

Và ngài đã bắt được quả tang cái đôi lọng vàng che cho chiếc biển chỉ phụng chỉ làm việc một cách trái phép. Bởi vì chiếc biển phụng chỉ nguyên là đồ của nhà vua ban cho, nó còn ở trên ông phó chủ khảo, và ông phó chủ khảo chỉ là người vâng theo mệnh lệnh của nó.

Hai chiếc lọng vàng riêng che cho nó, đáng lẽ phải cao hơn đôi lọng xanh che cho ông này mới là hợp phép.

Nhưng hai tên lính ngu si đã để hai chiếc lọng ấy thấp hơn mấy chiếc lọng xanh của ông phó chủ khảo độ hơn một thước. Đây là một tội có thể bảo là đại bất kính. Vì thế, ngài phải chiếu theo oai quyền cha ông chúa tể một tỉnh mà ra lệnh cho hai người lính kia nâng cao đôi lọng đó lên.

Quan tổng đốc chứng chạc đứng dậy từ biệt ông phó chủ khảo để theo bốn chiếc lọng xanh rẽ đám học trò đi ra.

Tiếng loa vẫn âm ỉ thét ở bên cạnh ghé tréo.

Hết chừng gần hai trăm người thì đến tên Trần Đức Chính.

Với một tiếng dạ mạnh bạo, chàng và người đeo lều chõng cho chàng xăm xăm tiến đến khu đất của trường.

Cái áo nỉ đỏ nẹp xanh của thằng phòng đó như đã báo cho ông phó chủ khảo biết người chủ hần là một con nhà quyền quý. Là vì chỉ có những nhà quyền quý mới được có thứ áo ấy, chỉ có con nhà quyền quý khi đi thi mới phải có người đeo lều chõng hầu. Hai sự dị thường đã bắt ông phó chủ khảo đòi lại quyển thi của Trần Đức Chính ở tay người lại phòng để coi qua mấy dòng cung khai tam đại, cho biết chàng là con cái ông nào. Sau khi bọn lính thể sát đã khám xét qua loa đồ đạc, ông phó chủ khảo liền trả quyển thi của chàng cho người lại phòng để hần trao lại cho chàng. Rồi ra lệnh bọn lính thể sát bó buộc lều chõng như cũ và đeo giúp chàng vào khỏi cửa trường.

Người lính cầm loa lại tiếp tục gọi các người khác.

Công việc vào trường kỳ này chóng hơn các kỳ trước nhiều lắm. Tên Đào Văn Hạc tuy ở cuối bảng nhưng khi mặt trời lên khỏi ngọn tre thì chàng cũng đã được vào. Đức Chính đóng lều đã xong, anh ta vợ vẫn ở gần cửa trường có ý chờ đón cái người làm thuê cho mình.

Theo chân hần, Vân Hạc đi vào giữa vi, chàng rất khen hần khéo tìm được chỗ đóng lều đúng như lời chàng đã dặn lúc nãy, cái chỗ không vắng không đông và lại xa chiếc chòi của quan ngự sử.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc.)

Đức Chinh tung tăng cởi bỏ áo lều của Vân Hạc và hăm hở giúp đỡ Vân Hạc tất cả những việc cắm gọng lều, lợp mái lều, kê chõng vào trong lòng lều.

Trống ra đầu bài vừa thúc. Hai người liền cùng sắm sửa giấy bút, hộp mực đi ra nhà bảng.

Chà chà! Coi thấy cái bảng mà sợ? Tử trên đến dưới, từ đầu đến cuối, lý tít những chữ là chữ. Bởi vì kỳ này là văn sách mực, người ta chỉ cốt tìm nhiều câu hỏi ngoắt ngoéo trong các kinh, truyện, tử sử, để coi sức nhớ sách và khiêu làm văn của các học trò mà thôi. Đọc qua một lượt từ chữ "vấn" đến câu "thi vị trần chi, dĩ quan quyết uẩn", Vân Hạc sẽ bảo Đức Chinh:

- Thôi! Cậu cứ cầm hộp mực cho tôi để tôi chép cho!

- Vậy thế tôi không phải chép hay sao?

Vân Hạc ôn tồn:

- Thì một người chép, rồi về lều chúng ta cùng coi, không cần hai người cùng chép cho mất công!

Đức Chinh nghe ra, hần liền vui lòng đứng làm cái giá nâng chiếc hộp mực để cho Vân Hạc quệt bút lấy mực.

Mắt nhìn lên bảng, tay phải cầm bút, tay trái cầm một tập giấy kê vào sau vai Đức Chinh, Vân Hạc viết lia lịa một hồi, vừa được một tờ toàn là chữ thảo lòi tói. Chàng đưa tờ ấy cho Đức Chinh cầm, để mình lại viết tờ khác Đức Chinh ngó qua liền nói một cách hoảng hốt:

- Chết chửa ông viết tháu quá thể này, tôi không thể nhận ra chữ gì. Tờ sau trở đi, xin ông viết rõ ràng hơn một chút.

Vân Hạc có ý bực mình, nhưng vẫn ngọt ngào:

- Được! Cậu không lo! Chữ gì không biết, lát nữa, tôi sẽ đọc cho!

Rồi chàng lại tiếp tục ngoáy luôn một mạch. Gần đến ba tờ giấy lệnh gấp mười hai dòng mới hết cái đầu đề. Sau khi đã nhẩm lại lượt nữa xem có chỗ nào thiếu sót hay không, Vân Hạc liền cùng Đức Chinh về lều.

Bây giờ học trò trong vi, phần nhiều mới giáp được một nửa, có người mới chép được một phần ba đầu bài.

Vừa đi, Vân Hạc vừa bần khoản trong bụng:

- Khổ quá? Cái thằng cha này lại không thuộc mặt chữ thảo. Một quyển văn sách mà cứ phải viết ngang bằng số ngay cho nó tắt cả, thì tốn bao nhiêu thì giờ. Thật là mình đã vô cớ đeo đá vào lưng.

Tới lều, chàng giở mấy tờ đầu bài coi lại để nhận những cái mẹo vặt bí hiểm của quan trường đã hỏi ở trong các câu. Cái bài văn sách mới nặng làm sao! Tất cả văn cổ, văn kim có tới ba mươi câu hỏi đối nhau, ấy là không kể cái câu đề cương và những câu hỏi lửng ở cuối các đoạn. Nhưng may quá, bấy nhiêu câu hỏi, chàng không bị quên câu nào. Tức thì chàng lấy giấy viết luôn một đoạn mở đầu độ non một trang đưa cho Đức Chinh và dặn:

- Cậu viết hết ba dòng rưỡi, thì chừa lại đó để đi lấy dấu nhật trung.

Đức Chinh ngơ ngác:

- Ông đưa cho tôi cái giấy đầu bài để tôi chép vào quyển chứ!

Vân Hạc mỉm cười:

- Trường qui đã định, riêng kỳ văn sách thì được miễn tả đề mục, nghĩa là đầu quyển cứ việc viết bài, chứ không phải chép đầu bài...

Đức Chinh ra bộ sành sỏi:

- Có chứ? Tôi làm văn sách đã nhiều. Nhưng tưởng chỉ có văn tập thì mới miễn tả đề mục. Té ra văn thi cũng được thế ư?

Rồi hấn hí hoáy giở quyển ra viết. Bấy giờ Vân Hạc mới nghĩ đến bài của mình. Một lát, Đức Chinh trịnh trọng đưa quyển của hấn sang lều Vân Hạc:

- Nhờ ông, coi giùm xem có chữ nào thừa nét, thiếu nét hay không?

Thoạt nhìn ba chữ "đôi sĩ văn" ở đầu dòng thứ nhất, Vân Hạc cau mày liệng quyển sang trả Đức Chinh:

- Quên mất? Tôi không dặn cậu, chữ "sĩ" cậu viết đã hỏng mất rồi!

Đức chinh giật mình đánh thót:

- Sao thế hừ ông? Tôi tưởng chữ "sĩ", cái ngang dưới ngắn hơn cái ngang trên là phải.

Vân Hạc bật cười:

- Phải rồi? Nếu cái ngang dưới không ngắn hơn cái ngang trên, thì nó sẽ là chữ "thô", đâu phải là chữ "sĩ" nữa? Có điều chữ "sĩ" ở đây, chỉ được viết nhỏ bằng nửa chữ khác và phải viết lệch về phía hữu dòng. Bởi vì chữ "sĩ" ở đây, cũng như chữ "thần" trong quyển thi đình, nó là tiếng mình tự xưng mình, có nghĩa là tôi. Sở dĩ trong quyển thi đình, học trò phải xưng bằng "thần" là tại quyển đó viết cho vua xem. Còn quyển thi hương, thì chỉ để các quan trường coi, ít khi phải đệ ngự lãm, cho nên học trò phải xưng là "sĩ". Dù xưng là "sĩ" hay xưng là "thần" cũng vậy, những chữ ấy đều phải viết bé như chữ xong cước. Nếu viết lớn ra, tức là phạm trường quy đó!

Đức Chinh ngơ ngẩn:

- Vậy thì bao nhiêu chữ "sĩ" trong quyển này đều phải viết nhỏ cả chứ?

Vân Hạc nghĩ thầm: "Thật là cái tội!... Có lẽ nó là tiền oan nghiệp chướng, hiện vào để báo oán mình đây chẳng". Rồi chàng rẽ rành cắt nghĩa:

- Không. Các chữ "sĩ" khác không chỉ vào mình, thì đều viết lớn như thường, chỉ chữ "sĩ" nào mình tự xưng mình mới phải viết nhỏ. Nội quyển văn sách, có ba chữ "sĩ" dùng về nghĩa ấy. Một là chữ "sĩ" trong câu "đối sĩ văn" ở ngay đầu bài. Hai là chữ "sĩ" trong câu "sĩ giả hạnh phùng thịnh thế, tông sự văn trường, quảng kiến như tư, vị tri thị phủ, nguyên chấp sự kỳ trạch dĩ văn" ở đoạn cuối bài. Ba là chữ "sĩ" trong câu "sĩ cần đôi" ở chót bài. Mấy chữ "sĩ" ấy đều có nghĩa là tôi cả. Câu thứ nhất là "Thưa tôi nghe", câu thứ hai là "tôi nay may gặp thời thịnh, theo việc trường văn, thấy đẹp như vậy không biết có phải hay không, xin các quan lựa chọn mà tâu lên cho", câu thứ ba là "tôi cần thận thưa". Vì thế, chữ "sĩ" đó mới phải viết bé.

Đức Chinh luống cuống:

- Bây giờ tôi trót viết lớn mất rồi, thì làm thế nào?

- Thì phải đi cánh quyển vậy, chứ còn có cách gì nữa?

Đức Chinh lật đật lấy giấy đóng quyển, đề tên và viết mấy dòng cung khai tam đại, rồi hấn sẽ dẫn Vân Hạc:

- Nhờ ông trông lều hộ tôi, để tôi đến nhà Thập đạo!

Vân Hạc có ý hơi cau:

- Được! Cậu cứ đi. Ai đỡ mất lều mà sợ?

Rồi chàng hì hục quay vào nghĩ bài của mình.

Lần này cẩn thận hơn mấy lần trước, nghĩ đến đâu, chàng giáp ra giấy đến đấy, chứ không viết luôn vào quyển. Khi chàng đã giáp được hơn hai tờ, nghĩa là giải hết một

câu đề cương và trả lời xong mấy câu hỏi về Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, đã cặm cụi viết xong mấy dòng đầu quyển, Đức Chinh cũng chưa về.

Trống nhật trung vừa nổi ở nhà Thập đạo, mặt trời đã lên khá cao, chàng không kịp đợi Đức Chinh, phải bỏ lều đó mà đi lấy dẫu.

Ngoài rào của nhà Thập đạo, học trò loáng thoáng có một vài người. Đức Chinh với bộ mặt tái xanh vẫn rau rầu đứng đợi đó, vì người lại phòng chưa trao trả quyển. Vân Hạc vừa trao quyển qua rào cho một người lính áo nẹp, thì cậu công tử ấy lật đặt đến bên cạnh chàng, nhờ chàng giục bọn lính kia lấy quyển cho mình.

Vân Hạc mỉm cười chế giễu:

- Cậu còn không giục được họ, nữa tôi...! Thôi không phải giục. Giục cũng không được. Cậu cứ chịu khó đứng đây, lát nữa, tự nhiên họ khắc đưa ra.

Bên rào vì giáp chợ có tiếng gọi thật lớn:

- Thăng Hạc đã ra đây à?

Vân Hạc thoáng nghe tên mình, vội ngẩng đầu lên. Bùi Đốc Cung đương đứng chống tay vào bức rào bên kia với một dáng điệu tươi như con rót và tiếp:

- Mà đi lấy dẫu nhật trung hay đi cánh quyển?

Vân Hạc trả lời một cách tự đắc:

- Từ ngày đi thi đến giờ, mà thấy tao phải cánh quyển lần nào?

Đốc Cung lại hỏi:

- Đầu bài kỳ này khá nặng đấy nhỉ? Mà nhớ cả hay có bị quên câu nào?

Vân Hạc chưa kịp trả lời, trên chòi bồng có một hồi trợ trợ. Hai chàng biết là quan ngự ra oai, ai nấy đều phải ngậm miệng nín thít.

Người lính áo nẹp ở nhà Thập đạo chạy ra cạnh rào với một quyển thi trong tay:

- Ai là Trần Đức Chính?

Đức Chính luống cuống trả lời:

- Thưa tôi.

- Sao ông cánh quyển sớm thế? Từ giờ đến tôi phỏng chừng phải "cánh" độ mấy quyển nữa hử ông?

Vừa nói, người ấy chìa cái quyển lên đầu bức rào và nhìn Đức Chính bằng hai con mắt chằm chọc. Đức Chính làm thinh không đáp, chàng đón lấy quyển bỏ ống và vui vẻ với Vân Hạc:

- Ông hãy đứng đợi ở đây, tôi xin về trước.

Vân Hạc lễ phép cúi đầu:

- Vâng! Cậu cứ về trước mà viết, để đi lấy dấu nhật trung. Nhưng cậu nên viết cẩn thận một chút, kéo lại sai lầm, phải đi cánh quyển lần nữa thời mất thì giờ lắm đấy.

Với một tiếng dạ sẽ sàng và rất cung kính, Đức Chính cung cúc lui ra. Học trò kéo đến lấy dấu nhật trung mỗi phút mỗi đông. Vân Hạc chờ một lúc nữa mới nhận được quyển của người lại phòng đưa ra.

Chàng về đến lều, Đức Chính vẫn đương ngong ngóng ngồi đợi. Thấy chàng, cậu ta liền cất cái giọng giật giọng:

- Chữ "thiết" có bao nhiêu nét, ông nhỉ?

Vân Hạc bước vội vào lều và ngồi quay mặt trở ra, nhìn thẳng sang lều Đức Chính:

- Cậu hỏi chữ "thiết" là gì?

- Thưa ông, chữ "thiết" là "trộm". Tôi mới viết đến câu "thiết vị", vì trong bản giáp, ông viết đá thảo, tôi không nhận ra mấy nét, nên còn chờ để hỏi ông...

- Hai mươi hai nét tất cả. Nếu viết hai mươi một nét thì hỏng.

Đức Chinh ra bộ mừng rỡ:

- May quá, chút nữa thì tôi viết chữ "thiết" đơn.

Vân Hạc xua tay lia lịa:

- Ấy chết! Không được viết đơn, chữ gì cũng vậy. Nếu viết đơn sẽ bị đánh là bạch tỵ.

Rồi hai người cùng quay trở vào, ai nấy cúi xuống mặt quyền, cắm đầu mà viết. Đức Chinh vừa viết vừa nhẩm bản giáp và đếm từng nét, miệng hần luôn luôn lầm rầm như bọn thầy bói nhẩm quẻ. Lâu lâu hần viết được nửa dòng thứ tư, lại sẽ tuôn quyền sang lều Vân Hạc để chàng coi hộ. Lần này, trong mấy dòng không bị sai lầm chỗ nào. Vân Hạc sẽ sàng liệng quyền trả hần, để hần đi lấy dấu nhật trung và bảo hần liệng tờ giấy giáp sang lều mình, để mình giáp thêm cho một đoạn nữa.

Bây giờ học trò đã thừa, cho nên công việc xin dấu nhật trung đã nhẹ, không phải chờ đợi lâu quá như mấy kỳ trước. Vân Hạc giáp cho Đức Chinh vừa được hai trang và viết quyền mình được một trang đầu và nửa trang dưới, đã thấy Đức Chinh trở về với một vẻ mặt sung sướng.

- Gần trưa rồi đấy, cậu phải viết mau tay một chút kéo bài còn nhiều, đến chiều lại phải vội vàng.

Vừa nói Vân Hạc vừa vò tờ giấy giáp tròn như quả ổi và ném sang lều Đức Chinh.

Nhặt lấy "quả ổi giấy" ấy, Đức Chinh vuốt cho thẳng ra và lẩm bẩm đọc hết từ đầu đến cuối. Rồi hần làm bộ hay chữ và hỏi Vân Hạc:

- Ô. Thế hai câu hỏi về Hán Văn Đế và Đường Thái Tôn, ông chê đấy ư?

Vân Hạc biết là hấn hỏi lấy mẽ, kỳ thực chẳng hiểu gì cả, nhưng chàng cũng cắt nghĩa thật thà:

- Phải! Phép làm văn sách, cần phải cãi lại đầu bài, đầu bài hỏi ra giọng chê, thì mình phải khen, đầu bài hỏi ra giọng khen, thì mình phải chê. Ấy là nói về tiểu tiết. Còn về đại thể, thì với cổ nhân bao giờ cũng khen, mà với hậu nhân, bao giờ cũng chê. Vì vậy, các cụ đã có câu rằng:

"Đường, Ngu, Tam đại thì khen, "Hán, Đường trở xuống thì lên cho đau". Hán Văn Đế và Đường Thái Tôn đều là hậu nhân, tất nhiên phải lên cho đau. Nếu không tức là trái mọo".

Đức Chinh im lặng gục đầu xuống yên, vừa viết vừa dò từng chữ trong bản giấy giáp.

Gần trưa, hấn viết, gần được ba tờ, Vân Hạc lại quăng sang cho một cục giấy nữa. Cũng như lần trước, hấn giở tờ giấy đọc đi đọc lại mấy lần xem có chữ gì nghi ngờ hay không, rồi lại cặm cùi nắn nót từng nét, y như những cậu học trò mới tập viết tô. Một lúc sau, hấn bỗng lên giọng tự phụ:

- Tôi tưởng trong ruột chữ "đăng" phải là chữ "đậ". Làm sao ở trên chữ "khâu", ông viết, thiếu cái ngang con? Hay là ông lầm?

Vân Hạc đương để tâm trí vào một đoạn văn ngoắt ngoéo thành linh bị câu hỏi ấy đập vào bên tai, làm dây tư tưởng tự nhiên ngừng lại, chàng hơi bực mình:

- Cậu không coi bảng chữ húy người ta yết ở cửa trường từ kỳ đệ nhất hay sao?

Đức Chinh ngay thật trả lời:

- Có? Tôi có coi? Nhưng tôi không thấy nói đến chữ "đăng"?

- Thế thì có họa lúc ấy mắt cậu quáng nắng. Trong dòng 'kính khuyết nhất bút' ở ngay đầu bảng, chẳng có chữ "đăng" là gì? Nguyên dạng chữ "đăng" vẫn là chữ "đậ" ở trong, vì nó thuộc hạng húy nhẹ của nhà vua, nên phải kính khuyết nhất bút. Nghĩa là

cung kính mà bỏ sót đi một nét. Nếu viết đủ cả cái ngang, tức là phạm húy. Cậu nghe không?

Đức Chinh ra bộ lo sợ:

- Chết chưa? Thế tôi trót viết cả cái ngang con mắt rồi, thì làm thế nào, xóa đi có được hay không?

- Không được. Những chữ húy đều là chữ tên nhà vua. Trọng húy chính là tên vua, khinh húy thì là tên những bà vua, mẹ vua, hay là tiên tổ lâu đời của vua. Theo phép, bao nhiêu chữ húy đều bị cấm đọc, cấm viết, phải coi như chữ bỏ đi. Bởi thế, dù mình viết rồi lại xóa, cũng là có tội. Vì rằng chính mình đã viết chữ ấy kia mà?

Đức Chinh lại cố hỏi thêm câu nữa:

- Hay là xóa cho mù tịt đi vậy?

Vân Hạc phát gắt:

- Càng không được nữa. Bởi vì trường quy đã bắt những chữ đập xóa, chỉ chấm ba cái vào mặt, để cho người ta có thể nhận rõ nguyên hình của nó. Nếu xóa cho mù tịt đi, tức là "đồ bất thành tự" đấy.

Đức Chinh lại ngồi phát dậy:

- Thế thì tôi làm thế nào bây giờ? Nếu lại cánh quyền lần nữa, thì viết bao giờ cho xong, không khéo sẽ bị ngoại hàm!

Vân Hạc ra bộ thương hại:

- Vậy thì chữ "đăng" ấy ở tờ thứ mấy?

- Thừa ông ở tờ thứ ba.

- Thế thì sợ gì? Xé mẹ cái tờ giấy ấy mà viết tờ khác.

Đức Chinh hí hửng như mơ mới tỉnh:

- Ủ nhỉ! Cái tờ thứ ba không dính đến dấu giáp phùng, xé đi là rảnh. Thế mà trong lúc bối rối, tôi không nghĩ ra, sao mà ruột gan u mê đến vậy?

Rồi hấn khom lưng làm việc như thường. Lâu lâu hấn ngẩng đầu lên và nói chỗ sang lều Vân Hạc:

- Câu này sao ông lại viết chữ "dụng"?

Vân Hạc có ý ngạc nhiên:

- Câu nào hứ cậu?

Đức Chinh ra bộ khiêm tốn:

- Cái câu "Dục Nghiêu Thuần kỳ quân dân, Y Quân thánh chỉ dụng già" ấy mà. Tôi nhớ ở sách Mạnh, Tử, thầy Mạnh bảo ông Y Doãn là "thánh chỉ nhậm", không phải là "thánh chỉ dụng".

Vân Hạc tức quá không nhịn được, chàng cáu:

- Té ra trong lúc đi học cậu không thèm biết chữ húy. Rồi khi tới trường, cậu lại không buồn ngó đến cái bảng chữ húy. Thế mà cậu cũng cấp quyền, đi thi, tôi khen cho cậu là gan.

Ngừng lại một lát, Vân Hạc vừa gõ đá lửa đánh lửa hút thuốc vừa tiếp:

- Bởi vì chữ "nhậm" là chữ trọng húy, cho nên kiêng không được dùng, phải lấy chữ "dụng" thay vào. Không phải là tôi quên sách mà viết bậy cho cậu.

Đức Chinh có ý hơi thẹn, liền nói gỡ thẹn:

- Quái lạ? Tôi có coi ở bảng chữ húy, nhưng tôi chỉ thấy chữ miên, chữ hồng, chữ ưng, chữ huê, chữ hao... tất cả chừng bốn, năm chục chữ, không thấy chữ nhậm ở đâu!

Vân Hạc đương tức, nghe câu ấy chàng lại bật cười, suýt nữa bị sặc hơi thuốc, liền nói bằng giọng chế nhạo:

- Phải! Trong bảng, không có chữ "nhậm" thật đấy Chẳng những một mình chữ "nhậm", tất cả những chữ trọng hỷ như chữ chủng, chữ ánh, chữ đờm, chữ thì,... đều không có cả...

Đức Chinh không hiểu là câu giễu cợt vội vàng ngắt lời:

- Vậy thì ông biết chữ "nhậm" là chữ trọng hỷ?

Vân Hạc thở hết khói thuốc và tiếp:

- Thế cậu coi ở trong bảng, có thấy dưới dòng "trọng hỷ dĩ hạ" có câu "nhất tự tả tông nhân, hữu tông nhâm" không?

- Có. Tôi có thấy. Và còn có nhiều chữ "nhất tự" khác như là "nhất tự tả tông nhật, hữu tông ương", "nhất tự tả tông hòa, hữu tông trọng" nữa.

- Ô? Thế, bên tả chữ "nhân" bên hữu chữ "nhâm" hợp lại chẳng là chữ "nhậm" thì gì? Vừa rồi tôi đã nói rằng: những chữ phạm hỷ đều bị cấm không được viết, cấm không được đọc. Đó là lệnh của triều đình, ai cũng phải theo, từ quan chí dân, trừ ra những người làm giặc. Và không phải chỉ cấm ở trong quyển thi mà thôi, bất kỳ chỗ nào, từ cuốn sổ mãi hiện đến các sách vở đều phải kiêng hết.

Cái bảng treo ở cửa trường hôm nọ tuy là bảng yết chữ hỷ, nhưng nếu viết hẳn các chữ hỷ ra thì ra quan trường đã phạm hỷ rồi. Vì thế, những chữ khinh hỷ, người ta mới viết thiếu đi một nét, và những chữ trọng hỷ thì họ tách ra từng mảnh. Coi đến chỗ đó, mình phải hiểu ngầm trong bụng. Thí dụ thấy viết bên tả chữ nhật, bên hữu chữ ương, thì biết nó là chữ ánh, thấy viết bên tả chữ hòa bên hữu chữ trọng, thì biết là chữ chủng. Một sự dễ dàng như thế, mà sao cậu cũng không hiểu? Thôi từ giờ đến tối, cậu cứ coi vào bản giáp, hễ thấy tôi viết thế nào, thì chép cho đúng thế ấy. Đừng hỏi nữa, làm mất thì giờ của tôi. Trưa rồi, bài còn nhiều lắm, tôi viết không kịp thì nguy cả đấy.

Đức Chinh bấy giờ mới biết xấu hổ, hần bèn vâng dạ vài câu cho qua, rồi lại quay đầu vào viết.

Mặt trời đã xế. Con gió bắc lúc nãy đã tạnh, bây giờ lại nổi ào ào. Khí trời mỗi lúc mỗi thêm giá ngắt.

Đức Chinh chép hết mấy tờ giấy giáp. Vân Hạc vẫn chưa viết tiếp cho hần. Đã hai, ba lần, hần toan thúc giục, vì sợ Vân Hạc gắt gỏi, nên lại rụt rè không dám. Chờ một hồi nữa, không thấy Vân Hạc đả động gì đến, hần bèn đánh bạo gọi hỏi:

- Ông Đào! thưa ông, những tờ giấy trước, tôi đã viết xong rồi ạ!

Vân Hạc đương mãi tìm mấy chữ xúc về Trương Tử Phòng để đối với câu trả lời về Gia Cát Lượng mà chàng đã nghĩ được rồi, nghe tiếng Đức Chinh đòi bài chàng liền gạt đi:

- Cậu hãy thông thả lát nữa. Để tôi còn nghĩ.

Đức Chinh khẽ vâng một tiếng. rồi hần lấy thịt kho, ruốc bông để ăn kèm với bánh giò, cơm nắm.

Nhai chập nhai chuối một hồi, trong bụng đã thấy lưng lửng, Đức Chinh dốc ngược quả bầu nước chè vào miệng; nốc một thôi dài, và giờ gói thuốc lá cuộn sẵn, lấy ra một điếu,.. rồi hần hì hục..đánh lưá vừa châm vừa hút phì phèo'..

Điếu thuốc đã cháy hết già một nửa, bài của Vân Hạc vẫn chưa đưa sang. Ruột gan hần bấy giờ hình như đã nóng hôi hổi. Rình mãi được lúc người lính trên chòi canh ngoảnh mặt sang phía bên kia, hần liền chạy tọt sang lều Vân Hạc.

Một cái giạt mình đánh thót làm cho Vân Hạc ngồi phất trở dậy:

- Chết nổi? Ai bảo cậu sang đây làm gì? Lính nó trông thấy thì chết bỏ mẹ cả đôi bây giờ!

Đức Chinh dó dáy sờ vành dây lưng lấy hai nén bạc đặt lên mặt yên của' Vân Hạc và nức hai tay làm một.

- Thưa ông, hôm qua tôi đã đưa trước ông Cung hai nén còn hai nén nữa nay xin nộp nốt. Vậy ông viết nốt bài cho.

Thì ra hần tưởng vì hần chậm tiền, cho nên Vân Hạc phải hăm bài lại. Thấy cái bộ khúm núm của hần. Vân Hạc lại càng thương hại và càng nực cười. Bản giấy giáp dờ đã được gài một tờ ruỡi, chàng viết nốt hơn một dòng nữa cho xong, rồi trao cho hần và hỏi:

- Cậu có thuộc phép đài ở đoạn văn kim hay không.

- Thưa ông, tôi có nghe qua, nhưng không nhớ kỹ xin ông chỉ bảo thêm cho.

Vân Hạc liền giở tờ giấy luôn phóng kê ô ở trong quyển mình, chàng chỉ tay vào mấy dãy ô đầu quyển và dùng cái giọng thầy đồ giảng cho học trò:

- Cậu trông vào đây! Trong ba hàng ở đầu dòng này. hàng trên cùng tột gọi là hàng du cách, dưới hàng du cách gọi là hàng thứ nhất, dưới hàng thứ nhất gọi là hàng thứ hai, dưới hàng thứ hai thì tức là hàng thứ ba. Trong đoạn văn kim, gặp chữ thiên địa, giao miếu thì viết lên hàng du cách, gặp chữ hoàng đế. hoàng thượng hay là thánh thượng, long nhan... nghĩa là những chữ chỉ vào bản thân nhà vua thì phải viết lên hàng thứ nhất. Nếu gặp những chữ chỉ về đức tính hay công việc của nhà vua thì phải viết vào hàng thứ hai. Còn những chữ thuộc về văn bài thì viết từ hàng thứ ba trở xuống. Cậu nhớ lấy nhé.

Đức Chinh ra bộ ngơ ngác:

- Tôi chưa nghe ra. Thế nào là chữ thuộc về đức tính và công việc của nhà vua, ông nói lại cho!

Vân Hạc kéo tờ giấy giáp trong tay Đức Chinh và trải xuống chõng, rồi chỉ tay vào một dòng ở đoạn văn kim:

- Cậu hãy cắt nghĩa cho tôi đoạn này!

Đức Chinh nhìn qua một lượt rồi rụt rè:

- Tôi không hiểu lắm, ông giảng giùm cho.

Vân Hạc liền đọc:

- "Phụng kim ngã hoàng thượng, thông minh tác tắc khải đề vi cường, dĩ kiên kiện di tư, phủ thái hanh chi vận".

- Mấy câu đó, cũng như câu có nghĩa "sĩ" phải viết nhỏ mà tôi đã nói với cậu sáng ngày, đều là câu sáo trong văn sách kim bất kỳ bài nào cũng có. Nghĩa đen của nó thế này: "Vâng nay, đức hoàng thượng ta sáng suốt làm phép, vui dễ làm gương lấy tư chất cường kiện của quẻ Kiên, vỗ cái vận hanh thông của quẻ Thái..." có phải thế không? Thế thì những chữ thông minh là sáng suốt, khải đề là vui dễ, Kiên kiện là quẻ Kiên mạnh, đều nói về đức tính của đức hoàng thượng, mà chữ dĩ là lấy, chữ phủ là vỗ thì nói về công việc của ngài, chứ gì? Vậy những chữ này đều phải dài lên hàng thứ hai. Còn hai chữ hoàng thượng thì phải dài lên hàng thứ nhất. Các đoạn dưới này, cậu cứ theo đó mà suy ra. Không đáng dài mà dài, đáng dài mà dài không hợp cách chỉ bị đánh hỏng mà thôi, nếu đáng dài mà không dài, thì còn phải tội nữa đây!

Đức Chinh gấp tờ giấy giáp bỏ túi rồi trịnh trọng mó tay vào hai nén bạc ở mặt chõng và ngẩng lên nhìn Vân Hạc:

- Thưa ông, gọi là thêm một châu chay, xin ông nhận cho.

Vân Hạc mỉm cười cảm ơn và giục Đức Chinh phải về lều mà viết cho mau. kéo nữa chậm quá. Sau khi Đức Chinh ra khỏi, Vân Hạc cầm hai nén bạc giắt vào dải lưng và bụng bảo dạ: "Trông mặt ra phết công tử, ai ngờ nó lại dốt đến thế. Ầy vậy mà chưa biết

chừng. Nếu nó tốt phúc mà không được vào phúc hạch, có khi sẽ đồ tú tài cũng nên. Việc đời thật không thể nào mà đoán trước được..." Rồi chàng lại giở quyển mình ra viết.

Bây giờ công việc đã nhẹ. Bao nhiêu câu hỏi về thánh hiền, vua chúa nước Tàu, chàng đã trả lời xong xuôi cả rồi. Lúc này chỉ còn phải viết mấy câu văn kim nữa thôi. Cái lệ văn sách, văn kim tuy là thứ văn hỏi về công việc hiện thời của nước mình, nhưng thực ra nó chỉ là đoạn văn sáo. Cái sáo ấy chàng đã phải tập từ khi còn đề hồng mao. bụng chàng đã thuộc như cháo chan cả rồi. Bây giờ chỉ phải theo giọng câu hỏi mà sửa đổi đi vài chữ, không phải khó nhọc chi hết. Coi lại đầu đề và soát bài văn của mình, chàng thấy từ đầu đến cuối, đoạn nào cũng rất đánh thép, nhất là không bị quên sách chỗ nào. Đặc ý, chàng ung dung giở chiếc điều cày đánh lửa hút thuốc rồi mới viết nốt.

Mặt trời đã lui xuống dưới bức rào. Trên chòi canh, trống thu quyển đã thúc rộn rịp. Vân Hạc vừa kiểm những chữ xóa sót móc chữa vừa gọi với sang lầu Đức Chinh:

- Thế nào? Cậu viết đã gần xong chưa?

Đức Chinh vui vẻ trả lời:

- Tôi chỉ còn độ ba dòng nữa. Ông cũng sắp xong rồi chứ?

- Phải! Tôi còn viết nốt mấy chữ đề, di, câu, cái nữa là xong.

- Vậy thì ông hãy đợi tôi một lát rồi ta cùng ra.

Hai người lại cùng im lặng.

Trống thu quyển mỗi lúc mỗi mau. Tiếng voi ngựa đi tuần ở ngoài bờ rào lại càng rộn rịp hơn trước.

Trời đã nhá nhem sắp tối. Đám học trò phía nhà Thập đạo loáng thoáng có người dỡ lều. Vân Hạc đương thu xếp giấy bút hộp mực bỏ vào trong yên. Chợt thấy Đức Chinh vô tay vào trán một cái đánh bịch:

- Thôi chết bỏ bỏ tôi rồi!

Vân Hạc giật mình liền hỏi:

- Cái gì thế cậu?

Thì ra vì trong lúc ruột gan bối rối: các đoạn "sĩ giả hạnh phùng thịnh - thế tông sĩ văn trường, quân kiến như tư vị tri thị phủ" hấn đã viết thừa bốn chữ "tông sự văn trường" và thiếu bốn chữ "quân kiến như tư." Sau khi đã nói qua sự lầm lẫn ấy cho Vân Hạc nghe, Đức Chinh lại hỏi:

- Xóa bốn chữ nọ viết bốn chữ kia vào cạnh có được không?

Vân Hạc ngọt ngào trả lời:

- Thôi đành bỏ tờ ấy đi viết tờ khác Vây. Chữ xóa và chữa nhiều quá như thế bị mắc tội "thiệt tích" kia đấy. Bởi vì người ta ngỡ mình cố làm như vậy. để đánh dấu cái quyền của mình, chứ có ai cho là mình lầm lẫn.

Rồi chàng chạy tọt sang lều Đức Chinh:

- Đâu cậu viết lầm ở chỗ nào. Đưa đây tôi xem.

Vừa nói, Vân Hạc vừa ngھn đầu ngó vào quyển của Đức Chinh. May quá, cái tờ bị hỏng ở ngay trên đầu trang. Đến đó, Đức Chinh mới viết có chừng hơn bốn dòng chữ mà thôi. Chàng giục hấn xé tờ ấy, rồi chàng cầm luôn mảnh giấy giáp và sẽ an ủi:

- Để tôi đọc cho cậu viết. Đừng vội. Trống thu quyển mới hết một hồi. Còn sớm chán. Nếu tối thì ta thấp nển! Hãy còn hai hồi trống nữa kia mà sợ gì?

Đức Chinh khi ấy mới khỏi hồi hộp trống ngực. Hấn liền cẩn thận theo miệng Vân Hạc mà viết.

Ngoài trời tối dần dần, rồi tối hẳn. Vân Hạc bảo Đức Chinh hãy lấy đá lửa đánh lửa châm nển. Và chàng vừa cầm nển soi cho Đức Chinh vừa theo bản giáp đọc cho hấn

viết. Chàng cũng sợ hấn rồi ruột lại viết làm nữa, nên chàng cứ phải chăm chú nhìn vào quyển hấn, chờ hấn viết xong chữ này chàng mới đọc tiếp chữ kia. Mỗi khi đọc đến chữ gì có nhiều đồng âm thì chàng lại nói luôn cả nghĩa của chữ ấy cho hấn khỏi lẫn.

Hồi trống thứ hai dồn đập thúc mau. Đức Chinh viết đến chữ "đĩ" trong câu "nguyện trập sự kỳ trạch dĩ văn" và toan đưa bút viết nữa. Vân Hạc vội vàng nắm lấy tay hấn và nói bằng giọng hoảng hốt:

- Ấy chết chữ "văn" này phải dài lên đệ nhị cách kia đây!

Đức Chinh sững sốt:

- Ô lạ thế! Sao chữ "văn" trong câu "đôi sỹ văn" ở đầu quyển lại không phải dài? Nó cũng là "nghe" chứ gì?

Vân Hạc thẽ thọt:

- Phải. Hai chữ "văn" cùng là nghe cả. Nhưng chữ "văn" trên nghĩa là mình nghe. nên không phải dài. Còn chữ "văn" này thì là vua nghe, nếu không dài, ấy là bất kính. Người ta đập vào đầu ấy.

Đức Chinh lè lưỡi:

- Sao mà rắc rối quá vậy.

Sau khi đã nắn nót viết một chữ "văn" bông beng lên hàng thứ hai, hấn lật các tờ trong quyển, đếm hết những chữ xóa, sót, móc, chữa, để viết vào dưới chữ "cộng quyển nội" Hết tội.

Đức Chinh hì hục dỡ lều buộc chõng và đeo lên vai. Vân Hạc thì bỏ cả chõng lẫn lều. chàng chỉ đeo ra có một cái yên và một cái ống đựng quyển.

Ra nhà Thập đạo nộp quyển xong rồi. Vân Hạc vừa đi vừa hú vía! Vì đã vô cố mà rước lấy nợ vào mình.

Chương XIII

Đêm qua với Vân Hạc, Đốc Cung lại là một cuộc phục thù của hai con mắt. Bởi vì sau bữa cặm cùi từ sáng đến tối mịt ngấm vuốt từ cái nét móc trở đi để viết cho rồi một bài văn sách chừng bảy, tám tờ, hai chàng chỉ cho đôi mắt yên nghỉ một đêm. Đến trưa hôm sau, khi mà Đoàn Bằng, Tiêm Hồng bước ra khỏi cửa để cùng về quê báo tin cho dì ghẻ và ông anh cả biết sự may mắn của mình trong kỳ đệ tam thì Vân Hạc liền bị Đốc Cung nhắc tới số bốn nén bạc của Trần Đức Chinh và bắt phải lên hàng Lờ lập tức.

Ở lầu hồng không khác gì ở nhà trọ, danh giá của người học trò đã vào tam trường lại tôn gấp mấy cái khi mới vào nhất trường. Và lại đối với hai chàng đào Phượng, đào Cúc vẫn là hoa xưa, ong cũ, cái cuộc gặp gỡ sau hai mươi ngày cách biệt tự nhiên phải đàm thắm hơn lúc bắt đầu biết nhau.

Trong lúc bước chân ra đi, Vân Hạc đã hẹn Đốc Cung chỉ nghe một vài khổ trống rồi về. Không ngờ trước vẻ yêu kiều nũng nịu của đôi hoa khôi, hai chàng đều không đủ bóng vía để chống lại với sức cám dỗ. Thế rồi cuộc truy hoan kéo dài đến bảy đêm ngày.

Ngông nhất là đêm hai ba tháng mười.

Vào khoảng chập tối một lúc trời tuy lạnh nhưng rất sáng sủa, vàng trắng hạ huyền từ từ ở phía chân trời tiến lên và nhòm thẳng vào khe cửa sổ phía đông. Nhân một câu cao hứng nói đùa của Vân Hạc, Đốc Cung liền bắt đào Phượng, đào Cúc cùng mấy ả nữa và một anh kép mang cả đàn, trống, sênh, phách lên phía bờ sông. Thêm vào đó lại có mấy người học trò cụ bảng Tiên Kiều bị kéo đi nữa. Cả bọn đến thẳng bến đò. Sau khi thuê được hai chiếc thuyền lớn, mặc cả phải chở suốt đêm, Vân Hạc, Đốc Cung liền bảo chân sào vào phố mua rượu và các đồ nhắm đem câu xuống thuyền.

Rồi sai nhỏ neo cho thuyền xuôi mãi xuống phía Đồn Thủy. Sông cạn, sóng êm, đôi thuyền kèm nhau lơ lờ trôi dưới ánh trăng. Ngồi trên mạn thuyền ngó xuống đáy nước có thể trông thấy mình đương lơ lửng trong một biển vàng. Đàn bắt đầu dạo phách bắt đầu điểm. Tiếng hát bắt đầu thánh thót. Cuộc rệu dần dần đi từ chỗ êm đềm đến chỗ nồng nàn. Giữa những tiếng cười nói huyên thiên. Đốc Cung tự nhiên gật gù và ngâm:

"Mộc lan chi tiếp sa đường châu.

"Ngọc tiêu, kim quản tọa lưỡng đầu,

"Mỹ tửu tôn trung trí thiên học,

"Tái kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu... "

Rồi chàng rung đùi:

- Cái cuộc đêm nay của chúng mình, thật đúng với bốn câu đó. Thế mới biết Lý Bạch là tay chơi sành.

Và chàng nhìn vào Vân Hạc:

- Mày vẫn tự phụ giỏi nôm, hãy thử dịch mấy câu ấy ra điệu lục bát xem sao.

Vân Hạc ngẫm nghĩ một lát rồi đọc:

"Trèo đường đưa chiếc thuyền nan,

"Quản vàng, tiêu ngọc thổi ran đôi đầu,

"Rượu ngon để sẵn nghìn bầu,

"Chờ đào, theo sóng, mặc dầu ngược xuôi..."

Cả bọn đều tấm tắc khen hay, riêng có Đốc Cung chê rằng chữ "đào" không "ôn". Nhưng không tìm được chữ gì khác thay vào, chàng muốn đổi hai câu đó như vậy.

"Đào mấy ả, rượu nghìn bầu,

"Chở theo con sóng mặc dầu ngược xuôi".

Mọi người cân đi, nhắc lại hồi lâu, ai nấy đều bảo câu của Đốc Cung tuy không đúng nghĩa, nhưng còn thoát hơn của Vân Hạc. Rồi họ bàn nhau dùng bốn câu ấy làm bốn câu mưỡu và bắt Vân Hạc, Đốc Cung làm tiếp một bài hát nói tức cảnh đêm ấy, Vân Hạc mở đầu:

"Thủy thiên nhất sắc,

"Giữa vừng không vắng vạc mảnh trăng treo.

"Đôi thuyền con đứng đỉnh đua chèo,

"Đội mặt sóng, tiếng đàn theo tiếng phách.

Đốc Cung tiếp theo:

"Giục hiệu Tô công ca Xích Bích,

"Cánh liên Bạch phó oán Tầm Dương.

"Thú yên hoa âu cũng nợ văn chương,

"Dưới bóng nguyệt, chén vàng chi để cạn?"

Đến lượt Vân Hạc:

"Con đắc ý hãy chơi cho chán,

"Kiếp trần ai, ba vạn có là bao

"Nghìn xưa hiền thánh đâu nào?"

Hai chàng đọc cho đào Phượng, đào Cúc cùng nhẩm, và bảo hai ả cắt lượt mà hát. Đêm càng khuya, cuộc rượu càng lợi lả. Tiếng hát khi chìm, khi bổng, theo với nhịp khoan nhặt của phách và đàn, càng giúp thêm cho hứng rượu.

Trên phố lúc ấy không còn hơi một tiếng động.

Mặt sông cực kỳ tịch mịch. Mấy đoàn thuyền bè, giống như những đàn vịt ngủ hết, hết thảy im lặng rúc đầu vào bờ. Vân Hạc tình cờ ngồi trong mũi thuyền ngo ra, chàng tưởng như khắp cả vũ trụ, chỉ có bọn mình và vàng trăng khuya còn thức. Một lát sau, đào Phượng đọc hết bài phú Xích Bích, tiếp đến bài hát Tỳ bà, Đốc Cung ra bộ thích ý và khen:

- Ngồi trên mặt nước mà hát hai bài hát ấy mới là hợp cảnh. Không hiểu từ xưa đến giờ, đã ai thưởng thức cái thú ấy chưa?

Vân Hạc đón lời:

- Không phải bây giờ chúng mình hưởng cái thú ấy là lần đầu tiên. Ngày xưa các cụ đã hưởng chán rồi. Và vì thừa xưa, cô đào không có nhà riêng, các cụ muốn nghe hát mà không tiện đem về nhà mình, cho nên phần nhiều phải hát dưới thuyền. Bởi vì ngồi ở thuyền dưới bóng trăng, thấy nó hợp với cảnh tượng trong Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị và Xích Bích phú của Tô Đông Pha, cho nên các cụ mới diễn cả hai bài ấy ra điệu hát tả, để bắt ả đào ngâm đọc. Về sau những phường tục tử, đua đòi các cụ, thi nhau đem những bài ấy mà hát ở nhà cô đào, ấy là vì họ không hiểu cả hay của nó. Các anh thử nghĩ mà xem, ngồi trên mặt phản mà nghe những câu:

"Say cũng luống, ngại khi chia rẽ,

Nước mờ mờ menh dâm vẻ trắng trong,

Hay là:

"Thuyền máy lá, đông tây lặng ngắt,

"Một bóng trăng trong vắt lòng sông,"

thì phỏng còn có nghĩa lý gì nữa?

Trời gần sáng. Trăng càng lên cao. ánh trăng tỏa xuống lòng sông sáng như ban ngày. Hứng rượu mỗi lúc mỗi thêm hăng hái. Người nọ dốc mãi rượu vào chén người kia. Dần dần, cả đám đều say dí dẹt, ai nấy gục đầu xuống cạnh chiếu rượu mà ngủ.

Sáng mai Vân Hạc dậy trước, trông thấy mấy người ngón ngang nằm quanh một đám chén bát lỏng chổng, mới biết đêm qua uống rượu nhiều quá. Ngó ra ngoài sông, cảnh tượng đều lạ hết cả. Ngơ ngác nhìn mãi đám khói sương mù mịt, chàng mới nhận ra cái chỗ thuyền đậu là ở dưới bãi Bát Tràng.

Các chân sào và các ả đào, hãy còn ngủ lả, ngủ lóc, chàng phải đánh thức lái thuyền, giục hẳn gọi mấy người kia chèo thuyền lên bến.

Tới nơi, mặt trời đã lên cao, Vân Hạc toan về nhà trọ. Nhưng vì đào Phượng, đào Cúc có ý chèo kéo, lại thêm có bọn Đốc Cung hết sức bầu vào, chàng lại xuống thẳng Hàng Lờ. Thế rồi, cái hào hứng của tuổi thiếu niên lưu chàng và bọn Đốc Cung ở đó. Để lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm. Nếu không sợ Đoàn Bằng, Tiêm Hồng ở quê sắp ra có lẽ hôm qua, chàng và Đốc Cung cũng chưa về nhà trọ. May quá hai chàng vừa tới nhà trọ một lát, thì hai người kia vừa ra.

Trong lúc nói chuyện, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng ngó cái bộ mặt hốc hác, nhất là ngó đôi con mắt đứt kẻ của hai chàng, cũng biết hai chàng thức đêm nhiều lắm nhưng hai người vẫn đều giả vờ làm thảnh.

Bấy giờ Đốc Cung cũng như Vân Hạc ai nấy đều thấm trong mình mệt nhừ, hai mắt buồn ngủ díp lại, song người thì nể bạn hơn tuổi, người thì sợ anh, cả hai đều phải cố gắng làm tỉnh táo, nhanh nhẩu, chờ đến tối mới dám đi nằm. Và cả hai đều kéo một giấc từ chập tối cho đến bây giờ.

Trời sáng rõ.

Đoàn Bằng, Tiêm Hồng đã uống tàn một ấm chè tàu, hai chàng vẫn co quắp ôm nhau trong tấm chăn bông, và thi nhau đưa ra những tiếng thở sè sè.

Tiêm Hồng ngứa mắt toan kéo tuột bức chăn gọi hai chàng dậy. Đoàn Bằng xua tay ngăn lại:

- Hãy để cho họ ngủ lúc nữa. Chắc là những ngày vắng mình, chúng nó thức đêm nhiều lắm. Nếu họ không được ngủ bù để khôi phục cho tinh thần bằng cũ thì ngày mai vào trường sẽ có hại cho sự làm văn.

Rồi hai người lại giục thằng nhỏ thay chè, pha ấm nước khác, cùng uống cho tiêu thì giờ.

Ánh sáng loe trên nóc nhà lảng giềng, Vân Hạc thành linh thức giấc. Vì bị ánh sáng lùa vào chói mắt, chàng biết trời đã trưa lắm, vội vàng lật chăn đánh thức Đốc Cung.

Đoàn Bằng, Tiêm Hồng tuy vẫn tỏ ra bộ điệu vui vẻ nhưng Vân Hạc không khỏi có ý ngượng thẹn.

Chàng len lén đứng dậy ra thêm và gọi thằng nhỏ lấy nước rửa mặt. Đốc Cung nài chữa bằng một câu khôi hài:

- Té ra hãy còn sớm nhỉ. Tôi tưởng đã trưa lắm.

Đoàn Bằng cười nhạt:

- Phải. Còn sớm lắm. Mặt trời mới gần đến đỉnh đầu thôi mà. Hai ông hãy đi ngủ thêm giấc nữa, dậy làm gì vội!

Đốc Cung cũng cười và ngâm:

"Xử thế nhược đại mộng,

Hồ vi lao kỳ sinh."

Rồi chàng thông thả, xỏ chân vào giày, để đón lấy chậu nước nóng của thằng nhỏ đã bung đến thêm.

Hôm nay là ngày ra bảng kỳ đệ tam, nhà trọ làm cơm sớm hơn mọi ngày, có ý để các ông khách thừa thãi thì giờ đi chơi chúng bạn.

Cố nhiên ở trong mâm cơm, cảm tình của ông chủ nhà càng nồng nàn hơn những ngày ra bảng hai kỳ đệ nhất, đệ nhị. Ông ta đã cố mua chuộc lòng khách bằng những món ăn rất cầu kỳ. Rượu rót rồi. Đoàn Bằng khai mào câu chuyện trước khi cất chén:

- Chúng mình còn được chè chén lu bù, chứ mấy ông quan chăm trường, nhất là những ông sơ khảo, phúc khảo bây giờ đương khổ vô hạn.

Đốc Cung nâng chén và hỏi:

- Sao vậy?

Đoàn Bằng nhấp một hớp rượu rồi đáp:

- Kham khổ quá, chứ có sao đâu! Theo lệ, cứ mỗi khoa thi, riêng trường Hà Nội, được có một ông chủ khảo, một ông phó chủ khảo, hai ông giám khảo, hai ông phân khảo, mười ông phúc khảo và hai mươi ông sơ khảo. Lương các ông ấy không được tính tháng, phải tính trọn một kỳ thi. Bắt đầu từ lúc tiến trường đến khi thi xong các công việc, ông chủ khảo được năm chục quan, và mười phương gạo trắng, ông phó chủ khảo được bốn mươi quan, số gạo cũng được như ông chủ khảo những ông giám khảo đều ba mươi quan và tám phương gạo, các ông phúc khảo mỗi ông được hai mươi quan và năm phương gạo, những ông sơ khảo thì bần tiện nhất chỉ được mỗi ông bốn phương gạo và hai chục quan...

Đốc Cung ngắt lời:

- Ừ, thì nhà nho ăn tiêu tằn tiện, trong hơn một tháng một mình dùng hai chục quan cũng đủ lắm rồi.

Đoàn Bằng lắc đầu:

- Tiếng được hai chục quan tiền thật đó, nhưng khi ở trường có được tiêu một đồng nào. Là vì trong lúc làm trường, người ta đã tính đủ số quan trường, dựng cho mỗi một ông một gian nhà lá, trong nhà có bếp, có chuồng xí, có vại chứa nước, có nồi nấu cơm, đủ các đồ lễ của một gia đình, bốn bên đều có phen nửa che kín, gian nọ không được thông với gian kia. Sau khi tiền trường, người ta tổng hết các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo cho mỗi ông vào một gian, rồi khóa trái cánh cửa ra ngoài, giao chìa khóa cho ông đề điệu, bao giờ thi xong, ông đề điệu mới mở cửa cho các ông này cùng ra. Như thế dù có tiền cũng không mua bán gì được.

Đoàn Bằng lại hỏi:

- Vậy thì những thức ăn uống hàng ngày lấy ở đâu ra?

Tiêm Hồng vội đón:

- Hình như do ông tổng đốc sở tại cung đốn, phải không?

Đoàn Bằng gật đầu:

- Phải! Bao nhiêu đồ ăn thức dùng của các quan trường, do ông tổng đốc sở tại trích tiền công khó chi cấp tất cả. Sự cung đốn của mấy ông trên thế nào, tôi không được rõ, chứ đến những ông sơ khảo, phúc khảo thì ôi thôi, cực kỳ bần tiện. Mỗi ông một ngày chỉ được hai lạng thịt lợn, hay là hai con tôm he, có thịt dùng tôm, có tôm dùng thịt; ba ngày mới được một lọ nước mắm và ít muối trắng. Anh tính mỗi ngày hai bữa, một thầy, một trò, ăn uống chỉ có bấy nhiêu, thì kham khổ biết chừng nào. Thầy tôi ngày xưa tuy là hương cống tại quán, nhưng cũng có bị cử làm phúc khảo một lần. Khi đi, người rất béo tốt, lúc về mặt mũi xanh xao, chẳng khác gì người ngã nước. Thì trong hơn một tháng trời nhịn đói, nhâm khát, gỗ cũng phải gầy, nữa là người.

Đốc Cung nhanh mồm tắc lưỡi. Đoàn Bằng đương ngậm hớp rượu trong miệng, vội cong bàn tay giơ lên, tỏ ý ngăn cản lời của Đốc Cung, rồi thêm:

- Thế cũng chưa thấm!

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc)

Đoàn Bằng quay lại vớ chiếc điều đàn, đặt thuốc, châm lửa, hút một hơi thuốc, câu chuyện nói dở tiếp theo khói thuốc đưa ra:

- Vì nhà của mấy ông sơ khảo, phúc khảo trừ khi hé ra một lúc cho phu đổ nước vào vại, còn thì phải khóa kín suốt ngày, suốt đêm. Cho nên trong bức phen nửa chẵn ở quanh nhà, người ta đã có để sẵn một cái lỗ thùng nho nhỏ. Mỗi một buổi sáng, người lại phòng của quan đề điệu phân phát đồ ăn cho các quan trường thì tuôn qua mấy lỗ thùng ấy, rồi gọi thằng bếp ra đó mà đón.

Tiêm Hồng nói xen:

- Kẻ nào hà lạm đến những món ấy thì tù một gông. Tôi nhớ thầy tôi có nói lại rằng: "cái năm thầy tôi đi làm phúc khảo, có người lại phòng chia tôm cho các quan trường, vì lúc cuối cùng còn thừa một con, hấn không biết là phần ông nào, đem về ăn mất. Thế mà đến khi việc đó phát giáo, anh ta bị phạt đủ ba chục trượng. Cực chưa".

Đến lượt Đoàn Bằng:

- Tội nghiệp hơn nữa, là cái tình cảnh của mấy ông ấy trong khoảng từ kỳ đệ tam đến kỳ phúc hạnh. Những kỳ đệ nhất, kỳ đệ nhị, tuy rằng ăn uống kham khổ nhưng còn không đến nỗi buồn. Là vì trong hai kỳ ấy học trò còn đông, các ông sơ khảo phúc thảo còn phải chăm nhiều, cả ngày không lúc nào rỗi. Đến kỳ đệ tam và kỳ phúc hạnh, học trò vắng lắm, phần việc của mấy ông ấy chỉ làm độ một, hai giờ là xong. Thế mà cứ phải nằm đó chờ đợi cho đến kỳ sau... Có ông buồn quá, không biết làm cách nào cho qua thì giờ, đành phải đánh đáo với thằng đầy tớ.

Vân Hạc đương bung chén rượu vội đặt xuống mâm.

- Nếu tôi mà bị đi làm quan. trường, thì quyết phải bắt... vợ tôi ăn mặc giả làm đầy tớ để cùng vào trường.

Đoàn Bằng nói lời:

- Ấy cái năm thầy đi phúc khảo, đã có một ông cũng làm như thế đó. ông ấy thuê người cô đào ăn bận quần áo đàn ông, và bắt xách điều cấp tráp theo vào. Vậy mà việc cũng bại lộ. Không biết ông ta sau này bị tội gì. Có lẽ người ta buộc cho cái tội khi quân cũng nên.

(Bị kiểm duyệt bỏ hồi Pháp thuộc)

Ông chủ nhà trọ vừa đi qua đó:

- Thừa các quan, sao lại có người khai mào tam đại? Tôi tưởng cha ông nhà mình dù hèn cũng là cha ông nhà mình, ải lại dè tiện đến nỗi nhận vợ cha ông người khác?

Đoàn Bằng vội mời ông đó ngồi xuống chiếc phản cạnh đây uống nước.

- Cái việc khai mào tam đại, cũng là việc bất đắc dĩ. Theo luật, những người trước có làm quan với nhà Tây Sơn cũng như những người phạm tội ăn cướp làm giặc, bản thân của họ tuy bị hành hình, hay đã già chết, nhưng vẫn chưa thật hết tội. Anh em ruột và con cháu ba đời nhà họ đều bị cấm không được thi. Vì thế nhưng người học giỏi muốn thi, chẳng may lại có cha ông thân thuộc vướng vào khoản ấy, người ta mới phải khai mào tam đại để nộp quyền đi thi. Bây giờ đã ít, chứ mấy năm xưa nhiều người mắc tội ấy lắm...

Vân Hạc góp thêm:

- Thuở tôi còn nhỏ, nghe nói có một vụ án khai mào tam đại hay lắm. Tôi không nhớ cái ông đáng thương ấy tên họ là gì, chỉ biết ông ta người xứ Bắc có ông nội ngày xưa làm quan trong triều Tây Sơn, nên cũng bị liệt vào sổ "tam đại bất đắc ứng thí". Nhưng ở đời này, một người có tài có học, có chí giúp dân, giúp nước, nếu không đi vào con đường khoa cử thì còn đường nào mà đi? Vì vậy ông ta mới phải mượn tên ông chú làm tên ông nội để vào quyền thi để cố đi thi. Giả sử đi thi hỏng thì chẳng sao cả. Chết vì ông ta mới thi một khoa đỗ luôn hương cống, những kẻ tiểu nhân trong làng sợ rằng

ông ta làm nên, sẽ ở trên mình, chúng bèn đề đơn lên tỉnh giác việc ông ấy mạo khai tam đại. Các quan ở Bắc lúc ấy tuy vẫn trọng ông ta là bậc túc học, nhưng mà việc đã hiển nhiên, không dám bịt đi...

Tới đây Vân Hạc ngừng lại một lát, để đáp giọng bằng một hớp rượu. Rồi chàng rõ ràng nói tiếp:

- Sau khi đã bắt lý dịch khai báo, quan tổng đốc Bắc bèn đề cả tập hồ sơ vào kinh, lại có kèm theo tờ sớ tâu xin triều đình lấy lượng biển trời làm tội nhẹ nhẹ cho một tên dân đại dột. Về sau thấy có chữ phê vào tập hồ sơ như vậy:

"Mạo tử, bất hiếu già, khi quân, bất trung già, bất trung, bất hiếu chi nhân, lưu tương yên dụng?..."

Vân Hạc đương toan nói thêm, thằng nhỏ hót hơ hót hải ở ngoài cổng vào, chạy thẳng lên thêm:

- Thưa các ông, con thấy cửa trường đã treo bảng rồi đây ạ !

Đoàn Bằng rõ ràng:

- Mà có thấy tên chúng tao hay không?

Thằng nhỏ vừa thở vừa đáp:

- Thưa các ông, con không biết chữ.

Ông chủ nhà trọ ra bộ vui vẻ:

- Mời các ngài hãy cứ yên tâm xơi rượu, để tôi ra coi xem sao. Chắc bốn ngài đều được vào cả. Tôi dám cam đoan như vậy.

Rồi thì ông ta cung cúc đi thẳng ra cổng.

Bốn người vẫn cứ khoan thai uống rượu, nói chuyện, chờ đợi tin tức.

Chừng nửa giờ sau, ông ấy tắt tả chạy về với những tiếng thở hồng hộc.

- Thế nào, chúng tôi có ai được vào hay không?

Vân Hạc vừa cầm chén rượu vừa hỏi một cách sốt sắng.

Ông chủ nhà trọ tươi cười:

- Có ạ. Tôi đoán phỏng thế mà không sai mấy nỗi. Ba ông hơn tuổi vào cả, chỉ có ông Cung...

Vân Hạc ra bộ sững sốt:

- Ông Cung làm sao? Có tên ở bảng con chứ?

Ông chủ nhà trọ ra ý ngập ngừng không nói. Vân Hạc cố gắng lần nữa, ông ta mới chịu nửa úp nửa mở:

- Vâng, tôi thấy ở trong bảng con có viết chữ Bùi Đốc Cung. Nhưng không biết có phải ông Cung nhà ta hay là ông Cung nào. Vì tôi vội quá, không kịp coi đến dòng tên làng tên tỉnh.

Vân Hạc cho là không phải tên của Đốc Cung nhưng chàng vẫn cố trêu cợt:

- Chẳng thằng Cung này còn thằng Cung nào? Suốt mấy kỳ trước, tôi thấy trên bảng có các vi, chỉ có một Bùi Đốc Cung mà thôi.

Rồi chàng nhìn mặt Đốc Cung:

- Biết thân chưa con? Đời nào đỗ đến những thằng nông nghênh, bướng bỉnh? Được vào mấy kỳ đã là may rồi? Chuyến này tao xem. Mày là cụt đầu!

Đốc Cung cũng đáp bằng giọng bông đùa:

- Mày hãy thử sờ lên gáy xem nào. Tao tưởng mày còn nông nghênh bằng hai tao kia. Nếu như tao bị cụt đầu. thì cái đầu mày quyết là không còn.

Đoàn Bằng cau đôi lông mày tỏ ý không thích. Tiêm Hồng nói:

- Những tiếng mày tao để dành cho bọn vũ phu lỗ mãng họ dùng. Chúng mình là kẻ đọc sách, biết lễ, ăn nói phải cho trang nhã một chút. Gọi nhau bằng anh cũng đã suồng sã lắm rồi.

Vân Hạc, Đốc Cung đều im lặng, rồi nói lảng ra chuyện khác. Đoàn Bằng chùng cũng bần khoản về lời ông chủ mới nói vừa rồi. Thày bảo Đốc Cung đọc lại cả bài văn sách của chàng kỳ trước, xem có chỗ nào sơ xuất hay không? Đốc Cung liền đặt chén rượu đứng dậy, mở nắp lấy bản giáp bài đó, trao cho Đoàn Bằng.

Bốn người vừa uống rượu vừa chuyển tay nhau xem đi xem lại những tờ giấy giáp. Ai nấy đều tấm tắc khen hay và đều không thấy chỗ nào đáng ngờ. Cả bọn tin rằng ông chủ nhà trọ trông sai, chứ chẳng khi nào Đốc Cung lại bị nêu ra bằng con. Riêng có Đốc Cung vẻ mặt vẫn không được vui, vì chàng còn hồ nghi trong bụng, Tiêm Hồng an ủi:

- Bác đừng lo, văn bác quyết phải bốn "ưu". Và lại, cả quyền không có chữ nào đáng tội, việc gì phải ra bằng con mà sợ?

Đốc Cung gượng đáp:

- Chẳng qua đến hồng là cùng, tôi có sợ gì.

Cuộc rượu kê cà chừng nửa giờ nữa, ai nấy đều thấy trong mình hơi say. Đoàn Bằng thôi trước, Tiêm Hồng, Vân Hạc, Đốc Cung lần lượt thôi sau. Tiệc rượu tan, mặt trời vừa lên đến khỏi nóc nhà lán giềng. ông chủ nhà trọ hớn hờ bụng của mứt bí ở nhà dưới lên và đặt vào cạnh khay nước, rồi đon đả vừa cười vừa nói:

- Xin rước các quan xơi nước, chắc là bốn ngài đồ cả. Nhà cháu thật là có phúc. Xưa nay những nhà chứa trọ chưa ai được may như thế bao giờ.

Đoàn Bằng đáp lại bằng cách khiêm tốn:

- Ông đừng nói thế, không tiện. Hãy còn kỳ phúc hạch nữa kia mà.

Ông chủ nhà trọ nói thêm:

- Đã đành rằng thế. Nhưng tôi thiết tưởng các ngài đã vào phúc hạch tức là mười phần chắc đỗ cả mười, còn ngại gì nữa.

Đoàn Bằng lắc đầu:

- Những khoa trước kia có thể như thế. Là vì ngày xưa đến kỳ phúc hạch, học trò chỉ phải viết một bài thơ đề so tự dạng, xem rằng quyền các kỳ trước của mình có thật tay mình làm ra hay không. Bấy giờ số người dự kỳ phúc hạch, quan trường chỉ lấy gần ngang với số giải ngạch mà thôi. Vì như giải ngạch của trường Hà Nội được lấy hai năm cử nhân, thì kỳ phúc hạch, người ta chỉ lấy dư chừng vài ba người, nghĩa là tất cả độ ba chục người trở lại. Thêm ra năm người như vậy, là để dự phòng những lúc nhà vua thiên thủ. Chắc ông đã biết, giải ngạch tuy có hai năm cử nhân, nhưng cũng có khoa, nhà vua lại cho lấy thêm hai ba người nữa. Như vậy, nếu kỳ phúc hạch chỉ lấy đúng số giải ngạch thì khi được lệnh thiên thủ cử nhân, lấy ai sung vào số đó? Vì thế, ngày trước đã vào phúc hạch, ai cũng chắc đỗ, không cử nhân thì tú tài. Các cụ nói rằng: Có ông được vào phúc hạch sướng quá, đến nỗi trông đến đầu đề bài thơ của quan chủ khảo ra cho, không thể nghĩ được chữ nào, quan trường lại phải gà cho mà viết. Vậy mà cũng đỗ, chỉ có người nào phạm húy, mới bị đánh hỏng mà thôi.

Ông chủ nhà trọ lại hỏi:

- Bây giờ cũng thế chứ gì?

Đoàn Bằng hút tàn môi thuốc, rồi đáp:

- Không. Từ khoa trước đây, phép thi đổi lại, phúc hạch cũng là một kỳ. học trò cũng phải làm bài như các kỳ trước. Theo phép mới này, thì trong ba kỳ, ai có "bình ngoại" đều được dự kỳ phúc hạch, bất kỳ giải ngạch bao nhiêu. Thí dụ giải ngạch của trường

Hà Nội năm nay chỉ có hai bốn cử nhân, nhưng đến kỳ đệ tam, học trò có năm trăm người đều có "bình ngoại", thì bấy nhiêu người được vào phúc hạch tất cả.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngẩn không hiểu:

- Thưa, thế nào gọi là "bình ngoại"?

Tiêm Hồng cắt nghĩa:

- Bình ngoại tức là chữ "bình" của quan chánh chủ khảo, hay quan phó chủ khảo, hoặc là các ông phân khảo. Theo phép nhà Nguyễn, các quan chấm trường vẫn chia ra làm hai bộ: các ông sơ khảo, phúc khảo và giám khảo gọi là nội trường, các công phân khảo và chánh, phó chủ khảo thì là ngoại trường - Chữ "nội" và chữ "ngoại" đó chỉ là nói theo chỗ ở của các ông ấy. Bởi vì, trong khi đóng ở trong trường, các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo đều ở lớp trong, mấy ông phân khảo và chánh, phó chủ khảo thì ở lớp ngoài. Có thể thôi - Tất cả quyền của học trò, đều phải đủ bốn dấu chấm.

Bắt đầu do ông sơ khảo chấm trước, thứ hai đến ông phúc khảo, thứ ba đến ông giám khảo. Thế là hết lượt nội trường, bấy giờ mới giao ra trả ngoại trường. Lúc này lại chia ra làm hai hạng: quyền nào mà trong ba dấu của nội trường, được có một dấu trở ra, phê cho chữ "ưu" hoặc chữ "bình" hay chữ "thứ mác", "thứ cộc" thì được đến tay các ông chánh, phó chủ khảo chấm lại; còn những quyền nào nội trường phê đủ ba "liệt", thì phải để ông phân khảo chấm lần cuối cùng. Trong một khoa thi, lấy ai, bỏ ai, đều là quyền của các quan ngoại trường. Bởi vậy, người ta mới trọng dấu chấm của mấy ông này hơn những dấu chấm của các ông nội trường.

Và cũng vì thế, người ta mới đặt lệ rằng: người nào đã lọt ba kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, ít nhất phải có một kỳ được có dấu của ngoại trường phê cho chữ "bình" trở lên thì mới được vào phúc hạch. Nếu trong các kỳ, không được ngoại trường phê "bình" bao giờ, thì dù các dấu nội trường đều phê "ưu" cả, cũng không được dự đến kỳ thứ tư.

Vân Hạc xen vào:

- Mới năm trước đây, bên Bắc có một ông tú, chỉ vì thiếu cái "bình ngoại" mà đến phải chết, thế có khổ cho người ta không?

Ngừng lại một lát, để nhìn ông chủ nhà trọ, rồi chàng nói tiếp:

- Ông đó là bậc danh sĩ, vừa thông minh, vừa tài hoa, ngoài hai mươi tuổi, đã đỗ tú tài. Tại ông ta học ở Hà Nội, cho nên học trò Hà Nội nhiều người biết mặt và ai cũng phục là tài thám bảng. Khoa ấy, ông ta vào thi, suốt cả ba kỳ đều có làm giúp cho một người bạn cùng tỉnh, vì người bạn đó sức học hầy còn kém lắm. Nhưng đến kỳ phúc hạch người bạn được vào, ông ta bị hỏng. Rồi khi ra bảng, người bạn lại đỗ cử nhân đội bảng, ông ta cũng đỗ tú tài lần nữa, và đỗ thứ bảy: nghĩa là đề được nhiều người đã vào phúc hạch mà phải đánh xuống. Việc trường xong rồi, có người lại phòng lấy được tất cả các quyển trong ba kỳ của ông ta đem về cho ông ấy coi. Thì ra kỳ nào quyển của ông ta cũng đủ ba dấu nội trường phê "bình" song đến ngoại trường, thì đều phê "thứ" tất cả. Bởi thế. ông ta mới không được vào phúc hạch. Nhưng mà đến lúc sắp thứ tự của các người đỗ, người ta lại lấy những quyển được có nhiều dấu "ưu", "bình" là hơn. Người khác phần nhiều chỉ được một hai dấu "bình" ông ta cộng cả ba kỳ được chín dấu "bình" cả thảy. Vì vậy, ông ta tuy là đỗ lại tú tài, nhưng vẫn được đỗ rất cao. Sau khi được thấy các quyển của mình, ông ta uất quá, sinh ra cảm khái, chơi bời suốt đêm, suốt ngày, hết chè rượu lại đến tổ tôm.

Khoa dó thi vào tháng bảy, xong thì ước chừng vào giữa tháng tám, ông ta lu bù cho đến gần tết, người cứ mỗi ngày mỗi rạc dần dần. Sang đến tháng giêng thì thổ ra huyết rồi chết. Anh em nghe tin, ai cũng thương tiếc.

Đoàn Bằng cũng ngó ông chủ nhà trọ rồi kết:

- Đó ông coi đó, được vào phúc hạch đã chắc gì đâu.

Câu chuyện vừa dứt, ánh nắng vừa ra nửa thềm.

Lớp gạch thêm, hiện ra một dải trắng như chỉ đặt và vàng như tấm lụa mọc.

Trời đã gần trưa, cả bọn Vân Hạc xắn sửa khăn áo để lên cửa trường xem bảng. ông chủ nhà trọ tung tăng đi mua đồ rượu bữa chiều.

Chương XIV

Mặt trời vừa ở ngọn cây nhòm xuống, như muốn cười với nhân gian. Trên đường thỉnh thoảng đã có từng lũ học trò, lẻ tẻ kéo về. Lúc ấy, bọn Vân Hạc mới tới trước cửa trường thi.

Vì không ai ngờ Đốc Cung có thể bị "ra bảng con" cho nên cả bọn xăm xăm tới dưới bảng lớn.

Kỳ này chỉ có một bảng "yết tên" treo ở cạnh cửa giáp. Tuy là kỳ cuối cùng, nhưng số học trò "được vào" cũng còn đến hơn trăm người. Thoạt coi đầu bảng, thấy tên Đoàn Bằng, ai nấy đều vỗ tay reo. Cách vài dòng nữa, đến tên Vân Hạc. Rồi cuối bảng, thì tên Tiêm Hồng. Riêng tên Đốc Cung, tìm đi hăm lại mấy lần không thấy. Bấy giờ Đốc Cung mới càng chột dạ. Cả bọn đều tỏ ra vẻ ái ngại. Đốc Cung nói bằng giọng liều:

- Có lẽ họ cho mình ra bảng con thật chắc!

Đoàn Bằng nhất định không tin:

- Chẳng có lý nào như thế.

Vân Hạc cố trêu Đốc Cung:

- Lý nào cái đó? Hễ viết vô ý một tí, thì được nêu tên bảng con, chứ có khó gì?

Rồi đó, chẳng ai bảo ai, cả bọn đều đi đến cạnh bảng con.

Cái bảng mới xấu làm sao! Nó là một mảnh cốt cũ, quét vôi nhom nhếch như một tấm mái nhà mồ, bề ngang chừng hơn ba gang, bề dọc độ gần ba thước.

Người ta treo nó trong cái nhà bảng lụp xụp, mặt bảng chỉ độ ngang với mặt người.

Nhác trông trên bảng, Vân Hạc liền kêu giật giọng.

- Thôi chết! Có tên anh Cung thật rồi.

Mọi người ngơ ngác nhìn theo. Trong bảng có chừng mười mấy tên người. Người thì phạm húy, người thì "khiếm đài", người thì viết không đủ quyền... mỗi người mỗi tội khác nhau. Tên của Đốc Cung liệt ở giữa bảng, dưới có bốn chữ "cổ văn khiếm ty" viết nhỏ theo lối chú cước, đối với bốn chữ "Hà Nội, Trúc Lâm".

Tất cả bốn người sắc mặt đều thấy tái mét. Vân Hạc sẽ hỏi Đốc Cung:

- Chắc là trong quyền của anh có chỗ dùng phải những chữ trùng với tên lăng, tên điện của nhà vua mà anh không biết.

Đoàn Bằng trả lời:

- Không có! Sáng nay tôi đã xem đi xem lại bản giáp của bác ấy rồi. Chẳng có chỗ nào khiếm ty.

Vân Hạc vẫn ngó Đốc Cung:

- Nhưng mà bản giáp của anh có đúng như trong quyền thi hay không?

Đốc Cung đáp bằng giọng cả quyết:

- Đúng lắm. Đúng từ những chỗ "đồ di câu cải" trở đi. Có đều trong quyền viết chữ chân phương, bản giáp thì hơi đá thảo một chút.

Tiên Hồng nói xen:

- Nếu vậy, thì bác phải làm ngay giấy khiếu oan, đưa vào trong trường, để xin quan trường xét lại.

Đốc Cung ra vẻ tự phụ:

- Khiếu làm cái gì? Hồng khoa này lại thi khoa sau, chẳng tội gì mà cày cục?

Đoàn Bằng gạt đi:

- Bác nói tuy vẫn có lý, nhưng học trò đi thi mà phải nêu ra bằng con, cũng là một sự mang tiếng, có khi còn để lụy cho các quan huân giáo hạt mình nữa chứ! Bởi vậy tôi tưởng bác nên khiêu oan, để rửa cái tai tiếng kia.

- Khiêu oan là phải. Nhưng cũng hãy nên coi lại bản giáp lần nữa cho thật cẩn thận xem rằng có đích là mình bị oan hay không.

Tiêm Hồng khen phải. Lập tức cả bọn kéo về nhà trọ.

Bấy giờ ở các đường phố, học trò đã đương nhao nháo kháo nhau về chuyện Đốc Cung phải ra bằng con.

Mỗi khi gặp người quen biết hỏi thăm, Đốc Cung tưởng mỗi nhời nói của họ là một mũi giáo đâm vào ruột mình. Nhưng chàng cũng chỉ đáp lại bằng một nụ cười, vì không biết trả lời thế nào cho phải.

Tới nhà, Đoàn Bằng giục luôn Đốc Cung lấy ngay bản giáp của chàng đưa cho mình coi. Cả bọn xúm lại trên mảnh giấy, giờ suốt từ đầu đến cuối, chẳng thấy "khiếm ty" chỗ nào. Sau cùng đến lượt Vân Hạc. Coi một lần trước cũng không thấy gì, nhưng còn hồ nghi, chàng lại coi thêm lần nữa. Khi giờ đến tờ thứ tư, Vân Hạc chỉ tay vào một dòng chữ và nói bằng một giọng kinh ngạc:

- Còn oan gì nữa, chẳng "khiếm ty" thì cái gì đây?

Mọi người đều nhìn theo chỗ Vân Hạc đã chỉ, thì thấy có mấy chữ rằng:

"Tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thử tai".

Lúc ấy ai nấy thất sắc, Đốc Cung vỗ tay xuống phản và nói hai tiếng vắn cộc:

- Con chó!

Rồi chàng lại thuận vẻ mặt và cười:

- Bốn người tìm mãi từ sáng đến giờ mới thấy, thế mà trong lúc chăm văn nhanh như ăn cướp, quan trường cũng bới ra được, thật là thánh quá. Hồng thì hồng, tôi cũng bái phục cái tài xoi mói của các ngài ấy.

Thêm Hồng ngắt lời:

- Không phải là các quan trường có ý bới móc. Bởi tại mệnh lệnh nhà vua giao cho như vậy, nếu không làm hết chức vụ, tất nhiên tội sẽ đến thân. Ngày xưa, biết bao nhiêu ông khảo quan chỉ vì chăm văn sơ xuất mà bị phạt bổng, giáng cấp, có ông còn bị cách chức nữa kia!

Đoàn Bằng an ủi Đốc Cung:

- Thôi, bác cũng đừng phàn nàn. Chúng ta còn đương niên thiếu lực cường, tiền trình còn dài, chẳng đỗ khoa này thì đỗ khoa khác. Miễn là bác đừng ngã lòng.

Đốc Cung vẫn ngông:

- Tôi chẳng ngã lòng chút nào. Lương Hiệu nhà Tống tám mươi hai tuổi còn thi và còn đỗ được trạng nguyên, nay tôi mới hai một tuổi, chưa đỗ cũng chưa là muộn. Chỉ hiềm bản triều không lấy trạng nguyên mà thôi.

Vân Hạc cố ý trêu ghẹo:

- Tôi cũng chắc anh phải đỗ, nếu mà trời cho học lực của anh được bằng người ta.

Đốc Cung cũng trả miếng bằng giọng bông đùa:

- Vậy còn anh nữa? Không biết năm nay học lực của anh đã bằng người ta hay chưa?

Vân Hạc chưa kịp trả lời, ông chủ nhà trọ vừa ở nhà dưới đi lên và nói lễ phép:

- Vì bận sai bảo chúng nó làm mấy món ăn, cho nên từ nãy đến giờ, tôi chưa kịp hỏi chuyện các ngài. Thế nào? Bốn ngài được "vào" cả chứ?

Đốc Cung chỉ vào anh em Vân Hạc và đáp:

- Cả ba ông này đều "vào", chỉ có một mình tôi hỏng. Đúng như lời ông nói lúc sáng ngày, tôi bị nêu ra bằng con thật!

Ông chủ nhà trọ đường định tìm câu an ủi Đốc Cung, nhưng chưa tìm được, ngoài cổng bỗng có tiếng người là lạ:

- Búi tiên sinh vẫn còn ở đây đấy chứ?

Đốc Cung lầm bầm với Vân Hạc:

- Thằng nào mà hỏi đến vậy. Chắc nó tưởng mình bị hỏng, đã xách khăn gói cút rồi.

Rồi chàng nói chớ ra cổng:

- Tiên sinh còn đây. Ai muốn hỏi gì thì vào trong này.

Ông chủ nhà trọ lật đật chạy ra đón khách. Có phải ai đâu. Cậu Trần Đức Chính hôm nọ.

Giữa lúc Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng ngẩng lên nhòm, Đức Chính đã ở ngoài sân tiến vào với một dáng điệu bạo dạn, khác hẳn cái bộ rụt rè khúm núm trong lúc hắn đi thuê người làm văn.

Cả bọn cùng đứng dậy chào.

Sau khi Đốc Cung đã lần lượt nói tên người nọ với người kia, Đoàn Bằng mời Đức Chính cùng ngồi vào chỗ mọi người đang ngồi. Vân Hạc sẽ hỏi Đức Chính:

- Cậu có được "vào" hay không?

Đức Chính đáp bằng vẻ mặt sung sướng:

- Không, tôi bị hỏng.

Rồi hắn nhìn sang Đốc Cung:

- Chết chưa? Sao ở bằng con tôi lại thấy có tên ông?

Độc Cung cười nhạt:

- Viết văn không cẩn thận, thì phải nêu ra bằng con, chứ có lạ gì sự đó?

Đức Chinh nói tiếp:

- Vậy ông phạm phải lỗi gì? Không phải là phạm húy chứ?

- Không. Có phạm húy đâu? Tôi phạm vào tội "khiếm ty". Vì ở đoạn văn nói về đời Đường của tôi, lỡ viết phải câu "tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thù tai".

Ông chủ nhà trọ đứng ở bên cạnh, có ý lấy làm kinh ngạc, liền hỏi:

- Thưa ông câu ấy là nghĩa thế nào?

Độc Cung đáp:

- Nghĩa là "xã tắc nhà Đường lâu dài đến ba trăm năm, há chẳng phải nhờ ở điều đó hay sao?" ông chủ nhà trọ càng lấy làm lạ:

- Như thế thì có can gì mà đến phải nêu bằng con?

Đức Chinh hòa theo:

- Chắc là ông bị cái lỗi gì khác, chứ như câu ấy thì có việc gì?

Độc Cung chỉ cười không trả lời. Đoàn Bằng rõ rõ cắt nghĩa:

- Phải đấy, ông Cung phải nêu bằng con là tại câu đó. Bởi vì theo phép bản triều, học trò đi thi chẳng những phải kiêng khinh húy, trọng húy của nhà vua:

mà đến những chữ tên các cung điện, lăng tẩm trong kinh bấy giờ, cũng đều không được dùng đến. Ví như lăng ông Gia Long tên là Thiên thụ, thì khi làm văn không được viết chữ Thiên thụ. Hay như ở trong hoàng cung có điện Cần chánh thì chữ Cần chánh cũng không được dùng làm văn... Nhưng chỉ kiêng ở văn cổ mà thôi.

Đức Chinh cố làm ra bộ thạo việc trường ốc:

- Tôi cũng biết thế, nhưng trong hai câu của Bùi tiên sinh có chữ nào phạm lệ đó đâu?

Đoàn Bằng nói tiếp:

- Có chứ. Chữ "trường" và chữ "ninh".

Ông chủ nhà trọ vội hỏi:

- Thưa ngài, thế hai chữ ấy cũng phạm húy ư?

Đoàn Bằng lắc đầu:

- Không, Trường Ninh là tên cái cung nào đó. Hình như là cung của Hoàng thái hậu vẫn ở thì phải.

Đức Chính ra vẻ ngơ ngác:

- Quái lạ, trong hai câu của Bùi tiên sinh, làm gì có chữ trường ninh.

Vân Hạc phì cười và nói:

- Vậy thì cậu thử đọc lại xem nào.

Đức Chính lẩm nhẩm lần nữa:

...thử tai? "

Rồi hần vồ đuôi đánh đét:

- À! Phải rồi! Có thật! Chữ trường ở cuối câu trên, chữ ninh ở đầu câu dưới.

Và hần lại hỏi:

- Tôi tưởng về những chữ tên lăng tẩm cung điện nhà vua, chỉ có khi nào hai chữ cùng ở một câu mới là phạm cấm. Mỗi chữ mỗi nơi như thế cũng phải kiêng ư?

Tiêm Hồng nói góp:

- Bởi vì hai chữ tuy ở hai câu, nhưng nó đứng liền nhau thì cũng như ở một câu, cho nên cũng là có tội.

Ông chủ nhà trọ nhanh mồm lè lưỡi và tỏ ra vẻ kinh sợ:

- Trời ơi, rắc rối quá chừng. Cứ như chúng tôi, thì tránh cho hết hàng trăm chữ húy cũng đã khó thay, huống chi lại còn những cái oái ăm ấy nữa. Vậy mà các ngài đều tránh được cả, tôi xin phục là ông thánh.

Đoàn Bằng lài tiếp:

- Có phải chỉ thế thôi đâu? Lại còn cái nạn "khiếm trang" mới đáng sợ chứ.

Đức Chinh cũng như ông chủ nhà trọ, chỉ ngồi ngẩn mặt, hình như có ý chờ nghe. Đoàn Bằng nhòm vào ông chủ nhà trọ và hỏi:

- Chắc ông chưa rõ khiếm trang là gì?

Rồi thầy liền giảng:

- Khiếm trang nghĩa là thiếu sự kính trọng. Theo đúng lệ đó, thì hết thảy những chữ có nghĩa không hay, như "bạo" là "tợn", "hôn" là "tối", "cách" là "đám", "sát" là "giết" v.v... không được đặt trên các chữ có nghĩa là vua, như là chữ "hoàng đế", chữ "quân", chữ "vương", chữ "chủ"... vì nếu để chữ "cách" liền với chữ "quân" thì nó sẽ có nghĩa là "đám vua", mà để chữ "bạo" liền với chữ "chủ" thì nó phải có nghĩa là "ông vua tàn bạo". Dù mà mình không chỉ vào vua nào, hay là mình đã chỉ đích vào những hạng vua vô đạo của Tàu ngày xưa, như bọn vua Kiệt, vua Trụ chẳng hạn, cũng là khiếm trang tất cả.

Đến lượt ông chủ nhà trọ:

- Khiếm trang sẽ bị tội gì?

Vân Hạc nhìn vào Đốc Cung rồi cười và đoán:

- Nhẹ hơn "khiếm tỵ" một chút, nghĩa là chỉ bị đánh hồng, không có hân hạnh được ra bảng con như Bùi tiên sinh nhà tôi.

Tiêm Hồng không bằng lòng sự bông đùa của Vân Hạc, vội vàng nói cho lấp đi.

- Năm xưa, một ông tú tài ở tỉnh Đông, bạn thân của anh cả tôi, cũng xuýt bị tội về cái nạn đó.

Những lại một lát để nhìn Đức Chinh và ông chủ nhà trọ, Tiêm Hồng lại tiếp:

- Khoa ấy - tôi không rõ là khoa nào - ông ấy đã vào đến kỳ thứ ba. Trong bài văn sách của ông ta có câu như vậy: "Xuân sinh thu sái. để đạo dữ thiên đạo nhi **tịnh hành**". Thế mà cũng bị quan trường cho là khiếm trang. Rồi quan ngoại trường ngự sử lại hạch thêm rằng: tú tài đi thi mà còn phạm vào kỵ húy, thì nên phạt cho thật nặng. May nhờ được quan chủ khảo có lượng khoan đại, ngài phải hết sức bênh vực, ông ta mới được khỏi tội. Nhưng mà cũng phải đánh hồng.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngẩn:

- Vậy thì, thưa ngài, nghĩa đen câu ấy ra sao?

Tiêm Hồng đáp:

- Có gì đâu? Nghĩa nó chỉ là "Mùa xuân sinh ra, mùa thu thu lại, việc của đời "đề" cũng đi đôi với việc của ông trời". Có thể thôi.

Đức Chinh vẫn chưa hiểu và hỏi:

- Song mà trong bấy nhiêu chữ người ta ghép những chữ nào có tội khiếm trang.

- Chữ "sái" và chữ "đề". Chữ "sái" chính nghĩa là thu đáng lẽ cũng không xấu xa, gở độc gì cả. Chỉ vì bản thể của nó nguyên ở chữ "sát" là "giết" mà chuyển âm ra.

"Sái" với "sát" đọc tuy khác nhau, nhưng mặt chữ cũng vẫn là một, cho nên đặt chữ "sái" liền với chữ "đế" tuy rằng mỗi chữ ở mỗi câu, người ta cũng có thể nhập lại làm một đọc nó ra "sát đế". "Sát đế" nghĩa là "giết vua", như thế tức là khiếm trang, chứ gì.

Ông chủ nhà trọ đứng dậy, chấp tay vái lia, vái lia:

- Thôi! Tôi xin lạy cả nón. Phúc tổ nhà tôi, làm sao lúc học dốt quá, đành phải bỏ học đi cày. Nếu như tôi sáng dạ một chút, mà cố theo đuổi để được cấp quyền vào trường với các ngài, thì chắc suốt đời bị tội!

Và ông ấy nói thêm:

- Nghe chuyện các ngài, làm cho tôi càng thêm sợ. Vậy xin phép các ngài, tôi đi giục nó làm cơm kéo muện.

Rồi thì ông ta quay mặt đi ra, Đốc Cung hình như đã thấy nóng ruột về cuộc chuyện phiếm, chàng ngoảnh sang phía Đức Chinh và hỏi:

- Cậu đến chơi hay có việc gì cần hỏi chúng tôi?

Đức Chinh mỉm cười như đương có chuyện đặc ý:

- Tôi muốn mời ngài đêm nay đi chơi giải buồn. Bởi vì chúng mình cùng phường "hồng" với nhau.

Đốc Cung cũng cười:

- Đa tạ cậu có hảo tâm. Nhưng tôi bây giờ ruột gan đương bồn chồn, còn thiết gì đến chơi bời? Vậy xin lỗi cậu để cho khi khác. Chúng ta còn nhiều lúc gặp nhau. Vội gì?

Đức Chinh vẫn kéo nèo:

- Cố nhiên thi hồng ái cũng phải tức, huống chi chúng mình đã lẻo đẻo vào đến tam trường. Tôi cũng cay đắng trong ruột, có lẽ còn hơn ngài nữa. Vì vậy, tôi muốn mời ngài đi chơi cho khuây.

Độc Cung nhất định từ chối:

- Thôi cậu miễn cho. Từ sáng đến giờ tôi thấy trong người hơi mệt. Nếu lại thức đêm, tất nhiên sẽ thành ốm nặng...

Đức Chinh nói thêm vài câu tào lao, rồi hắt đứng dậy từ biệt.

Thằng nhỏ vừa bung rượu đặt vào giữa phản, sau khi nó đã trịnh trọng xin phép mấy ông khách trọ.

Cũng như sáng ngày, ông chủ nhà trọ, lại đến gãi tai mời chào, rồi tự lảng đi nơi khác.

Cả bọn bấy giờ mới thay khăn áo, rồi cùng ngồi vào mâm.

Trong lúc chén thù chén tạc, Độc Cung tuy cũng có vẻ cảm khái, nhưng vì Vân Hạc thnh thoảng lại chêm một câu bông đùa rất có ý vị, cho nên quang cảnh vẫn vui vẻ như tết.

Mặt trời đã xế. bóng nắng leo lên nửa tường của tòa nhà trước sân, bấy giờ cuộc rượu mới tan.

Mấy tuần trà nước đã tàn, Độc Cung cất tập giấy giáp bài vào tráp, rồi chàng ra mắc nhắc lấy khăn áo bỏ xuống chiếu.

Đoàn Bằng vội hỏi:

- Bác ở đây chứ? Đi đâu bây giờ?

Độc Cung đáp:

- Vâng, tôi ở đây. Có lẽ tôi sẽ ở mãi đến ngày xướng danh. Bởi vì tôi tuy hỏng, nhưng mà các bác "vào" cả, thì cũng còn vui, tôi phải ở lại để mừng các bác. Có điều ngày mai các bác được đi vào trường, tôi ở nhà một mình, chắc là không thể chịu nổi. Vì vậy...

Đến đây, chàng bỗng ngừng lại để đưa ra một nụ cười:

- Vì vậy tôi muốn xin phép các bác, đêm nay xuống thăm Hàng Lờ cho đỡ buồn...

Rồi chàng vội cúi mặt xuống, như muốn giấu kín những giọt nước mắt đang thập thò ở đầu con mắt.

Vân Hạc lại trêu:

- Mà khóc đó Cung?

Đoàn Bằng vội ngăn:

- Sao chú lại cứ bông đùa mãi thế.

Và với vẻ mặt rất cảm động, thầy quay lại nhìn Đốc Cung.

- Hôm nay thì tôi không dám can bác. Nhưng đến chiều mai, bác lại về đây, để cho chúng tôi đi với!

Vân Hạc lại hỏi Đốc Cung:

- Thế sao Trần Đức Chính đến mời, anh không đi luôn với hấn?

Đốc Cung lại cười:

- Đi chơi với thằng tục tử ấy có gì là thú? Vả lại, nghe lời hấn nói, tôi đã sinh ghét. Hồng thì cũng có năm, bảy thứ người, hấn bì với tôi được à? Thế mà bấy giờ hấn dám nói rằng: "chúng mình cũng là "phường hồng" với nhau". Như vậy, anh bảo có tức hay không?

Vân Hạc cũng cười:

- Kể cả cũng đáng tức thật. Nhưng mà anh hơn gì hấn? Anh tam trường, hấn cũng tam trường. Và chưa biết chừng, có khi mai kia hấn sẽ đỗ được tú tài cũng nên.

Tiêm Hồng lắc đầu:

- Khó lòng lắm. Tuy rằng người hồng tam trường cũng có thể đỗ được tú tài. Nhưng khoa này cả trường Hà Nội chỉ lấy hai bốn cử nhân, theo lệ "nhất cử tam tứ" thì được bảy hai ông tú tài nữa. Thế là kể cả tú tài, cử nhân, cả trường mới có chín mươi sáu người. Nếu nhà vua có gia ân mà lấy thêm nữa. chẳng qua cũng đến trăm người là cùng. Vậy mà sáng ngày coi ở trên bảng, số vào phúc hạch đã được hơn một trăm rồi. Thế thì khi nào tú tài còn đến phần hần?

Độc Cung họa theo:

- Phải! Nếu hần mà đỗ, thì cũng đáng buồn cho cuộc thi cử.

Vừa nói, Độc Cung vừa thúng thảng rửa mặt chải đầu, coi bộ như một người đương có việc gấp. Sau khi đội khăn mặc áo chỉnh tề, chàng lại mỉm cười với bọn Đoàn Bằng, Tiêm Hồng.

- Xin chúc các ngài ngày mai viết cho linh lợi! Tôi đi, chiều mai hoặc sáng ngày kia thì lại về đây.

Anh em Vân Hạc ai cũng có vẻ ái ngại, nhưng không ai dám nói thêm câu gì, vì sợ khêu mồi đau lòng cho bạn.

Trời đã chiều cả. Ngoài phố lác đác có tiếng hàng quà đi rao.

Ông chủ nhà trọ tất tả vào giục các ông khách trọ giao hết lều chõng cho mình sắp sửa. Là vì kỳ này học trò đã vắng. Những ai được vào, đều phải đem lều chõng nộp sẵn từ chiều hôm trước, để lính thể sát đóng cho, ngày mai chỉ việc vào đó mà ngồi, không phải lôi thôi gì nữa. Ông chủ nhà trọ đã quen lệ đó, nên mới giục. Tức thì Vân Hạc kiểm điểm các thứ đồ đạc của hai anh và mượn lều chõng của Độc Cung vì lều chõng của chàng kỳ trước bỏ không đem về đưa nhờ ông chủ nhà trọ bó buộc đâu đấy. Rồi chàng lấy ba mảnh giấy viết tên ba người dán vào mỗi bộ áo lều một mảnh, và giao cả cho thằng nhỏ đưa lên cửa trường. Ở đấy đã có một người lại phòng thu nhận.

Trong thành bắt đầu nổi trống thu không. Tiếng chuông ở các chùa xa vắng vắng đưa lại.

Trời nhá nhem tối. Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng giục Vân Hạc soát lại ống quyển, hộp mực, giấy bút và các đồ vật để ngày mai vào trường.

Chương XV

Nửa đêm hôm qua hãy còn gió bắc mưa phùn, hơi lạnh thấu xương, nằm trong chăn tưởng như nằm trên vũng nước. Nhưng từ gà gáy thứ nhất trở đi, thành linh quay ra gió nồm. Khí lạnh bị tống bớt về các rừng núi nẻo Tây Bắc, Hà Nội dần dần hồi lại trong cảnh ấm áp. Sau khi vùng đông đỏ như vùng lửa đã thiêu tan hết bức màn nặng nề u ám của sương mù, bầu trời mỗi lúc một thêm sáng sủa. Tuy là tiết đầu tháng một, vẻ kiêu mỹ không khác quang cảnh một buổi mai của tháng đầu xuân.

Anh em Vân Hạc xong tiệc điểm tâm, ánh nắng đã lóng lánh nhuộm các ngọn cây vàng úa. Bấy giờ ai nấy mới sắm sửa quần áo và các đồ đạc để vào trường.

Lần này cái vai đã được nhẹ nọ, vì nó không phải đeo chông và lều. Nhưng trách nhiệm cái cổ vẫn chưa bớt đi chút nào, ống quyển, bầu nước và tráp hoặc yên vẫn còn thi nhau búi chặt lấy cổ mà lũng lẳng đánh đu xuống ngực và bụng.

Kỳ này chỉ thi trong một vi giáp. Tuy số học trò được vào có hơn một trăm, nhưng ngoài cửa vi cũng thấy bóng người đông nghịt. Bởi vì, ngoài các thí sinh, còn có phụ huynh tôn tộc của các ông "ngập nghề tân khoa" cũng kéo tới đó để dự hưởng cái vinh dự trong cuộc đắc thắng của người nhà mình.

Tan một hồi trống khải đồng đặc điểm trong nhà Thập đạo, cửa trường mở rộng, tàn lọng cò quạt linh đình rước lá cờ khâm sai và ông chủ khảo từ trong trường ra chiếc ghé treó ngoài cửa. Cái loa và các lính tráng lại chiếu lệ làm việc phận sự.

Bây giờ học trò không phải chen chọi vất vả như các kỳ trước. Người nào đã được cái loa nhắc đến tên mình, người ấy có thể ung dung tiến đến cửa trường, không bị ngàn cản chi hết. Nhưng mà bọn lính thể sát lại phải làm thêm một việc. Sau khi khám xong đồ đạc của người nào, họ còn phải dẫn người ấy đi đến dãy lều mà họ đã cấm từ tối hôm trước, rồi bảo người ta vào lều mà ngồi.

Cuộc gọi tên lần này rất ngắn, mới độ nửa giờ đã xong. Công việc sắp đặt trong vì cũng có trật tự hơn trước Cả vì chia làm chừng hơn mười dãy, các dãy song song từ nhà Thập đạo ra đến bức phen ngoài cùng. Dãy nọ cách dãy kia độ năm sáu thước. ở giữa hai dãy giáp nhau, đều có cái khe rất rộng để làm đường đi. Mỗi dãy chỉ có đúng mười cái lều, cái nọ cách cái kia cũng độ năm thước trở lại. Vì muốn giữ cho người ở lều này khỏi nhòm thấy người ở lều kia, các lều đều cắm theo hình chữ "công", một cái nằm ngang, lại đến một cái nằm dọc.

Lều của Vân Hạc ở số 31, nằm ngay đầu dòng thứ tư, giáp với bức rào của nhà Thập đạo. Trong lúc người lính thể sát dẫn chàng tới đó và chỉ cho biết một mảnh giấy trắng có đề ba chữ tên chàng dán ở cửa lều, Vân Hạc có ý nhìn ở các dãy, xem rằng lều của Đoàn Bằng đóng ở chỗ nào - vì Đoàn Bằng đã vào trước chàng một lát. Nhưng mà không thấy bóng anh ở đâu, chàng bèn chui vào trong lều, lục các đồ đạc lật vật bỏ ra mặt chõng, rồi giờ bộ đồ đánh lửa, hì hục đập đá vào sắt lấy lửa hút thuốc. Thành linh nhớ đến Đốc Cung, bụng chàng càng thấy bồi hồi khó tả. Vì theo ý chàng, Đốc Cung cũng là bậc văn chương xuất sắc có thể đồ to. Chẳng ngờ vì hai chữ vô ý mà đến phải ra bảng "con" thật là đáng tiếc.

"Thì ra văn hay chữ tốt, cũng chưa chắc đỗ. Có lẽ cái việc đồ hỏng, còn quan hệ ở sự may rủi nữa chăng".

Chàng đương vờ vẫn nghĩ quanh, trên chòi của quan ngự sử ngoại trường, bỗng nổi một hồi trống cái rất hùng dũng. Biết là sắp có đầu bài, chàng quen như lệ mọi kỳ, đã toan sắp sửa giấy mực ch đến nhà bảng, thì ở trên chòi lại có tiếng loa ậm ọe:

"Bớ toàn sĩ tử? Ai nấy ở yên trong lều, chờ hình đầu bài?" Tiếng "bài" vừa dứt, quan đề điệu vừa ở trên nhà Thập đạo đi xuống với chừng hơn mười người lính, mỗi người trong tay có một tập giấy. Bọn lính chia ngả đi thẳng đến các dãy lều, quăng cho mỗi lều một mảnh giấy chữ.

Đó là giấy sao đầu bài. Vì kỳ này học trò đã thừa, đầu bài ra rồi, lại phòng liên phải xúm lại sao thành nhiều bản, rồi quan chủ khảo giao quan đề điệu đem đi phát cho mỗi người một bản, chứ không dán ở nhà bảng như các kỳ trước.

Lều của Vân Hạc ở ngay đầu dãy, nên chàng nhận được giấy sao trước các lều khác.

Ở trong mảnh giấy, tất cả chỉ có ba bài, một bài Kinh nghĩa, một bài phú và một bài văn sách. Trong ba bài đó, trừ bài kinh nghĩa phải viết cụ thể, còn hai bài sau, đều nhẹ hơn các kỳ trước. Bài phú chỉ có ba "vận", còn bài văn sách cũng độ năm sáu câu hỏi mà thôi.

Đây là thể lệ của phép thi mới. Theo như mấy khoa gần đây, thì kỳ phúc hạch của trường thi hương, cũng có ý nghĩa sát hạch lại các kỳ trước. Vì vậy, nó phải đủ các món văn của mấy kỳ kia để cho khảo quan có thể tựa vào các loại văn đó mà xét khiếu văn và sức học của từng người. Với các người khác, thì những đầu đề kỳ này, nói riêng từng bài, tuy có nhẹ thật song hợp cả lại thì lại rất nặng, vì nó gồm đủ văn thể của ba kỳ.

Nhưng với Vân Hạc thì chẳng có gì là nặng. Là bởi trong khi tập văn ở nhà, chàng vẫn nổi tiếng là người "học đều" bất kỳ thơ phú, kinh nghĩa văn sách, hay món gì khác, món nào chàng cũng hơn người, anh em đồng học ít khi theo kịp.

Bởi vậy, trong khi ngó vào mấy cái đầu bài, thái độ của chàng tỏ ra cực kỳ ung dung.

Khi đã viết xong mấy dòng ở trang đầu quyền đề đi lấy dấu nhật trung, chàng bắt đầu nghĩ nốt các vế của bài kinh nghĩa, rồi đến bài phú, rồi đến bài văn sách. Vì sợ có chỗ lầm lẫn như của Đốc Cung, mà trong lúc vô tình, tự mình không biết, cho nên mỗi khi nghĩ xong bài nào, chàng lại cẩn thận giáp hết bài ấy ra một mảnh giấy, và còn soát đi, soát lại từng câu từng chữ, có khi đến từng nét nữa. Khi nào không thấy có chỗ đáng ngờ và không còn chữ nào đáng chữa, bấy giờ chàng mới viết vào trong quyền.

Viết xong hai bài kinh nghĩa và phú, mới chừng quá trưa, chàng tiếc thì giờ còn nhiều, muốn hãy để bài văn sách lại đó, nung đúc cho thật kỹ càng. Nhưng khi coi lại mấy lần, chàng thấy lời văn đã đành thép, không còn cách nào làm hơn, lúc ấy mới chịu cặm cụi viết nốt.

Kiểm lại trong quyển, không có chỗ nào xóa, sót, móc, chữa, theo đúng trường quy, thế là không phải viết "cộng quyển nội" ở cuối quyển nữa, bởi vì không có xóa, móc, chữa, thì "cộng" cái gì?

Lúc ấy không còn việc gì phải làm, chàng lại giở đá đánh lửa, rung đùi ngồi hút thuốc văt.

Một lát sau, trên chòi có trống thu quyển, chàng mới bỏ quyển vào ống, thu xếp đồ đạc vào tráp. Đáng lẽ chàng lại bỏ cả lều chõng lần nữa, nhưng vì bộ lều chõng này là của Đốc Cung, không phải của mình, nên chàng lại cố hì hục dỡ lên, bó lại, và đeo lên vai, rồi sang bên nhà Thập đạo nộp quyển. Bấy giờ mặt trời còn cao, hết thầy học trò còn đương làm văn chưa xong.

Ra khỏi cổng trường, vừa gặp thằng nhỏ nhà trọ đến đón, chàng trút hết thầy đồ văt trên vai trên cổ cho nó về trước, rồi mình đứng đỉnh đi sau. Thmh linh ở phía trước mặt nghe có tiếng người âm âm.

Một bọn chừng hơn mười người hung hăng tiến lên đằng trước, hàng xú xúm lại đi theo rất đông.

Trước luồng gió nhẹ, hơi rượu sặc sụa theo đám người đó tiếp tục bay lên. Nhìn thấy mấy ông đi trước, ông nào, ông ấy, sắc mặt đỏ như màu mặt trời, dáng đi lão đảo như kẻ đương lên đồng trượng. Họ nghiêng bên nọ, họ ngả bên kia, có người vừa đi vừa nôn thốc nôn tháo khắp cả đường cái. Rồi họ nhao nhao chỉ tay lên phía cửa trường:

- Văn ông như thế mà bị đánh hỏng, thật là một lũ không mắt.
- Đã đốt không châm nôi văn, thì về nhà mà ở với vợ. Sao lại dám đi châm trường?

Thì ra đó là những ông hỏng kỳ đệ tam. Không biết đổ lỗi cho ái, họ phải đổ cho quan trường.

Cứ một giọng hùng hồ vô lý như vậy, họ ôm vai nhau, nắm tay nhau, chắn ngang cả một đoạn đường, vừa đi, vừa thét. Nhưng đi vài bước họ lại lăn xuống dọc đường, thi nhau vừa khóc vừa gào:

- Ôi trời đất ơi! Nó đổ mà tôi bị hỏng, thì tôi còn mặt mũi nào trở về làng nữa. Ôi cha mẹ ơi! Nào tôi có làm điều gì thất đức, sao tôi cứ phải hỏng mãi thế này? Khốn nạn thân tôi, lẽ nào thi bao nhiêu khoa, bây giờ mới vào tam trường một khoa, không ngờ lại hỏng. Thôi công đến sách cũng là đổ cả xuống sông.

Gào chán, khóc chán, họ lại đành đập giầy ở mặt đường giống như những người ngộ gió. Trẻ con hàng xứ vỗ tay reo cười. Tiếng cười chua chát làm cho họ đều đứng phắt trở dậy, đuổi sấn đám người chung quanh và quát:

- Chúng bay cười gì?

- Có phải cười chúng ông dốt thì bảo?

Tan cuộc ra oai với lũ trẻ, họ liền nhặt lấy mỗi người một hòn gạch vỡ, hung hăng kéo lên nẻo cửa trường.

Vân Hạc biết là họ sắp sinh sự bậy bạ, chàng bèn cố len qua đám hàng xứ để đi ngược xuống. Vừa lùi thui cất bước, chàng vừa nghĩ thầm: "Không ngờ trong đám văn nho lại có những người liều lĩnh đến thế, không biết họ là học trò tỉnh nào?" Trên đường đã hết bóng nắng, chàng vừa lững thững đến phố hàng Đào, trước mặt lại có một đám người nữa cũng đang chiếm cả một khu đường đi.

Chắc đây cũng vẫn những vị anh hùng hỏng thi, chàng toan rẽ đi đường khác, trong đám chợt có tiếng người nói lớn:

- Việc này là cái nhục chung của sỹ lâm Hà Nội.

- Nếu không làm cho ra chuyện thiên hạ sẽ coi sĩ khí Hà Nội là cái trò gì?

Rồi lại có tiếng tiếp theo:

- Vậy ai đã đọc sách thánh hiền cũng phải biết có nghĩa khí, lẽ nào thấy việc như vậy mà đứng im!

Và lại có người phụ họa:

- Phải đó? Nó chửi một người. tức là nó chửi tất cả sỹ lâm. Nó đánh một người tức là nó đánh tất cả sỹ lâm. Chúng ta đều là người trong thanh khí, cần phải bênh vực lấy nhau. Tôi xin anh em cứ đến mà đánh cho chết cả nhà nó đi, bao nhiêu tội, tôi xin chịu cả.

Rồi đó người ta kéo ùa lên nẻo hàng Ngang, tiếng hô sỹ lâm mỗi lúc mỗi thêm dữ dội.

"Cái gì mà to chuyện vậy?" Vân Hạc đã toan đi theo, để xem họ làm trò gì. Sau chàng lại nghĩ: nếu là một việc nghĩa khí, thì mình cũng phải dự cuộc, không thể bó tay làm kẻ bàng quan. Nhưng nếu nó chỉ là chuyện tức giận vô lý của bọn nông cuồng, thì mình vào hòa làm chi cho đại, âu là ta hãy hỏi xem đầu đuôi ra sao cái đã? Rồi chàng quành sang lối khác trở về nhà trọ. Ông chủ, thằng nhỏ đều đi vắng cả. Trong nhà chỉ có mấy đứa bé con nhỏ lúi húi chơi ở trước sân và bộ lều chõng của chàng bỏ ở trên thềm.

Chàng vào trong nhà cởi khăn, cởi áo rồi tự bưng chậu ra bể múc nước rửa mặt.

Một lát sau, thằng nhỏ lễ mễ quảy hai bó lều khệnh khạng đi vào trong sân, nét mặt hớn hở nhìn vào Vân Hạc như có chuyện gì muốn nói. Nhưng nó còn chưa kịp nói, ngoài cổng đã có tiếng giày lẹp lẹp, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng về với một dáng bộ nghiêm trang, như mới bị có việc gì trái ý, Vân Hạc vội bỏ chậu nước và đứng lên chào. Cả hai người đều đổi ra bộ vui vẻ:

- Chú đã về rồi đấy à?

- Chú ở trường ra từ bao giờ?

Vân Hạc lễ phép:

- Em cũng vừa về đến nhà.

Ba người liền cùng bước lên nhà trên, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng vừa thay khăn áo vừa hỏi:

- Chú có gặp bọn say rượu ở ngoài cổng trường đấy chứ?

- Có ạ, em gặp bọn họ ở giữa đường.

- Ai ngờ sỹ lâm, lại có những hạng người vô hạnh như vậy? Ở nhà không chịu học hành, đến lúc thi hỏng lại định gây sự với quan trường... Danh giáo nào dung những hạng người ấy?

Vân Hạc cũng hỏi:

- Lại còn một bọn ở hàng Ngang nữa. Hai anh có gặp họ không?

Tiêm Hồng đáp:

- Không. Chúng tôi không thấy họ đâu. Nhưng mà thiếu gì! Trong kỳ đệ tam, số hỏng có đến hơn hai trăm người. Những ông ấy bây giờ còn đương phát điên phát cuồng. Hê họ tụ bạ ở đâu, thì sẽ nói bậy ở đây.

Vân Hạc tỏ vẻ nghi ngờ:

- Có lẽ bọn ở hàng Ngang không phải vì chuyện thi hỏng. Em nghe thấy họ luôn luôn nhắc đến sỹ khí, hình như có người bị ai làm nhục.

Đoàn Bằng có ý ngạc nhiên:

- Là nhĩ! Không rõ là việc gì thế?

Ông chủ nhà trọ ở đâu vừa về. Với một dáng điệu tất tả ông ấy vào thẳng trong nhà vừa thở hì hồ vừa nói:

- Các quan về sớm quá nhỉ? Đáng lẽ chiều nay tôi cũng lên đón các ngài, sau vì có người rủ đi xem việc lôi thôi ở phố Hàng Giấy, nên lại không lên, các ngài miễn cho!

Rồi ông ấy thêm:

- Đáo để! Các ông học trò hăng quá. Không khéo nhà bá hộ K. sẽ bị tan tành.

Vân Hạc nghe nói, đồ là việc đó cũng có liên can đến bọn học trò hàng Đào, chàng liền hỏi tắt:

- Câu chuyện đầu đuôi ra sao, cũng hãy kể cho chúng tôi nghe.

Ông chủ nhà trọ quay ra phía sân để gọi thằng nhỏ châm lửa thắp đèn và giục người nhà làm cơm mau mau. Rồi ngồi vào chiếc phản cạnh, ông ta ra giọng đặc ý:

- Có gì đâu? Chỉ tại một câu nói chua. Số là nhà bá hộ K..., các ngài chắc cũng đã biết, vốn là một nhà đại phú. Bởi khi buôn bán cũng có đồng chịu đồng trả, hoặc có giạt bọc vay mượn của ông ta, cho nên ở phố hàng Giấy cũng nhiều người nể. Ông ấy có người con gái, hình như tên là cô Kim, năm nay độ hai mươi tuổi, người cũng khá đẹp, còn đương kén chồng, cả ngày vẫn ngồi ngoài cửa bán hàng. Con cái nhà giàu ở đất kẻ chợ, phần nhiều quen thói khổng khảnh, huông chi cô nay đẻ ra đã sẵn có tính chua ngoa, thì còn coi ai ra gì? Thôi thì kẻ ăn người ở trong nhà, cho đến những khách ra vào mua bán, hễ ai mà nói thất ý nửa nhời, ấy là cô ta ngoan ngoắt nguyên rủa, có khi chửi trùm chửi lợp người ta nữa chứ. Vì vậy cả phố ai cũng phải sợ. Tình cò đến trưa hôm nay...

Tới đó ông ta ngừng lại để sai người nhà pha nước.

Vân Hạc cũng như nóng nghe, liền gặng:

- Đến trưa hôm nay làm sao?

Ông chủ nhà trọ hút tàn điếu thuốc rồi đáp:

- Đến trưa hôm nay, có ông học trò vào hàng hỏi mua giấy bút - Cứ nhiều người nói lại là ông đó hãy còn trẻ tuổi - chưa rõ quê quán ở đâu, cũng là số người hồng kỳ đệ tam và còn ở đây chờ bằng tù tài - Trong khi mặc cả, ông này có nói bông đùa sao đó. Cái đó kể ra cũng là sự thường. Vì "hoa thơm ai chẳng muốn vin". có phải thế không, thưa các ngài?

Anh em Vân Hạc chỉ cười không đáp, ông ta lại tiếp:

- Nhưng mà cô Kim là hạng chồng lớn có tiếng, đâu lại nghĩ nhữn như vậy? Khi thấy ông kia có ý trêu cợt cô này liền nổi tam bành, rửa luôn một thôi một thốc. Ông kia trước còn cố nhịn, sau thấy cô Kim làm già, ông ta phát cáu cũng phải mắng lại một cách rất phũ. Thế rồi hai bên thành ra xô xát. Người nhà cô này nhao nhao chạy ra, níu lấy ông đó, xé tan mất cái khăn lượt và cái áo the. Ông này vừa thẹn vừa tức, nhưng vì chỉ có một mình, không thể sao được. Lập tức ông ta chạy luôn về nhà trọ, thuật lại đầu đuôi với bạn cùng trọ và xin anh em rửa nhục cho mình. Trong nhà trọ tất cả mấy bọn, cũng có đến hơn mười người, nghe ông này nói ai nấy đều tỏ ra vẻ bất bình. Cả bọn liền kéo nhau đến trước cửa nhà bá hộ K. bắt đền khăn áo cho bạn. Giả sử bá hộ K. xin lỗi một câu, có lẽ người ta cũng thôi. Song nào có thế! ông ấy lại giở lý sự và nói những câu cực kỳ vô lễ. Thế mới ngu chứ!

Thằng nhỏ vừa bung siêu nước đến cạnh, ông chủ nhà trọ đứng dậy lấy bộ khay chén đặt sang giữa ghế.

Vân Hạc đón lấy ấm chén, vừa chuyên nước vừa để ý nghe. Tiêm Hồng hỏi:

- Ông bá hộ K. nói những thế nào?

- Trước hết ông ta vu vạ cho ông học trò kia đã vào cửa hàng ăn cắp. Rồi thì ông ta lên giọng kẻ cả, bảo học trò thi hồng toàn là những quân mất dạy. Sau hết, ông ta còn hỏi "chúng bay học trò thằng nào" và nói "ông thách thằng thầy chúng mày đến đây cũng không làm gì ông tốt..."

Tiêm Hồng tỏ ý tức giận:

- Như thế thì càn rỡ thật. Đánh cho chết đi cũng đáng!

Vân Hạc bưng chén nước đưa ông chủ trọ và nói:

- Ông hãy xoi nước cái đã.

Ông chủ nhà trọ đón lấy chén nước đặt xuống đầu ghê.

- Các ông học trò lúc ấy tức lắm, đã toan xông vào đánh cho ông bá hộ K. một trận. Nhưng mà ông ta chạy thụt vào trong nhà và gọi một lũ gia nhân vác gậy đồ ra. Những đứa gia nhân sức khỏe như voi, chúng đẩy bọn này ra mãi ngoài đường, có ông ngã sấp ngã ngửa, lớp ngóp mãi mới đứng lên được.

Chén nước đầu phản đã nguội, ông chủ nhà trọ nói tiếp:

- Thế rồi ông bá hộ K. sai lũ gia nhân đứng canh trước cửa và dặn hễ thấy đứa nào đến gần, cứ việc đánh cho mất mạng. Những ông học trò lúc này càng hăng, nhưng vì ít người không thể đối địch, các ông ấy bèn cắt một nửa ở đó để canh ông K, còn một nửa nữa, thì chạy tuốt về các phố nói cho bạn bè biết rõ tình đầu. Chỉ nửa giờ sau, học trò các nơi kéo đến tấp nập. Người nào người ấy, sắc mặt hầm hầm như ông Long thần. Ông bá hộ K. biết là thế nguy, liền sai người nhà đóng chặt cửa lại. Cả nhà trốn hết lên gác. Ngoài này học trò mỗi lúc mỗi đông, đứng chặt cả hai dãy phố. Lúc ấy tôi tưởng người ta sẽ cùng chửi bới nhà kia tàn tệ, cho hả cơn giận trong lòng. Té ra không, các ông ấy chỉ gọi ông bá hộ K. mở cửa để anh em hỏi câu chuyện lúc này đầu đuôi thế nào. Nhưng mà ông bá hộ K. nhất định không thừa. Tức quá mấy ông trong bọn giục nhau đi mượn rìu búa phá cửa mà vào. Giữa khi đó thấy có một đội lính tuần chừng hơn mười người, sầm sập tiến lại. Té ra trong lúc đóng cửa, ông bá hộ K. đã sai người nhà vượt qua tường hậu chạy vào trong thành cấp báo. Có lẽ đối với một đám học trò, lại toàn là hạng tam trường, các quan cũng có lòng nể. Vì vậy, quan tổng đốc chỉ phái một bọn lính tuần ra đó đề phòng những sự hành hung, chứ không đàn áp. Nhưng khi bị

lính ngăn cản, khí tức của các học trò lại càng như lửa thêm dầu, người ta bàn nhau phải kéo đồ nhà ông bá hộ K. để rửa cái nhục cho sỹ lâm rồi sẽ cùng đến cửa quan chịu tội. Nhờ bàn ấy đã được nhiều người khen phải. Và rồi học trò tới đó mỗi lúc mỗi đông, khi tới về đến đầu Hàng Đường, còn thấy một bọn độ vài chục người đồ lên nẻo phố Hàng Gạo, chắc cũng đi dự cuộc đó...

Tiêm Hồng ra bộ hả dạ:

- Đáng kiếp! Những đứa trọc phú phần nhiều vẫn hay láo hỗn vô lý. Có thể, chúng nó mới chừa.

Vân Hạc ra vẻ khảng khái:

- Nếu quả như vậy, thì việc này có thể là một nghĩa cử. Em muốn chạy lên. xem sao. "Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả"...

Đoàn Bằng vội vàng gạt đi:

- Chú nghĩ như vậy là lầm. Khi nào "danh chính ngôn thuận" mới gọi được là nghĩa cử. Đằng này, cứ theo như lời ông chủ nói đó, thì kỳ thủy nó chỉ là chuyện ve gái. Ở đời ve gái mà đến bị rửa, bị xé là sự đương nhiên, không nên bênh vực làm chi. Vì thân gái quý ở hai chữ đoan trinh, nếu bị trêu ghẹo, người ta có quyền kháng cự, không ai được trách chỗ đó. Thế mà trong lúc cái ông ve gái bị nhục về nhà cầu cứu, những người cùng trọ không lấy lẽ phải mà khuyên anh em, lại còn kéo nhau đến nhà người ta để hòng gây chuyện. Đó là tự các ông ấy đã bất chính rồi.

Vân Hạc nói xen:

- Đã đành như thế, nhưng mà lão bá hộ K. cũng hỗn láo quá!

- Phải rồi. Lão đó cũng hỗn láo quá thật đấy! Song vì những ông học trò có chỗ vô lý, thì hẳn mới hỗn láo chứ. Sao không trách mình lại cứ trách người là cái nghĩa gì? Và chẳng, lão đó nói càn mấy câu, anh em trừng trị như thế, cũng đã xứng đáng lắm rồi.

Không nên làm cho to việc ra nữa. Các chú thử nghĩ mà xem, bênh một người bạn chim gái mà đến hàng trăm học trò kéo đi phá nhà người ta, có thể gọi là "danh chính ngôn thuận" được không? Làm vậy thiên hạ hậu thế sẽ bảo chúng mình là hạng người gì?

Rồi thầy kết luận:

- Thôi! Chú có đi mà can anh em, thì hãy nên đi, nếu đi để vào đảng với các ông ấy thì tôi không bằng lòng chút nào.

Ông chủ nhà trọ tán thêm:

- Phải đấy! Các quan mới ở trường về, chắc còn mệt, không nên đi vội. Xin mời các ngài ở nhà xơi cơm, để tôi lại lên Hàng Giấy coi thư công việc thế nào, rồi tôi nói để các ngài nghe, nên đi hay không, lúc đó sẽ quyết định.

Mọi người đều cho là phải. Ông ta lại lật đật ra đi, sau khi đã xuống nhà dưới dặn bảo người nhà sắp sửa cơm nước.

Chừng nửa canh một, anh em Vân Hạc ăn cơm đã xong ai nấy nóng lòng chờ đợi.

Trăng non đã lặn, ngoài sân trời tối mù mù, bấy giờ ông ta mới đốt đuốc về. Nhanh nhẩu đến chỗ bọn này đương ngồi, ông ấy vừa cười vừa nói:

- Đại phúc cho nhà ông bá hộ K. Chuyện đã dẹp yên. Các ông học trò đã đâu về đấy cả rồi.

Đoàn Bằng bảo ông ấy ngồi hẳn vào ghế rồi hỏi:

- Yên là thế nào? Anh em học trò bị giải tán hay có người nào đứng ra thu xếp?

- Có chứ. Quan đốc học phải đến khuôn xếp. Ngài thật khéo quá, cương có, nhu có, vì thế, các ông học trò mới phải vâng nhời.

Vừa nói, ông ấy vừa ghé vào trước Đoàn Bằng và tiếp:

- Tôi xin nói lại từ đầu để các ngài nghe. Lúc tôi lên đến Hàng Giấy đã thấy mấy cây đuốc lớn đương cháy bùng bùng, trong phố sáng như ban ngày. Hỏi đuốc lấy ở đâu ra, người ta nói rằng: đó là các ông học trò góp tiền mua nửa bó lại thành bó. Bây giờ các ông học trò vẫn còn bàn tán hăng hái như trước, có điều ai nấy vẫn hai tay không. Tôi đương cố nghe xem các ông ấy bàn ra thế nào, thì ở đầu phố, có một người anh cầm chiếc đèn lồng soi cho hai người lính khác khiêng một cái võng rẽ đám học trò đi đến trước cửa nhà bá hộ K.

Trên võng bước xuống một ông cụ già đầu đã bạc trắng.

Bóng lửa lấp loáng, nhôm mãi mới biết là quan đốc học. Điều này là lúc sau này người ta mới kể với tôi - thì ra trong lúc các ông học trò hò nhau kéo đồ nhà há hộ K.

một người lính tuần ở đó liền chạy về thành báo tin với quan tổng đốc. Lập tức quan tổng đốc cho người vào dinh bàn cách khu xử. Không biết hai ngài bàn định thế nào, mà quan tổng đốc phái quan đốc học thân hành đến đó. Các ông học trò lúc ấy mới đáng kính phục làm sao. Ai nấy đều đương cơn thịnh nộ, thế mà thấy quan đốc học, cả đám đều chấp tay vái chào, rồi cùng nín im phăng phắc như đám ba quân chờ nghe hiệu lệnh của ông đại tướng...

Tiêm Hồng nói xen:

- Cái đó là lẽ tất nhiên. Vì quan đốc học là người đứng đầu việc học trong một tỉnh, học trò tuy không học ngài, nhưng cũng phải coi như thầy. Và chẳng, cụ đốc học Hà Nội lại là một bậc danh vọng, ai mà không phải kính trọng?

Vân Hạc hỏi gặng:

- Thế rồi cụ đốc làm gì?

- Ngài bảo các ông học trò đứng xếp hàng ở hai dãy phố để ngài giảng giải. Trước hết, ngài khen các ông đó đều có khí khái, biết bệnh thể diện của sỹ lâm. Rồi ngài hỏi ai là người đã bị con bá hộ K. lăng mạ và xé khăn áo. Một ông học trò liền chạy ra nhận.

Ngài bảo ông đó đứng ra một bên, và ngài hỏi đến những người đã đến nhà bá hộ K. bắt đền quần áo cho bạn và bị ông ta nói hỗn. Chừng hơn mười người ra trước mặt ngài thưa là chúng con. Ngài lại bảo những ông này đứng sang một bên. Bấy giờ ngài mới chỉ vào cái ông học trò bị xé khăn áo và cất giọng nghiêm nghị mà rằng: "Anh đã nói trêu con gái bá hộ K. phải không?" Ông này chối không, nhưng ngài không tin và noi:

"Ta biết cả rồi, anh không thể cãi. Công nhiên vào nhà lương gia ve vãn con gái người ta, như anh tức là tội nhân của danh giáo".

Luôn đó, ngài quay sang phía những ông đã bị ông bá hộ K. nói hỗn và quở như vậy:

"Thấy bạn làm xằng, đáng lẽ can đi mới phải. Các anh không can, lại còn kéo bè kéo đảng, định lấy danh nghĩa nho lâm bệnh vực một kẻ ve gái, chẳng những gây thêm nét xấu cho bạn, mà còn làm cho danh giáo phải điểm nhục nữa, nghe không." Tất cả mấy ông học trò đều im thin thít. Khi ấy ngài mới sai lính đập cửa gọi hai cha con bá hộ K. ra đứng ở trước mặt ngài. Hai người hình như vẫn chưa hết cơn sợ hãi, vẻ mặt không còn sắc máu và đều chấp tay, cúi đầu, không dám trông lên. Trước hết quan đốc học mắng người con gái thế này:

"Mày là phận gái, gặp kẻ trêu ghẹo, cố nhiên cũng nên mắng lại, nhưng phải mắng cho có lẽ. Ai cho mày chửi rửa người ta, rồi lại sai lũ đầy tớ xé cả khăn áo người ta? Mày có biết "lãng mạ người khác", phải tội như thế nào không?"

Rồi ngài mắng ông bá hộ K như vậy:

"Mày thách thằng thầy các anh học trò cũng không làm gì được mày phải không? Tao là một người ở bậc thầy vậy tao muốn hỏi mày thách những gì?" Ông bá hộ K. chấp tay lay lay để coi rất buồn cười. Quan đốc học lại chỉ vào mặt ông bá hộ K. và nói giận dữ như vậy:

"Thế là mày đã không biết răn con, lại còn bênh con mà vô lễ với tất cả người trong nho lâm. Người ta muốn phá nhà mày, không phải là quá?"

Ông bá hộ K. cúi gục tận đất, kêu xin tha tội.

Đến đây, ông chủ nhà trọ tạm nghỉ để hút một hơi thuốc lào. Đoàn Bằng chờ cho khói thuốc ra hết, lại hỏi:

- Thế rồi sao nữa?

Ông chủ nhà trọ giương hai con mắt lơ lơ của kẻ say thuốc và đáp:

- Thế rồi quan đốc học bắt ông bá hộ K. phải xin lỗi cả đám học trò, người con gái phải xin lỗi cái ông bị xé, hai cha con phải đền ông này một cái khăn lượt một cái áo the. Và ngài còn bắt ông bá hộ K. và ông học trò bị xé, ngày mai phải xuống Văn Miếu lễ tạ và chịu mỗi người một chục roi đòn. Những ông học trò đi bắt đền áo cho bạn cũng phải lễ tạ Văn Miếu. Trước khi ra về, ngài đã sai người lễ sinh đi hầu phải hỏi tên họ của các học trò bị phạt, biên vào mảnh giấy, để họ khỏi trốn.

Và ngài còn nói giờ Ngọ ngày mai, ngài sẽ xuống nhà Văn Miếu thi hành các lệnh phạt kia, các ông học trò nếu có thì giờ, cũng nên tới đó chứng kiến cuộc trừng phạt đó.

Ông chủ nhà trọ kết luận:

- Tôi tức cười nhất là lúc cha con ông bá hộ K. cúi lạy các ông học trò và nói mấy câu xin lỗi. Cái bộ điệu của họ lúc ấy thật là khúm núm khôn nặn, chẳng bù với lúc quạc mồm nói càn.

Anh em Vân Hạc đều khen:

- Cụ đốc khu xử như vậy, thật hợp tình hợp lý, anh em học trò kính phục là phải. Ngày mai chúng mình nếu có thông thả, cũng nên xuống nhà Văn Miếu mà xem cho hay.

Chương XVI

Mọi khoa xong kỳ phúc hạch, lâu lắm cũng độ nửa tháng thì đã đến kỳ xướng danh. Khoa này sao mà chậm quá? Cái hạn nửa tháng qua rồi, người ta vẫn chưa được biết cuộc xướng danh sẽ là ngày nào.

Bạc đã đánh rồi, ai không mong cho chóng mở bài. Anh em Vân Hạc cũng như những người đã vào đến kỳ thứ tư, hết thấy nóng lòng sốt ruột, qua ngày nay lại ngóng ngày mai.

Ngay từ sau kỳ phúc hạch, Đoàn Bằng đã sai người về làng Đào Nguyên và làng Vân Trình đưa cho anh cả và ông đồ Vân Trình coi những bản sao các bài kỳ ấy của ba anh em. Họ nội họ ngoại cũng như những người ruột thịt trong nhà, ai nấy nô nức mừng rỡ. Cách một hôm sau, Đào Hải Âu và hai anh em họ là Đào Tường Loan, Đào Cương Phụng liền thân hành đến tận nhà trọ. Đáng lẽ cô Ngọc và hai chị dâu thứ hai thứ ba cũng cùng tới đó để hưởng những sự vinh dự sắp tới của các ông chồng. Nhưng ở nhà còn có nhiều việc cần phải lo liệu, nếu như anh em Vân Hạc cùng đỗ cử nhân. Vì thế cô chỉ gửi ông anh cả đem thêm cho chồng một số tiền nữa, để chàng chi tiêu trong những ngày chờ đợi xem bảng. Hai người chị dâu cũng vậy.

Trong nhà Vân Hạc, Hải Âu tuy là ông anh thứ nhất, nhưng mà đối với các em không quá khắc khổ như Đoàn Bằng.

Thầy năm nay đã năm chục tuổi, nhưng vẫn tráng kiện như con trai, râu tóc chưa bạc cái nào. Từ thuở chưa hai mươi tuổi, thầy đã nổi tiếng là tay văn chương có tài. Về sau học lực càng ngày càng tiến, những vị khoa giáp ở xứ Đoài và xứ Bắc đều phục là tay đại nho. Nhưng tính thầy cũng như ông cống ngày xưa chỉ thích khoáng đạt, không chịu nổi những sự bó buộc... Cho nên, từ lúc trẻ tuổi, thầy đã quyết không thi cử gì cả. Quanh năm tứ thời ngoài việc đọc sách, thì giờ của thầy chỉ để vun xới hoa cỏ trong

vườn. Lúc nào cao hứng, thì thầy cho tìm mấy ông bạn thân đến nhà thưởng hoa, uống rượu. hoặc đi tiêu giao các nơi sơn thủy, hay là vào các ca lâu, tửu quán mua vui. Trong bọn thiếu niên, Vân Hạc, Đốc Cung đều là người rất hợp ý thầy. Bởi vậy, khi mới bước vào nhà trọ, thầy hỏi ngay đến Đốc Cung. Thấy nói Đốc Cung phải "ra bằng con". thầy điềm nhiên bảo với các em:

- Sự đắc táng của cuộc đời, chẳng qua như một giấc mộng. Đỗ hay hỏng kẻ ra cũng chẳng quan hệ cho lắm. Có đều tài học anh ta nên đỗ là phải. Thế mà bị nêu bằng con, thì cũng khí oan. Nhưng may không phải tội gì, cũng còn khá đây.

Rồi thầy liền sai Vân Hạc đi kiếm Đốc Cung về đó cho vui.

Từ bữa bị hỏng, Đốc Cung chỉ lên nhà trọ một lần luôn bữa đó chàng lại bị mấy người bạn "cùng hỏng" kéo xuống hàng Lờ, la cà hết nhà ấy sang nhà khác, cái nồng nàn của những cuộc thâu đêm đàn hát đã làm cho chàng quên mình là người hỏng thi.

Đoán chắc Đốc Cung chỉ nằm ở nhà đào Cúc, Vân Hạc liền đến nhà ấy trước tiên. Nhưng mà Đốc Cung không có ở đấy. Đào Phượng hết sức chèo kéo, mời chàng ở lại đến mai, chàng phải nói thật là không thể ở và xin khát đến hôm khác.

Hỏi thăm ba, bốn nhà nữa, Vân Hạc mới biết chỗ ở của Đốc Cung. Lúc ấy Đốc Cung đương cùng một lũ ả đào lăn lóc trong bàn tổ tôm. Tiếng ăn, tiếng phỗng tíu tít xen với tiếng cười nói tình tứ. Thấy Vân Hạc vào một cách đột ngột, Đốc Cung cho là chàng này đã trốn Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, xuống đó cho qua cơn nghịện, liền chào bằng giọng bông đùa:

- Hôm nay trời đi vắng nhà hạc đã xô lồng phải không? Vào đây cầm hộ vài ván. Tao đương bị chúng ăn hiếp, suốt hội không ù ván nào?

Vân Hạc cũng đùa:

- Thấy mặt là thầy nói láo! Bao giờ cho mày thành ra người lớn?

Cả bọn ả đào, tuy chưa ai quen Vân Hạc, nhưng cũng biết là bạn Đốc Cung nên đều tỏ ý vồ vập, thi nhau nhường bài cho chàng.

Vân Hạc hết thấy từ chối và nói cho Đốc Cung biết Hải Âu sai mình đi tìm.

Xưa nay đối với Hải Âu, Đốc Cung vẫn quý mến và rất kính trọng. Hồi này Hải Âu luôn luôn đi chơi, nên đã gần một năm nay, chàng chưa được gặp. Bây giờ nghe nói ông bạn vong niên và cực tương đắc đó mới ở quê ra, tự nhiên chàng thấy sự mãi miết trong đám yên hoa đã thành ra cuộc vô vị. Tức thì Đốc Cung trao bài cho Vân Hạc đánh, để mình đứng dậy rửa mặt chải đầu sắp sửa khăn áo. Còn vài ván nữa hết hội. Trước sự co kéo lả lơi của một đám phấn son nhí nhảnh, hai chàng cùng dứt áo ra về.

Bấy giờ trời đã sẩm tối, trong nhà bắt đầu thắp đèn. Dưới ánh sáng đỏ nhợt của ngọn lửa mùa đông, một mâm thịnh soạn và một nai rượu lớn của ông chủ nhà trọ đã chiếu lệ hàng ngày đặt ở giữa phản, cả nhà đương sốt sắng đợi người đi vắng.

Đốc Cung vừa nhô vào cửa, Hải Âu liền cười và nói:

- Thế nào? Bác bị "khiếm ty" đấy ư? Ấy cũng vì thế mà từ thuở nhỏ tôi không dám nghĩ đến chuyện thi cử.

Đốc Cung chỉ trả lời bằng một nụ cười khiêm tốn.

Rồi đó, cả nhà quây vào quanh mâm. Hết cuộc hàn huyên của Hải Âu, Đốc Cung, Tiêm Hồng nhắc lại câu chuyện còn dở:

- Hôm nọ, sau khi xem bảng, bốn người chúng em coi đi coi lại bản giáp của bác Cung đến hai chục lượt, vẫn không tìm được "khiếm ty" chỗ nào. Bởi vì hai chữ "trường", "ninh" lại ở hai câu, trong lúc vô tình, khó mà nhận thấy. Em chắc không may cho bác Cung, cho nên mới bị quan trường nhòm ra, chứ những quyển khác có khi cũng còn nhiều chỗ phạm tội như thế mà không ai biết.

- Cái đó tuy cũng có thể, nhưng mà ít khi xảy ra. Là vì mỗi quyển những bốn ông chấm, nếu ông chấm trước không thấy, thì ông chấm sau cũng thấy. Vả lại, theo phép nhà Nguyễn, trách nhiệm của các quan trường rất ngặt. Thí dụ gặp một quyển văn có tội như là "khiếm trang", "phạm húy", "phạm trường qui", "đồ di câu cải bất phụ" chẳng hạn, mà ông sơ khảo không biết, đến ông phúc khảo bới ra, thì ông sơ khảo tức thì phải đuổi ra liền; nếu cả mấy ông sơ khảo, phúc khảo, và giám khảo đều không nhận ra, rồi ông chủ khảo xét thấy thì ba ông kia cũng bị "phù xuất" tất cả, nếu ông chủ khảo cũng không xét thấy, nhưng mà quyển đó cũng bị đánh hỏng thì thôi không sao, giả sử quyển ấy được đỗ, khi đệ về triều, hoàng thượng hay các quan triều xét ra, thì từ ông chánh chủ khảo trở xuống đều có tội cả vậy, trong khi chấm văn, các quan đều phải hết sức tìm bới những chữ phạm tội.

Cương Phụng nói xen:

- Thảo nào em thấy thầy em nói rằng: cái khoa bác cống làm phúc khảo cũng có mấy ông sơ khảo bị "phù xuất". Hẳn các ông ấy cũng phạm lỗi đó?

Hải Âu đáp vội đặt chén rượu xuống mâm:

- Không phải! Mấy ông sơ khảo khoa ấy mà bị phù xuất là tại phê văn không đúng. Theo lệ, những ông quan trường chấm văn tuy vẫn được mỗi người mỗi ý nhưng các dấu phê cũng phải na ná với nhau, không được chênh nhau xa quá. Thí dụ nếu ông sơ khảo phê "liệt" rồi ông phân khảo phê "thứ" hoặc phê "bình" thì không làm sao. nếu ông phân khảo phê "ưu" ấy là những ông chấm trước đã phê "liệt" đều phải phù xuất.

Hay là các ông sơ khảo phê "ưu" rồi ông chủ khảo phê "bình" hoặc phê "thứ" thì không việc gì, nếu ông chủ khảo phê "liệt" thì ông chấm trước phê "ưu" cũng bị đuổi ra khỏi trường. Bởi vì "ưu" với "liệt" cách nhau rất xa. Khi nào cùng một quyển văn mà lại có thể người này phê "liệt" người kia phê "ưu"? Mấy ông sơ khảo bị phù xuất trong khoa thầy tôi đi chấm trường nghe đâu vì mấy quyển các ngài phê "liệt" đến ông phân khảo lại đều phê "ưu" có thể thôi.

Tường Loan lại hỏi.

- Giả sử có quyền dờ quá, mấy ông chắm trước phê "liệt" là đúng. mà ông phân khảo lại đi phê "uru" hay là những quyền văn thật hay nhưng ông chắm "liệt", thì làm thế nào? Các ông chắm trước cũng bị phù xuất ư?

Hải Âu nâng chén và đáp:

- Đã có các quan ngoại trường ngự sử can thiệp. Trách nhiệm của mấy ông này chỉ cốt coi sóc công việc ngoại trường. Nếu thấy mấy ông chủ khảo, phân khảo có ý thiên tư, thì các ông đó có quyền bắt bẻ và phải lập tức làm sớ đàn hoặc đưa về triều đình...

Cương Phượng nói góp:

- Thế ra thế lệ với khảo quan cũng nghiêm ngặt lắm. Vậy mà làm sao vẫn có những việc học trò thông với quan trường?

Hải Âu vẫn nâng chén rượu:

- Cái đó có lẽ là chuyện đời Lê. Cứ như các cụ kể lại thì việc thi cử về hồi Lê mạt những lắm. Nhất là mấy khoa cuối đời Cảnh Hưng. Có khoa người ta ăn tiền, lấy đến sáu trăm sinh đồ. Về sau vì có nhiều tiếng nói ra nói vào, chúa Trịnh phải bắt những người đã đỗ ra bãi bờ sông hạch lại. Sáu trăm ông bị loại hơn bốn trăm ông. Cũng vì công việc trường ốc của nhà Lê hãy còn nhiều chỗ sơ xuất, cho nên mới có tệ đó. Chứ đến đời Nguyễn thì sự đề phòng đã cực chu đáo, không thể nào mà gian lận được.

Cả nhà đều lắng tai chờ nghe, Hải Âu uống một hớp rượu rồi tiếp:

- Từ đời Minh Mệnh mà đi, nước ta có bảy trường thi là: trường Gia định, trường Bình Định, trường Thừa Thiên, trường Nghệ An, trường Thanh Hóa, trường Nam Định và trường Hà Nội. Việc thi cử của bảy trường đó đều do Lễ bộ trông coi. Nhưng việc lựa chọn hai ông chánh phó chủ khảo và các ông nội trường ngự sử, ngoại trường ngự sử, nội trường đề điệu, ngoại trường đề điệu, thì do ý kiến triều đình. Bảy nhiều ông đó

mỗi ông mỗi việc, các ông chủ khảo coi việc văn chương các ông đề điều giữ việc canh phòng trong trường các ông ngự sử thì phải giám thị quan trường, và học trò. Bao giờ cũng vậy, đến cách kỳ thi độ chừng mười ngày trở lại, trong triều mới kén khảo quan. Sau khi cắt cử đâu đấy, ông chánh chủ khảo được ban lá cờ khâm sai, ông phó chủ khảo được ban cái biển phụng chỉ. lập tức hai đội thị vệ rước luôn cờ, biển và dẫn ông nào về nhà ông ấy. Mấy ông ngự sử cũng phải theo chân ra liền. Thế rồi các lính thị vệ ở luôn ngoài cổng canh giữ, không cho ai ra, ai vào. Mỗi ông ngự sử cũng phải kèm luôn bên cạnh một ông chủ khảo, ông này đi đâu, ông kia đi đấy. Lúc ấy hai ông chủ khảo chỉ còn có việc sắm sửa hòm xiềng quần áo rồi lên đường không được dặn vợ, dặn con nửa câu. Từ đấy cho mãi đến khi xong hết việc trường, các ông ngự sử không rời các ông chủ khảo bước nào. Các ông phân khảo cũng bị canh phòng như thế. chỉ kém cờ biển mà thôi. Như thế thì còn dặn nhau vào lúc nào mà bảo học trò có thể thông với quan trường?

Cương Phụng cầm chai rót rượu vào chén của Hải âu:

- Giả sử ông ngự sử vào hùa với ông chủ khảo thì sao?
- Không có đời nào như thế. Là vì những ông ngự sử đều là những người cương trực không kiêng nể ai. Chỉ những người cương trực không kiêng nể ai. mới được cử làm chức ngự sử. Cho nên các quan ngự sử tuy không có quyền, nhưng triều đình vẫn phải kính trọng.

Tường Loan vẫn chưa tin:

- Nhưng mà người ta cũng còn có thể thông với mấy ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo được chứ? Các ông này đều lấy những ông huấn đạo, giáo thụ sung vào kia mà?
- Cũng không thể được. Các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo tuy cũng là chân huấn đạo, giáo thụ do các quan tỉnh cử ra, nhưng cách đề cử cũng rất tinh tế. Ví như hai trường đường ngoài, người chấm trường Hà phải là huấn giáo của những tỉnh thuộc về trường Nam. người chấm trường Nam lại là thụ giáo của các tỉnh thuộc về trường Hà.

Ông nào bị cử đi làm quan trường mà còn có em hay học trò dự thi ở trường sẽ có mình chấm thì phải làm giấy hồi tì. Như vậy, các ông sơ khảo, phúc khảo với các học trò còn ai biết là ai mà hồng thông nhau? Vả chăng, dù có thông nhau được nữa cũng là vô ích. Vì cái quyền lấy đồ ở trường thi hương phải do tay ông chủ khảo, vậy mà sau khi tiến trường, các ông sơ khảo, phúc khảo, đều phải ở riêng ngăn trong, có rào che kín, có quan nội trường ngự sử giám thi, có ông nội trường đề điệu và lính mật sát canh phòng. Trừ ngày ra bảng giải ngạch, mấy ông đó không bao giờ được giáp mặt các ông chủ khảo, nghĩa là không thể nói lút được cho người nào, thế thì thông nhau để làm gì? Huống chi những việc tư túi chỉ quan hệ ở lúc chấm văn. Nhưng các quyền học trò đều phải rọc "phách", việc chấm cứ chấm, quan trường không thể biết được quyền nào là của người nào, còn dùng cách nào mà tư túi được?

Cương Phượng ra bộ mải nghe lại gọi:

- Không biết trong các quan trường ông nào coi việc rọc phách?
- Ông nội trường đề điệu. Việc ấy sở dĩ giao cho quan võ là vì trong lúc rọc phách các quyền đều có đủ cả tên tuổi quên quán của học trò, nếu để lọt vào tay một ông quan văn, sợ rằng ông ấy sẽ vì tình riêng mà sửa chữa văn bài trong quyền. Dùng ông quan võ trông coi, không phải nghi ngờ gì nữa.

Tường Loan lại hỏi:

- Nhưng mỗi kỳ thi có hàng vạn quyền, mỗi quyền là một cái phách, xếp đặt thế nào cho khỏi lẫn lộn?

Hải âu lại cất chén rượu:

- Người ta làm việc rất có trật tự.

Thầy uống hớp rượu rồi tiếp:

- Thí dụ như trường Hà Nội khoa này có một vạn hai học trò ứng thí, thì số quyển thi phải bốn vạn tám. Vì ai cũng nộp sẵn bốn quyển cho đủ để viết bốn kỳ. Những quyển đó đều do chính tay học trò tự đề tên mình và nộp lên quan đốc học bản tỉnh. Sắp đến ngày thi, các quan đốc học các tỉnh phải đệ cả đến cửa trường giao cho quan trường. Ông ngoại trường đề điều nhận đủ quyển của các tỉnh, đóng dấu "Hà Nội thi trường" vào những trang đầu các quyển, rồi mới chuyển vào nội trường cho ông đề điều trong ấy. Công việc của ông này mới là lôi thôi. Trước hết phải mở các quyển đóng vào khe giữa trang hai và trang ba một miếng dấu nữa - dấu này có chữ "Văn hành công khí", người ta vẫn gọi là dấu "giáp phùng". - Rồi chọn mỗi tên học trò một quyển, tổng cộng một vạn và hai nghìn quyển, để vào một đồng, trộn cho lung tung và chia ra làm bốn phần.

Ông chủ nhà trọ vừa qua trước sân, Hải Âu ngừng lại để chào ông ta, Cương Phương tiện dịp lại xen một câu:

- Sao lại phải chia làm bốn? Trộn lên như thế để làm gì?
- Vì trường có bốn vi, quyển của vi nào để riêng cho vi ấy, cho nên phải chia làm bốn. Còn việc trộn cho đồng lung tung là cốt để khi chia phần, những quyển cùng tỉnh khỏi ở cùng phần với nhau.

Tường Loan nhắc:

- Chia xong rồi thì làm thế nào?
- Bây giờ ông ấy mới sai lại phòng lần lượt ghi tên quyển vào sổ, bốn phần phải tám cuốn sổ, mỗi phần hai cuốn, biên đúng như nhau. Rồi bắt bọn hành mật sát đem các phần quyển đóng làm bốn hòm, đưa ra ngoại trường, để đến ngày thi phát cho học trò. Những bản sổ quyển đã ghi cũng phải đưa luôn ra đó bốn cuốn, để ngoài này làm bảng "yết danh" tức là cái bảng biên tên học trò treo ở ngoài cửa các vi. Còn bốn cuốn nữa phải giữ lại đó để kỳ sau tra xem ai hỏng ai vào.

"Trong ngày thi, khi đã có trông thu quyền, ông ngoại trường đề điều phải ra tại nhà Thập đạo, trông cho lại phòng thu nhận, quyền nào đúng hạn đều xếp vào hòm, khóa lại và dán niêm phong cẩn thận, quyền nào ngoại hạn thì đóng cái dấu "ngoại hàm" lên đầu và để riêng, rồi lại giao cả cho ông đề điều nội trường.

"Ông này nhận những quyền đó, để riêng các quyền ngoại hàm một nơi, còn bao nhiêu quyền nội hàm thì đưa lại phòng đánh dấu rọc phách. Lúc này công việc gấp lắm, bao nhiêu lại phòng đều phải xúm lại mà làm. Mỗi quyền phải khuyển một cái ở giữa trang đầu và viết hai bên hai dòng chữ số như nhau:

Thí dụ bên này là "giáp nhất hiệp", bên kia cũng "giáp nhất hiệp", bên này là "khảm lục hiệp" bên kia cũng "khảm lục hiệp". Rồi gập một vệt ở giữa cái khuyển, rọc lấy một mảnh có đề tên họ quê quán học trò, mảnh giấy ấy gọi là cái phách. Rọc xong, có bao nhiêu phách, ông đề điều phải cắt vào hòm còn quyền thì giao các ông sơ khảo chấm trước, đến ông phúc khảo, đến ông giám khảo. Hết lượt nội trường, mới đưa ra ngoài ngoại trường. Các quan ngoại trường chấm xong, lại giao vào trả nội trường. Bấy giờ lại phòng lại phải xúm lại, giờ hòm phách kháp vào các quyền. Hễ thấy bên phách bên quyền, hai dòng chữ số đúng nhau, hai nửa cái khuyển đúng nhau, tức là phách đúng với quyền. Phách của quyền nào hãy tạm cài vào quyền ấy, để kiểm dấu phê ở trong. Những quyền đã bị ngoại trường phê "liệt" bấy kỳ nội trường phê gì, hoặc "ưu" hoặc "bình" mặc lòng, đều là quyền hỏng, số phận cũng như các quyền ngoại hạn, phải để riêng ra một nơi. Còn những quyền nào được ngoại trường phê "thứ" hoặc "bình" hoặc "ưu", dẫn cho nội trường phê "liệt" cũng vẫn được "vào" phải tháo lấy những mảnh phách vừa cài vào đó, bỏ lại một đồng tròn cho đều, rồi lại chia làm bốn phần và cũng biên tên từng phần vào sổ như lần trước.

Chừng đã thấy thềm thuốc lào. Hải Âu kéo lấy chiếc điều bên cạnh, đặt thuốc và hút một môi rồi tiếp:

- Trong lúc bọn lại phòng này biên các sổ phách, thì bọn lại phòng khác mở hòm quyền trắng lục lấy một vạn và hai ngàn quyền, tức là mỗi người học trò một quyền. Rồi mới

kiểm số quyền hồng, xem có những tên người nào, thì bỏ quyền của người ấy ở đồng quyền trắng này đi. Còn những quyền trắng còn lại, thì đem so vào với bốn phần "phách" mới chia, phần nào có những người nào, quyền trắng của những người ấy lại phải để vào phần ấy. Thế là hết việc, các phách và các quyền trắng lại phải đóng làm bốn hòm, đưa ra ngoài trường phách thì để lại làm bảng "yết danh", quyền thì để lại phát cho học trò trong kỳ thứ hai. Đến kỳ thứ ba cũng phải làm việc như thế. Có điều sau này học trò thưa dần, số người ít dần, công việc cũng nhẹ hơn nhiều.

Tường Loan kết luận:

- Thế ra trong một khoa thi, công việc của quan nội trường đề điệu vất vả lắm nhỉ?

Hải Âu đáp:

- Cũng chưa vất vả bằng các ông sơ khảo, phúc khảo.

Đốc Cung khôi hài:

- Bác chưa nói đến những quyền khiêm ty như của tôi.

Hải Âu cũng cười:

- À còn sót nhỉ. Những quyền khiêm ty cũng như những quyền phạm húy, khiêm đài, bất túc, khiêm trang, bạch tự, thiệp tích, tì ố, phạm trường quy v.v... phần nhiều không được chấm hết. Các ông sơ khảo hay phúc khảo chấm đến những chỗ có tội như vậy, phải nêu vào mảnh giấy trắng nhỏ bằng giấy cuộn thuốc lá và cài lên chỗ đầu quyền, rồi thôi không chấm nốt nữa.

Mấy ông chấm sau, thấy chữ nêu đó, xét ra quả có tội thật thì chỉ ký tên vào trang đầu quyền, chứ không chấm một nhát nào. Những quyền ấy, sau khi trở về nội trường, lại phòng hợp phách xong rồi, cũng phải làm sổ đưa ra ngoài trường để các quan ngoài đó xét xem những ai đáng bằng con. Trong các tội mà tôi vừa nói, chỉ có bốn tội: phạm

húy, khiếm đài, bất túc và khiếm ty phải yết bảng con, còn các tội kia chỉ bị đánh hồng mà thôi.

Đêm đã khuya, ngoài phố chừng đã hết người đi lại bốn bề im lặng như tờ. Hứng rượu của Hải âu còn bông bột. Câu chuyện thi cử kéo dài cuộc chén chú chén anh đến gần canh ba.

Từ đó, Hải Âu, và Cương Phụng, Tường Loan ở luôn trong trọ đợi ngày xướng danh. Và ở hai làng Đào Nguyên, Vân Trình thỉnh thoảng cũng vẫn có người tới đó hỏi thăm tin tức. Rồi các bạn bè của anh em Vân Hạc luôn luôn rủ nhau đến tìm Vân Hạc để nói chuyện phiếm. Trong nhà suốt ngày khách khứa dập dìu. ông chủ nhà trọ hình như cũng có lòng mừng, tuy phải phục dịch vất vả, nhưng vẫn tỏ vẻ sốt sắng và vui vẻ.

Chương XVII

Hôm nay trời đã bớt lạnh, mặt trời hình như mọc sớm hơn các hôm khác. Đốc Cung và anh em Vân Hạc vừa mới lần lượt trở dậy, ánh nắng vàng nhạt đã lấp lánh in vào những chiếc lá bàng úa đỏ ở trước sân.

Quen lệ, thằng nhỏ nhà trọ nhanh nhẩu đệ lên chỗ ngồi của khách một siêu nước sôi và bộ bàn chè chén mẫu.

Vân Hạc đương lúi húi đồ chè ra chiếc nắp bao và rẽ ràng trút vào chiếc ấm quần ấm, ngoài sân bỗng có tiếng hỏi:

- Tôi tưởng các ngài còn ngủ, té ra đã dậy cả rồi.

- Hôm nay sao chư tiên sinh dậy sớm quá vậy?

Cả nhà đều ngẩng lên trông.

Trần Đức Chinh nghênh ngang lên thêm với một nụ cười tủm tỉm.

Đốc Cung nhận rõ anh ta đương có việc gì đặc ý, sau khi chào nhau khắp lượt, chàng hỏi:

-Cậu có tin đồ tú tài đây chứ?

Đức Chinh theo lời mời của Vân Hạc, ngồi vào trong ghế, rồi làm ra vẻ khiêm tốn:

- Ông nói lờm nhau chi thế? Tú tài đâu đến phần tôi? Nếu tôi mà đỗ, thiên hạ còn ai hòng nữa?

Đốc Cung cười kiêu chế nhạo:

- Cái đó không biết chừng... Học tài thi phận, cậu ạ. Nhưng nếu không có tin đồ thì sao người cậu hôm nay lại thấy tươi hơn mọi hôm?

Đức Chinh vẫn đáp bằng giọng thật thà:

- Vì tôi mừng cho ông Hạc.

Đốc Cung vội hỏi:

- Cậu biết anh Hạc đỗ à?

- Vâng, có lẽ ông Hạc sẽ đỗ thủ khoa.

Vân Hạc buột miệng:

- Nếu quả như vậy, thì các quan trường năm nay đã biết chấm văn.

Rồi chợt nhớ ra trước mặt còn có Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, chàng liền lảng sang ngách khác.

- Nhưng cậu nghe được tin đó ở đâu?

- Hôm qua thầy tôi có vào thăm quan tổng đốc, trong lúc nói về việc trường, ngài có cho biết như vậy. Vì tôi khoe ông Hạc là bạn với tôi cho nên thầy tôi giục phải đến đây sớm để báo tin mừng.

Hải Âu cũng hỏi:

- Vậy ngài có biết bao giờ thì xướng danh không?

- Cứ như thầy tôi nói lại, tin chắc cũng không còn lâu lắm. Bởi vì còn phải đợi "chỉ" trong kinh.

Đoàn Bằng ra ý nóng ruột:

- Thưa ngài, thế cụ lớn nhà dạy như thế nào?

- Thầy tôi nói rằng: sáng sớm hôm qua, vừa có mật tin từ trong trường ra báo quan tổng đốc cho biết rằng: việc trường đã xong hết cả, giải ngạch, cử nhân, tú tài cũng lấy xong rồi. Chỉ còn hai ông giải nguyên. á nguyên thì chưa quyết định. Là vì trong số hơn một

trăm quyền được vào phúc hạch thì quyền của ông Hạc là tốt hơn cả, rồi đến quyền của ông Nguyễn Chu Văn.

Ông Hạc được hai "ưu" ngoại hai "ưu" nội và mười hai "bình", ông Văn được một "ưu" ngoại, một "ưu" nội và mười bốn "bình". Như thế thủ khoa đáng lẽ phải về ông Hạc vì đã hơn hẳn ông Văn hai "ưu" kia mà. Nhưng mà ông Hạc mới hăm hai tuổi lại là chân trắng mà ông Văn thì đã bốn mươi năm tuổi lại đã hai khoa tú tài. Nếu lấy sự cao niên túc học làm trọng thì ông Văn cũng nên được đỗ thủ khoa. Quan chủ khảo và quan ngự sử đã tranh luận mãi về chỗ đó. Ý quan chủ khảo muốn để ông Văn ở trên vì ngài trọng người tôn niên. Nhưng quan ngự sử nhất định không nghe, ông này cho rằng: việc thi cử là thi bằng văn, không thi bằng tuổi, hễ mà văn hay thì phải đỗ trên, bất luận tuổi nhiều hay ít. Kết cục, hai ngài không ai chịu ai, ai cũng nhận cái lý của mình là phải. Vì thế các ngài mới phải làm sớ tâu về triều đình và gửi tất cả các quyền trong bốn kỳ của hai ông ấy vào đó, để tùy trong triều đình đoạt.

Đức Chính kết luận:

- Từ đây vào kinh, vừa đi vừa về, ít ra cũng phải ngoài hai chục ngày. Vả lại, sớ vào đến nơi, hoàng thượng xem rồi, lại còn giao cho triều thần bàn bạc nữa chứ. Như vậy, có lẽ phải mười ngày nữa mới có "chỉ" ra...

Hải Âu ngắt lời:

- Không! Từ đây vào kinh, cả đi lẫn về chỉ hết độ hơn mười ngày là cùng. Bởi vì trong năm Gia Long thứ ba, trình hạn của phu chạy trạm đã có định rõ: từ Bắc thành đến kinh đô, việc gấp, phải chạy năm ngày cho tới. Người nào chạy được đúng hạn thì thưởng ba quan, quá hạn độ một hai ngày, thì phải phạt ba chục roi đòn. Việc thi bây giờ cũng là việc gấp, bao nhiêu quan trường, bao nhiêu học trò đều đương ngong ngóng chờ đợi kia mà. Lẽ nào phu trạm lại dám để chậm?

Cương Phụng tỏ ý kinh ngạc:

- Trời ơi, đường đất từ đây vào kinh, kẻ có nghìn dặm, thế mà chỉ đi năm ngày! Họ chạy nhanh bằng Luật Kinh chạy theo mặt trời. Nhưng chạy như thế lỡ ra phu trạm mệt quá, chết ở ngang đường thì làm thế nào?

Hải Âu đáp:

- Họ chết ở cung đường nào, thì nhà trạm ở cung đường ấy phải bắt người khác nhận lấy giấy má của họ mà chạy luôn đi. Trong luật đã có nói rõ như vậy.

Rồi thầy trở lại câu chuyện thi cử.

- Tôi chắc nay mai, chỉ của triều đình sẽ ra đến đây và vài ngày nữa thì sẽ có cuộc xướng danh.

Đức Chinh vừa cười vừa nhìn Vân Hạc:

- Thôi thì bao giờ xướng danh mặc lòng, ông cũng không phải nóng ruột, mười phần đỗ cả mười rồi. Chẳng thủ khoa thì á nguyên, quyết không xuống đến thứ ba.

Vân Hạc cũng cười:

- Có đỗ thủ khoa thì tôi đỗ chơi cho hay, chứ đỗ á nguyên còn thú gì nữa?

Đốc Cung nói đùa:

- Thật là được thể dễ nói khoác... Tôi chỉ cầu Trời khẩn Phật cho anh hồng khoa này nữa, để xem anh sẽ nói với chị ấy ra sao.

Tường Loan chỉ vào Đoàn Bằng. Tiêm Hồng và hỏi Đức Chinh:

- Thưa ngài. còn hai ông này ra sao, ngài có biết tin gì không?

Đức Chinh lắc đầu:

- Tôi không được rõ vì không thấy thầy tôi nói chuyện. Nhưng chắc các ngài đỗ cả.

Mỗi người nói phiếm thêm mấy câu nữa, ầm chề vừa tàn. Đức Chinh cáo từ ra về.

Bây giờ ánh nắng đã xuyên qua lỗ cửa sổ, chênh chếch xuống nền nhà. Hạt bụi xanh đỏ rồi ni giòn nhau trong những luồng sáng thẳng vuông như chiếc tay thước Trong nhà đầy vẻ âm áp của tiết tiêu xuân. Hải Âu cao hứng bảo với Đốc Cung:

- Hôm nay chúng mình phải đi ngoạn cảnh cái chứ. Bó gói ngồi nhà để ngong ngóng đợi ngày xướng danh hộ các ông ấy là cái nghĩa gì?

Đốc Cung chưa kịp trả lời. Hải Âu lại tiếp:

- Đã mười năm nay tôi không đặt gót đến đất Hà Nội. Không biết bây giờ cuộc dẫu bề của các cảnh vật xứ này đã đi đến chỗ nào rồi...

Đốc Cung vừa cười vừa đáp:

- Thú thật với bác, tôi ở nhà luôn mấy hôm nay đã thấy tù cẳng lắm rồi. Bác tính còn gì khổ bằng cái thằng thi hỏng lại phải ở lại để đợi anh em xem bằng?

Hải Âu cũng cười và hỏi:

- Nhưng mà bác định đi chơi đâu giờ?

Tường Loan cướp lại:

- Tôi thấy các cụ vẫn nói phong cảnh hồ Tây đẹp lắm mà chưa được đến nơi. Hay là các ông lên chơi trên ấy cho tôi đi với?

Đoàn Bằng tán vào:

- Phải đấy, hôm nay trời âm, có lẽ lên chơi hồ Tây cũng thú.

Rồi đó ai nấy đội khăn mặc áo, kéo thẳng lên nẻo cửa Bắc và rẽ sang đường Cổ Ngựa. Lúc ấy cây cối đã đương đổi lộc, quanh hồ như vẽ một cảnh tiêu sơ. Trên lớp cỏ héo ven đường, những chiếc lá đa vàng úa tươi bời rơi rụng. Trong khu giữa hồ, một đám sen tàn, xờ xạc lướt theo gợn sóng. Ngoài nẻo xa xa, mấy bông lau sậy trắng xóa, thi

nhau đùa trước ngọn gió hiu hiu. Ngắm các cảnh vật trước mắt, Hải Âu tự thấy vô hạn bồi hồi.

Sau khi thăm quán Trấn Vũ, cả bọn đứng đỉnh sang chùa Trấn Quốc. Bây giờ mặt trời đã cao, bầu trời rất sáng sủa, bằng mây thăm thẳm lồng xuống đáy nước, làm cho cảnh hồ càng thêm mông mênh. Hải Âu thơ thẩn đi lại trước nhà chùa hồi lâu, thỉnh thoảng chạy đến chỗ Đốc Cung, Vân Hạc, vừa cười vừa nói:

- Tôi định làm một bài hoài cổ, nhưng mới nghĩ được bốn câu thì hết mất tứ, bác Cung và các chú tiếp hộ.

Đốc Cung liền bảo:

- Bốn câu của bác ra sao?

Hải Âu đọc:

"Cáo trắng trâu vàng chuyện có không?

"Đêm trăng bao độ rước thuyền rồng?

"Nào khu yếm xống hàng quan thị?

"Đâu chỗ ca, chèo bóng gái cung?..."

Đốc Cung tỏ vẻ bông đùa:

- Hay thì hay thật. Nhưng câu thứ ba chưa lắm.

Tường Loan ngơ ngẩn:

- Thế là Trấn Quốc tự hoài cổ, hay là Tây hồ hoài cổ?

Hải Âu đáp:

- Tây hồ hoài cổ đấy chứ. Nếu Trấn Quốc tự hoài cổ thì sao cho đắt?

Tường Loan càng ngạc nhiên:

- Vậy thì mấy chữ "yếm xống", "ca chèo" là ý thế nào?

Hải âu cắt nghĩa:

- Đó là tôi muốn nói về chuyện chúa Trịnh. Trong lúc họ Trịnh còn thịnh, hồ Tây vẫn còn là một nơi thắng thưởng, giống như vườn Phù dung của Đường Minh Hoàng, chùa Trấn Quốc này, đã bị lập thành hành cung, mỗi tháng nhà chúa ra chơi chừng vài ba lần. Cung nữ trong phủ, ngày thường đã phải may sẵn hàng nghìn đèn lồng toàn bằng gấm vóc là lượt, thêu thùa rất khéo, khi nào chúa sắp ra. lính tráng phải lĩnh những đèn lồng ấy đem treo khắp các ngọn cây, rồi các quan thị từ hạng tam phẩm trở lên, đều phải dọn quán bán hàng ở khắp bờ hồ. Trong quán có đủ các thức phởn, súp, quà, bánh, đồ ta, đồ tàu... Rồi chính những vị "ông cả không râu" đó lại phải mang yếm, mặc xống, chít khăn mỏ quạ: giả làm con gái bán hàng và ngồi chầu chực trong quán một đêm. Nhà chúa ở phủ ra hồ, thường thường vào cuối canh hai. Ngài ngự một chiếc thuyền rồng rất lớn có nhiều thuyền của các quan thị tụng đi theo. Trong thuyền có đem rất nhiều cung nữ và đồ chè chén. Thuyền ra giữa hồ, nhà chúa bắt đầu uống rượu, cung nữ kẻ đàn người hát, tiếng hát tiếng đàn phải rất là lời. Người nào cần dùng món gì, cứ việc cho thuyền ghé vào gần bờ, rồi lên mua ở các quán của bọn quan thị. Trong lúc mua bán, hái bên tha hồ cười đùa chót nhả. hát về hát ví y như trai gái nhà quê. Câu thứ tư, chỉ về chuyện đó.

- Vậy còn mấy chữ "cáo trắng" "trâu vàng"?

- Đây là tôi theo điển tích của sách Trích quái và sách Địa cảo. Trích quái chép rằng: ở đời thượng cổ, hồ Tây còn là một trái núi nhỏ. Trên núi có con cáo trắng chín đuôi thường hay hóa ra yêu quái làm hại dân cư. Ông thần Long đô đem việc ấy tâu với Thượng đế, Thượng đế cả giận, liền sai Long vương giết con yêu đó. Long vương vâng lệnh, đem các thủy tộc ngược dòng sông Nhị tiến lên nã bắt. Trái núi đó tức thì sụt xuống thành ra cái hồ. Còn sách Địa Cảo thì nói: trong núi Lạn Kha có con trâu vàng.

Khi nghe tiếng chuông ở quán Trán Vũ, con trâu ấy tưởng là tiếng mẹ, vội vàng lòng ra, rồi ẩn vào trong hồ này. Ấy là những chuyện hoang đường như thế, mà từ xưa đến nay, ai ai cũng tin thì có lạ không?

Rồi Hải Âu quay hỏi bọn Đốc Cung:

- Bác và các chú đã nghĩ được câu gì chưa?

Đốc Cung đáp:

- Tôi mới nghĩ được hai câu như vậy:

"Xờ xạc đầu vời sen rạc lá,

"Phát phơ cuối bãi, sậy phơi bông.

Hải Âu khen được và bảo Vân Hạc:

- Chú thử tiếp nốt xem sao.

Vân Hạc ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

- Thế thì thế này:

"Lâu đài Lê, Trinh tìm đâu tá?

Bảng lảng rêu xanh bóng ác hồng".

Cả bọn đều là cho hay. Hải Âu muốn lên Nhật Chiêu, thuê một chiếc thuyền chở ra giữa hồ chơi. Nhưng khi hỏi thăm bọn sư trong chùa, thì họ nói rằng:

- Nếu muốn dùng thuyền, phải hẹn từ hôm trước hay từ sáng sớm. Bây giờ mới thuê, không chắc đã được, vì rằng những nhà có thuyền đều đi làm ăn vắng nhà.

Hải Âu thấy trời đã xế chiều, tưởng chừng nếu thuê được thuyền đi nữa, cuộc du thưởng cũng không còn được bao lâu, thầy đành phải thôi. Cả bọn dạo quanh bờ hồ một lúc nữa rồi cùng lẻo đẻo trở về.

Tới khỏi cửa Bắc, thành linh có tiếng người gọi Vân Hạc, mọi người cùng quay mặt. Trần Đức Chính vừa ở ngõ ngang đi ra. Chàng thở và hỏi:

- Các ngài có ai quen cụ Hoàng Doãn Đạt hay không?

Hải âu hỏi lại:

- Có phải cụ Hoàng Doãn Đạt giáo thụ phủ Kinh môn, mới rồi được cử đi làm phúc khảo đó không?

Đức Chính đáp:

- Phải? Chính cụ ấy.

Hải âu nói:

- Chúng tôi quen cả. Vì cụ ấy nguyên là học trò thầy tôi ngày xưa, đối với nhà tôi rất thân. Ngài hỏi vậy có việc gì chăng?

- Thấy nói cụ ở trong trường bị bệnh nặng lắm, mới được cáo ra lúc trưa, bây giờ còn trọ trong nhà người quen ở phố Cửa Nam. Chắc cụ biết rõ công việc trong trường, các ngài thử xuống hỏi xem chỉ của triều đình đã ra đây chưa?

Đến đây, Đức Chính ngừng lại và nhìn Vân Hạc.

- Chỉ vì việc đó, tôi phải lật đật tìm ngài từ trưa đến giờ. Gặp ngài ở đây may quá. Bây giờ tôi về có việc. Đến tối xin lại thăm các ngài.

Vân Hạc tỏ ý cảm ơn.

Đức Chính chào khắp bọn này và rẽ sang nẻo hàng Than.

Hải âu thấy cụ giáo Kinh Môn bị đau, tự nhiên trong ruột bồn chồn như bị lửa đốt. Là vì cụ với anh em Hải Âu tuy chỉ là chỗ thế huynh thế đệ, song hai nhà ăn ở với nhau không khác gì người ruột thịt. Xưa nay Hải Âu và các em vẫn kính mến cụ vô cùng. Hơn nữa thầy với cụ lại cùng chung một tính tình, hầu hết những cuộc đăng sơn lâm

thúy, hễ có cụ thì phải có thầy, nhiều khi thầy vẫn nằm ở nhà cụ hàng hai ba tháng. Bây giờ nếu cụ đau thật, ít nhất thầy phải biết ngay bệnh cụ thể nào thì mới yên dạ. Vì vậy, sau khi Đức Chinh đi khỏi, Hải Âu giềng bảo Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cùng đi với mình xuống phía Cửa Nam, để bọn Vân Hạc hãy về nhà trọ, sợ rằng ở đây có khách nào chẳng.

Thì ra sự ước đoán của Hải Âu không sai chút nào, ở nhà quả có một người em họ hàng Đào Nguyên mới ra. Người ấy bảo cho Vân Hạc biết rằng: hôm nay cụ Năm đã định ra chơi. Nhưng vì chưa rõ ngày nào xướng danh, sợ phải chờ đợi lâu quá, nên cụ lại không ra vội và cho hấn ra trước hỏi xem bao giờ xướng danh, về nói với cụ, để cụ ra mừng và thăm phong cảnh Hà Nội luôn thể. Thấy lòng ân cần của ông chú già, Vân Hạc vô hạn cảm động, nước mắt tự nhiên ứa ra đầy hai khóe mắt.

Bóng nắng ra hết sân gạch. Sương mù bắt đầu pha đục bầu trời. Gió bắc hiu hiu quạt mấy tàu cau ánh nắng. Những con chim sẽ sợ lạnh sập sè vào nấp trong mái nhà.

Nhà trọ sắp dọn cơm chiều, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng vừa lui thủi về với một dáng bộ rờ rọi.

Đốc Cung vội hỏi:

- Bác cả còn đi chơi đâu chưa về?
- Anh ta ở chơi dưới ấy với bác giáo nhà.

Vân Hạc lễ phép:

- Bệnh tình bác giáo ra sao? Có nặng lắm không, thưa anh?

Đoàn Bằng cất giọng buồn rầu:

- Có việc gì đâu! Bác ấy cũng ho xoàng. Chỉ vì ở lâu trong trường buồn quá. Nhân thể việc trường đã xong, ngài mượn cớ cáo bệnh để xin ra trước vài ngày.

Đốc Cung vui vẻ:

- Cụ giáo có nói chuyện gì về việc thi cử của các bác không?

- Có. Bác ấy bảo chú Hạc nó hỏng tuột. Chú tú nó đỗ lại tôi thì may được đội bảng tú tài.

Vân Hạc nghe nói sắc mặt xám mét. Đốc Cung cũng đỏ mặt:

- Thế ra Trần Đức Chinh bịa chuyện nói nhảm à?

Đoàn Bằng đương dở bỏ khăn, cởi áo, Tiêm Hồng đỡ lời:

- Không! Anh ta nói đúng. Bác giáo cũng bảo trong trường đã chắc chú Hạc sẽ đỗ thủ khoa. Sáng nay có chỉ ở kinh ban ra, mới biết là hỏng.

- Vậy thì quyền của anh Hạc có tội gì chẳng?

- Không? Bác giáo cũng nói như Trần Đức Chinh, quyền của chú nó tốt lắm, bốn "ưu" mười hai "bình" thật.

- Thế thì làm sao anh ấy lại bị hỏng tuột? Cụ giáo có biết chỉ của triều đình nói thế nào không?

- Có! Thấy bác ấy nói: trong chỉ phê rằng: Đào Vân Hạc quả là tay đại tài, sự học hơn hẳn Nguyễn Chu Văn, đáng được đỗ đầu khoa này. Chỉ hiềm tên ấy hãy còn trẻ tuổi, văn chương không khỏi có chỗ ngông nghênh. Nếu lấy đỗ cao, sợ sẽ nuôi thêm cho y cái bệnh kiêu ngạo, thì khó trở nên một người đại dụng. Triều đình trong sự tác thành nhân tài, không muốn cho kẻ có tài đến nỗi uổng phí. Vậy khoa này hãy cho tên ấy hỏng tuột, để mài giũa bớt những khách khí thiếu niên của y. Rũ đến khoa sau thì sẽ cho đậu giải nguyên.

Vân Hạc tỏ vẻ phẫn uất:

- Tác thành như thế thì chết bỏ mẹ người ta!

Đốc Cung ra ý ái ngại:

- Vậy thì chuyện anh Hạc cũng giống với chuyện cụ Nguyễn Công Trứ.

Rồi Đốc Cung tiếp:

- Tôi thấy ông tôi ngày xưa có nói lại rằng: cụ Nguyễn Công Trứ từ lúc trẻ tuổi đã nổi tiếng là bậc văn chương đại tài, bè bạn ai cũng phải phục. Chỉ vì hồi ấy mới qua một cơn đình cách, thời cục chưa biết thế nào, mà cụ lại là một tay cố Lê công tử, chưa hẳn tuyệt tình với nhà Lê, cho nên bao nhiêu khoa thi đầu đời Gia Long, cụ đều không dự. Mãi đến cuối đời Gia Long, hay là đầu đời Minh Mệnh gì đó, vì các anh em cố bầu, cụ mới ra thi.

Đốc Cung uống một hớp nước đắp giọng:

- Bây giờ ở tỉnh Nghệ An, bè cánh của bọn cố Lê công tử cũng lớn và cũng nhiều người đi thi. Khi thấy khảo quan tiến trường, các ông ấy họp làm một đám đón đường xin cho Nguyễn Công Trứ được đỗ thủ khoa ấy. Nghe đâu quan chánh chủ khảo có đáp lại rằng: các ngài phụng mệnh triều đình ra đó, cốt vì nhà nước mà kén nhân tài. Nếu như tài Nguyễn Công Trứ đáng đỗ thủ khoa, tự nhiên các ngài cho đỗ thủ khoa.

Thế rồi, ba kỳ thi xong - phải lúc ấy chỉ thi ba kỳ - ba kỳ thi xong, quả nhiên văn của cụ Trứ hay lắm, quan trường cũng muốn lấy đỗ thủ khoa. Nhưng vì có chuyện học trò kêu xin, các ngài sợ rằng phong thanh về đến triều đình, mình sẽ bị ngờ là không công minh, liền phải làm sớ và đệ các quyền của cụ này về kinh, để tùy trong ấy quyết định. Không rõ bấy giờ, triều đình bàn bạc ra sao, rồi thấy có chỉ đưa ra, nói rằng cho Nguyễn Công Trứ sẽ đỗ thủ khoa khoa sau, khoa ấy phải đánh hồng tuột.

Đốc Cung lại nắm tay Vân Hạc:

- Không ngờ việc cụ thượng Trứ, nay lại xảy ra cho anh. Nhưng cũng không sao, triều đình đã hứa không bao giờ sai. Cụ Trứ về sau lại đỗ thủ khoa, thì anh khoa sau cũng đỗ thủ khoa. Sang năm đã lại có khoa thi rồi, chậm trễ một năm cũng không muộn lắm.

Vân Hạc tỏ vẻ căm kỉnh:

- Thế họa khoa sau tôi ốm không đi thi được, triều đình có cho đỗ không?

Ông chủ nhà trọ vừa ở nhà dưới tiến lên, Đoàn Bằng nói bằng giọng cười gượng:

- Cơm đã xong chưa? Ông cho bùng lên đi thôi! Hôm nay ông phải uống rượu với chúng tôi một bữa thật say, không được từ chối vì ngày mai chúng tôi sẽ cùng từ giã ông tất cả.

Ông chủ nhà trọ ra bộ ngơ ngác, không hiểu bọn này nói thật hay nói đùa. Sau khi Đoàn Bằng đem chuyện đến chơi quan giáo Kinh Môn kể lại cho nghe, ông ấy vội can:

- Các ngài không nên nóng nảy. Vì tôi vẫn nghe nói việc trường bao giờ cũng giữ rất kín, khó lòng có ai biết trước. Chắc đâu cụ giáo nói vậy là đúng?

Đoàn Bằng cắt nghĩa:

- Tôi chắc đúng lắm. Cụ giáo Kinh Môn có quen quan chánh chủ khảo - hai người đã từng gặp nhau trong một khoa hội năm xưa - vì với nhà tôi là chỗ chí thân, nên khi lên chào quan chánh chủ khảo để ra ngoài trường, cụ có hỏi ngài về chuyện đỗ hỏng của chúng tôi. Bây giờ việc trường đã xong, không cần phải giữ bí mật như trước, cho nên quan chánh chủ khảo đưa cả cuốn sổ giải ngạch và đạo chỉ của triều đình cho cụ ấy coi. Như vậy còn sai sao được?

- Dầu vậy đi nữa, cũng còn hai ngài đậu được tú tài kia mà! Tôi tưởng các ngài hãy nên ở lại xem bảng cái đã. Việc gì mà phải hấp tấp?

Đoàn Bằng lại càng buồn bã:

- Tú tài đỗ lại và tú tài đội bảng thì cũng như hỏng, còn sung sướng gì mà đợi xem bảng hử ông?

Thằng nhỏ vừa bùng mâm rượu đặt vào chỗ phản mọi ngày. Cả nhà cùng ngồi xúm lại. Cuộc rượu bắt đầu bằng những tiếng cười gượng, nói gượng. Rượu đến nửa chừng, Tiêm Hồng vừa bùng chén rượu vừa khóc rung rức. Đoàn Bằng vội ngăn:

- "Có học, có thi, thì có đỗ", chẳng đỗ khoa này thì đỗ khoa khác, việc gì mà phải tủi thân?

Vừa dứt hai tiếng "tủi thân", miệng thầy tự nhiên mếu xệch, nước mắt rùng rùng rõ xuống mặt chiều.

Vân Hạc thấy hai anh khóc, chàng bỗng nghĩ đến sự kỳ vọng của những người thân thích ruột rà và bụng bảo dạ: "Lúc mình bước chân ra đi, nào mẹ, nào vợ, nào cha mẹ vợ, nào chú bác họ hàng, người này giúp năm quan, người kia giúp ba quan, ai cũng mong cho mình đỗ. Cả đến cụ Năm, đã đương nằm kẻ miêng lỗ, nghe tin cháu vào phúc hạch cũng còn sai người đến đây hỏi xem ngày nào xướng danh để ra chơi mừng. Bây giờ mình hỏng, làm cho biết bao nhiêu người thất vọng!

Hiện nay mẹ mình, chú mình và ông nhạc bà nhạc của mình đều đã vất vưởng như đèn trước gió, không biết các cụ có còn sống được đến ngày mình đỗ hay không?" Thế rồi chàng cứ nức nức nở nở, trong họng như bị nghẹn ngào, chén rượu bùng lên lại phải đặt xuống, không tài nào mà nhấp đi được.

Độc Cung từ khi bị hỏng vẫn cố nén dạ cười nói cho qua, bây giờ thấy Vân Hạc khóc, lửa phiền của chàng như sắp dập tắt lại bị khêu lên, chàng cũng thỗn thức nói không ra tiếng.

Tường xoan, Cương Phụng và người em họ mới ra, tuy không bị đau về sự thi cử, nhưng thấy các anh buồn bã, họ cũng cảm động không thể cầm được nước mắt.

Ông chủ nhà trọ trước còn khuyên giải mọi người.

Khi thấy mình càng khuyên, người ta lại càng khóc, ông ấy nghĩ ngợi ra sao không rõ tự nhiên cũng khóc ru rú. Quang cảnh tiệc rượu lúc ấy giống như quang cảnh đám ma của kẻ bạo tử, toàn những người khóc, người mếu. Sáu, bảy chén rượu la liệt bày ở quanh mâm, lâu lắm không ai buồn nhấc.

Độc Cung đương gục đầu trên gọi, bỗng ngừng phát dậy và nói:

- Thi đỗ cũng thế, chẳng đỗ cũng thế, việc đêch gì mà phải cảm khái cho khổ thân. "Sống là Nghiêu Thuân, chết thì xương khô, sống là Kiệt Trụ, chết thì xương khô. Dù có đỗ nữa, chẳng qua chỉ đeo cái tiếng ông cử độ vài chục năm rồi cũng hóa ra xương khô, chứ làm cóc gì.

Rồi chàng bưng chén và giục:

- Uống đi các anh.

Mọi người lại cùng sốt sắng nâng chén lên miệng.

Nhưng mà vị rượu lúc ấy hình như chỉ rất những mùi cay đắng, uống thì uống vậy, chẳng ai thấy có thú hứng gì. Cả nhà khê khà đến gần nửa đêm. Đoàn Bằng, Tiêm Hồng say dí, say dì, lúc đứng dậy, mấy lần chệnh choáng định ngã. Bữa tiệc dần dần giải tán một cách âm thầm im lặng.

Sau khi nằm vào trong chăn, Vân Hạc tự thấy ruột gan nóng như lửa cháy; khi thì mong rằng quan giáo Kinh Môn nói sai, khi thì mong rằng quan trường sẽ cùng làm sớ kêu oan cho mình, khi thì mong rằng triều đình sẽ đem việc mình xét lại, rồi chữa ngay đạo chỉ dụ đã bắt mình hồng. Đến khi thấy những điều đó là huyền tưởng, thì chàng lại muốn ngày mai sẽ là sang năm, nghĩa là cái năm sắp có kỳ thi, để chàng lại vật nhau với số mệnh một lần nữa. Mọi đêm trường thi và chàng còn có quan hệ, mỗi lần nghe tiếng trống ở trường đưa ra, chàng còn phấn khởi trong lòng. Giờ với trường thi, chàng đã là người cục ngoại, những tiếng trống ấy đều như có vẽ trên cột mả mai, môi dịp từng từng, ấy là mỗi cơn chàng phải đứt từng khúc ruột.

Cạnh chàng, Đốc Cung, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng cũng đều vật vã không ngủ, thỉnh thoảng lại góp một tiếng thở dài, như giúp thêm sự đau đớn của chàng.

Đêm càng khuya, trời càng lạnh, ngọn đèn trên quang mỗi lúc mỗi lù mù, chàng càng trần trọc không thể chợp mắt. Nghĩ đến quang cảnh khi cấp khăn gói về làng, chàng không biết mặt mũi mình ra thế nào.

Chương XVIII

Từ cuối năm ngoài đến đầu năm nay, cô Ngọc chỉ những nẫu nà trong ruột. Nhất là cái hôm cô ở chợ về nhác thấy Vân Hạc lù lù ngồi trong nhà học với một dáng bộ thiu thiu, con ruồi đậu mép không buồn đuổi.

Bảy giờ vào cuối tháng một, trời còn đương rét căm căm, thế mà cái khí phần uất ở đâu nhập vào, khiến cô mồ hôi đổ ra, ướt đầm cả mấy lần áo.

"Thế là những sự mong mỏi của mình hơn một năm nay đổ cả xuống sông xuống biển", cô tự bảo cô như vậy.

Sau khi đã cố nén dạ để chào chồng một cách vồn vã cô uể oải đi cất quang gánh vào buồng và lủi thủi xuống bếp đặt ấm siêu nước. Vừa nhóm bếp cô vừa nghĩ quanh quẩn. "Quái lạ anh chàng văn hay chữ tốt ai cũng phải khen, làm sao đi thi lại cứ hỏng mãi? Hay là khi ở Hà Nội, anh ta bê tha với bọn nhà trò, không tưởng gì đến văn bài, cho nên mới khổ như thế".

Bếp củi đã nổ, cô lại đi lên buồng học với bộ tim gan vô cùng căm hờn. Lúc ấy bà đồ cô Bích cùng đi vắng, ông đồ thì ở nhà trên, trong nhà khách chỉ có mình cô với chàng. Muốn chọc tức chàng một hồi cho hả cơn giận, cô liền gượng cười và hỏi:

- Thế đến hôm nào trường mới xướng danh?

Vân Hạc ngồi trước mặt vợ, vừa xấu hổ, vừa buồn rầu, lại vừa thương hại chàng tưởng nàng chưa biết mình hỏng, liền đáp bằng giọng thật thà:

- Có lẽ xướng danh ngày hôm qua rồi?

Cô vẫn cười:

- Sao mình không ở mà nghe xướng danh lại về sớm thế? Nhường cho thiên hạ tất cả rồi ư?

Bấy giờ Vân Hạc mới biết là nàng mĩa mai, chàng chỉ chống tay lên má, nín lặng không nói chi hết. Cô Ngọc cố trêu:

- Thế khoa này có ai đỗ không?

Vân Hạc như không buồn cất giọng:

- Anh tú đỗ lại, anh hai cũng đỗ tú tài.

Thấy chàng hiểu lầm câu hỏi, cô mới nhớ rằng vì mình giận chồng, thành ra vô ý, không kịp hỏi thăm đến hai anh chồng, liền xoay ra giọng đứng đắn:

- Khôn khổ. Một nhà đến ba người vào phúc hạch mà không ai đỗ cử nhân, đáng tức biết chừng nào! Nhưng thôi, các anh ấy đỗ được một tí tú tài như thế cũng đỡ hờ hờ lỗ lỗ chồng. Bây giờ gần tới mất rồi, sáng mai tôi phải về mừng các anh ấy chứ?

Vân Hạc vẫn chẳng nói chẳng rằng. Cô liền đứng dậy súc ấm lau chén, xuống bếp xách siêu nước lên, rẽ ràng chuyên nước đưa mời chàng uống. Cơn giận vẫn còn chưa hả, cô lại nói nốt câu chuyện đương dở:

- Mình ở Hà Nội về hay ở bên Đào Nguyên sang?

- Tôi ở bên Đào Nguyên sang.

- Mình về Đào Nguyên từ hôm nào?

- Tôi về Đào Nguyên hôm qua. Vì thấy bác giáo Kinh Môn ở trong trường ra, nói là tôi bị hỏng tuột, nên sáng hôm sau, tôi và các anh về ngay, chẳng thiết ở lại xem bảng.

- Xem bảng làm quái gì nữa? Tôi chắc khoa này cũng chẳng ai đỗ.

Vân Hạc phát cáu:

- Sao mình nói lạ như vậy? Cả khoa không có ai đỗ, thì người ta đặt ra thi cử làm gì?

Cô vẫn điềm nhiên:

- Vẫn còn có người đỗ ư? Thế sao mọi ngày mình thường nói rằng: nếu mình không đỗ, thiên hạ chẳng thằng nào đỗ?

Vân Hạc phì cười không nói sao. Cô cầm chén tống sể nước vào chén của chàng:

- Tôi cũng chắc là mình đỗ, có điều tôi vẫn chưa biết mình định cố đeo lều chông đến mấy chục năm nữa. Hay là mình muốn bắt chước cụ Lương Hiệu. Ừ khi tôi học sách Tam tự kinh thấy nói cụ Lương Hiệu tám mươi hai tuổi mới đỗ kia mà. Mình mới hai mươi hai tuổi, hãy còn trẻ chán, đỗ làm gì vội?

Vân Hạc nghe mỗi câu nói của vợ, tưởng như mỗi mũi dao găm đâm vào tim phổi, mặt chàng đã đỏ bừng bừng. Cô càng trêu thêm:

- Này mình ạ? Tôi nghe ngày xưa có nàng gì đó, khi chồng thi hỏng, có đưa cho chồng một bài tứ tuyệt hay lắm, tôi đã dịch ra tiếng nôm, thử đọc để mình nghe nhé?

Rồi không đợi chàng trả lời, cô tiếp:

- Bài ấy như vậy:

"Văn quân trích trích hữu kỳ tài,

"Hà sự niên niên bị phóng hồi?

"Như kim thiếp diện tu lang diện

"Quân dục lai thời, đái dạ lai".

Vân Hạc gượng hỏi:

- Mình dịch ra sao?

Cô đáp:

- Tôi dịch là:

"Nghe anh chữ nghĩa cũng bẽ bẽ."

"Sao cứ năm năm bị đuổi về?"

"Rầy nghĩ mặt chàng, ghê mặt thiếp:"

"Muốn vào, anh hãy đợi canh khuya".

Rồi cô nói thêm:

- Hai chữ "bẽ bẽ" tôi lấy ở câu phong dao "Văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ" đấy mà. "Trích trích hữu kỳ tài" dịch ra "chữ nghĩa bẽ bẽ" cũng được chứ gì. Phải không mình?

Vân Hạc tuy biết là nàng chế mình; nhưng cũng thích rằng nàng có tài dịch thơ, liền đáp:

- Vâng, thưa bà được... Song tôi không bị ai ám. Mình phải biết thế.

Chàng ngừng một lát rồi thêm:

- Nhưng cũng chưa bằng những câu của ông nào đó dịch bài "lạc độ" của Tàu.

Và chàng hỏi:

- Mình đã học đến hay chưa? Bài ấy thế này:

*"Lạc độ viễn qui lai,
Thê tử sắc bất hỷ,
Hoàng khuyến độc hữu tình,
Đương môn ngọc dao vĩ"*

Rồi chàng tiếp:

- Không biết người nào đã dịch ra rằng:

*"Thì hỏng về đến nơi,
Vợ con mặt không vui,
Chó vàng riêng có tình,
Giữa cửa nằm vầy đuôi".*

CÔ Ngọc thấy chàng mắng mình bằng cách xa xôi, sợ chàng đâm khùng, liền tươi cười pha trò:

- Thế ra đối với các ông thi hỏng, vợ con không có tình bằng con chó nhỉ?

Bà đồ cô Bích vừa về đến sân làm cho câu chuyện bị đứt. Cô Ngọc vội vàng đi ra nơi khác, nhường chỗ cho mẹ nói chuyện với chồng. Nhưng mà bấy giờ bụng cô cũng vẫn bồi hồi không nguôi, mỗi lúc trông thấy Vân Hạc, hình như cơn uất lại nghẽn lên cổ, tuy đối với chàng, cô vẫn nồng nàn kính yêu và ở trước chàng cô vẫn giữ được vẻ mặt vui vẻ.

Mãi đến ba, bốn hôm sau, khi được nghe lỏm những câu Vân Hạc nói với ông đồ hoặc các bạn hữu về cái duyên có làm cho chàng hỏng, cô mới bản khoăn hối hận và tự trách mình đã oán trách chồng một cách vô cớ. Từ đó, cô không trách gì Vân Hạc, nhưng lại trách cái số phận của mình: "Anh chàng thi cử vất vả thế này, có lẽ cũng là tại mình. Bởi vì số mình không được làm bà, cho nên anh ta mới bị hỏng mãi. Có đời nhà ai quyền thi "quan trường", quan trường đã định lấy đỗ thủ khoa, rút cục chỉ vì cái tội trẻ tuổi mà đến hỏng tuột? Nếu không vạ lây vì cái số phận của mình, anh ta có đâu lại bị tai hại như thế". Bởi cô nghĩ thế, nên cô lại rất ái ngại cho chàng. Và cô thương chồng bao nhiêu, cô càng đau xót cho cái số kiếp của cô bấy nhiêu.

Những lúc đi chợ, nhiều khi cô đã cất lên đến hỏi những cô thầy bói, hay là những ông thầy số. Nhưng mỗi người nói mỗi khác, kẻ đoán cô lấy chồng làm nên, người bảo cô chỉ có số thanh nhàn, chứ không có số phú quý. Chẳng biết tin ai là phải, cô rất ghê sợ cho cái tương lai của mình. Nhiều lúc vô sự, nhớ đến cái ngày bị bệnh, mê man, lầm nhảm xưng là bà thám bà báng tự nhiên cô thấy hổ thẹn vô cùng, chỉ muốn giấu cái mặt

đi, không muốn trông thấy ai nữa. Vì cô không biết sau này đời mình có được vậy không?

Bây giờ thì không thể nữa. Những sự phiền uất của cô cũng giống như bát nước nóng, mỗi ngày nó mỗi nguội dần. Bây giờ cô đã quên hẳn cái việc hỏng thi của chồng, và chỉ tính ngày tính tháng, mong cho chóng đến tháng mười, để chồng lại đeo lều chõng vào trường.

Là vì tháng mười năm nay lại có thi hương, khoa này mới là chính khoa, còn khoa năm ngoái là ân khoa.

Vì cô sốt sắng với đường công danh của chồng như vậy cho nên nhiều lần Vân Hạc tỏ ý chán sự thi cử, thì cô lại cố kiếm lời ngọt ngào khuyên can một cách thâm thía, khiến cho lòng chàng cũng thêm phấn khởi và lại chịu khó để tâm về việc sách đèn.

Đêm nào cũng vậy, cô đều cố thức rất khuya, hoặc dệt vải, hoặc đánh ống, đánh suốt, hay là khâu vá quần áo, bao giờ Vân Hạc nghỉ học, bấy giờ cô mới đi nằm.

Nhưng dù thức khuya mặc lòng, những lúc Vân Hạc còn đương đọc sách, xem sách, cô không bước chân vào trong buồng học, sợ làm ngăn trở việc học của chàng.

Sáng nay, gà mới cất tiếng gáy thứ nhất, cả nhà còn đương yên giấc, cô đã lật đật trở dậy. Vì phải quét dọn nhà cửa, và phải sắp sửa mâm bát làm cơm để đến trưa nay thết đãi các ông trong hội Kính lạc.

Hội ấy trong nước đã yên, việc học đã dần dần trở lại cảnh thịnh vượng của đời Lê, hầu khắp các tỉnh, trung châu, học trò đều có lập ra những hội văn học, người ta gọi là văn phả. Kính lạc văn phả của vùng Vân Trình cũng như các văn phả của hạt khác, chủ ý chỉ để làm nơi luyện tập văn chương của các học trò gần đây. Văn phả ấy dựng lên đã mười năm nay, người ta mời cụ Nghè Quỳnh Lâm và cụ cử Mai định làm trưởng. Thường lệ cứ đến năm nào có khoa thi, thì một tháng hai kỳ, người trong văn phả họp lại một chỗ để cùng làm văn nhật khắc. Đầu bài do hai cụ trưởng ra cho, văn làm xong

rồi, cũng lại đưa nhờ hai cụ chăm giúp. Các cụ làm trưởng văn phả, chỉ để khuyên lệ học trò, không có lợi lộc gì cả. Người trong văn phả, ngoài việc mừng phúng các bạn đồng phả, quanh năm không phải đóng góp đồng nào. Chỗ hội họp của văn phả cũng không nhất định, nay ở làng này, mai ở làng khác, hoặc do một người trong hội mới về, hoặc do tổng lý hiếu học mời đến. Làng nào có người mời, văn phả sẽ làm văn ở làng ấy. Theo lệ, những người sở tại chỉ phải cung đốn trầu nước, điều đón mà thôi. Nhưng nếu ai có hảo tâm, thết đãi chè rượu, văn phả cũng không từ chối.

Kỳ này đến lượt Vân Hạc đón về Vân Trình. Mọi lần văn phả vẫn làm văn ở các đình chùa, vì số anh em trong phả có đến ngoài bốn chục người, nhà tư không đủ chỗ chứa. Lần này vì ông đồ Vân Trình muốn thết các bạn của rể một tiệc để mua vui cho cảnh già, cho nên mới bảo Vân Hạc hẹn các anh em về nhà mình.

Từ mấy hôm trước, ông đồ đã dặn cô Ngọc sắp sẵn các đồ làm rượu, và bảo mấy người con em trong làng phải đến phục dịch.

Lúc ấy cô Ngọc rửa mặt chải đầu vừa xong, bọn người phục dịch cũng vừa kéo đến. Bấy giờ cả nhà đã đều trở dậy. Theo lời dặn của ông đồ, cô liền sai bảo bọn đó, mỗi người giúp đỡ mỗi việc: kẻ thì kê lại giường ghế trên nhà thờ, người thì quét sạch nền nhà tiền tế và trải chiếu liên, chiếu lía la liệt xuống đó.

Các việc lật vật đã yên, cô bảo họ vào chuồng bắt lợn làm thịt.

Mặt trời lên khỏi mặt đất chừng hai con sào. Đốc Cung và độ hơn mười người nữa lẻ tẻ kéo tới. Thấy cô lật đặt chạy ra chạy vào, Đốc Cung cười hỏi:

- Chị giết lợn để thết chúng tôi đây chắc?

Cô lễ phép đáp:

- Phải ạ. Thày em muốn mời các bác hôm nay ở đây xơi rượu.

Đốc Cung vẫn cười:

- Cái đó tôi biết rồi. Nhưng chị làm rượu bằng cả con lợn, thì cũng hoang quá.

Cô vui vẻ nói:

- Thưa bác có gì mà hoang? Thày em còn muốn mời thêm mấy ông trong họ và trong làng nữa. "Khách ba chủ nhà bảy", nếu không giết lợn thì không thể đủ.

Rồi đó, Đốc Cung và những người kia cùng theo Vân Hạc lên nhà thờ sau khi đã chào ông đồ ở nhà khách.

Chừng nửa giờ nữa, anh em văn phả cùng đến đủ mặt. Cũng như bọn Bùi Đốc Cung, ai nấy kéo lên nhà thờ và ngồi ngổn ngang ở khắp các chỗ. Bút mực lỏng chống bầy ở trên chiếu. Nón sơn nón dứa ngổn ngang úp lên mặt tường. Giữa những tiếng nói huyên thiên, Nguyễn Khắc Mẫn xăm xăm tiến vào với mảnh giấy đầu bài mới lĩnh ở nhà cụ nghệ Quỳnh Lâm.

Kỳ này tập theo thể lệ của kỳ đệ tam trong chương trình thi hội, cụ nghệ ra cho ba bài: một bài chiếu, một bài biểu, và một bài luận. Bài thứ nhất là:

"Nghĩ Đường Thái Tôn quảng học xá tăng sinh viên chiếu". Bài thứ hai là "Nghĩ Tống Giao mong tứ cập đệ tạ ân biểu". Còn bài thứ ba thì là: "Hán văn cung kiệm luận".

Sau khi coi các đầu bài, Đốc Cung bảo với Vân Hạc:

- May được hai bài "tứ lục" đều ít cổ hủ.

Khắc Mẫn chưa làm tứ lục bao giờ, cho nên chưa hiểu lẽ lối, liền hỏi:

- Cổ hủ là thế nào?

Vân Hạc đáp:

- Tức là tên hủ của đời cổ. Thí dụ như bài chiếu này, mình làm ra lời vua Thái Tôn nhà Đường; thì kiêng chữ "uyên" chữ "dân", vì "dân" là tên "Thái Tôn", mà "uyên" thì là tên bố "Thái Tôn". Còn bài biểu phải làm ra lời Tống Giao, thì không được dùng chữ

"nghĩa" chữ "dận". Vì Tống Giao là người đời Tống, mà chữ "dận", chữ "nghĩa" thì là tên Tống Thái Tổ và Tống Thái Tôn, không lẽ ông Trạng nhà Tống lại không kiêng tên ông vua Tống hay sao? Đây là tôi mới nói qua, thực ra còn phải kiêng nhiều chữ nữa, ví như tên mẹ, tên bà các ông vua kia chẳng hạn.

Khắc Mẫn lắc đầu:

- Trời đất ơi! Kiêng một chữ huý đời nay chẳng đủ chết ư? Lại còn kiêng cả chữ huý đời xưa! Vậy làm thế nào mà biết những của tội ấy?

Đốc Cung đáp:

- Vào trường mà quên thì đành chịu phép, nhưng đây là làm văn ở nhà quên đâu cứ việc giở sách ra đây, lo gì?

Câu chuyện vừa hết, một lũ chừng bảy tám cậu học trò tí nhau vừa ở phía nhà khách lau tau kéo lên.

Cậu này xách ấm nước, cậu kia bưng chiếc điều đàn, vài ba cậu khác lễ mễ ôm những chõng bát hoa cúc.

Sau một hồi "lạy các bác ạ" nhao nhao tự ngoài đầu thềm đưa vào, các cậu lần lượt đặt hết đồ đạc vào các ghế chiếu.

Cuộc hành văn bắt đầu.

Ba gian nhà thờ và ba gian tiền tế đã thành một khu trường thi, nếu nó có thêm một ít lều chõng.

Quang cảnh lúc ấy mới là kỳ dị. Nhà dưới cũng như nhà trên, các ông học trò xúm lại từng tốp, chỗ năm người, chỗ ba người, có chỗ đến sáu bảy người.

Ông này rung đùi ngâm nga, ông kia viết lia viết lịa.

Có ông khom khom cúi gù lưng tôm. Có ông úp ngực sầm sập xuống chiếu. Bên cạnh mấy ông nằm ngang, kẻ đến vài ông nằm dọc. Sau lưng những ông chống đầu trở ra. lại có các ông quay đít trở vào. Họ bàn nhau, họ bẻ nhau, họ hút thuốc vặt, họ hỏi nhau về những chỗ sách bị quên. Trong nhà, lúc thì im lặng như tờ, lúc lại âm âm như chợ vỡ.

Mãi trời từ từ lên khỏi ngọn buồm, ánh nắng lui xuống nửa bức màn mỏng, tự nhiên thấy mất Khắc Mẫn. Vân Hạc tưởng thầy trốn lên nhà học làm văn cho tĩnh cho nên cũng không để ý. Nhưng khi chàng về nhà học thì cũng không thấy hỏi khắp mọi người chẳng ai biết thầy đâu cả. Gần trưa, Vân Hạc đã viết xong một bài chiếu và nửa bài biểu. Khắc Mẫn vẫn chưa về.

Cả nhà đều lấy làm lạ. Người ta cho là Khắc Mẫn không quen nghề văn tứ lục nên thầy bỏ không viết nữa. Thành linh có cậu học trò bé con ngơ ngác chạy vào nói nhỏ với Vân Hạc:

- Thưa cậu, ông Mẫn làm sao không biết, cháu thấy ông ấy vào trong chuồng tiêu từ sáng đến giờ chưa ra.

Vân Hạc phì cười:

- Không lẽ nó định chiếm cái nhà xí của mình?

Rồi chàng lật đật chạy ra sau vườn và gọi thật lớn:

- Mẫn ơi, mày ngủ trong ấy đấy à?

Khắc Mẫn huỳnh huých từ trong chuồng tiêu chui ra và khi khi cười không trả lời.

Thì ra thầy đương cố nghĩ một câu tứ lục, mà không nghĩ ra, tâm thần mãi miết đi theo tư tưởng, khiến thầy không ngửi thấy mùi hôi nồng và quên rằng mình đương ngồi ở trong nhà xí. Nếu như Vân Hạc không gọi, chưa biết thầy sẽ ở đó đến bao giờ.

Trở về nhà thờ, Vân Hạc vừa cười vừa nói với đông cả đám:

- Té ra ông ấy nghĩ văn ở chuồng tiêu. Thật không kém gì Âu Dương Tu.

Rồi chàng tiếp:

- Ở sách Quy điền lục, ông âu Dương Tu có nói: bình sinh ông ấy làm văn, phần nhiều ở ba chỗ "trên", trên gối, trên chuồng xí và trên lưng ngựa. Vì những chỗ đó đều rất có thể nảy ra tứ văn. Có lẽ ông Mẫn nhà mình cũng định đi tìm tứ văn như cụ Âu Dương đây hẳn?

Khắc Mẫn vừa vào. Cả đám đều phá lên cười. Đốc Cung nói thêm:

- Thằng nào vô phúc hôm nay gửi văn ông Nguyễn Khắc Mẫn?

Trời đã đúng trưa, quyền của học trò đóng dấu nhật trung gần hết. Người nhà ông đồ nghễu nghện bung lên những mâm xôi chè đầy lù. Sau khi xin phép các ông học trò, bọn đó lần lượt đặt hết các mâm vào khắp các dãy giường chiếu.

Ông đồ với bộ khăn áo chỉnh tề, cung kính đi khắp các chiếu để mời anh em điểm tâm. Rồi ông cũng ngồi luôn đó uống nước với họ.

Tiệc nước cử hành trong khoảng nửa khắc, cuộc hành văn lại tiếp tục một cách sốt sắng. Nhiều người đã xong bài chiếu, có người xong cả bài biểu, tiếng ngâm vang mấy gian nhà, như muốn làm xô các lớp mái ngói.

Vân Hạc như mọi khi làm văn rất nhanh, hôm nay vì phải luôn luôn chạy đi chạy lại, cho nên cũng mất thì giờ. Mặt trời tà tà, chàng mới viết được đủ quyền, lại phải trở về nhà khách xem sóc cỗ bàn.

Ngôi chùa đầu làng vắng vắng điểm tiếng chuông chiều. Ngoài nẻo điểm tuần, dịp trống thu không, mỗi lúc mỗi rút ngắn lại.

Bảy giờ hơn ba phần tư học trò đã viết xong quyền. Mấy ông chưa xong cũng phải viết quấy viết quá cho xong.

Trong mấy bộ dạ dày đựng chữ, hình như mấy bát xôi chè đã cùng theo chữ mà hóa ra văn, lắm ông đã thấy đói cuống đói cuống. Những ông sỗ sàng càng thúc Vân Hạc có cho uống rượu thì bảo bùng mâm mau mau.

Các quyển đã được thu vào một đồng, trường văn liền biến ra một đám khao. Dưới tiền tế cũng như ở trên nhà thờ, những dây mâm giàn thẳng tắp chạy suốt từ ngoài cửa vào trong vách.

Một lần nữa, ông đồ chỉnh tề khăn áo ân cần mời bọn hậu sinh.

Mấy ông già trong họ ngoài làng của ông cũng bị mời cả lên đó.

Dưới ánh sáng rực rỡ của hai dãy quang đèn, tiệc rượu rầm rập khai cuộc trong một cảnh tượng lễ độ và thân mật sau khi mấy người hơn tuổi đã thay mặt anh em đi chào cô Ngọc và bà đồ. Mặt trăng lên đến đỉnh đầu, cuộc rượu mới tan.

Bảy giờ đã cuối tháng hai, tiết trời bắt đầu âm áp.

Hết thầy mấy chục học trò đều ngủ lại đó. Mờ sáng hôm sau, mọi người lẻ tẻ ra về, trừ mấy ông bạn thân của Vân Hạc.

Trước sự sốt sắng của nhà vợ, Vân Hạc vô cùng cảm động. Chàng tự thấy rằng nếu mình không đỗ, thật là một kẻ đại tội với gia đình. Vì vậy chàng càng cố gắng, mỗi tháng ngoài những kỳ tập ở trường cụ bảng Tiên Kiều, chàng không bỏ một kỳ văn nào của anh em văn phả. Từ đây đến ngày sắp thi, ròng rã trong bảy tám tháng, trừ những lúc ăn lúc ngủ, tay chàng cơ hồ không rời quyển sách lúc nào.

Thấy chàng mãi miết về việc đèn sách, cô Ngọc sung sướng rất mực.

Chương XIX

Lần này cái việc đi thi đối với Vân Hạc đã thành một việc rất thường, không hơn gì việc vợ chàng đi chợ. Vì đã hỏng đến ba khoa liền, chàng không dám coi là việc !ong trọng. Tuy rằng trước ngày khởi hành, họ nội họ ngoại cũng vẫn tiễn tặng cầu chúc như xưa, nhưng mà người ta ân cần với chàng bao nhiêu, chàng càng tự thẹn bấy nhiêu.

Cái đáng cho chàng áy náy hơn hết là sự săn sóc chu đáo của cô Ngọc. Trong bộ hành trang của chàng, nào tiền bạc, nào áo quần, nào đồ dùng lặt vặt, nào lọ thuốc gió để phòng giữ mình trong khi trái tiết trở trời, cái hôm chàng sắp trẩy trường, cô đã sắp sửa cho nữa. Chính tự tay cô bó buộc lều chõng, kiểm soát bút mực giấy má của chàng khi chàng bước chân ra đi. Sự chu trí ấy nó đã khiến chàng cảm động bồi hồi, và tự nghĩ thầm: "Tội nghiệp, đàn bà cũng thích công danh đến vậy? Khoa này nếu mình hỏng nữa, thì phụ lòng vợ biết chừng nào?"

Nghĩ vậy, chàng phải từ chối tất cả những món tiền tặng của họ xa họ gần. Với các thức của vợ dự bị, chàng đã lui thủi lên đường một cách không trống không kèn. Bấy giờ Đoàn Bằng đã chán trường ốc, Tiêm Hồng thì đương bị bệnh, cả hai đều cáo không thi. Trong nhà trọ chỉ có chàng và Đốc Cung, Khắc Mẫn, ông chủ nhà trọ tuy vẫn hết sức quý trọng, nhưng quang cảnh vẫn không vui bằng năm xưa.

Ở trọ thăm thoát đã gần hai tháng, chàng không về quê lần nào.

Mọi khoa, mỗi kỳ thi xong, chàng đều vững chắc trong lòng, khoa này mỗi lần ở trong trường ra, chàng lại băn khoăn lo ngại, không biết kỳ sau có được vào không?

May sao trong ba kỳ trước ba người đều được vào cả. Đến kỳ thứ tư, Khắc Mẫn bị hỏng, chàng và Đốc Cung hết sức ngậm ngùi. Vì có Đốc Cung với chàng cố tình chèo kéo, khuyên bày ở lại xem bảng tú tài, cho nên Khắc Mẫn cũng không về vội.

Nhiều lần Đốc Cung, Khắc Mẫn dắt nhau đi chơi bê tha họ cũng rủ chàng, nhưng chàng nhất định không đi. Những lúc đó một mình nằm buồn, nhẩm lại văn bài các kỳ, và thấy kỳ nào của mình cũng rất xuất sắc chàng cũng tự phụ: "Không lẽ văn chương thế này mà còn hỏng nữa". Nhưng cái tự phụ chỉ là chuyện trong chốc lát, còn sự lo hỏng thì vẫn quanh quẩn đeo chàng suốt ngày suốt đêm. Không phải chàng quá mê man về đường công danh. Nhiều khi chàng đã tự hỏi. "Đỗ để làm gì?". Ngoài cái ý định làm sướng lòng người vợ thân yêu, chàng không nhận thấy sự thi đỗ đối với đời ấy còn có ý nghĩa gì khác. Thế mà không hiểu vì sao chàng chỉ mơn nớp sợ rằng không đỗ. Tuy chàng luôn luôn lo ngại, nhưng ở quanh chàng anh em họ mạc đều rất vui mừng. Từ khi được tin chàng vào phúc hạch, Hải Âu, Đoàn Bằng, Tường Loan, Cương Phụng tức thì rủ nhau ra chơi. Rồi thì bà con của Đốc Cung, Vân Hạc cũng đều lục tục kéo đến để mừng người nhà của họ. Nhà trọ lúc nào cũng đầy những người.

Sau khi coi những bản giáp các kỳ của chàng, mọi người đều phải tấm tắc khen ngợi. Hải Âu, Đoàn Bằng cho là hai kỳ thơ phú, văn sách phê ưu được cả. Rồi cả nhà đều nhắc đến đạo chỉ dụ khoa trước, ai cũng quyết là chàng đỗ thủ khoa.

Nhưng, sự dự đoán ấy vẫn không thể làm cho chàng vui lòng tuy là nó rất có lý.

Vì chàng tự biết chàng hơn ai hết. Trước kia chàng vẫn tin ở tài học. Có học, có tài, tự nhiên phải đỗ, mọi năm chàng vẫn nghĩ thế. Song từ trận hỏng khoa trước, chàng thấy cái học cái tài không đủ bảo đảm cho việc khoa trường, thì chàng lại tin ở số mệnh. Và chàng cho rằng hỏng hay đỗ chẳng qua là sự may rủi. Nếu như học giỏi văn hay mà đỗ thì năm ngoái mình đã đỗ rồi. Chỉ của triều đình năm ngoái tuy có hứa cho mình đỗ thủ khoa thật đấy, nhưng năm ngoái một ông chủ khảo, năm nay một ông chủ khảo, biết rằng người ta có nhớ nhờ cũ mà nhắc lại cho không?

Ấy cũng vì thế mà ai rằng đỗ mặc ai, chàng vẫn gờm gờm trong bụng.

Tóm lại, lúc ấy chàng cũng giống như con chim đã hai ba lần phải cung, bây giờ lại thấy cây cong, tự nhiên là phải chột dạ, cho nên những khi cả nhà chè chén cười đùa,

chàng cũng cố làm ra bộ vui vẻ, nhưng hễ chột nghĩ đến nạn khoa cử, nét mặt lại hiện ra vẻ bản thân.

Nhất là từ đêm đến giờ, tim chàng thấy hồi hộp hơn nữa.

Vì ngày nay là ngày xướng danh, cái ngày quyết định sự thắng bại của chàng.

Từ lúc trống canh mới điểm bốn tiếng, chàng đã trần trọc không thể nằm yên, hình như Đốc Cung cùng một tâm trạng như chàng cho nên cũng thấy luôn luôn cựa cựa.

Con gà hàng xóm mới cất tiếng gáy, ông chủ nhà trọ đã khua thùng nhỏ dậy đốt đèn đun nước. Ánh sáng chói vàng của ngọn lửa đóm lửa vào trong nhà làm cho cả nhà đều phải thức giấc và đều ngồi dậy.

Ngoài sân còn tối như bung. Gió bắc vật các tàu cau thành phạch. Hơi lạnh của những giọt sương mới đọng theo các khe cửa thun thút lửa vào trong nhà. Mọi người đều thít tha kêu rét. Vân Hạc, Đốc Cung dường như cảm thấy sự rét nhiều hơn. Cả hai đều run cầm cập, tuy ở sau lưng vẫn quần bức chắn sù sù.

Với bộ mặt tươi như con rói, ông chủ nhà trọ tay xách siêu nước, tay bưng khay chén, đặt vào giữa phản và bảo người em Đốc Cung:

- Cậu pha nước giùm, để tôi chạy lên cửa trường xem sao.

Và không đợi ai trả lời, ông ấy nhanh nhẩu quay ra, và nhanh nhẩu xuống thềm đi thẳng.

Trời rạng đông. Hồi trống tan canh lần lượt dồn nhau ở các đầu phố. Mấy chị hàng quà ồng ọ ra bằng những tiếng chua lòm. Bấy giờ Vân Hạc, Đốc Cung ruột gan càng nóng hôi hổi, thì giờ của hai chàng lúc ấy mỗi phút mỗi thấy quan hệ.

Dưới ánh đèn le lói, trong nhà như vẽ ra một cảnh tượng hỗn tạp. Hải Âu, Đoàn Bằng thân nhiên như thường, Khắc Mẫn buồn như chấu cắn, Vân Hạc, Đốc Cung luôn luôn

có vẻ băn khoăn. Các ông họ Nguyễn, các ông họ Bùi cũng như Cương Phụng, Tường Loan ai nấy cười cười nói nói vui như tết.

Tuần chè thứ nhất đã cạn khắp lượt. Hải Âu rõ ràng bảo Vân Hạc, Đốc Cung:

- Bác và chú đừng lo, tôi chắc thế nào cũng đỗ.

Rồi thày tiếp:

- Tôi tính trên đời không gì sướng bằng lúc bắt đầu biết mình thi đỗ. Vì sự thi đỗ đối với học trò giống như một cuộc đổi lột, nó đã làm cho người ta trút hết những hoàn cảnh cũ, đi đến hoàn cảnh mới.

Đốc Cung cười:

- Thế sao bác không đi thi?

Hải Âu cũng khôi hài:

- Tôi phải nhường cho bác chứ sao!

Trời mờ sáng, ngoài phố xôn xao tiếng người. ông chủ nhà trọ tất tả chạy về.

- Thừa các quan, cửa trường đã mở rồi ă! Lính tráng đã khiêng hai chiếc ghế treo ra đây rồi ă. Hai ông quản tượng đã dắt hai ông voi già đợi ở ngoài trường rồi.

Rồi quay thẳng xuống phía nhà dưới, ông ấy quát tháo người nhà:

- Chúng bay làm cơm mau lên, để hai quan tân khoa xơi rượu, rồi các ngài còn phải đi lĩnh mũ áo.

Đốc Cung phì cười:

- Có lẽ ông này sẽ lấy hai thằng đỗ cả đây chắc? Sao mà quyết đoán như vậy?

Ông chủ nhà trọ nghe thoáng vào tai, liền đáp:

- Vâng cháu quyết lắm. Cháu quyết ba quan năm nay đỗ cả, hai quan cử nhân, một quan tú tài. Bởi vì hồi đầu tháng mười, cháu đã ba lần mơ thấy nhà cháu bị cháy, hai lần cháy to, lửa bốc rực trời, và một lần cháy nhỏ. Đây là điềm hai quan cử và một quan tú chứ gì.

Cô nhiên Vân Hạc vẫn không tin gì cái mộng của ông chủ nhà. Nhưng giọng nói sôi nổi của ông ấy cũng làm cho chàng cảm xúc rất mạnh, mất cả cơn lo. Và cũng không mừng. Chính chàng cũng không thể tả được tâm trạng của chàng lúc ấy ra sao, chỉ thấy trống ngực mỗi lúc một mạnh, tưởng như ngồi cạnh máy thước cũng nghe rõ những tiếng thành thịch.

Tường Loan, Cương Phụng, người nhà Đốc Cung, người nhà Khắc Mẫn đều rới rít sắm sửa quần áo để lên cửa trường.

Trời sáng rõ, ngoài đường hàng xứ lũ lượt đi xem xướng danh. Vân Hạc, Đốc Cung đều không dám lộ mặt ra khỏi cửa, tuy rằng trong lòng cực kỳ náo nức, chỉ muốn ra xem ngoài ấy thế nào? Tiêm Hồng rẽ ràng hỏi Đốc Cung, Vân Hạc:

- Bác và chú chắc đều chưa có áo tấc?

Đốc Cung khiêm tốn:

- Chắc gì chúng tôi đỗ được, mà bác hỏi đến cái đó?

Hải Âu xen:

- Kể ra cũng nên dự bị thì phải. Nếu không lúc cần đến thì tìm đâu ra?

Ông chủ nhà trọ ở đâu chạy vào:

- Thưa các quan, nhà cháu có chiếc áo tấc mới may tháng tám vừa rồi. Nếu các quan dùng, cháu xin đưa ra và xin mượn thêm của cụ Bát bên kia chiếc nữa.

Khắc Mẫn hỏi:

- Tôi tưởng các anh ấy đồ sẽ có mũ áo Vua ban?

Tiêm Hồng đáp:

- Nhưng trước khi lĩnh của nhà vua, nghĩa là sau khi người lính xướng danh gọi đến tên mình, mình đã phải mặc áo tấc kia mà! Vả lại, nhà vua ban mũ và áo cho các công sĩ, là để các ông ấy mặc trong khi thi đình, không phải để dùng trong lúc xướng danh. Nếu mình không sẵn áo nhà thì làm thế nào?

Ông chủ nhà trọ đã toan đi xuống, lại quay mặt lại:

- Thưa các quan, cháu đã dự sẵn con lợn rồi ạ. Khoa này quyết là các quan phải khao nhà trọ.

Rồi, ông ấy cười giòn khanh khách.

Vân Hạc vội ngăn:

- Ấy chết. Chắc về cái gì mà ông mua non mua già như thế? Nếu mà tử thân con lợn là tại ông đấy.

Trời loe nắng, mấy con chào mào trên ngọn cau thi nhau đưa những tiếng hót đặc ý, như muốn chào ánh sáng tươi đẹp của trời mai.

Ngoài cổng có tiếng người chạy huỳnh huých, Tường Loan nhảy chân sáo từ ngoài tiến vào và thở hồng hộc:

- Anh Hạc đồ...! Anh Hạc đồ thủ khoa!

Nói hết một câu, Tường Loan như bị đứt hơi, anh ta ngồi phịch xuống phản để thở một hồi dài nữa. Vân Hạc lúc ấy trong mình không thấy cảm tưởng gì khác, nhưng trông ngực thì càng thúc già. Chàng muốn hỏi Tường Loan tại sao biết là mình đồ mà vẫn không hỏi được. Đốc Cung bấy giờ mới thấy nóng lòng nóng ruột.

Ngực chàng như muốn thi với ngực Vân Hạc, nó phát những nhịp thành thịch dữ dội như trống hô thủy.

Ngoài cửa lại có tiếng chân huỳnh huých chạy vào, Cương Phụng múa cả hai tay và nói bằng giọng hồn hên:

- Thủ khoa về anh Hạc rồi!

Tiêm Hồng đầy nét vui vẻ trên mặt:

- Ủ, có thể chứ? Khi nào triều đình lại quên lời hứa.

Rồi thầy hỏi bọn Cương Phụng, Tường Loan:

- Nhưng đích là tai các chú nghe tiếng, hay mới thấy người ta kháo nhau?

Tường Loan đã bót thờ, liền thưa:

- Đích là tai em nghe tiếng! Bấy giờ em lên đến nơi, cửa trường đã đông ngậm nghịt, thiên hạ hàng xứ đứng chật vòng trong vòng ngoài. Thấy người ta reo quan chánh chủ khảo và quan đề điệu đã ra, em cố len vào trong lớp trong cùng, quả nhiên thấy có hai ông cầm hốt, đi hia, đội mũ cánh chuồn, mặc áo thủy ba, đương xúng xính treo lên hai chiếc ghế tre. Đấy hẳn là quan đề điệu và quan chủ khảo. Em đứng một lát, thì thấy một người ăn mặc giống như thầy thông.

Cương Phụng xen:

- Đấy là người lại phòng. Cái người cầm quyền sổ ấy chứ gì. Lúc ấy tôi cũng ở đấy.

Tường Loan vội đón:

- Phải. Cái người cầm quyền ấy. Ông ta nhìn vào quyển sổ, rồi nói nhỏ với người lính mặc áo nẹp đỏ sau đó, người lính ấy liền trông ra ngoài và gân cổ xướng một câu thật lớn như vậy:

"Cử nhân đệ nhất danh, Đào Vân Hạc. Niên canh nhị thập tam tuế, quán tại Sơn Tây, Đào Nguyên xã".

Em nghe thấy tên anh Hạc, sững quá đi mất, đương sắp lách ra, thì ở phía ngoài lại có người lính cũng áo nẹp đỏ, cầm loa ngựa mặt lên trời và lại gọi thêm một lần nữa. Lúc em ra được bên ngoài, thì thấy hai người quản tượng cười hai con voi đi ra hai ngả.

- Người ta bảo họ đi tìm ông thủ khoa, không biết có phải hay không?

Ông chủ nhà trọ lính quỳnh chạy vào và góp một câu:

- Bẩm phải đấy ạ! Các ông quản tượng đi xướng danh ở các phố đấy ạ! Bẩm các quan, cháu nói có sai đâu. Các ngài đỡ cả ạ?

Rồi ông ta lập tức chạy xuống nhà dưới, rồi rít giục người nhà bung mâm để quan thủ khoa xơi rượu.

Vân Hạc lúc ấy không khác một người trong mộng, ruột gan tưởng như trăm hoa đua nở, đời chàng chưa có lúc nào thấy sự kích thích lạ lùng như lúc này.

Chàng muốn cố giữ nét mặt bình tĩnh cho khỏi lộ vẻ mừng rỡ, nhưng mà không sao giữ được những sự đắc ý như cứ thi nhau hiện trên đôi mắt đôi môi và nó bắt chàng đi đi lại lại khắp mấy gian nhà mà không tự biết.

Thằng nhỏ đã bung mâm lên. ông chủ nhà trọ cúi đầu chấp tay tỏ vẻ cung kính.

- Bẩm xin rước quan thủ khoa và các quan xơi tạm chén rượu.

Khắc Mẫn nhìn Hải Âu và nói:

- Tôi tưởng hãy để anh Hạc đi lĩnh mũ rồi về uống rượu cũng vừa. Hôm nay anh ấy phải tiếp chúng mình một bữa thật lâu, chứ nếu ăn chập, ăn chuội thì còn thú gì?

Ông chủ nhà trọ tỏ ra một người quen việc:

- Bầm cuộc xướng danh còn mãi đến chiều mới xong kia ạ! Nếu quan thủ khoa không xơi cơm tạm, e rằng đói quá.

Hải Âu nói lời:

- Phải, ở trường thi cứ gọi được người này, mới lại xướng tên người khác. Thế mà các quan tân khoa, nghe đến tên mình đã chịu ra ngay cho đâu? Các ngài còn trùng trùng chán. Gọi hết hai năm ông cử, có lẽ phải đến chiều thật.

Hải Âu liền giục Vân Hạc, Đốc Cung và tất cả nhà cùng đi uống rượu, ai nấy vừa ngồi yên chỗ, bỗng thấy có tiếng ầm ầm. Rồi đến tiếng trẻ con hò reo:

- Ô kìa ông voi!

- À voi đi gọi các ông cử nhân mới đỗ.

Tường Loan, Cương Phụng và nhiều người khác vội bỏ mâm rượu ùng ùng chạy ra.

Một con voi già lụ khụ như dáng bà cụ đương ở đầu phố khệnh khạng đi lại với người quản tượng bệ vệ ngồi trên chiếc bành. Nghênh ngang giờ cái loa đồng lên trời, người quản tượng lấy hết hơi sức và xướng:

"Cử nhân đệ nhất danh Đào Vân Hạc! Niên canh nhị thập tam tuế, quán tại Sơn Tây tỉnh, Đào Nguyên xã?" Nhờ con voi già lệch thẹo kéo đi, hồi loa ầm ồ chạy từ đầu phố mãi đến cuối phố mới hết. Người quản tượng tạm nghỉ giây lát, rồi lại chiếu lại một hồi loa khác.

Chờ cho con vật theo lũ trẻ con hàng xứ rẽ sang phố khác. Tường Loan, Cương Phụng và các người kia mới cùng trở vào. Mâm cơm vẫn còn chờ đợi, Vân Hạc nhìn Đốc Cung và nói một cách đặc ý:

- Bây giờ tao quyết là không hỏng nữa.

Đốc Cung ra bộ lo ngại:

- Còn tao không biết thế nào.

Rồi đó, ai ngồi vào chỗ của nấy, Vân Hạc cũng như Đốc Cung, chẳng thiết gì sự ăn uống. Bữa cơm chỉ trong chốc lát thì xong.

Ông chủ nhà trọ đệ lên hai chiếc áo tấc xếp trong khăn gói:

- Thừa các quan, tôi đã sắp sẵn đôi áo, để quan thủ khoa và quan cử mới dùng tạm.

Đốc Cung xua tay:

- Cái nào của quan thủ khoa thì để lại đây, còn cái nào ông mượn cho tôi thì xin cất đi, chưa chắc tôi có dùng đến hay không.

Ông chủ nhà trọ tươi cười:

- Bẩm có ạ. Cháu chắc thế nào lát nữa ngài cũng phải dùng.

Hải Âu pha trò:

- Thôi thì cứ đem đi cả, hễ bác Cung không mặc thì tôi mặc?

Rồi Hải Âu bảo ông chủ nhà trọ cho thằng nhỏ cấp chiếc khăn gói theo hầu. Mọi người lũ lượt kéo đi, ở nhà chỉ còn Đốc Cung với bộ ruột gan nóng như lò lửa.

Trẻ con hàng phố sao mà tinh quá? Vân Hạc vừa nhô ra cửa, chúng đã vỗ tay bảo nhau:

- A, ông thủ khoa đây rồi?

- Ồ ông thủ khoa trẻ nhỉ?

- Không biết ông thủ khoa đã có vợ chưa?

Hàng trăm con mắt chòng chọc trông vào, kẻ khen ông thủ khoa đẹp, người bảo ông thủ khoa tươi.

Giữa sự chỉ trở nhìn ngắm của hàng xứ, Vân Hạc theo bọn Hải Âu đứng đỉnh lên phố Trường Thi. Khi sắp tới nơi, ở nẻo xa xa có tiếng thỏ thẻ đưa lại:

- Ai muốn xem mặt ông thủ khoa mới thì ra, ông ấy đã đến kia kìa!

Theo sau mấy tiếng ổng ọ, đào Phượng, đào Cúc thướt tha dẫn lại với một bộ điệu ổng ọ.

Tới gần Vân Hạc, hai ả chấp tay vái dài và cười bằng nụ cười của nhà nghề:

- Bẩm quan thủ khoa đã lên ạ! Một năm trời nay mất quan thủ khoa, chúng em tưởng...

Vân Hạc sẽ hỏi:

- Tưởng chết mất rồi, phải không?

Hai ả cùng đáp:

- Đâu dám thế. Chúng em tưởng rằng ngài bán cái xới Hà Nội.

Vân Hạc vội vàng lảng ra:

- Thôi hãy hãm các chuyện lại, để dành đến hôm tôi khao nhà trọ. Bây giờ lỡ tai người ta còn nghe xướng danh.

Và chàng đưa mắt cho cả hai ả, như muốn tỏ rằng có các ông anh cùng đi, không tiện nói chuyện.

Đào Phượng cố ý hỏi thêm câu nữa:

- Thế còn anh Cung đâu mất?

Vân Hạc sẽ đáp:

- Anh ấy sắp lên bây giờ.

Đào Cúc vỗ tay:

- Thế thì sung sướng quá nhỉ! Chúng tôi đi đón anh Cung.

Hai ả tiến xuống nẻo dưới, Vân Hạc và bọn Hải Âu thì đi lại phía cửa trường.

Người ở đâu đến mà nhiều như vậy? Trên một khu đất ở ngoài cửa tiền, đầu người lố nhố như một đám nấm sau trận mưa xuân, kẻ lách ra, người cố chen vào, không biết họ xem cái gì.

Vân Hạc đứng chờ một hồi khá lâu, chàng đã bồn chồn nóng ruột, bỗng có tiếng loa ậm ọe đưa ra cũng đúng như tiếng lúc nãy:

-Cử nhân đệ nhất danh Đào Vân Hạc? Niên canh nhị thập tam tuế, quán tại Sơn Tây tỉnh, Đào Nguyên Tiếng "xã" vừa dứt, Vân Hạc liền bảo thằng nhỏ nhà trọ:

- Mày to tiếng, dạ đi hộ tao.

Thằng nhỏ quay mặt trở vào, ưỡn ngực dạ một tiếng thật lớn.

Như đoàn tên của toán lính cung nỏ chĩa vào quân địch, trong đám đông có bao nhiêu mặt đều xô về phía Vân Hạc. Người ta ồn ào hỏi nhau:

- Không biết ông nào là ông thủ khoa?

Thằng nhỏ nhà trọ liền mở khăn gói lấy chiếc áo tấc cho Vân Hạc.

Với một dáng bộ hùng dũng như ông mãnh tướng phá vòng vây, người lính áo nẹp theo chỗ tiếng dạ múa roi dẹp đánh hàng xứ, để cho khu đất cửa trường có một lối đi. Theo người lính ấy, Vân Hạc lách xính đi vào với Cương Phụng.

Trên chiếc ghế treo kê ở phía hữu, ông chánh chủ khảo với chiếc mũ cánh chuồn đương ôm cây hốt ở ngực, đối nhau với ông chánh đề điệu và chiếc mũ võ ngồi ở mặt ghế phía tả.

Sau khi vái chào quan chánh chủ khảo, Vân Hạc quay sang vái chào quan chánh đề điệu.

Bằng một giọng trọ trẹ khó nghe, ông chánh chủ khảo nói những câu gì không rõ, rồi ông chánh đề điệu chỉ đám mũ áo để trên một chiếc án thư cạnh đó, bảo người lính hầu chọn cho Vân Hạc mỗi thứ một chiếc.

Vân Hạc đón áo và mũ đưa cho Cương Phụng, một lần nữa chàng cúi chào hai vị quan trường tỏ ý cảm ơn. Hai tên lính đưa chàng đi thẳng vào nhà Thập đạo.

Bấy giờ trong nhà Thập đạo, các ông sơ khảo, phúc khảo, các ông đề điệu đã họp đông đủ.

Hôm nay quang cảnh khác hẳn mọi ngày. Trước nhà Thập đạo, một tòa rạp cốt chạy dọc, tênh hênh dựng ở giữa trời. Hai bên cạnh rạp, hai bức chần song tre tươi hững hờ ngăn khu lòng rạp với phía ngoài rạp.

Dưới rạp hai dãy chiếu hoa cạp đỏ sạm sạp trải trên mặt đất.

Theo lời chỉ dẫn của người lính đưa đường, Vân Hạc ngồi vào chiếc chiếu đầu hàng bên lẻ, Cương Phụng cắp gói mũ áo trang nghiêm đứng ở đằng sau.

Vân Hạc còn đương phân vân không biết đã nên đội mũ và mặc áo mới hay chưa, một ông sơ khảo vừa xuống bảo cho chàng biết những mũ áo đó ngày mai làm lễ tạ ân mới phải dùng đến.

Rồi các khảo quan lần tới đó hỏi chuyện. Các ngài nhắc lại văn bài các kỳ và khen Vân Hạc là bậc tài hoa.

Ngoài trường lúc ấy đã xướng đến tên ông cử thứ hai.

Chừng một giờ sau, thì ông á nguyên đi với người lính áo nẹp vào rạp và ngồi góc chiếu ở đầu hàng chẵn.

Với ông đó, Vân Hạc tuy chưa quen thuộc bao giờ, nhưng ngay lúc đó, cái nghĩa đồng khoa, đã làm cho hai người coi nhau rất thân và rất tương đắc.

Từ đó trở đi, cứ chừng mỗi giờ, trong rạp lại thêm một ông cử nữa.

Mặt trời ở mái Thập đạo nhòm xuống, ánh nắng xuyên qua lỗ cốt, khoang khua in vào mặt chiếu, ngoài cửa vắng vắng có tiếng "Đốc Cung", Văn Hạc vội để ý nghe, tiếng loa vừa âm ọe gọi:

"Cử nhân đệ bát danh Bùi Đốc Cung. Niên canh nhị thập nhị tuế, quán tại Hà Nội tỉnh. Trúc Lâm xã".

Văn Hạc mừng quá, chàng liền đem hết gia thế, tính tình, tài học của Đốc Cung kể với các bạn đồng niên.

Một hồi khá lâu mới thấy Đốc Cung ve vẩy đôi tay khâu của chiếc áo tấc lụng thụng đi vào với người cháu họ cấp bộ mũ áo của chàng vừa lĩnh. Người chàng khi ấy đã thành một thiên trào phúng rất có ý vị, khiến cho Văn Hạc không thể nín cười.

Các ông vào trước lần lượt khai tên họ với ông vào sau. Giữa cuộc gặp gỡ của cửa Không sân Trình, câu chuyện thanh khí mỗi lúc mỗi nồng nàn đầm thắm.

Mặt trời tà tà, hai nhăm ông cử đến đã đủ mặt.

Trong đó có đến bảy ông đều là học trò cụ bảng Tiên Kiều.

Sau khi bảng cử nhân và bảng tú tài đã yết ở ngoài cửa trường, hai ông chủ khảo đề điệu lại về trong nhà Thập đạo. Lúc ấy quan tổng đốc Hà Nội mới vào trong trường chúc mừng các ông tân khoa và hẹn giờ mào ngày mai đến đây ăn yến.

Rồi đó các ông tân khoa đồng thời đứng dậy và cùng giải tán theo mệnh lệnh của quan chủ khảo.

Ra khỏi cửa trường, Văn Hạc, Đốc Cung liền cởi áo tấc trao cho thằng nhỏ nhà trọ. Hai chàng định cố len vào xem bảng tú tài: vừa thấy Tường Loan đi tìm và nó cho biết Khắc Mẫu được đỗ tú tài đội bảng.

Đốc Cung vui cười:

- Cứ như sức học anh ta thi đỗ đội bảng tú tài cũng phải. Nhưng giá được trên một người thì danh giá hơn.

Vân Hạc cũng cười:

- Đến anh Bằng tao năm ngoái cũng chỉ đỗ trên hai người, huống chi thằng Mẫn. Thôi thi đội bảng cũng được, miễn làm được là ông tú cũng sướng cho nó lắm rồi.

Đi vài bước nữa thì gặp Hải Âu, Đoàn Bằng.

Không hiểu đã ai báo tin cho biết, Khắc Mẫn lúc ấy cũng đã tới đó. Cả bọn nghênh ngang trở về với sự hoan hỉ của một toán quân thắng trận.

Tường Loan vừa đi, vừa kể:

- Lúc nãy có một ông cử lạ quá. Người lính xướng danh vừa bắc loa gọi, ông ta liền nắm hai tay đâm mãi vào chiếc nón sơn để trước ngực. rồi nhảy như con chơi chơi và reo một thôi "sỏ lợn về ai". Lúc đầu ai cũng tưởng là người điên. Về sau có người nhắc rằng: "Sao không dạ đi", ông ta mới dạ một tiếng rất lớn, bấy giờ hàng xứ mới biết đó là ông cử.

Hải Âu bật cười:

- Chắc là ông đó đã hỏng nhiều khoa, cho nên bây giờ được đỗ mới sướng như thế.

Mặt trời sắp lặn, cả bọn mới về đến nhà.

Quang cảnh nhà trọ đêm ấy cố nhiên phải cực náo nhiệt, sự vui vẻ có phần còn hơn đám hội. Ông chủ nhà trọ và nhiều người khác đều phải thức đến sáng bạch.

Hôm sau, vào khoảng nửa buổi, Vân Hạc, Đốc Cung, sắm sửa khăn áo chỉnh tề rồi mỗi chàng đem một người xách gói mũ áo đến trường thi.

Bấy giờ quan trường đều đã tề tựu ở nhà Thí viện. Cụ bảng Tiên Kiêu, cụ nghề Quỳnh Lâm, cụ cử Mai Đình và nhiều văn thân các tỉnh cùng được mời đến.

Sau khi hai chàng vái chào khắp lượt, cụ cử Mai Đình liền nói cho các quan biết khoa này học trò cụ bảng Tiên Kiêu chiếm một góc bảng cử nhân. Cử tọa đều hết sức ca tụng, phục cụ là bậc sư biểu của sỹ lâm.

Một lát sau, các ông cử mới lục tục đến dần. Theo lệnh quan chánh chủ khảo, hết thấy mọi người đều lên nhà Thí viện làm lễ.

Chinh giữa Thí viện vừa mới thiết lập một chiếc hương án. Tán vàng, tán tía pháp phối giường trên những ngọn bạch lạp sáng rực. Cảnh tượng khi ấy mới đẹp làm sao! Hàng mấy chục mũ cánh chuồn nghênh ngang, hàng mấy chục áo đại trào khoang khua, rồi hàng mấy chục áo tấc màu lam tha thướt như lưới đánh cá.

Khói trầm nghi ngút bốc trên hương án, chiêng trống theo nhau đưa ra những tiếng tùng bu.

Cuộc hành lễ bắt đầu.

Đây mới là lễ bái vọng. Quan chánh chủ khảo xúng xính vào trước. Qua năm lần hưng bái, ngài đi lùi ra và đứng sang phía bên hữu.

Đến quan phó chủ khảo. Cũng đủ hưng bái năm lần, rồi ngài cũng lui xuống đứng sang phía bên tả.

Rồi đến các ông ngự sử, đề điệu, phân khảo, giám khảo, phúc khảo, sơ khảo, ai lớn vào trước, ai nhỏ vào sau, mỗi ông cũng phải hàng năm lần và bái năm lần.

Hết bộ quan trường, đến lượt quan tổng đốc sở tại và văn thần các tỉnh.

Cũng như hai ông chánh phó chủ khảo, các ông sau này lễ xong cũng phải đứng ra hai bên. Ông nào ông ấy, hai tay chấp ngực, nét mặt nghiêm trang...

Bây giờ mới đến các ông cử mới.

Đây là lễ tạ ơn nhà vua lấy đỗ. Cố nhiên mỗi người cũng phải năm lễ.

Hết hai trăm rưỡi cái lên gôi, xuống gôi, các ông tân khoa cũng đứng dàn ra hai dãy.

Bây giờ đến lễ tạ ân mũ áo. Hai năm các ông tân khoa phải sì sụp một trăm hai mươi năm cái.

Lần này đến lễ tạ ơn cho yến. Mỗi vị tân khoa lại phải phủ phục thêm năm lượt nữa.

Xong cuộc tạ ân nhà vua, đến cuộc tạ ân phòng sư. Những ông tân khoa đều tạ quan trường hai lễ.

Lúc này mới thật là hỗn độn, ông thì lễ sang phía tả, ông thì lễ sang phía hữu, có ông lễ vung tàn tán, chẳng biết mình lễ ai.

Tan các cuộc lễ, các quan và các ông cử đều ra ngoài rạp yến.

Tiệc này là yến lộc mình, do quan tổng đốc sở tại lĩnh tiền trong kho giao cho đội tuần sửa soạn.

Theo lệ, các cỗ chia làm ba hạng, hạng nhất, mỗi cỗ ba quan, hạng nhì kém đi năm tiền, hạng ba thì chẵn hai quan một cỗ.

Bảy giờ ở ngoài rạp cỗ bàn đã bày la liệt. Các quan khách và các cống sĩ rồi các lại phòng, ai nấy cứ theo ngôi thứ mà ngồi.

Hai ông chánh phó chủ khảo ngồi riêng một bàn.

Ông chánh đề điệu ngồi với các ông giám khảo. Quan tổng đốc sở tại ngồi với các khách văn thân. Đây là những cỗ hạng nhất, số người không nhất định.

Mấy ông phân khảo, ngự sử, và phó đề điệu ngồi với các ông phúc khảo, sơ khảo. Đây là cỗ hạng nhì, mỗi bàn bốn người. Các ông cử mới và các lại phòng đều ngồi vào cỗ hạng ba. Cử nhân mỗi bàn cũng bốn người, lại phòng thì phải sáu người một bàn. Các bàn ngồi vào vừa yên chỗ, ngoài cửa nghe có tiếng dép lép lép. Một lũ đào kép lố nhố tiến vào trước rạp với các sênh phách, đàn trống.

Thì ra hôm ấy là ngày đại yến, bao nhiêu danh ca trong tỉnh đều bị gọi đến hầu tiệc. Đào Phụng, đào Cúc cũng có ở đó.

Sau khi vái chào các quan, hai đào một kép xin phép ngồi xuống chiếc chiếu trải ngoài cửa rạp, còn các ả khác thì đến các mâm rót rượu.

Theo lời đề cử của quan tổng đốc sở tại, ông thủ khoa mới phải đánh châu. Người kép liền đệ trống và roi châu đến chỗ Vân Hạc.

Trống điểm, đàn dạo, phách giục chát chát, tiếng hát bắt đầu ngân dài, các bàn lần lượt lên chén.

Lúc ấy người ta mới kịp ngó tới các món trong mâm. Đại để gần giống những món trong các đám khao, đám cưới, cũng giò chả, cũng ninh nấu cũng yến xào, vây cá, bào ngư, long tu... chỉ hơn bốn bát trên mặt có cài những mảnh trang kim trở hoa vẽ thuốc, sắc sỡ như tờ trang kim ở hòm pháo.

ĐÓ là mấy món tứ linh, món "long" nấu bằng cá chép, giấy trang kim trở hình vây rồng vẩy rồng, món "phượng" nấu bằng con gà, giấy trang kim trở hình cánh phượng, đuôi phượng; món "quy" nấu bằng con vịt giấy trang kim trở hình mai rùa, đuôi rùa, món "ly" thì là một chiếc chân lợn, giấy trang kim làm ra đầu, đuôi và bờm kỳ lân.

Đàn càng réo rắt, phách càng giòn giã, tiếng hát càng lên cao giọng, cuộc rượu mỗi lúc mỗi thêm vẻ nồng nàn.

Vân Hạc đánh hết hai khổ, chàng liền nhường trống cho ông á nguyên.

Theo lệnh quan chánh chủ khảo, một tên hình hầu đệ bút mực và bức hoa tiên đến chỗ Vân Hạc để chàng làm thơ niên nghị.

Việc này chàng đã dự bị từ đêm hôm qua, bây giờ chỉ phải soát lại một lượt xem có chữ nào đáng chữa hay không, rồi chàng viết luôn một bài ngũ ngôn Đường luật đưa sang trình quan chủ khảo.

Với những chữ nét sắc như cắt và tươi như hoa viết trên một bức hoa tiên bóng bẩy, bài thơ như càng thêm vẻ xuất sắc, ông chánh chủ khảo coi rồi mỉm cười khen được và gọi một người lễ sinh ngâm cho cử tọa cùng nghe.

Bằng một giọng kêu như tiếng chuông, người lễ sinh đọc:

"Thịnh thế văn phong uất,

"Thu vi sỹ lộ hoành,

"Long môn tân điểm ngạch,

"Hòe thị cựu tri danh.

"Hong bạch hoa tranh diệm,

"Bình cao lộc cộng minh

"Nhu hà tương miễn lệ?

"Vạn lý khán bằng trình?"

Trên tiệc, ai nấy đều phục là giọng thủ khoa. Rồi bức hoa tiên lại trở về chỗ các ông cử mới. Mỗi ông liền sao một bản để làm kỷ niệm. Cuộc rượu thêm vài tuần nữa, cả đám đều có vẻ say, tiếng cười nói không lúc nào ngắt. Bấy giờ bao nhiêu ả đào đồ xô cả đến chỗ mấy ông cử trẻ. Chung quanh Vân Hạc, Đốc Cung, ngoài đào Phụng và đào Cúc ra, lại có bốn năm ả khác xoắn lại như nhựa. Mấy cụ cử già đành chịu ngồi trơ với nhau.

Cuộc yên kéo dài đến cuối giờ Ngọ mới tan. Các món tứ linh đâu vẫn nguyên đó, không ai động đũa.

Mỗi ông cử mới nhận lấy một món và vài ba thứ bánh trái, giao cho đầy tớ gói lại làm phần, để đem về biếu người nhà, gọi là chút ơn vua lộc nước.

Trước khi mọi người ra về, quan tổng đốc sở tại tặng cho mỗi ông cử mới một chiếc lọng xanh chớp bạc, sai lính đưa về tận nhà trọ cho các ông ấy.

Vân Hạc, Đốc Cung ra khỏi cửa dinh, đào Phượng, đào Cúc tranh nhau che lọng đi hầu. Hai ả đã đưa hai chàng đến quá nửa đường, rồi mới trở lại.

Lại một đêm nữa, nhà trọ phải làm đám hội.

Rồi Vân Hạc, Đốc Cung, Khắc Mẫn và cả ba toán họ hàng đồng thời đưa việc vui mừng về quê sau khi đã an ủi ông chủ nhà trọ bằng một tiệc khao rất long trọng.

Chương XX

Vàng trắng như chiếc mâm ngọc thăm thăm tụ ngọn kỳ đài chiếu xuống nhân gian, bầu trời để đô không pha một mảy bụi gợn.

Với mười mấy chiếc mái trắng lệ lơ lửng bay giữa tầng không, bảy gian ngọc môn kiêu ngạo vươn những treo đao cong vắt như muốn khoe vẻ nguy nga với chị Hằng.

Trong bầu ánh sáng trong vắt, những con rồng phượng xanh đỏ sắc sỡ nằm trên các nếp cửa đồ sộ đều nghiêm trang châu ông "mặt trời nặn vôi".

Hoàng thành đương say đắm trong giấc ngủ đêm hè, ngoài tiếng trống nặng nề và tiếng kiêng sỗ xã của các hành lâu thỉnh thoảng mới có vài tiếng hô của bọn lính tuần thành thứ khẩu hiệu.

Đêm mới chừng nửa canh tư.

Vân Hạc đã đi sớm quá. Các bạn công sĩ chưa có ai tới ở toà ngọc môn, ngoài bọn lính tráng canh cửa, hình như không có người nào.

"Còn nửa khắc nữa mới được vào. Ấu là ta hãy dạo chơi đầu đó để coi cái cảnh đêm trăng của đế thành". Nghĩ vậy, chàng hén đến nói với bọn lính canh cho mình qua cửa. Biết chàng là một công sĩ, bọn đó không dám ngăn cản. Chàng bèn lững thững đi vào bên cửa đông ngọc.

Trước đôi cột đồng bóng lộn cao ngất trên lưng chừng trời làn nước hèm hẹp nằm chắn ngang đầu đường đi.

Đây là ao Thái-dịch, một khu liên đường của hoàn thành. Trên ao có một dịp cầu khum khum úp lấy mặt nước chạy từ bờ ngoài vào bờ trong.

Một luồng gió nhẹ từ phía trước mặt hiu hiu đưa lại, mùi sen dưới ao bát ngát đưa lên, như muốn giúp cho sự nồng nào của du hứng.

Vân Hạc đứng đỉnh tiền vào đầu cầu và dừng chân ở quãng giữa cầu. Với tầm mắt băng khuâng vô định, chàng thơ thần năm những bóng lâu đài san sát công nhau dưới một vòm trời trắng ngần.

Bấy giờ đã vào hạ tuần tháng tư. Dưới ao, một vài bông sen sắp nở. Trong đám lá sen tối um luôn luôn có tiếng cá đớp tí tốp.

Ở tít ngoài xa, trời đại cổ thụ lù lù hiện trên bờ ao. Những đoạn cành chánh kênh còng khúc khuỷu quần quai trong bóng lá xanh lơ thơ, giống như một đoàn rồng rắn giòn nhau trên đất cạn.

Trước cảnh tịch mịch của đêm khuya, chàng bông cảm thấy bồi hồi lai láng. Rồi mơ màng vợ vẫn, chàng nhớ những chuyện đã qua, chàng lo cho việc chốc nữa và chàng rùng rợn cho cuộc phong trần trong mấy chục ngày trước đây.

Có lẽ hai mươi bốn tuổi đời như chàng, chưa có hồi nào khó nhọc đến thân như hồi ấy.

Nói cho đúng ra, thì trước hồi đó, chàng cũng được mấy chục ngày sung sướng. Vì rằng trong cuộc tao chiến với một vạn hai sỹ từ trường Hà năm ngoái chàng đã làm được vui lòng người vợ thân yêu.

Lúc ấy cô Ngọc như đã trẻ thêm mấy tuổi. Nhất là cái hôm được thấy dân làng Đào Nguyên cò trống đi rước Vân Hạc từ cổng phủ về cổng nhà, bụng cô chẳng khác gì những lá cờ phấp phới tung trước ngọn gió. Rồi lúc nghe tiếng người ta gọi chồng là ông thủ khoa hay cậu thủ khoa, gan ruột cô lại càng nở như bông rang.

Sau đó, trong những tiệc khao hai làng Đào Nguyên, Vân Trình, nào bò, nào lợn, nào rượu gạo, tất cả hết đến gần năm trăm quan, dân vốn của cô đã bị hụt đi gần nửa. Chẳng những cô không nửa lời kêu tốn, trái lại còn cho rằng mình có tốt phúc mới được tốn

kém như thế. Vì thế người cô lúc nào cũng tươi như bông hoa hồng mới nở, trước đẹp tám phần, bây giờ đẹp lên mười phần.

Rồi thì bà công, cụ Năm. Cánh già được thấy con cháu nối được gia nghiệp, các cụ vui mừng vô hạn.

Ý nghĩa của sự thi đỗ trong óc Vân Hạc, bao giờ cũng chỉ có thế. Bây giờ chàng đã bắt đầu đi tới, cho nên chàng cũng lấy làm đắc ý. Từ tháng chạp đến nửa tháng giêng, ngoài việc xem lại ít sách, chàng chỉ bận về việc mua vui với bạn bè xa gần. Đời chàng lúc ấy có thể gọi là một đời thần tiên.

Cái bước phong trần của chàng mới khởi đầu từ ngày chàng và Đốc Cung lên đường đi thi hội.

Thi hội năm nay mở vào hạ tuần tháng ba. Tính đường từ Bắc vào kinh, sức chân học trò phải đi đến gần hai tháng mới tới. Vì vậy, từ tháng giêng, Đốc Cung đã đến giục Vân Hạc đi cho kịp ngày. Sợ chồng đi bộ vất vả, cô Ngọc đã khuyên chàng nên đi đường thủy.

Nhưng theo ý chàng, đi đường thủy tốn tiền, và cũng sóng gió nguy hiểm, Đốc Cung cũng nghĩ như thế, cho nên hai chàng mới cùng nhất định đi đường bộ.

Trước khi khởi hành, cô Ngọc thuê cho mỗi chàng một người đầy tớ khỏe mạnh, lực lưỡng, để đeo hành lý đi hầu. Tính suốt các tiền ăn đường, ở trọ, mỗi người hà tiện cũng phải hết gần trăm quan, cô liền đổi cho mỗi chàng lấy sáu nén bạc, bó vào hai gói mo cau, để mang đi đường cho tiện. Rồi nào dùi nhói, nào dùi đục, nào dao dũa, nào mã tải khâu quai, không biết hỏi ai mà bao nhiêu khí cụ luôn rùng, cô đã sắp sửa đủ cả.

Cái ngày thầy trò nhà chàng quảy gánh lên đường là ngày hai mươi tháng giêng.

Từ Sơn Tây đến Thanh Hóa, mỗi ngày chỉ được một cung, tối đâu ngủ đấy, tuy đã nhiều khi xuống dốc lên đèo, nhưng cũng chưa thấy vất vả cho lắm.

Thanh Hóa trở vào, đường đã dần dần khó khăn.

Rời từ Hà Tĩnh mà đi, càng ngày càng thêm những cảnh khủng khiếp.

Suốt ngày luôn trong cây cối um tùm, con mắt ít khi được thấy bầu trời. Rồi những hòn núi thẳng như bức tường lù lù hiện ở trước mặt. Rồi những ngọn suối nước chảy như bắn oằn oại chắn ngang lối đi. Có khi phải ngửa ngực trèo lên đỉnh núi. Có khi lại chống đôi gối mà bò dần xuống chân núi. Có khi đương đi vắn vèo theo những bờ suối khuất khúc, đứng trên đường trông xuống lòng suối, thăm thẳm hàng mười mấy trượng, tưởng như trượt chân một cái, xương thịt sẽ vụn như cám.

Khó nhất là đoạn ở quãng núi Trông.

Cạnh một quả núi cao liền với trời, con kiến trèo lên cũng khó, lối đi phải vắt lên trên một đám đá mọc lởm chởm. Cái đá mới ác làm sao, hòn nào hòn ấy, đầu nó nhọn như mũi gươm, đặt chân lên trên, có thể thủng cả da thịt. Cho được tránh sự đau đớn của đôi bàn chân, mỗi bước người ta cứ phải nhằm vào những vết nhẵn nhụi của người đi trước, rồi nhún hai chân mà nhảy cho tời.

Cái dép đã rách, đôi gối đã chồn, mà vẫn không thể tạm nghỉ. Bởi vì không có chỗ nào mà đứng. Bây giờ Vân Hạc cũng như Đốc Cung, ai nấy đều nhớ đến cảnh tượng Sạn Đạo, mà hai chàng đã thấy ở trong sách Tàu, và đều nghĩ thầm: "Vị tất Sạn Đạo đã hiểm hơn con đường này. Nhưng từ thượng cổ, người Tàu đã biết bắc ván đi qua, làm sao ngày nay nước mình vẫn chưa bắt chước kiểu đó?".

Đi thoát quãng đường ác nghiệt, hai chàng đều thấy mệt nhoài. Nhưng vì sợ lỡ cung đường, không có chỗ trọ, cho nên chỉ dám ngồi lại bên đường một lúc, để giờ xôi gói, cơm nắm ra ăn, rồi lại đi.

Một hôm đương đi, thấy ở bên đường, có mấy con dao đặt trên tảng đá. Đốc Cung tưởng là của bọn tiểu phu nào đó, nên không để ý, Vân Hạc nhìn đến mấy dòng chữ vô nguệch ngoạc viết ở hòn đá liền đấy, mới biết những con dao đó, người ta dự bị cho

các hành khách chặt những cành cây vì gió bão gãy xuống ngang đường, sau khi dùng rồi, dao ở chỗ nào, lại phải để vào chỗ ấy. Đi một quãng nữa, quả nhiên giữa đường có bụi nứa đổ, lấp cả thân đường, không thể nào mà trèo qua được Trong gánh hành lý sẵn có đôi dao, hai chàng liền bảo hai người đẩy tứ phát hết đồng gai góc đó. Họ phát, chàng và Đốc Cung thì kéo, thầy trò dọn mất một hồi khá lâu, bấy giờ mới có lối đi.

Lại một hôm khác, Vân Hạc vừa bị nhọc sức về leo trèo, vừa bị dãi dầu trong sương gió, chàng thấy trong mình hầm hập phát sốt uể oải đi không buồn bước. Đốc Cung và hai người quây gánh cứ phải luôn luôn chờ đợi. Tưởng chừng trời đã chiều rồi, theo lỗ thủng trong đám lá cây mù mịt ngó sang dãy núi bên kia, mặt trời đã nằm giữa sát đầu núi, mà vẫn chưa đến chỗ trọ, hai chàng đều cuống lo sợ.

"Đêm nay đành phải ngủ ở ngọn cây". Vân Hạc bàn với Đốc Cung như vậy.

Nhưng các cây cối gần đó, cây nào cũng cao von vót và thẳng tuồn tuột, dưới gốc không có một mẩu cành nhánh thì làm thế nào mà leo lên được?

May khi lại gần thấy có mấy cây từ gốc đến chỗ xẻ trạc, có đóng một hàng đanh tre bằng ngón chân cái.

Trước kia đã có người nào ngủ trên cây ấy, người ta đóng những đanh ấy để làm bậc trèo cho dễ.

Một cây thấp nhất đã long mất vài cái đanh. Hai người đẩy tứ hén phải dẫn tre đeo cái đanh khác. Và họ giở gánh lấy dùi nhói và dùi đục ra, người nọ kê vai làm thang cho người kia đứng lên, để nhói mấy lỗ ở thân cây và đóng đanh vào. Rồi họ đem các mã tải dùng dây tam cổ buộc vào những cành đâm ngang, giống như người ta mắc võng. Đó là chỗ ngủ của người đi rừng. Có thể mới khỏi lo về nạn rắn rết beo cộp.

Tay ôm thân cây, chân đạp vào các đanh tre, leo hết một đoạn gốc cây và đánh đu vào đoạn cành ngang để ngồi xuống tẩm mã tải, Vân Hạc, cũng như Đốc Cung, ai nấy rừng mình sờn gáy, bụng bảo dạ, nếu nó đứt dây một cái, thì thật tan xác.

Hai chàng đã ngồi yên chỗ, hai người đẩy tới lại đi chặt lấy mấy tàu lá gồi, buộc lên trên chiếc mã tãi, để che cho người nằm dưới khỏi bị mưa sương, rồi họ mới trèo lên chỗ của họ. Trời tối như cửa địa ngục. Nào cú kêu, khi ho, nào dế giun rên khóc, thỉnh thoảng lại thêm những tiếng cộp gằm theo với ngọn gió tanh tanh thổi thổi ở nẻo xa xa đưa lại. Biết bao nhiêu sự ghê sợ rùng rợn kéo đến chung quanh hai chàng. Con sốt ở đầu nổi lên, Vân Hạc vừa nằm vừa rên hừ hừ, chàng tự hỏi chàng: "Không biết có sống mà về được không?". Rồi chàng gọi với Đốc Cung và nói:

- Nghĩ đến những lúc thế này, thì dầu đi thi đỗ đến ngọc hoàng thượng đế cũng không bỏ công, đừng nói là đỗ tiến sĩ.

Nằm thì nằm, vẫn không ai dám chộp mắt, vì sợ ngủ quên, giờ mình, sẽ bị ngã lăn xuống đất.

Hôm sau, chờ cho trời thật sáng rõ mới dám bò xuống. Bấy giờ Vân Hạc đã tan cơn sốt, trong mình chỉ còn tãi mải mệt nhọc. Bốn thầy trò lại kéo nhau đi. Ra đến cửa rừng trời lại sắp tối, trông lên những đám đồi núi lù lù ở giữa trời, có thể tưởng như những con yêu quái không lò đương sắp đe dọa nhân gian.

Sau đó, đường đi phần nhiều men ở lợi bề. Trên thì núi đứng thăm thẳm, dưới thì sóng vỗ oàm oạp, thân đường vừa quanh quất, vừa nhỏ hẹp lại vừa gập ghềnh lượn lên lượn xuống, như leo cầu vòng. Bốn người lò dò từng bước, chỉ sợ trượt chân xuống bề thì sẽ làm mồi cho cá. Đi mấy ngày nữa tới một khúc sông menh mông đứng ở bờ nọ không thể trông thấy bờ kia. Hỏi ra mới biết đó là phá Tam Giang, một cái cửa sông liền với mặt bể. Trong sông sóng đánh dữ dội không kém sóng bể. Người ta nói rằng: ngày xưa còn rộng hơn nhiều, bây giờ nhờ có cát bồi nên đã hẹp bớt. Đi đò hết gần một ngày mới sang tới bờ bên kia, bốn người đều thấy lão đảo say sóng thốc tháo nôn mửa, nghỉ mất một đêm mới lại sức.

Lặn đạn gần hai mươi ngày nữa mới vào đến Huế, tính ra tất cả vừa hết một tháng mười ngày.

Sau khi vào thành tìm được chỗ trọ hai chàng nghỉ ngơi vài ngày, rồi cùng đóng quyển đem vào nộp ở bộ Lễ.

Khác với thi hương, quyển của cống sĩ thi hội phải để đệ lên ngự lãm, khảo quan chỉ được chấm vào bản sao, vì vậy, cống sĩ phải nộp mỗi kỳ hai quyển, bốn kỳ tám quyển, đều bằng giấy lệnh, có kẻ ô son, mỗi trang tám dòng, mỗi dòng hai mươi hai chữ. Sáu quyển của ba kỳ thứ nhất, thứ hai và thứ ba mỗi quyển chỉ đóng mười tờ. Hai quyển của kỳ thứ tư thì đóng đủ ba chục tờ. Thi hội năm nay bắt đầu từ ngày 18 tháng ba, trường thi lập ở phường Phú Thứ. Quanh trường đều có tường gạch bao bọc. Trong trường, ngoài nhà Thí viện và những nhà ở của quan chủ khảo, quan tri công cử và các quan nội liêm, ngoại liêm, lại có mười tòa nhà ngồi để cho cống sĩ làm văn. Mỗi tòa nhà đều ở trước nhà Thí viện, mỗi tòa ba gian, mỗi gian ngăn làm ba phòng.

Phòng nọ cách phòng kia chừng hơn một thước. Trong phòng có sẵn cái yên để cống sĩ viết. Mỗi người cống sĩ chỉ phải mang thêm bút mực và một chiếc chiếu.

Trước ngày thi, bộ Lễ phải sắm một số thẻ tre đề tên từng người cống sĩ, đem cắm ở các cửa phòng.

Đến khi cống sĩ vào trường liền có bọn lính hướng dẫn đưa đi, thẻ tên ai ở phòng nào, họ sẽ đưa đến phòng ấy. Trong lúc cống sĩ làm văn, mỗi phòng đều có một người võ sĩ cấp gươm đứng canh ngoài cửa, ngoài trường thì có các quan đề điệu đốc thúc voi ngựa quân lính đi diễu suốt ngày suốt đêm.

Cũng như thi hương, kỳ thứ nhất của túi hội cũng có bảy bài kinh nghĩa. Đáng lẽ mỗi người chỉ làm ba bài cũng đủ quyển, nhưng Vân Hạc xưa nay vẫn có thừa sức kiêm tri, nên chàng làm cả bảy bài, còn Đốc Cung thì cũng làm được năm bài.

Sau khi ở trong trường ra hai chàng đều có đưa bản giáp cho các bạn coi. Cứ như người ta bình phẩm thì quyển của Vân Hạc ít nhất cũng được năm phân, quyển của Đốc Cung may ra thì được ba phân. Bởi vì cân lượng của văn thi hội phải tính bằng phân, chứ không tính bằng ưu, bình, thứ, liệt. Mỗi quyển cực điểm có thể phê đến mười phân,

nhưng nếu chỉ được một phân cũng là hợp lệ. Quyền nào không đủ một phân mới là bất cập. Cộng cả bốn kỳ làm một người nào được từ mười phân trở ra mà không kỳ nào bất cập, tức là trúng cách, sẽ được dự cuộc thi đình. Người nào được từ bốn phân trở lên cho đến chín phân, và cũng không có kỳ nào bất cập, thì sẽ được đỗ phó bảng, chứ không được vào điện thí. Còn những người nào không đủ bốn phân, hoặc có một kỳ bất cập, thì đều bị đánh hỏng tuột. Thấy bước đầu tiên, văn chương đã được linh lợi, hai chàng đều có lòng mừng.

Không ngờ đến kỳ thứ hai, giữa ngày thi, Đốc Cung bị bệnh đi tả, không thể vào trường, phải làm giấy cáo, Vân Hạc đành đi một mình.

Sau đó mấy hôm, Đốc Cung lại được bằng cũ, đáng lẽ chàng cùng ở đó để đợi Vân Hạc thi xong. Nhưng không hiểu sao, ruột gan càng ngày càng thấy bồn chồn không sao chịu được. Đốc Cung liền phải cùng người đẩy tở về trước. Bấy giờ Vân Hạc như bị mất một món gì ở trong thân thể, bụng chàng rất là buồn bực khó chịu.

Qua kỳ thứ ba và kỳ thứ tư, văn chàng cũng đều lưu loát, các bạn trong kinh, ai cũng chắc là chàng trúng cách. Quả nhiên hôm qua, khi bảng thi hội treo ở cửa lầu Phu Văn, tên chàng đứng ngay đầu bảng. Vậy là chàng lại có thêm được cái hội nguyên. Lúc ấy các ông công sĩ ai cũng sợ phục, người ta cho rằng không khéo chàng sẽ đỗ cả đình nguyên. Và chàng cũng vẫn tự tin như thế. Cái mừng rỡ ở lòng chàng bấy giờ bút mực không thể tả xiết. Chàng chắc vợ chàng thế nào cũng là bà thám, bà bảng như lời nàng đã cầu ước năm kia.

Bởi vì ngày nay phải vào điện thí, cho nên đêm qua chàng ngủ sớm hơn mọi đêm. Đến lúc thức giấc sợ là quá muộn, chàng vội đội mũ mặc áo lật đật ra đi không ngờ đến nơi, hãy còn sớm mất nửa giờ.

Lúc ấy, chàng thơ thẩn trên ao Thái Dịch, chùng một hồi lâu, chợt có một tiếng đánh đùng như tiếng súng nổ ở ngoài kỳ đài đưa vào, làm cho chuyển cả trời đất chàng biết đó là ống lệnh báo hiệu đã đến canh năm, tức thì sửa lại mũ áo đi luôn vào cửa túc môn

ngoài điện Cần Chính. Trời sáng rõ, viên quan bộ Lễ ở trong đi ra truyền các công sĩ vào điện. Chiều theo thứ tự trên bảng thi hội, ai ở số lẻ thì vào cửa tả, ai ở số chẵn thì vào cửa hữu. Chàng ở số một, viên quan bộ Lễ bảo chàng qua cửa tả rồi vào bên trong. Sau khi viên tuần kiểm đã khám qua loa trong mình chàng, một viên quan khác liền đưa chàng vào bên hữu vũ. Ở đó đã có yên chiếu do bộ Lễ đưa đến từ chiều hôm trước và cũng có thẻ đề tên công sĩ. Vân Hạc được ngồi vào phòng thứ nhất là chỗ có thẻ tên chàng.

Bây giờ quan giám thí đại thần và các quan đọc quyền, truyền lô, duyệt quyền, kinh dẫn, di phong, thu trưởng, ấn quyền, điện bảng v.v... đều đã mặc áo đại trào chực sẵn ở đó.

Ở điện Cần Chính cũng đã bày sẵn hai chiếc hương án thếp vàng, một chiếc trên thềm, một chiếc dưới thềm.

Cổng sĩ vào hết, viên thượng bảo liền bưng hòm đựng đầu bài thí sách của nhà vua ra, đặt lên chiếc hương án trên thềm. Quan giám thí, quan đọc quyền và tất cả các quan coi việc đình thí đều phủ phục trước điện, lễ đủ năm lễ. Rồi quan thư tả lĩnh tờ đầu bài chiếu số công sĩ sao đã mỗi người một bản.

Chừng độ giây lát, các bản sao xong, quan thư tả để các bản ấy vào chiếc hương án dưới thềm sau khi đặt bản chính lên chiếc hương án trên thềm.

Quan kinh dẫn liền bảo Vân Hạc và các công sĩ đều ra quỳ ở trước sân. Rồi quan thư tả lĩnh những tờ sao đầu bài ở chiếc hương án dưới thềm phát cho mỗi người một bản. Theo lệnh quan kinh dẫn, Vân Hạc và các công sĩ đều phải đứng dậy đem bản sao đó để vào yên thi của mình, rồi lại ra sân lễ tạ năm lễ.

Bây giờ đến giờ làm vãn, công sĩ ai về chỗ nấy.

Các quan văn võ đều phải ra hết ngoài viện Đãi Lộ.

Trong điện, tả vũ cũng như hữu vũ, mỗi bên có một tên lính đóng cửa đứng canh. Sân điện có viên tuần la và viên tuần sát đi lại tuần phòng, ở ngoài hai cửa túc môn thì có hai trăm biện binh của quan thị nội thông chế phải đến canh giữ.

Trong các phòng triều hết thấy im lặng như tờ, người ta có thể nghe rõ tiếng vo ve của từng con muỗi.

Vân Hạc mới giờ đến tập đầu bài đã thấy hoảng hồn. Làm sao mà nó dài thế! Mười tờ giấy đặc, lý tít những chữ là chữ. Coi qua một lượt, thì thấy nửa trên hỏi về ý nghĩa của các kinh truyện tử sử của Tàu, nửa dưới hỏi về công việc hiện thời của nhà nước, tất cả đến gần một trăm câu hỏi. Chàng liền gấp lại, và chỉ hờ mấy dòng ở đầu, cho lúc trông đến khỏi nóng ruột.

Viết xong ba chữ "đổi thần văn" và mấy câu chúc tụng nhà vua mà người ta gọi là đoạn "tụng thánh", chàng mới nhìn vào dòng chữ để hờ ở tờ đầu bài, rồi theo thứ tự từ trên xuống, lần lượt giả nhời từng câu hỏi một.

Cũng may, văn sách thi đình, chỉ cần ý kiến, không cần văn chương mẹo luật như văn sách thi hương thi hội, và quyển văn lại được viết thảo, không cần phải viết chân phương, cho nên vừa nghĩ vừa viết cũng không lâu lắm. Chừng đến nửa buổi, chàng đã trả lời được hai phần ba đầu bài. Thành linh thấy cửa phòng hé mở, rồi một viên quan, chàng không biết là quan gì, chạy vào truyền chàng ra quì ở trước sân điện.

Thì ra nhà vua ban nước và bánh cho các cống sĩ điểm tâm. Những món đặc ân hiện đã đặt trên hương án kê ở dưới thềm, sau khi một viên quan khác lĩnh các món đó giao các cống sĩ chuyển cho người lính tuần sát đem vào trong phòng, ai nấy đều phải tạ ân năm lễ, rồi mới trở vào ăn bánh uống nước.

Vân Hạc viết lia, viết lia từ bảy giờ cho đến gần trưa, quyển văn đã hết già nửa, cửa phòng lại thấy ngỏ rộng, rồi một người lính tuần kiểm đệ vào một mâm đồ ăn và một phạn cơm.

Đây là cơm trưa của các công sĩ, do dinh Quảng Đức sửa soạn, đưa vào ngoài cửa túc môn, rồi hình tuần kiểm mang đến cho các công sĩ, không phải là đồ vua ban, cho nên không phải làm lễ tạ ân.

Thì giờ lúc ấy quý hơn vàng ngọc, chàng chỉ để vào nó độ ba, bốn phút gì đó, rồi lại cầm cổ mà viết.

Quá trưa một lúc, bài làm đã xong chừng ba phần tư, nhà vua lại ban đồ nước cho một lần nữa.

Cũng như lần trước, chàng và các công sĩ lại phải ra sân quỳ nhận, rồi lại tạ ân năm lễ.

Trời nhá nhem tối, chàng vừa viết xong, các công sĩ cũng đều xong cả, ai nấy đem quyền ra nộp cho quan tuần la. Bấy giờ biện bình ngoài cửa túc môn lại ngó cánh cửa cho các công sĩ đi ra. Rồi quan giám thị đại thần và tất cả các viên quan khác đều phải trở lại trong điện. Ông thu quyền nhận quyền của ông tuần la giao lại, ông ấn quyền đóng dấu "Luân tài thịnh điển" vào các cuối quyền, ông di phong xếp quyền vào rương và dán niêm phong, rồi giao cho ông thủ trưởng canh giữ.

Các ông ấy đều phải ngủ ở triều phòng để ngày mai châu chực nhà vua chấm văn.

Vân Hạc và các công sĩ ra khỏi cửa điện thì trời tối mịt. Luôn thể chàng mới tắt cả mấy người cùng về nhà trọ mình ăn cơm. Trong lúc uống rượu, người nọ đọc văn cho người kia nghe, hết thấy mọi người đều phục văn chàng có nhiều ý kiến lỗi lạc hơn cả. Người ta lại càng tin rằng đình nguyên sẽ phải về chàng.

Luôn hai hôm sau, chàng và mấy ông bạn mới lần lượt dắt nhau đi chơi các danh thắng gần đây để chờ nghe tin truyền lô. Bụng chàng vẫn chắc mẫm rằng: nếu không đô bảng nhỡn, thám hoa, cũng phải đỗ đến nhị giáp tiến sĩ.

Chiều hôm thứ ba, chàng đương cùng bọn công sĩ trò chuyện vui đùa, bỗng thấy có hai tên lính vác hèo và gong xống sộc vào trong nhà. Sau khi hỏi qua tên chàng, họ liền

đưa chàng một mảnh giấy chữ dấu sơn đỏ chóa. Té ra có lệnh của viện đô sát sai đi nã chàng, không biết là vì việc gì.

Cái gông ở tay người lính liền ghép luôn vào cổ chàng, rồi họ điệu chàng về giam ở ngục Hộ Thành. Các bạn công sĩ ai cũng thương hại và kinh sợ.

Chương XXI

Một lần nữa, cụ bảng Tiên Kiều lại đứng làm ông tơ hồng xe duyên cho con gái út ông đồ Vân Trình. Chẳng bao lâu nữa, cô gái ngoan ngoãn và ngây thơ đó sẽ thành ra bà nội tướng của ông cử Cung.

Nhưng lần này không phải do ở cụ bảng chủ trương như mỗi nhân duyên cô Ngọc. Đây là tự ý cụ Mền Trúc Lâm. Từ khi Đốc Cung mới có tin đỗ cử nhân, ở Hà Nội và Sơn Tây cũng có nhiều người gọi gả con gái cho chàng. Trong số đó, có người hiện đương làm quan, có người nổi tiếng cự phú, không ai là nhà tầm thường.

Nhưng theo ý cụ Mền, thì việc kén chọn nàng dâu chỉ cốt ở người và nết, rồi ở phúc đức của cha mẹ, chứ sự phú quý thì không cần lắm. Vì là bạn thân của ông đồ Vân Trình, trước kia cụ vẫn thường thường đến chơi, đã có biết mặt cô Bích cho nên cụ mới từ chối các đám, rồi cụ cậy cụ Bảng làm mối cô này cho Đốc Cung.

Với Đốc Cung, ông đồ, bà đồ đều không lạ gì. Nếu chàng hỏi cô Bích từ khi chưa đỗ, ông bà cũng vui lòng gả, huống chi bây giờ chàng lại mới đỗ cử nhân. Cố nhiên ông bà không hề từ chối nửa lời.

Hôm nay là ngày ăn hỏi, ông đồ nghĩ mình hiếm hoi lại đã tuổi già, ít khi có dịp được gặp anh em cô giao, cho nên khi mới nhận nhờ nhà trai, ông có cho mời mấy ông bạn già gần đó đến chơi với mình.

Từ lúc nửa buổi, cụ nghề Quỳnh Lâm, cụ cử Liên Trì, cụ cử Mai Đình, thầy nào tớ nấy, đã cùng đến cả.

Họ nội, họ ngoại cũng đương lục tục kéo vào. Trong nhà rất là tấp nập.

Chỉ có cô Ngọc sắc mặt vẫn buồn rười rượi, nhiều lúc nước mắt chạy quanh, có khi lén vào trong buồng, lăn đùng trên giường bụng mặt khóc thầm.

Là vì trước đây bảy ngày, người đầy tớ của cô thuê đi theo hầu Vân Hạc vào kinh, vừa về báo cho cô biết tin chồng bị bắt vào ngục.

Thật là sét đánh bên tai cũng không sợ bằng. Lúc ấy mặt mũi cô không còn sắc máu, chân tay cô run cầm cập, trống ngực cô đánh thành thành, luồng cuống cô vội hỏi hân vì có gì mà chàng bị bắt.

Nhưng mà ai biết? Chính chàng cũng còn chưa biết, huống chi đầy tớ của chàng.

ông đồ bà đồ cuống quít lo sợ, lập tức cho người sang làng Đào Nguyên nói với bà cống và anh em Hải Âu. Bên ấy được tin, cả nhà đều kinh khủng. Bà Cống kêu khóc như mưa như gió.

Ngay sáng hôm sau, Tiêm Hồng liền phải thuê người cùng đi với mình vào kinh để xem tình đầu ra sao.

Thầy trò Tiêm Hồng đi được một lát, cô Ngọc cũng tới Đào Nguyên, mọi người trông thấy đều phải giật mình. Vì không biết rằng cô bắt đầu đi bao giờ, mà bây giờ đã sang đến đó. Thì ra đêm ấy, cô những nóng đòng nóng ruột chỉ muốn biết ngay tin tức của chồng, cho nên mới đầu canh tư cô đã cấp nón ra đi, cốt về nhà chồng để xin phép mẹ và anh cho mình vào Huế thăm chồng. Nhưng bà Cống và Hải Âu, Đoàn Bằng đều không bằng lòng cho đi. Sợ rằng thân gái dặm trường có thể xảy ra nhiều sự nguy hiểm. Và chẳng đã có Tiêm Hồng đi rồi, công việc thế nào sẽ có tin về không cần phải thêm người đi nữa.

Cô cũng biết thế là phải. Nhưng nghĩ đến chồng bị giam, không biết tội lệ ra sao, thì gan ruột cô tự nhiên thấy như lửa chất, cô cứ khóc rữ, khóc rọi, khóc không dứt tiếng. Hải Âu, Đoàn Bằng tuy đã hết sức khuyên giải, nhưng cũng không ngăn được nỗi thương tâm của em dâu. Quá trưa cơn khóc của cô đã không còn tiếng, thì có người nhà ở bên Vân Trình sang hỏi cô có đầy không. Là vì lúc đi cô không kịp nói với ông đồ, bà đồ, ông bà không biết rằng con đi đâu, nên phải cho người sang tìm. Hải Âu, Đoàn Bằng tức thì giục cô phải về Vân Trình, kéo nữa ông bà lo ngại.

Từ đây, suốt ngày suốt đêm không mấy khi cô ráo nước mắt... chỉ muốn mọc ngay đôi cánh để bay vào kinh xem chồng thế nào.

Trước cái tai nạn... của rể và sự thê thảm của con, cố nhiên ông đồ, bà đồ cũng đều đau xót vô hạn. Bởi vì ông bà bây giờ đã đều mình già sức yếu, chỉ có vợ chồng Vân Hạc làm vui cho cảnh nắng quái chiều hôm. Nếu chàng bị tội, tất nhiên gia đình sẽ phải tan nát, mà rồi công việc trăm năm của mình cũng khó có người khả dĩ trông cậy. Cho nên từ hôm được tin Vân Hạc bị bắt, ông đồ cũng như bà đồ, lúc nào cũng ủ rầu rầu, có bữa bỏ cả ăn uống.

Đáng lẽ lẽ hỏi cô Bích, ông bà cũng không bày biện linh đình làm gì. Trong nhà đương có vết thương, ai còn bụng dạ nào mà nghĩ đến chuyện vui mừng?

Nhưng vì trót mời khách khứa từ trước, hoãn lại, sợ có ngáng trở cho việc tốt lành của đôi trẻ sau này. Vì thế, ông bà cũng phải miên cưỡng giữ đúng hẹn cũ. Nhưng việc cỗ bàn, thì chỉ sửa soạn một cách lạo thảo, không có hoa hòe gì hết.

Các cụ bè bạn của ông đồ, lúc trước, đều chưa biết tin Vân Hạc bị nạn, khi thấy ông đồ nói chuyện, ai cũng có vẻ ái ngại. Nhất là cụ bảng Tiên Kiêu lại càng lo thay cho học trò mình. Vì cụ biết chàng chưa hết cái tính tự phụ của tuổi trẻ, nếu như trong bài đình đối mà có chỗ nào nói ngông, làm cho phật ý triều đình, thì không khéo sẽ bị tội nặng. Rồi các cụ lần lượt phỏng đoán cái có Vân Hạc bị bắt. Cụ này bảo phạm húy, cụ kia bảo chàng làm vãn trái ý nhà vua, có cụ lại đồ là chàng đã đi vào chỗ cấm địa. Rút lại, chẳng ai dám chắc lời của cụ nào là đúng.

Gần trưa, ngoái sân lù lù tiến vào một dãy mâm thau phủ khăn đỏ đi theo một lũ quả tròn sơn son. Cụ Mền Trúc Lâm, và họ nhà trai đã dẫn lễ vật sang cho nhà gái, ông cử Bùi Đốc Cung cũng phải có mặt trong đám. Bấy giờ cỗ bàn vừa xong.

Sau khi nhà trai đã ngồi yên chỗ, ông đồ liền khăn áo lên nhà thờ cúng, để cho chàng rể làm lễ.

Với nhà này, Đốc Cung tuy không phải là người xa lạ, nhưng khi đóng vai chú rể, chàng cũng không khỏi có vẻ bẽn lễn ngượng nghịu.

Thoáng nhìn Đốc Cung, cô Ngọc nhớ ngay đến chồng, máu uất lại hừng hực như sắp bốc lên. Vì sợ lỡ có sự gì, sẽ thành gàn quải công việc vui mừng của em, cô phải uống mãi nước lã cho ngực đỡ nóng.

Nghe tin Vân Hạc bị bắt, Đốc Cung rụng rời chân tay, sắc mặt tự nhiên xám lại, như người vừa qua một trận khủng khiếp.

Cả nhà xúm lại hỏi chàng về chuyện Vân Hạc ở kinh. Nhưng chàng cũng không biết lắm. Vì xong kỳ đệ nhị, chàng đã lên đường về Bắc rồi, còn biết chuyện trò trong ấy ra sao.

Tàn ba tuần chè, khách khứa họ mạc bắt đầu uống rượu.

Câu chuyện Vân Hạc thành một đầu đề của cả bữa tiệc. Hầu hết các mâm, mâm nào cũng nói đến chàng làm cho ông đồ càng thêm lo phiền, tuy ngồi tiếp khách nhưng ngoài tiếng mời chào, ông không nói thêm một câu nào khác.

Cụ bảng Tiên Kiều, cụ nghề Quỳnh Lâm và cụ cả Liên Trì tuy đã thi nhau pha trò, để cho quang cảnh vui thêm, song mà trên tiệc vẫn có một vẻ bẽ bàng.

Rượu đến nửa chừng, ngoài cổng nghe có tiếng người léo seo:

- A cậu thủ khoa đã về!

Tiếp luôn đến tiếng bà đồ:

- Ấy kìa! Anh thủ về thật kìa kìa! Lại cả các bác cũng sang chơi nữa. Quý hóa chữa kìa!

Cả nhà đổ xô ra sân. Cô Ngọc đương nằm lăn lóc trong buồng, không kịp nghĩ đến lễ phép, cô vội nhảy phắt xuống đất, ôm bộ đầu rũ rượi ra thêm. Quả đúng là Vân Hạc và

Hải Âu, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng nghênh ngang ôm võng và các đòn cáng đưa lên đầu công.

Đồ ai tả được tâm trạng cô Ngọc lúc ấy. Nếu không có đông khách họ hàng ở trước mặt có khi cô sẽ nghĩ là mình nằm chiêm bao thấy chồng.

Sau khi vái chào cụ bảng, ông đồ và các cụ nghề cụ cử, anh em Vân Hạc ngồi vào chiếc ghế bô không gian cạnh. Khách khứa họ mạc ai về chỗ nấy. Tiệc rượu phải hoãn một lúc, để cho các cụ hỏi chuyện Vân Hạc.

Thì ra chàng về vừa khỏi Nam Định thì gặp Tiêm Hồng. Anh em cùng đến Đào Nguyên từ tối hôm qua.

Bên ấy cũng biết hôm nay ăn hỏi cô Bích, cho nên sáng nay Hải Âu phải sai thuê mấy chiếc cáng để Vân Hạc sang ngay bên này cho ông đồ, bà đồ yên lòng và bảo Đoàn Bằng, Tiêm Hồng đi chơi với mình để mừng nhà trai, nhà gái luôn thể.

Ông đồ bấy giờ rất là vui vẻ. Sốt sắng, ông giục bung mâm để anh em Vân Hạc uống rượu. Ngồi thứ trong tiệc lại phải đổi lại. Hải Âu tiếp các cụ. Đốc Cung, Vân Hạc ngồi với Đoàn Bằng, Tiêm Hồng.

Cụ bảng vừa nâng chén rượu vừa nhìn Vân Hạc:

- Thế anh được tha từ bao giờ?

Vân Hạc lễ phép:

- Bẩm thầy, con chỉ bị giam hai ngày đến ngày thứ ba thì được tha ra.

Đến lượt cụ nghề Quỳnh Lâm:

- Vậy thì cậu đỗ hay hỏng?

Vân Hạc tươi cười:

- Bẩm cụ, con hỏng tuột, và bị cách cả thủ khoa.

Ông đồ tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Anh bị tội gì?

Vân Hạc vẫn tươi như hoa:

- Thưa thầy, vì đoạn trả lời câu hỏi "trí ngôn dưỡng khí", con... đã dùng lầm bốn chữ... chẳng may câu đó bị quan Đối Độc tìm ra, ngài liền tâu với hoàng thượng, xin giao đình nghị. Vì vậy con mới bị bắt.

Ông đồ phàn nàn:

- Đã vào thi đình mà không biết những cái đó.

Cụ bång hủi tất:

- Vậy anh có được thi hương nữa không?

Vân Hạc thưa:

- Bẩm thầy có ạ.

Ngoài cổng bỗng có tiếng hỏi rất to:

- Anh thủ khoa đã về đây chưa?

Theo sau tiếng nói, Nguyễn Khắc Mẫn với chiếc nón dứa quai lụa bạch lù khù tiến vào trong cổng.

Vân Hạc vội vàng chạy ra đón mời.

Sau khi Khắc Mẫn vái chào tất cả các cụ, ông đồ liền bảo người nhà lấy thêm đĩa bát mời thầy ngồi với bọn Vân Hạc, Đốc Cung.

Vừa nâng chén rượu, Khắc Mẫn vừa trông Vân Hạc:

- Sáng hôm qua, tôi được tin anh bị bắt ở Huế, đã định sáng nay thì sang Đào Nguyên hỏi thăm. May sao đến chiều hôm qua lại thấy nòi anh đã về, tôi đoán chắc rằng ngày nay thế nào anh cũng có mặt ở đây. Thế mà đúng thật. Vậy anh vào đình ra sao? CÓ phải thật anh bị bắt hay là người ta đồn nhảm?

- Tôi bị bắt thật đấy.

Vân Hạc vừa nói vừa rới thêm rượu vào chén Đoàn Bằng, rồi một lần nữa chàng đem đầu đuôi câu chuyện mình ở kinh kể vời Khắc Mẫn. Khắc Mẫn ra giọng vui mừng:

- Chẳng qua cũng tại số anh chưa được hết nợ trường ốc, cho nên mời gàn quải ra thế. Nhưng cứ như tài học của anh, thì thi lúc nào có thể đỗ ngày lúc ấy. Miễn là anh còn được đi thi. Chẳng làm gì mà phải chán nản.

Vân Hạc chỉ cười không đáp. Khắc Mẫn tiếp:

- Khốn nạn! Thân anh nghề Long bây giờ mới đáng thương chứ!

Vân Hạc, Đốc Cung đều tỏ ra vẻ kinh ngạc:

- Anh ta làm sao?

Khắc Mẫn đáp:

- Vừa mới có chỉ phải đi tiên quân hiệu lực.

Cụ nghề Quỳnh Lâm thoáng nghe câu đó liền hỏi:

- Ông tú Nguyễn nói ai phải đi tiên quân hiệu lực?

Khắc Mẫn khiêm tốn:

- Bẩm cụ, anh nghề Văn Khoa chúng tôi.

Ông đồ, vội đặt chén rượu xuống mâm:

- Tôi mới nghe nói ông ấy đã đi tri phủ Thuận Thành kia mà?

Khắc Mẫn thưa:

- Bẩm vâng. Năm ngoái ạnh ấy được bổ tri phủ Thuận Thành, hồi đầu tháng tư đổi ra tri phủ Hải Ninh. Bảy giờ đương có giặc khách quấy nhiễu ở vùng duyên hải, triều đình có phái đại binh ra tiêu, ạnh ấy cũng phải cầm quân đi đánh một mặt. Chẳng ngờ gặp phải toán giặc rất kiệt kiệt, giao chiến một trận, bao nhiêu lính tráng chết gần hết. ạnh ấy chỉ còn một thầy một trò trốn về. Việc đó tâu vào trong triều, triều đình chiếu luật "ngộ thất quân cơ" đã định tội tày đình như quân pháp. Sau nhờ hoàng thượng có lòng nhân từ mới giảm xuống tội "tiền quân hiệu lực".

Cụ cử Liên Trì cũng hỏi:

- Có thật thế không?

Khắc Mẫn đáp:

- Bẩm thật thế ạ. Tôi vừa chơi ở Văn Khoa sang đây. Cứ như cụ cố nói lại, thì trước đây mười ngày, ạnh nghè Long đã phải giải vào Quảng Nam để xung đội tiên phong đánh mọi Thạch Bích.

Vân Hạc phàn nàn:

- Nghè Long cũng là một bậc thông minh có tài, nếu được từng trải việc đời, chắc sẽ thành ra một người đại dụng, có thể giúp dân giúp nước được nhiều việc. Nhưng mà bây giờ vừa mới thi đỗ, còn là một ạnh thiếu niên thư sinh, gần nửa đời người chỉ được nghiền ngẫm kinh nghĩa thư phú, chưa nghe tiếng súng lần nào. Thế mà nhất đán phải đi cầm quân đánh giặc.

Cả đám nghe tin, ai cũng ngại cho Trần Đăng Long. Mặt trời tà tà, tiệc vừa tan. ông đồ vì mừng Vân Hạc được về, muốn lưu tất cả khách khứa ở lại đến mai. Nhưng mà các cụ sợ rằng Vân Hạc đi xa mới về, chắc trong mình còn mệt nhọc, nếu lại thức thêm đêm nữa, không khéo có khi bị bệnh, cho nên ai nấy đều khát đến ngày cho cưới cô Bích sẽ lại đến chơi.

Rồi đó các cụ và họ nhà trai lũ lượt ra về. Hải Âu, Đoàn Bằng, Tiêm Hồng, Khắc Mẫn cũng bị cụ bảng Tiên Kiều bắt phải sang chơi bên ấy. Quang cảnh trong nhà lúc ấy lại bình tĩnh như mọi khi.

Người nhà dọn dẹp vừa xong, thì trời vừa tối.

Ông đồ, bà đồ vì mấy đêm trước thức luôn, cho nên đêm ấy, sau khi hỏi han Vân Hạc ít câu, cả hai đều đi ngủ trước. Ở nhà học chỉ có cô Ngọc với chàng.

Dưới ánh sáng rực rỡ của ngọn đèn đầy dầu, cô trông mặt chồng tuy vẫn tươi trẻ như xưa, nhưng vì mấy tháng ăn gió nằm sương, da thịt cũng có xanh xao gầy sút hơn lúc ở nhà, bụng cô rất băn khoăn thương hại. Khi nghe chàng kể lại những nỗi nguy hiểm ở dọc đường, thì cô thương xót không biết chừng nào, có lúc hai hàng nước mắt chảy ra chan chứa. Rồi cô vỗ vào vai chàng và nói bằng giọng âu yếm: - Chỉ vì tôi muốn được làm bà thám, bà bảng, xuýt nữa làm cho chồng tôi chết oan. Mình có giận tôi hay không?

Vân Hạc mỉm cười:

- Giận lắm chứ. Làm khổ người ta như thế, ai mà không giận?

Cô cũng đáp lại bằng nụ cười bông đùa:

- Thôi từ giờ trở đi, tôi không bắt mình thi cử nữa, xin mình vuốt giận làm lành.

Rồi cô lãng sang chuyện khác:

- Lúc nãy tôi nghe như bác tú Mẫn nói ông nghề Long phải đi "tiền quân hiệu lực" phải không?

Vân Hạc đáp:

- Phải. Tội nghiệp! Tôi thương anh ấy quá chừng.

Cô phàn nàn:

- Chết chữa, ông ấy lưng sức học trò, mà phải đi vào những chỗ mọi rợ ma thiêng nước độc thì chịu sao nổi?

Thình lình nghĩ đến câu Kiều của mình bói được ngày trước, cô liền đọc cho chồng nghe. Vân Hạc lại cười và hỏi:

- Mình có nhớ cái bài "nhàn ngâm" của cụ Nguyễn Công Trứ không?

Cô ngơ ngẩn:

- Bài ấy thế nào? Tôi chưa được nghe bao giờ.

Vân Hạc gật gù đáp:

- Bài ấy như vậy:

*"Ngồi rồi mà trách ông xanh,
Con vui muốn khóc, buồn tênh lại cười,"*

Cô cướp nhời:

- Thế thì tôi biết. Còn bốn câu nữa thế này.

Và cô thỏ thẻ đọc tiếp:

*"Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông."*

Bảy giờ đêm đã canh ba, bốn bề không còn tiếng động. Vàng trắng vắng vặc nhòm vào cửa sổ, như cũng thêm sự tương đắc của cặp vợ chồng chung một tâm hồn.

TẮT ĐÈN

Chương I

Bắt đầu từ gà gáy một tiếng, trâu bò lục-tục kéo thợ cấy đến đoạn đường phía trong điểm tuần.

Mọi ngày, giờ ấy, những con-vật này cũng như những người cổ cây, vai bừa kia, đã lần-lượt đi mò ra ruộng làm việc cho chủ. Hôm nay, vì cổng làng chưa mở, chúng phải chia quăng đứng rải-rác ở hai vệ đường, giống như một lũ phu vờ chờ đón những ông quan lớn.

Dưới bóng tối của rừng tre um-tùm, tiếng trâu thở hì-hò, tiếng bò đập đuôi đen-đét, sen với tiếng người khạc khúng-khắng.

Cảnh-tượng điểm tuần thành-linh hiện ra trong ánh lửa lập-lòe của chiếc mỗi rơm bị thổi. Cạnh giầy sào, giáo ngà nghiêng dựng ở giáp tường, một lũ tuần-phu lớ-nhỏ ngồi trên lớp chiếu quăn-quèo. Có người phì-phò thổi mỗi. Có người ve-ve mỗi thuốc và chìa tay chờ đón điều đóm. Có người há miệng ngáp dài. Có người đang hai tay dụi mắt. Cũng có người gồi đầu trên cái miệng hiệu sừng trâu, ngảnh mặt vào vách mà ngáy.

Cái điều cày và cái đóm lửa bị năm, sáu người chuyển tay, chiếu đi, chiếu lại độ vài ba vòng, ánh lửa lại tắt, trong điểm chỉ còn tiếng nói chuyện rầm-rầm.

Gà gáy giục. Trời sáng mờ-mờ.

Trâu bò, con đứng, con nằm, thi nhau quai hai hàm răng nhai trầu xông và nhả ra những cục nước bọt to bằng cái trứng.

Thợ cây khắp lượt dùng bấp cây, vai cây làm ghế ngồi, cùng nhau bàn tán băng-cua về chuyện sưu thuế.

Những con chèo-bẻo chèo-choẹt hót trên ngọn tre, như muốn họa lại khúc ca réo-rắt - mà người quê vẫn gọi là khúc "váy cô, cô cời" - của mấy con chào-mào đậu trên cành xoan, đon-đa chào vẻ tươi đẹp của cảnh trời buổi sáng.

Toang cồng vẫn đóng chặt. Tuần-phu lại lần lượt thổi môi hút thuốc lào.

- Ông Trương ơi, ông làm ơn mở cồng cho tôi đánh trâu ra đồng ạ. Mọi ngày bây giờ tôi đã cày được ba sào ruộng rồi. Hôm nay, bây giờ còn nhong-nhóng ở đây... Phỏng chừng từ giờ đến trưa, cày sao cho xong cái ruộng mẫu hai? Thôi ông làm phúc, làm đức...

Sau tiếng năn-nỉ của anh chàng cục-mịch, vai vác cây, tay cầm thùng trâu, Trương-tuần quẳng cái điều cày xuống đất, thở nót khói thuốc trong miệng, rồi giương đôi mắt say thuốc lơ-đờ:

- Nay chẳng xong thì mai! Ông Lý đã bảo thuế còn thiếu nhiều, không cho một con trâu, con bò nào ra đồng hết thầy...

- Thưa ông, ông chủ tôi nóng tính lắm kia! Ông ấy đã dặn buổi nay tôi phải cày cho xong ruộng ấy, nếu không xong, đến trưa về ăn cơm, ông ấy mắng như tát nước và nói như móc cơm ra... Chớ tôi có muốn vát-vả vào mình làm gì? Vả lại, ông Lý sai tuần đóng cồng, cốt để bắt trâu, bắt bò của người thiếu thuế kia chứ! Ông chủ tôi nộp thuế đủ từ hôm qua rồi, xin ông mở cồng cho tôi...!

Trương-tuần nhăn mặt:

- Tôi không phải tộc-biểu, không phải phân thu, biết điếc gì đâu ông chủ anh nộp thuế rồi hay chưa nộp. Bây giờ mở cồng cho anh, chốc nữa ông Lý ông ấy chửi cha tôi lên, anh có-nghe hộ tôi không?

Anh chàng cục-mịch lủi-thủi đánh trâu gồng cày lủi xuống, để nhường khu đất trước điểm cho người khác vác bừa và đuổi trâu lên.

- Người ta trâu của nhà, ông chẳng cho ra thì chớ. Đây tôi, trâu thuê... đồng hai một buổi đắp, ông ạ. Xin ông lượng tình mà ngỏ cổng cho tôi ra đồng kéo trưa quá mất rồi.

Người ấy nói tuy thiết-tha, trương-tuần chỉ đáp lại bằng cái lắc đầu:

- Nếu trưa quá thì bừa luôn đến chiều. Trâu thuê sợ gì!

- Thế được thì còn gì nói truyện gì nữa! Của một đồng tiền, ai để cho mình ộp nó đến chiều? Chỉ đến non trưa, ông chủ có trâu cho thuê đã ra tận ruộng tháo vai trâu mà dắt trâu về, muốn bừa thêm một nửa đường nữa cũng không cho, ông ạ. Thôi! Mùa làm ăn, ông nghĩ lại...!

- Tôi chẳng nghĩ lại, nghĩ đi gì cả! Bỏ tôi sống lại, bảo tôi mở cổng này bây giờ, tôi cũng xin chịu đừng nói anh...

Người ấy lại vác bừa, đưa trâu trở lại chỗ cũ với cái sắc mặt thùi-thùi.

Mặt trời ngấp nghé mặt lũy, muốn nhòm vào điểm. Tuần-phiên lẻ-tẻ vác sào, cặp chiếu, đeo hiệu đi về. Trong điểm chỉ còn trương-tuần đuổi gỏi kiêu gọng bừa, ngồi trên chiếc chiếu điểm những tro mồi, bã điếu, đốc suất mấy tên đàn em ở lại canh ngày.

Xa xa nẻo trong đình, một hồi mõ cá thật dài, tiếp luôn đến trống ngũ-liên nện đủ ba hồi chín tiếng.

Như có vẻ kinh ngạc về những thứ hiệu lệnh dữ dội, mấy con trâu bò đánh nằm còng queo trên đường, đồng thời lóp-ngóp đứng dậy.

- Mẹ cha chúng nó! Hôm nay vẫn chưa đóng thuế, chúng nó định để tội vạ cho ai? Được! Cứ bướng đi, ông mà bắt hết trâu bò bán ráo!...

Tiếng chửi om-sòm như giục mấy chục cặp mắt ngo-ngân của bọn cây đều phải nghiêng về phía đình. Ông lý nách cặp cuốn sổ, một tay cầm cây gậy song, một tay

xéch đôi ông quần móng lợn, vừa đi vừa ra phía điếm tuần vừa thét mắng những người chậm thuế.

Đã năm hôm nay, nghĩa là sau khi bài-bỏ trình phủ đã giao về với một chữ "y", Lý-trưởng Đông-xá ngày nào cũng vất-vả về thuế.

Đầu tiên hắn còn cho mõ đi rao. Rồi đến tộc-biểu, phân thu đi hỏi. Rồi đến đầy-tớ của hắn đưa đầy-tớ chánh-tổng đi thúc từng người. Trong năm ngày nay, ngày nào cũng vậy, mõ cá, trống thúc liên hồi, hiệu ốc, hiệu sừng thổi inh-ỏi. Suốt từ sáng sớm cho tới tối mịt, trong làng lúc nào cũng như đám đánh cướp. Bây giờ đã gần đến ngày đồ thuế, công việc càng gấp. Hôm qua hắn đã lên phủ, xin với ông phủ phái cho một người cai lệ và hai người lính cơ về làng để trừng-trị những kẻ buống-bình.

Nhờ có cái thần-thế ấy, hắn mới chửi rõ, thét mắng khắp làng cho oai.

Thợ cày và tuần-phu đều biết cái hách- dịch của ông Lý, ai nấy chỉ đáp lại những câu chửi chùm chửi lộp bằng sự nín im.

Trâu, bò nhiều con vẫy tai như muốn chào một người chức-việc chăm-chỉ phận-sự trong khi người ấy qua trước mặt chúng.

Bước lên sà điếm, Lý-trưởng quăng tạch cuốn sổ xuống sà, giơ tay chỉ vào mặt mấy tên đàn em:

- Hiệu không thổi, để làm sổ bố chúng bay à?

Một hồi còi tu-tu đồng thời nổi lên, hiệu sừng sen với hiệu ốc theo đúng hiệu ốc có theo đúng mệnh của "nhất lý chi trưởng".

Đạp hai bàn chân vào nhau, rũ cho sạch bụi, rồi co chân lên ngồi vào chiếu, Lý-trưởng vớ luôn lấy chiếu điều cày và sai tuần-phủ lấy đóm, thổi lửa.

Mấy anh thợ cày của những điền-chủ đã nộp đủ thuế, bạo-dạn tiến đến trước mặt ông Lý:

- Thưa ông, trưa lắm rồi! Xin ông cho tuần mở cổng để chúng tôi đánh trâu đi cây!...

- Thông thả! Hãy đứng đây! Cây đã nóng bằng thuế của nhà nước à?

Vừa nói, Lý trưởng vừa giặt mồi thuốc vào điếu, hút luôn một sạp ba điếu. Khói thuốc theo hai lỗ mũi tuôn ra như hai ngà voi. Lý trưởng đồng dặc:

- Trương tuần, anh bảo nó mở cổng ra. Nhà nào đủ thuế thì cho trâu bò ra đồng. Còn nhà nào thiếu thì bắt trâu bò điếu cả về đình cho tôi, để tôi liệu cho chúng nó!

Sau một tiếng dạ của Trương-tuần, mấy tên đàn em loay-hoay tháo nê, rút then cổng. Rồi cùng đứng doãi chân chèo, cố lấy hết sức của lực điền, xuống gạch vì côi cổng đã mòn nhiều quá. Lý trưởng đứng lên mở sổ sổ sớ tên những người đủ thuế cho Trương-tuần nghe. Ước chừng mười con trâu bò được đi với bọn thợ cây cùng ra ngoài cổng. Còn độ hai chục con nữa đều phải vâng lệnh ông Lý, theo gót Trương-tuần và tuần phu lũ lượt kéo vào sân đình, chờ khi phải chịu tội thay cho chủ.

Chương II

Mỗ cá trên cột đình lạ há miệng nhận những cây dùi giận dữ. Trống cái dưới xá đình lại lỳ mặt chịu những cái nện phũ phàng. Vừa dứt hồi vang của những tiếng mõ, tiếng trống bị những lũy tre ngăn cản phải lật trở lại, Lý trưởng liệng dùi trống xuống sân đình và quát một cách a dáng ra phết:

- Từ sáng đến giờ vẫn chưa đem chiếu ra trải, thì cha nó ngồi vào đâu? À cái thằng Mới láo thật! Xong thuế rồi ông tổng cổ...

Mẹ Mới ở phía sau đình lếch thếch ôm mấy chiếc chiếu đặt lên sàn đình:

- Bẩm ông hôm qua ông dặn bố nó nhà con sáng nay phải đi chợ sớm...

- Trải ra! Rồi đi gọi các ông phân việc đến đây... Kệnh dệnh, kệnh dệnh! Bố người ta đẩy mà hôm nào cũng bắt người ta phải mời... Chẳng qua việc là việc làng, chứ việc riêng nhà ai! Ngày mai mà không đủ thuế, thì ông khai hết ra cho, thử xem thằng nào ngồi tù?

Đằng sau có tiếng léo xéo:

- Làm gì mà gắt gỏng dữ thế ông Lý? Bà cháu bận đi mang cơm thợ cày, tôi phải nấu chín nồi cám cho con lợn sề nó ăn. Vì nó mới đẻ, sợ bỏ đói thì nó mất sữa, rồi con nó xấu. Bởi thế tôi mới chậm ra một chút, chứ có kệnh dệnh gì đâu?

Những câu phân trần tha thiết kéo dài từ ngoài đường vào đến giọt đình. Thủ quỹ nhanh nhẩu bước lên thềm đình với cái tráp sơn đen bệ vệ nắp ở sườn tay phải. Lý trưởng vội vàng nói chữa:

- Tôi nói là nói người khác kia! Chứ ông... nhà neo, lắm việc, tôi có trách gì ông đâu... Kia các ông ấy đã ra cả kia!

Chương bạ ôm ông sỏ và một tập sỏ đi đầu một bọn độ hơn mười người: Thờ ký lồng khăn xếp vào cánh tay, Phó lý quần áo thâm trên cổ. Chánh hội vắt áo the bên vai, năm sáu ông kỳ cựu và tộc biểu liệt xệt kéo đôi guốc gỗ đã mòn hết gót. Cả bọn lật đặt tiến từ xóm giữa vào đình. Ai nẩy trụt guốc cầm tay, nhảy lên sàn đình, dứt guốc vào dưới gậm chiếu rồi ngồi lên trên.

Con vợ thằng Mới cung kính đệ len bên cạnh cột đình một cái điều đàn đựng trong một chiếc bát gỗ đánh đai bằng lạt và cái môi rơm dài chừng một sải. Hai đứa con nó kỳ kệt khiêng lên chỗ đó nôi nước chè khô mới nấu, khói đương bốc lên nghi ngút và chồng bát đàn sơn bằng những cái nước chè.

Chánh hội vừa khơi mào nói về chuyện thuế thì người nhà Lý trưởng lễ mễ bung một bộ khay đèn thuốc phiện rước Chánh tổng từ nẻo xóm dưới đi lên. Ông cai lệ và hai ông lính cơ hộ tổng cụ Chánh vào trước cửa đình. trong đám đông mỗi người một câu:

- Cụ đã ra!

- Lạy cụ.

- Xin mời cụ lên trên.

Chánh tổng khoan thai bỏ giày, bước qua một giầy chiếu dưới, để lại mặt chiếu hai hàng dấu chân đầy cát bụi, rồi vắt vẻo ngồi lên chiếc chiếu trên cùng. Bộ khay đèn tự tay người nhà Lý trưởng sang tay cai lệ, lên nằm làm bạn với "quan trong hàng tổng".

Ngay từ sáng sớm, cụ Chánh đã có điểm tâm độ vài chục điều ở nhà Lý trưởng, cho nên cụ rất tỉnh táo. Nghiêm nghị, cụ lên giọng kẻ cả:

- Các ông chức việc làng này thật lười quá. Hôm nay mà thuế còn thiếu be thiếu bát, chưa thu được một nửa bài chỉ! Tôi hạn từ giờ đến tối phải thu cho đủ. Nếu không đủ, sáng mai tôi phải trình quan.

Lý trưởng đón:

- Vâng! Xin cụ thúc giục đi cho! Chứ mấy hôm nay các ông ấy cứ ỳ ra đó, chẳng ông nào chịu ra miệng ra tiếng.. thì phỏng ai nó nộp cho?

Mọi người đều im lặng. Không phải sợ câu dọa nạt của Chánh tổng Lý trưởng, họ còn mãi nhìn ra cổng đình.

Thằng Mới kịu kịt trên vai chiếc đòn gánh treo hai chiếc quang. Giăng trước là một xanh vừa gan vừa phổi, vừa tiết để trên rổ lòng. Đằng sau thì một thúng thịt lợn.

Lững thững ở ngoài tiền vào, nó đặt quang gánh xuống sân đình, và mời ông Lý ra xem.

- Bẩm ông, hôm nay thịt đắt, tất cả hết sáu đồng rưỡi.

Ông Chánh hội, ông thủ quỹ và nhiều ông khác cùng đổ xô ra. Ai nấy đều biểu môi chề đất, Chánh tổng nằm trong giữa đình nói ra:

- Đắt với rẻ chẳng qua cũng của mấy đứa phụ canh, các ông có mắt gì đâu! Thôi để cho nó đem về làm đi, trưa lắm rồi!

Thằng Mới mừng rỡ lại cất quang gánh lên vai. Lý trưởng dặn theo:

- Phải đánh mỗi mâm một bát tiết canh, mày nhé!

Rồi mọi người cùng lên sân đình, bắt đầu nhúng tay vào việc.

Lý trưởng quăng cuốn sổ điền ra chiếu và bảo thư ký:

- Ông đọc cho các ông kia tính, xem rằng chủ nào bao nhiêu... rồi biên ghi vào mảnh giấy. Tính những chủ chưa nộp đồng nào ấy thôi.

Thủ quỹ mở tráp lấy ra cái bàn tính, cái bút chì và một tờ giấy tây, rồi đưa bàn tính cho ông Lý cụ:

- Ông tính ta, tôi tính tây, rồi cùng kháp lại, hễ hai đằng mà không sai nhau là đúng.

Một người đàn bà rón rén bước vào sân đình với một chuỗi tiền chinh trong tay:

- Lạy cụ Chánh, lại các cụ ạ...

Bên bàn đèn, một cậu lính cơ ngẩng cổ lên quát:

- Làm gì mà đến hôm nay mới đem nộp thuế? Lại còn vác những khái định ra đây! Ai lấy cho?

Lý trưởng gạt đi:

- Người nhà tôi đây... các ông tính giùm, xem của bà ấy có bao nhiêu ruộng tất cả.

Thư ký giở sổ đọc:

- Nguyễn Thị Quý điền dĩ hạ: nhất sớ Đồng Bắc xứ bảy sào chín thước, nhất sớ Đồng Cá xứ sáu sào ba thước hai thốn...

Lý cự vừa gẩy con toán lách tách vừa nhẩm:

- Nhất ngũ như ngũ, nhị ngũ nhất thập chi, tam ngũ nhất thập ngũ...

Thủ quỹ chăm chỉ để hai con mắt vào mảnh giấy tây dưới ngọn bút chì. Một hồi sau, Thư ký đọc hết, Lý cự hỏi:

- Có phải ba mẫu bốn sào năm thước ba thốn hay không?

Thủ quỹ đáp:

- Không biết. Bây giờ tôi mới tính. Cộng bằng tính tây vẫn chậm hơn tính ta. Ông biết thế.

Thị Quý nói theo:

- Vâng, ông thủ tính kỹ cho. Ruộng nhà cháu có đâu mà được ba mẫu!

Một hồi nữa, thủ quỹ hì hục với cây bút chì, rồi ngẩng đầu lên máng Thị Quý:

- Bà nói lạ! Bốn mẫu hai ruộng cả thấy, sao dám bảo không được ba mẫu!

Thị Quí thề sống, thề chết:

- Cháu có ăn gian thì trời không chứng! Thật quả ruộng của nhà cháu chỉ có hai mẫu bấy sào...

Lý cự, Thủ quỹ cùng xô lại dồn Thị Quí. Người đàn bà ấy nhất định không chịu. Cái bàn tính và cây bút chì phải làm việc thêm nhiều lần nữa.

Chánh tổng sốt ruột, giục Lý trưởng:

- Ai tính cứ tính, ai đi đốc cứ đi đốc. Chứ xúm nhau ở cả đây, thì đến tết cũng không thể thu xong thuế!

Lý trưởng lấy làm phải, liền sai mấy tên gia nhân đi đưa các ông lệ, lính cơ đầy tớ Chánh tổng vào khắp những nhà đình cùng và dặn:

- Đứa nào chưa có sưu hay chưa có thuế thì cứ trời cổ nó lại và điệu ra đây, để tôi cho chúng một mẻ.

Mồ lại thúc, trống lại giục, tù và lại inh ỏi thổi lên.

Ánh nắng bút rút chiếu đến nửa sân đình. Mấy con trâu, bò vẫn nằm gò lưng dưới những gốc gạo, gốc đa, hơi thở trong cổ họng kéo ra hồng hộc.

Chương III

Nếp nhà tranh lùn củn nắp dưới rặng tre là ngà, lặng lẽ úp lấy khu đất dề thành và kín đáo nấu trong một con xóm cuối làng Đông xá, đứng xa ngó lại, có thể lầm với nơi nhốt lợn hay chứa tro, đó là nhà của Nguyễn Văn Dậu.

Với tầm cao vừa xé mặt thành, giấy mái hiên cườm cượp nhòm ra ven thành, luôn luôn phạt kẻ ra vào bằng những cái cọc bươu đầu choáng óc, nếu họ quên không cúi đầu.

Với lớp rêu xanh điểm những lá tre vàng úa và những cỏ gấu phát phơ, cái sân đất rộng bằng đường bừa, lỗ chỗ vết chân chó sen vết chân người, vừa làm đường đi, vừa làm khu vực "hoãn xung", phòng bị những lúc mưa rào, đất ở chân thành khỏi lở vào thêm và cửa.

Bao nhiêu bộ phận cần có của một gia đình, đều được thu cả vào trong nhà.

Nhà cất theo lối kiến trúc phổ thông của các cụ, toàn thể gồm có một chái và hai gian.

Gian đầu là buồng.

Bức màn rách mép lướt thướt rủ ngoài cửa buồng, cũng như bức phen nan nửa sừng sững chắn ngang lòng nhà, đều hết sức giữ cho trong buồng có vẻ bí mật. Trái lại, những khe hở ở cạnh cửa và nhưng lỗ thủng ở chân phen lại cùng ra ý phô sòng, như muốn khai rằng: ngoài chiếc giường tre gãy giát, kê giáp bức bụa, trong này có một chum mẻ, vại hàn, chen nhau đứng bên cạnh đồng đất hang chuột.

Đối với buồng, ấy là bếp đun, cảnh tượng lại càng bề bộn.

Dưới từng máy chái thấp hẹp, những luồng ánh sáng xanh tía, thông thoáng kéo thẳng từ nóc đến nền, cô hun cho khô những chỗ đêm qua mưa dột.

Cạnh bó củi giơng ẩm ướt, đoàn vung sứ miệng hênh hếch nằm ngửa trong những cái rế tre, như muốn cười với lũ mèo đất thư nhàn, lông lóc lẩn nghiêng lẩn ngửa.

Trên bãi tro trấu tanh bành, nguội lạnh, mấy hòn gạch vỡ châu đầu vào nhau, nghiêng mình nằm theo thế chân vạc, đương chờ đến lúc đội nôi.

Kề đó đến bàn thờ.

Chiếc ngưỡng tre uốn lưng gù gù đỡ lấy một đống tre, đồng dặc đứng ra hình chữ "môn" và hộ vệ cho một mớ nan tre lành thành long bựt, giường thờ giống như cái chạn đựng bát. lờ lững gác giữa khoảng cột của bếp và buồng.

Tờ giấy xanh lạnh lùng phủ ngoài vách đất tỏ rằng nhà mới có tang.

Nhưng mớ mạng nhện chẳng chịt quăn trên đám chân hường lờ thơ, lại làm chứng cho một thời gian khá lâu, chủ nhân không hề cúng lễ. Rồi ở giữa nhà, chiếc chiếu rách thùng xộc xệch phủ trên tấm phản long đình.

Rồi ở dưới phản, mấy con chó con đòi ăn, ăng ẳng kêu không dứt tiếng.

Và ở ngoài hiên, quang, gánh, liềm, hái sen, với áo yếm, áo, váy, quần, lòi thoi rủ suốt mấy gian ruồi.

Trong tay bông đưa con gái hai tuổi, chị Dậu thờ thẩn ngồi trên chiếc chõng long nan. Cái nhanh nhẩu của đôi mắt sắc ngọt, cái sinh sấn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuột nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi, vẫn không đánh đổ những cái lo phiền buồn bã trong đáy tim. Nét mặt rầu rầu, chị im lặng nhìn sự ngoan ngoãn của hai đứa con nhỏ.

Cái Tý và thằng Dần, đương hỳ hực bới đống rễ khoai, tìm những củ mập, củ già, bỏ vào trong rổ. Chúng nó mừng reo hý hửng khi thấy một củ nguyên lành, và chúng nó cãi cọ lâu nhàu khi lục mãi chẳng được gì cả.

Mặt trời gần đến đỉnh đầu.

Ánh nắng xuyên qua lũy tre chiếu xuống trước thềm khoang cửa.

Đằng sau gà gáy te te.

Nóc bếp lảng giềng ngọn khói bốc lên nghi ngút.

Thằng Dần với bộ mặt thù thịu, bỏ đồng rế khoai đứng dậy lưng búng:

- Nhật mãi từ sáng đến giờ mới được ba mẫu khoai ranh! Con không phải tội mà bới nữa. U đi mua gạo mau lên! Hàng xóm nấu cơm trưa rồi, nhà ta vẫn chưa ăn cơm sáng! Chúng con đói quá!

Ngó con một cách đau đớn, chị Dậu ngọt ngào:

- Con hãy cố nhặt thêm vài chục mẫu nữa, rồi chị nó luộc cho ăn, chứ u làm gì có tiền đông gạo?

Thằng bé phụng phịu:

- Hôm qua và hôm kia u bán hai gánh khoai lang được năm hào mà... đã tiêu gì đâu!

Vừa nói nó vừa tung tăng chạy đến cạnh mẹ, toan lần dải yếm của mẹ. Cái Tý thỏ thẻ khuyên em:

- Tiền bán khoai còn phải để dành đóng sưu cho ông Lý chứ? Để được đem mà mua gạo đấy hử? Em có đói thì hãy ăn tạm củ khoai sống vậy!

Câu nói nghĩa lý của con bé bảy tuổi, hình như có một sức mạnh thần bí, khiến cho chị Dậu hai hàng nước mắt chạy quanh. Uể oải, chị bế cái Tiu lên sườn và lừ thừ đi ra ngoài cổng, để ngóng xem chồng đã về chưa.

Chồng chị, - anh Nguyễn Văn Dậu - tuy mới hai mươi sáu tuổi, nhưng đã học nghề làm ruộng đến mười bảy năm.

Với cái sức khỏe mạnh, với cái tính nhanh nhẩu, với cái đức chịu thương chịu khó trong nghề cày thuê cuốc mướn, những năm son rồi, vợ chồng nhà anh cũng vẫn kiếm

được thừa ăn. Mấy năn nay phần vì thóc cao, gạo kém, phần thì con đẻ thêm ra, vợ bận mọn luôn, sự tiêu dùng của anh mới không được ròi rào như trước, vật mũi chỉ đủ đút miệng mà thôi.

Rồi tháng tám năm ngoái, mẹ anh bị bệnh qua đời. Lại tháng giêng năm nay, thằng em trai của anh cũng vì phải gió mà chết. Dầu anh hết sức tần tiện, hai cái ma ấy cũng cứ lôi kéo đi mất của anh hai món là làng hết đúng sáu đồng, và hai cỗ quan tài hết gần tám đồng. Nhà không có, anh phải quang co tần tảo cho có. Hai cái rốp ấy cũng đủ đưa anh lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh rồi. Hơn nữa, tháng ba đến giờ thân bệnh sốt rét ở đâu kéo đến, nó bắt anh cứ phải nghỉ việc nằm nhà.

Thế là gần ba tháng trời, những sự đóng góp chi tiêu của một gia đình năm miệng ăn, hết thảy trông vào hai bàn tay trắng của người đàn bà con mọn.

Sự đói rách của con và sự làm than của vợ, đắp đổi tiến đến trước mắt, đã làm cho anh gan ruột nẫu nà. Thêm mấy bữa nay, Lý trưởng ngày ngày sai người giục thuế, anh càng luống cuống như con kiến bò trong chảo nóng, không biết lo liệu thế nào. Sớm ngày, con sốt đã tan anh phải gắng gượng chống gậy ra đi, cũng định vay mượn lấy một vài đồng, trả cho xong "món nợ nhà nước". Nhưng đi thì đi, chính anh cũng không tự biết mình sẽ đi đến nhà a, và chừng bao giờ thì về.

Mong mãi không thấy bóng chồng, chị Dậu lại bỗng cái Tiu trở vào, ngồi phịch xuống chõng.

Cái Tý vẫn loay hoay với đóng rế khoai. Thằng Dần đương ráu ráu nhai mẩu khoai sống.

Bên nhà lảng giềng có tiếng mâm bát lạch cạch. Mấy con nít tíu tíu gọi nhau ăn cơm. Mùi canh rura và mùi cá khi theo ngọn gió nồm đưa sang ngào ngạt.

Thằng bé háu đói nuốt vội miếng khoai trong miệng, vớ tấm áo nâu toạc vạt khoác luôn vào mình, đơn đả chạy lại vỗ vào vai mẹ:

- Con sang chơi bên nhà ông Bác, u nhé!

Cái Tý chùng mắt:

- Bên ấy sắp sửa ăn cơm ấy mà...! Sang làm gì? Rồi bà Bác lại đuổi oai oái như hôm nọ ấy. Thôi, đói thì chịu vậy, chứ em cứ nhặt cố lấy mấy củ nữa, rồi chị đứng lên bắc nồi.

Thằng Dần quăng tọt cái áo vào chõng, ngoảnh đít quay lại, trên mặt đầy vẻ thất vọng:

- Khô lắm, bao nhiêu củ ngon củ lành, u đã lựa hết đem bán, ở đây chỉ còn những rễ và rễ, lấy đâu ra khoai mà nhặt?

Cái Tý lại dịu nét mặt:

- Chả bán thì lấy tiền đâu đóng sưu?... Em hãy chịu khó nhặt đi với chị! Hãy còn vô khối củ mầm ra đây.

- Nhưng mà em còn đói vàng cả mắt, không nhặt được nữa...!

Nói xong, thằng Dần bước đến bên cạnh rổ khoai, chọn lấy một củ lớn nhất, nó chùi vào bụng cho sạch cát bụi rồi cho vào mồm cắn...

Chị Dậu tuy vẫn ngồi im không nói, nhưng ở khóe mắt, nước mắt lại cứ chan chứa chảy ra. Chùng như không muốn để cho các con thấy sự đau lòng của mình, chị vờ ngảnh mặt nhìn vào trong vách.

Chương IV

Con chó cái nằm ở gậm phản bỗng chốc vẫy đuôi rồi rít, tỏ ra đáng bộ vui mừng.

Anh Dậu lữ thử từ cổng tiền vào với cái vẻ mặt xanh ngắt và buồn rứt như kẻ sắp bị tù tội.

Cái Tý, thằng Dần cùng vỗ tay reo:

- A! Thầy đã về! A! Thầy đã về!...

Mặc kệ chúng nó, anh chàng ốm yếu im lặng dựa gậy lên tấm phen cửa, nặng nhọc chống tay cào gối và bước lên thềm. rồi lão đảo đi đến cạnh phản, anh ta lăn kềnh lên trên chiếc chiếu rách.

Chị Dậu ôm con vào ngời bên phản, sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi:

- Thế nào? Thầy em có mệt lắm không? Sao chậm về thế? Trán đã nóng lên đây mà!

Anh Dậu nằm thừ không cựa, cũng không trả lời. Chị Dậu lại gặng:

- Chắc thầy em mệt lắm thì phải? Từ sáng đến giờ đi những đâu? Hỏi vay của ai?

Vắt tay lên trán, anh Dậu thở một tiếng dài và cất cái giọng lẽ dề của người ốm:

- Tôi lên nhà lão Hội Ích.

- Có được đồng nào hay không?

- Chẳng được gì cả. Tôi cũng biết cái thằng già ấy nó bản như chó, mình đã mắc nợ của nó, chẳng khi nào nó lại cho mình vay thêm. Nhưng vì bí quá cho nên phải nhắm mắt đi liều. Quả nhiên mới cất miệng hỏi, nó đã mắng sấm xoi sới, rồi lại dọa rằng: "Ba đồng cầm đất cầm nhà, lãi mười hai phân, đến tháng sáu này thì vừa hết hạn, tính thành ra năm đồng một hào sáu xu. Nếu không trả được nó sẽ cầm cả nhà đất để làm chuồng xỉ".

Chị Dậu cau đôi lông mày:

- Trời đất ơi! Cầm cả nhà đất để làm chuồng xí! Ăn nói như thế thì còn trời đất nào nữa?... Thế sao thầy em không đến ông cậu hỏi tạm lấy một đồng vậy?

- Có! Tôi có hỏi! nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy nhieć mãi vợ chồng sức dài, vai rộng mà có vài ba đồng bạc tiền sưu cũng không chạy nổi...

Chị Dậu giậm chân xuống đất:

- Khốn nạn! Ấy ông cậu đấy! Ông cậu giàu có nứt đổ lá vách, cả đời cháu mới hỏi vay mấy đồng, còn nỡ nhieć móc như thế, trách chi người ngoài!... Thế bây giờ thầy em đã định hay chưa?

Anh Dậu nín lặng một hồi, rồi lại thở dài tiếng nữa:

- Tôi đã nói với cụ Nghị Quế ở thôn Đoài... hay là bán quách...

Đương nói giờ câu, anh Dậu ngấp ngừng lại thôi, như có vật gì nghẹn ở cổ họng. Chị Dậu cố gắng:

- Bán quách cái gì? Thầy em cứ nói, ở đây có ai mà sợ!

Anh Dậu đơm dóm nước mắt:

- Hay là bán quách cái Tý cho cụ ấy?

Chị Dậu cũng nước mắt chảy qua gò má dòng dòng. Chị cứ cúi gằm mặt xuống, không biết trả lời ra sao. Cái Tý nghe thấy ru,ng rời củ khoai trong tay, vội vàng đứng lên năn nỉ:

- Con van thầy! Con van U! thầy u để con ở nhà chơi với em con. Con van thầy! Con van U! Thầy U đừng đem bán con.

Thằng Dần nhả vội miếng khoai trong miệng, và sụt sịt khóc:

- Em không, nào! Em không, nào! em không cho bán chị Tý nào! Có bán thì bán cái Tiu kia kìa!

Anh Dậu cũng như chị Dậu, ai nấy sẽ sẽ gạt thâm nước mắt và cũng giả cách làm thình. Cái Tý vẫn bai bãi van như tể sao, một hai xin thầy u đừng bán nó đi, tội nghiệp cho nó.

Chùng như cầm lòng không đậu với những lời ngây thơ và thê thảm của con bé ngoan ngoãn. Chị

Dậu xoa suýt cái Tiu và yên ủi cái Tý:

- Không! Thầy con nói đùa ấy thôi! Bán con thì lấy ai ẵm con bé này cho u đi làm?

Cái Tý vui vẻ ngồi vào cạnh đồng rễ khoai, nó lại hý hoáy bới bới nhặt nhặt.

Một bầu không khí tẻ ngắt bao phủ cả mấy gian nhà, người ta có thể nghe rõ tiếng đập ở hai trái

tim của hai vợ chồng anh trai cùng.

Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. Rồi tiếng roi quất vào vách đèn đẹt. Rồi tiếng người hỏi dữ dội:

- Đã Dậu có nhà đấy không?

Chị Dậu lật đật bồng con bé con ra cổng đuổi chó. Anh Dậu cũng ngồi nhồm dậy và ngó ra sân.

Người nhà Lý trưởng nghênh ngang múa chiếc tay thước với sợi dây thừng, đưa ông Cai lệ và cây

roi song hùng dũng bước vào trong cổng. Hai người cùng ra oai giộ con chó cái và cùng nhảy lên thềm. Phủ đầu, ông Cai lệ chỉ cây roi vào mặt anh Dậu và quát:

- Sưu đâu? Sao không đem nộp? Người ta vào hỏi vẫn còn ngồi ỳ ra đó!

Anh Dậu lấy bẫy đứng dậy. Cái mặt xanh xao khi ấy đã đổi ra sắc tái mét. Run run, anh sẽ giờ tay gãi tai:

- Thưa ông, tôi chưa có.

Ông Cai lệ thị hùng bằng hai con mắt giương tròn:

- Cả năm chỉ có hai đồng bảy hào tiền sưu, bây giờ anh vẫn chưa có bao giờ anh định mới có?

Với cái dáng điệu có vẻ van lơn, anh Dậu hỏn hển thở và đáp:

- Thưa ông, vì tôi đau yếu, nên chưa lo kịp, xin ông thư cho đến mai. Thuế còn năm bữa nữa mới đăng trường kia mà!

- À! thuế còn năm hôm nữa mới đăng trường, cho nên anh không nộp vội, phải không?

Hỏi vậy nhưng ông Cai lệ không để cho kẻ bị hỏi được có thời gian phân trần. Nhanh như cắt, ông chuyển phát cây roi song sang tay trái và nắm chặt năm ngón tay phải, đưa luôn vào ngực anh Dậu một mớ quả thui. Cái thui chuyên môn của người công khác hẳn thứ thui phổ thông của thường dân. Anh Dậu chỉ ức ức mấy tiếng, chứ không thể kêu lên được. Thuận tay, ông Cai lệ túm lấy cổ áo anh Dậu và ngánh lại bảo ông người nhà lý trưởng;

- Thường đâu? Trói cổ nó lại. Có một suất sưu bây giờ chưa nộp lại còn chực giờ lý sự?

Tức thì hai người xúm lại, mỗi người nắm một cánh tay anh Dậu bẻ quặt ra đằng sau lưng, rồi luồn thừng vào và riết thật chặt. Họ trói anh chàng khốn nạn giống kiểu như nhà quê trói chó để làm thịt vậy.

Thằng Dần òa khóc:

Cái Tý meo máo nhếch nhác, chạy đến cạnh ông Cai lệ, chấp tay vái lấy vái để:

- Cháu lạy hai ông! Hai ông tha cho thầy cháu. Hai ông đừng trói thầy cháu!

Sẵn cây roi trong tay, ông Cai lệ quát luôn cho nó mấy cái vào đít và quát:

- Bước ngay!

Con bé đau quá. Nó lăn đanh đạch xuống đất và nó rẫy rụa như con gà phải nước nóng. Thằng Dần càng khóc dữ.

Ông Cai lệ đương cơn thịnh nộ, lại thẳng tay giơ cây roi song, toan trừng phạt thằng bé này. Chị Dậu lách théch ôm con bé con chạy vào:

- Thôi. Tôi xin ông Cai! Ông tha cho cháu... Chúng nó hãy còn bé bỏng.

Lời nói tiết tha của người đàn bà có duyên vẫn có đôi chút hiệu lực. Thằng bé ngây thơ đã được ông Cai ân xá.

Ngánh lại thấy chồng bị trói chặt quá, mặt mũi nhả như chuột kẹp, chị Dậu lạ dễ dàng kêu van ông Cai:

- Nhà tôi đương ốm... Xin ông làm phúc nói rộng nút thừng ra cho!

Lần này không có kết quả, những lời năn nỉ của chị chỉ được ông Cai đáp lại bằng một giọng oai nghiêm:

- Không phải nói! Trói thế cũng chưa chết nào! Mà có chết nữa, chồng chị càng khỏi đóng sưu.

Anh Dần nói xen:

- Nhưng tôi đau quá... xin ông hãy nói lỏng ra cho tôi một tý. Nào tôi có chạy mất đâu!

Ông Cai lệ nổi cơn lôi đình, tặng luôn anh Dậu năm bảy cái tát vào mặt và hăm hè:

- Bướng với ông à. Mà có tội thì ông mới trói. Lại còn bướng với ông à!

Chị Dậu nhìn ông Cai lệ bằng đôi con mắt đỏ ngầu:

- Thôi, tôi cũng lạy ông nữa! Chẳng qua nay mai đủ thuế thì thôi, làm gì ông phải hành hạ chồng tôi quá vậy? Có đánh thì ông cứ đánh tôi này. bao nhiêu tội tôi xin chịu cả. Chồng tôi đau ốm chẳng làm nên tội.

- À! Mày thách ông phải không? Hừ! Thấy ông nể mặt mày càng làm già! Được! Ông thử cho mày biết tay! Này thách! Này thách! Này thách!!!

Mỗi tiếng " này thách" từ miệng ông Cai đã đưa ra, chị Dậu lại được hai ba quả thụi vào ngực.

Đứng không vững, chị này ngã phịch xuống đất. Cái Tiu nằm trong lòng mẹ khóc ngặt khóc nghèo. Cái Tý, thằng Dần mỗi đứa nấp một xó cột nhìn trộm bố mẹ phải đòn. Cả hai đứa cùng nức nở khóc không ra tiếng.

Người nhà Lý trưởng chỉ cái tay thước vào mặt chị Dậu:

- Không thấy người nào lấm đều như chị. Nếu nhà ai cũng bướng như nhà này, có lẽ thuế của nhà nước đến bỏ. Thôi! Đứng dậy mà đi chạy sưu cho chồng, đừng ngồi ăn vạ đây nữa!

Rồi hai ông hằm hằm túm lấy đầu thùng, sèn sệt điệu anh Dậu xuống thêm. Tới cổng, anh chàng khôn nạn quay lại dặn vợ:

- U nó để cái Tiu ở nhà, sang ngay bên cụ Nghị Quế cho tôi...

Chương V

Bước vào khỏi cổng thôn Đoài, đã thấy nhà ông Nghị Quế.

Nó là một đám bung xung nhọn như ngọn tháp, hùng dũng úp trên đoàn bạch vừa đồ sộ, dường như

phô nhà mình thóc để hàng bốn, năm mùa.

Nó là một lũ đồn rơm, đồn rạ lớn bằng trái núi, chen nhau đứng bên cạnh ngọn mít, ngọn sung, dường như khoe ông chủ cây cây đến mấy trăm mẫu.

Nó là những tòa mái ngói muốn bảo tồn quốc túy bằng những "đầu" vuông tròn trộm, những sồi tàu cong rướn và những con cá chép "mảnh sứ" há miệng nằm giáp tường hồi.

Nó là một ngôi dương cơ rộng chừng ba mẫu, quây quần trong bốn bức tường gạch cẩm mảng chai, cảnh tượng phức tạp, giống như ngôi chợ đóng trong khu trại, hạp đủ các vật sang, hèn, các kiểu cũ, mới.

Cái cơ nghiệp ấy tuy tự tổ tiên để lại, ông Nghị cũng có khai thác thêm nhiều.

Ông không đi buôn, không đi thầu, chỉ làm ông chủ ruộng kiếm ông chủ thả lãi.

Đụng đến của ông nhẹ nhất cũng là mười phen. Và vay từ một đồng trở lên, đều phải viết ruộng

hay nhà, hoặc phải gửi vật gì khác làm đồ bảo đảm. Quá hạn thì mất. Dương cơ ông ở cũng nhờ ruộng nương ông cấy, hạc đồng, lọ sứ ông thờ, phần nhiều là của những người vay nợ hết hạn không trả, bị ông chiếm lấy và bắt lấy.

Nhà ông đời đời phát phát về bên hào. Bước đường công danh của ông cũng bắt đầu từ chức Lý trưởng vượt qua những bậc Phó tổng, Chánh tổng rồi, cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức vó nhau đưa ông lên ghế nghị viên.

Không như những kẻ mặt người dạ thú, mượn tiếng "thay mặt dân" để hót Chánh phủ mà xin xỏ việc này việc kia, ông ra nghị trường, chỉ cốt mua cái "vị thứ tân thời", lấy chỗ mỗi năm vài lần, ăn uống và... ngồi nằm với bọn tai mặt trong xứ.

Cái đức "không thềm biết...chữ" của ông hơn hẳn các bạn đồng viên, tuy những ông ấy chỉ xuất thân bằng nghề lái lợn hay cai phu. Vào viện ông cũng như hầu hết các ông nghị khác, không bàn và không cần nghe ai bàn. Nhưng, ông cũng chỉ ngáp vặt, chớ không ngủ gật bao giờ, vì sợ đôi giày chỉ long để dưới chân ghế lỡ bị mất trộm trong khi ông phải co chân đặt lên mặt ghế cho hợp thói quen của ông.

Từ ngày "giữ chức ông Nghị", danh tiếng của ông đã bay khắp tỉnh Trung sơn. Thế nhưng suốt năm chí tối, ông không phải thết một ông khách sáo, trừ ra hai ngày giỗ cha và giỗ mẹ.

Cố nhiên, ông phải là một người cơ chỉ, so kè từ một đồng xu trở đi. Vậy mà lắm khi ông lại rất hào. Nhất là những dịp tết ta, tết tây, không dịp nào ông quên không bắt chim ngói, gà mái theo những thùng gạo tám thơm vào cửa mấy ông to lớn.

Với ông, vợ chồng Đĩ Dậu không có họ hàng thân thích gì cả. Nhưng vì các hán cày thuê cấy mướn

cho ông đã nhiều, nên đều biết nhà, biết người.

Sau khi Cai lệ và người nhà Lý trưởng đã dẫn anh Dậu ra đình, chị Dậu theo lời chồng dặn, trao con bé con cho cái Tý, vớ chiếc nón rách đeo vào cổ tay. Thằng dân khóc nhéch khóc nhách, rầm rĩ kêu đói. Giả điếc, chị cứ lúi thủi cắp nón ra đi.

Ánh nắng tháng năm rát như lửa chàm vào mặt. Hơi nước dưới đồng bốc lên, nóng như hơi trong chỗ xôi. Những con cua chửa và những con rắn nước chịu không nổi sức nóng của nước trong ruộng, rủ nhau bò lên mặt đường và núp vào các khóm cỏ.

Đồng xá với Đoài thôn vẫn là một xã, cách nhau độ ba cây xộ trong lúc nắng gắt, người ta coi đoạn đường ấy như con đường thiên lý trong bãi cát già. Nhưng, với chị Dậu nó không mùi gì, vì đời chị đã quen hàng ngày rạn mặt với thần nắng.

Nhờ sức che chở của chiếc nón rách, chị chỉ bước rảo một thôi thì tới cổng nhà Nghị Quế. Mặt trời

đứng bóng. Trâu bò lũ lượt lội thợ cày ở ngoài đồng về. Thập thò ngoài cổng, chị nâng vạt áo nâu mốc lau những giọt mồ hôi nhễ nhại trên đôi lông mày và mở to đôi mắt quáng nắng nhòm vào

trong cổng.

Trên cái sân gạch Bát tràng mông mênh như bãi đá bóng, không điểm một vết bóng râm. Đàn chim bồ câu chổng mông mổ trên nong đỗ. Con gà mái ấp cục tác từ trên cửa chuồng nhảy xuống, ưỡn đít bón một bãi phân cho chạu lan. Mấy con lợn con theo mẹ nghều nghện diều chung quanh chạu nước vo gạo.

Không có người nào qua lại. Đánh bạo, chị Dậu xăm xăm tiến vào sân. Một đàn chó dữ như đàn hùm ở đâu nhất tề sò ra. Chúng nó nhảy chồm lên tận mặt người lạ.

Hoảng quá, chị Dậu ngồi phịch xuống gạch, vừa vung cái nón khua đuổi những con ác thú, vừa kêu:

- Anh bếp có nhà không? Làm phúc đánh chó cho tôi với!

Trong nhà có tiếng thét ra the the, nghe rõ là tiếng đàn bà:

- Làm gì mà nheo nhéo thế? Nhà ai không có chó? Làm sao đi không mang gậy? Thằng bếp còn bận việc khác, nó không phải hầu chúng bay!

Rồi lại im. Thì ra vợ chồng ông Nghị đang ăn cơm ở nhà khách. Nghe tiếng chị Dậu léo xéo, bà Nghị bực mình, quát đồng vài câu cho oai, chứ bà không thèm đứng dậy. Tính bà xưa nay vẫn thế, chẳng khi nào lại chịu hạ mình mà đi mắng chó, đuổi chó cho kẻ vay nợ hay người làm thuê.

Đàn chó cứ vây kín chung quanh chị Dậu như quân đèn cù. Hình như chúng nó muốn cố làm hết phận sự với chủ: con nào con ấy nhe răng lè lưỡi, chỉ chực vồ vào hai chân chị chàng đáng thương. Cái nón dùng làm khí giới đã bị đàn vật cắn rách tan tành. Chị Dậu luống cuống không biết làm thế nào. Bí quá, chị phải giơ hai nắm tay đánh nhau bộ với "đội lính coi nhà" của ông Nghị.

Một mụ thợ cấy ở dưới nhà bếp lật đật vác gậy chạy lên. Mụ đuổi đàn chó tán loạn mỗi con chạy đi mỗi ngã.

Chị Dậu lóp ngóp đứng dậy và đi đến trước nhà khách. Bàn tay phải bị chó cắn vào lúc nào không biết, máu chảy đầm đìa. Ghé răng, chị xé một miếng ở đầu dải yếm, buộc chặt lấy chỗ bị thương. Rồi rụt rè, chị lên bực thêm:

- Thừa lạy hai cụ ạ!

Bà Nghị gắt:

- Chó cắn vào tay phải không? Cho chết!

Đương lúc người ta ăn uống, ai bảo cứ dẫn xác vào? Hỏi gì?

Ông Nghị đặt bát xuống mâm, vừa nhai nhồm nhoàm vừa đón:

- Sáng ngày chồng nó đã sang xin bán đứa con. Chắc nó đến để nói nốt chuyện ấy, chứ gì nữa.

- Bẩm cụ phải, con sang thưa cụ về việc ấy.

Bà Nghị đưa mắt ra hiệu cho ông Nghị rồi bảo chị Dậu:

- Thông thả! Hãy ngồi đây! Để cho người ta ăn xong cái đã. Đừng quấy rầy!

Ông Nghị như đã hiểu ý của vợ, cứ việc chan chan gấp gấp, không nói không rằng.

Khép nép, chị Dậu ngồi phệt xuống mặt thềm gạch. Mọi ngày tuy vẫn làm mướn cho ông Nghị ấy,

nhưng chị, chỉ thì thọt ra vào trong mấy gian bếp, chưa biết nhà trên thế nào. Hôm nay bạ men tới đây, ấy là lần đầu chị được trông thấy cảnh tượng nhà khách của ông dân biểu. Trong mắt chị nhà ấy lịch sự vô cùng. Nào ở cạnh bức hoành phi khảm trai, mấy cô con gái tòng ngòng đuôi, vú vừa nằm, vừa tùm tùm cười tình.

Nào ở giữa đôi câu sơn then thiếp vàng hai thằng bé con béo tròn và xoay tròn, lễ mễ khiêng hộp sữa bò cao lớn gần bằng chúng nó.

Nào ở bên chiếc độc bình men đỏ, cái điều ông vắt vều vươn cành xe trúc dài thườn thượt như cái cần câu.

Rồi ở trong cái tủ chè chạm dây nho, một rổ trứng gà đầy lùm, ngát ngheo chồng trên bộ khay chè

trắng bóng. Rồi ở trước cái sập gụ lên nước, bốn chiếc ghế gụ mặt đá cùng châu vào một chiếc bàn

mây sơn xanh. Và ở đầu cái giường tây sơn quang dầu, quần lĩnh thâm và khăn quàng nhiều xanh cùng vắt một chỗ. Biết bao của quý vật lạ, chị Dậu nhìn vẫn chưa khắp. Trên bàn ăn có tiếng leng

keng.

Ông Nghị đâm chéo đôi đũa qua mặt mâm, bung bát nước canh, trợn mắt húp một cái đánh "soạt". Rồi ông vừa nhai, vừa nuốt, vừa giục thằng nhỏ lấy tăm. Bà Nghị cầm đĩa dò kho ăn dở, chút vào trong niêu, sai thằng bếp treo lên lao màn và dặn:

- Bà đã đếm kỹ từng miếng rồi đây. Còn mười bốn miếng tất cả. Hễ mất miếng nào thì chết với bà!

Thằng bếp bung mâm cơm ra. Thằng nhỏ đệ chậu nước vào. Ông Nghị, bà Nghị mỗi người dúng ba

ngón tay vào chậu, vuốt qua hai mép một lượt, rồi cùng uống nước, xĩa răng. Hai đứa đầy tớ đứng hai

bên cầm quạt phẩy lại. Bà Nghị mở cái tráp tròn lấy trà và cau nhai với một vài sợi thuốc. Ông Nghị

nhắc cái điều ông để trên tróc tủ, giặt thuốc, châm lửa, vít cái xe chúc vào miệng. Bắt chân chữ "Ngũ" ông vênh mặt hút sòng sọc một hơi:

- Con mẹ kia! Bán con bán cái thế nào? Vào mà nói chuyện với bà... !

Rón rén, chị Dậu đứng nép vào cửa và ngấp ngừng:

- Thừa lạy hai cụ, nhà con túng quá, xin hai cụ cứu giúp con.

Bà Nghị nhả miếng bã trà cầm tay, quai thật dài cặp môi cắn chỉ:

- Chẳng cứu với vót gì cả! Mà có bán đứa con gái tao mua!

- Xin vâng!

- Sáng ngày chồng mày nói rằng con bé ấy đã lên bảy tuổi, xin lấy ba đồng. Cụ ông tưởng nó nói thật, bằng lòng cho nó hai đồng. Nhưng giờ nghe nói con mày mới có sáu tuổi, thì tao triết đi một nửa, chỉ cho một đồng thôi. Thuận bán thì về đưa nhau sang đây!

Chị Dậu ngơ ngác:

- Thừa cụ, thật quả cháu đã lên bảy, nó đẻ tháng dần năm Tý. Chúng con không dám nói dối thừa cụ!

- Tao không thể tin cái miệng vợ chồng nhà mày! Người ta mách tao là nó lên sáu, thì tao hay nó lên sáu. Chứ tao biết đâu nó đẻ năm tỵ hay đẻ năm tỵ năm tỵ.. !

Chị Dậu đờ mắt, không biết nói sao. Bà Nghị tiếp:

- Vì cái hai bên kia...

Ông Nghị cau mặt gắt lời:

- Sao bà cứ gọi con bằng lối xách mé như vậy? Tôi đã dặn bà phải gọi nó là mợ... Bây giờ ở nhà các quan, con gái đều được kêu là mợ tất cả. Tôi hèn ra cũng là một Nghị viên, có lúc ngồi với quan Sứ quan Thượng, danh giá không kém gì một ông quan. Bà có gọi con gái bà là mợ, cũng không quá lạm kia mà!

Bà Nghị cười ngặt, cười nghẹo:

- Thế thì ông làm rồi! Con dâu kia... người ta mới gọi là mợ; con gái thì người ta gọi là cô. Chẳng cứ gì nhà các quan, tôi thấy những nhà ông ký, ông phán, những nhà buôn bán ở Hà Nội đều như thế cả.

- Miễn là đừng có gọi chúng nó bằng cái kiểu tục tằn của những nhà bố cu, bố dĩ... Mợ thì mợ, cô thì cô....

Bà Nghị ra bộ đắc ý:

- Vâng, thì cô!... Cô hai bên kia hiếm hoi mấy lần xem bói, thầy bói đều bảo cô ấy phải nuôi con nuôi thì mới đứng số. Bởi thế, tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó "gánh vác đỡ đi". Chứ nhà tao đây thiếu gì người hầu hạ? Vả lại, con bé mới lên sáu tuổi, đã làm được công trạng gì mà tao phải chuốc? Huống chi nó sang ở với cô ấy, cơm no áo lành, lại không sung sướng gấp trăm gấp nghìn ở nhà với vợ chồng mày hay sao? Đáng lẽ biểu không thì phải... Cho một đồng cũng quá lắm rồi. Không phải nài nấn gì nữa!

Chị Dậu ngồi đờ như gỗ, không biết trả lời ra sao.

Chương VI

Bà Nghị chỉ tay quát thằng nhỏ lấy nước. Bà uống một hớp dập giọng rồi hỏi chị Dậu:

- Thế nào mà nghĩ tao nói có đúng hay không?

Chị Dậu dơ dóm nước mắt:

- Vâng. Thưa hai cụ ý con cũng biết rằng cháu được sang đó nương nhờ hai cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm... Nhưng vì, nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ. Nếu chỉ có một đồng, thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được. Vậy xin hai cụ đón tay làm phúc...

Ông Nghị quát:

- Thiếu bao nhiêu mặc kệ mày, kể lể gì? Mày định bỏ vào nhà tao đây à?

Chị Dậu thèn lện nâng dải yếm sẽ chùi vào mắt.

Bà Nghị yên ủi:

- Thiếu một đồng nữa thì xem trong nhà còn có cái gì đáng tiền, đem mà bán nốt đi vậy! Chứ đứa con gái sáu tuổi, bây giờ cho không cũng không đắt thay, ai động rồ mà trả mày hơn....

- Thưa lại hai cụ, thật quả nhà con không còn cái gì đáng giá hai hào.

Bà Nghị cười nhạt:

- Sao bảo nhà mày có con chó cái khôn lắm?

- À, thưa cụ có! Nhưng nó mới đẻ, con nó hãy còn non lắm, có bán cũng không ai mua. Nếu có người mua cho, chúng con không phải bán con cháu.

- Nó đẻ mấy con? Con nó đã mở mắt chưa?

- Bẩm bốn con! Nó đã biết ăn cơm hai hôm nay... hay là xin cụ đỡ con hai đồng, lờ lã thế nào con cũng xin vâng. Chỉ độ hai phiên chợ nữa, mấy con chó ấy cứng cáp, bán được thì con xin nộp cụ.

Bà Nghị bĩu môi:

- Tiền tao có phải vỏ hến mà tao quẳng ra cho mày bây giờ? Dễ tao hám lãi của mày lắm đấy? Thôi.

Thế này này: Chó non tao cũng mua vậy. Bắt cả con chó cái và đàn con chó con sang đây, tao trả cho một đồng nữa. Với con bé kia một đồng là hai.. Thế là nhà mày đủ tiền nộp sưu, lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con. Sướng nhé!

Rồi bà Nghị vui vẻ nhìn mặt ông Nghị:

- Ấy tôi cứ hay thương người thế đấy! Người khác thì họ mặc kệ, ai hơi đâu? kêu lắm thì bã bọt mép.

Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị sẽ ngồi xuống bậc cửa và nói châu lên:

- Vâng! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế. Chứ đàn chó vừa mới mở mắt, ai mua làm gì...? Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra chợ bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại!

Ông Nghị đập tay xuống sập:

- Đem ngay đi chợ mà bán! Không nói lời thôi! Mất thì giờ! Thời Tây bây giờ, thì giờ là vàng bạc, không ai công đâu mặc cả với mày.... Hừ! Vừa mới ngoen ngoèn nói rằng "bán không ai mua ", người ta làm phúc mua cho, lại còn nhằng ngằng kêu rẻ! Rẻ thì đem ngay ra chợ mà bán. Ra ngay!

Chị Dậu nhồm đít toan đứng lên. Bà Nghị thẽ thọt:

- Chúng bay cứ cái thói ấy, không trách chẳng ai buồn thương, khổ là đáng kiếp. Trong lúc thuê má gạt ngòi, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt,

thế là người ta làm ơn cho mày. Mày tưởng người ta không thể mua đâu được chó đầy chác? Hay là chó của nhà mày bằng vàng? Thôi, cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó, cả thấy được hai đồng

một. Bằng lòng không?

Chị Dậu lại tần ngần ngòi xuống:

- Bẩm cụ, một vài hào ở cụ chẳng thấm vào đâu, nhưng, ở con thì nó lớn lắm. Xin cụ cho con lấy năm hào nữa vậy.

Bà Nghị ra bộ dễ dãi:

- Con mẹ mày cũng ghê gớm lắm! Thấy bỏ thì đào mãi! Ừ, thì tao trả thêm một hào. Là hai đồng hai.

Bằng lòng thì lên nói với ông giáo làm văn tự cho. Và phải trả ông ấy hai hào giấy mực. Nghe không!

Chị Dậu thất vọng:

- Thế thì con chỉ được hai đồng đem về...

Ông Nghị lại câu:

- Chứ bao nhiêu nữa? Hai chục nữa nhé! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!

"Về thì đâm đầu vào đâu? Để chồng bị trói đến bao giờ nữa?... Thôi, trời đã bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều..." Bên tai chị Dậu, văng vẳng có tiếng như vậy. Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt nào nùng:

- Vâng con xin bán hâu hai cụ. Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con!...

Bà Nghị đồng dặc gọi xuống nhà dưới:

- Đứa nào lên nhà học mời ông giáo xuống đây cho tao!

Đồng hồ trên tủ thông thả đánh mười một tiếng. Giấy cót sổ ra xoe xoe.

Bà Nghị tươi cười nói với ông Nghị:

- Sao bây giờ mới mười một giờ? Hay là đồng hồ nhà ta chạy sai?

Ông Nghị rung đùi, vuốt chòm râu tây cong vát trên mép ngậm tăm:

- Bà quê lắm! Đồng hồ của Tây làm ra có bao giờ sai? Bây giờ mười một giờ là đúng. Nhà ta ăn cơm khi sớm.

Bóng nắng xuống thêm gần một hàng gạch.

Xe lửa "một giờ" toe toe hét còi.

Ông giáo kéo đôi giày vá từ đầu nhà thờ đi sang. Trong tay đủ cả quản bút, lọ mực, giấy trắng và

giấy thấm.

Với cái búi tóc ngất ngưỡng trên đầu, với cái sức học chữ Nho bằng rươi quốc ngữ, ông ấy gọi là thầy đồ thì đúng hơn. Chỉ vì về phần nhà chủ nuôi cơm, tiếng nuôi ông đồ không bằng tiếng nuôi ông giáo, cho nên ông ấy phải đổi sang ngạch "thầy giáo", để dạy mấy đứa trẻ học tam tự kinh và A B C, và viết văn tự cho những người đến nhà ông Nghị cầm cố vay mượn. Vào nhà khách, ông giáo sẽ đẩy thúng gạo nếp trên chiếc tràng kỷ gỗ lát và lễ phép ngồi vào chỗ đó.

Sau một hồi để ý nghe lời ông Nghị dặn dò, ông giáo nghiêm trang cúi vào mặt bàn. Trình trọng ông ấy viết.

Cả nhà im lặng.

Năm phút, mười phút, nửa giờ... ông giáo ngẩng lên ngó mặt chị Dậu:

- Chị kia, sang đây tôi đọc cho nghe, rồi điếm chỉ vào!

Dón dến, chị Dậu đến cạnh tràng kỷ. Ông giáo đằng hắng ba tiếng, rồi bằng giọng cắt nghĩa cho học trò, ông ấy đọc:

"Tên tôi là Nguyễn Văn Dậu, hai mươi sáu tuổi ở làng Đông xá, và vợ tôi là Lê thị Đào, hai mươi bốn tuổi, cũng ở làng ấy, có mượn ông của ông bà Hoàng thị Sẹo, năm mươi tám tuổi, vợ cả ông Nghị viên Trần Đức Quế ở làng Đoài thôn, một đôi hoa tai bằng vàng nặng ba đồng cân, đáng giá hai chục đồng bạc. Hạn trong năm năm phải trả. Nếu không trả, chúng tôi xin chịu tội bội tín. "Giấy này làm tại làng Đoài thôn ngày... tháng... năm..."

Chị Dậu nghe rồi rầy nẩy:

- Thưa ông, ông làm rồi. Tôi bán con và chó, chứ có mượn hoa tai của bà đâu?

Ông Nghị rút vôi cái tằm trong miệng mình, đặt ngang vào miệng tách nước:

- Không ai thèm đánh lừa chúng bay. Bây giờ luật mới nghiêm cấm cha mẹ bán con, cho nên văn tự phải viết như thế, chứ không nói con, nói chó vào được. Sau này, mà y cứ để cho con mà y ở mãi với cô hai, thì cái giá ấy tao cũng coi như không có. Nếu mà y trở mặt mà đem con về, tao sẽ chiếu giấy bỏ tù cả vợ lẫn chồng. Giấy làm như vậy, chỉ cốt giữ cho nhà mà y khỏi lật nhà tao, chứ nhà tao không đòi nào thềm lật nhà mà y. Thế là bao giờ tao cũng nắm đằng chuôi, chứ tao không cầm đằng lưỡi. Nghe không?

Dứt mạch diễn thuyết, ông Nghị bung tách nước uống một hớp lớn, súc miệng ông ọc mấy cái, rồi nhỏ toẹt xuống nền nhà:

- Tùy đây mà có tin nhà ta thì điếm chỉ vào đem về cho chồng mà ký tên, và xin chữ lý trưởng nhận thực tử tế. Rồi mang sang đây, thì tao sẽ giao tiền cho. Nếu mà không tin thì thôi. Đây tao không ép.

Hai hàng nước mắt hòa với những giọt mồ hôi thánh thót rơi xuống gò má, chị Dậu cảm mặt đứng im. Một lát sau, chị quả quyết:

- Con xin vâng theo lời cụ

Thế rồi chị giơ bàn tay buộc rẻ chìa hai ngón tay để cho ông giáo bôi mực và in vào búa văn tự. Xong việc, chị gấp bức văn tự, giắt vào dải lưng. Bước ra thềm, chị nhặt lấy cái mê nón bị chó cắn rách. Ngần ngại, chị đặt mê nón lên đầu, cúi chào vợ chồng ông Nghị và ông giáo. Bà Nghị căn vặn nhắc đi nhắc lại:

- Nhớ lấy cái gì đây cho mấy con chó con, kéo nó bị nắn.

Chương VII

Bóng cây ngã đến gần đường bao lan. Mặt trời chênh chếch nhòm vào gốc đa, gốc gạo. Những con trâu, bò bị bắt và bị ký giam chổng gọng nằm dưới ánh nắng, uể oải nhai những rễ khoai hoặc cỏ héo của chủ ban cho. Một lũ đàn bà chờ đợi nộp thuế, lê la ngồi khắp thềm đình.

Đàn chó chui trong gậm đình, chực cướp xương rơi, con nọ cắn con kia ăng ăng. Trên đình ăn uống đã tàn. Chánh tổng ngậm tăm nằm cạnh bàn đèn, hai mắt lim dim giờ ngủ.

Cai lệ ngồi nhồm hai chân cạo lọ cặp môi thâm xịt nhành ra gần tới mang tai.

Cậu lính cơ lấy hết gân guốc trên bộ mặt đỏ gay, ra sức nghiền cục sái trong cái chén mẻ.

Mấy ông Hương trưởng, Tộc biểu, Trương tuần xúm quanh cái điều đàn và chiếc âm tay, kẻ hút

thuốc, người phùng miệng thổi bát nước nóng.

Lý trưởng tựa lưng bên bức câu lơ, thù tiếp Chánh hội, Phó hội bằng mâm cỗ chỉ còn rau chuối và lá tía tô. Thư ký, Chương bạ lễ phép chia đĩa, mời nhau gấp mấy miếng thịt mỡ khô cong các cạnh. Lý cự, Phó lý, Thủ quỹ châu đầu trên lớp bát đĩa đầy những nhặng xanh, gạt gù nhắc chén lên lại đặt chén xuống.

Người nhà Chánh tổng, người nhà Lý trưởng. mấy anh tuần phu canh ngày, ken vai vây lấy rá com "đi hơi" và châu nước suýt ruồi chết nổi lều bều soàn soạt vừa và, vừa nuốt.

Mỗi người mỗi miệng, ai nói nấy nghe. Sự âm ỉ càng giúp sức cho sự nóng nực. Chị Dậu về đến cổng đình, vừa thấy tiếng ông Lý cự quát vang trong đình:

- Thằng Mới đâu? Vào ty lấy thêm mấy chai rượu nữa ra đây! Chúng tao còn uống! Ai thôi mặc ai.

Tiếp đến tiếng ông Chánh hội:

- Hãy gượng! Rượu còn đầy các ông cứ uống cho hết. Để nó đi mua vài đồng thuốc phiện nữa đã. Cụ chánh đợi đã lâu rồi.

Rồi đến tiếng ông Hương trưởng:

- Thông thả hãy mua thuốc phiện cũng được. Miệng tao còn chưa rửa đây! Ra giếng múc tao chậu nước.

Rồi đến tiếng ông Thủ quỹ:

- Rồi hãy đi múc nước! Mày đi rót một tí nước mắm vào đây cái đã!

Rồi đến lượt ông Lý cự vát lại:

- Các ông đừng có bĩ mặt nhau! Tôi đương bảo nó đi lấy thêm rượu, các ông lại nỡ vỗ vào mặt tôi, người này sai nó việc này, người kia sai nó việc khác... Khinh nhau vừa vừa chứ!

Bạo dạn chị Dậu bước lên cửa đình, hạ cái mê nón ở trên đầu xuống:

- Chào các cụ, chào các ông.

Cả đình đổ xô trông ra. Người nhà Lý trưởng cháo ngược đôi đũa chỉ vào mặt chị:

- Sưu của anh ấy đủ chưa? Đem mà nộp đi.

Cai lệ vừa cạo hết sái trong lọ, ngẩng đầu trông lên:

- À! Con vợ thằng gì ở xóm cuối làng phải không? Chị ta cứng cổ lắm, lý sự lắm. Sáng nay nếu không vội đi bắt đũa khác thì tôi biếu thêm chị ấy vài chục quả phạt thủ nữa.

Phó lý chõ vào:

- Nó là vợ thằng Đĩ Dậu chứ thằng gì? Sao ông không giã thêm cho nó một mẻ? Ông lý tôi mời ông về đây, chỉ cần có thể.

Lý trưởng rung đùi ra bộ đắc ý:

- Tôi nói trên có Cụ Chánh, có Ông Cau và đông các ông tất cả: Vụ thuế này tôi làm kẻ cũng cứng lắm. Không cần gì hết, đưa nào trái ý, đánh luôn. Mà cũng có thể mới được. Chúng tôi làm vua làm việc, quanh năm đầu trâu đuôi thớt, chỉ có những lúc "hồng thủy trướng giật" và những khi "sưu thuế giới kỳ" như thế này, thì mới có quyền. Tha hồ đánh, tha hồ trói, trai làng thằng nào bướng bỉnh... đánh chết vô tội vạ.

Chị Dậu chẳng nói chẳng rằng. Điềm tĩnh, chị nhìn khắp mấy gian đình. Góc đình trong cùng, chừng hơn mười anh trai đình doãi chân ngồi sắp hàng sau đám mâm bát lỏng chổng. Ai cũng như nấy, khuỷu tay gõ vào chân song bởi một sợi dây thùng kéch xù.

Cố nhiên, đàn bà con gái không thể đi qua trước chỗ dân làng ăn uống. Chị Dậu bèn lùi trở xuống, quanh ra cửa sau, rồi lên đến chỗ chông ngồi.

Anh Dậu ngả đầu vào bức chân song, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc ra và thở hỗn hển, mười đầu ngón tay xuống máu xung lớn bằng mười quả chuối.

Chị Dậu rưng rori nổ đót:

- Trời đất ơi, chồng tôi làm sao thế này?

Những bạn bị trói của anh Dậu, mỗi người trả lời một câu:

- Anh ấy lên cơn sốt rét từ hồi non trưa kia đấy. Bây giờ chừng như mệt quá, hấn mới lả đi và mới im được một lát, lúc nãy còn vừa run vừa rét, làm sốt cả ruột người ngoài.

- Thôi! Liệu mà vay mượn bán chác mau lên, cố lo cho đủ tiền sưu, rồi đem anh ấy về nhà. Chúng tôi khỏe mạnh thế này mà bị người ta trắng trối, cũng còn đau rức khổ sở đây, huống chi anh ấy đương ốm...!

Chị Dậu sụt sùi:

- Khốn nạn! Nào tôi có tiếc gì đâu? Trông thấy chồng con thế kia đâu có ruột gan là sắt cũng phải đau đớn. Nhưng vay chưa được, bán chưa kịp, các bác ạ!

Vừa nói, chị Dậu vừa nước mắt giàn giụa, ngồi xuống, chị sẽ vỗ vai chồng:

- Thầy em! Thầy em ơi! Tỉnh dậy cái nào!

Anh Dậu vẫn lì bì, lịch bạch.

Phó lý ở ngoài lòng đình ra oai:

- Con mẹ đỡ Dậu! Mày có cam đi, không thì ông vả vào mồm bây giờ! Đình làng chứ xó buồng của vợ chồng mày đấy à? Ai cho chúng bay đú đờn với nhau ở đấy? Đàn bà thôi thầy, suốt năm có một suất sưu của chồng mà không chạy nổi, lại còn nỏ mồm,.. "thầy em" với "thầy anh"... Ngứa tai chúng ông!

Chị Dậu như không nghe biết chi hết, cứ việc nắm lấy vai chồng lay đi lay lại, như người ta cứu kẻ ngộ gió. Lâu lâu, anh Dậu lơ lơ mở to hai mắt trắng dã và rên hằm hừ.

Chị Dậu mếu máo:

- Thầy em làm sao thế? Có phải lên cơn sốt rét hay không? Hay là chỗ trói đau quá?

Anh Dậu ú ớ:

- U nó đã ra đấy ư? Đi lấy cho tôi bát nước. Khát lắm, ráo cả họng từ sáng đến giờ.

Chị Dậu vội gạt nước mắt đứng dậy, mượn thằng Mớ cái bát yêu đàn, chị ra giếng xin một bát nước bung vào. Anh Dậu vục đầu vào bát, ồng ọc nốc một hơi dài, rồi anh ngửa cổ ra bức chân song mà thở. Bụng sủi ầm ầm như suối reo.

Bên ngoài, mấy ông lý dịch vẫn uống rượu, vẫn hút thuốc, vẫn quạt thành phách, vẫn giờ lý luật cãi nhau lộn bậy.

Chị Dậu sờ trán chồng, sờ chân chồng, sờ cổ tay chồng, rồi chị lân la sờ cái nút thùng ở đằng lưng chồng, toan tính cởi trộm cho nó rộng ra một chút. Nhưng cái nút ấy, người thắt kiểu "móng lợn" và riết chặt lắm, chị không thể nào mà nói ra được. Một lát sau, anh Dậu hơi tỉnh, mơ màng nhìn vợ:

- Thế nào? U nó đã sang nhà cụ Nghị Quế hay chưa?

- Đã. Tôi ở bên ấy về đây.

- Cụ ấy bằng lòng đấy chứ?

- Bằng lòng. Nhưng người ta bắt viết văn tự và bắt đèo thêm...

Chị không nỡ nói hết câu, ngập ngừng, chị cởi dải lưng, lấy mảnh giấy tây trao cho chồng:

- Tôi đã nhờ ông giáo bên ấy viết hộ văn tự rồi đây. Thầy em coi xem thế nào.

Anh Dậu tuy đón lấy bức văn tự, nhưng vì cánh tay bị dây thùng ghì lại chặt quá, anh không thể đưa nó lên đến gần mắt mà coi. Chị Dậu lại phải cầm lấy và chìa lên tận ngang mặt cho chồng lăm nhăm đánh vắn.

Lý trưởng ngược mắt ngó thấy, con lòi đình nổi lên tức thì:

- Giấy má gì đấy! Con mẹ đĩ Dậu? Đơn kiện phải không? Ừ được, có giỏi thì đi kiện ngay ông đi! Ông thử cho mày thêm một trận nữa, để mày đi kiện luôn thể.

Rồi hấn đứng choàng ngay dậy, giơ chân toan bước. Nhưng cái cây thịt nó cứ ảo đảo như người lên đồng, xiêu xiêu, sọc sọc, chỉ chực ngã xuống sàn đình. Hấn phải vịn vào cột đình, và lại ngồi phịch xuống chiếu. Cậu lính cơ hùng hổ đứng lên:

- Ông lý trưởng cứ ngồi đấy. Để tôi trị chúng nó! Muốn đi kiện thì được đi kiện, khó gì?

Chương VIII

Vừa nói cậu Cơ vừa dùng chạy lại, giơ thẳng cánh tay tát đánh bốp vào mặt anh Dậu một cái. Và, mồm môi, mồm lợi, cậu thét:

- Mày đi kiện đi, ông xem! Bây giờ vẫn chưa nộp sưu, còn chực sinh sự với ông à?

Anh Dậu chết điếng người đi. Nước mắt chảy ra như mưa, anh sẽ đập đầu vào bức chấn song và kêu:

- Trời đất ơi! - cha mẹ ơi! Thân tôi sao mà nhục đến thế này? Nào tôi có định kiện tong gì ai cho cam!

Chị Dậu ậm ực muốn khóc, nhưng không khóc được. Những người bên cạnh đứng rớt nước mắt.

Cậu Cơ vẫn nét mặt hầm hầm. Nắm chặt bàn tay, cậu chĩa vào mặt anh chàng khốn nạn:

- Mày muốn vu vạ, bảo ông?

Luông cuông, chị Dậu vội đứng dậy. Một tay giơ bức văn tự, một tay nắm lấy cổ tay cậu Cơ thâm thẳm, chị nói bằng giọng van lơn:

- Thôi, em xin ông quyền. Nhà em đau yếu, ông tha cho! Có phải đơn kiện đơn tong gì đâu? Đây ông coi, cái văn tự của em bán con bé cháu để lấy tiền nộp sưu cho nhà em đây mà.

Chùng muốn tỏ ra mình là người thạo chữ, cậu Cơ đón bức văn tự, trầm tĩnh xem hết từ đến cuối.

Rồi cậu dịu giọng sẽ gắt:

- Nói láo! Cái giấy mượn đôi hoa tai bằng vàng đây chứ, văn tự đâu mà văn tự?

Chị Dậu lễ phép:

- Thưa ông. thật văn tự đây ạ! Lúc nãy, ở bên cụ Nghị, ông giáo viết xong, đọc cho em nghe. em cũng ngạc nhiên và đã nói như ông vừa nói. Cụ Nghị bảo rằng: Luật mới không cho cha mẹ được phép bán con, nên phải viết thế, chứ có hoa tai hoa tang gì đâu? Nhà em kiết "xác mòng tơ", ai còn giám ròi hoa tai cho mượn?

Những lời êm ái của chị hình như cũng có sức mạnh, làm cho nhà binh dần lòng đứng lại, nghe cho hết câu. Rồi, cố liếc con mắt cho có vẻ tình để nhìn vào mặt chị chàng nhà quê, cậu Cơ trao trả chị này tờ giấy văn tự và hỏi một cách lả lơi:

- Đức ông chồng vẫn chưa ký tên đây mà! Sao không bảo đức ông chồng ký vào, rồi đi lấy tiền mà nộp sưu cho xong đi, cử để lòi thôi mãi thế?

Ngay thật, chị chàng nhà quê không biết cái mối mách khéo, vẫn đáp bằng giọng rầu rĩ:

- Em vừa giờ lên chao nhà em coi, các ông tưởng là đơn kiện, đã cùng đánh mắng om sòm...

Cậu Cơ nhăn răng và cười hềnh hếch:

- Thế ra đức ông chồng phải đòn oan nhỉ. Nhưng thôi bây giờ đức ông chồng cho tên vào đó cũng chưa muộn gì.

Chị Dậu năn nỉ:

- Cánh tay nhà em bị trói chặt quá, không thể cầm bút ký được. Ông làm phúc cởi trói ra cho nhà em, thì em ơn ông vạn bội.

Cậu Cơ vẫn tằm tằm:

- Tôi muốn làm... ơn cho chị lắm lắm... Nhưng còn quyền ở ông Lý.

Lý trưởng nghe nói tên mình, liền cất cái giọng nhè nhẹ:

- Ông Lý cái gì ? Việc gì mà nói đến ông Lý đây?

Cậu Cơ tôi tả chạy đến trả lời:

- Nhà chị gì kia, chị ta muốn xin ông cưới trói cho đức ông chồng, để đức ông chồng chị ta ký vào văn tự.

Lý trưởng lại kéo dài cái giọng khề khà:

- Thế nó không đi kiện nữa à, mà còn muốn xin cưới trói cho chồng ? Cậu bảo nó: "Không có phép" nhé ! Nộp đủ tiền sưu thì đây cưới cho !

Nếu mà tiền sưu chưa đủ, ông trời xuống đây cũng không tháo được cái thừng ở tay thằng Dậu. Đây còn trói. Có giỏi cứ đi kiện. Đây chỉ trói cho mà đi kiện !

Lý cự bưng bát rượu kê gần lên môi, và gật gật gù gù:

- Mặc ! Đây không biết. Ai trói cứ trói, ai cưới cứ cưới, mà ai đi kiện cứ đi kiện ! Đây qua cầu rồi, cứ việc đánh chén cho đầy ! Thằng Mới đâu ? Ông cho mày lấy thêm rượu, làm sao tự nãy đến giờ chưa thấy ? Đứng láo, ông thì chẻ xác mày ra !

Chánh hội quăng tọt đôi đũa xuống mâm và nói đồng dặc:

- Ông Lý cự ! Việc gì đến ông mà ông "đâm ba chày củ" vào đây ? Uống rượu cứ việc uống, người ta nói gì thì mặc người ta. Câu nào cũng chõ mồm vào, không để cho ai bàn bạc gì nữa !

Lý cự đặt bát rượu vào mâm và đâm thật mạnh xuống sàn đình:

- À ! Ông cấm tôi nói à ? Quyền ông được thế phải không ? Ông Chánh hội !

Chánh hội vênh bộ mặt hách dịch:

- Ừ đây ! Quyền tôi được thế ! Quan sức cho tôi "hiệp dữ Lý trưởng" thôi đóc vụ thuế năm nay, người nào gai ngạnh tức là "hăn trở thuế sự", tôi gông cổ lại cho mà xem !

Lý cự sừng sộ:

- Miệng ông, ông nói; đình làng, ông ngồi ! Đố thằng nào làm gì được ông !

Chánh hội hùng hăng đứng lên, rớt lại loạng-choạng ngồi xuống, và quát:

- Tuần đâu ! Chúng bay trói thằng Lý cự lại cho ông ! Tội đâu ông chịu !

Tuần phu im lặng không thưa, Lý cự sẵn nắn vén hai tay áo lên đến khuỷu tay:

- Cha thằng nào không trói được ông !

Chánh hội vớ luôn chai rượu cạnh mâm, toan liệng ra chỗ Lý cự. Phó hội nhanh tay giăng được và can:

- Thôi ông ! Làm gì mà nóng lính thế ? Ông Lý cự ông ấy say rượu đấy mà.

Lý cự gằn giọng:

- À ! Ông Phó hội ! ông bảo tôi say rượu phải không ? Ừ thì tôi say ! Rượu uống chả say, thì ra rượu đổ vào hang chuột à ? Nhưng mà đây tôi không say, ông đừng nói bậy ! Thuế làng bỏ hai đồng một mẫu, các ông thu của ngoại canh ba đồng năm hào, có ai nói với tôi được câu nào không ? Các ông mời tôi ra đây uống vài chén rượu, lại còn khà khịa ! Tôi không cần, đây tôi uống của mấy đứa phụ canh, không thèm uống nhờ thằng nào.

Lý trưởng động lòng:

- Tiền của phụ canh, nó vẫn dất ở cạp váy nó ấy. Chúng nó ngồi dưới giọt đình kia kia. Xuống lần cạp váy chúng nó mà uống. Bữa rượu hôm nay tiền túi của ông bỏ ra, ông muốn mời ai thì mời, ông không phải nói với đứa nào hết. Ông thu "lạm" đấy ! Thằng nào làm gì được ông ?

Lý cự hung hăng như người điên:

- À ! Thằng Lý đương ! Mày bảo ông uống máu mấy con ngoại canh đấy à ?

Đánh "xoảng" một cái, cái bát ở mâm Lý cự bay thẳng sang mâm Lý đương, và đánh "chát" một cái, cái chậu ở chiếu Lý đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lý cự. Nước canh, nước mắm bắn ra tứ tung. Hết thấy mọi người đều ló nhó đứng dậy. Rồi, hết thấy mọi người lại lảo đảo ngồi xuống. Tuần phu và người nhà Lý trưởng, người nhà Chánh tổng sấn sổ chen vào, chạy hết mâm, bát, chai, chén xuống sân đình.

Cai lệ rước chén thuốc phiện và bộ khay đèn sang thẳng gian đình bên kia.

Thủ quỹ cổ ôm tráp bạc đứng dậy, nhưng không đứng được, lại phải ngồi thụp xuống.

Chánh tổng sức tan giấc mộng, ngơ ngác hỏi giật hỏi giọng:

- Cái gì thế ? Cái gì thế ? Nóc cho lắm rồi nói bậy ! Người nào gây chuyện với người nào ?

Trong đám đông mỗi người mỗi câu:

- Bẩm, ông Lý cự với ông Chánh hội.

- Bẩm, ông Lý cự với ông Lý đương.

Chánh tổng lên giọng hống hách:

- Tuần đâu ? Mày điệu cổ thằng Lý cự xuống sân đình kia cho ông ! Nó định ăn cướp tiền thuế của Lý trưởng à ? Rồi ông trình quan cho nó.

Lý cự vớ miệng mảnh chậu ở cạnh cột đình, toan rạch vào trán. Trương tuần vội vàng chạy đến giật được, vút đi. Hắn xóc vào nách Lý cự và vục ra cửa. Rượu, thịt, rau, đậu tụt trong miệng ông Lý cự thông thốc tuôn ra thêm đình.

Chương IX

Hương trưởng, Tộc biểu, những người vô sự lễ tẻ đứng dậy cố dìu Lý cự về nhà. Chỉ còn mấy ông chức dịch đương thứ phải ở lại đây lo lắng việc thuế.

Chị Dậu chờ cho tan cơn ồn ào, mới dám rón rén bước lại nói với lý trưởng

- Thôi con lạy ông! Xin ông hãy tạm tha trói nhà con một lúc, để nhà con ký vào văn tự, con mới có tiền đóng sưu

Lý trưởng vẫn giận dữ:

- Đừng lằng nhằng! Trói cũng ký được. Không phải tha.

- Bẩm ông, xin ông trông lại! Thật quả nhà con bị trói chặt quá, cánh tay quặt mãi ra đằng sau lưng, không sao ký được! Chứ nếu nhà con ký được thì đâu dám kêu van cho rác tai ông!

- Đưa văn tự đây ta xem!

Chị Dậu sẽ sàng nâng mảnh văn tự trao cho Lý trưởng, rồi im lặng chị nén lòng ngồi đợi ở cạnh câu lon.

Mặt trời đã nghiêng sang phía sau đình.

Ánh nắng luồn qua chấn song, thấp thoáng soi chỗ anh Dậu.

Thằng Mới lật đật quét dọn cơm rau rơi vãi và mảnh bát, mảnh chậu ném ở sàn đình.

Vợ nó cặm cùi ngồi dưới sân đình rửa bát, rửa mâm, vét vói những bát thịt thừa canh dờ.

Mấy mục đàn bà ngoại canh lần lượt lên đình nói với Thủ Quỹ dờ sổ tính thuế.

Lý trưởng đánh vắn hết bức văn tự, liền thở hơi rượu vào mặt chị Dậu:

- Chỉ cần chồng mày lý vào văn tự thôi à?

- Cụ Nghị bắt phải xin triện của ông nhận thực cho nữa. Nhưng con sợ ông, nên chưa dám nói.

Lý trưởng cười nói khinh bỉ

- Triện của ông có phải củ khoai? Dễ ông đóng không cho mày đây chắc!

- Xin ông thương con... Nếu không có triện của ông, cụ Nghị lại không giao tiền.

- Một đồng bạc! Nghe chưa! Thế là ông thương mày đây, người khác thì phải năm đồng.

- Lay ông, ông xét lại cho. Con bán cả con lẫn chó mới được có hai đồng bạc.

Mặc kệ. Không biết, đủ một đồng bạc thì ông sẽ đóng triện cho.

Chị Dậu vừa nói vừa khóc:

- Nếu ông không thương, con không lấy đâu được tiền nộp sưu

- Chẳng có tiền sưu thì chồng mày ngồi tù.

Thất vọng, chị Dậu rũ rượi ngồi im. Đến lượt anh Dậu năn nỉ thay vợ

- Thưa ông, con có muốn chi thế này! Trời làm vận hạn đau yếu nên con phải chịu. Xin ông thương lại vợ chồng nhà con, một đồng bạc con cũng xin vâng, nhưng con hãy khát ngày mai đóng thuế con bắt nhà con cắt trừ hầu ông.

Chánh tổng phì cười;

- Bây giờ lại có lối đóng triện cắt trừ nữa. Thôi cũng được! Ông Lý nhận lời cho nó đi, đừng để chúng nó nói mãi điếc tai

Lý trưởng làm bộ khó khăn

- Vâng! Tôi nghe lời cụ Chánh

Rồi bèn quay hỏi chị Dậu

- Mày định cấy trả nhà tao bao nhiêu?

- Con xin cấy hầu ông một mẫu

- Đồng bạc một mẫu thế ra một hào một sào kia à? Không được, phải một mẫu rưỡi.

- Ông dạy thế nào con cũng xin vâng

Chuyện êm, anh Dậu được tạm thoát ly sợi thừng để đề tên vào văn tự. Nhưng anh bị trói đã lâu cánh tay sưng lớn và bại liệt, các đầu ngón tay tê tái, bấm không biết đau, lóng ngóng mãi không viết được một chữ.

Chương X

Thoáng thấy mẹ về đến cổng thẳng Dần mừng nhảy chân sáo:

- U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?

Cái Tý ở trong cửa bếp sa sả mắng ra:

- Đã bảo u không có tiền, lại cứ nhằng nhằng nói mãi! Mà y tưởng người ta dám bán gạo chịu cho nhà này sao? Thôi! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra cho ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

Rồi nó tắt tả bông em chạy ra trước thềm, đơn đả chào mẹ:

- U đã về à! Ông Lý cời trói cho thầy con chưa hử u? Cái nón của u làm sao bị rách tan tành thế ấy?

Tay u làm sao lại phải buộc rẻ thế kia?

Chị Dậu không trả lời. Thờ thẩn, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mếp chõng. Cái Tý xoa đầu cái Tiu kẻ lẻ bằng giọng hú hí:

- Cô ả này hôm nay quấy lắm đấy u à! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Dễ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phản, cô ta lại nín lấy con và cò đứng lên. Con vừa đèo đèo cắp cô ta ở sườn, lại vừa hì hục rửa khoai, tra nôi, xin lửa, dóm bếp. Cui thì ướt chảy ướt nhã, lì lụm mãi vẫn không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nôi khoai rồi đấy! U bảo con có ngoan không?

Chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu, chị kéo "chéo yếm" cài trong dải lưng, vạch bầu vú nổi gân xanh lè, và bóp mạnh cổ vú, vắt những sữa chua xuống đất.

Thằng Dần lần thân đứng bên cạnh mẹ hau háu nhìn những tia sữa bằng hai con mắt tiều rẻ ngậm ngùi.

Cái Tiu vừa ngậm vú mẹ vừa khóc lằng nhằng. Sữa trong vú chảy ra không đủ sức nó nuốt. Nhả bên nọ, nguập bên kia, bú bên này, lại sờ bên khác, con bé vằn hai đầu vú giống như con mèo vờn cái bong bóng bẹp hơi.

Mấy nét dẫn dúm hiện trên sống mũi và mấy tiếng xuýt xoa sè sè tự trong đầu lưỡi đưa ra, chị Dậu chừng cũng rất ruột về sự phàm ăn của con. Tuy vậy, chị vẫn hết sức nín nhịn, và vẫn luôn luôn vuốt tay vào vú, cố ý dồn cho sữa xuống.

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tý lễ mễ bung rở khoai luộc ghéch vào chân cột, và dặn thằng Dần:

- Hãy còn nóng lắm đấy nhé! Em đừng mó vào mà bỏng thì khôn.

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rở bát, lục lấy hai cái bát to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ trôn rở bới lên, nó gắp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng nó đặt một bát lên chõng:

- Mời u xơi khoai đi ạ!

Rồi nhanh nhẩu, nó bung một bát, bước qua tấm phản cặp khên, ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần:

- Bát này chị để phần thầy đấy nhé! Chốc nữa thầy về thầy ăn. Đứa nào ăn "vèn" của thầy thì chị không cho đi chơi với chị.

Thằng bé không để tiếng nào vào tai, nó cứ ngồi sán bên cạnh rở khoai và nuốt nước rãi ừng ực.

Cái Tý lật đật chạy đi tìm cái quạt nan, để quạt cho khoai chóng nguội.

Rỏ khoai vừa đi hết khói, hai đứa xúm lại, lê la ngồi phệt dưới đất, mỗi đứa nhón lấy mỗi củ, không kịp bóc vỏ, chúng nó vừa thổi phù phù vừa cắn ngấu nghiến. Giống hai con cọp trong chuồng bách thú vớ miếng thịt bò tươi, đứa nào đứa ấy nhai nuốt một cách ngon lành gọn vẹn. Trừ ra khi gặp củ nào "hà nhậy", đắng quá không thể nuốt được, chúng nó mới chịu nhổ đi, và khi bị củ nào nhiều xơ, dai quá không thể nhai được, chúng nó mới chịu nhả bã.

Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngấn dài.

Ngạc nhiên, cái Tý thỏ thẻ giục mẹ:

- U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được?

Chị Dậu vẫn cứ rầu rĩ nét mặt, những giọt nước mắt rơi xuống càng mau.

Vội vẻ mặt băn khoăn, cái Tý lại bùng bát khoai chìa tận mặt mẹ:

- Này u ăn đi! Để mãi! U có ăn thì con mới ăn. U không ăn, con cũng không muốn ăn nữa.

Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha:

- Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?

Chị Dậu sẽ gạt nước mắt;

- Không đau, con ạ!

- Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá? Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no mòng

bụng ra rồi, còn đói gì nữa? U cứ ăn đi, u cứ ăn hết bát khoai ấy đi! Nếu u không ăn, lấy đâu ra sữa cho em nó bú?

Chị Dậu vừa nói vừa mếu:

- Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa nay nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn cho thật no, không phải nhường nhịn cho u.

Cái Tý chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:

- Vậy thì bữa sau, con ăn ở đâu?

Thêm thêm một giây nước nỡ, chị Dậu nói con bằng cách xót xa:

- Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài

Cái Tý nghe nói giãy nảy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và òa lên khóc:

- U bán con thật đấy ư? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng đem bán con đi, tội nghiệp. U để cho con ở nhà chơi với em con.

Thằng Dần cũng khóc tru tréo, bỏ luôn củ khoai đứng dậy, ngoay ngoáy lắc cái mông đít, nó nhắc lại câu đã nói sáng ngày:

- Em không! Nào! Em không cho bán chị Tý! Nào! Nào! Có bán thì bán cái Tiu này này!

Chị Dậu chỉ thôn thôn thức thức không nói thêm được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần dần ngã xuống, đối thẳng với mặt con bé đương bú.

Bên đám lông mày cong rướm, mấy sợi tóc mai thả rủ xuống, hình như làn khói thuốc lá phốt phơ bay trước khuôn gương. Và trên cái gò má đỏ bừng, vài dòng nước mắt thánh thót đuổi nhau, chẳng khác hạt sương buổi mai lạnh đọng trong cánh hoa hồng mới nở.

Chương XI

Gió chiều thổi đám tre toi tả. Nắng Tây gay gắt soi đến nửa thềm. Thằng Dần cái Tý thôi không ăn khoai, lải nhải vừa van vừa khóc.

Cái Tiu bú đã lưng dạ, hớn hở ngánh ra cười đùa. Chị Dậu lại càng rữ rọi. Chồng tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với cái dáng điệu quả quyết:

- Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con!

Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn.

Cái Tiu lại bệu bên sườn cái Tý.

Con chó cái chúi đầu vào sợi xích sắt để cho bà chủ buộc vào cột nhà.

Đàn chó con phải bắt vào trong rổ thưa, trên có mẹt đập và có lạt chằng chắc chắn.

Cái việc xong hết chị lại đón cái Tiu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thủng

rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu và sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo của cái Tý và gói chung làm một gói. Rồi một tay nưng cổ chó con lên đầu, một tay cầm sợi xích sắt định giắt luôn con chó cái ra cửa, sực sực chị bảo cái Tý:

- Con hãy đội cái mê nón cho đỡ nắng, và con cấp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ Nghị Quế với u?

Chùng như lúc nãy thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tý vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác méo khóc:

- U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư? Khôn nạn thân con thế này. Trời ơi! Ngày mai con chơi với ai? Con ngủ với ai?

Chị Dậu lại lã chã hai hàng nước mắt.

- U van con, lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc ruột rồi đây con ạ. Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế, vẫn bị người ta đánh trói, sung cả hai tay lên kia... Nếu không bán con, thì lấy tiền đâu nộp sưu? Để cho thầy con khổ sở đến nước nào nữa? Thôi u van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u!

Cái Tý vẫn khóc rung rức. Chị Dậu cũng vừa đội rổ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiềm lấy những lời thắm thía xót xa để khuyên con.

Lâu lâu, cái Tý chừng như cũng hiểu những nỗi đau lòng của mẹ, nó không khóc nữa. Lau sạch nước mắt, nó chạy đến chỗ cái Tiu, cúi đầu tận mặt con này, nó hôn mỗi má mấy cái, và nó lại mếu:

- Tiu ở nhà nhé! Tiu ở nhà với anh Dân nhé! Chị phải đi đây. Chị sang ở với cụ Nghị kia đây. Từ rầy trở đi, Chị không được âm Tiu nữa. Bao giờ Tiu lớn, Tiu sang bên ấy tìm chị, Tiu nhé!

Rồi nó ôm lấy thằng Dân, rồi cũng hôn luôn hai má thằng ấy. Vừa nói nó vừa giàn giụa nước mắt:

- Dân có thương chị không? Dân có nhớ chị không? U bán chị rồi, Dân ở nhà chơi với Tiu vậy. Nó khóc thì Dân dỗ nó, không được đánh nó đấy nhé. Bao giờ nó lớn, thì Dân rủ nó sang nhà cụ Nghị với chị. Thôi Dân ở nhà, chị phải đi với u đây chị không được về nữa đâu, Dân ạ!

Thằng Dân níu lấy áo chị và khóc râm rĩ:

- Chị phải ở nhà với em! Em không cho chị sang nhà cụ Nghị. Nếu chị sang nhà cụ Nghị, rồi thì em chơi với ai?

Cái Tý lại khóc hu hu. Nó cứ quẩn quýt thằng Dần, không muốn rời ra. Ngánh lại nhìn mặt chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ:

- Con nhớ em quá! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:

- Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi,

cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu, ông Lý lại trói thầy con thêm một đêm nữa, thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương

thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiếm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần:

- Dần buông chị ra, đi con! Dần ngoan lắm nhỉ! U van Dần, u lạy Dần! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị nó có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ! Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông Lý vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông Lý, như đứa trẻ khác sợ ông ngoáo ộp, nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Tý và nó ỏn ẻn dẫn mẹ:

- Em chỉ cho chị Tý đi một lúc thôi. Lấy tiền được rồi, u phải đem chị ấy về đây với em.

Chị Dậu buột miệng:

- Ủ...

Rồi hình như có ý hỏi vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị lại nói chữa:

- Ủ, hễ cụ Nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u lại đem nó về với con.

Cái Tý với hai hàng nước mắt dòng dòng, hôn hít các em lượt nữa, rồi lúi thủi nó đội mê nón trên đầu và cấp gói áo vào nách.

Chị Dậu vừa dặn thằng Dần ngồi coi cái Tiu, vừa cời dây xích lôi con chó cái.

Con vật ấy ở nhà chị Dậu, tuy không làm "tên lính gác nhà" như các bạn nó ở bào những nơi giàu

có, nhưng cũng là hạng "tôi tớ" cần dùng. Những lúc con cái chủ nhà đau dạ lạnh lòng!... Công việc "vệ sinh" trong nhà, phận sự nó phải gánh vác tất cả. Sự quan hệ giữa nó với chủ tuy chỉ có thế, song mà trời đã sinh nó làm một loài vật "giàu lòng trung thành" thì, ăn lương của chủ, nó phải hết lòng mến chủ, cũng như nó phải hết lòng vâng theo lời chủ. Cái bản tính ấy, khiến nó chỉ muốn "làm việc" với chủ suốt đời, không muốn có ngày "hưu trí". mặc dầu chủ vẫn coi nó là vật hèn. Vì vậy, nay thấy chị Dậu xích nó, lôi nó, đối với nó có vẻ khác hẳn mọi ngày, hình như nó cũng biết rằng chủ nó sắp sửa "đổi" nó đi đâu hoặc là đem nó đến chỗ làm tình làm tội gì đó. Khăng khăng ghì lại nhất định nó không chịu đi. Chị Dậu càng kéo, nó càng tỏ ra thái độ van lơn. Nếu có một nhà "đô/ng vật tâm lý học" đứng ở cạnh nó lúc ấy, tất nhiên người ta có thể đoán rằng: "nó đương lạy chủ, xin chủ cho nó ở lại thêm một hạn nữa".

Vô hiệu! Chủ nó cứ dùng cương quyền, điệu nó sềng xệch ra đường.

Tuy vậy, nó vẫn còn mong chủ thương. Cho nên ra khỏi cổng rồi, nó cứ còn lẩn, còn rầy, còn ngoe

ngoáy đuôi, còn kêu hừng hực khi nghe tiếng mấy con chó con ăng ăng ở trên đầu chủ.

Mặt trời đã xế. Bóng người ngã xuống mặt ruộng, dài thườn thượt như bóng cây cau. Trâu bò không phải cày chiều nghều nghện theo đàn trẻ chẵn ra các bờ ruộng gặm cỏ.

Với những tiếng thôn thức trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn đọng lại ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết, những nhặng dấn con cà chó lèo đèo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lứt mướt khóc, chó vẫn ý ắng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc, mong cho chóng đến nhà cụ Nghị.

Chương XII

Nắng quái in ánh vàng trên giấy ngọn tre.

Đàn liêu điều lúu tíu kêu trong cành khế.

Mấy con triền triện ríu rít gọi nhau trên tàu cau.

Nghị Quế vênh râu đứng trong sân gạch ngắm đôi bò câu gật gù gụ nhau ở cửa chuồng. Nhác thấy mẹ con bị Dậu nhô vào, hấn hỏi một cách thật đồng:

- Làm gì bây giờ mới dắt nhau đến? Để cho người ta chờ đợi mấy giờ đồng hồ! Dính với chúng bây lúc nào bức mình lúc ấy, không có đứa nào giữ được đúng hẹn bao giờ!

Lễ phép, mẹ con chị Dậu cùng cúi đầu chào:

- Bẩm cụ, vì nhà con bị trói ở đình, con phải nói mãi các ông ấy mới cởi ra cho để ký văn tự... vả lại, đường cũng hơi xa, con đi hơi chậm, xin cụ tha lỗi cho!

- Bà ở nhà khách ấy, đem nhau vào mà nói với bà!

Rồi hấn gọi chó vào phía trong sân:

- Đứa nào ra coi chó cho chúng nó!

Như anh phường trò đón dịp, thằng bếp dạ một tiếng thật dài, rồi nó cầm gậy đuổi chó, đưa mẹ con chị Dậu và con chó cái lên tòa nhà mà chị đã vào lúc nãy.

Mụ Nghị phủ đầu bằng giọng gắt gỏng:

- Đã bảo lấy cái gì đây cho mấy con chó con, kéo nó bị nắng, sao lại chỉ úp cho nó một cái mẹt ranh thế kia?

Thèn lện, chị Dậu chỉ trả lời bằng câu "lạy cụ". Rồi, nhờ thằng bếp buộc cái xích của con chó cái vào cột, chị thông thả hạ rổ chó xuống thêm.

Mụ Nghị liếc nhìn cái Tý, the thé, mụ mắng chị Dậu:

- Thế mà cả vợ lẫn chồng dám xưng xưng con đã lên bảy. Lên bảy mà bằng cái nhãi thế à? Bà biết ngay mà! Cái đời nhà chúng bay còn có câu nào nói thật!
- Bẩm cụ, chúng con không dám nói dối, thật quả cháu đã lên bảy tuổi, thằng em nó lên năm, còn con bé nữa lên hai. Con được ba cháu cả thấy.

Nghị Quế ở sân vừa vào, chỉ mặt chị Dậu, hấn tỏ ra người rất oai:

- Im cái mồm. Đứng giờ con cà con kê ra đây! Mấy cháu mặc kệ nhà mày! Dể lắm thì bán nhiều, chớ làm trò gì? Mở cái rổ ra... tao xem mấy con chó con!

Mụ Nghị tiếp theo lời chồng:

- Ấy đây! Ông tính nó nói như thế có nghe được không?

Rồi mụ ngoảnh trông chị Dậu:

- Này liệu hồn! Bà thì tổng cổ cả đi, không thềm mua bán gì nữa bây giờ; Dể bà bằng đôi bằng lứa với mày hay sao? Chưa nói mày đã cãi liền! Láo quên! Con bé bằng ngàn kia, mày dám xoen xoét bảo nó lên bảy, nói cho chó no nghe à?

Cái Tý đứng nép sau cột, nét mặt thiu thiu, như lo mình mới đánh rơi một tuổi lúc nào. Chị Dậu chờ mặt ngời thù với những giọt nước mắt đọng ở trong đám long mi lóng lánh.

Hai bên thái dương Nghị Quế nổi những sợi gân tím bầm để báo tin một câu giận dữ:

- Nó vẫn không mở mấy con chó con ra à? Có tiếc đem về mà nuôi!

Nước mắt rỏ xuống gạch thềm thánh thót, chị Dậu cầm cúi cời mấy nút lạt buộc ở rạp cổ và bỏ cái mẹt ra thềm, Nghị Quế vội vàng ngồi xuống cạnh rổ. Bốn con chó con lần lượt bị hấn túm cổ xách lên, xem tai, xem mắt, xem lưỡi, xem chân, xem bụng, xem đuôi, xem ngực, có con bị hấn tỉ mỉ bới vạch từng cái lông tơ. Rồi hấn ngăm ngía đến

cho chó cái. Một lát sau, vẻ mặt hơi dịu, hấn vào ngòi bắt chân chữ "ngũ" trong sập và bảo chị Dậu:

- Văn tự đâu? Đưa đây tao xem.

Chị Dậu ró ráy cời cái văn tự ở đầu dải yếm, khúm núm đặt lên trên sập. Cảm bức văn tự, Nghị Quế chỉ nhìn đi nhìn lại ở chỗ Lý trưởng đóng triện. Lâu lâu, quay ra hấn bảo thằng nhỏ:

- Mày đi lấy mấy bát cơm nguội, lấy nhiều nhiều vào, để tao cho đàn chó này ăn thử, xem sao!

Thằng nhỏ "ba chân bốn cẳng" chạy xuống nhà ngang sau một tiếng dạ gọn ghẽ.

Mẹ con chị Dậu ro ró ngời nếp bên cột, người nọ nhìn cái mặt chan hòa nước mắt của người kia.

Bốn con chó con lau nhau đi đến ven thềm, mỗi con chiếm mỗi vú của con chó cái.

Nghị Quế vui vẻ bảo vợ:

- Bà thử trông xem, có phải không có con nào bị đuôi chắm sống?

- Tôi cũng đương nhìn, hình như không cả thì phải.

Chương XIII

Thằng nhỏ ở nhà ngang lên với rá cơm nguội đầy ụ. Nghị Quế bảo mẹ con Chị Dậu bắt đàn chó con thả sang đầu thềm bên này. Tất tả hấn chạy luồn ra, bưng lấy rá cơm súc cho mỗi con một bát. Chị Dậu nói thật, bốn con chó con đều biết ăn cả rồi. Riêng con chó cái, hình như vừa mệt vừa lo, chỉ ăn nhỏ nhẻ vài miếng lại nghỉ.

Bằng cái sắc mặt ôn hòa dễ dãi, Nghị Quế nhìn vào chị Dậu:

- Con chó cái nhà mày mua ở đâu thế?
- Bẩm của mẹ con mua ở Lầu cai đem về cho con!
- Ừ, có thể chứ! Chắc là giống chó mông tự, chứ ở nhà quê làm gì có thứ chó này!

Mụ Nghị đơn đả kể công:

- Bởi thấy nhiều người mách rằng nhà nó có con chó cái khôn lắm, cho nên sáng ngày tôi mới cố mua lấy được. Chứ bõng không, ai có động rò mà chuộc đàn chó vừa mới mở mắt? Thế còn bốn con chó con thế nào?

Nghị Quế lăm bằm gật đầu:

- Đẹp cả! Bốn con bốn kiểu: một con "huyền đề", một con "lót hổ", một con "đen tuyền", một con "tứ túc mai hoa". Con nào cũng cúp tai, ngắn mặt, mắt xếch lá đề, đẹp lắm!

Vừa nói, hấn vừa tung tăng đi vào trong sập. Vẫn cái kiểu ngồi bắt chân kiểu chữ "Ngũ", hấn vít lấy xe điều ông, hút một hơi thuốc lào, rồi hấn rung đùi ra bộ đắc ý:

- Biết cái gì vát vả cái ấy! Ông Phủ Đăng, ông Nghị Bùi, ông Phán Tiên, và ông cửu Xung trên tỉnh, các ông ấy đều biết tôi xem chó ranh lắm, ông nào cũng khản khoản nhờ tôi mua hộ. Tôi định khi nào bốn con chó này khá lớn, thì cho mỗi người một con.

Nhưng lại tiếc con chó đẹp tuyệt, muốn để nhà nuôi. Vì giống chó ấy lợi chủ, nuôi nó trong nhà làm ăn thịnh vượng...

Mụ Nghị ngắt lời bằng giọng nói nửa thật nửa đùa:

- Chả có của đâu mà cho. Ai muốn được giống chó tốt, phải có tiền đây cho tôi, không thì tôi để nuôi ráo!

- Nhà đã mười bốn con chó cả thầy, nuôi làm gì nữa? Cơm đâu!

- Tôi nuôi để nó coi nhà. Nuôi chó còn hơn là nuôi đứa ở. Nhà rộng thênh thang thế này, mười mấy con chó, nhiều gì?

Rồi mụ cười ròn khanh khách và chõ vào mặt chị Dậu:

- Cơm chó nhà tao cũng tốn bằng mấy "cơm người" của nhà mày đấy.

Chị Dậu nhường như tủi thân, cúi xuống gạt thẳm nước mắt, chị không biết nói thế nào.

Mấy con chó con thôi ăn, kéo nhau trở lại chỗ con chó cái, bỏ dở cả mấy đồng cơm.

Nghị Quế sai thằng nhỏ hốt hết vào rá, đưa cho cái Tý. Ra giọng nhân từ ông đại biểu của dân bảo

đưa con nít khôn nạn:

- Con bé kia! Cầm lấy rá cơm ăn đi, kéo phí của trời. Ăn bốc cũng được, không phải đưa bát.

Nước mắt chảy ra như mưa, cái Tý ngần ngại nhìn rá cơm nguội, không muốn chìa tay ra đón.

Ông đại biểu cho dân hầm hầm nét mặt:

- Mày không ăn thừa cơm chó phải không?

Bà Nghị nổi cơn tam bành:

- Mẹ mày dạy mày thế đấy chứ? Con ranh con! Ở đây với bà mà mày cứ giữ cái thói khoảnh ấy, thì bà dần từng cái xương. Này bà bảo cho mà biết: mày ăn cơm chó nhà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng đấy thôi. Đừng khoảnh với bà!

Nghị Quế hạch lạc chị Dậu:

- Con mẹ khôn nạn! Mày ngồi giường mất ra đấy, không biết bảo con làm sao. Hay mày sợ con phải ăn cơm chó thì mày xấu hổ?

Dường như thương mẹ bị quở, cái Tý vội vàng đón lấy rá cơm. Rút rề nó bốc một nắm bỏ vào miệng, uể oải nhai như bò nhai trấu.

Mụ Nghị nghiến răng kèn kẹt và chỉ vào mặt con bé:

- Bà truyền đời báo danh cho mày, tự giờ đến mai, phải ăn hết cái rá cơm ấy, rồi mới được ăn cơm khác!

Chị Dậu chỉ gục đầu vào cột, nức nở khóc thầm. Nghị Quế quát hỏi:

- Thế, con mẹ kia có lấy tiền không? Hay còn tiếc con tiếc chó?

Chị Dậu vội chùi nước mắt đứng dậy:

- Bẩm cụ...

Không để cho chị nói hết, Nghị Quế giục vợ:

- Bà trả tiền cho nó về đi, để nó ngồi mãi ở đây tôi không chịu được!

Cái chuông trong hòm leng keng kêu một hồi dài, mụ Nghị cầm hai chuổi "chinh" quăng tọt ra thêm:

- Đấy, tiền đấy!

Chị Dậu lom khom cúi nhặt tiền, toan tình cởi ra đếm lại. Mụ Nghị sa sả:

- Không ai thềm làm thiếu đồng hồ nào! Không phải đếm chác gì nữa!

Chị Dậu giắt tiền vào lưng, rồi chị sụt sùi bảo với cái Tý:

- Thôi con ở đây hầu hạ hai cụ, u về nhé!

Cái Tý ôm chầm lấy mẹ và khóc như mưa như gió:

- U đừng về vội! U hãy ngồi đây với con lúc nữa.

Nghị Quế ùng ùng đứng dậy, giơ cái bàn tay hộ pháp tát cho con bé một cái đánh đốp, và hân hét lên như ông đại tướng trong rạp tuồng:

- Thằng nhỏ lôi cổ nó xuống nhà bếp kia...

Tức thì cái Tý liền phải lìa mẹ ra xênh xệch theo tay cậu hầu cận của ông Dân biểu xuống thềm. Bộ mặt bồ nhếch bồ nhác ngảnh lại với cái miệng méu xệch, nó nhìn theo mẹ và nói bằng giọng nức nở:

- Ngày mai u đem thằng Dân sang đây chơi với con nhé, con nhớ em lắm.

Chương XIV

Hai cái bầu vú đầy sữa mẩy găng, sữa ở trong vú rỉ ra, ướt đầm cả một lần yếm, làm cho chị Dậu bồn chồn xót ruột về con bé ở nhà. Bởi vì theo sự kinh nghiệm của đàn bà con mọn, những lúc xa con, sữa chảy như thế, ấy là đứa con vắng mẹ đã đói và đương gào khóc đòi bú. Chị không dám nghĩ đến cái Tý nữa, sắp ngửa chị cấp cái rổ, cái mẹt và cái mê nón tất tả ra cổng thôn Đoài.

Mặt trời đã lặn xuống tận mặt đất. Đàn quạ khoang đập dùi là xuống các bãi tha ma. Còi lá dứa của lũ mục đồng rồi rít thúc trâu bò về nghỉ.

Tới làng Đông xá, trời nhá nhem. Trong đình vắng tanh vắng ngắt. Đàn dơi bắt muỗi xập xè bay khắp lòng đình.

Ngọn đèn dầu ta loe trên hương án cổ sức phun những ánh sáng ủa vàng, soi cho mấy nén hương đen lù mù cháy ở dưới cửa võng. Cả mấy gian đình chỉ còn sự tối tăm giúp sức cho sự kinh trợn. Người ta đã đem hết tiếng âm âm vào nhà Lý trưởng từ lâu.

Chùng cũng đoán biết như vậy, chị Dậu lủi thủi theo chỗ có tiếng tù và "rúc hồi" đi vào.

Dưới ánh lửa sáng quắc của ngọn đèn hai giây, quang cảnh trong nhà Lý trưởng lúc này cũng như

quang cảnh ngoài đình lúc nãy. Anh Dậu và bọn trai đình thiếu sưu đều giơ khuỷu tay cho sợi dây thừng buộc vào cột nhà. Đàn ông, đàn bà chờ đợi nộp thuế còn lớ nhố suốt một bức cửa.

Lính cơ, Cai lệ vẫn nằm châu Chánh tổng ở bên bàn đèn, thủ quỹ, Thư ký, Chánh hội, Phó hội và chức dịch ngổn ngang ngồi ở cạnh những cuốn sổ sách bẻ bộn.

Cái mặt "bồ hôi nước mắt" vừa ló vào thêm, chị Dậu liền được mấy ông chức dịch nhao nhao thét hỏi:

- Đã bán được con rồi chứ! Đem tiền nộp sưu, mau lên.

- Thưa đã!

Vừa nói, chị vừa giở chuỗi tiền chinh giắt ở dải lưng và tám hào con, tiền bán khoai mà chị vẫn khur khur buộc đầu dải yếm. Bớt lại một hào, chị sẽ đón đến đặt hai đồng bảy lên trước Lý trưởng:

- Thưa ông, nhà cháu không kịp đi đổi tiền giấy, xin ông làm ơn nhận cho

Lý trưởng cầm chuỗi tiền chinh đưa cho thủ quỹ đếm lại và bảo chị Dậu:

- Mỗi đồng phải các ba xu, bỏ luôn ra đây, tao nhận cho. Nhưng sao lại có hai đồng bảy hào?

Ngơ ngác, chị Dậu vừa đưa đồng hào để trả tiền các, vừa đáp bằng giọng lớ ngớ:

- Thưa ông, cháu tưởng năm nay sưu bỏ mỗi suất chỉ có bấy nhiêu.

- Phải rồi. Tiền sưu năm nay mỗi suất chỉ có hai đồng bảy hào. Nhưng nhà mày nộp hai suất, nghe không? Một suất của chồng mày, một suất nữa của thằng Hợi.

- Thưa ông chú nó chết hồi tháng giêng rồi mà. Nhà con vẫn còn chưa khai tử hay sao?

Lý trưởng phát gắt:

- Khai tử rồi cũng phải đóng sưu? Ai bảo nó không chết tòi hồi tháng mười năm ngoái?

Chị càng ngẩn ngơ ra bộ không hiểu, như có ý ngờ người ta ăn hiếp nhà mình:

- Thưa ông người chết đã gần năm tháng, sao lại còn phải đóng sưu?

Lý trưởng quát:

- Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết.

Thư ký đồng đạc cắt nghĩa:

- Chết cũng không trốn được sưu nhà nước! Là vì thằng em chồng chị mới chết tháng giêng An nam, mà sổ "thông qui" của làng đã làm từ đầu năm tây, tức là tháng một An nam năm ngoái. Sổ ấy có tên thằng Hợi, lúc ấy nó còn chưa chết, khi đệ lên tỉnh, tòa Sứ cứ theo sổ đình trong sổ mà làm bài chỉ đưa sang sở Kho Bạc, rồi đến kỳ thuế, sở kho bạc lại cứ theo đúng sổ thuế ghi trong bài chỉ mà thu. Nó chết tháng giêng, chứ dẫu nó chết tháng chạp cũng vậy, bài chỉ làm rồi, người ta không có chữa lại bao giờ, "khai tử" hay chẳng "khai tử" mặc kệ! Bởi thế, bài chỉ làng ta năm nay vẫn không trừ được số sưu của thằng Hợi nhà chị. Nó chết, vợ con chưa có ông Lý trưởng cứ lấy vào thân nhân, chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp?

Chị Dậu dờ nói dờ khóc:

- Cháu là đàn bà, biết đâu việc quan như thế. Khốn nạn, chú nó chết đi, nhà cháu thật như mất cánh tay phải! Còn nó, chúng cháu có đâu đến nỗi khổ sở như này? Bây giờ nó đã chẳng may thiệt phận, đành rằng xuất sưu của nó, nhà cháu phải đóng, nhưng cháu xin các ông cho khất đến mai. Hôm nay cháu hãy đóng trước một suất, các ông tha cho nhà cháu về, kéo người yếu đau bị trói cả ngày, không khéo chết mất.

Lý trưởng trừng mắt:

- Chết thì ông chôn! Mày tưởng chồng mày chết mà ông sợ à? Muốn chồng khỏi trói, về đem nốt hai đồng bầy nữa ra đây. Nếu không thì ông còn trói, ông trói cho đến bao giờ đủ sưu mà thôi.

Chị Dậu chùng như uất quá, ngồi sụp xuống chỗ cạnh chồng, chị khóc tru tréo:

- Trời ơi! Tôi bán cả con lẫn chó và hai gánh khoai, mới được hai đồng bầy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng, thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay? Ai ngờ lại còn

xuất sưu của người chết nữa! Khốn nạn thân tôi! trời ơi! em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hờ trời? Tôi biết đâm đầu vào đâu cho được hai đồng bảy bạc bây giờ?

Cai lệ ngồi phất trở dậy gân cổ thét ra:

- Chỗ mày kêu khóc đấy à, con mẹ kia? Muốn sống thì cầm cái mòm, không thì ông sẽ cho một trận nữa!

Anh Dậu run run khuyên vợ:

- Thôi, u nó đi về với con, kéo có hai đứa ở nhà nó khóc hết hơi. Mặc tôi ở đây, bị trói thêm một đêm nữa cũng chẳng chết nào. Đừng nói nữa người ta đánh đập khổ thân.

Chị Dậu vẫn không dứt được cơn hậm hực.

Thủ quỹ vừa đếm xong hai chuỗi tiền chinh, hấn gọi chị Dậu và bảo:

- Này chị kia, đừng khóc nữa, vào đây mà xem, mỗi đồng thiếu mất bốn xu đây này! Một hào của chị đưa trả tiền các trừ vào chỗ này hết tám xu rồi, còn thiếu bốn xu nữa nhé.

Chị Dậu lại mếu:

- Khốn nạn! Tôi vẫn chắc mẩm còn thừa một hào, đem về đóng gạo cho con ăn. Bây giờ hết cả vẫn chưa đủ! Gớm! Cái bà Nghị, giàu thế mà còn làm điều!

Rồi chị cứ rũ rượi ngồi khóc.

Anh Dậu thiết tha giục:

- Thôi u nó nghe tôi, có thương tôi thì hãy đi về với con. Đừng cứ ngồi đây mà khóc cho tôi càng thêm não ruột.

Các bạn bị trói của anh Dậu ra ý thương hại và hỏi:

- Con bé lớn chị đã bán rồi, hai đứa bé còn ở nhà với ai?

Chị Dậu sụt sịt đáp:

- Anh em chúng nó ở nhà với nhau, chớ có ai đâu các bác?

Những người ấy ra ý ấy nấy;

- Khốn nạn! Thằng bé lên năm phải giữ con bé lên hai! Tội nghiệp quá!

- Cứ như các ông ấy phải vừa mới nói đó, thì người chết rồi cũng phải đóng sưu. Vậy là nhà chị vẫn thiếu một suất sưu nữa. Nếu không có tiền đem nộp, dẫu chị ở đây đến sáng cũng không thể xin cho anh ấy được khỏi trói đâu. Nói lảm mồm miệng, ai thương? Thà chị về với các cháu cho khỏi khổ thân con trẻ.

- Phải, bác ấy nói phải. Hãy cứ đành lòng để mặc anh ấy ngồi đây, chị về mà nghỉ với con. Chứ chị ở đây chẳng qua chỉ thêm đau lòng, ích gì? Rồi nhịn chẳng được, ngựa mồm nói một vài câu, lại tỏ làm cho anh ấy phải đòn.

Bấy nhiêu lời diễn thuyết tuy chứa chan những giọng tử tế, nhưng không giúp cho chị Dậu tí gì vì ý chị cũng nghĩ như người ta nói. Buồn rầu chị sẽ ghé vào tai chồng:

- Cái Tý để phen thầy em một đĩa khoai đây. Tôi bung sang đây cho nhé!

Anh Dậu lắc đầu:

- Miệng tôi đắng lắm, không thể ăn gì bây giờ. U nó cứ về với con. Không phải lo đến sự ăn uống của tôi.

Chào chồng bằng hai hàng nước mắt, chị Dậu lùi thui ra với cái mẹt, cái rổ, và cái mê nón.

Chương XV

Vàng trắng đã vượt khỏi ngọn tre. Mặt nước các ao đã lóng lánh như nồi vàng đường chảy. Trong mây bụi cây rậm rạp, tiếng quốc kêu khi thưa khi nhật, khắc khoải hòa với tiếng rên rĩ rên khóc của giun, dế vườn hoang.

Tuy mới chập tối, các nhà đã đóng cửa im ỉm, không đâu còn một chút đèn lửa. Những kẻ cày sâu cuốc bẫm suốt ngày mệt nhọc, khi ấy đều phải "trả nợ mắt" để nuôi lấy sức làm việc cho ngày mai. Trừ xóm Lý trưởng, các xóm khác đều im phăng phắc như cánh đồng không, nếu thỉnh thoảng không có tiếng chó sủa bọn người người đi thúc suru và tiếng xay lúa giã gạo ở mấy nhà hàng xay hàng xáo.

Chị Dậu về đến đầu nhà đã nghe tiếng khóc khàn khàn của hai đứa trẻ.

Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quẳng cả rổ mẹt, mê nón xuống sàn, rồi vội vàng chị vào trong nhà.

Thằng Dần vẫn ngồi cạnh em, hai mắt sưng húp, mặt mũi xám mét như đứa vừa bị ngã ao, hầy còn

kinh khiếp chưa hoàn hồn. Nó không thể tỏ chút dấu mừng rỡ khi thấy mẹ về, tuy sự ấy là sự đáng mừng rỡ của nó. Trái lại, nó càng ra bộ tủi thân và òa lên khóc như muốn nhắc cho mẹ biết những nỗi lo sợ từ nãy đến giờ. Nhưng hình như trong lúc mẹ nó đi vắng, nó đã kêu gào nhiều quá, cổ rát, hơi hết, nó chỉ có thể đưa ra cái tiếng khô khan như người khóc thầm.

Chị Dậu không kịp hỏi đến thằng bé ấy, hốt hoảng chị vớ lấy con bé con. Trời ơi, một sự ghê gớm kinh sợ.

Đôi mắt nó mọng đỏ như quả nhót. Mồm mép, chân tay, lưng, bụng, cổ áo, tay áo của nó bết một lượt cứng với nước đá, đầm lằm hòa nhau. Nó khóc nhưng không ra tiếng, chỉ có cái miệng hồng hộc há ra như miệng cà mè. Sẻ sàng, chị Dậu nhắc nó ra cạnh

vại nước, tắm rửa qua loa cho sạch dơ bẩn. rồi chị bông nó lên lòng. Lần này không còn thì giờ vắt bỏ sữa chua, chị vội vạch yếm lôi cái đầu vú ấn vào miệng nó. Vừa cho con bé này bú, chị vừa lật đật trở vào đón thằng bé kia.

Thằng bé ấy lệch thẹo ra đến giọt thềm, nó vẫn khóc nức, khóc nở, thân hình lem luốc như cái tượng đá vừa đào ở dưới lỗ lên.

Giắt nó một lần nữa chị ra vại nước. Một tay bế con bé con, một tay chị vừa gội nước và vừa kỳ cọ cho thằng bé lớn. Rồi hai tay hai đứa chị ẵm chúng nó vào trong cái phản cập kên.

Chiếc chiếu ở đấy lúc chiều chị đã đem giải xuống đất để đặt cái Tiu, và đã bị nó đái ỉa đầm đìa. Thằng Dần phải đứng xuống phản, để chị bông con em bó vào buồng, cuốn lấy chiếc chiếu trong giường và trải ra đó.

Từ sáng đến giờ chị chỉ long đong chạy đi, chạy về chưa được ăn uống miếng gì. Chừng như cũng đã đói và mệt. Uể oải chị ngã lưng xuống chiếu. Hai đứa con gối đầu vào hai cánh tay.

Cái Tiu đã hơi tỉnh, vừa bú nó vừa mân mê nghịch cái bầu vú của mẹ. Lâu lâu nó lại thồn thức vài tiếng. Thằng Dần tan con nức nở, lại cứ ra rả kêu đói và kè nhè giục mẹ mua gạo nấu cơm.

Trong óc chị Dậu vẫn còn đĩa khoai cái Tý cất trên bàn thờ. Nhôm dậu, chị định nhắc xuống cho

thằng bé này ăn nốt. Nhưng món lương thực ấy đã bị chuột tha gần hết, chỉ còn ba bốn mẫu con

Thằng Dần giơ tay xua lấy xua để:

- Con không ăn. Đĩa khoai ấy của thầy con đấy. Lúc nãy chị Tý đã bảo đứa nào ăn vèn của thầy chị

ấy không chơi với. Con chả ăn, chị ấy mắng con

Thế là nó lại nhớ đến cái Tý. đứng sốt nó hỏi:

- Bây giờ chị Tý đâu rồi? Sao u không đem chị ấy về đây với con?

Nước mắt chị Dậu lại theo lời nói ngây ngô của thằng bé ngây thơ ứa ra chứa chan. Đặt mấy củ khoai xuống phản, chị ôm đầu nó vào nách, xoa xoa xuýt xuýt, chị ngọt ngào dỗ dành:

- Chị Tý ở nhà cụ Nghị. U đã bán cho cụ Nghị ấy rồi, đem về thế nào được nữa?

Thằng Dần tru tréo:

- Con không! Nào! Lúc chiều con đã bảo u lấy được tiền rồi thì đem chị ấy về đây với con kia mà!

Sao u lại để chị ấy ngủ ở bên ấy?

- Nhưng mà cụ ấy không cho nó về, thì u làm thế nào được? Thôi, con ăn mấy củ khoai cho đỡ đói, rồi nằm ngủ đi, mai kia u đưa sang chơi với chị.

- Con không mai kia! Nào! Nào! U phải đem ngay chị ấy về đây bây giờ, để chị ấy ngủ với con.

Chị Dậu sụt sùi sẽ gạt nước mắt:

- Đêm nay con hãy ngủ tạm với u!... Con ngủ với u chóng u yêu, nhỉ!

- Con không ngủ với u nào! Con thèm vào chơi với u nữa. U bán chị Tý đi rồi! Chốc nữa thầy về, con mách thầy cho!

Rồi nó gào khóc rầm rĩ, nhất định bắt mẹ phải đem cái Tý về ngay. Chị Dậu hết ngọt lại xẵng, hết xẵng lại ngọt, nào dỗ, nào rủ, nào dọa, nào mắng, giờ đã hết cách, nó vẫn không nín. Chị đành mặc cho nó khóc, rồi chị cũng khóc như nó.

Thấy chị khóc nó càng khóc dữ. Lăn đùng ra phản. nó đập hai chân xuống phản đánh đập, và cứ lảm nhảm gọi mãi "chị về với em". Chán chê, ê ằm, hình như nó đã mệt lử, tiếng khóc dần dần nhỏ sế. Một lát sau, nó chỉ ửn ửn. Hai mắt thiu thiu nhắm lại, hơi thở đưa ra phì phò. Nó ngủ.

Cái Tiu cũng nghỉ mút sữa. Đầu vú ở miệng con bé từ từ buột ra. Rồi đôi mắt lơ lơ, con này cũng sắp sửa ngủ. Chị Dậu đón đến ngả lưng xuống chiếu, chực lừa cái Tiu.

Muỗi bay vo vo và đốt vào chân nhoi nhói. Chị sè sè gior tay phe phẩy, không dám cự mạnh, sợ

hai đứa con thức dậy

Cái Tiu ngủ im. Thằng Dần bỗng cười khanh khách và nói léo xéo:

- A a! Chị Tý đã về. Chị vào ăn cơm, cơm sôi rồi đây.

Rồi nó im. Rồi nó thồn thức, rồi nó lại nói:

- Bây giờ chị phải ở nhà với em, đừng sang cụ Nghị nữa nhé! Em nhớ chị quá!

Thình lình nó ngồi phắt dậy, ngơ ngác nhìn ra ngoài sân và bờ ngõ, nó hỏi chị Dậu:

- Chị Tý đâu rồi? Chị Tý em đâu rồi hở u?

Chớp mắt một cái, hình như nó chợt nghĩ ra cái gì, ngó vào tận mặt chị Dậu, nó khóc hu hu:

- U vẫn chưa đem chị Tý về đây cho con kia ư? Con bắt đèn đây? Con bắt đèn u đây. Sao u lại bán chị ấy của con? U đi dậy đi! Đi dậy sang gọi chị Tý về đi! Sao u cứ nằm mãi? Con không cho u nằm nữa!

Chị Dậu rỏ ráy nhắc cánh tay ra, đặt đầu cái Tiu xuống phản. Ngồi dậy, chị bế thằng Dần vào lòng. Trong nhà tuy không có đèn, ánh sáng ngoài cửa soi vào, còn đủ sức

sáng để chị nhìn thấy bộ mặt rầu rĩ của nó. Nó vẫn khóc, vẫn ủ ỉn bắt mẹ đi gọi cái Tý.

- Con hãy nín đi, cho em nó ngủ, để u ẵm con đi chơi.

Nó không nín lại càng khóc thêm. Xéch nó lên vai, chị Dậu với mấy mẫu khoai trong đĩa, rồi chị bồng nó ra thêm.

Trước thêm, sáng như ban ngày.

Chương XVI

Vàng trắng thăm thẳm từ trên đỉnh đầu chiếu xuống. Bầu trời vắt như một khối thủy tinh. Gió nồm từ các ngọn cây đưa lại hiu hiu. Bóng lá tre in dưới sân rêu luôn luôn lay động như đám bèo nổi trên mặt sóng.

Thằng Dần gục vào mẹ và khóc ti tỉ, chốc chốc lại thúc giục mẹ đi tìm chị nó. Chừng như thương con đói quá, không thể ngủ được, chị Dậu tỉ mỉ bóc sạch cả mấy mẩu khoai và dỗ nó ăn. Nhưng nó khăng khăng một mực để phần cho thầy. Nó lại thiu thiu buồn ngủ.

Bồng nó vào trong nhà, chị Dậu sẽ tìm cái quạt nan và sẽ sẽ đuổi muỗi cho con bé con. Rồi chị lại ẵm nó ra ngoài sân.

Đi đi lại lại dưới bóng trăng, chị vừa vỗ về thằng bé, vừa rầu rĩ cất cái giọng thê thảm ru cho nó ngủ.

Ánh trăng nhòm vào cặp mắt dung dung nước mắt, nhắc lại cho chị cái đời ngây thơ của chị ngày xưa.

Phải, trong hồi chị còn ngây thơ, còn độ lên sáu, bảy, tuy không sung sướng cho lắm, nhưng cũng được cha mẹ nuông chiều. Bây giờ, chị chỉ ăn rồi chơi, chưa phải ẵm em, chưa phải quét nhà, đun bếp như cái Tý nhà chị bây giờ. Những đêm trời khô, trăng sáng như đêm nay, chị vẫn luôn luôn được nô đùa với trẻ con hàng xóm. Chúng nó đã giờ ra với chị biết bao là trò mua vui. Nào nhảy nô, nào hú tìm, nào đánh rồng rắn...

Những cuộc vui ấy chị vẫn còn nhớ rành rành. qua tuổi trẻ con đến khi mười bốn, mười lăm, chị vẫn được sẵn cơm ăn, sẵn việc làm, chưa hề phải lam lũ. Không biết tội nợ vì đâu, và từ khi lấy chồng đến giờ, tình cảnh nhà chị cứ mỗi ngày thấy mỗi khổ thêm. Hết năm ấy sang năm khác, vợ chồng đầu tắt mặt tối, không dám chơi không ngày nào. Thế mà vẫn cứ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Bao nhiêu công trình khó nhọc, bao nhiêu thuốc cam thuốc sài, nuôi từ hòn máu nuôi đi, mới được đưa con bảy tuổi.

Bây giờ chỉ vì một xuất tiền sưu, đã phải rút ruột đem nó đi bán, lại đèo thêm hai gánh khoai và năm con chó nữa, cũng vẫn chưa đủ. Chồng vẫn bị đánh bị trói suốt ngày suốt đêm. Không biết trong lúc đau ốm, lại bị hành hạ như thế, anh ấy có thể sống được đến mai hay không. Và ngày mai chạy đâu cho ra hai đồng bảy bạc để chuộc chồng về? Nếu không lo đủ được số tiền ấy, số phận anh ấy sẽ ra sao? Và lo được đủ tiền chuộc được chồng về đi nữa, cũng đã thiệt mất một đứa con rồi, sau này còn có ngày nào đem được nó về nhà nữa không? Từ chiều đến giờ nó ăn với ai, nó ngủ với ai?....

Thế rồi chị trở vào thêm, rũ rượi ngồi tựa cột hiên, nước mắt rơi xuống lã chã. Bóng trắng chênh chếch nhòm vào trong thêm. Bụi tre trước nhà, con cú sắp đi kiếm mồi, báo hiệu bằng những tiếng ghê sợ buồn rầu, có thể tưởng như ma quỷ, yêu quái. Mấy con cò ngủ giật mình thức giấc, phành phạch vỗ cánh, tự trong bóng tối bay ra. Các nhà lán giềng, gà gáy te te. Trống canh ngoài đình gắt gỏng điểm dịp ba tiếng.

Cái Tiu cựa dậy và khóc lu loa. Chị Dậu se sẽ đứng lên toan và ru con bé ấy, thằng Dần ở trên vai chị lại cũng thức nốt. Nó mở choàng mắt, và nó nói luôn cái câu vẫn nói trong mọi đêm:

- Chị Tý đem em đi đái!

Chị Dậu vội bế nó đến cổng, tức thì nó đã nghĩ ra, và nói luôn câu khác:

- Con không khiến u! Chị Tý kia! Con không khiến u mang con đi đái. Nào! Nào!

Rồi nó kêu gào "bồng giọng" và nó giẫy giụa ở trên sườn mẹ. Cái Tiu trong nhà vẫn khóc như beo như ngắt. Luống cuống, chị phải đặt vội thằng này xuống đất, để vào đón con bé kia. Quả nhiên nó đã chờ choạng lặn ra dề phản, chút nữa thì ngã. Sấp ngửa nhắc con bé ấy, chị lại tát tả ra sân để ẩm thằng bé kia. Lại, hai nách hai con, chị bế chúng nó vào ngồi trong chõng. Cái Tiu đã phải im khóc vì một bầu vú của mẹ lấp kín mồm miệng. Thằng Dần vẫn cứ ra rả:

- U đưa con đi tìm chị Tý, mau lên!

Chị Dậu dờ khóc dờ mếu:

- Đêm khuya rồi, gà gáy nửa đêm rồi. Ra đường ngáo nó cắn cho, con ạ
- Ngáo cắn chết thì thôi! Con không cần. Con cứ đi tìm chị Tý, để chị ấy về ngủ với con! U phải đưa con đi ngay bây giờ!

Chị Dậu ngồi ỳ không biết nói sao. Nó thực tay vào trong yếm mẹ, lôi tuột đầu vú ở miệng cái Tiu cả nó vừa khóc vừa mắng con này:

- Ông không cho mày bú nữa. Nhả ra! Nhả ra để u đưa ông đi tìm chị Tý.

Cái Tiu lại khóc ngằn ngặt. Thằng bé lớn vẫn cứ nức nã, thúc thả, nó kéo tóc, nó kéo tai, nó lôi cổ áo của mẹ, bắt mẹ phải đứng dậy đi ngay.

Thì mẹ nó vẫn phải chiều nó. Bởi vì nó yêu chị nó, nó thương chị nó, nó nhớ chị nó mọi đêm hai chị em nó vẫn nằm với nhau và chị nó vẫn ghêêu ngao hát cho nó nghe. Bây giờ tự nhiên mất chị nó, phải bồn cồn nóng nảy, muốn được thấy chị ngay lúc bấy giờ, cho nên nó phải làm tình làm tội cái người đã đem chị nó đi bán. Sự quấy nhiễu của nó là vô tội. Đối với mẹ nó, nó vẫn có lý và vẫn đáng thương.

Vàng trắng lui xuống phía sau lũy tre. Mặt đường khuất dưới bóng lá khoang khuếch chỗ vàng chỗ đen giống như bức tranh thủy mặc. Những nhà cạnh đường hãy còn ngủ im thin thít.

Chị Dậu với cái Tiu ở sườn này, thằng Dần ở sườn kia, lẻo đẻo đi hết ngò này sang ngò khác. Hai đứa nín im, cái Tiu còn bặm nhai bầu vú chảy nhão, thằng Dần tìm hy vọng sẽ được thấy chị.

Trời khuya, canh vắng, ba mẹ con thơ thẩn ôm nhau trên đường, chị Dậu thấy mình là người điên rồ. Máy lần chị toan quay về ngõ nhà, thằng Dần nhất định không nghe, nó bắt chị cứ phải điên rồ như thế.

Bờ rào sột soạt, đàn chó của nhà bên đường sủa vang, mấy con chó khác của các nhà khác lần lượt sủa theo Những người gần đây chợt tan giấc ngủ, choàng dậy kêu trộm râm rĩ. Ngoài đình và ở các điểm, hiệu sừng hiệu ốc nhất tề thổi lên tu tu.

Tiếng chó sủa, tiếng người thét, tiếng hiệu rúc hồi, báo động suốt cả mấy xóm.

Chương XVII

Những tiếng thét đêm, thét đánh đã yên. Người ta không nữa bắt trời chị Dậu, tuy gặp chị lò mò trong bóng tối, và biết chị đích thị là thủ phạm đã gây ra vụ chó sủa, người la, tù và rúc khắp làng.

Là vì xưa nay chị vẫn ngay thẳng thật thà, không hề "tắt mắt" của ai vật gì đáng bằng cái tơ cái tóc. Hơn nữa lúc ấy, chị lại hai tay hai con, một đứa đương khóc, một đứa đương bú, dù kẻ ghét chị đi chăng nữa cũng không thể buộc chị là người định đi ăn trộm.

Mây vẫn, sao thưa dần. Sương mù bắt đầu pha đục bầu trời. Mặt trăng tà tà đến gần mặt lũy. Tiếng gà te te lần lượt từ nhà nọ truyền đến nhà kia.

Dưới lớp mái lợp xúp của túp lều tranh, chị Dậu và vàng trắng tàn thơ thân nhìn nhau, dường như đôi bên đều có riêng một tâm sự.

Cái Tiu no bụng, tỉnh ngủ: hớn hờ nằm trong lòng mẹ đùa với cái bóng thằng Dần. Thằng Dần chết khiếp vì trận quát tháo vừa rồi, nó chỉ thỏ thức, không dám khóc, cũng không dám giục mẹ đi tìm cái Tý.

Đến lượt cái Tý làm tội mẹ nó. Mọi đêm, cứ đến gà gáy một tiếng, chị Dậu trở dậy sắp sửa nấu cơm, con bé ấy đã đơn đả đón lấy cái Tiu, nó dụ, nó hát, nó nói thỏ thẻ với em những câu ngây thơ. Bây giờ vắng nó, trong nhà tẻ ngắt như nhà có tang. Nào nó có tội tình gì. Chẳng qua vì một suất sưu của bố, khiến cho nó phải lìa bố, lìa mẹ, lìa các em, đem thân đánh đổi lấy một đồng bạc. Tội nghiệp cái thân con trẻ nhà nghèo, làm tôi một nhà giàu có, hách dịch như nhà Nghị Quế, còn khi nào được một câu ỏ ề của chủ nhà! Khôn nạn thân nó, đêm nay nó ở bên ấy, ngoài một con chó cái và bốn con, không còn ai là bạn quen.

Nước mắt theo sự nghĩ ngợi chảy ra như mưa, chị Dậu tự thấy trong ngực nóng như lửa đốt.

Văng vẳng nẻo xa có tiếng chó sủa. Rồi, như theo một vết đường, những giọng ăng ăng kéo tiếp

nhau, ganh thi nhau, dần dần gần lại, dần dần lớn thêm. Nó xô xát dữ dội ở mấy nhà giữa xóm và nó kéo dài vào ngõ lảng giềng chị Dậu.

Ngoài cổng, có tiếng giật giọng:

- Chị Dậu còn thức hay ngủ?

Giật mình, chị vội quay nhìn ra cổng, và chị run sợ kinh khiếp khi thấy mấy người lớ nhố dưới bóng tối của rặng tre.

Không phải họ đến bắt chị về chuyện huyền náo động lúc nãy, người ta đem lại cho chị một cái xác người.

Cái xác người ấy rũ rượi giục ở sau lưng một người nhà lý trưởng, hai tay thông thả dang trước, lủng lẳng như hai quả bầu dài, hai bên có hai anh nữa, cũng người nhà Lý trưởng, đỡ ở hai vai, giữ cho nó khỏi bị lả sang bên cạnh.

Hoảng hốt, chị Dậu bồng cả hai con đứng dậy, và hỏi một cách thất kinh:

- Ai làm sao thế, hử các ông?

Hình như mấy người ấy, khi ở giữa đường, đã nhiều lần phải thay đổi nhau đài tải một vật nặng nề, ai nấy đều thở hồng hộc như bò cày nặng. Họ không kịp trả lời chị Dậu, bệu rạch họ vục cái xác người ấy sầm sập tiến vào trong nhà và đặt xuống phản. Một người cố nói mấy câu như kẻ đứt hơi:

- Anh ấy phải cảm đấy. Chị xem nhà ai có dầu bạc hà xin một ít mà bôi cho hẩn, may ra hẩn tỉnh được chăng.

Và họ rào cẳng bước ra, không ai dám quay cổ lại.

Hết cả hồn vía, chị Dậu đặt luôn hai đứa con nhỏ xuống đất, tất tả chạy đến cạnh chồng.

Anh Dậu

nằm còng queo trên phản, chân tay không hề động cựa. Trước ánh sáng bẽ bàng của vầng trăng tàn úa, hai mắt đều nhắm lim dim.

Sờ khắp trán, mặt, tay, chân của chồng, chị Dậu chỉ thấy chỗ nào cũng giá ngắt, nhưng ở tinh mũi và cuối cẳng hầy còn ôn hòa, hai lỗ mũi hầy còn hơi thở man mát. Kề miệng vào tai chồng chị gọi:

- Thầy em! Tỉnh dậy! Thầy em! Tỉnh dậy!

Chỉ có hai đứa bé con ỷ eo khóc ở dưới đất. Anh Dậu vẫn nằm ngay như khúc gỗ.

Sấp ngửa, chị chạy ra cổng và réo thật to:

- Ba hồn bảy vía anh Dậu ở đâu thì về với vợ với con.

Lòng từ ngõ trong ra ngõ ngoài, lại té từ ngõ ngoài vào ngõ trong, chị hú hồn chồng mới được sáu lượt, thì lười lười lại, không nói được nữa. Chân nọ đá chân kia, chị lại trở về ngồi ở đầu phản. Cuống quýt không biết chạy chữa bằng cách nào, chị để tay vào trán chồng, vừa lay vừa gọi "thầy em tỉnh dậy".

Anh Dậu vẫn không tỉnh. Hai đứa bé con dưới đất vẫn khóc tru tréo.

Chương XVIII

Trống tan canh.

Gà im gáy.

Trời tang tảng rạng đông.

Chị Dậu tuyệt vọng khi ngó mặt chồng thất sắc sảm nhợt như người chết trôi. Tưởng chừng anh ta không thể sống lại, chị đập tay xuống phản, kêu trời, kêu đất, kêu cha, kêu mẹ. Rồi chị đứng dậy đi ra vại nước, lấy cái chậu sành múc đầy chậu nước đem vào. Lật khăn vuông ở trên đầu xuống, chị dúng vào nước, lau trán, lau mặt, lau qua chân tay cho chồng, để chồng được sạch sẽ trước khi "hết cơm gạo về với tổ tiên".

Hàng xóm, láng giềng tập nập đổ đến. Kẻ đón cái Tiu, người ẵm thằng Dần, kẻ vào sờ sà anh Dậu, người ghé tận tai anh ta mà gọi. Có kẻ rút rút, chẳng vãng đứng tít ngoài thêm ghé vào, có kẻ sốt sáng, chạy tốc ra mãi ngã ba, hú hồn anh Dậu thêm một lần nữa.

Trong nhà chật ních, người đứng vòng trong, vòng ngoài. Họ hỏi thăm bệnh tình. Họ thương hại anh Dậu. Họ khuyên can chị Dậu đừng khóc. Họ cả quyết anh Dậu không việc gì. Rồi họ rời rít, mỗi người chạy đi làm giúp mỗi việc.

Bà này bắt thằng Dần cố sức "rặn đái" đái vào chậu sành. Ông kia lấy chiếc lược thưa ghè hai hàm răng anh Dậu. Bác nọ múc ít nước đái đổ vào trong miệng anh ấy. Bà kia bưng chậu nước đái xoa mãi vào mặt, vào mũi, vào cổ, vào gáy, vào hai thái dương anh ta. Cô nọ chạy về nhà mình lấy ít bồ kết đốt than để vào cửa mũi người ốm. Chị kia sang nhà bên cạnh xin cái chổi sể châm lửa cho cháy đùng đùng ở giữa nhà.

Ồn ào một hồi lâu.

Anh Dậu dần dần thở mạnh, rồi lờ đờ sẽ mở hai mắt. Mọi người hớn hờ mừng reo:

- Tỉnh rồi, anh ấy tỉnh rồi đây.

Thì ra không phải anh ta phải gió, chỉ vì bị trời chật quá, mạch máu nghẽn lại, máu xông lên óc khiến cho anh ta ngất đi. Nhờ có chậu nước lạnh của chị Dậu rửa mặt cho chồng và chậu nước đá của bà con hàng xóm đổ vào miệng, xoa vào đầu, mặt anh ta, máu lại xuôi xuống dần dần, cho nên anh ấy lại tỉnh.

Câu chuyện bắt đầu vui vẻ.

Người ta hỏi đến cái Tý vì từ nãy đến giờ không thấy nó đâu.

Sau khi đã nghe chị Dậu vừa mếu vừa thuật lại đầu đuôi việc chị thiếu sưu phải bán nó và 5 con

chó cho ông Nghị Quế thôn Đoài, lấy hai đồng bạc, thì ai nấy đều có vẻ ái ngại. Và ai nấy đều khuyên chị Dậu phải yên lòng mà thuốc men cơm cháo cho chồng, không nên lo phiền về cái Tý nữa. Người ta bảo nó lớn thì nó lại về, chẳng có khi nào mất con.

Anh Dậu vẫn lì bì mệt nhọc. Thằng Dần mếu máo kêu đói.

Thấy nói từ sáng hôm qua đến giờ, thằng bé chỉ ăn có vài mẩu khoai, vợ chồng chị Dậu đều phải

nhịn xuống, một bà hàng xóm có lòng xởi lởi liền chạy về nhà lấy sang cho vay độ hơn đấu gạo, rồi bảo chị Dậu hãy đi nấu cháo để cả nhà ăn tạm.

Cảm động, chị Dậu cảm ơn bà ấy bằng những giọt nước mắt chứa chan. Rồi chị đón lấy cái Tiú vừa cho nó bú, vừa bắc nồi cháo. Mặt trời lên cao, ánh nắng lọt lỗ nẻ bức cửa, chiếu vào lòng nhà.

Anh Dậu dần dần tỉnh thêm, có thể tiếp chuyện bà con bằng giọng rên rỉ dề dề.

Các cô con gái lẻ tẻ về trước. Các ông đàn ông và mấy bà đàn bà lục tục về sau.

Trong nhà lại thấy cảnh buồn tẻ của sự thiếu vắng.

Chị Dậu bế cái Tiú ngồi cạnh anh Dậu, vừa bóp nặn chân tay cho chồng, vừa dỗ dành thằng Dần

chốc chốc lại phải đứng ra thổi lửa dóm bếp.

Ngoài đình trống lại thúc, mõ lại khua, tù và rúc liên thanh bất chỉ.

Sau nhà có tiếng gọi léo xéo.

Thằng Mới nó giục bác đàn em tuần ở nhà kể bên ấy ra đình sắp sửa cò trống đi đón quan.

Anh Dậu vật vờ thở dài:

- Trời ơi, từ giờ đến lúc quan về, chạy đâu cho được hai đồng bầy nữa? Nếu không có, chúng nó làm tình làm tội, không khéo thì mình đến chết.

Nước mắt ứa ra, anh Dậu quay mặt vào bức phen nứa, sụt sùi nức nở, anh khóc thằng Hợi, anh khóc cái Tý, rồi anh khóc đến số phận của anh.

Chị Dậu đương ở trong bếp, vội vàng chạy lại ngồi kê sau chồng, nỉ non khuyên giải:

- Thôi, tôi xin thầy em. Đừng kêu khóc nữa, khổ tôi lắm. Chú Hợi nó chết rồi, dù có thương xót, nó cũng không thể sống lại, cái Tý tuy bị đem bán, nhưng nó sang bên ấy chắc là cũng được cơm no áo lành. Sau này trời cho làm ăn khá giả, thì lại sang chuộc nó về, có sao đâu? Còn như mấy đồng tiền sưu, tuy có nóng thật, nhưng lo chưa kịp thì khát. Thịt người tanh, chẳng ai ăn được. Thầy em cứ yên tâm nằm nghỉ, không phải lo lắng gì cả. Nếu thầy em cứ kêu khóc mãi, lở ra con bệnh vật lên, lại là người đi, thì tôi biết làm thế nào?

Anh Dậu chừng cũng thương vợ, liền giơ bàn tay, run rẩy lau khô nước mắt. Và ngoảnh mặt trở ra, anh cố làm ra bo tươi tỉnh để tỉ tê hỏi chuyện cái Tiú.

Nồi cháo đã sủi, bọt trắng trào ra cổ nồi, chảy xuống lòng bếp xèo xèo, làm tắt bếp lửa trong bếp.

Chị Dậu vội đặt cái Tũn nằm ở cạnh chồng, rồi chị đến bếp hì hục thổi mấy cục than sắp tàn. Thằng

Dần lạch thịch theo lại sau mẹ. Nó nhất định bảo cháo chín rồi, và nâng nặc giục mẹ bắt ra.

Ngoài cổng, lạch cạch mấy tiếng gậy đập cột vách. Người nhà Lý trưởng hách dịch hỏi từ đầu ngõ hỏi vào:

- Thế nào? Anh Dậu còn sống hay đã chết rồi? Im lặng thế này hẳn là chưa chết. Tiền sưu đâu? Đem nộp nốt đi! Mau lên. Quan sắp về kia!

Chị Dậu ngồi trong bếp ngọt ngào nói ra:

- Bác tính từ lúc gà gáy đến giờ, tôi chạy chữa cho thầy cháu, nào đã lo kịp? Nhờ bác nói với ông Lý hãy cho nhà tôi khát đến chiều mai.

Anh kia mát mẻ:

- Đến chiều mai, chị nói dễ nghe nhỉ! Thuế của nhà nước, chị tưởng chuyện chơi hay sao?

Chị Dậu nằn nì:

- Tôi cũng biết thuế nhà nước không phải chuyện chơi. Nhưng bây giờ chưa có, nên tôi phải khát. Bạn nghèo với nhau, bác nói khéo với ông Lý giúp tôi.

- Tôi không dám bạn với nhà chị. Tôi không biết nói khéo. Tôi không có quyền được nhận lời khát của chị. Lát nữa, để chị khát với ông Cai lệ.

Rồi hần hăm hăm vác gậy đi ra.

Lửa lại nỏ. Chị Dậu ngồi luôn cạnh bếp cầm chiếc đũa cả khuấy nồi cháo khói trào. Ánh nắng gắt

gao xuyên lỗ thủng mái bếp soi vào những giọt mồ hôi lóng lánh trên gò má đỏ bừng.

Trời đã thững buổi. Thằng Dần lại sạo sục kêu đói. Nó vằn kè nhè ngòi ở cạnh mẹ, hau háu nhìn vào nồi cháo.

Chương XIX

Về phía đầu làng, nghe có tiếng còi ô tô toe toe. Rồi đến tù và tu tu đồ hồi. Rồi đến trống cái thông thả điểm từng tiếng một.

Bà lão lảng giềng lật đặt chạy sang, hót hơ hót hải nói với chị Dậu.

- Nhà bác chạy đủ sưu chưa?

Chị Dậu vậm vội:

- Thừa cụ, nhà cháu mới nộp một suất, còn một suất nữa ạ!

- Sao lại phải đóng hai suất?

- Thừa cụ, một suất của thầy con cháu và một suất của chú Hợi nó.

- Anh Hợi chết rồi, còn phải đóng sưu nữa à?

- Vâng, cháu thấy các ông ấy bảo chú nó chết dờ năm tây, nên còn phải đóng xuất sưu năm nay. Nếu nó chết hẳn năm tây thì mới được trừ

- Khốn nạn! Người ta chết đã sắp giỗ đầu, anh em còn phải đóng đầy tiền sưu! Sao lại có lệ thế nhỉ?

Bây giờ nhà bác chưa có thì làm thế nào? Nghe như quan đã về đấy!

- Phải, cháu cũng đoán chừng quan Phủ đã về. Nhưng không có tiền thì phải khát vậy. Cụ bảo làm thế nào được?

Bà lão ái ngại trở ra.

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát mức ra la liệt. Rồi chị lấy quạt cho chóng

nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thùng thảng đưa nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão lảng giềng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai đã khá rồi chứ?

- Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lẽ bẽ, lệt bệt chừng như vẫn mỗi một lăm

- Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chóc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm dề dề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn?

- Vâng, cháu cũng đã nghỉ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã.

Nhịn xuống từ sáng hôm qua đến giờ còn gì.

- Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kéo nữa người ta sắp sửa keo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt bần khoản.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu đón đến bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

- Thầy hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tiu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngồng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng. Cai lệ và người nhà lý trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều sái cũ;

- Thằng kia, ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp nốt tiền sưu! Mau!

Hoảng quá anh Dậu vội để bát cháo xuống phản, lăn đùng ra đó, không nói được một câu gì. Người nhà lý trưởng cười cách mỉa mai:

- Anh ta sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

- Chị khát tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy chị hãy nói với ông Cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông Lý tôi thì không có quyền dám cho chị khát một giờ nào nữa.

Chị Dậu run run:

- Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả xuất sưu của chú nó nữa, nên mới lòi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông Lý hãy cho cháu khát....

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát;

- Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước, mà dám mở mồm xin khát

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

- Khôn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà Lý trưởng:

- Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia Người nhà Lý trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, Cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ Anh Dậu

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

- Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho

- Tha này, tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu, mấy bịch, rồi lại sấn đến để trói anh Dậu

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

Cai lệ tát vào mặt chị một cái bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn giúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà Lý trưởng sấn sổ bước đến, hươu gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng

"hầu cận ông Lý" yếu hơn chị chàng con mọn, hấn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng một đấm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa rên:

- U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận;

- Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

Người nhà lý trưởng hết cơn lạng cá, lớp ngóp bò dậy hấn chị vừa thở vừa chửi chị Dậu, không

dám động đến thân thể chị nữa. Chị Dậu lại đón cái Tiu vào lòng, và cũng sa sả chửi giả

Anh Dậu không biết làm thế nào mà can đôi bên, chỉ nằm mắng vợ và xin lỗi ông... người nhà Lý trưởng.

Một hồi hiệu ốc rú từ ngoài đình rúc vào. Máy bác tuần phu gậy tày mã thò theo chân Lý Trưởng, Cai lệ kéo đến. Thì ra trong lúc chị Dậu và anh người nhà Lý trưởng vật nhau, Cai lệ đã chạy thoát ra đình báo với Lý trưởng. Lý trưởng liền đem tuần phu vào bắt vợ chồng chị Dậu. Họ đã giáng giải ra đình hầu quan tất cả tiếng rên của người ốm, tiếng khóc của hai đứa trẻ con, và tội cán của người đàn bà táo bạo.

Chương XX

Đôi lông xanh nằm tráo đầu đuôi trước cửa đại đạo. Cái trống cái và cái đòn tre chơ chỏng lẩn bên tường bao lan. Chín, mười lá cờ rũ rượi, rũ dưới giọt đình. Một đoàn giáo, mác loi thoi chĩa mũi nhọn trên mái giải vũ.

Quang cảnh ngoài đình hôm nay khác hẳn hôm qua. Phó lý, Trương tuần cũng như tộc biểu, tuần phu, tuy không phải làm việc gì, ai nấy vẫn sơ tóc gáy chạy xuôi chạy ngược. Phó hội, thủ quỹ đối nhau với thư ký, chường bạ, mỗi người khoanh tay đứng tựa mỗi cột, dáng bộ len lét như rắn mòng năm. Chánh tổng ngồi ngáp vặt cạnh bức câu lon, con ruồi đậu mép không muốn đuổi. Chánh hội luôn tay giờ cuốn sổ thuế, hai mắt vẫn lăm lét trông đi đằng nào.

Vợ chồng chị Dậu không can đảm hơn thằng Dần, vừa lộ mặt lên thêm đình, đã mất vía về bộ râu của quan phụ mẫu.

Cái râu mới lạ làm sao! Nó đen như vệt hắc in và cong như cái lưỡi liềm. Nó nhọn như mũi dùi nung và bầu như đầu dao trổ. Nó khum khum quắp lấy hai mép, giống như hai cái cánh dơi. Nó vát vều vênh ra hai mang tai, gần như hai sừng củ ấu. Nó châu đầu ở dưới ống mũi, như sắp chui vào trong cái mũi dọc dừa. Nó lại giúp cho cái mồm lèn bèn thêm sự dữ dội.

Nếu không biết quan phủ xuất thân từ chức thông phán, người ta sẽ tưởng ngài được làm quan chỉ vì bộ râu.

Và nếu không rõ là ông quan, người ta lại có thể lầm ngài với ông cai xe hay ông cai thầu khoán.

Dựa tay vào mặt cái bàn phủ tám thảm đỏ của tể chủ vẫn thường đứng lễ, quan Phủ ngất ngưỡng

ngồi vào chiếc chiếu cạp đỏ trải trên ghế ngựa quang dầu. Dưới vành khăn xếp nhiều tây, cái mặt

phên phet luôn luôn hăm hăm như sắp rơi xuống sàn đình đánh "huych"

Cạnh ngài, một tên tuần đinh lực lưỡng vác cái quạt lông đứng đằng xa xa phẩy vào.

Trước ngài, thầy Thừa và anh Nho đều mướt mồ hôi với mấy cuốn biên lai thu thuế của Lý trưởng.

- Bẩm ông lớn! "thừa" lệnh ông lớn, chúng con và tên người nhà Lý trưởng vào nhà tên Nguyễn Văn Dậu bắt nó đem tiền nộp sưu, vợ tên ấy muốn tháo cho chồng, nó đánh con, đánh cả tên người nhà Lý trưởng, hiện có Lý trưởng cùng bọn tuần phu đều biết. Lạy ông lớn, xin ông lớn...

Cai lệ chưa nói hết câu, Lý trưởng đứng ở đằng sau vội vàng cướp lời:

- Bẩm ông lớn, con mẹ ấy tên là Thị Đào, nó búồng binh thứ nhất làng con. Năm, sáu hôm nay, hôm nào chúng con cũng sai người nhà đến giục tên Nguyễn Văn Dậu đóng sưu, nó xui chồng nó nhất định không đóng. Chúng con bảo nó thuế sắp đăng trường, nếu không đóng sẽ phải trình quan phụ mẫu, nó nói quan phụ mẫu nó cũng không cần. Hôm nay "thừa" bóng ông lớn về đây, anh Cai lệ và người nhà con vào đốc, nó dám đánh lại tất cả. Hiện mắt chúng con và nhiều người nữa trông thấy. Ông lớn là đèn trời, xin ông lớn xét tình chúng con, bắt nó bỏ tù, chúng con và anh Cai lệ được đội ơn ông lớn.

Quan Phủ vênh cái mặt nặng trịch và đập tay xuống mặt bàn:

- Không đóng sưu! Lại đánh cả lính! Nó định làm giặc à? Bắt cớ ra đây!

Một tiếng dạ vang năm gian đình. Vợ chồng chị Dậu và hai đứa bé xềnh xệch lên đình theo đầu thừng trong tay Lý trưởng.

- Bẩm ông lớn, chúng con đã giải tên Dậu và Thị Đào ra hầu ông lớn!

Dứt lời Lý trưởng, quan Phủ giương đôi mắt trắng dã, nhìn vào mặt anh Dậu:

- Mày định trốn sưu của nhà nước? Thằng kia?

Anh Dậu run như cây sậy:

- Bẩm lay quan lớn, tiền sưu con đã nộp rồi.

Quan Phủ quát hỏi Lý trưởng:

- Nó đã nộp rồi, sao mày bảo nó chưa nộp?

Lý trưởng vội kêu:

- Bẩm ông lớn, tên ấy "man" của ông lớn, thực quả tên ấy chưa nộp...

Quan Phủ không để cho Lý trưởng hết lời, ngài vặn anh Dậu:

- Mày nộp rồi thì biên lai đâu?

- Bẩm lay quan lớn, con không lấy giấy biên lai, nhưng khi nộp có cụ Chánh tổng, ông Thủ Quĩ và các ông chức dịch cùng biết...

Quan Phủ nhìn mặt Thủ quĩ và Chánh tổng:

- Các thầy có trông thấy nó nộp sưu cho Lý trưởng không?

Thủ quĩ ngó trộm Lý trưởng rồi thưa:

- Bẩm ông lớn, đêm qua, Thị Đào có nộp anh Lý chúng con hai đồng bảy hào tiền chính, anh Lý chúng con giao cho chúng con đem lại...

Xen vào câu nói của Thủ quĩ, thằng Dần kéo vạt áo mẹ và giục:

- U đem con về mau lên. Con chả ở đây nữa! Nào!

Quan Phủ trừng mắt và quát Lý trưởng:

- Sao lại cho nó giắt cả con nít lên đấy? Ông thì đập vào mặt mày bây giờ!

Sắc mặt sạm như gà cắt tiết, Lý trưởng vội vàng một tay giằng sắp cái Tiu trên tay chị Dậu, một tay túm đầu thằng Dần, đưa xuống thêm đình, rồi đem tít ra ngoài cổng đình, giao cho đứa lớn ngồi giữ đứa bé.

Hai đứa cùng khóc ngặt nghẽo, thằng Dần nheo nhéo gọi u. Mặc kệ chúng nó ở đấy, Lý trưởng lại quay lên đình.

Quan phủ đương hỏi Thủ quỹ:

- Tiền đêm rồi mày đưa cho ai?

- Bẩm quan lớn, con đưa cho anh Lý chúng con.

Lý trưởng nói đón:

- Số tiền ấy mới là xuất sưu của thằng Hợi.

Quan phủ cau mày:

- Thằng Hợi là tên nào? Sao thằng Dậu lại phải nộp sưu cho nó?

- Bẩm ông lớn, tên Hợi là em ruột anh Dậu. Hắn chết từ đầu tháng giêng... Vì tên Dậu là thân nhân của hắn, cho nên chúng con bắt phải nộp thay.

Quan phủ hỏi gặng:

- Thế làm sao mày lại không đưa biên lai cho nó? Định thu lạm thuế phải không?

Rồi ngảnh lại nhìn viên thừa phái, quan Phủ nói bằng giọng nghiêm nghị:

- Thầy thảo biên bản, nói rằng nay tôi về đây khám thuế, bắt được Lý trưởng thu thuế của tên Dậu mà không biên nhận cho nó. Rồi bảo Chánh tổng ký vào. Nghe không?

Sau tiếng dạ gọn ghẽ của viên thừa phái, Lý trưởng chấp tay đến cạnh quan Phủ và gãi tai;

- Bẩm ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... thực quả chúng con tình oan.

Quan phủ càng ra bộ giận dữ;

- Vụ thuế này mày kiếm được của những đứa ngoại canh được mấy trăm đồng... Còn chực thu lạm của thằng cùng đinh! Ông thì cách cổ...!

Lý trưởng lại nằn nì nhắc lại câu vừa mới nói:

- Bẩm ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... thực quả chúng con tình oan.

Quan phủ dịu giọng:

- Mai lên phủ hầu. Nghe không?

Lý trưởng dạ một tiếng dài, rồi khúm núm đi lùi trở ra.

Quan phủ hỏi đến chị Dậu:

- Mày đánh lính và người nhà Lý trưởng để tháo cho chồng mày trốn sưu phải không?

Chị Dậu cất giọng run run:

- Bẩm lay quan lớn, con không đánh các ông ấy, vì các ông ấy định đánh chồng con, con sợ chồng con đương ốm mà lại phải đòn thì chết, nên con phải can.

Lý trưởng nói sen;

- Bẩm ông lớn, đích thị ấy có đánh người nhà chúng con và anh Cai lệ, mắt con trông thấy.

Quan phủ gạt đi:

- Im cái mồm! Không ai hỏi mày!

Rồi ngài lại dôn chị Dậu:

- Mày can, tức là mày đánh nhau với chúng nó... À! Con này dám chống cự với lính trong khi làm phận sự! Muốn vào tù

Chị Dậu nín lặng, không biết nói sao, Quan phủ cất giọng hách dịch:

- Cho ra ngoài kia!

Thầy Thừa vừa thảo xong tờ biên bản, đệ lên trước mặt quan phủ. Nhìn qua biên bản một lượt, quan phủ bảo Chánh tổng đóng triện và mấy người hương chức ký tên làm chứng. rồi ngài mới kiểm đến thuế.

Trước mặt Chánh tổng và các hương chức, Lý trưởng đổ tráp bạc cho thầy Thừa đếm. Tất cả bạc giấy, bạc hào mới được sáu trăm và ba chục đồng. So với tiền đã biên trong sổ Lý trưởng, thì dôi ra đến hai chục đồng.

Quan phủ đập tay xuống bàn và dọa lý trưởng:

- Mày không thu lạm, làm sao tiền thuế lại thừa? Xong vụ thuế này, ông thu bằng triện.

Lý trưởng sợ tái mặt, chỉ nức hau tay như người bất quyết và nói đi nói lại một câu "xin ông lớn thương"

Quan phủ đổi giọng ngọt ngào:

- Mai lên phủ hầu! Giải cả con vợ thằng Dậu lên nữa. Nghe không?

Rồi ngài chững chạc đứng dậy, đi xuống giọt đình.

Tù và, trống cái và cờ quạt lũ lượt tiễn ngài lên phía đầu làng.

Chương XXI

Tan buổi hầu kiện, chị Dậu lật đật chạy xuống cổng đình tìm con. Không thấy đứa nào ở đấy. Chị sợ quá, cuống quýt đi hỏi những người gần quanh. Thì ra trong lúc chúng nó bị ông Lý trưởng điệu xuống bỏ đó, một người đàn bà trong làng đi qua trông thấy thương hại, đã bế cái Tiu cho bú và giắt thằng Dần đưa đến tận nhà chị rồi.

Không kịp đợi chồng, chị vội bon luôn về nhà với con.

Cái Tiu bú no, nằm ngủ thín thít. Thằng Dần đương bụng bát cháo vừa thỏn thức vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu bước vào đến thềm, thằng bé chột ngừng đầu lên. Nó khóc òa lên và hỏi:

- Thầy em đâu rồi, hử u?

Chị Dậu xoa tay:

- Nói sẽ chứ! Cho em nó ngủ! Thầy con đương về sau đây!

Rồi chị rón rén bước vào trong nhà.

Bà lão lảng giềng vừa sang:

- Thế nào? Bác không bị bắt lên phủ, lại được tha về đấy ư?

Vừa nói, bà lão vừa nhanh nhẩu tiến lên trên thềm và ngồi vào chiếc chõng nát, rồi tiếp;

- Tôi cũng khen cho bác ngỗ nghịch! Ai lại một người đàn bà con mọn, dám đánh hai người đàn ông?

Nếu phải đưa khỏe, chúng nó đánh lại thì làm thế nào?

Cái Tiu thức giấc và khóc ngằn ngặt. Chị Dậu vừa đón con bé vừa tiếp bà khách:

- Cháu cũng biết rằng đàn bà hành hung như thế là hư thân lắm, chứ không hay gì. Nhưng mà chúng nó đè én chúng cháu tệ quá, cháu đã cố nhịn mà không nhịn được. Cụ tính nhà cháu đau ốm như thế, mà cả hai đứa, cứ xông vào đánh, thì phỏng còn gì là người! Vì thế cháu phải liều với chúng nó.

Bà lão gỡ gói tràu thuốc đưa cho chị Dậu một miếng;

- Nói vậy thì nói, chứ cái thói tàn ác của quân lính lệ, ai mà chịu nổi? Tôi là người ngoài, nghe chuyện cũng còn tức thay, huống chi bác! Thế công việc bây giờ ra sao?

Chị Dậu đón lấy miếng tràu và đáp:

- Quan bảo cho về, ngày mai lên hầu.

Bà lão lại hỏi:

- Bác trai đi đâu chưa về? Hay lại bị giải lên phủ rồi chăng?

- Không!...

Chị Dậu đương nói dở câu thì ngoài cổng nghe có tiếng rên hằm hừ. Anh Dậu lẩy bẩy tiến vào trước thềm với bộ mặt đỏ gay như người đun bếp.

Chào qua bà lão lảng giềng, rồi anh run rẩy chống tay vào gối để bước lên thềm. Chị Dậu vội vàng bỗng con đứng dậy, cầm cánh tay chồng kéo lên.

Bà lão lảng giềng ra ý ái ngại:

- Khốn nạn! Bác lại lên cơn sốt rét đấy ư?

Anh Dậu lò dò đi vào trong phản, ngã mình xuống cạnh thằng Dần, vừa thở vừa nói:

- Vâng! từ nãy đến giờ, cháu thấy trong mình gầy gầy, hình như nó lại sắp sửa lên cơn rồi đấy Thằng Dần ăn cháo đã xong. Nó mang đĩa bát ra sân bỏ vào nồi nước vo gạo. Chị Dậu đưa cái Tiú cho bà lão lảng giềng:

- Cháu hãy gửi cụ một lát!

Rồi chị bung mâm cháo đặt lên bàn thờ ông công, và ngồi vào cạnh anh Dậu:

- Thầy em có đức đầu không? Để tôi nặn cho cái nào!

Anh Dậu xua tay và rên khừ khừ:

- Thôi, tôi mệt lắm. Để tôi nằm nghỉ một lát. U nó ra mà ẵm con, để cụ...

Bà lão lảng giềng vội đón:

- Được! Hôm nay tôi cũng thông thả. Cứ để tôi ôm cháu cho. Bác gái có đi làm gì cứ đi!

Chị Dậu sẽ sàng đứng dậy:

- Thế thì cháu hãy quấy cụ lúc nữa.

Vừa nói, chị vừa chạy ra cuốn chiếc chiếu rách cái Tủ đái ỉa hôm qua, đem ra ao giặt.

Anh Dậu vừa rên vừa tiếp bà lão;

- Cháu không ngờ những thằng lính lệ nó ác đến thế. Sáng ngày nếu không có nhà cháu cự lại với nó, có lẽ nó sẽ đánh cháu đến chết.

Bà lão nhỏ bãi cốt trầu xuống thêm:

- Thôi! Còn phải kể! Bạc thì dân, bất nhân thì lính. Tục ngữ nói có sai đâu. Ấy là nhà bác không có gì nữa. Chứ nếu trong nhà còn có con gà, con chó, chúng nó cũng đập chết mà ăn với nhau, không tha cho đâu. Bây giờ những đứa ấy còn ở đây hay là đi rồi?

- Hình như nó đã theo quan về phủ thì phải

- Bác gái đã chạy được nốt số tiền sưu chưa?

- Thừa cụng chưa. Từ sáng hôm qua đến giờ, nó những lật đặt về cháu, chạy vào đâu được! Khốn nạn!

Cái thân đàn bà như nó, thật là khổ sở đủ đường.

Rồi anh dấp dính nước mắt.

Bà lão thở thễ yên ủi:

- Thấy tình cảnh nhà bác, tôi thật ái ngại. Nhưng thôi, sông có khúc, người có lúc, mình cứ ăn ở hiền lành, rồi cũng có ngày trời mở cửa cho!

Bóng nắng vừa đến giọt nhà. Chị Dậu ở ngoài ao về với chiếc chiếu ướt và một nắm lá.

Sau khi đã vắt chiếc chiếu lên cõi rào, chị đem nắm lá thả trong một chậu nước lạnh rồi đặt vào

gậm bàn thờ

Bà lão hỏi:

- Lá dành, lá ruối phải không?

Chị Dậu nhanh nhẩu:

- Phải. Cháu thấy người ta mách rằng: Những người sốt rét, cứ lấy hai thứ ấy vò ra, phơi sương mà uống, bệnh nặng đến đâu cũng khỏi. Vậy cháu thử làm cho nhà cháu uống xem sao.

Bà lão ra ý vui vẻ:

- Ừ! Tôi cũng thấy nói lá dành lá ruối chữa bệnh sốt rét hay lắm. Thế mà tôi cứ khuấy quên, vẫn không nhắc bác.

Rồi nhả miếng bã trầu trong miệng và ném xuống sân, bà lão hỏi tiếp:

- Từ sáng đến giờ, các bác đã ăn gì chưa?

Chị Dậu đến cạnh bà lão để đón cái Tiu và đáp:

- Nào đã ăn vào lúc nào hử cụ? Sáng ngày nhà cháu vừa bung bát cháo đến miệng, thì họ kéo vào....

- Thế thì để tôi hãy ẵm cháu cho. Bác đi lấy cháo cho bác trai ăn, kéo nữa bác ấy đói quá.

Anh Dậu ngắt lời:

- Cháu đắng miệng lắm, không muốn ăn uống gì cả

Bà lão cố bầu:

- Phải cố ăn đi mới được, bác ạ! Chẳng ăn nhiều thì ăn ít. Chứ cứ nhịn mãi thì sức yếu đi, bệnh càng nặng thêm. Và lại, ăn cháo cũng không độc đâu mà sợ.

Chị Dậu nói theo:

- Cụ bảo phải đấy! Thầy em cố ăn vài miếng cho đỡ xót ruột. Kéo nữa, đã ốm lại đói thì chịu làm sao!

Rồi chị bung một bát cháo đến cạnh chồng và năn nì:

- Nào, thầy em gượng dậy ăn đi, cho tôi bằng lòng.

Anh Dậu như nể lời vợ, uể oải ngồi dậy, anh đón bát cháo, nhắm mắt nhắm mũi, cố húp gần hết nửa bát, rồi kêu đắng lắm không nuốt được nữa.

Bà lão lại khuyên chị Dậu:

- Bác gái cũng phải ăn đi, để lấy sữa cho cháu nó bú. Minh đà vậy, còn con. Đàn bà con mọn cần nhất phải ăn cho đủ thì mới có sữa. Nếu không đủ, thì con hay sài.

Anh Dậu cũng dè dặt giục vợ:

- Cháo sắp vừa cả rồi đấy. U nó ăn cho hết đi. Rồi đi chạy cổ mấy đồng nữa.

Chị Dậu nhắc mâm cháo xuống phản. Bớt lại một bát, chừng muốn để dành cho thằng Dần, rồi chị vừa húp chập cuội vừa ứa nước mắt:

- Ngày nay nhờ cụ cho vay, còn có cái ăn, ngày mai thì trông vào đâu?

Bà lão láng giềng ra vẻ cảm động:

- Trời sinh voi, trời sinh cỏ, sợ gì! Bên kia còn nửa nôi gạo nữa, tôi chưa ăn đến. Lát nữa bác đem thúng sang, tôi hãy cho vay. Khi nào bác trai khỏe mạnh trả tôi cũng được.

Ngoài cổng có tiếng hiệu rúc. Đàn chó hàng xóm thi nhau sủa từ phía ngoài sủa vào. Lý trưởng với cây gậy song và hai người tuần hùnh hổ xông đến trước nhà. Chỉ gậy vào mặt anh Dậu, hấn quát:

- Suu đâu? Thằng kia? Dem nộp nốt đi!

Bà lão láng giềng nhanh miệng khất hộ:

- Bác ấy vừa ở đình về, làm gì đã có? Ông hãy làm ơn để cho người ta đến mai.

Lý trưởng mắng như tát nước:

- Không việc gì đến bà! Mà chỗ mồm vào đây. Nó không có, thò tôi dỡ nhà nó đi cho mà xem.

Rồi hấn chỉ gậy vào mặt chị Dậu;

- Chỉ vì vợ chồng nhà mày để quan hành ông... Ông hạn cho mày từ giờ đến tối nếu không chạy đủ hai đồng bấy nữa, thì mày sẽ biết tay ông!

Chương XXII

Thằng Dần cái Tiú hầy còn ngủ say. Chị Dậu bung bát nước lá dành lá duối cho anh Dậu uống, rồi chị ngả mâm, lấy bát, ra bếp bắc cơm. Hôm nay có gạo của bà láng giềng cho vay, chị định nấu cơm ăn sớm, để chốc nữa còn phải lên phủ hầu quan.

Anh Dậu trong mình hơi tỉnh, nên cùng ngồi ăn với vợ. Nhưng anh nhỏ nhẻ nhai không buồn nuốt, chỉ ăn vài miếng lại thôi. Chị Dậu cũng mới và hết một bát, thì Lý trưởng vừa sầm sập vào với hai người tuần và một sợi dây thừng.

Hắn xông đến chỗ chị Dậu và nói thật lớn;

- Đứng dậy, đi lên phủ!

Chị Dậu phát cáu;

- Lên phủ thì lên. Tôi có trốn đâu? Nhưng ông hãy để cho tôi ăn xong bữa cơm cái nào!

Lý trưởng sùng sộ:

- Mày chẳng ăn xong thì mặc kệ mày. Việc quan ông cứ đúng phép ông làm.

Rồi hắn dùng dùng sấn lại, túm tay chị Dậu lôi dậy và thét hai người tuần.

- Trói cổ nó lại, điệu đi cho ông!

Bát cơm trên tay chị Dậu đổ lật xuống mâm đánh xoảng, cơm canh bắn tung khắp nhà.

Cái thừng trong tay người tuần tức thì bị lỏng vào hai cánh tay chị Dậu và gò ra đằng sau lưng.

Anh Dậu nhìn vợ bằng những giọt nước mắt thánh thót.

Lý trưởng trừng trừng hếch lạ:

- Còn đòi mày nữa. Từ giờ đến trưa nếu không nộp nốt tiền sưu, thì ông trẻ xác ra cho. đừng lấy ôm mà lần khần với ông!

Cái Tiu trong buồng giật mình thức dậy, khóa chu, khóc chéo như bị beo ngất Chị Dậu dẫn dụ với Lý trưởng:

- Xin ông làm phúc để tôi cho cháu nó bú cái đã...

Lý trưởng hùng hổ chĩa bàn tay vào mặt chị Dậu:

- Ông thì vả cho vỡ mồm bây giờ! Mày nói cho cha mày nghe đây à! Sắp đi hầu quan, còn đòi ở nhà đẻ cho con bú. Để ông đứng đây đợi mày đây chắc?

Thế là hấn túm đầu thùng đẩy sập đẩy ngửa chị Dậu xuống thêm. Vừa đi hấn vừa sa sả chửi mắng.

Tới đình, hấn sai tuần phu trói chặt chị Dậu vào một cột đình. Thằng Mới lễ mễ bụng mâm lòng

lợn đậu phụ đặt vào chiếc chiếu giữa đình Lý trưởng ngồi xếp bằng tròn bên cạnh bao lan, vừa uống rượu vừa cà giêng cà tỏi:

- Con mẹ đĩ Dậu! Mày đã biết nhục chưa con! Ông còn làm cho bố ghét mới thôi Chị Dậu lúc ấy hình như tức quá, sắc mặt tái xanh, chỉ cúi gằm xuống, không nói gì cả. Lý trưởng lại kè nè:

- Chỉ vì vợ chồng nhà mày, cho nên hôm qua quan mới hạch ông, mày có biết không? Việc này chưa biết ông sẽ lo liệu thế nào cho xong. Có lẽ hơn trăm đồng bạc kiếm được trong vụ thuế này, ông phải đổ đi... vì mày tất cả...

Rồi hấn đập tay xuống sàn đình!

- Mày làm hại ông đến thế, chứ còn đến thế nào nữa! Con mẹ kia! Ông giết chết mày cũng không oan mà!

Cứ thế, cứ cái giọng ấy, hấn lảm nhảm một mình cho đến khi chai rượu đã hết già nửa.

Chị Dậu chừng cũng không muốn giây với kẻ say, cho nên hấn nói thế nào mặc hấn, chị cứ giả điếc

làm lơ.

Mặt trời lên khỏi ngọn tre độ một con sào

Mấy đĩa đậu phụ, lòng lợn trong mâm đã sạch ngoen ngoèn. Bây giờ Lý trưởng mới chịu bo mâm đứng dậy, trong miệng còn nhồm nhoàm nhai dở miếng cơm trười với nước mắm.

Không kịp chùi miệng, uống nước, hấn gọi một người tuần phu và giục:

- Trưa quá rồi! Giải cở nó đi, không thì lỡ buổi hầu sáng.

Chị Dậu được thoát ly cái cột đình để theo hấn và người tuần phu lên phủ.

Trời đương nắng gắt, tự nhiên thấy tối sầm lại. Một đám mây đen lù lù tiến từ phía Nam lên phía Bắc. Chân trời nhấp nhóang hiện mấy luồng chớp. Tiếng sấm sét theo cơn giông đồng thời kéo đến. Nước mưa đổ xuống ầm ầm.

Bởi đường đi trong một cánh đồng không, ca bọn đều không có chỗ mà ẩn. Lý trưởng tuy có cầm ô nhưng cũng bị ướt lướt lướt như chị Dậu và người tuần phu. Vì ô của hấn tức là một món trang sức, chỉ dùng để làm giá ngự chớ có giương được bao giờ.

Với cơn căn tức của hấn, sự rủi ro ấy không khác gì lửa cháy thêm dầu, hấn càng lèm nhèm chửi mắng chị Dậu.

Nước mắt theo nước mưa chảy xuống dàn dụa, chị Dậu không biết than thở cùng ai, thỉnh thoảng chị chỉ kêu trời cho hả.

Một lát sau, gió im dần, mưa tạnh dần, trời cũng quang dần, rồi thì ánh nắng lại ở trên đầu dọi xuống như thiêu như đốt.

Tối công phủ, các quần áo ướt vừa khô. Nhưng đã tan buổi hâu sáng, Lý trưởng phải dẫn chị Dậu vào trong hàng cơm để đợi buổi hâu chiều.

Cố nhiên trong mùa sưu thuế, hàng cơm phổ phủ vẫn phải đông khách hơn các ngày thường. Trên những giấy phán ken liền, trên những chiếc tràng kẻ giát nứa, người nọ chen vai người kia. Họ ăn, họ uống, họ nói chuyện, họ cãi lý sự với nhau. Chỗ này gọi cơm, chỗ kia gọi rượu, chỗ khác lại gọi nước mắm. Thằng nhỏ nhà hàng cuống cẳng chạy không kịp. Mùi tỏi, mùi rượu, mùi mắm tôm hòa với mùi mồ hôi của những người đã lâu không tắm, làm thành một bầu không khí khó tả, ai không quen người sẽ phải buồn nôn.

Chị Dậu với sợi thừng gò ở hai cánh tay vẫn ngồi do gió dưới chân cột để nghe những tiếng chửi của Lý trưởng mỗi khi có người hỏi hấn lên phủ làm gì.

Ruột chị lúc ấy như bị đứt ra từng đoạn.

Chồng ta hôm nay có dứt cơn sốt rét hay không? Cái Tiều từ sáng đến giờ xin bú ai được? Thằng

dần có chịu chơi ngoan hay lại gào khóc quấy bố? Cái Tý ở nhà lão Nghị có được yên thân hay vẫn bị chửi bị đòn?

Bấy nhiêu câu hỏi kế tiếp nhau quấy rối ở trong óc, nó làm cho chị lúc nào hai mắt cũng đỏ ngầu ngầu.

Thình lình trong hàng có tiếng nói lớn:

- Bà này nghiệt quá! còn để chúng tôi vào hàng nữa thôi?

Giật mình, chị vội ngẩng mặt trông lên.

Trước một đồng ô vá nũm và không tay cầm, bà hàng đương co kéo mấy ông tổng lý, nhất định

không cho đi ra. Một ông trong bọn chỉ vào đồng đồ vật ấy và nói:

- Thiếu có hai hào rượu bạc, chúng tôi đã gần mười một cái ô, mà bà vẫn không bằng lòng, thật không biết điều chút nào.

Nhà hàng vẫn khăng khăng một mực:

- Các ông bảo mười một cái ô bán cho ai được hai hào rượu? Nếu không cho tiền thì các ông phải để cho tôi một cái áo the kha khá lại đây. Chứ tôi giữ ô của các ông để làm "gấp chả" dỗi à!

- Nhưng mà chúng tôi còn phải hầu bây giờ. Để áo the đây thì khoác cái áo cánh nâu mà vào quan ư?

- Tôi không biết. Nếu không gửi áo thì các ông phải trả tiền tôi.

Cả bọn ngơ ngác nhìn nhau, ông kia gắt ông nọ:

- Tôi đã bảo đừng lấy thêm chai rượu sau nữa, thì có việc gì phải lôi thôi thế này. Thật là xấu với hàng phủ.

Một ông liền móc dạ cá lôi ra một khối đồng vuông đưa cho nhà hàng và nói:

- Gần năm trăm đồng bạc mới được cục đồng này đây. Tôi hãy gửi bà, chiều mai tôi xin đem tiền lên chuộc.

Trong phủ, tiếng trống thông thả điểm luôn ba hồi. Những ông hương lý tập nập đem bộ mặt đỏ vào hầu. Lý trưởng Đông xá cõi trời cho chị Dậu, rồi đưa chị vào phủ.

Hắn chỉ cho chị ngồi vào dưới một gốc bàng ở trước công đường, để chờ khi quan hỏi đến.

Lần này là lần đầu chị chàng nhà quê được biết cửa công. Trước tai, mắt chị, cái gì cũng lạ. Lạ

nhất là trong buồng giấy của quan phủ, luôn luôn đưa ra những tiếng "bầm tĩnh" "cách cổ" và "bỏ tù", và những người đến đó ai cũng vào với một cái đĩa không, rồi lại ra với một cái đĩa không.

Mặt trời đã xế. Lý trưởng Đông Xá mới được vác cái đĩa không đến trước bàn quan phủ. Sau một hồi thét lác của ông "phụ mẫu", anh ta lầm rầm nói vài, bốn câu gì đó, rồi hắt chạy ra gốc bàn, dẫn chị Dậu đến trước nhà giấy.

Liếc mắt nhìn qua chị Dậu, quan phủ đồng dặc:

- Lính đâu, giam cổ con này xuống trại!

Chương XXIII

Phía sau công đường, chợt có tiếng còi toe toe. Tiếp luôn đến tiếng máy chạy sinh sịch. Một chiếc ô tô mũi kính từ nẻo nhà tư từ từ bò ra đậu ở phía trước công đường và chìa đầu ra ngoài cổng phủ.

Sau bức chấn song của cửa sổ trại lệ, chị Dậu thành linh nhòm ra.

Với quan phủ đi kèm bên cạnh, một người đàn bà từ thềm gạch hoa bước xuống bằng bộ điệu vùng

vằng giận dỗi.

Chiều trời tuy đã gần tối, sức mắt chị Dậu còn đủ nhận rõ hình dạng và nhan sắc người đàn bà ấy.

Cái xác đầy đà như không chịu nổi sự chật hẹp của tấm áo bom bay màu xanh, đôi vú vẫn thõn

thện lộ ra trước ngực. Trong chiếc khăn tua quần xòa từ đầu đến cổ, lượt phấn rầy bụi che không kín hai nét răn lớn trên tô cặp môi son.

Đến cạnh ô tô, người đàn bà ấy mở cái "bì da" lấy chiếc gương con soi mặt Quan phủ nhanh nhẩu mở một cánh cửa ô tô và giục;

- Thôi mợ lên xe đi đi! Kéo nữa tôi nay thứ bảy, ngài lại đi chơi đâu chẳng.

Người đàn bà làm bộ dẫn dỗi;

- Thân tôi thật là nhục hơn con chó. Những đứa giảng há chẳng qua nó cũng thế này.

Quan Phủ ngọt ngào;

- Sao mợ lại nói thế nhỉ? Đã hay rằng mợ không ưa sự đó, nhưng cái đời nó như thế, người ta thế mình cũng phải thế. Tôi còn chịu được nữa mợ! Tục ngữ đã nói "giàu về bạn, sang về vợ" năm nay mà tôi được thắng, tức là công mợ...

Quan phủ ngừng lại giây lát để nhìn mặt người đàn bà ấy và tiếp:

- Vả lại... đâu vẫn đấy, nào mình có mất một chút gì đâu.

Lúc ấy chị Dậu mới biết người đàn bà ấy tức là bà Phủ. Thấy quan phủ cười, bà phủ ra giọng gắt gỏng:

- Thôi đừng nói chuyện con khi. Đã đau cả ruột lại còn pha trò.

Rồi thì bà ấy rón rén bước lên trên xe. Chỉnh chệm ngồi tựa vào chiếc đệm da, và mở "ví da" lấy chiếc gương con soi lại lần nữa.

Quan phủ đóng cửa ô tô và sẽ dặn người tài xế:

- Đưa bà vào dinh, rồi mày lại đánh xe ra ngay. Độ một giờ rưỡi thì hãy đem xe ra đón. Một giờ rưỡi.

Nghe không?

Tiếng máy lại kêu sinh sịch lập tiếng trả lời của người tài xế. Rồi chiếc ô tô thông thả từ trước công đường chạy ra sau mấy tiếng còi rất lễ phép. Quan phủ chào vợ một cách sung sướng.

- Thôi mợ đi cho được việc.

Và ngài đứng đó trông theo cho đến khi bóng xe đã khuất cổng phủ mới vui vẻ trở vào.

Chị Dậu còn đương ngơ ngẩn cố tìm ý nghĩa của những câu chuyện vợ chồng nhà quan mới nói với

nhau mà chưa tìm ra, thì người Cai lệ vừa ở công đường đi xuống. Hắn lật đật mở rương, lấy ra một bộ đủ áo the thâm, khăn vuông thâm, khăn vắn xa tanh, yếm trắng

giải lụa bạch, dây lưng nhiều xanh, áo cánh lụa trắng và một cái quần lụa thâm cặp màu cánh sen, vừa trao cho chị, vừa chỉ vào đôi guốc gỗ cạnh đó và nói:

- Cầm lấy bộ quần áo này và đôi guốc kia ra nhà tắm ở đằng sau trại, cái nhà vuông con có che cốt đó, tắm cho sạch đi.

Chị Dậu ngạc nhiên:

- Thưa ông, ông bảo tôi ạ?

Cai lệ cau mày:

- Chẳng bảo mày thì bảo ai. Còn ai được mặc những quần áo này?

Chị Dậu òa khóc:

- Xin ông xét lại cho tôi. Tôi mới bị giam một lúa, sao ông đã bắt tôi mặc quần áo tù?

Cai lệ phì cười:

- Quân mới ngu chứ! Quần áo tù được thế này à? Đó là quần áo của... trời cho đấy. Cứ ra tắm đi, rồi mặc vào. Không được hỏi đi hỏi lại lôi thôi.

Chị Dậu vội chùi nước mắt:

- Thôi! Cháu không tắm! Cháu không thay. Ông cho cháu cứ mặc quần áo của cháu...

Cai lệ ra vẻ bức mình;

- Nhưng mà còn bản không ai chịu được. Mày tưởng giường phản nhà quan cũng như giường chiếu nhà mày đấy à? Tắm đi và mặc bộ quần áo này một đêm nay thôi. Sáng mai lại mặc những thứ tốt đẹp của mày, không ai cấm!

Chị Dậu vẫn không hiểu, rụt rè như muốn hỏi nữa. Cai lệ liền quát:

- Bảo không nghe thì ông tổng cổ xuống nhà vuông bây giờ. Đừng thấy nói ngọt càng làm bộ.

Bằng cái dáng bộ sợ hãi, chị Dậu đón lấy bộ quần áo và sách đôi guốc, rồi đi qua phía sau trại lệ. Trong buồn tắm, nước lạnh, xà phòng, chậu thau, khăn mặt, các thứ đều sẵn sàng cả. Vào đó giầy lát, chị lại trở ra và cứ thập thò ở phía đầu trại, Cai lệ sáng ý liền hỏi:

- Mày sợ ướt cái váy mốc của mày phải không? Đóng cửa lại... Không ai thêm nhòm!

Chị Dậu ngần ngại đi vào nhà tắm.

Nửa giờ sau, cánh cửa buồng tắm ngỏ ra, chị chàng cũ kỹ nhà quê nghiêm nhiên thành một người

ống ả nuốt nà rõ ra vẻ cầu Lim, đình Cẩm.

Cai lệ quàng cho chị Dậu cái lược bí và cái gương vuông:

- Chải đầu đi, rồi vắn khăn cho thật tử tế!

Chị Dậu ngơ ngác ngồi một lúc lâu, như muốn nghĩ xem người ta sắp sửa bắt mình làm gì. Cai lệ nóng ruột lại giục lần nữa. Bấy giờ chị mới bẽn lễn cầm lấy gương lược, xỏ đầu ra trái.

Một người lính Lệ đứng cạnh mỉm cười;

- Sướng nhé! Máy khi đã được quan giam!

Người khác nói sen;

- Con bé đẹp thật đấy nhỉ! Cửa này nếu được thắng bộ cánh bốp thì.. kém gì đời!

Người nữa nói góp:

- Chả đẹp, chúng mình lại phải sách nước cho nó... ? Nhưng còn phải cái bộ mặt ủ rũ luôn luôn, hẳn là chị ta lo lắng gì đó.

Rồi hấn nhìn mặt chị Dậu:

- Sao mày không tưới lên em! Tưới lên để chúng tao nhìn một cái cho bỏ cái công gánh nước cho mày...

Cả bọn cùng cười âm lên. Chị Dậu nín lặng như không nghe biết gì cả. Vì ruột gan chị lúc ấy đang để cả vào chồng và con ở nhà.

Chương XXIV

Đồng hồ trên vách đánh luôn bầy tiếng. Hồi trống thu không đã tan. Ngọn đèn đất trong trại bắt đầu châm lửa. Người Cai lệ ở trên nhà tư chạy xuống vừa cười vừa bảo với người Biên lệ:

- Nay quan thời cơm sớm quá, mới sáu giờ rưỡi đã giục bếp bung mâm lên rồi... Dừng rượu sâm mày ạ!

Biên lệ cũng gật gù:

- Thôi, hôm nay chả dùng rượu sâm còn để hôm nào! Sức ấy mà lại tằm bỏ thì phải biết!

Trên chòi canh từng từng ba tiếng trống báo. Một chiếc ô tô sơn xanh. lù lù tiến vào trước sân.

Biên lệ nói nhỏ với Cai lệ:

- Xe của ông huyện Minh Hảo.

Rồi hần tát tả chạy lên trước thêm công đường.

Ông huyện Minh Hảo mở tung thêm cửa xe bước xuống, vui vẻ hỏi người Biên lệ:

- Quan nhà mày có nhà hay đã moong rồi?

Biên lệ lễ phép:

- Bẩm cụ lớn, quan con đương dùng cơm.

Ông huyện bước lên bậc thêm một cách hùng dũng:

- Sao mà quan nhà mày ăn cơm sớm thế? Mới có bấy giờ...! thôi! vào bảo với quan nhà mày cứ ăn cơm cho xong. Tao ngồi đợi đây cũng được!

Rồi thì ông huyện đi vào phòng giấy.

Biên lệ điếu lên nhà tư, giấy lát, hấn xuống trại lệ với bộ diếu ồm ờ:

- Ngài câu! Chúng bay ạ. Hôm nay đưa nào vô phúc mà trái ý ngài...

Cai lệ cười nhạt:

- Thôi, việc đến nơi lại bị khách ám, ai mà không tức! Thế, ngài có ra tiếp khách hay cứ ngồi ăn?

- Ngài tha chửi cho là tốt, lại còn tiếp nữa! Tao vào bẩm quan Minh Hảo sang chơi, ngài đã phát khùng mà rằng: Kệ hấn! Ông ăn xong đà! Rồi ngài cứ việc rung đùi đánh chén.

- Chắc là đêm nay thứ bảy quan kia đến rủ quan này lên tỉnh, chứ gì!

- Hôm khác thì đi ngay đấy, nhưng hôm nay, sét đánh ngài cũng ở nhà.

- Chả ở nhà, để ngài đi cho mày đấy hấn? Đêm nay mày còn hầu nhọc, con ạ. Tháng việc này của mày bỏ đấy. Đã hỏi tiền canh giam hay chưa?

- Nào đã hỏi vào lúc nào được?

Biên lệ liền quay mặt sang phía chị Dậu:

- Con mẹ kia! Đưa năm hào ra nộp tiền hàng đội!

Chị Dậu vẫn ngồi trên chiếc chõng tre xó trại, tuy có nghe thấy hấn hỏi, nhưng không trả lời, vì chị không biết là hấn hỏi ai. Biên lệ lại gặng:

- Mòm mày câm à! Con mẹ Đông Xá?

Chị Dậu ngó ngán:

- Ông hỏi tôi ạ?

- Chứ hỏi con chó nào nữa!

- Thưa ông, tiền hàng đội là tiền gì ạ!

Biên lệ nắm chặt tay phải, xăm xăm chạy tề đến gần chị Dậu và gân cái cổ bạc ác:

- À mà muốn giờ lý sự đấy chứ?

Cai lệ huých thêm:

- Biểu cho chị ta mấy quả phạt thủ...

Chị Dậu vội vàng xin lỗi bằng giọng run sợ:

- Thưa hai ông, cháu là đàn bà đâu giám dờ lý sự với các ông! Vì mới vào quan lán này là một, cháu không biết tiền hàng đội là tiền gì, cho nên phải hỏi. Các ông tha lỗi cho.

Biên lệ như cũng nguôi giận, hấn lại thễ thọt:

- Nó là tiền giường, tiền chiếu mà ngồi tiền cơm mà ăn lúc nãy, chứ là tiền gì? Năm hào! Ấy là ta thương mà nghèo, nên lấy có thế. Đưa ra nộp đi!

- Thưa ông, thật quả cháu không có. Thuế ở nhà cũng chưa nộp đủ nữa là...

Biên lệ sừng sộ:

- Không có thì chốc nữa cho chân vào cùm.

Rồi hấn chỉ tay vào một khúc gỗ dài thườn thượt như cái cối giã gạo kê ở giáp vách gian trại bên kia:

- Cái cùm kia kìa. Trông thấy chưa? không có tiền thì một lát nữa sẽ được đút chân vào đấy.

Trên công đường leng keng một hồi kêu. Cai lệ, Biên lệ mỗi người dạ một tiếng thật lớn, rồi cùng lật đật chạy lên.

Lâu lâu một lúc, thì có tiếng cười, tiếng nói lơ lửng từ trong buồng giấy sô ra. quan chủ tiền quan khách xuống thêm. sau khi ông kia đã lên ngôi ô tô, ông này còn nắm tay lại và dặn:

- Thôi! Để thứ bảy sau vậy. Đúng hẹn đấy nhé!

Ánh sáng đèn pha phun ra chói sân công đường. Còi điện báo hiệu khởi hành bằng mấy tiếng hách dịch. Chiếc xe chạy ra cổng phủ rồi biến vào trong bóng tối. Quan phủ gọi biên lệ nói nhỏ mấy câu rất ngắn, rồi ngài đi lên công đường.

Cái kiếng của trại Lệ giống với cái trống cái bên trại Cơ, điểm luôn ba tiếng dập nhau

Chị Dậu đương ngồi gục đầu dưới bóng đèn với những cơn đau đớn lo sợ, thì Biên lệ rón rén ở

ngoài cửa vào, sẽ đến cạnh chị và hỏi:

- Con mẹ này thức hay ngủ? Đi lên quan đòi.

Chị Dậu giật mình vội ngẩng đầu dậy:

- Quan đòi cháu bây giờ làm gì hử ông?

Biên lệ cố làm ra vẻ nghiêm nghị:

- Không phải hỏi! lên đấy thì biết

Chị Dậu thấy trong mình hồi hộp, tiếng nói tự nhiên run run:

- Cháu tưởng việc quan thì làm ban ngày, chứ sao lại làm ban đêm?

Biên lệ ra bộ giận dữ:

- Bây giờ giữa lúc sưu thuế gấp ngắt, nhiều việc cần kíp, ban ngày làm không hết, nên quan phải làm ban đêm, chứ làm sao!

Chị Dậu vẫn chưa hết sợ:

- Cháu lạy ông van lạy ông xin ông kêu quan để cho cháu sáng mai.

- Không được! Việc quan không phải chuyện chơi! nếu quan đòi mà không lên hầu, thì được tra chân vào cùm lập tức

Chị Dậu vẫn ngồi im chẳng nói chẳng rằng, trống ngực mỗi lúc mỗi nện mạnh.

Cai lệ ở đâu chạy vào:

- Nó bướng, không chịu đi chứ? Cùm cổ nó lại

Tức thì hai ông đầu trâu mặt ngựa sấn lại, dắt tay chị Dậu lôi sang gian bên kia. Một người nhắc đầu cây cùm, một người bắt chị bắt treo hai chân xỏ vào hai lỗ ở giữa, rồi họ đập cây gỗ xuống. Chị Dậu nhăn như chuột kẹp. Lúc đầu hình như chị định bầm gan cổ chịu, nhưng chỉ giây lát, thì thấy đau như đứt ruột, không thể nào mà chịu được nữa, chị phải mếu khóc, vái lia, vái lại:

- Cháu lạy hai ông! hai ông tháo ra cho cháu!

Biên lệ ra bộ đắc sách:

- Mẹ mày! Đã biết cái lối cùm treo của chúng ông chưa?

Rồi hắn tháo chốt, nâng cây gỗ trên cho chị rút hai chân ra, và hắn hỏi:

- Thế nào, bây giờ mày đã chịu đi hay chưa?

Chị Dậu vẫn còn mếu máo:

- Cháu xin vâng lời hai ông. Nhưng các ông hãy để cho cháu thuận chân cái đã.

Biên lệ liền đưa cho chị cái khăn mặt ướt, bảo chị lau mặt và lau hai chỗ ống chân bị thương. rồi hắn bắt chị xỏ chân vào guốc, dẫn chị qua đầu công đường vào phía nhà tư. Theo lời hắn, chị vừa bước chân vào khỏi cửa phòng nhà tư, cánh cửa liền đóng sập lại.

Chương XXV

Trên chiếc tủ giường, ngọn đèn măng sông im lặng tỏa ra ánh sáng xanh lè. Trong bức màn lượn lờ xóa rửa chiếc giường Hồng công, tấm khăn trắng nuột phủ trên chiếc đệm, không có một vết răn rúm. Bức chăn gấm đặt trên một tròng hòm sơn cũng như chiếc khăn xếp và tấm áo sa treo ở cây mắc, hết thảy in bóng lên khuôn gương vuông nghiêng nghiêng đứng dưới trần nhà. Trong phòng sáng như ban ngày, nhưng vắng ngắt không có ai cả.

Chị Dậu như đã hiểu đó là một chỗ không hay cho chị, loay hoay vặn cái quả bàng, chị chực ngỏ

cửa chạy ra. Bỗng cánh cửa ngách hé mở. Một người đàn ông với bộ quần áo lụa trắng và đôi giày

kinh tỵ phía sau cửa nhô ra

Chiếc cánh cửa lại khép chặt lại

Nhờ cái đặc biệt của hai chòm râu, chị Dậu nhận ra ông phủ, trống ngực nện thành thịch, chị vội run run chấp tay và vái một vái:

- Bẩm lạy quan lớn ạ!

Quan phủ đáp bằng giọng nhẹ nhàng:

- Định đi đâu mà mở cửa? Đứng ra dưới cái gương kia ta hỏi!

Chị Dậu khúm núm sẽ đi đến chỗ quan Phủ đã chỉ. quan phủ ghé ngồi vào giường đối mặt với mặt chị Dậu. sau khi đã thưởng thức cái dung nhan óng ả của chị gái quê, ngài đứng dậy, đi đến cạnh chị. Cúi xuống, ngài định hôn vào đôi gò má đỏ bừng. Chị Dậu

vội nghiêng mình tránh và chạy ra gần cánh cửa. quan phủ theo sau, ngài nắm tay chị, lôi lại và ngọt ngào:

- Hãy vào trong giường này đã... may đánh lính trong khi làm việc phận sự, tội nặng lắm... vào đây... rồi tao châm chước đi cho.

Chị Dậu càng run:

- Con lạy quan lớn, chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho...

Quan phủ vừa co tay chị, vừa trả lời:

- Không được! Có chồng mặc kệ có chồng...

Ngài mai cho về với chồng. Ai giữ làm gì?

Chị Dậu nhất định cố giằng tay ra và cứ một mực:

- Con lạy quan lớn! Chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho Dường như con hăng nổi lên.

Nhưng mà chị này khỏe hơn, vừa rầy rụa, vừa buột miệng gất gỏng:

- Ô! Nhà ông này mới hay chứ! Có buông ra không thì tôi kêu lên bây giờ!

Quan phủ không trả lời. Ngài nắm thật chặt hai môi.. chị Dậu hết sức vùng vẫy để nhào mình ra

Trận hùy hục kéo dài đến hơn mười phút. Chị Dậu du được bên địch ngã kênh xuống đất, rồi chị

chạy ra cửa và đứng tựa lưng vào tường để giữ thế thủ.

Quan phủ lóp ngóp đứng dậy, mở ví lấy năm giấy bạc độ hơn chục đồng, chìa vào tận mặt chị Dậu.

Ngài thở và nói:

- Có muốn tiền, tao cho!

Chị Dậu giằng nắm giấy bạc vút tọt xuống đất

Giương tròn hai mắt, quan phủ sấn lại giơ tay..... chị này hăng hái đẩy ra

Ngoài cổng bỗng có trống báo dật giọng. rồi còi ô tô rít lên. Rồi tiếng ô tô sinh sịch đi vào

Quan phủ luống cuống, vội mở cửa sau đẩy chị Dậu ra và nói hai tiếng vắn cộc:

- Thôi bước!

Trong bóng tối, có người ghé tai chị Dậu nói thầm:

- Muốn sống bám ngay vào vai tao này.

Tiếp đó, một cái lưng người phen phạt chĩa sát vào trước chị Dậu. Hoảng quá, chị liền ôm luôn lấy

cổ người ấy. Hăn cũng chị xuống thêm, và lom khom bò quanh trở ra

Tiếng sinh sịch của máy ô tô đã vào đến trước cổng đường. Tiếp luôn đến tiếng đánh đá nghe rõ ra tiếng đàn bà.

- Cậu còn thức hay đi ngủ rồi?

Trong cửa nhà tư, quan phủ vừa đi vừa nói:

- Tôi chưa ngủ, vẫn chờ mợ đây! Sao mợ về sớm thế? Có gặp ngài không?

Trên công đường liền có tiếng the the:

- Cậu làm gì mà thờ hồng học lên thế?

Rồi tiếng the the vào cửa nhà tư

Ai mở cửa sau làm gì thế kia? Tiền bạc ở đâu lại vung ra đây? Guốc của đứa nào bỏ đó?
Làm sao

cái khăn trải đệm lại bị răn reo thế này?

Sen vào mấy tiếng giậm chân thành thích, rồi lại đến tiếng tru tréo:

- Cậu giết tôi đi! Cậu làm thế này thì còn trời đất nào! Này! Dao đây, cậu đâm chết ngay tôi đi cho rảnh! Tôi nhục về cậu biết chừng nào!

Người công chị Dậu khi ấy bò vào đến nhà tắm. Hấn đặt chị xuống và ghé tai chị sẽ bảo:

- Quần áo của mày để đâu? Lấy mà thay đi

Rồi hấn trở ra.

Phía đầu nhà tư có tiếng nheo nhéo

- Thằng Biện tư đâu? Lên đây! Lên... ngay đây!

Một tiếng dạ kéo dài ở trại lệ. Kế đến tiếng chân chạy thành thích. Cuối cùng là một câu hỏi đầy giọng tức tối:

- Thằng Biện tư đây chứ? Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Mày giết con nào vào đây vừa rồi! Nói ngay! Nói... ngay! Không thì bà xé xác mày bây giờ!

Cách quãng giây lát để nhường chỗ cho những tiếng lảm bảm và tiếng đánh song đen đét, rồi cái giọng giận dữ lại tiếp tục:

- Không à! Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Không à! Bà xuống trại lệ bây giờ thì mày phải chết với bà.

Mấy tiếng sau cùng như đi kèm với sự lồng phách, nó hét rất dài từ đầu nhà tư xuống gần trại lệ, không khác búa bổ vào tai chị Dậu, làm cho cái dịp trống ngực của chị lại càng mạnh hơn lúc nãy.

Một người đàn ông rón rén đi vào nhà tắm sẽ nói tiếng "đi ra". Rồi hắn nắm vạt áo chị kéo ra sau trại giặt chị đi đường quanh đến cổng phủ và tông chị ra.

Tiếng gầm gào trong phủ vẫn chưa dứt hẳn.

Chương XXVI

Trống trên chòi đã điểm canh tư. Hơi sương đọng giọt nhỏ xuống lá cây lác đác. Bầu trời ngoài cổng phủ chỉ là một đám mịt mù, người tà không thể trông được xa ngoài ba thước.

Theo ánh sáng lấp lánh của các ao các ruộng, chị Dậu lần đường đến nhà hàng cơm ban trưa, định xin trú chân đến sáng.

Cửa còn ngỏ. Trong nhà bếp đèn thấp sáng trưng. Mấy bàn tài bàn tổ tôm đương trói chân mấy ông tổng lý trong cuộc đen đỏ.

Thoáng thấy chị Dậu thập thò ngoài cửa, một người đàn bà ẻo ẹo trong bộ quần áo nửa quê nửa tỉnh, vênh cái mặt nạ dòng đứng ở trước thềm hỏi ra:

- Người nào kia? Ngấp ghé dòm nom gì đấy?

Con sợ hãi chưa hết, chị Dậu rụt rè bước vào để nói mấy câu run run:

- Lạy bà! Cháu bị giam trong phủ mới được tha ra, tối quá không về nhà được. Bà làm phúc cho cháu ngồi nhờ đến sáng.

- Cái đó chị hỏi bà chủ. Tôi cũng là khách...

Bà lão hàng cơm vừa ở trong buồng bước ra:

- Có phải nhà chị lúc trưa bị ông Lý Đông xá trói ở cái cột kia không?

- Thưa phải

- Ngủ trọ phải hai xu một tối. Nếu chị không ăn cơm, ăn quả.

- Thưa cụ, trong mình cháu thật quả không có xu nào, cháu không giám xin ngủ, chỉ xin cụ cho ngồi đây một lát...

- Chẳng có xu nào thì ra, chứ chị ở đây để ăn cắp của các ông ấy à?

Mụ khách ra bộ nhân nghĩa:

- Thôi cụ làm ơn cho chị ta ngồi nhờ đây ít lâu. Tôi trông mặt mũi chị ấy cũng hiền lành, không phải là người ăn cắp.

Rồi mụ ngồi vào đầu phản, tỷ tỷ hỏi chuyện chị Dậu vì sao bị trói bị giam. Và sau khi nghe chị kể qua đầu đuôi cảnh nhà, thì mụ có ý ái ngại:

- Bây giờ bác có muốn đi làm không?

- Thưa bà làm gì ạ?

- Ở vú. Tôi không phải là người đưa người, nhưng nếu bác muốn đi làm vú sữa thì tôi mách cho một chỗ.

- Thưa bà, thế bà ở đâu?

- Tôi là vợ ông Cửu Xung trên dinh quan về đây có chút việc riêng. Bây giờ quan đương cần mấy người vú sữa, nếu bác muốn làm, thì tôi đưa vào.

- Thưa bà, cháu đương con mọn

Mụ Cửu cười cách chế nhạo:

- Bác này mới lần thân chứ. Chả con mọn thì làm vú sữa bằng gì! Vả lại, làm vú nhà quan, ăn sung mặc sướng, lại được cao công, chả hơn ở nhà đèo cái vác mớ, đánh miếng cơm khoai, quanh năm không kiếm được đồng nào à?

- Nhưng con còn bé để cho ai được?

- Mướn người nuôi kèm, rồi lấy tiền công của mình mà trả, cũng còn thừa chán.

Chị Dậu chùng cũng bùi tai, liền hỏi:

- Thế thì bao giờ mới đi?

- Đi ngay sáng mai là tiện nhất...
- Nếu vậy, cháu không đi được! Vì còn quyền ở thầy nó nhà cháu. Thầy nó có bằng lòng cho đi, thì cháu mới đi.
- Nhà bác có xa lắm không?
- Cũng không xa lắm. Từ đây về đến làng cháu, chỉ có tám cây lô méch.
- Có đường đi xe hay không?
- Xe tay có thể vào đến giữa làng.
- Được rồi! Lát nữa, để tôi cùng về bàn với bác trai giúp bác. Nếu như bác ấy bằng lòng, thì tôi hãy bỏ cho vay mười đồng mà may quần áo, rồi đến tháng lương trả tôi.

Mấy bàn tài bàn tổ tôm vừa tan, vì có mấy ông hết tiền. Những người thắng trận ầm ỹ gọi nhà hàng dọn rượu. Mụ Cửu cũng bảo nhà hàng dọn quà để mình ăn tạm và bảo chị Dậu ngồi tiếp bên cạnh. Nhưng chị nhất định từ chối.

Trời sáng, Mụ Cửu sai chị ra thuê cái xe về làng Đông Xá, rồi cho chị lên cùng ngồi với mình. Bằng những thần thế của quan cụ và cảnh sung sướng của tôi tớ người nhà điểm trong câu chuyện dọc đường, mụ Cửu đã làm cho chị Dậu quên sự khùng khiếp ở trong phủ và phục mụ là một người phúc hậu, đủ điều.

Xe tới Đông Xá giữa buổi người ta đem cơm thợ cấy. Cả làng đều lấy làm lạ khi thấy chị Dậu được ngồi chung xe với một người đàn bà, mà trong mắt họ đã coi là bậc sang trọng. Họ ngơ ngác nhìn, họ tò mò theo hai người từ lúc xuống đến xe đến lúc tới nhà anh Dậu, như để xem cái cứu cánh của sự kỳ dị ấy.

Anh Dậu cũng như thằng Dần, hết sức mừng rỡ trong phút thoát thấy chị Dậu bước chân vào cổng

nhà. Nhưng sự đon đả của anh phải hãm ngay lại vì thấy sau chị lại có một bà khách lạ

Mời mẹ Cử ngồi tạm vào chiếc chõng nát, rồi chị Dậu ôn tồn hỏi chồng về tình hình trong nhà từ sáng hôm qua đến giờ.

Thì ra anh Dậu hôm nay đã cắt cơn sốt rét. Những lúc vắng chị, cái Tíu vẫn được bà lão láng giềng đem về bên ấy, ôm ấp chăm vạp.

Có tiếng trẻ con út ích từ cổng tiến vào,

Bà lão láng giềng nghe tin chị về vội đem cái Tíu sang trả và để hỏi thăm những công việc của chị

trên Phủ

Chị Dậu ứa nước mắt nói cho mẹ Cử biết rằng bà ấy là ân nhân số một trong đời mình sau khi chị

đã nhanh nhẩu ra đón cái Tíu và cảm ơn bà lão một cách thành thật và cảm động

Thằng Dần ton ton chạy ra núp vào sau mẹ. Xoa xít thằng bé và ngượng ngào nhìn mặt anh Dậu,

gò má chị tự nhiên thấy đỏ bừng bừng

Mở đầu bằng câu "lão phủ tư ân đều quá", những truyện trên phủ của chị được ôn lại với cả nhà, căn kẽ từ đầu đến cuối.

Anh Dậu hồi hộp nóng ruột khi nghe những phút chị phải kháng cự với con quỷ dâm dục để bảo toàn cho cái trong sạch của thân mình. Và anh tươi cười đắc ý khi nghe một cuộc đắc thắng của vợ.

Mẹ Cử thay lời chị Dậu, kết luận bằng việc mẹ ấy gặp chị ở hàng cơm và muốn đưa chị lên Dinh quan cụ làm vú sữa. rồi mẹ hỏi gặng anh Dậu:

- Tôi về đây chỉ có việc thế. Bác có bằng lòng thì tôi ở đây để chờ bác gái cùng đi, nếu không thì tôi lên tỉnh bây giờ.

Anh Dậu còn lúng túng ra về nghĩ ngợi. Ngoài cổng đã thấy người nhà Lý trưởng vào giục tiền sưu.

Mụ Cửu nhân dịp bắt vào câu chuyện của anh:

- Cảnh nhà như thế, mà hai vợ chồng cứ dẫu dẫu ở nhà với nhau để cho chết cả nút à? Tôi tưởng bác cho bác gái đi làm là phải. Nếu bác nghe tôi, thì tôi hãy cho mượn trước mấy đồng bạc để bác trang trải các món.

Anh Dậu ngập ngừng chỉ vào cái Tủ:

- Thừa bà tôi cũng muốn thế, nhưng còn ngại con bé con này. Mẹ nó đi vắng, tôi nuôi thế nào được nó

Bà lão lảng giềng đón lời:

- Tôi nói câu này, nên thì các bác nghe, không nên thì lời tôi lại trả tôi.

- Vâng, cụ cứ nói.

- Thằng cả nhà tôi mới bỏ mất con bé cháu, mấy hôm nay vợ nó buồn lắm, khóc lóc suốt ngày. Nó hãy còn sữa, từ sáng hôm qua đến giờ nó vẫn ôm ấp cái Tủ hộ nhà bác đấy. Xem ý nó cũng mến cháu, tôi muốn xin các bác cho nó nuôi giúp con Tủ, đến năm nó 12 tuổi thì lại trả bác.

Mụ Cửu bàn vào:

- Thôi thế còn gì bằng nữa! Hai bác nên nghe lời cụ đi là phải.

Anh Dậu cảm động:

- Được thế thì quý hóa lắm. chúng cháu xin vâng lời cụ.

Mụ Cửu mở túi lấy năm đồng bạc đưa cho anh Dậu và nói:

- Khi nào bác gái lên tỉnh, tôi cho mượn thêm năm đồng nữa để bác ấy sắm sửa quần áo.

Chị Dậu gửi con bà láng giềng, chạy đi mua trứng gà và nước mắm để làm cơm thết mụ Cửu, và mời bà lão ở lại tiếp khách giúp mình.

Mặt trời xế bóng, vợ chồng người con bà ấy sang nhà anh Dậu để xin cái Tiu đem về. Trong lúc bỗng con trao sang tay người, chị không khỏi thán thốt hai hàng nước mắt. Và những giọt nước mắt ấy cứ kế tiếp nhau tưới mãi xuống gò má chị, rồi nó trào ra như suối, khi chị già chồng, già con, già cái lều tranh ở xó lũy tre mà theo mụ Cửu ra ga đi xe lửa lên tỉnh Trung sơn để bước vào một cuộc đời mới.

Chương XXVII

Lửa tắt nồi cơm sôi. Anh bếp uõn ẹo chống tay vào sườn và cười hềnh hếch:

- Ăn khoai mà cũng đẹp thế. Ba con rồi, vẫn mơn mớn như gái mười tám. Chỉ tiếc hai cái oản bọt hơi xệ!

Bác tài đứng đình ở ngoài sân vào:

- Khổ cho tôi quá. Tôi còn trai tơ, thế mà trông thấy u em, tôi cứ tưởng là nhà tôi. Này... u em, hay là bước đi bước nữa. Tôi đếch gì ở với cái thằng chân lấm tay bùn! Lấy chồng tài xế là tiên, lấy chồng cái quốc là duyên nợ nần. U em có nghe người ta hay hát thế không?

Giả diếc như không nghe tiếng, chị Dậu cố phùng đôi má đỏ gay để thổi cho bếp lửa cháy lên. Bò hôi đỏ ra, ướt đầm cả lần áo cánh.

Đã ba hôm nay, chị vẫn phải giữ chức phụ bếp để chờ vào ngôi vú sữa chính ngạch. Mọi ngày, công việc của chị có vài lần rửa bát, nhặt rau. Hôm nay vì trời nực quá, các vị gia thần của quan cụ đều sợ gần lửa, người ta mới thêm cho chị cái việc nấu cơm.

Lửa nỏ. Cơm đã cạn. Mụ Cửu Xung trở vào với cái dáng bộ đặc sác:

- Nhà chị Đông Xá, cơm đã chín chưa? Tắm gội và thay áo đi! Được làm rồi đấy! Giấy của quan thầy thuốc vừa mới gửi đến, nói rằng sữa chị tốt lắm. Cụ lớn bà cho chị năm đồng một tháng. Nếu ngoan ngoãn chịu khó, sau này cụ lại cho thêm.

Vui vẻ, chị Dậu cấp gói quần áo ra hồ. Tắm xong, theo lệnh của cụ, lớn bà, chị phải đi với vú Đình lên nhà trên hầu伺候.

Cố, năm nay gần tám mươi tuổi, cái tuổi mà trời bắt tội cả hai hàm răng không còn cái nào để cho bao nhiêu cao lương mỹ vị đều không có hân hạnh được vào cái mồm móm mém của cố. Tuy ngày ngày cố vẫn dùng nước thịt ép, nhưng theo lời dặn của đốc tờ, thì không gì bổ bằng sữa người, phải có sữa người mới đủ tẩm bổ cho sức khỏe của cố. Vì thế quan cụ mới dùng đến chị.

Cũng như vú Đình, chức vụ của chị mỗi ngày chỉ vài lần dùng vú cao su hai vôi úp vào vú mình hút sữa ra để đựng cho cố.

Công việc tuy có rất ruột một lúc, nhưng mà cũng được nhàn thân, không lúc nào phải dầu dãi ở dưới bóng nắng.

Từ đó trở đi, ngày nào cũng như ngày ấy, ngoài lúc làm việc bốn phen và lúc hầu hạ các cô, thì giờ của chị chỉ để thương chồng, nhớ con và mong cho hết tháng để lĩnh lương gửi về nhà.

Cơm của quan như nước cành dương, nó đã rửa cho cái nước da đen giòn của chị thành ra màu da trắng nõn. Phụ với nó, lại thêm có đôi mắt sắc, cặp môi tươi, khiến cho chị cành trở nên một người đáng đề ý

Quan cụ ra ý thương chị. Những lúc vắng cụ lớn bà, ngài thường gọi chị sai bảo lật vật. Có lúc cao hứng, ngài đã hỏi đến chồng chị có muốn ra làm lý trưởng thì ngài cho làm. Nhưng nghĩ cái thân phận con nhà nghèo hèn, không dám mơ tưởng đến sự danh mệnh, nên chị vẫn lễ phép từ chối.

Đêm ấy, vào tiết đầu thu, đến lượt vú Đĩnh phải sang ngủ ở phòng cổ. Trong lúc buồng các vú chỉ có mình chị với ngọn đèn hoa kỳ le lói trên hòm khóa chuông, cái hòm quần áo của vú Đĩnh.

Những giọt mưa ngâu rả rích như khêu cơn buồn cho kẻ xa nhà. Cảnh khổ cực của chồng và con tự nhiên kéo đến đầy trước mắt chị.

Đứng không yên, ngồi không yên. Buồn bã, chị gỡ gói áo xin được của các cô thải ra, cắt lại và may lại, để khi được phép về chơi nhà thì đem về cho các con.

Đêm đã khuya, chị thấy đau lưng, mới ngả mình xuống giường, toan nghĩ một lát, rồi lại trở dậy khâu nữa. Không ngờ mỏi quá, chị thiu thiu chợp mắt rồi ngủ đi mất.

Trong lúc mơ màng, thỉnh thoảng chị thấy như có người nào sờ tay vào ngực. Giật mình, chị tỉnh dậy. Ngọn đèn hoa kỳ đã tắt lúc nào, cánh cửa khép kín. Trong phòng tối om. Hoảng hốt chị nắm cái bàn tay ấy và giật giọng hỏi:

- Ai đấy?

Mang tai chị thấy hơi râm rập như bị những sợi râu ngắn quét vào rồi thấy có tiếng thì thào.

- Tao! Tao đây. Cu... đây. Nằm im.

- Bầm cù chúng con là phận tôi tớ...

- Nói khê chứ. Tắt đèn nhà ngói như nhà tranh. Tao không cần gì cái đó.

Buông tay, chị vội choàng dậy, mở cửa chạy té ra sân. Trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị.

TRONG RỪNG NHO

Lời nói đầu

Là tiểu thuyết dã sử về nữ sĩ Hồ Xuân Hương, lần đầu được nhà in Mai Lĩnh xuất bản, đúng vào thời kỳ có những biến động lớn của lịch sử dân tộc. Bản thảo chưa kịp phổ biến rộng, đã phải "khiêm nhường" nằm ẩn khuất trong im lặng, nên được ít người biết đến, không như các tác phẩm khác của họ Ngô, chúng ta sẽ bắt gặp ở đây một ngòi bút hư cấu tài hoa, phóng túng, làm rõ những nét đặc sắc trong cuộc đời Bà Chúa thơ Nôm, cả đời tư và những bài thơ "tương truyền" mà chỉ bà mới làm được. Những sinh hoạt văn hóa, khoa cử của kinh thành Thăng Long, vào những năm cuối thế kỷ 19; cũng được Ngô Tất Tố tái hiện một cách chân xác, sinh động.

Chúng ta thấy hiện rõ trong tác phẩm hình ảnh Hồ Xuân Hương, một nữ sĩ đang thử phá hết những cái đạo đức giả, chấp nhận cuộc chơi " với ông hiền, ông thánh"; vạch rõ những thứ lễ nghi chế độ của các ông đặt ra cho đàn bà, con gái... rất là những cái xiềng xích trói buộc.

Trong lần in này, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu toàn vẹn tiểu thuyết dã sử "Trong rừng nho" cùng bạn đọc, hoàn toàn tôn trọng những gì mà Ngô Tất Tố đã thể hiện về nữ sĩ họ Hồ.

Chương I

Đêm ấy không có trăng.

Phố phường Hà Nội đã theo cảnh tượng trời đất, biến thành một vật đen xì.

Vũ trụ thu lại vùng ánh sáng của mấy cây đình liệu. Gió bắc ào ào thổi.

Chín, mười ngọn lửa lớn bằng chín mười cái bịch, hết thảy điên cuồng lồng phách như muốn lia những bó đuốc nửa, nhảy vọt lên tầng mịt mù.

Quang cảnh trường thi hôm nay càng rộn ràng hơn mấy hôm trước.

Dưới lớp ngói ống của nhà "thập đạo", xiêm áo xen với cờ quạt, thấp thoáng hiện trước bóng đèn lồng.

Trong những gian chòi canh lơ lửng gác ở lưng trời, hiệu trống cái đi đôi với hiệu thanh la, thông thả đưa những giọng oai hùng trịnh trọng.

Ngoài dãy phen nửa hừng vĩ như bức tường thành quây kín bốn "vi" nền trường, đội lính trú phòng rầm rập theo vó ngựa của viên giám trường đề điệu, tiếng nhong nhóng của nhạc ngựa hóa lộn tiếng dinh dinh của trống quân.

Trên nếp cửa tiền, một bức hoành biển dài dằng dặc như chiếc thuyền thoi, nghênh ngang nằm gối đầu vào đôi đồng trụ. Với bông hoa sen chính chọi kết ở chính giữa và đôi trái găng lưng lửng treo ở đôi đầu, làm "diềm" phủ trên mép biển đường muôn pho vẻ thắm của tám nhiều điều. Với màu sơn son lóng lánh in ánh lửa sáng choang: cái khung chữ nhật, như có ý khoe nét vàng của bốn chữ "Tân hưng thịnh điển."

Từ mặt tiền qua phía tả đến mặt hậu, cũng như từ mặt hậu qua phía hữu đến mặt tiền, bốn cửa ở bốn góc đều ngổ chênh thang. Mấy cái khung bảng chứa hàng mấy nghìn tên người cùng ngành cái mặt "rán giấy" ra đường, như đương ngóng các thầy sĩ tử. Mấy

chiếc ghế treo cao chín mươi bậc cùng duỗi bốn chân đứng cạnh các cửa, như đương đợi mấy ông khảo quan.

Hai cửa của vi tả vi hữu ở đằng sau, cũng như hai cửa của vi giáp vi ất ở đằng trước, toán lính kiểm soát đã chực ngoài cửa bằng dáng bộ nghiêm trang. Tắm áo nẹp xanh thân đỏ gọn gàng nấp dưới chiếc nón dẫu sơn quang dầu. Những sợi dây tòng của tay thước khám trai, bông bênh rử trên miếng ban kiên sạch sẽ.

Khoảng đầu canh ba, tiếng ồn ào tự nẻo xa xa đưa lại, học trò các nơi tới tấp kéo đến cửa trường.

Gió bắc thổi càng dữ.

Những cây đình liệu cháy càng nổ.

Trên miếng đất giá lạnh của trời đông, bóng người đông như đám hội.

Có người đến bảy tám mươi tuổi, mái tóc bạc phát phơ xòa dưới nón sơn. Cũng có người mới độ mười bốn, mười ba, hồng mao còn ngất nghều ngóng trên vành khăn nhiễu. Có người mặt non mơn mớn chỉ vào trạc mười tám đôi mươi. Cũng có người râu dài lê thê, ít ra phải năm sáu chục tuổi. Có người ra tuồng kiết xác, cái thân gầy guộc co ro sười trong mảnh áo đơn. Cũng có người rất mực phong lưu, áo bông quần sù sù, hàm răng vẫn run cầm cập. Có người hai vai nặng trĩu, khuỷu tay còn đủ sức thích bên kia, gạt bên nọ, len từ ngoài tít vào trong cùng. Cũng có người cất cổ không lên, lều, chiếu đều bị lôi xềnh xệch ở mặt đất. Vênh cái mặt dương dương tự đắc, đó là người mới thi lần đầu.

Dúm trên trán những nét lo âu, ấy là người lao đao trường ốc.

Đủ các nhân vật. Đủ các bộ dạng.

Đêm càng khuya, học trò kéo ra càng nhiều. Ai vào vi nào, lật đật tìm đến cửa vi ấy. Dưới hàng vạn nón chớp lỗ nhỏ đứng ở bốn cửa, hàng vạn con người trang thức cùng

một lối như nhau: sườn này cái chõng tre và bộ gọng lều, sườn kia thì bó áo tơ và cuộn áo lều hoặc một đôi chiếu cói, trên ngực quả bầu be và chiếc ống quyển, dưới bụng thì cái yên mộc hay cái tráp sơn.

Bấy nhiêu đồ vật nặng có, nhẹ có, lớn có, bé có, dài có, ngắn có, hết thấy xúm lại và đu lên cổ các ông thư sinh.

Hình như trời bắt bao nhiêu ông cống, ông đồ, trước khi bước lên đường công danh, đều phải tập làm anh phu tải. Kẽ chen vào, người đẩy ra, kẻ du đi, người kéo lại, dưới bóng lửa sáng, đám người bị dòn dập, bị xô đẩy, còn cộn như lớp sóng nước triều. Tiếng gọi nhau, tiếng hỏi nhau, tiếng mắng nhau, tiếng cãi nhau, tiếng làm rầm, nói chuyện với nhau, các thứ tiếng ấy hợp lại, thành một cái vọng âm âm, bốn khu của trường giống như bốn cái chợ lớn.

Sang đầu canh tư, các cây đình liệu đều cháy già một nửa. Tàn nửa đỏ ối theo ngọn gió bắc tản mát bay khắp giữa trời. Rồi từ từ, nó rơi xuống đám đầu người, xuống quãng đất không, xuống những nơi xa tít, nếu nó không bị tắt ở bóng tối.

Trong nhà thập đạo, trống khẩu gióng, kiểng đồng, nện đủ ba hồi chín tiếng, các bóng đèn đều bị lay động, các ông quan trường cắt nhau mỗi người xuống mỗi vi. Bốn ông ngự sử đem hết chức trách đàn hặc lên bốn chòi canh. Hai ông phân khảo tiến ra cửa hai vi tả hữu với cái quyền "nửa nội nửa ngoại. Ông phó chủ khảo theo biển "phụng chỉ" đến cửa vi ất. Còn cửa vi giáp, vẫn là phần ông chánh chủ khảo trông nom.

Hai hàng đèn lồng lấp ló soi hai bên đường, một đôi lọng vàng nghiêm chỉnh rước lá cờ "khâm sai" đi đằng trước đường, ông chủ trường thi và cái mũ cánh chuồn, cái hót ngà voi, cái đai kim tuyến, cái áo thủy ba, cái hia rất con bướm vàng bằng bạc, khúm núm núp dưới bốn chiếc lọng xanh chớp bạc, thông thả đi từ nhà thập đạo ra cửa trường. Cũng như mấy ông phó khảo phân khảo ở các cửa kia. Ông chánh chủ khảo vâng mệnh lệnh tôn nghiêm của lá cờ vua ban, khoan thai bước lên mặt ghế tre và ngồi chỉnh choẹ với một chồng quyển thi của học trò. Lọng vàng lọng xanh lại lần lượt làm theo

phận sự. Nghĩa là bốn cái lọng xanh cùng che vào ông chủ khảo, hai cái lọng vàng thì che cho lá cờ "khâm sai".

Tiếng âm âm ở khu đất của trường tự nhiên im bật, mấy nghìn con mắt đều đổ dồn vào viên đại thần đứng đầu khảo quan.

Bỗng như phá bầu yên lặng: "Báo oán giả tiền nhập! Báo ân giả thứ nhập! Sĩ từ thứ thứ nhập!" - Dứt mấy tiếng loa chiếu lệ, âm ọc ở trên chòi canh. Người lính đứng cạnh ghế tréo của ông chủ khảo theo miệng người lại phòng cầm sổ cũng đứng chỗ ấy, bắc loa đọc tên họ học trò.

Một tiếng dạ bật lên trong đám đông.

Một người thiếu niên liều mạng lách qua "vòng vây", đệ các đồ đạc kèn cang đến khu đất trước ông chủ khảo.

Toán lính kiểm soát bắt đầu làm việc.

Họ giở bỏ áo tơ và cuốn áo lều, họ dòm những cái chõng, chân chõng, họ ghé vào ống đựng quyền và quả bầu be đựng nước, họ lần giải lưng và vuốt các gấu áo gấu quần, họ cởi tung cả bộ gọng lều, rồi họ lục soát đến cái tráp sơn.

Ngoài một thoi mực, một cái nghiên, vài cái bút, một cái dùi vớ, một tập giấy bản và mấy cái bánh giò, mấy cái bánh dày, vài cái chả trâu, vài miếng cơm nắm, vài miếng thịt rang, trong tráp không có vật gì khả nghi.

Người thiếu niên ấy được phép lĩnh quyền thi của người lại phòng, và tung tăng đi vào trong trường với các đồ đạc lúc lích, vắn quanh vai quanh cổ.

Đến lượt người khác theo tiếng loa gọi tiến vào.

Người này cũng không có sách thạch bản hay văn cũ chữ kiện chi hết, nhưng các đồ lật vật không đựng bằng tráp mà đựng bằng yên, và trong cái yên lại thêm một bộ bàn đèn

thuốc phiện. Thuốc phiện không phải vật bị cấm, người ấy cũng được lĩnh quyền vào trường.

Người lính cầm loa lại gọi đến tên người nữa.

Cũng không có thứ gì gian lậu, nhưng ở trong tráp người ấy lại có một dầm con. Thì ra ông có chứng đi kiết, phải dùng thứ khí giới ấy để vùi cái bã văn chương xuống nền lều, nếu khi làm văn chẳng may bệnh phát.

Mang dầm vào trường không có tội gì. Người ấy được qua cửa trường như hai người kia, sau khi đã nhận quyền thi bỏ vào ống quyển.

Tên người khác nữa được nhắc lại trong miệng loa đồng.

Các vật cần dùng của người này không khác gì của mấy người trước. Riêng có thứ đồ đựng nước không phải là quả bầu be mà là một cái lọ sành rộng miệng.

Ngạc nhiên, người lính kiểm soát thò que khoảng dưới trôn lọ, tức thì ở trên mặt nước có vật tròn tròn nổi lên.

Càng lấy làm lạ, người lính kia vội vớt vật ấy ra bửa ra xem. Té ra một mớ giấy bản viết chữ nhỏ hơn con kiến, người ta đã vo tròn lại và trát một lượt sáp ong ở khắp chung quanh.

Của phi pháp liền bị tịch thu, và cái tội "mang sách vào trường" tức khắc đưa học trò gian ngoan ra khỏi nơi thi cử.

Người lại phòng, người lính cầm loa và bọn lính kiểm soát lại tiếp tục làm việc như thường.

Chừng nửa canh năm, sương mù ở các cây đình liệu đã lui xuống gần mặt đất, ánh sáng cũng biến ra sắc úa vàng.

Đám người và đám lều chõng đã chuyển hết ba phần tư vào trường, khu đất ngoài trường chỉ còn lơ thơ vài trăm học trò, tiếng ồn ào dần dần êm dịu.

Mặt trời mọc, các cây đình liệu cũng vừa cháy hết, vũ trụ đã khôi phục cảnh tượng xinh đẹp và mông mênh của ban ngày.

Trong miếng đất giáp với cửa trường, một chàng trai trẻ thơ thần đợi sự - khám xét của bọn lính kiểm soát. Bộ mặt tuần tú cố chọi vẻ kiêu diễm với ánh nắng buổi mai. Đôi mắt long lanh như muốn hút cả sơn hà thành quách. Quần áo đồ đạc chàng ấy không có thứ gì phạm cấm, chỉ duy cái ngực sao lại nở nang lắm, hơi khác với ngực người thường.

Lục hết cái món linh tinh, cố nhiên bọn hạnh kiểm soát không quên soát cái chỗ mà họ đã nghi ngờ đó.

Vừa thực tay vào lần trong áo chàng ta, thì người lính ấy lập tức rút luôn tay ra, dánh bộ giầy nẩy giống như đụng phải nước nóng.

Những người gần đó hau háu nhìn chàng tuổi trẻ bằng đôi mắt ngờ vực, có kẻ bảo chàng ấy giắt nhiều sách vở giấy má trong mình, có kẻ lại đổ trong mình chàng ta hẳn có hung khí hoặc phù chú chi đó.

- Bẩm quan lớn, người này không phải đàn ông.

Sau tiếng trình giật giọng của người lính kiểm soát, ông chủ khảo trọ gắt gỏng:

- Sao mi hay Bẩm quan lớn, con thấy...

Rồi ngập ngừng, người lính như không dám nói nốt.

- Mi thấy cái chi?

Người lính lại ngập ngừng:

- Bẩm con thấy. . .

Sự thông minh của chủ khảo đã do sự ngập ngừng đó mà biết được cái người lính đã thấy, ngó mặt người trẻ tuổi, ông ấy hỏi một cách nghiêm nghị:

- Có thật mi là đàn bà không?

Đích thực đàn bà, người ấy không dám chối cãi. Lệnh nghiêm từ trên ghế treo đưa xuống.

Người đàn bà ấy phải bỏ chiếu, lều, chõng, tráp ở cửa trường, theo luôn sợi thừng của lính kiểm soát để đi ra dinh tổng đốc.

Trong đám đông, những ông sĩ tử còn đợi tiếng gọi, xôn xao người nọ hỏi người kia:

- Cô ả nào mà to gan thế - Quê quán chị ta ở đâu, có ai biết không?

- Cô ta ở phường Khán Xuân, chứ đâu.

- A! Cái cô ái nam ấy ư?

- Phải, chính cô ái nam ấy đấy!

- Hoài của nhi! người thế mà ái nam!

- Cô ả học hành khá lắm phải không?

- Chẳng khá lại dám giả trai đi thi? Giỏi lắm đấy chứ, kém gì nàng Văn Tú Tài?

- Các ông dám khen nó giỏi, tôi thì tôi cho là đồ đ..., "Nữ ngôn bất xuất", chữ sách để đâu? Một người con gái đã có đọc sách mà dám len lỏi vào thi với đám con trai, thì còn biết danh giá là cái gì nữa. Dầu hay! "Tám vạn ngâm tư" cũng là đồ bỏ.

- Chẳng những đồ bỏ mà thôi, lại còn cái tội "khi quân" nữa chứ. Giả làm con trai đi thi đó là khi quân chứ gì! Rồi các ông xem, chị ta được "giảo giam hậu" là nhẹ, nếu tội ấy vào người đàn ông thì phải "trảm quyết". Cứ thế, người ta cứ chĩa vào mặt người con gái mà cãi vã với nhau mãi như thế.

Mặc cho những tiếng mỉa mai, những lời khen ngợi bay ngoài lỗ tai, cô gái lạ đời cứ việc đi qua trước mặt mọi người bằng dáng bộ thản nhiên.

Mặt trời lên cao.

Ánh nắng đã làm tan bớt giá rét.

Khu đất ngoài trường dần dần vắng teo.

Câu chuyện "thi gian" của cô ả ái nam, nửa theo các ông học trò vào trong vi giáp, nửa đi với bọn hàng quà hàng bánh ra các phố phường.

Chương II

Hoa hòe bắt đầu tàn rụng.

Trước những hạt mưa lún phún của tiết lập đông, cánh vàng theo ngọn gió may tả tơi tung khắp các mái nhà và các đường phố. Làn mây u ám phủ kín bầu trời. Ánh nắng hòa với bóng tối làm cho vũ trụ thành một màu tro.

Hôm nay cũng như mọi hôm mới đây, phường Khán Xuân của thành Hà Nội đã được loáng thoáng trang điểm bằng những chậu kim quất đỏ ối, những khóm cúc màu như ngọc như vàng; những bộ quần áo tím xanh của các cô khuê các.

Năm hầu tàn.

Trong gian gác nhỏ hẹp nhô trên một dãy mái ngói ở giải ven Hồ Tây, Xuân Hương với bộ mặt tàn ngần, thần thơ làm bạn với mấy chồng sách, lỏng lỏng mấy ngọn bút ngà nghiêng, một tập hoa tiên tươi bời trên án sách.

Cảnh tượng bao la của mặt hồ và dấu vết điêu tàn của thành quách lâu đài thuở nọ thì nhau tiến vào cửa sổ, giúp thêm sự cô tịch cho gian gác trời đông.

Những cánh hoa hòe tản tác dưới hạt mưa bay cùng những lá sen khô xơ xác, nhấp nhô trong ngần nước, có ý nhắc lại cho nàng mấy vết đau đón ẩn nấp đáy tim.

Hồi này năm ngoái, chính là hồi nàng phải bước chân vào dinh ông Quyền Chương Vệ Hà Nội.

Bấy giờ những kẻ thềm môi chung đỉnh, thấy đều khen ngợi cả, chúc "bà bé" của nhà ông lớn là chúc cao sang. Nhưng trong ý nghĩ của nàng, thân phận "tiểu tinh", chỉ là kiếp con sen con nọ.

Giả sử nàng là con nhà hàn vi hoặc là một kẻ ngu dốt, người ta gả bán một cách dấp dúi như vậy, thì nàng cũng không lấy làm phàn nàn. Nhưng gia thế và tư cách của nàng đã đâu đến nỗi!

Chẳng may trong lúc giang sơn đổi chủ, sự tàn bại của vua Lê chúa Trịnh đã lôi sụp sự thịnh vượng của nhà nàng, trước kia, họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi trong huyện Quỳnh Lưu, vẫn là một họ trâm anh thế phiệt.

Tuy rằng cha nàng mất sớm, cảnh cảnh mồ côi, mồ cút đã đầy đọa nàng từ thừa lên mười, nhưng nhờ sự dạy bảo của mẹ đẻ và nhờ nét thông minh của trời cho từ thừa lên mười, nàng nghiêm nhiên là một cô học trò biết làm câu đối bài đoan.

Dẫu rằng sự học của nàng vẫn bị những ông tôn trưởng coi làm đồ để viết thư cho con trai, không ai thiết sẵn sóc, rèn cặp, nhưng nó với nàng cũng như hạt giống tốt với miếng đất phì nhiêu, không cần sự vun tưới của người ngoài, trong năm sáu năm, vẫn có thể thành một chồi cây rườm rà, nở những bông hoa tươi thắm.

Người ta đã phục nàng là bậc tài nữ không kém nàng Ban, ả Tạ, khi thấy văn nàng có vẻ tài hoa.

Người ta lại rửa nàng sẽ là ca kỹ Tiết Đào, khi nghe thơ ca của nàng có giọng lắng lơ chua chát.

Cũng vì sợ nàng hóa như tác giả của hai câu "cành chim lá gió", thì có nhục cho gia phong, chú nàng mới bắt nàng thôi việc bút nghiên, tập nghề cày cấy.

Lại vì ghét cái giọng ồm ờ trong bài tức cảnh "tát nước gàu sông", nhà đạo đức ấy, trước khi lâm chung, còn cố ghép cho xong mối dây lên giữa nàng với ông Quyền Chương Vệ Hà Nội.

Những như cái tướng rậm râu sâu mắt và cái tính cộc cằn lỗ mãng của đức lang quân, cũng đã khổ cho kẻ làm vợ, hưởng chi ở ngôi, ăn cạnh, nằm kề, còn phải tập những sự luôn cúi, nếm những mùi cay chua, thì một người tài tình như nàng, chịu đựng làm sao

cho nổi. Phúc đức thay, lòng hiếu sắc và oai đại tướng của viên quan võ nhị phẩm địch không lại máu ghen của mục sư tử Hà Đông, qua sáu tháng đọa đầy, nàng được thoát khỏi nhà chồng bằng tội "ái nam" của Viên Chương Vệ đã ghép cho nàng để tránh tiếng sợ vợ.

Mẹ mất, chú đã chết, anh em họ mạc đều ở trong vùng Nghệ An, nhà cửa ở phường Khán Xuân, quê hương "sinh đẻ của nàng, lại về tay nàng làm chủ.

Lúc này không còn sợ ai ngăn cản, đè ép, nàng đã có quyền làm việc theo như chí ý của mình.

Cũng sôi kinh nấu sử, cũng mười năm đèn sách chứ kém gì ai? Ta phải giật lấy miếng "ông đồ ông cống" cho thiên hạ biết tay, để họ khỏi khinh "đàn bà, con gái". Bởi nghĩ thế, nàng mới ăn mặc giả trai, đổi họ đổi tên, nộp quyền xin vào trường thi. Chẳng ngờ, trời chẳng chịu lòng, việc bí mật lại bị cái vú "dậy thì" tố giác với lính kiểm soát, khiến nàng bị bắt luôn ở cửa trường. Tuy nàng chỉ bị giam hai ngày, nhưng nghĩ đến nguồn cơn lúc nào, nàng vẫn tức bực lúc ấy.

Ô hay! Thánh hiền vua chúa thù gì đàn bà con gái mà lại không cho người ta đi thi? Nếu không gặp được ông tổng đốc bà Nội là bạn cha ta, và những ông ngự sử, chủ khảo một học trò của ông ta, thì cái tội "cải trang ứng thí" có lẽ phải đến xử tử. Cứ tình thế này, đàn bà con gái không còn kiếp nào mở mặt lên được. Đời đã chó má như vậy, thân thể của ta sau này sẽ đi ra con đường nào? Quanh quẩn nghĩ đi nghĩ lại, nàng vẫn chưa tìm được câu trả lời.

Gió may hiu hiu đưa vào cửa sổ.

Chồng giấy hoa tiên xanh đỏ phát phới bay ra khắp nhà.

Uể oải nàng đứng dậy xếp nhật từng mảnh để trên án sách.

Mấy hàng chữ thảo bông múa may rồi rít ở trước mắt nàng:

*“Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
Năm thì, mười họa, nên chẳng chớ
Một tháng đôi lần, có cũng không.
Cổ ấm ăn xôi, xôi lẫn hổng
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhĩ
Thà trước thôi đành ở vậy xong!”*

Xem đi xem lại mấy lượt, nàng chọt cau đôi lông mày: - Thật là "ghét của nào, trời trao của nấy", phương ngôn nói không sai. Mình chê người ta phải lấy chồng chung, trời liền bắt mình phải làm vợ lẽ một lão vũ phu thô tục. Mình riều người ta thà rằng ở vậy, đến mình giá muốn ở vậy cũng không thể được, cái gia pháp oái oăm vẫn cố dúi đẩy mình đi, không để cho mình ở yên.

Mình cười người ta làm mướn không công, nhưng mình đi ở năm sáu tháng ròng vẫn trở ra với hai bàn tay trắng... Khen cho con tạo khéo trêu người...! Mân mê giờ đến tờ khác, nàng như thích ý, gật gù ngâm:

"Đương cơn nắng cực chữa mưa tề"

Im lặng, nàng tự bẻ mình: "Chữa mưa tề nghe vẫn chưa ổn. Vần "tề" khí ép.

Vả nắng cực tức là chữa mưa, cần gì phải thêm hai chữ "chữa mưa" cho thừa?

Giả sử chữa lại làm "tiết trời hè" có lẽ êm hơn!

Sắn bút trong ống, nàng liền tẩm mực đập mấy chữ cũ, viết thêm vài chữ nho nhỏ ở cạnh, rồi nàng đọc lại:

*“Đương cơn nắng cực, tiết trời hè
Rủ chị, em ra tát nước khe
Lèo đèo chiếc gầu, ba góc dùm*

*Lênh đèn một ruộng, bốn bờ be.
Xi xòm đáy nước, mình nghiêng ngửa
Nhấp nhồm bên ghềnh, đít vắt ve.
Ham việc làm ăn quên cả nhọc
Dạng hang một lúc đã đầy phê."*

Nàng bỗng mỉm cười:

- "Nắng cực!... Dạng hang... " Kể cũng chót nhả thật đấy. Không trách ông chú phát cáu cũng phải. Xưa nay thi gia vẫn dùng những chữ gió, trăng, mây, móc, gắm, vóc, ngọc, vàng kia chứ, ai dám đem những tiếng ấy vào thơ? Nhưng, chót nhả thì chót nhả, nó vẫn không hề ra ngoài đầu đề, và cũng không hề mất vẻ tự nhiên. Phải! Có nắng cực mới phải tát nước, đã tát nước thì phải dạng hang, tức cảnh "tát nước gàu sông", dùng mấy tiếng đó kể cũng sát lắm, thế thì dù có chót nhả cũng không can chi, sao lại có kẻ bẻ vành, bẻ vế?

Chẳng qua mình là con gái, thì bài ấy bị ghép vào tội dĩ thỏa lắng lơ, giả sử mình là con trai, mà nghĩ được những câu như thế, tất nhiên họ sẽ khen nức, khen nở, híp mắt mà cười với nhau, rồi còn người này truyền cho người kia là khác. Lại thay, trong việc dùng chữ làm thơ con gái với con trai cũng còn chênh lệch khác nhau đến như vậy?... ừ thì ta cũng nhận rằng con gái không được phóng túng như con trai, ta lại nhận rằng bài thơ kia là thơ lắng lơ dĩ thỏa đi nữa, nhưng mấy câu thơ dĩ thỏa lắng lơ, chưa phải là tội chữa hoang làm dĩ, có sao ông chú lại nở lấy nó làm án để đẩy ta vào chỗ nọc rắn miệng hùm? Té ra người ta chỉ biết quý cái gia phong, không coi một đời tài sắc của ta vào đâu? Nếu không được mục Chương vệ có tính ghen tuông, thì thân ta phỏng còn gì nữa!...

Thang gác có tiếng thành thạch.

Con nụ bưng khay bàn chè và ấm nước sôi đặt lên trên yên.

Quay ra, nàng pha chè chuyên nước, một mình thơ thẩn vừa ngẫm hương chè vừa ngẫm sự đời. Câu hỏi lúc này dường như lại thì thầm ở đâu bên tai: "Đời đã chó má như thế, thân thể của ta sau này sẽ đi ra con đường nào?"

Vẫn chưa tìm được câu trả lời. Nàng liền đắp giòng một hóp nước chè, rồi mơ màng nhìn ra cửa sổ.

Gió may vẫn thổi mạnh.

Lá sen khô vẫn lướt theo lớp sóng mặt hồ.

Cánh hoa hòe lả tả bay vào trong gác, và loáng thoáng rơi xuống án sách.

Nàng bỗng giật mình và bụng bảo dạ: "Năm ngoái khi ta ra đi, hoa hòe cũng đương úa rụng, bây giờ ta trở về đây, hoa hòe lại đã hầu tàn. Thế là hết một năm rồi, thân ta vẫn trơ trọi, lênh chênh. . . chả mấy nữa mà mặt thâm má hóp. Ấm nước hơi nguội, nàng gọi con nụ đem xuống đun lại. Sợi "tư tưởng" bị đứt một quãng. Giây lát, nó lại tiếp tục kéo ra. Nàng cười chua chát: "Từ khi còn là gái thanh tân, hình như ta đã nổi tiếng đồng đánh, chua ngoa, thiên hạ ai ai cũng sợ. Bây giờ tuy vẫn thanh tân, nhưng nào ai biết? Người ta chỉ biết ta là đứa chua ngoa và lộn chồng, chẳng những họ sợ, mà họ còn khinh bỉ nữa. Ta không thể đi tu, ta cũng không thể thanh tân suốt đời, nếu muốn sau này có được hạnh phúc tốt đẹp, có lẽ ta phải chừa bớt thói ồm ờ, sửa lại tính nết cho thành một người chín chắn đứng đắn, không nên cưỡng lại với lễ giáo của thánh hiền. Phải, "ở đời chịu đời", phải như thế, ta hãy thôi không làm thơ, không trông ghẹo bạn gái, không chế riễu những anh con trai, ăn nói đứng ngồi phải giữ cho đúng lời dạy ở Thiên Nữ Tắc và các bài nữ huấn...!"

Tiếng thỉnh thích lại lần lần nện ở thang gác, con nụ đã lên với ấm nước sôi. Bã chè hơi nhạt, nàng trút ra cái bát chứa, và cho chè khác vào ấm chuyên. Cạn một tuần nước đầu, nàng đứng dậy toan vợ đồng giấy hoa tiên đem đốt.

Bồng nàng dừng tay và tự hỏi thầm: "Sau khi sửa đổi tính nết, thành người con gái đứng đắn và chín chắn, đời ta sẽ như thế nào?!!" Và nàng lại tự trả lời: "Chắc sẽ có người tâm đầu ý hợp, cậy mỗi đến hỏi. Ta sẽ cùng họ hưởng cái phúc tiêu dao ngâm vịnh như những đôi giai nhân tài tử ngày xưa...".

Tức thì những cuộc chơi bởi thú hứng la liệt bày trước mặt nàng. Nàng đương cùng chồng đôi mặt ngồi trong thuyền bông lơ lửng bơi trên dòng thị Hà; ánh trăng lóng lánh chiếu xuống lòng sông, con thuyền nhẹ nhàng rẽ lớp sóng hàng đống đỉnh qua những đám bóng cây và từ từ trôi ra cửa biển. Nàng đương cùng chồng cheo leo đứng trên đỉnh núi Tản Viên, bên tai, tiếng thông reo ào ào, tiếng suối tuôn róc rách, dưới chân, mây khói lò dò lượn đi lượn lại, trước mắt, núi sông, thôn ô thu lại như một bức họa đồ. Nàng đương cùng chồng tựa bức câu lon, ngắm đàn cò bay trên Hồ Tây; mùi sen bát ngát đưa vào trong gác, người nọ tươi cười hơn hở chỉ bóng cỏ cây, mây nước bắt người kia vịnh thơ. Nàng đương cùng chồng song song nằm trong chăn cùng gối đầu trên một chiếc gối thêu; gió xuân ấm áp quạt làn khói trầm thấp thoáng bay trước màn the, thêm sự nồng nàn cho tình hứng. Nàng đương cùng chồng... Một cánh hoa hòe thoáng qua bên mắt. Chớp mắt một cái, mấy câu hỏi khác thành linh ập đến hỏi nàng: "Cái người cùng nàng hưởng chung các cuộc vui thú, sẽ là người nào? Trong bọn thiếu niên ăn học ngày nay, nàng đã biết mặt biết tên tất cả, người nào sẽ là người tâm đầu ý hợp của nàng? !Thế rồi trong con mắt nàng, một bọn tài tử văn nhân, theo câu hỏi kéo đến lũ lượt. Anh Nguyễn Văn Giáp ra phết phong lưu công tử, nhưng viết một bức thư không thông. Anh Trần Văn Nhâm văn chương nhiều bài thần tình nhưng mắt trắng già, môi thâm xỉ, rõ ra con người hiểm độc. Anh Đặng Văn Mậu mặt mũi cũng tuấn tú, tư cách cũng thông minh; chỉ phải cái đứng ngồi khúm núm, cố làm bộ "đức hạnh." Còn ngoài ra vô số anh khác; ôi thôi! toàn là hạng học trò của Vương An Thạch!

Mặt bẩn không rửa", "áo bẩn không giặt", lại hơn cái mùi hôi như cú, chấy rận như sung, học già già như quốc kều, mà vẫn vẫn nặng như đá đeo, sách vẫn quên như hũ nút. Chán nản, nàng kết một câu: "Không có ai cả." Và nàng lại tự đồng tình với nàng:

"Phải, không có ai hết, không có ai đáng là kẻ tâm đầu ý hợp của ta, có thể cùng ta hưởng những cuộc chơi bởi thú hứng. Trừ ra hoặc còn kẻ nào rách trời rơi xuống, chứ trong hiện nay chỉ có một hạng anh Nguyễn Văn Giáp anh Trần Văn Nhâm anh Đặng Văn Mậu và vô số anh học trò của Vương An Thạch ấy thôi. Nếu ta mà làm vợ họ, thì ta có khi sẽ là bà Đồ, sẽ là bà Cống, sẽ là bà Huyện, bà Phủ, bà Tổng đốc, bà Thượng thư. Ta sẽ suốt ngày chỉ ngồi tằm trầu. Ta sẽ suốt bữa chỉ ngồi gấp từng miếng đồ ăn đặt vào bát họ. Ta sẽ suốt năm chỉ nheo nhéo rửa thằng quít và chửi con sen, con nhài... Có thể như thế được chăng. Không thể được. Ta không thể bắt chước nàng Mạnh Quang, khi đưa thức ăn cho chồng phải nâng bát ngang với lông mày. Ta không thể bắt chước nàng Tạ Đào Uẩn, khi nói chuyện với khách đàn ông của chồng, phải che cái trướng trước mặt, cho khách khỏi trông thấy mặt. Ta không thể bắt chước nàng Trác Văn Quân, khi chồng chênh mảng, còn cố nghĩ lấy bài ngâm "đầu bạc" để hồng chuộc lại tình yêu. Những cái người ta cho thảo hiền, hoặc sang trọng, với ta, chỉ là những sự khốn nạn đáng khinh. Thà rằng tro tơi lênh chênh, ta không thể làm kẻ "sửa túi nâng khăn" cho những người mà ta không sao chịu nổi, thì ta còn tập lấy những thói khốn nạn làm chi.

Tần ngần, nàng chống tay vào khung cửa sổ, vợ vẫn nhìn trời, nhìn mây, nhìn những ngọn cỏ lơ thơ ở bờ hồ bên kia, để cân nhắc thêm một lần nữa, xem những ý nghĩ vừa rồi có đúng hay không đúng. Nàng thấy những thứ lễ nghi chế độ của những ông thánh, ông hiền đặt ra cho đàn bà con gái, rất là những cái xiềng xích.

Thật thế, rất là những cái xiềng xích. Người nào chịu xiềng xích, thì họ bảo là dâu thảo, vợ hiền. Ai mà cưỡng lại, thì họ cho là "lẳng lơ đi thả".

Nghĩ vậy, nàng bỗng cười ngất nghêo: "Chẳng những thế thôi, họ còn sung sướng vu cho người ta là gái ái nam nữa chứ".

Rồi nàng quả quyết: "Không cần! Muốn gì thì gì, ta cứ sống bằng ý muốn của ta, ta không sống theo sở thích của người.

Bắt đầu từ nay, ta thử phá hết những cái đạo đức giả dối, chơi với ông thánh, ông hiền một mẻ xem sao. "

Kiều ngạo, nàng khúc khích cười thầm: "Được rồi, lão nghề Hoàng vẫn lên mặt đạo đức cao thượng, làm hư cả mấy trăm học trò. Hôm nọ ở cửa trường thi, chính bọn học trò ông ta đã đưa theo lão Quyền Chương Vệ mà phao cho ta cái tiếng ái nam. Bao nhiêu lời ông tiếng ve đó vào đầu ta từ trước đến giờ, phần nhiều ở ông ta mà ra cả.

Ta phải cho ông ấy biết ta trước nhất.

Nhanh nhẩu, nàng đến án sách, hí hoáy lấy giấy đóng quyển, viết một bài văn thật dài.

Đọc lại một lần, nàng phá lên cười:

- Lão nghề Hoàng nghe hết bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Rồi nàng giao cuốn văn ấy cho con nụ, và dặn nó sáng mai phải đem nộp ở trường học cụ nghề Hoàng.

Chương III

Nửa sân bên ngoài, dãy bàn cổ thụ vẫn nghênh ngang giương tàn lá úa đỏ giữ cho khu đất dưới gốc khỏi mất vẻ sầm tịch âm thầm.

Nửa sân bên trong, mặt trời hèn yếu của mùa đông đã nhòm xuống gậm giàn hoa bằng những lỗ phen mắt cáo.

Với những mái tóc lăn tăn ngắn ngủi, mấy cây thông bù, trắc bách lù lù ngời trên "thống gạch" như chưa nguôi cơn rét đêm qua.

Với những nhành lá lướt lướt hơi sương, mấy khóm bạch ngọc, kiều diệp, loạn điểm tó tâm hớn hở múa trong hàng chậu da lươn, như mừng đón sự ấm áp của ánh nắng buổi sáng.

Mùi hương thoang thoảng của hoa lan hòa với mùi thơm đậm đà của hoa mộc, hoa sồi, theo luồng gió nhẹ ngào ngạt bay vào trong nhà.

Trường học cụ nghè Hoàng lúc ấy vừa mới mở cửa.

Trên dãy xà nhà dài dặc, mấy bức hoành phi nền gấm ngát ngưỡng nằm với nét sương kính của những chữ chân phương.

Trước cái cây cột béo lùn, mấy đôi câu đối sơn then thếp vàng, bệ vệ phô vẻ đứng đắn của lối chữ đầu tầm đuôi én!

Ngoài mặt các tường các vách, những bức tứ hoành xanh, đỏ, vàng, trắng thi nhau khoe nét tươi, nét rẻo, nét sắc sảo những dòng chữ thảo sen chữ hành.

Hết thấy mọi đồ trang hoàng đều tô điểm cho sự cao quý của một nền đạo đức.

Bằng cái danh vọng lớn lao tự đời cố Lê còn lại và vẫn lẻo đẻo sống theo tuổi thọ của một vị cố lão, tòa nhà ấy đã nổi tiếng "mực thước", về sự rèn đúc nhân tài. Bây giờ

giang sơn Nam, Bắc mới chung nhau một bức bản đồ, những cuộc chinh chiến đã im, việc học của các trấn Bắc Thành đã bắt đầu khôi phục cảnh hoang phế trong mấy chục năm loạn lạc, thiên hạ đã nô nức tập văn, đọc sách, để sáu năm một lần tranh cướp nhau miếng công danh trong kỳ thi hương, cho nên số người vào cửa cụ Nghè rất đông, tuy là một trường tư thực; mà sự sầm uất của văn học không kém gì trường đốc học Hà Nội.

Trừ ra mười cậu đồng sinh là những con cháu họ hàng theo đến, cố nhiên học trò cụ Nghè cũng như các học trò lớn khác, chỉ có hai lớp đại tập và trung tập.

Trung tập hàng ngày phải đến nghe sách, hàng tuần phải học làm văn. Còn đại tập thì mỗi tháng tập văn mấy kỳ.

Hôm ấy nhằm kỳ bình văn của học trò đại tập, bao nhiêu học trò trung tập đều phải đến sớm.

Cổng trường vừa ngỏ, những chiếc nón quai chuối đã lố nhố đưa các thiếu niên anh tuấn lục tục tiến vào với những chồng sách dày xù.

Cụ Nghè còn ở nhà trong chưa ra.

Nón sơn lần lượt bầu vào các tường các cột, hoặc đu lên then co tàu, các cậu học trò ngón ngang chiếm lấy ngôi chỗ của mình ở mấy tấm phản ngoài ngạch.

Theo lệ mọi ngày, những người giỏi nhất lớp trung tập thay mặt cụ Nghè truyền dân "môi đạo" cho những cậu tí nhau;

ưỡn ẹo với cuốn sách nát nhàu cắp ở dưới nách, một lũ đồng sinh tóc chỏm kế tiếp nhau tựa vào cột hiên, ngắc ngứ nhắc lại những câu đã học hôm trước.

Mấy cậu không thuộc, thèn lện tìm chỗ quét khắp nhà trong nhà ngoài, những cậu đọc trơn, tung tăng chạy đi mài son, mài mực. Cậu nào chưa có chữ học, đưa sách cái nhờ người viết cho. Cậu nào bài học đủ rồi, mở sách học chòng bên bức cửa ối chằm.

Nhà trường bắt đầu om sòm.

Những chữ "chi", "hồ", "giã", "giả" trong mấy cuốn sơ học vắn tâm, "ấu học ngũ ngôn thiên" nhất tề bị nhai đi nhai lại. Những tên ông thánh ông hiền ông vua ông quan trong các sách "Dương Tiết", "Tam hoàng", "Hạ Thương Chu", "Hán Cao Tổ", đồng thời bị réo róc hàng mấy chục lần.

Nghĩa chữ dần dần bị nuốt, tiếng học dần dần thấy thừa, qùy đầu gối xuống gạch thêm, các cậu bé con tranh nhau đặt sách học vào trước mặt mấy cậu hơn tuổi và lễ phép hỏi: "thưa anh xin kể".

Chữ nào nghĩa ấy, mỗi cậu bé con kể hết từng chữ trong bài học, thì mỗi cậu lớn tuổi lại ngân giọng xướng luôn từng câu cho chúng đọc theo.

Hết lượt kể nghĩa, các cậu tí nhau như đã trả xong món nợ một ngày hôm ấy, ai nấy sung sướng ra các góc bàn rủ nhau đánh khăng đánh đáo để chờ lấy sách viết tô.

Lớp học của bọn đồng sinh đã tan.

Mặt trời vừa lên khỏi ngọn cây bàng.

Trống cái hùng dũng điểm một hồi ba tiếng.

Cả lũ học trò trung tập rầm rập đứng dậy với một giây "lạy thầy".

Chiếc điều ồng, cái tráp sơn và cái giỏ ẩm tích trịnh trọng rước cụ Nghè áo mũ chỉnh đốn ở nhà trong.

Bệ vệ ngồi vào giữa bộ ghế ngựa quang dầu kê sau chiếc án thư giàn mặt, cụ Nghè thông thả mở tráp lấy ra một cái cối ngà, một cái chày đồng và mấy miếng trầu không cau tươi.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò tiến lên, cúi đầu đón các đồ vật đem sang phản cạnh, hì hục nghiền, rồi lễ phép đệ vào.

Móm mém nhai tẩn miếng trầu, cụ Nghè khoan thai về mỗi thuốc lào đặt vào nỏ điều.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò khác tiến đến, cúi đầu bưng bộ đồ đánh lửa trên án thư ra phản thêm.

Chan chát đập hòn đá lửa vào một thanh sắt cho lửa bật ra và bén xuống lớp tro giấy có trộn lưu hoàng diêm tiêu đựng trong hộp gỗ, cậu ấy se sẽ nhón những mảnh than có lửa tiếp vào mỗi giấy, phì phò thổi cho bùng ngọn, châm vào sợi giấy ruột gà, rồi lễ phép đưa lên.

Ngậm hóp nước chè trong miệng, cụ Nghè vít xe điều hút sòng sọc một hơi. Nước ngậm đã bị nhỏ vào ống nhổ, khói thuốc đã bị thổi lên mái nhà, cụ Nghè ra hiệu cho các cậu học trò đọc sách.

Nhanh nhẩu và cung kính, một cậu học trò nữa nhẹ nhàng ôm chồng sách in cúi đầu đặt lên án thư.

Sau một câu xin phép rất lễ độ, một cậu học trò tốt giọng dang hắng mấy tiếng, rồi mở sách ra đọc.

Theo lệ hàng ngày, bao giờ cũng đọc đủ ba thứ sách: kinh, chuyện và sử.

Hôm nay trước nhất thì đọc Kinh Dịch, rồi đến sách Trung Dung, rồi đến cuốn Tổng Thiết Tông.

Mỗi khi người đọc sách đọc hết bài cái bài bản trong một chương, cả trường đều im phăng phắc, hơn trăm con mắt chăm chú ngó vào sách của mình, hơn trăm lỗ tai yên lặng đợi lời giảng của thầy.

Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ giảng rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng những lời bàn nào là phải, những lời bàn nào là quấy, cụ nói như rót vào tai học trò.

Đọc rồi giảng, giảng rồi đọc, qua bốn năm lượt giã trâu, đánh lửa, thi kinh, chuyện, sử, mỗi thứ cũng bị nhắc lại hết vài chục tờ. Công việc "nghe sách" sắp đoạn, cao hứng, cụ vuốt râu, hỏi:

- Các anh có biết thể văn lục bát nguồn gốc ở đâu hay không?

Gần trăm bộ mặt hết thầy tỏ vẻ ngỡ ngàng, người ta phải đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Cụ cười khanh khách và mắng học trò một cách vui vẻ.

- Các anh không có ý tứ chút nào. Giở lại bài đọc hôm nay mà xem, nguồn gốc thể văn lục bát ở ngay những chỗ các anh vừa mới "nghe" đó...?

Gần trăm cuốn sách đều bị lật đi lật lại lung tung. Không ai tìm thấy chi hết, người ta lại đáp lời thầy bằng sự lặng im.

Vẫn bằng giọng nói vui vẻ, cụ giảng:

- Kinh, chuyện, sử mỗi pho đều có một câu lục bát: "Lục tam hàm chương khả chinh." Hoặc "tòng vương sự vô thành, hữu chung." Đó là câu ở Kinh Dịch. "Phù thủy, nhất thước chi đa, Cập kỳ bất trắc, ngoan, đà, giao, long..." Đó là câu ở sách Trung Dung, còn ở sử thì là câu gì? các anh đã nghĩ ra chưa?

Kẻ chau mày lục soát trí nhớ, người còn để mắt tựa tòi trong cuốn sách vừa đọc cuối cùng, chưa ai kịp trả lời ra sao, cụ đã nói tiếp:

- "Đô dĩ sai sắc hữu công, Sử chi tòng tựa triệt tông miếu đình." Có phải câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ, rành rành theo vần với nhau đấy không? Đó là câu ở Tống sử. Thể văn lục bát của ta khác hẳn các lối thi ca của Tàu, không biết xuất hiện ra từ đời nào, nhưng nguồn gốc của nó, quyết phải ở mấy câu ấy. Những người kiến thức nông nổi, không chịu xét đến uyên nguyên, thường khoe nước mình có riêng một thể văn chương. Kỳ thực cũng là bắt chước kinh, chuyện và sử tất cả. Tiếc rằng thể văn ấy hiện

nay chỉ có những câu phong dao, tục ngữ và những bài hát vè, hát đúm, nôm na mách quế, sai cả ý của thánh nhân...

Những cậu học trò nghe rồi, ai nấy như mơ mới tỉnh, tuy cũng có vài người dám cho ý kiến của thầy là quá khiên cưỡng, và họ quả quyết tin rằng thể văn lục bát với mấy câu kia chẳng qua ngẫu nhiên hợp nhau, không phải có dính với nhau, nhưng họ đều nín im không nói. Còn phần đông đều phục cụ Nghè là bậc cao kiến, đã phát minh được một điều lạ lùng. Lại tan buổi học của lớp trung tập.

Học trò đại tập dần dần kéo đến. Ai cũng như nấy, rón rén bước vào ngồi khắp dãy phản ở hai gian cạnh, sau khi đã chấp tay chào thầy.

Nghỉ ngơi một lát, cụ Nghè giờ lại tập quyền đã chấm, và tìm những quyền sẽ được "bình" để riêng một chông.

Mọi kỳ bình văn trước kia, quyền "tập" thường thường tới gần ba trăm học trò đến nghe, vừa đại tập vừa trung tập có khi tới gần bốn trăm. Kỳ này vì đương khoa thi, học trò đại tập hầu hết nghỉ để đi thi. Chỉ có ít người bị trở đại tang hoặc vì có khác không được vào thi thì mới có quyền ở đó. Bởi thế kỳ ấy số quyền rất ít, nhất là những quyền được bình lại càng ít lắm. Nhưng số người vào nghe thì nhiều gấp trước mấy lần.

Là vì khoa thi mới bắt đầu, thí sinh các trấn hãy còn tụ ở Hà Nội chờ xem bảng kỳ đệ nhất, nghe tin một trường danh tiếng như trường cụ Nghè Hoàng có kỳ bình văn, ai cũng nô nức đến xem.

Chừng khoảng nửa buổi, người ta kéo vào càng đông. Các phản trong nhà, ngoài thềm đã bị ngồi hết, nhiều người phải dúm dუმ đứng với nhau ở dưới giàn hoa.

Hơi người đã chinh phục khí hậu giá rét và bắt nó phải ấm nóng.

Mấy ông bạn thân của cụ Nghè mời đến dự thính vẫn chưa thấy lại.

Mấy trăm sĩ tử cũng như gần trăm quyền văn hết thấy ngong ngóng chờ đợi. Có người nóng ruột đã lảng ra công.

Mặt trời gần tới đỉnh đầu.

Bóng rợp của mấy cây bàng đã thu gọn lại.

Ngoài ngõ nghe có tiếng ho khù khụ và tiếng nói lao xao.

Cụ Nghè Phạm lù khù đi vào với ông Chiêu Bảy, ông Chiêu Tám, ông Cống Thiều, ông Cống Minh và ba bốn ông Cống nữa.

Tất cả những người đương ngồi đều lễ phép đứng lên.

Rề ràng, cụ Nghè Hoàng bước trên ghế xuống và ra tận thềm đón khách.

Với bóng vía của những chữ "cao niên thạc vọng", hai cụ Nghè và hai ông Chiêu ngồi trên chiếc ghế chính giữa một cách tự nhiên. Các ông Cống giữ lễ hậu tiến, khép nép ghé vào hai chiếc tràng kỷ kê hai bên cạnh.

Trong nhà, ngoài thềm, sĩ tử lần lượt ngồi xuống.

Cạn tuần nước chè thứ nhất, cụ Nghè Phạm phều phào hỏi cụ Nghè Hoàng:

- Kỳ này có quyền nào khá không?

Gật gù, cụ Nghè Hoàng đáp:

- Có một quyền của Trần Danh Mẫn khá lắm, tôi đã phê "ưu" và hai quyền nữa tôi đã phê "bình", của Đàm Thận Trung và Nguyễn Mạnh Cổ, cũng có nhiều đoạn xuất sắc.

Vừa nói, cụ Nghè Hoàng vừa lục mấy quyền dấu khuyen đỏ chói đưa cụ Nghè Phạm và hai ông-chiêu.

Ba người vừa xem vừa cười thích chí, ai nấy tấm tắc khen "được". Tuần nước chè thứ hai lại cạn.

Công việc bình văn đã bắt đầu.

Đầu bài kỳ này chỉ có hai bài tứ lục: chiếu thi "Nghĩ Nguyên Thế tổ trung cầu Cồ Tồng di thần", hiệu là "Nghĩ Hán Tứ hiệu từ qui thương sơn".

Với nghiên mực để sẵn bên cạnh, một ông học trò sang tiếng lĩnh quyền của Trần Danh Mẫn ra bình.

Vừa đọc hết đoạn mở đầu cụ Nghè Phạm và hai ông Chiêu dục khuyên rồi rít, làm cho người bình khuyên điểm không kịp, dấu mực mới chỉ chát để lên dấu son cũ, quyền văn lòe loẹt như một đạo bùa.

Người ấy bình hết quyền Trần Danh Mẫn đến lượt người khác bình quyền Đàm Thận Trung, bây giờ tiếng dục khuyên điểm đã thừa, khi người sau cùng bình đến quyền Nguyễn Mạnh Cồ thì trong trường tự nhiên không thấy vui vẻ bằng trước.

Bỗng ở chiếc phản cạnh thêm mấy cậu học trò chụm đầu vào nhau, hình như không hề để ý đến bài văn đương bình. Rồi họ đọc lầm nhảm. Rồi họ cười tùm tùm. Rồi họ cười khúc khích. Rồi họ xúm lại như đám thò lò, quên cả lễ độ ở trước thầy học.

Ngạc nhiên, cụ Nghè Hoàng quát hỏi:

- Cái gì ở ngoài ấy thế?

Mười mấy cái đầu cùng ngửng lên. Một cậu gập tập trắng dấu vào túi. Các cậu khác quay ra ngồi lại một cách nghiêm trang, cả mười mấy người đều như muốn cười mà phải cố nhịn.

Ông Chiêu Bảy chừng lấy làm lạ, vui vẻ hỏi:

- Giấy má gì đấy? Các cậu đưa vào lão xem.

Mọi người đều bung miệng nín cười vờ ngơ ngác nhìn nhau, không ai dám nói sao cả.

Ông Chiêu Tám cũng tươi cười hỏi:

- Chắc là văn thơ của ai chế riều bọn lão chứ gì!

- Được các cậu cứ đem vào đây!

Vẫn không người nào chịu đưa.

Phát cáu, cụ Nghè Phạm bảo ông Cống Thiều ra lấy. Cự chẳng đã, cậu nọ phải móc túi giấy bỏ tập giấy ra, vẽ sớ sệt hiện đầy trên mặt.

Ông Cống Thiều vừa đi vừa xem vừa cười tùm tùm, rồi lễ phép trao lại cho ông Chiêu Bẩy.

Ông Chiêu Bẩy cũng không thể nhịn cười mỗi khi xem hết một câu.

Cuộc bình văn đã xong, bao nhiêu học trò đều ngồi nán lại, chờ coi tập giấy kia là bài gì.

Ông Chiêu - Tám nhắm ông Chiêu Bẩy:

- Có phải họ chế chúng mình đấy không?

Ông Chiêu Bẩy lắc đầu:

- Không phải. . . Bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương.

Cụ Nghè Hoàng nghe đến ba chữ Hồ Xuân Hương như bản cả lỗ tai, chau hai lông mày, cụ gắt:

- Các ngài xem chi văn chương của con gái rơm ấy, xin cho trẻ nó đốt đi!

Ông Chiêu Bẩy ồm ờ:

- Nó rơm nhưng văn nó hay. Sao lại đốt? Tôi muốn xin phép các quan bình cho học trò nghe.

Cụ Nghè Hoàng cho là ông này có ý trêu mình, im bật không nói gì nữa.

Cụ Nghè Phạm vội giăng tập giấy ở tay ông Chiêu Bảy:

- Đưa lão xem. Thế nào mà ông bảo là văn hay?

Vừa coi hết vài dòng đầu, cụ Nghè Phạm quăng tờ xuống án và gọi đồng sinh đem đốt ngay đi!

Ông Chiêu Bảy lại cầm luôn lấy:

- Vâng! Đốt thì đốt? Nhưng xin hai cụ hãy cho chúng tôi bình chơi cái đã!

Cụ nghè Hoàng sầm mặt:

- Ở đây nhi mục quan chiêm không phải chỗ nói khôi hài.

Ông Chiêu Bảy vẫn hời hợt:

- Bẩm không phải khôi hài! Tôi muốn theo ý của Kim Thánh Thán đây ạ? Chắc hai cụ cũng còn nhớ cả, trong bài tựa quyển Tây Sương Ký, Kim Thánh Thán có nói thế này: "Người ta bảo Tây Sương Ký là sách dâm, chỉ vì trong sách có việc. . . ấy. Nhưng thử nghĩ kỹ mà xem: trời đất vũ trụ ngày nào không có việc. . . ấy? Chỗ nào không có việc... ấy. Có lẽ bảo trời đất có việc ấy thì bỏ trời đất; vũ trụ có việc ấy thì bỏ vũ trụ hay sao? Sao sách ấy có việc ấy lại muốn bỏ nó". Hai cụ nghĩ sao? tôi cho Thánh Thán nói vậy là phải. Vậy xin phép hai cụ, cứ cho chúng tôi bình thử?

Ông Chiêu Tám cũng cười:

- Thì ông ấy đã muốn như thế, hai cụ cứ thì cho phép cái nào?

Ông Công Thiệu ra bộ sốt sắng:

- Xin phép các cụ để cho tôi bình.

Rồi ông ấy nhanh nhẩu đứng dậy đón tập giấy của ông Chiêu Bảy. Cụ Nghè Phạm cũng như cụ Nghè Hoàng lặng lẽ ngồi với mặt thâm mày xám.

Ông Công Thiệu vừa cầm tập giấy vừa cười sảng sặc. Học trò trong nhà, ngoài thêm, hết thầy ngơ ngẩn chờ nghe.

Lâu lâu, tan cơn buồn cười, ông Công Thiệu đồng dục cất giọng:

- Tự tình rằng:

Khi canh cử, lúc ngồi thông thả

Ngẫm sự đời buồn bã gớm ghê!

Âm dương lấy đây mà suy

Côn trùng cũng có hướng chi loài người.

Gớm rất tai, những lời trò chuyện

Khéo đặt điều nói đến những câu

Cả nhà im lặng như thường. Mấy ông học trò ngồi ngoài lầm rầm bảo nhau:

- Như vậy tưởng không có gì là rỗi

Hai cụ Nghè vẫn mặt lẳng mày vục, ông Chiêu Bảy vẫn chúm chím cười thầm.

Ông Công Thiệu nghỉ trong giây lát lại tiếp:

- Thơ rằng:

Chém cha cái số má hồng trâu.

Nghĩ đến càng thêm lăm nôi sâu

Dệt cử quăng đi còn có lẽ

Gieo thoi ném lại, chuyện không đâu.

Ông Chiêu Tám nói xen:

- Mấy câu ấy chắc ả muốn than về chuyện chồng rầy. Được, văn cũng hoạt.

Ông Công Thiều vẫn đọc:

- Gớm thay Gan người, dạ thể, sâu khôn xiết,

Phao lên rằng: "tít tít có chi"

Tai thấp thoáng, bụng hồ nghi.

Rành rành chẳng biết cái gì mọc đây

Hai ông Chiêu đều cười ngặt nghẽo.

Cụ Nghè Hoàng xua tay bảo ông Công Thiều:

- Thôi đừng đọc nữa.

Nhưng ông Công Thiều cứ đọc:

- Con vắng vẻ mặt dây ngấm lại

Lúc buồn tình tay gãi đã quen

Rành rành múi mít đôi bên.

Lùm lùm chai úp là miền hạ thôn.

Ông Chiêu Tám vẫn tùm tùm:

- Tục quá? Không trách các cụ bảo đem đốt đi cũng phải. Văn chương gì mà tục đến thế.

Ông Chiêu Bảy vội bênh bằng giọng cười cợt:

- Cố nhiên nó tục! Nhưng ông nên biết cho người ta rằng: đó là một bài tự tình cốt để giải tỏ cái oan "ái nam", không phải là kinh, là chuyện, hay là một thiên gia huấn? Và chẳng, mấy câu này tuy tục nhưng chỉ ý tục chớ lời không tục, cũng còn có thể tha thứ.

Hai cụ Nghè cảm mặt ngồi im, ông Chiêu Tám chỉ cười không đáp. Ông Chiêu Bảy nói tiếp:

- Người đời, trừ ra bức thần tiên ai mà không tục!

Tôi rất phục câu nói của ông Trương Xưởng: "Trong chốn khuê phòng, tình nụng vợ chồng, còn có việc tệ hơn là vẽ lông mày". Bị vua hỏi đến tội vẽ lông mày cho vợ, mà ông ta dám nói như thế, kể cũng thật thà và can đảm lắm. Tôi không hiểu tại sao nhiều người vẫn luôn làm những việc tục, mà đến văn chương lại ghét ý tục? Thánh hiền có dạy thế đâu!

Cụ Nghè Hoàng vùng vằng đứng dậy đi vào nhà trong. Ông Cống Thiều cao giọng ngâm nga:

- Cỏ rêu mọc xanh om cửa tía,

Lá cờ bay đỏ kẽ song đào,

Môi đầy, miệng rộng, trán cao,

Đúng trong tướng pháp ảnh hào nghi dung.

Nhà trong nhà ngoài, tiếng cười râm rì, tưởng như xô cả mái ngói. Ông Chiêu Bảy vỗ tay bảo ông Chiêu Tám:

- Đoạn này chắc nó xỏ lão Quyền Chương Vệ "Môi đầy, miệng rộng, trán cao", thật là mặt ông Quyền Chương vệ, không sai một chút. Ừ, một người tài tình như thế, vô cớ bị ông kia hỏi lấy một cách ép uổng, rồi lại vu cho cái tiếng "ái nam" để mà đuổi đi. Như vậy, nó tức là phải, xỏ là phải.

Rồi ông Chiêu Bảy giục ông Cống Thiều:

- Ông cho nghe tiếp đoạn dưới.

Nhưng ông Cống Thiều vì cười nhiều quá, phát nắc, không đọc được nữa, ông Cống Minh cầm quyển đọc thay:

- Ấy rõ thật là . . .

Mới được bốn chữ, ông này đã cười sằng sặc, không thể đọc tiếp.

Một lát, cơn cười hơi tan, ông ấy bùng miệng đọc nốt:

- Vông rầy rầy,

Bằng lương nhân trông thấy cũng ghê.

Há như lá...

Cơn cười sằng sặc lại nổi lên, ông Cống Minh lại phải nghỉ đọc. Lâu lâu, ông ấy lại bùng miệng đọc theo:

- tróc, lá tre,

Mà cười mà ngấm mà kẻ mà không

Ông Chiêu Tám lắc đầu:

- Đều quá ! Nó xỏ lão Quyền Chương Vệ đau quá.

Ông Cống Minh ngân giọng:

- Cửa trời cho, xinh giòn là thế.

Người ta còn ẻo ẹo rằng "không".

Nín thì tức, nói then thùng,

Phải đồ oán chợ mà hồng phô trương

Mà dãi thẽ như phường tơ kén

Vén màn quần bày biện đồ ra

Để cho những khách gần xa Thử xem cho biết rằng là có không

Ông Chiêu bày vỗ đùi:

- Nghe đoạn này toàn là giọng oán tức. Ừ, bỗng không lại bị đeo tiếng ái nam, ái nữ mà nhìn được. Mình gặp nước ấy. Mình còn nói tục bằng mười.

Cụ Nghè Phạm hăm hăm đứng lên vào nốt nhà trong. Ông Cống Minh càng ngân dài giọng:

- Nhưng mà lại vào dòng quý tướng,

Bộ râu xồm quai nón phát phơ.

Hai ông Chiêu lại cùng cười như nắc nẻ:

- Nó vẽ ra mặt ông Quyền Chương vệ, ông ấy nghe thấy bài này, không khéo sẽ tức mà chết.

Ông Cống Minh vẫn liên tiếp không dừng:

- Màn quần che kín sớm trưa

Tuyết sương chẳng quản nắng mưa chẳng từng.

Hoặc có lúc hờ hênh khuya sớm,

Chỉ người nào ghé trộm thì hay.

Vì bằng đem để sánh bày,

Thất kinh vía quý, xa bay hồn phàm,

Nhân nay buổi thanh nhàn thư thái.

Chép vài hàng nhấc gửi nước non.

Cậy ai phán bảo ôn tồn

Nên tin rằng, " có, chứ đồn rằng không".

Đời đã thiếu anh hùng các sĩ.

Cửa phòng thu dễ hé cho ai!

Tự tình ta viết ra chơi.

Không không, có có, miệng người xá chi.

Ông Chiêu Bảy cau mặt:

- Đoạn kết láo quá, đáng đánh đòn.

Tan cuộc bình văn, học trò lẻ tẻ ra về. Hai ông Chiêu và mấy ông Cống trình trọng vào tận nhà trong từ biệt hai cụ Nghè, các cụ vẫn chưa nguôi cơn giận, không thềm nói một câu nào cả.

Chương IV

Ba bốn hôm nay, tiếng tăm Hồ Xuân Hương ầm cả phố phường Hà Nội, nhất là các quán rượu, các hàng cơm, những chỗ có học trò đi thi ở trọ. Người ta nhắc lại việc nàng cải trang vào thi bị bắt và bị giam. Người ta truyền khẩu cho nhau cái bài tự tình của nàng đưa vào trường ông Nghè Hoàng. Người ta trách ông Quyền Chương Vệ Hà Nội sao lại vu cho nàng cái tiếng ái nam.

Rồi người ta phê bình đến phẩm cách của nàng.

Có người chê nàng đĩ lông, có người bảo nàng tài tình, có người chê nàng đen đũi xấu xí, cũng có người khen nàng vừa đẹp, vừa giòn, làm cho trong đám học trò "đi thi" kẻ nào chưa biết mặt nàng, háo hức muốn đi xem mặt.

Lúc ấy trời đã xế chiều.

Mặt nước hồ Tây lóng lánh nhuộm vàng của ánh nắng.

Xuân Hương thơ thẩn đứng dưới gốc đa trên đường Cổ Ngư mơ màng nhìn đàn chim sâm cầm nhấp nhô bơi hụp.

Mặt trời chênh chếch nhòm vào đôi má đỏ hồng.

Bóng mây lồng dưới đáy nước long lanh in lên đôi mắt sáng quắc.

Xa xa nẻo chùa Trấn Quốc, bỗng có tiếng người cười nói khúc khích.

Nàng không để ý, vì nàng cho là bọn sư trong chùa bù khú chay với nhau.

Tiếng cười nói mỗi lúc mỗi to thêm, nghe rõ ra giọng một bọn sĩ tử. Bây giờ nàng lại đoán là họ đã bàn tán chế riễu đến mình. Tức thì nàng đi lặt lẻo, cũng định chòng ghẹo chơi cho họ một mẻ.

Khi nàng đi đến gần chùa Trần Quốc, thì một bọn độ năm, sáu người vừa lục tục kéo ra, té ra họ không biết nàng là ai. Qua trước mặt nàng, người nào người ấy hai mắt lăm lét, hình như muốn trông mà không dám trông. Cách một quãng xa, còn nghe thấy tiếng họ trò chuyện nỏ như pháo ran, không biết họ nói những gì. Cao hứng, nàng lững thững dạo vào trong chùa Trần Quốc, để xem mới rồi bọn đó làm gì ở đó.

Trong chùa, ngoài chùa quang cảnh vẫn như hôm qua, mấy chú tiểu đồng hí húi nhô cỏ quét sân, mấy sư ông lơ nhô châu đầu trọc gàu nói chuyện trong nhà. Thành linh nàng nhòm lên vách đại điện, thấy có một bài tứ tuyệt mới đề, nét mực chưa ráo.

Nàng để ý ngắm, thì bài đó tả cảnh chùa trên hồ trời chiều. Coi rồi, nàng bỗng ôm bụng mà cười, các sư các tiểu đều lấy làm lạ, họ xúm lại xem, không ai biết là nàng cười gì.

Một lúc sau, nàng cố nhịn cười, và hỏi mấy sư ông:

- Mấy câu trên đây của ai viết thế?

Cung kính một sư ông chấp tay đáp:

- Bạch người, đó là thơ của mấy ông học trò vừa ở đây ra. Hình như ở dưới cuối bài đã có ghi tên tác giả thì phải.

Nàng vội nhìn lại, thì ra lúc nãy vì buồn cười quá nên không trông hết. Quả nhiên ở dưới cuối bài còn có năm chữ "Đặng Như Bích kính đề".

Nàng lại mỉm cười:

- Thơ là thơ tức cảnh mà cũng lạc khoản báng hai chữ "kính đề" không biết họ kính ai đây hay là kính mấy con vẹt le trong hồ.

Rồi nàng bảo nhà sư cho mượn bút mực, để nàng đề luôn bài khác ở cạnh.

Một nhóm sư ông đứng ở đằng sau, có ý khoe mình là người nhiều chữ, nàng viết câu nào họ đọc luôn câu ấy khi nàng viết hết cả bài, một người cao giọng ngâm nga:

- Dắt díu nhau lên đến cửa chiền,

Cũng đòi học nói, nói không nên.

Ai về nhấn bảo phường lòi tói

Muốn sống đem vôi quét trả đền!

Chờ họ ngâm xong, nàng hỏi:

- Thế nào? Bài thơ của tôi mới đề có xuôi không?

- Bạch người, hay lắm, người nghĩ lanh quá, thanh hơn mấy ông ban nãy nhiều lắm.

- Các ông ấy vào đây từ bao giờ?

- Bạch người, các ông ấy vào từ buổi sáng. Ngồi chơi một lát thì nói ngay đến chuyện làm thơ. Tức thì các ông ấy gọi lấy nghiên bút và giấy nháp. Chữa đi chữa lại đến mấy chục lượt. Hơn chục giấy bản các ông viết vừa hết, chúng tôi đã phải cung phụng mười ấm nước chè tàu và năm sáu ấm nước lão mai, các ông ấy mới làm xong được bốn câu thơ, và tám tám khen hay, ông nọ bảo ông kia không thể bỏ được chữ nào. Rồi các ông cũng cắt một người chữ tốt lấy bút "đề thơ" mà đề lên đó.

- Bạch người, tôi nghe bài thơ của các ông ấy cũng hay đấy chứ, sao người lại bảo là phường lòi tói.

- Bạch người, bốn câu thơ của người tuy có xuất sắc nhưng mà lời lẽ chua ngoa, tôi e đến tai các ông ấy thì các ông ấy không bằng lòng.

- Bạch người, hay là người cho xóa bài thơ của người, vì ông Đặng Như Bích, chính là con trai cụ Nghè Đặng, nay bị người chế riếu như thế, sợ rằng ông ấy quở trách đến bọn nhà chùa chúng tôi.

Xuân Hương cười nhạt:

- Được không hề chi, để tôi ký tên rõ ràng, nếu có sự gì lôi thôi, tôi sẽ chịu hết, không việc gì đến nhà chùa.

Tức thì nàng cầm bút viết thêm ba chữ "Hò Xuân Hương" ở cuối bài thơ của nàng, rồi đứng định đi ra.

Mặt trời lặn. . .

Trời xẩm tối.

Trong phường Khán Xuân dần dần thưa người đi qua.

Sáng hôm sau, nàng vừa ngủ dậy, mới uống cạn một ấm nước chè, bỗng thấy con nụ ở đường tắt tả chạy về, hót hơ, hót hoảng, vừa thở nó vừa nói:

- Thưa cô . . . !

Rồi nó lại phải đứng im để thở. Nàng cũng ngạc nhiên về thái độ luống cuống của nó, liền hỏi:

- Cái gì thế! Giặc nổi ở đâu đây chẳng?

Con nụ vẫn thở, một lúc nữa nó mới cất tiếng:

- Thưa cô, họ sắp đến phá nhà ta!

Xuân Hương sầm mặt:

- Họ là đứa nào? Đứa nào dám phá nhà này, chúng nó làm giặc hay sao! Im đi, không được nghe nhảm, nói càn !

Con nụ vẫn nói:

- Thưa cô, thật đấy! Không phải giặc, đó là một bọn học trò đi thi.

Nàng nghe câu nói của nó đã hơi có lý, liền gặng:

- Ai bảo mày thế ?

- Thưa cô, bà hàng bánh dày ngoài đầu phố.

- Bà ấy nói sao?

Bà ấy bảo rằng: "Đêm hôm qua, khi đi bán hàng ở quanh mấy phố gần trường thi, đến chỗ nào cũng nghe thấy người ta âm âm bàn nhau, nhất định phải đến phá nhà của Hồ Xuân Hương. Bọn nọ rủ bọn kia, họ tính đến ngay ban đêm, nhưng vì trời tối, nên họ bảo nhau để đến ngày nay.

- Bà ấy chỉ nói thế thôi?

- Bà ấy còn bảo con chính mắt bà ta trông thấy một người học trò cụ Nghè Đặng và ông con trai cụ ấy đi rủ rê khắp các nơi, rồi đến mấy ông học trò cụ Nghè Hoàng cũng hùa theo.

- Chúng nó nói leo! Ta không biết họ cay gì ta, nhưng dù cay gì mặc lòng, qua một đêm hôm qua, chắc là cơn tức của họ nguôi rồi. Bây giờ có thưởng thêm tiền họ cũng không dám đến nữa. Vả, vô cớ phá nhà người ta, có sợ tội không! Chỉ có giặc mới dám như thế.

- Thưa cô, thật là họ chưa nguôi cơn tức, con cũng không biết họ tức gì cô, nhưng họ tức lắm. Bà hàng bánh dày nói rằng: Họ bảo cô làm nhục cụ Nghè Hoàng, cô làm nhục cả cụ Nghè Đặng, nhất định họ phải báo thù cho thầy, tức là hai cụ Nghè ấy. Một người bán hàng đậu phụ cũng nói với con: Sáng sớm hôm nay ở phường Đồng Xuân thấy có từng lũ học trò dúm dục đứng ở giữa đường, bàn nhau họp lại một chỗ, rồi cùng đến kéo cho đổ nhà ta và bắt lấy cô mà đánh một trận thật đau, thì mới hả giận. Xin cô liệu cách đối phó. Không thì nguy đến nơi rồi.

Xuân Hương mỉm cười, ngẫm nghĩ một lúc: nàng dặn con sen ở nhà coi nhà, rồi nàng trùm khăn vuông bịt lên đầu, lưng thắt cạp nón xuống gác và đi về nẻo Trường Thi.

Một tập học trò chừng vài chục người xúm nhau ở một quãng đường giữa phường Thái Cam. Tiếng nói chuyện ồn ào như đám họp chợ.

Đánh bạo, nàng sẽ lảng vảng đi qua, xem họ nói gì. Con nụ nói đúng. Họ đương bàn tán về việc đến phá nhà nàng. Kẻ rằng phải đi bảo thù cho anh em, người rằng ai đội mũ lệch thì xấu người ấy, chẳng hơi đâu can thiệp chuyện người dung, lỡ ra phải tội phải vạ thì ai chịu đỡ.

Qua một hồi bàn bạc phân vân, kết cục những người bàn ngang đánh đổ hết những câu nghĩa khí, mỗi người tản đi mỗi ngả. Đám học trò ấy giải tán.

Nàng lại cắp nón cứ đi.

Gần đến trường thi, xa trông đã thấy một đám người khác quần tụ ở dưới gốc cây. Bọn này nghe chừng hăng hơn và cũng đông hơn bọn kia. Nàng đứng cách một quãng khá dài, đã nghe rõ tiếng họ nói:

- Anh em phải biết cụ Nghè Đặng và cụ Nghè Hoàng tức là tiêu biểu của sĩ lâm ngày nay. Nó dám ngạo mạn với cụ Nghè Hoàng và chế riễu con trai cụ Nghè Đặng, tức là nó khinh sĩ lâm Bắc Thành. Con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, loài vật còn biết thế huống chi loài người. Chúng ta đã cấp sách đi học, được thắm nhuần tắm gội những cái nghĩa lý của thánh hiền dạy, thì chúng ta phải bênh vực lấy người đồng đạo, cho khỏi mất tiếng của sĩ lâm!

Người ấy nói dứt, một hồi vỗ tay vang một góc trời. Lâu lâu, tiếng vỗ tay đã im, đến lượt người khác nói tiếp:

- Chúng mình đã là người trong sĩ lâm, tuy không được hầu tiếp hai cụ Nghè, nhưng cũng tức như học trò các cụ ấy. Nó đã khinh các cụ, tất nhiên nó không vị nể gì chúng mình. Vả các cụ mà bị tiếng xấu, chúng mình cũng không đẹp mặt với ai. Cố nhiên đối với việc này, thế nào chúng mình cũng không thể nín, phải làm cho ra lẽ, để rửa cái nhục chung cho sĩ lâm.

- Nhưng làm bằng cách nào, rửa bằng cách nào, đó là một điều anh em phải bàn cho kỹ.

Một tiếng nói lớn bật ra trong đám đông:

- Anh ấy nói phải! Cố nhiên chúng ta phải bênh vực thể diện cho sĩ lâm Bắc Thành, nhưng bênh bằng cách nào. Không lẽ cả bấy nhiêu người kéo đến mà chửi vả với nó?

Trong đám đông lại đổi giọng nói:

- Việc gì phải chửi nhau? Chúng mình là kẻ đọc sách biết chữ, chứ có phải hàng rau hàng hành đâu? Cứ kéo cả đến mà đánh cho nó một mẻ?

- Không được! Bấy nhiêu con trai, đàn ông, đều là bậc thiếu niên anh tuấn trong nước, đâu lại đi đánh nhau với kẻ đàn bà con gái?

- Thế thì làm thế nào chứ?

- Kéo cho đổ nhà nó đi, chứ làm thế nào! Phải đấy! Chúng ta phải trừng phạt nó bằng cách ấy mới đáng tội. Nếu mà chửi nó thì không ra khi tiết của đấng trượng phu.

- Anh em hãy nghĩ cho chín, không nên nóng nảy. Vô cớ kéo đến phá cửa phá nhà người thì còn luật pháp làm sao? Chúng ta có làm giặc đâu mà hoành hành như thế?

- Ủ, chỉ có giặc cướp thì mới tự nhiên kéo đến nhà của người ta mà phá! Chúng ta toàn là hạng học trò trung vua, yêu nước, nếu như chúng ta làm vậy, quyết là các quan sở tại không để cho yên.

- Cái đó không cần, chúng mình làm việc nghĩa khí, chắc là các quan sở tại cũng phải phục. Huống chi quan nào thì quan, chẳng qua cũng xuất thân từ sĩ lâm mà ra, nó làm nhục sĩ lâm, tức là nó làm nhục cả các quan. Chúng ta rửa cái nhục ấy cho sĩ lâm, cũng là rửa nhục cho các quan. Các ngài chẳng giúp mình thì chớ, lẽ nào lại nỡ ngăn cản chúng mình.

- Anh em làm việc nghĩa khí, anh em phải can đảm! Có can đảm mới làm nổi việc. Không sợ các quan bắt tội. Nếu bắt tội chúng mình, các quan ở với ai. Nhà vua còn trọng học trò nữa là các quan? Bây giờ chúng ta tuy là học trò, nay mai chắc đâu không là rường cột của nhà nước.

- Thôi, không phải bàn đi tán lại lời thôi, cứ đến kéo đồ nhà con đi đi, tội đâu tôi xin chịu cả?

- Nhưng chúng ta chỉ có số bấy nhiêu người kéo sao cho đồ nhà nó?

- Thế thì phải đi rủ thêm mấy nghìn thí sinh hiện ở Hà Nội. Ai nghe chuyện đó mà không cảm tức? Tôi chắc nhiều bọn đã họp nhau bàn việc này rồi. Nếu mình đến rủ một câu, tất nhiên nhiều người sẽ vui lòng theo.

Một số đông lại vỗ tay khen phải. Tức thì cả bọn chia làm mấy toán, mỗi toán rẽ đi mỗi phố.

Biết qua tình thế như vậy. Xuân Hương không muốn đi theo họ nữa, lật đật, nàng lượn qua chùa Quán Sứ để trở về phường Khán Xuân. Trong chùa cũng nghe thấy tiếng học trò ầm ầm, đại để họ cũng nói như các bọn kia.

Vừa đi, Xuân Hương vừa nghĩ: "Không ngờ sĩ phong ngày nay trẻ con đến thế, chỉ có một việc cón con như thế mà họ cố làm cho to chuyện. Không biết những khi nước mất nhà tan. Họ có hăng hái được như vậy hay không?" Càng nghĩ nàng càng căm cụ Nghè Hoàng, nàng cho việc này do cụ xướng xuất ra cho học trò cụ trước, rồi đến học trò cụ Nghè Đặng mới a dua theo. Rồi nàng lại tự an ủi: "Nhưng mà cũng chẳng cần gì. Ta chắc họ chỉ rủ rê bàn tán để lấy sĩ diện với nhau đấy thôi, quyết không anh nào, dám nhúng tay mà làm. Bởi vì họ hoàn toàn là hạng nhát gan như cáy, đâu dám hung hành đến thế! ! Đi một quãng nữa, nàng lại lẩm bẩm một mình: "Tuy vậy, ta không thể coi thường, chắc đâu trong bọn hàng nghìn con người, lại không có lấy mười lăm đứa điên đại? Nếu mà những đứa điên đại ra mặt đứng đầu có lẽ những kẻ hèn nhát cũng phải đua theo. Như vậy chẳng những mang tiếng, mà ta còn bị tàn hại là khác. Thế thì bây

giờ ta phải tìm cách ngăn ngừa, để cho việc khỏi xảy ra mới được..." "Nhưng mà, sự đã thế này, còn có cách gì ngăn ngừa được không?". Nàng cứ tự mình hỏi đi hỏi lại mãi một câu đó mà vẫn chưa tìm được câu trả lời. Lại đi quăng nữa, tình cờ qua cửa nhà ông Chiêu Bầy. đột nhiên nàng như mừng rỡ và reo lên rằng: "Được rồi, chỉ có lão này còn có cảm tình với ta, ta phải vào tìm lão ấy, chắc rằng lão ấy sẽ giúp ta được việc khó khăn này," rồi nàng lững thững tiến vào trong nhà.

May sao lúc ấy ông Chiêu đi chơi vừa về. Trông thấy nàng, ông Chiêu Bầy ngồi ở trong nhà chào ra:

- Cô Hồ Xuân Hương! Mời cô vào chơi trong nhà.

Theo lời mời, nàng cung kính đi vào phòng khách.

Giữ lễ, nàng toan ngồi vào tràng kỷ bên cạnh, ông Chiêu Bầy không nghe, bảo ngồi lên chiếc ghế đối mặt với mình. Rồi ông Chiêu Bầy vừa cười vừa hỏi:

- Cô đến tìm lão, chắc vì những người học trò gần dở đang rủ nhau sinh sự với cô.

- Thưa vâng! Tôi mới nghe tin việc đó. Không biết thật hư thế nào. Nếu họ làm thật, thì rất nguy hiểm cho tôi, trong đám phụ lão ngày nay. Tôi nghĩ chỉ có cụ hãy còn lượng thứ cho tôi, vậy tôi đến cầu cứu với cụ.

- Ai bảo cô cứ hay trêu người ta. Bây giờ người ta trêu già, cô còn oán trách gì nữa?

Xuân Hương sầm mặt và nói bằng giọng nghiêm nghị?

- Thật ra như tôi có trêu ai đâu. Nhưng tôi không chịu nổi những thứ đạo đức giả dối. Những cái lễ giáo bó buộc, tôi phải sống bằng tư tưởng tự nhiên của trời cho tôi, có động chạm gì đến ai đâu, vậy mà người ta không muốn khoan bước, đua nhau phao tôi tiếng này tiếng khác. Nín không được thì tôi phải kêu. Còn như việc đề thơ ở chùa Trấn Quốc, cố nhiên là tôi khinh họ. Nhưng mà những hạng dốt nát, tục tằn không có học thức gì cả, thế mà họ cũng lên mặt cử nhân, tài tử, thì ai còn tha thứ được.

Ông Chiêu vội vàng ngắt lời:

- Không, lão nói đùa đấy thôi. Những thứ đạo đức giả dối, lễ giáo bó buộc, chính lão đây cũng không chịu nổi huống chi một người như cô. Cô khinh họ. Cô chế họ, thật là phải lắm. Hôm nọ cái bài tự tình của cô. Chính lão cho đọc để trêu tiết cụ Nghè Hoàng đấy chứ ai. Không ngờ vì đọc bài ấy, bây giờ lại xảy ra sự lòi thối cho cô. Vậy thì cô có cách ngăn cản được việc ấy chưa?

- Thưa cụ chưa, vì thế tôi phải đến nói với cụ.

- Cô với quan Tổng đốc Hà Nội có phải họ hàng gì không?

- Không có họ, nhưng ông ấy là bạn của cha tôi ngày xưa.

- Ông ấy có biết cô?

- Thưa có? Hôm nọ, tôi ăn mặc giả trai vào trường, chẳng may bại lộ, bị bắt, chính ông ấy gỡ cho tôi ra.

- Thế thì được. Bây giờ cô cứ đến nói với ngài, nhờ ngài phái một đạo lính đến phường Khán Xuân canh giữ, những người học trò thấy có lính tráng ở đấy. Tự nhiên không dám sinh sự với cô!

Xuân Hương lắc đầu:

- Thưa cụ, tôi những muốn như thế. Cái người cứ ỷ lại vào thanh thế hoặc di trạch của cha ông, đó là người rất hèn. Phụng chỉ mỗi việc đều cậy đến uy quyền của các quan thì còn ra thế nào nữa. Nếu cụ không có cách gì khác giúp cho, thì thà để cho họ đến phá nhà. Tôi cũng cam lòng, chứ vào nói với quan Tổng đốc thì tôi không nói.

Ông Chiêu Bấy ra ý khen ngợi:

- Không ngờ cô lại kiêu ngạo tự phụ đến thế.

Ngẫm nghĩ một lúc, ông Chiêu Bấy lại hỏi:

- Bài thơ của cậu Đặng Như Bích đề chùa Trấn Quốc cô có nhớ không?

Xuân hương cũng cười sáng sặc:

- Thưa cụ. Nào nó có ra hồn thơ mà nhớ! Nhưng may tôi vừa mới coi hôm qua, có lẽ cũng chưa quên, để tôi nhớ xem.

Hồi lâu, nàng lại vừa cười vừa nói:

- Thưa cụ. Bài thơ ấy vui còn nhớ cả cụ hỏi làm gì.

- Thế nào: cô thử đọc cho lão nghe.

- Nhưng nghe loài thơ ấy chực cụ cũng không thể nhin cười.

Rồi nàng đọc như dần từng tiếng:

- Khen ai đồ đất đất dựng lên chùa

Một nếp lù lù ở giữa hồ

Mặt nước bóng chiều tà bảng lảng

Làm sao vẫn chưa thấy chuông khua

Ông Chiêu Bấy cười như muốn ngắt người đi, một lúc lâu, ông ấy lắc đầu và nói:

- Chết chữa, thơ với thân, thế mà cũng dám viết vào tường cho thiên hạ xem, con trai cụ Nghè to gan thật. Người ta chửi cho cũng có, chẳng những chế giễu mà thôi. Cụ Nghè không biết khuyên con, dạy con. Lại còn gở giọng để chữa thẹn, đáng ghét. Thôi, cô cứ yên tâm mà về, lát nữa, lão sẽ có cách giải vây cho cô.

- Cảm ơn ông Chiêu - Xuân Hương từ biệt trở ra.

Mặt trời lên khỏi ngọn cây, Xuân Hương mới về đến nhà. Con nụ vẫn luống cuống lo sợ. Sau khi đã hỏi qua nàng những chuyện nghe thấy ngoài đường, nó giục nàng phải

kíp vào thành tanh quan tổngg đốc! Lắc đầu, nàng bảo nó đóng chặt các cửa rồi nàng lên gác, hé cửa đứng nhìn ra đường.

Hàng phố hình như đã nhiều người nghe biết chuyện sẽ xảy ra cho nàng, những đứa trẻ con lêu lổng và những người đàn bà tò mò luôn đợi ở vệ đường, gốc cây và bờ hồ, có ý chờ xem tấn kịch của bọn văn thân sắp diễn.

Nửa giờ sau, ở phía đông nam chột có tiếng người ầm ầm. Giây lát, quả nhiên một tụi học trò độ vài chục người tấp nập kéo đến trước cửa nhà nàng, ai cũng như nẩy khăn quần vành dây, quần rong quét gót, dáng bộ lướt thướt như lễ sinh sắp sửa vào tế văn miếu.

Mỉm cười, nàng nghĩ thầm: "lưng sức thế kia mà dọa kéo cho đổ nhà người ta, thì phỏng kéo làm sao nổi?"

Trong bọn bỗng có người gọi lớn:

- Bớ Hồ Xuân Hương, mau mau ra mà chịu tội!

Nàng toan mở cửa cho họ thấy mặt, thì ở dưới đường lại có tiếng thét dữ dội, giống như tiếng Trương Phi trong tấn tuồng đại náo Trường Bản kiên". Nàng bụng bảo dạ: "Có lẽ con nghia khí của họ đương hăng, ta chưa nên ra mặt với họ vội. Hãy để cho họ thét chán đi đã". Rồi nàng lại cứ khép cửa đứng im.

Dưới đường, học trò kéo đến mỗi lúc một đông thêm, dần dần có tới sáu, bảy chục người, những tiếng quát tháo làm bộ lại càng kịch liệt. Nàng vẫn không chịu trả lời.

Một người đi đầu trong bọn hăng hái đứng ra nói lớn:

- Cửa ngõ đều đóng im ỉm thế này, chắc là nó vì sợ quá nên đã bỏ nhà đi trốn?

Người khác đón nói:

- Chúng ta đến đây, không phải là đến bắt nó, chỉ cốt để phá nhà nó. Nó trốn mặc nó, chúng mình cứ đập cửa mà vào.

Cả bọn lao nhao khen phải. Hồi mấy người hung hành xông lại, nắm tay đập vào cánh cửa thành thành.

Tức quá, Xuân Hương đẩy tung cửa gác, nhô đầu ra hỏi:

- Các ông làm cái gì thế...?

Trong đám đông, có tiếng sùng sộ đáp lại:

- Mày láo? Dám dùng văn thơ nhảm nhí làm mất thể diện của sĩ lâm Bắc Thành, chúng tao phá tan nhà mày để trị tội ấy.

Xuân Hương phá lên cười:

- Tôi tưởng các ông toàn là bậc văn nhân, đã có ít nhiều học thức, có giỏi ta đem văn chương đối địch với nhau. Chứ kéo từng đàn, từng lũ đến mà phá cửa, phá nhà người ta, thì là thủ đoạn của phường vũ phu, du côn. Không phải thái độ của người quân tử!

Đám người ở dưới tức thì nổi cơn ồn ào:

- À nó giỏi! Nó đã vô lễ với sĩ lâm, chúng mình đến đây hỏi tội, nó không chịu lỗi, lại còn bảo chúng mình là phường vũ phu, du côn. Anh em! chúng ta không kéo đổ nhà nó đi còn chờ gì nữa, dất nhau đến đây mà chịu nhục à?

Tiếng nói chưa dứt, bỗng thấy đánh trát một cái, một hòn gạch nhỏ từ trong đám đông ném lên, nhưng không trúng cửa gác, nó động vào bức tường gác rồi lại rơi xuống dẫm vào một người ở dưới.

Xuân Hương vỗ tay cười khanh khách. Làm cho những người đứng dưới càng tức, kẻ nhặt đá ném thêm.

Người vào đẩy cửa ùm ùm.

Giữa lúc đó, ông Chiêu Bẩy ở đâu nhô ra, sấn vào đứng ở giữa đám và hỏi thật lớn:

- Các anh định phá nhà của Hồ Xuân Hương đấy à?

Mấy chục người đều ngẩng lên trông. Thấy ông Chiêu Bảy đạo mạo đội nón chống gậy đứng đó, ai nấy đều có ý kính trọng, năm sáu người đồng thanh trả lời.

- Vâng? Chúng tôi muốn phá nhà của con đi, vì nó đã dùng văn chương nhằm nhí làm nhục sĩ lâm, chúng tôi phải rửa cái thù ấy.

Ông Chiêu Bảy vừa cười vừa nói:

- Được? Anh em làm việc nghĩa khí, rất đáng ngợi khen. Tôi tuy tuổi già sức yếu, việc khác thì không dám can dự, nhưng việc này tôi phải ra sức giúp đỡ anh em.

- Vậy trước khi nhúng tay vào việc, tôi muốn anh em hãy cho tôi biết, kẻ thù của chúng ta đã làm nhục chúng ta bằng cách nào.

Mọi người lại đồng thanh trả lời:

- Thừa cụ, nó đã làm nhục sĩ lâm đến hai lần chứ không phải một. Lần trước, nó gửi bài văn chót nhả, đến trường cụ Nghè Hoàng, và nói xỏ cụ ấy nhiều câu. Lần mới rồi, anh Đặng Như Bích đề thơ ở chùa Trấn Quốc. Nó dám đề một bài khác chế giễu anh ấy và bảo anh ấy là phường lời tói. Như thế, chẳng phá nhà nó đi, còn để làm gì.

Ông Chiêu Bảy vẫn cười:

- Cố nhiên như thế. Nếu Hồ Xuân Hương quả có làm nhục sĩ lâm, lẽ nào chúng ta lại chịu nín im. Nhưng chúng ta là kẻ đọc sách biết chữ, đứng đầu tứ dân, dù muốn trừng trị người nào, chúng ta cần phải cân nhắc cho kỹ, không nên để oan người ta. Hai việc mà anh em buộc tội cho Hồ Xuân Hương, thì theo ý tôi việc thứ nhất oan cho nàng.

Mọi người đều tỏ vẻ tức giận, sắp sửa bẻ lại, ông Chiêu Bảy liền nói lấp đi:

- Trong bọn anh em ở đây, có ai dự cuộc bình văn ở trường cụ Nghè Hoàng hôm nọ hay không?

Trong đám đông, có tiếng trả lời:

- Hôm ấy, có tôi đến dự.

Ông Chiêu Bảy vội quay ra nhìn, người đó là Đàm Thận Trung, một người đã có tiếng tài hoa trong bọn sĩ tử. Ông Chiêu Bảy liền hỏi:

- A bác Đàm đây ư! Phải. Hôm đó quyền bác phê "ưu", được đọc. Bác đã dự cuộc bình văn hôm ấy thì bác có thể làm chứng cho Hồ Xuân Hương.

Đàm Thận Trung chưa kịp nói sao, ông Chiêu Bảy lại tiếp:

- Hiện có bác Đàm làm chứng. Cái việc đem đọc bài ca tự tình của Hồ Xuân Hương. Không phải ở nàng. Chính là ở tôi. Người ta không ái nam mà tự nhiên bị tiếng ái nam thì người ta phải kêu oan chứ. Suốt trong bài ấy không có câu nào xúc phạm đến cụ Nghè Hoàng, hay một người nào trong sĩ lâm, như vậy sao lại bảo là làm nhục sĩ lâm? Còn như những tiếng chót nhả trong bài. Nó chỉ là tiếng chót nhả. Không thể cho là nói xấu sĩ lâm. Tôi không hiểu vì sao mà cụ Nghè Hoàng lại ghét những tiếng chót nhả đến thế. Sự thực ngay trong sĩ lâm chúng ta, còn nhiều câu văn chót nhả bằng mười. Anh em chắc có đọc bài văn sách nôm của ông nào làm ra độ trước? "Bà vãi đánh trống long tong, nhảy lên, nhảy xuống, con ong đốt...", "con gái mười bảy, mười ba, đêm nằm với mẹ chuột tha...". Đó, các bậc tiền bối chúng ta chót nhả là vậy.

Con giận hình như đã dịu, không ai phản đối câu nào. Ông Chiêu Bảy nghỉ một lát, rồi lại nói:

- Chúng mình có quyền làm văn bông đùa, thì cũng cho phép người ta được bông đùa bằng văn chương, không nên quá ư nghiêm khắc.

Một người học trò cãi lại:

- Chúng tôi không cấm ai bông đùa. Nhưng phải bông đùa ở chỗ khác, không được đem văn ô uế vào chỗ bình văn.

Ông Chiêu Bảy cười khanh khách:

- Cái đó là lỗi tại tôi, không phải tại Hồ Xuân Hương việc đó, bác Đàm cũng đã biết rõ, chính tôi giục ông Công Thiệu đem đọc bài ấy, anh em có muốn báo thù cho cụ Nghè Hoàng thì xin cứ việc vào phá nhà tôi, đừng phá nhà Hồ Xuân Hương. Nhưng, tôi trộm nghĩ, bài văn ấy của Hồ Xuân Hương có nhiều câu hay và rất tức cười, nếu không ai đọc cho nghe, tất nhiên cũng có nhiều người sẽ mượn mà chép lấy để rồi ngâm trộm đọc vụng với nhau, có phải thế không?

Trong đám đông nghe có tiếng cười khúc khích.

Ông Chiêu Bảy vẫn đồng dục:

- Ai cũng muốn xem, ai cũng muốn biết, tôi bảo đọc lên, đó là chịu cái ý muốn của số đông người. Vậy thì anh em cũng không nên trách cái giọng chót nhả của Hồ Xuân Hương!

Có người nói lớn ở phía ngoài:

- Vâng, chúng tôi theo lời cụ Chiêu xin miễn cho Hồ Xuân Hương cái tội thứ nhất, nhưng còn cái tội thứ hai quyết không thể tha.

Ông Chiêu Bảy nói đón:

- Phải? Một người con gái dám bảo con trai cụ Nghè là phường lời tói, thật là vô lễ, chúng ta phải trị cho đáng tội, để răn kẻ khác. Nhưng trước khi trị tội người ta, tôi muốn anh em hãy cho nghe qua bài thơ của cậu Đặng Như Bích cái đã?

Hai ba người cùng nói một câu:

- Chúng tôi không biết bài ấy thế nào.

Mấy ông học trò cụ Nghè Đặng ngông nghênh đứng ra nói lớn:

- Các ông không biết, đã có người biết. Bài ấy hiện còn để ở chùa Trần Quốc, chưa biến đâu mất.

Ông Chiêu Bảy vui vẻ nói:

- Chắc ông đã có coi qua xin đọc cho nghe.

Một người trong mấy người đó ra dáng đặc ý ngân giọng đọc bằng tiếng bình văn của thầy đồ xứ Nghệ:

- Khen ai đồ đất. . . dựng lên ch ủa. . .

Ông Chiêu Bảy mỉm cười khôi hài. Người ấy hình như không để ý đến, vẫn đọc một cách tự nhiên:

- Một nếp lù lù . . . ở gi ữa h ồ. . .

Mặt nước bóng chiều tà... bảng lảng

Trong đám học trò đứng đó nhiều người trông nhau lắc đầu, ông đồ đệ cụ Nghè Đặng càng lên cao giọng:

- Làm sao vẫn chưa thấy chuông khua

Ông Chiêu Bảy hỏi lại mọi người:

- Anh em nghe bài thơ ấy thế nào, có thể gọi là thơ chẳng!

Đàm Thận Trung lên tiếng:

- Quê lắm? Nhiều chữ còn trẻ con quá! Nãy giờ Xuân Hương đứng im trên gác mặc ông Chiêu Bảy giảng giải cho bọn học trò. Không dám nói xen câu nào. Bây giờ nghe bài thơ của Đặng Như Bích.

Nàng không thể nhịn nổi, liền ngó cửa gác mà nói chõ ra:

- Thơ thần như thế, tôi bảo là phường lời tói, còn oan lắm sao? Các ông lại chực hùa nhau đến phá nhà tôi ư?

Ông Chiêu Bảy vội vàng ngắt lời:

- Cô là con gái không nên quá dùng những giọng chua ngoa. Bác Đàm nói phải! Bài thơ của cậu Bích vừa quê lại vừa trẻ con. Không có câu nào nghe được. Như thế, người ta chế giễu cũng đáng chứ có oan đâu! Anh em nên thành tâm phục thiện, cái sự mình dở, sự mình phải biết là dở, thì sự học vẫn mới có ngày tấn tới. Nếu cứ kéo bè kéo đảng, cố ý che lấp cái dốt cho nhau. Ấy là làm hại nhau đó. Vậy anh em có yêu cậu Đặng Như Bích, quý trọng thể diện của sĩ lâm thì nên nghe tôi, anh em đừng vì một bài thơ bông đùa mà chực phá nhà cửa người ta. `Làm vậy, một là anh em sẽ mắc tù tội, hai nữa, đời sau sẽ bảo sĩ lâm bây giờ, toàn là một phường trẻ con. Thôi nghe tôi anh em hãy giải tán, để dành nghĩa khí lại đó, chờ khi có việc đáng dùng sẽ dùng!

Nói chưa dứt lời, trong đám lỗ nhỏ, liền có mấy người hòa theo:

- Phải lắm, cụ Chiêu dạy thế phải lắm. Chúng ta hãy để dành cái nghĩa khí lại đó, không nên đem mà dùng vào một việc trẻ con. Đi! anh em ai về nhà nấy, để sức lo việc thi cử.

Rồi cả bọn ào ào kéo về, những người khác đều vui vẻ như thường, riêng có Đặng Như Bích và đám học trẻ của hai cụ Nghè thì đều ra ý xấu hổ, và rất căm ông Chiêu Bảy!

Chương V

Phía ngoài cửa sổ, mấy tàu lá chuối chống nhau với ngọn gió bắc, phành phạch đập vào tường vôi.

Bên huyện Thọ Xương trống canh điểm nhịp ba tiếng.

Đêm đông đã gần hết nửa.

Ngọn đèn trên quang giống như mối mọt buồn ngủ, uể oải phun ra ánh lửa vàng khè. Đặng Như Bích một mình lật quật trong thư phòng, hết đứng lại ngồi, mấy lần ngã xuống giường, đều phải dẫn dọc trở dậy, những luồng tư tưởng rối loạn đua nhau quấy nhiễu trong trí, nó không để cho chàng nằm yên.

Chàng chỉ mong cho chóng hết đêm đến sáng. Bởi vì ngày mai là ngày ra bảng kỳ đệ nhất của trường thi hương, những người đã đeo ống quyển vào trường, ai cũng như ai, chỉ muốn được thấy tên mình trên bảng.

Vả lại, đối với khoa thi, kỳ đệ nhất lại quan hệ hơn các kỳ khác. Và vì kỳ ấy học trò còn đông, số người bị hỏng sẽ nhiều. Chàng là con một ông Nghè, lỡ ra hỏng kỳ đệ nhất không còn mặt nào trông thấy anh em.

Bởi vì hỏng kỳ đệ nhất tức là "bay kinh nghĩa", mà trong việc đi thi, "bay kinh nghĩa" là sự rất xấu.

Từ lúc xong kỳ đệ nhất, vác lều chõng ra khỏi cổng trường. Chàng đã đem hết bản nháp trình cho cụ Nghè. Xem văn của chàng, cụ tuy thất vọng. Nhưng cũng miễn cưỡng khen một vài chỗ, để cho con khỏi ngã lòng. Thấy cụ không vui, chàng cũng đoán chừng văn mình chắc là kém lắm. Vì thế, ngày nào cũng chỉ lo canh cánh, không chắc mình có vào được đến kỳ đệ nhị hay không.

Bó gói ngồi cạnh án sách. Chàng nghĩ lại mấy cái đầu bài kinh nghĩa của quan trường ra cho học trò.

Chàng cho bài nào cũng khó ghê gớm. Rồi chàng lần mẩn lại giở bản nháp ra xem, chàng thấy đoạn khai giảng của bài chuyện rất là rời rạc, không thấu đến nghĩa đầu đề, mấy đoạn trung cổ, hậu cổ của bài kinh lại có nhiều chỗ đáng sợ, nếu mình tự chấm cho mình, có lẽ cũng không thể hạ bút khuyên được bài nào. Băn khoăn, chàng lấy hai cuốn sách in so sánh hai đoạn "cẩn án" xem có sai lầm chữ nào hay không. Chàng hơi yên lòng, khi thấy bản nháp đúng như trong sách không thiếu một chữ. Nhưng vẫn còn hồi hộp, bụng bảo dạ rằng: "Bản nháp thì đúng, không biết khi viết vào quyển có đúng hay không".

Lòng chàng lúc ấy đã giống như mớ tơ vò, càng gỡ càng thêm rối, chưa hết mối lo về chuyện thi cử. Chàng lại nghĩ luôn đến chuyện đề thơ ở chùa Trấn Quốc. Ôn lại bài thơ của mình vịnh cảnh chùa trên hồ buổi chiều, chàng thấy nó vừa quê vừa vụng, thật là không được chữ nào. Bụng chàng bảo dạ: "Xưa nay mình có tập làm thơ nôm bao giờ, có sao lúc ấy lại bỗng điên dại như thế. " Chàng rất oán anh Trịnh Xuân Sam, một người bạn chàng cũng đi vào chùa Trấn Quốc và cũng có dự vào cuộc vịnh thơ, chàng cho rằng hắn đã phản chàng nên mới xui chàng cứ viết bài thơ "không được chữ nào" ấy vào vách và lại giục chàng ký cả tên họ rõ ràng. "Phải, nếu ta chỉ viết bài thơ ấy vào vách mà không viết tên, dù Xuân Hương trông thấy đi nữa cũng không biết là thơ của ai, thế thì ta cũng không bị mang tiếng dốt nát. Anh Trịnh Xuân Sam thật là kẻ làm hại ta, nếu không có hấn xúi khôn xúi dại, thì ta có phô phang tên tuổi ra đó làm chi.

Nghĩ vậy, lòng chàng tự thấy bẽ lên, xấu hổ, chỉ muốn tắm rửa cho sạch những tiếng chê bai do bài thơ kia gây ra. Rồi chàng lại lẩm bẩm một mình: "Chẳng những anh Trịnh Xuân Sam, cả đến thầy, trò ông Nghè Hoàng cũng đều làm hại ta nữa. Giả sử ông cụ không châm chọc thêm vào, thì ta tuy có trót dại mà ký tên vào một bài thơ dốt nát, chẳng qua kẻ nào xem đến mới biết mà thôi. Chỉ vì ông cụ xúi bẩy, khuyên bọn sĩ tử kéo đến phá nhà Xuân Hương, việc mới vỡ lở ra to, làm cho cả xứ Bắc Thành đều biết,

thế là ông cụ muốn rửa hờn giúp ta, lại hóa ra bồi nhọ thêm cho ta. Ta thật khờ dại, nông nổi, quá nghe anh em, chúng bạn, đi làm những việc trẻ con, rút lại, bao nhiêu tiếng xấu mình phải chịu cả, chẳng ai chịu đỡ".

Chàng lại cảm ông Chiêu Bảy, chàng nhận thấy rằng: "Nếu không có ông Chiêu Bảy phá ngang, chắc là cả bọn sĩ tử đều sấn vào phá nhà Xuân Hương, ít nhất, Xuân Hương cũng phải ra xin lỗi mình, như thế mình cũng đỡ mất sĩ diện một chút. Bởi tại ông Chiêu Bảy nói ngang mấy câu, khiến cho anh em chệnh mảng giải tán, thành ra cái việc hôm ấy không có ảnh hưởng mấy may." Chàng bỗng phát cú: "Cái lão Chiêu Bảy đạo mạo lên mặt dàn xếp công việc thật là đáng ghét. Hình như lão ấy cậy là ông Chiêu, ra ý kiêu ngạo với bọn học trò thiếu niên. Nhưng làm ông Cống, ông Nghè thì khó, chứ làm ông Chiêu thì có gì. Nếu ta để sớm vài chục năm nữa, thì ta cũng là ông Chiêu, kém gì lão ấy. Phải, trong khi nhà Lê hãy còn làm vua, bao nhiêu con trai ông Nghè, đều được vào học ở Chiêu Văn Quán. Vì thế những con ông Nghè đều được gọi là ông Chiêu. Cha ta cũng đỗ ông Nghè đời Lê, giả sử họ Lê chưa mất, tất nhiên ta cũng được vào Chiêu Văn mà học, chỉ vì trào mới họ Nguyễn bỏ quán Chiêu Văn, nên ta không được kêu là ông Chiêu, chứ có phải sức học của ta thua kém gì lão Chiêu Bảy? Sao lão ấy lại dám khinh ta, lại dám chế giễu ta ở trước công chúng."

Rồi sự liên tưởng khiến chàng nhớ đến Xuân Hương. Tuy đã bị nàng cột giễu một cách chua ngoa.

Nhưng chàng không oán trách nàng, trái lại, trong con mắt chàng, nàng là người đáng phục. "Không ngờ đời này lại có một người con gái nhan sắc và tài tình đến thế, từ trước đến giờ, ta chỉ nghe tiếng, chưa rõ mặt nàng ra sao. Hôm đó, nàng đẩy cửa sổ ngó ra, thì ta mới được trông thấy, con mắt sắc ngọt, nước da trắng nõn trắng nà, quả nhiên là nàng thật xinh đẹp, khó lòng có người ăn đứt. Bây giờ việc đã lỡ rồi, ta với nàng bỗng không đã thành thù nhau, không thể nói được chuyện gì nữa. Nếu không, nếu chẳng có cái việc hôm qua, thì dù nàng bị chồng rầy, ta cũng quyết cậy người hỏi nàng làm vợ. Lấy được người vợ tài tình như nàng, có lẽ cũng sướng một đời".

Chàng lại mỉm cười và tự an ủi: "Vợ chồng bởi tại duyên trời xe lại. Nếu mà phải duyên với nhau, thì dẫu hai bên thù nhau, cũng vẫn thành vợ thành chồng. Chả thế thì sao Vi Cô lại phải kết duyên với con bé con nhà ăn mày mà chính tay ông ta đã cầm dao đâm vào trán nó? Thôi được, miễn là ta đậu khoa này, để cho nàng phải phục ta, để cho nàng khỏi cười ta là dốt, rồi ta sẽ liệu đến việc nhân duyên".

"Nhưng mà không chắc khoa này ta có đậu được hay không? Máy bài kinh nghĩa của ta viết kỳ đệ nhất, chẳng có chỗ nào đặc ý, khó mà phê được cái "thứ cộc"? Vợ vẫn, chàng cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, hết chuyện nọ đến chuyện kia, suốt từ chập tối đến cuối canh ba, chàng không chớp mắt được một phút nào.

Đĩa đèn trên quang đã sắp hết dầu, ngọn lửa nở một bông hoa đỏ ối. Ngoài các cửa ô, tiếng gà đã gáy ầm ĩ. Xa xa ở phía trường thi, trống cái thong thả điểm đủ ba hồi chín tiếng. Chàng biết cửa trường đã kéo bảng kỳ đệ nhất. Vì, lệ thường vẫn thế, mỗi khi treo bảng, vẫn phải có ba hồi trống làm hiệu, để cho học trò đến xem. Ruột chàng nóng như lửa đốt, chỉ muốn chạy thẳng đến nơi, ngó coi có thấy tên mình hay không.

Nhưng mà sự lo xa đã hãm chàng phải ở nhà, không cho chàng đi. Xưa nay những ông học trò sang trọng không ai tự mình đi xem bảng cho mình. Bởi họ sợ rằng: Lỡ ra "trông bảng không tên", còn mặt nào trông thấy bè bạn trong khi đi từ cửa về nhà trọ? Vì thế, chàng dù nóng ruột đến đâu mặc lòng, vẫn phải bám gan ngồi nhà, chờ tin tức của người đầy tớ.

Gà gáy giục.

Trời rạng đông.

Một tên gia nhân hót hơ hót hải chạy vào vừa thở vừa nói:

- Bẩm cậu, cậu được vào kỳ đệ nhị đấy ạ!

Như Bích khoan thai hỏi lại:

- Sao mà biết?

- Bẩm cậu, con ra xem bảng về đây! Từ lúc ngoài trường dứt ba hồi trống, cụ ông đã đánh thức con và giục con phải ra coi xem có thấy tên cậu hay không. Ngoài trời rét như cắt, thế mà con ra đến nơi đã thấy người ta đến đông như kiến, họ đứng vây chung quanh bảng, chật như nêm cối...

- Mà làm thế nào mà trông được bảng, có thật không hay mà trông lầm, thiên hạ động danh đồng hiệu là thường.

- Bẩm cậu không lầm? Con đã lách vào tận nơi mà xem, tuy rằng trời tối, nhưng có nhiều người đốt đuốc chĩa vào mặt bảng mà soi, nhờ vậy con mới trông thấy rõ ràng: "Đặng Như Bích, Hà Nội, Đồng Xuân", tên cậu như thế phải không?

Như Bích mỉm cười:

- Phải! ai bảo mà biết được tên tao?

- Bẩm cậu, cụ ông bảo con, cụ đã viết cả bảy chữ đó để cho con nhắm. Lúc vừa rồi, cụ lại bắt con viết lại xem có nhớ không.

Như Bích ra bộ đắc ý:

- Các cụ khéo cẩn thận, làm gì mà phải cầm quyền đến thế!

Rồi chàng lại tiếp:

- Thế mà thấy tên tao ở bảng vì nào?

- Bẩm cậu ở cửa vì ất, con cũng không biết vì nào vào vì nào, phải hỏi những người đứng đây, họ đều bảo đây là vì ất.

- Đích thật không?

- Bẩm cậu, đích thật, không sai!

- Mày đến vi ắt thấy tên tao ngay à?

- Bẩm không. Thoạt kỳ thủy con đến cái vi đối với vi ắt. Đó là vi giáp! Phải vi giáp ! Thoạt kỳ thủy con đến vi giáp và chui mãi vào trong, xem đi xem lại, không thấy tên cậu, con lại phải đến cái vi ở sau vi giáp...

- Vi ấy là vi hữu?

- Con không biết là vi gì, có lẽ vi hữu thật đấy. Ở đây cũng không có tên cậu, nóng ruột quá con bỏ cách quãng một vi, chạy luôn đến xem bảng vi ắt, may sao vừa thấy tên cậu. . .

- Tên tao ở đầu bảng hay ở cuối bảng!

- Bẩm cậu, ở ngay đầu bảng!

Như Bích vẫn cười tủm tỉm:

- Rầy rã, tên ở đầu bảng đêm nay lại phải ra sớm!

- Sao thế, hử cậu?

- Bởi vì ngày mai, khi người lại phòng cầm sổ xướng tên gọi học trò vào trường. Lại cứ theo đúng thứ tự trong bảng, người nào ở trên thì gọi trước, người nào ở dưới thì gọi sau, cho nên tên ai ở trên thì phải đến trước để cho kịp lúc lại phòng gọi đến thì vào!

- À ra thế! Con vẫn cứ tưởng người nào văn hay thì tên ở đầu bảng.

- Đó là bảng giải ngạch. Người nào đỗ cao thì tên ở trên. người nào đỗ thấp thì tên ở dưới. Bây giờ mới là bảng vào cửa, không có phân biệt trên dưới gì cả. Mày đã bẩm cụ ráng ta được vào kỳ này hay chưa?

- Bẩm cậu, đã.

- Cụ có nói gì không?

- Cụ vui vẻ lắm, giục con phải xuống nói ngay với cậu.

Như Bích liền mở tráp lấy mười hai đồng tiền đồng thưởng tên người nhà, rồi chàng vào màn nằm tạm. Nhưng, mừng quá cũng như lo quá, chàng vẫn không thể nằm yên.

Sáng rõ, chàng đội khăn mặc áo chỉnh tề, lên nhà trên, xin phép cụ Nghè để ra thăm qua quang cảnh cửa trường.

Cụ Nghè ân cần dặn con đi chơi một lát rồi phải về nghỉ ngơi cho tinh thần thư thái để ngày mai vào trường làm văn khỏi quẫn.

Lúc ấy đường phố tuy còn hơi sương ướt đầm. Nhưng vì ngày ra bảng của học trò, cho nên trên những đoạn đường đi đến trường thi, người ta đã đi lại đông như mắc cửi. Vênh vang, Như Bích đem một thằng nhỏ đi hầu, vòng quanh ba bốn phố phường để xuống cửa trường. Mỗi khi gặp người quen biết, chàng cố làm bộ vờ vẫn hỏi thăm có thấy tên mình ở bảng hay không.

Dạo một lượt khắp các cửa vi, nhìn thấy tên mình rõ ràng, chàng mới đi kiếm những người bè bạn được vào cùng vi với mình, hẹn nhau đến khi vào trường đồng lều thì nhớ tìm nhau đóng liền một khu, phòng khi cần phải bàn bạc với nhau về việc bài vở. Khắp lượt, chàng cùng thằng nhỏ trở về.

Trong nhà, bà con thân thích đến chơi rất đông, người này ra, người khác vào, ai nấy chuyện trò vui vẻ, rút lại, họ đều kết bằng một câu: "cậu phải cố lấy tiếng, "dạ" của trường, cho bỏ công mười năm đèn sách".

Chiều đến, khách khứa đã vãn, chàng dặn thằng nhỏ: "hễ có ai hỏi, phải nói dối là cậu tôi đi vắng."

Rồi chàng vào phòng đóng cửa nằm nghỉ. Cụ Nghè truyền lệnh hết thầy người nhà đầy tớ, không được lên đến nhà học, để cho cậu được ngủ yên giấc.

Gần nửa đêm, chàng ngủ dậy mắt trở dầy. Lều chiếu, yên, chõng, giấy, bút, dùi, mực, và tất cả đồ ăn, thức dùng trong việc vào trường, người nhà đã sắp sửa sẵn sàng. Cụ Nghè bắt chúng phải lục soát lại vài ba lần nữa, xem có thiếu sót cái gì hay không. Cuối canh ba, sau khi Như Bích đã ăn tạm vài ba lưng, cụ Nghè sai bọn gia nhân đưa đốt đuốc, đưa mang xách các thứ đồ đạc tiền chàng xuống đến cổng trường.

Học trò đến trường đã đông. Quang cảnh cửa trường đêm nay đại khái cũng như đêm hôm vào kỳ đệ nhất, khác một điều là mấy cây đình liệu lần này không sáng bằng mấy cây đình liệu lần trước, bởi vì đêm nay có trăng, ánh trăng lấn bớt sức sáng của ánh lửa.

Kỳ này học trò bị thái rất nhiều, số được vào thi chỉ bằng một phần kỳ trước. cho nên công việc vào trường cũng chóng. chừng nửa giờ dần, thí sinh các vi đã vào hết cả. Cửa trường đóng lại kín mít, riêng một cửa trước nhà thập đạo còn ngỏ, để cho các quan ra vào.

Cuối giờ dần, học trò ai nấy đóng lều đã xong, trên chòi canh nổi một hồi trống thật dài, rồi viên giám trường đề điệu và ba viên thuộc hạ, mỗi người đi xuống mỗi vi đem giấy đầu bài dán vào tám bảng phen nữa.

Vi nào vi ấy thí sinh tấp nập đến xem, dưới bảng, người đứng vòng trong vòng ngoài.

Kỳ này chỉ có hai bài tứ lục. Một bài biểu và một bài chiếu, cho nên việc chép đầu bài rất mau, có người chỉ đứng nhìn qua rồi về lều, chứ không phải viết.

May cho Như Bích, cả hai bài cụ Nghè đều đã ra cho học trò làm rồi.

Mừng quá, chàng mở tráp lấy các đồ dùng để viết.

Giờ đến hộp mực thì ra nước đã cạn khô. Lốp bông mực lên meo trắng xóa. Phát cáu, chàng chửi thẳng người nhà một trận kịch liệt về tội không chịu sắp sửa cẩn thận cho mình. Tuy rằng nó không có mặt ở đây. Rồi chàng hì hục rót nước mài mực đổ vào hộp mực. Thử đi, thử lại mấy lần, thấy mực trong hộp vừa viết. Chàng mới nhẩm lại bài cũ, lấy giấy nháp ra một lượt đề trông vào đó mà viết cho khỏi sai lầm. Bài chiếu chàng có

thì nhớ cả nhưng đến bài biểu thì bỗng quên mất một đoạn lại nhầm vào đoạn của chàng làm hỏng, cụ Nghè đã sửa lại cho. Nghĩ mãi không ra đoạn ấy có những câu gì, chàng phải viết một đoạn khác thay thế vào. Ngẫm đi ngẫm lại, chàng thấy biểu cũng như chiếu, lời văn trôi chảy, nhiều chỗ rất là đặc ý; bây giờ chàng mới giờ quyền ra viết.

Nắn nét từng li từng tí, tô từng cái mác, rạm từng cái móc, chàng cố làm cho chữ thật đẹp. Viết được một trang, đưa mắt ngó qua các lều chung quanh. Hình như mấy người bạn chàng hãy còn hí hoáy nháp nháp, xóa xóa. Chưa ai viết được chữ nào.

Gặp may thế này. "Khoá này thế nào ta cũng đậu" nghĩ vậy chàng lại quay đầu vào viết; viết đến gần dấu "giáp phùng" nhìn thấy màu son đỏ chói, chàng sực nhớ ra mình đã quên không đi lấy dấu "Nhật trung" - Nhật trung là cái dấu nhỏ của quan trường đóng vào quyển khi thí sinh đang viết văn tại để chứng thực quyển ấy được viết ở trong trường.

Dấu ấy cốt để phòng bị những kẻ tư thông với quan trường, biết trước đầu bài, viết văn sẵn từ nhà rồi đem vào trường mà nộp. Thí sinh làm văn khi viết đến dòng thứ ba thì phải để đó mà đi lấy dấu nhật trung. Lúc viết tiếp thì phải cách dấu lại chứ không được viết đè lên.

Nếu viết đè lên là phạm trường quy, văn hay đến đâu cũng hỏng.

Luống cuống chàng vội bỏ quyển viết dở, lấy giấy đóng vội quyển khác.

Giấy gấp rồi, lẻ xé rồi, lúc tìm cái đục giấy, thì lại không thấy. Cái đó mới nguy hiểm lấy gì làm dùi cho thủng giấy mà khâu giấy lẻ? Chàng lại chửi bới thẳng người nhà hồi nũa, sao lúc đêm qua, lục soát mấy lần, thiếu cái dùi vỡ mà nó không biết.

Quyển không có, còn thi với cử gì nữa, chàng đã tuyệt vọng, toan tháo lều giả cách đau bụng đi ra. Người bạn của chàng đóng ở gần đó, có ý thương hại, lừa lúc ông ngự sử và lính trên chòi không ngó đến đám lều ấy, người ấy liền ném trộm cái dùi sang bên lều

chàng cho mượn. Sung sướng và cảm ơn bạn, chàng gấp ngang gấp dọc một tờ giấy trắng làm mẫu chia ra năm khoảng. dùi bốn lỗ lẽ thật đều và thật ngay, đóng xong quyển mới, chàng lại thu xếp các đồ lặt vặt vào tráp lấy chỗ ngồi viết. Khi nhắc cái tráp lên, thì thấy cái dùi của mình vẫn nằm hên hạch ở mặt chõng, chàng cho là sự quái gở, bụng bảo dạ rằng: "Có lẽ u hồn kẻ nào vì nhà mình mà phải chết oan, bây giờ nó theo mình vào trường, che lấp mắt mình đây chẳng? Nếu không, làm sao cái dùi để đây mà từ nãy đến giờ, mình tìm mấy lượt không thấy . Hay là trong lúc loạn lạc, tiên tổ nhà mình đã làm gì thất đức, bây giờ mình phải chịu tội? "

Dù vậy đi nữa, thì cũng phải chịu, chứ biết sao được".

Thế rồi, chàng lại đặt quyển lên mặt tráp, cẩn thận đề ba chữ tên thật lớn, viết xong niên canh, quán chỉ.

Chàng viết đến dòng "cung khai tam đại". Soát lại một lượt các tên tăng, tổ, phụ và phủ, huyện, trấn, đều không sai lầm nét nào. Chàng bèn đem vào nhà thập đạo lấy dấu giáp phù, được rồi đem về lều, chàng lật sang trang sau, viết lại đầu đề, rồi viết đến bài. Lần này chàng nhớ như chôn vào ruột, viết đúng được hai dòng rưỡi, thì chàng đứng dậy, lại đem quyển đưa vào trong nhà thập đạo để cho lại phòng đóng dấu Nhật Trung. Ở đây thí sinh đã đến lấy dấu tấp nập, người lại phòng lần lượt cầm dấu đóng vào những quyển đưa trước, chưa đóng đến quyển của chàng. Đứng ngoài hàng rào chờ đợi, ruột chàng mỗi lúc mỗi thêm bồn chồn. "Tuồng là mình gấp bài cũ, thế nào cũng viết được nhanh hơn người, té ra thiên hạ lại còn nhiều kẻ vẫn nhanh hơn mình, thế này thì sự thi cử của mình khoa này cũng không lấy gì làm chắc cho lắm". Chàng đương phân vân nghĩ ngợi, bỗng thấy có tiếng gọi: "Ai là Đặng Như Bích?", chàng vội trả lời: "Tôi đây!". Người lại phòng đã đóng vào quyển của chàng, sai lính cầm ra cạnh rào và đưa cho chàng. Đón quyển đem về lều, chàng lại cẩn thận nhìn từng chữ trong bản giấy nháp mà viết. Quanh dấu Nhật Trung, không bị xóa, sót, sửa chữa chữ nào. Chàng viết luôn hết trang đầu, rồi viết sang trang thứ hai. Hết nửa trang ấy, thỉnh thoảng chàng lại nhìn lại trang trên. Một sự không ngờ làm cho chàng bỗng giật mình tưởng như sét

đánh. Là ở trên dấu giáp phùng, chàng đã viết sót một chữ. Giáp phùng là cái dấu son của gian trường đóng vào giữa thò giáp giới của trang nhì và trang nhất, cốt giữ cho thí sinh khỏi đội giấy thứ hai trong quyển, đó cũng là một cách phòng gian. Dấu ấn đóng ở trong quyển từ lúc thí sinh mới nộp quyển trắng cho quan trường.

Không phải đến khi vào trường làm văn mới đóng. Theo đúng trường quy bốn bên dấu giáp phùng, cũng như bốn bên dấu Nhật trung, khi viết văn không được xóa, sót móc, chữa chữ nào, vì sợ học trò thông với quan trường, cố ý đập xóa, bỏ sót, hoặc sửa chữa vài chữ ở chung quanh dấu để đánh dấu cho quan trường biết quyển ấy là quyển của mình. Bởi vậy, quyển chàng bỏ sót một chữ trên dấu giáp phùng cũng là trái với trường qui. Chàng vừa ngấm nghĩa quyển văn, vừa cuống quýt lo sợ, nếu bỏ không thêm chữ khác vào cạnh, thì câu văn không có nghĩa gì, mà nếu viết thêm chữ nữa vào đó, tức là không đúng trường qui, đằng nào cũng là hỏng cả. "Đích là có cái oan hồn theo ta vào đây ám ảnh cho ta lẫn lộn; không phải tại ta sơ suất. Mọi ngày làm văn nhật khắc, ta có bị phạm trường qui bao giờ? Thôi, bây giờ cũng chưa muộn lắm, đành phải cánh quyển lần nữa, may ra còn có hy vọng, chứ để như vậy, thì không còn mong mỏi gì". Chàng lại mở tráp lấy giấy đóng một quyển khác. Tên, họ, niên canh, quán chỉ, cung khai tam đại, đều đề xong cả, chàng lại đưa vào trong nhà thập đạo xin dấu giáp phùng. Bấy giờ trời đã gần trưa, học trò lấy dấu Nhật Trung đã đông, họ quây kín bức rào cửa nhà thập đạo, thấy vậy, chàng càng sốt ruột. May thay khi ấy người xin cánh quyển cũng ít, nên quyển chàng đưa vào, được đóng dấu ngay không phải chờ đợi gì cả.

Chàng luôn phóng viết hết một dòng đầu đề và độ hơn hai dòng bài, lại phải đem quyển đến nhà thập đạo xin dấu Nhật Trung lần nữa. Thế là trước sau, chàng phải đến nhà thập đạo năm lần tất cả. Máy người lại trong phòng đã nhó mặt chàng, khi chèn trao quyển lại cho chàng họ nhìn mặt quyển và mỉm cười chế giễu:

- Đặng tiên sinh, lần này thì xin tiên sinh đừng cánh quyển nữa nhé, chúng tôi không sợ đóng dấu vạt vả, chỉ sợ tiên sinh đi lại nhiều lần như thế, không còn thì giờ nghĩ văn. Tiên sinh nên biết mùa đông ngày ngắn, chớp mắt đã sắp tối rồi.

Chàng không trả lời, im lặng đón quyển về lều.

Chuyến này chàng phải theo đúng bản nháp viết lấy hai tờ cực kỳ tinh tế, đọc đi đọc lại, không thấy lầm sót chữ nào, chàng mới lồng hai tờ ấy vào tờ thứ nhất và tờ thứ hai trong quyển dám phóng, rồi cứ theo phóng mà viết. Suốt hai tờ đầu quyển, không bị can phạm gì cả, chàng như đã trút được nửa gánh nặng, và từ trang thứ ba trở đi, không có dấu của quan trường nếu sai lầm. Cứ việc tháo tờ ấy ra đóng tờ khác vào, không phải đi canh quyển nữa.

Mặt trời tà tà, chàng đã viết xong bài bị thiếu và hơn một nửa bài biểu, chỉ còn hơn một trang nữa thì yên, bụng đã hơi vững, chàng bèn đọc từ trên đầu trở xuống, xem có sai suyền gì không. Thì ra đoạn giữa, bài biểu, hai vế cách cú, chàng bỏ sót mỗi vế một câu bốn chữ. Tuy rằng thiếu mấy chữ đó đoạn văn ấy cũng vẫn có nghĩa nhưng vì mỗi bên sót mất một câu, thì điệu bằng, trắc sai đi thành ra không đúng niêm luật của lời văn "tứ lục", chàng toan sửa thêm cả hai câu đó vào bên cạnh dòng. Nhưng đếm từ đầu quyển trở xuống, vừa xóa vừa chữa, đã tám chữ rồi. Theo luật trường qui tất cả trong quyển, xóa, sót, móc, chữa, không được quá số mười chữ, nếu lại thêm tám chữ nữa, thì thành đến mười sáu chữ, cũng lại là phạm trường qui. Chàng đành tháo lều, bỏ tờ giấy đã viết hỏng kia và đóng thêm một tờ khác vào, rồi lại bắt đầu viết lại.

Bỗng ở trước lều, có người ngồi thụp xuống chỗ chân chõng của chàng và hỏi:

- Thưa ông, chữ "tư ba phẩy" thế nào, ông làm ơn viết cho tôi coi!

Chàng đương bực mình, lại bị có người quấy rối, không thể nào mà nín nhịn được, cau có chàng gắt:

- Chữ "tư ba phẩy" không biết thì còn thi cử gì nữa ?

Người kia mềm mại trả lời:

- Thưa ông, vì lúc làm văn vội quá, trí tôi lẩn quẩn, quên mất, nghĩ mãi không ra. Xin ông làm ơn bảo cho. Muốn để hấn đi cho thoát, chàng liền viết một chữ "tu" vào gan bàn tay và chìa ra cho hấn xem. Lắc đầu hấn nói:

- Thưa ông, đây là chữ "tu" là "sử", không phải chữ "tu ba phẩy. ."

Chàng lấy mảnh giấy viết chữ "tu" khác và chỉ cho hấn. Hấn vẫn kè nè:

- Thưa ông, không phải chữ "tu ba phẩy", đây là chữ "tu" là "nêm".

Sắn bút, chàng viết chữ nữa ở cạnh mảnh giấy cho hấn, hấn cũng lắc đầu:

- Đó là chữ "tu" là "râu", tôi đã nhớ rồi, nhưng tôi muốn hỏi chữ "tu ba phẩy."

Tức quá, chàng lại gắt:

- Chữ "tu ba phẩy" nghĩa là gì chứ! Cứ nói chữ "tu ba phẩy" thì ai biết là chữ chó nào. Mỉm cười người ấy đứng dậy:

- Thôi ông không biết, để tôi đi hỏi người khác, làm gì ông phải gắt gỏng!

Rồi hấn liền quay lưng đi. Chàng lại cặm cụi quay vào quyển văn.

Mặt trận gió bắc thoảng qua, trong lều có mùi hôi thối. Ngạc nhiên, chàng ngoảnh lại nhìn, ở dưới cuốn chõng, chính chỗ người khách mới ngồi thấy có đồng bã ván chương sù sụ. Té ra ông học trò ấy mót đại tiện, vì ở quanh lều đông quá, không có chỗ nào mà đi, hấn mới chạy đến lều chàng, vờ hỏi chữ "tu ba phẩy", để có thể ngồi vào cuối chõng mà tháo cái bã ván chương ra đó. Nhưng mà Như Bích không nghĩ như vậy chàng nhất định đoán là oan hồn báo oán, đem uế vật vào đó để quấy nhiễu chàng. Sực nhớ trong tráp có ít vàng giấy chưa hóa, chàng vội vạy cái môi giấy sang lều bên cạnh xin lửa, vừa hóa vàng, chàng vừa lầm nhảm khẩn khẩn: "Tôi là Đặng Như Bích ở phường Đồng Xuân, trấn Hà Nội, cần rơm cần cỏ lạy người. Nếu phải đời trước nhà tôi đã có oan trái với người, xin người hãy cứ tha tội cho tôi, nay mai về nhà, tôi sẽ lập đàn giải oan, nhờ

thầy cúng lễ, đưa người về phương Tây châu Phật. Lạy người vạn bái, lạy người vạn bái... "

Khẩn xong, vàng vừa cháy hết, chàng lại quay vào viết văn.

Trống cái trên chòi thánh thót điểm những tiếng oai vệ, học trò nhao nhao đến nhà thập đạo nộp quyền và vác lều chống theo đường cửa trước đi ra, quyền chàng hãy còn ngót nửa trang nữa mới hết. Bấy giờ ruột chàng rối như canh hẹ, trống ngực hồi hộp họa lại tiếng trống thu quyền trên chòi. Viết lại xóa, xé tờ ấy, đóng tờ khác, cái tờ cuối quyền chàng phải bỏ đi đến hai, ba lần. Trống cái trên chòi điểm càng mau, bụng chàng càng sôi sùng sục, các lều chung quanh đều rõ đi điểm qua những chữ xóa, sót, móc, chữa, chữa ở cuối quyền, viết xong chỗ "cộng quyền nội" thì trời vừa tối.

Bỏ cả lều, chống, chiếu, tráp, chàng lật đật vớ quyền đi nộp. Quyền chàng vừa đưa cho người lại phòng, tiếng trống cuối cùng vừa dứt, chậm một phút nữa, thì chàng sẽ bị ngoại hàm.

Ra khỏi trường, vừa đi chàng vừa nghĩ lại những sự lẩn quẩn xảy ra cho chàng ở trường, khiến chàng thơ thẩn như bị ma đuổi, mắt trông xuống đất mà vẫn không nhìn thấy gì. Đến phường Đồng Lạc, tình cờ chàng ngẩng đầu lên, gặp Hồ Xuân Hương ở phường Đồng Xuân đi lại. Chừng như cũng thẹn với nàng, chàng vội vàng nhìn đi đường khác, nhưng thỉnh thoảng vẫn liếc mắt trông trộm, xem nàng có để ý đến mình hay không.

Chương VI

Tuy là giữa tiết mùa Đông, sớm nay trời ra vẻ trong trẻo hơn các sớm khác.

Một lát sau khi sáng rõ, các đám mây mù đều bị gạt xuống chân trời, nhường chỗ cho mặt trời từ từ vượt lên dãy núi phương đông để báo tin một ngày ấm áp.

Xuân Hương vừa tan tiệc chè buổi sáng, nàng thơ thần đứng tựa cửa gác nhìn ra Hồ Tây. Trên đường Cổ Ngư, thấy có một người đàn ông từ nẻo cửa Bắc lững thững đi lại. Ngắm kỹ dáng bộ người ấy, nàng đoán chừng là Đặng Như Bích.

Giây lát người ấy lại gần, quả nhiên là chàng ta.

Số là hôm trước khi ở trường ra, tình cờ gặp nàng giữa đường, Như Bích tuy vì hổ thẹn mà ngoảnh mặt đi, nhưng trong bụng vẫn không quên nàng. Về đến nhà đưa những bản nháp lên trình cụ Nghè, chờ cụ xem xong và bình phẩm qua loa vài câu, chàng liền đi xuống nhà học. Cơm nước xong, chàng sai thằng nhỏ giữ giường buông màn, rồi chàng bảo nó đóng cửa để mình nằm nghỉ.

Suốt đêm ấy, cặp mắt, cặp môi và đôi gò má Xuân Hương luôn luôn ở trước mặt chàng, khiến chàng lật quật hết nằm lại dậy, không sao ngủ được, tuy cả ngày hôm trước, chàng đã mệt lử về việc cánh quyền và viết bài.

Gió bắc hiu hiu lùa vào cửa sổ, ngọn đèn trên quang lướt đi lướt lại rình tắt. Ánh sáng mờ mờ chiếm cứ cả một gian phòng, làm cho chàng càng thêm buồn bã.

Chàng không nghĩ gì đến việc thi cử, không nhớ gì đến văn bài mà mình mới viết ở trường, bao nhiêu tâm trí, chàng để hết vào Hồ Xuân Hương. Trong bụng chàng khi ấy, nàng đã trở nên một người con gái hoàn toàn, có tài có sắc lại có cả đức hạnh nữa, xứng đáng là người nội trợ của chàng, chàng nhất định phải cật lực đưa tin hỏi nàng làm vợ, không ngại những chuyện đã xảy ra giữa chàng với nàng từ mấy hôm nay, chàng tự tin rằng nhà chàng hỏi ấy hãy còn danh giá bề thế gấp mấy nhà nàng, nếu

chàng mượn người hỏi giúp, chắc là thế nào cũng xong. Nhưng chàng lại ngại không biết cụ Nghè có bằng lòng hay chẳng, hay là cụ lại chê nàng đã thõa, mà không cho chàng lấy nàng.

Chàng cứ nghĩ quanh như thế, vừa đến sáng bạch, không nhắm mắt được một phút nào. Sáng ra, chải đầu, rửa mặt xong rồi. Mấy lần chàng toan đi lên nhà trên, đem cái ý định của mình nói với cụ Nghè, nhưng lại rụt rè không dám. Rồi cái dáng dấp yếu điệu, cái dung nhan xinh đẹp của Xuân Hương lại làm cho lòng chàng nóng như lửa cháy, không thể ngồi nhà cho yên. Đội khăn, mặc áo chỉnh tề, chàng lên xin phép cụ Nghè đi thăm anh em. Ra khỏi cửa, chàng vờ vòng quanh vài phố, rồi xăm xăm lên thẳng trên đường Cổ Ngư và lần lần tiến đến trước nhà Xuân Hương, ý chàng chỉ muốn thấy mặt nàng một chút mới dịu được cơn sốt ruột.

May sao lúc đó, nàng vừa ngó cửa trông ra, chí nguyện của chàng đã thỏa, chàng liền giả cách đi thẳng lên phía Yên Phụ, nhưng, vừa đi, chốc chốc chàng vừa quay cổ trông lại, hình như muốn đi mà không thể dứt tình đi thoát.

Thấy thái độ của chàng như vậy. Xuân Hương cũng lấy làm ngạc nhiên, nàng không thể nào đoán ra tâm lý của chàng lúc ấy: "Hôm nọ ta đã chế giễu hấn một cách đê nhục, và chính hấn cũng toan gây sự phá phách nhà ta, thì không lẽ nào hấn lại quyến luyến ta nữa. Mà nếu hấn không có ý muốn quyến luyến, thì sao hấn lại thơ thẩn dạo quanh ở trước nhà ta, đôi mắt lăm lét giống như chỉ muốn nhìn ta mà không dám nhìn ra mặt?". Thế rồi nàng thử để ý xem chàng đến đó để làm gì. Quanh đi quanh lại ở đường Cổ Ngư độ vài ba lượt, chừng như chàng cũng tự lấy làm ngượng, lại lẽo đẽo đi về con đường Cửa Bắc. Nàng cho là chàng có hẹn người nào đến đấy, nhân thể đi qua, gặp mình thì nhìn ngó chơi, không phải là có ý gì với mình. Không nghĩ gì đến chàng nữa, nàng sai con Nụ xuống chợ mua ít cam, quệt và vài chục bánh cốm để nàng sang chơi Kinh Bắc làm quà.

Quê chồng dì nàng ở đấy. Từ khi mẹ nàng còn sống, bà dì vẫn luôn luôn sang chơi nhà nàng ở phường Khán Xuân. Đối với nàng, bà ấy rất là thương yêu quý mến, thường

thường khuyên nàng nên lấy người chồng học trò, để có một ngày hưởng cái hạnh phúc "võng anh đi trước, võng nàng đi sau". Lúc nàng bị ghép vào làm vợ lẽ lão quyền Chương Vệ, bà ta vẫn không bằng lòng, nhưng vì không có quyền gì với nàng, cho nên bà ta phá ngang không nổi.

Từ đó, bà ấy cũng không hay sang nhà nàng như trước.

Nàng vẫn định bụng sang thăm bà dì, để nói những chuyện tâm sự, nhưng mấy lần sắp đi lại mắc việc khác phải thôi.

Hôm ấy gặp ngày giỗ ông chồng bà ấy, nàng mới quả quyết đi, song trước là lễ giỗ, sau nữa thăm dì, thăm em luôn thể.

Nàng sắp sửa quần áo xong rồi, đợi độ một lúc, con Nụ đi mua các thứ đồ vật vừa về. Bỏ hết các thứ vào đôi tay nải, nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng lồng thông lồng đồ vào đòn gánh, gánh đi. Coi dáng điệu nàng lúc ấy, không ai bảo nàng là người biết chữ. Bởi vì những người biết chữ, phần nhiều là con nhà quan, người ta chỉ quen ẹo với đôi dép cong, chưa khi nào để đòn gánh lên vai! Nhưng mà những người quen biết, thấy nàng chịu khó như vậy, người ta lại càng kính phục.

Sang bên Lâm Do, nàng cuốc một mạch thì tới ngã ba Cu Hạc. Một bọn phu cáng ở đó đón khách, họ kéo nài mời nàng lên cáng đi cho đỡ mệt. Bảy giờ chân nàng đã thấy hơi mỏi, nàng bèn trả họ hai bốn đồng kẽm, thuê họ cáng mình từ Cổ Hạc đến phố Chùa Răn.

Kể ra đoạn đường ấy chẳng qua chỉ độ một dặm, đối với con đường từ Hà Nội đến Kinh Bắc, một dặm đường có thấm vào đâu. Nàng phải đi cáng, một là cũng muốn nghỉ chân giây lát, hai nữa thử xem cái thú đi cáng thế nào, vì từ thuở nhỏ đến giờ, nàng chưa đi cáng bao giờ.

Ngồi trên cang, nàng tự thấy mình gần giống con vật: chỉ có loài vật, mới phải để cho người ta khiêng vác, chứ loài người trời đã sinh cho đôi chân để đi, không đau, không ốm, sao lại bắt tội kẻ khác vận tải.

Lắm lắm nàng trách thầm vua Quang Trung, nàng cho ông ấy vẽ ra cái cang, khiến cho những kẻ giàu sang bây giờ đều muốn người ta khiêng vác như loài vật cả. Rồi nàng lại nghĩ: "Nhưng mà ta trách vua Quang Trung có lẽ cũng lắm, chẳng qua những người giàu sang muốn bắt kẻ khác khiêng vác, ấy là tại họ lười biếng. Chứ ông vua kia có tội gì. Trong lúc quân tàu đánh chiếm Thăng Long, tướng sĩ đều thua chạy hết, vua Quang Trung ở thành Phú Xuân, tiếp được tin báo, muốn gấp đường kéo quân ra thẳng Bắc Hà, cho kịp đánh giặc trong dịp nguyên đán. Bởi vì vua ấy biết tính người Tàu hễ cứ đến tết thì phải ăn uống no say, không lo gì đến trận mạc, đánh họ lúc ấy, dễ phá được họ hơn là lúc khác. Nhưng cái ngày khởi quân lên đường, chỉ cách mỏng một tháng giêng chừng mười bữa nữa. Trong mười bữa ấy quân sĩ còn phải ăn ngủ, làm thế nào mà đi cho tới Bắc Thành, vua Quang trung mới nghĩ ra lối đi cang bắt quân thay phiên cang nhau, phiên này mỗi một, thì cho lên nằm cang mà ngủ, để cho phiên khác cang đi. Thành ra quân đi suốt đêm, người nào cũng được ngủ nghỉ, nghỉ ngơi, không ai bị mệt nhọc quá.

Nhờ vậy khi đến Thăng Long, chỉ đánh một trận thì phá được tan quân Tàu, chém được Sâm Nghi Đống và đuổi được Tôn Sĩ Nghị. Như vậy vua Quang Trung cũng là một người thông minh, mới sáng chế được cái lối "người tải người" ấy. Nhưng kiểu "đi" đó dùng riêng về việc trẩy quân thì phải, chứ đến việc khác, những việc không cần kíp quá như việc đánh giặc, thì đã có xe, có ngựa can gì phải nằm sóng sượt ra đó để cho kẻ khác khiêng đi. Nghĩ vậy, nàng bèn bảo đồ cang lại, trả tiền cho hai anh phu cang, rồi nàng lẻo đẻo đi bộ.

Một lát, đến phố chùa Răn. Từ Hà Nội lên Kinh Bắc, tới đó là được nửa đường, vừa đúng một "cung", những người gánh vác trên đường thiên lý đều phải nghỉ lại ở đó để ăn uống. Vì vậy, phố ấy tuy không phải là nơi kẻ chợ, nhưng cũng có đủ hàng cơm,

quán rượu, quang cảnh cũng hơi sầm uất. Bây giờ trời đã gần trưa, nàng vào hàng nước nghỉ tạm giây lát. Thình lình trông ra trước mắt, thấy có khu rừng cây cối rườm rà.

Sực nhớ chỗ đó là lăng nhà Lý! thuở xưa họ Lý trị vì, các vua tạ thế đều đưa về táng ở đó, nàng toan rẽ vào coi xem phong cảnh có gì lạ không. Nhưng nhìn mặt trời đã sắp đứng bóng, nàng sợ rong chơi lan man, hoặc giả đến tối không tới Kinh Bắc, nên lại cất gánh lên đường, dành sự ngoạn cảnh đến chuyến trở về.

Lên khỏi phố Viêng; chợt thấy đám người xúm lại giữa đường đông như một đám thò lò, tiếng cười tiếng nói tiếng reo. Tiếng vỗ tay vang một góc trời. Lấy làm lạ, nàng bèn vào trong cái quán cạnh đường vừa để nghỉ chân vừa để hỏi xem đám đông kia là đám gì thế.

Bước đến cửa quán nàng lại toan lùi trở ra, vì có một bọn học trò và một đoàn khăn gói chiếm hết các ghế.

Nhà hàng chèo kéo cố mời nàng lại. Bọn học trò kia chừng cũng biết ý, liền ngồi dẹp vào một bên, nhường chỗ cho nàng. Nàng vừa ghé ngồi vào ghế, bỗng ở đằng xa có người bùng đầu chạy lại, vừa chạy vừa kêu. Thì ra sư ông ở Quán Sứ, sang chơi chùa Dền trở về, vô tình qua đường, thấy một lũ trẻ chăn trâu đương phá tổ ong, ông ta dừng chân đứng xem, chẳng may con ong vỡ tổ bay ra, đốt ngay trán, đau quá, ông ta phải ôm đầu chạy đến quán ấy tìm thuốc.

Thấy nàng ông liền xuýt xoa hỏi:

- Cô đi đâu lại sang bên này? Có vôi cho tôi một miếng.

- Ông xin vôi làm gì?

- Tôi bôi vào chỗ ong đốt. Lũ trẻ trời đánh, chúng phá tổ ong giữa đường, làm cho ong đốt ngay vào đầu tôi! Vôi của nhà hàng thiếu gì, sao ông lại xin của tôi?

Ông sư ngón ngoён:

- Muốn xin vôi của cô mới hay, vôi của bà hàng e rằng không hay.

Thấy cái thái độ ỡm ờ của kẻ tu hành, nàng có ý ghét liền đáp:

- Tôi không có vôi. Nhưng tôi có biết mấy câu thần chú, nếu viết vào giấy, rồi đem đốt đi, lấy than bôi vào những chỗ rần cắn, hay rết đốt, ong đốt thì khỏi tức thì.

- Vậy cô làm phúc viết cho tôi.

- Không có giấy bút.

Vẫn hai tay bưng đầu, ông sư quay lại hỏi bọn học trò:

- Các thầy có đem giấy mực trong gói, làm ơn hãy cho tôi mượn.

Cố nhiên khăn gói của những học trò đi trọ, phải có giấy bút ở trong, một người trong bọn liền lấy cho mượn.

Mài mực, tẩm bút, nàng liền viết thảo vài dòng, đưa cho ông sư:

- Sư ông đọc đi ba lượt, rồi xem đốt để mà bôi.

Ông sư trông vào mảnh giấy, không thể nhận được chữ nào, vì chữ nàng viết thảo quá.

Ngoảnh lại đằng sau, ông sư sẽ nói với người học trò:

- Mắt tôi lóa lắm, không có kính không thể trông ra chữ gì, ông tình mắt hãy đọc giúp tôi một lượt để tôi đọc theo.

Cầm mảnh giấy, người học trò coi qua một lượt, rồi nhìn mặt Xuân Hương một cách ngạc nhiên, người ấy vừa cười vừa ngâm:

- Nào nón tu nữ, nào mũ thâm

Đi đâu chẳng đội để ong châm

Đầu sư há phải...

Đến đó, người ấy cười ngất cười nghẽo, giấy lát mới lại đọc tiếp:

- Đầu sư há phải . . . đầu bà cốt?

Bá ngọc(tiếng chửi của nhà chùa.)

Con ong bé cái lằm.

Cả bọn học trò cùng cười ầm lên. Ông sư phát cáu, vung tục vung nhả một hời, rồi rút lui. Những người học trò khi ấy mới biết nàng là bậc tài nữ, một người muốn bắt làm quen, lễ phép hỏi:

- Thưa cô, quý quán ở đâu ta?

- Tôi ở Hà Nội.

- A! có phải cô là Hồ Xuân Hương?

- Phải!

Mấy người ngơ ngác nhìn nhau, ra ý muốn nói dài dòng nhưng lại rụt rè không dám. Nàng cũng im lặng cời giấy lưng bao, lấy tiền trả bà hàng nước, rồi đứng dậy đi.

Mặt trời tà tà, nàng tới Kinh Bắc. Bấy giờ trong nhà bà dì khách khứa đã vắng.

Thấy nàng, bà ấy và cả mấy người con gái, ai nấy tay bắt mặt mừng. Trách nàng đã định sang chơi, sao không sang từ chiều hôm qua. Nàng phải thú thật hôm qua khuấy quên, sáng nay mới nhớ ngày nay kỵ nhật ông chú.

Sau khi nàng đặt đồ lễ lên giường thờ làm lễ, bà dì bảo nàng vào nghỉ trong buồng học của mấy đứa em gái. Bà ấy không có con trai, chỉ có ba người con gái, hai người đã lớn, trước có đi học, nhưng từ đầu năm đến giờ, đã phải thôi học để tập nghề buôn, còn một người nhỏ đương học thầy đồ ở nhà bên cạnh. Giở hết các sách của bọn em gái ra xem, nàng thấy dấu chữ thầy đồ xetch xoạc như vết gà bới, mỉm cười, nàng hỏi:

- Thầy đồ vẫn dạy các em tên gọi là gì?

- Chúng em không biết tên thật ông ấy, chỉ thấy gọi là thầy đồ Nghệ, vì ông ta là người xứ Nghệ.
- Năm nay ông ta đã bao nhiêu tuổi?
- Vào khoảng bốn mươi.
- Ông ta có được đông người đến học lắm không?
- Được hơn mười người tất cả.
- Có ai lớn không?
- Chỉ có những người độ bằng chúng em hay lớn hơn một ít.
- Ông ta có dữ đòn không?
- Trước kia ông ấy cũng dữ đòn lắm, sai một tí là đánh liền, sau vì học trò đau quá, chúng nó bỏ đi học thầy khác, bây giờ ông ta không dám đánh dữ như trước. .

Bà dì vừa vào, làm cho câu chuyện ngừng lại. Bà ấy tỉ tê hỏi nàng hết thầy công việc của nàng mới rồi, từ việc bị ông Chuởng Vệ rầy ra đến việc cải trang đi thi và việc bị bọn sĩ tử toan đến phá nhà. Nàng đều cứ thật nói lại một lượt rành mạch. Bà dì căn vặn khuyên nàng từ rầy trở đi, không nên chua ngoa, nhất là không nên trêu ghẹo những người học trò làm gì, người ta dốt thì mặc người ta, không việc gì đến mình.

Cơm nước đoạn, bà ấy lại bảo cho nàng biết rằng thầy đồ bên cạnh là người ở huyện Nam Đàn, ông ta xưng là học trò cha nàng khi xưa lại biết tiếng nàng học giỏi, thường dặn bà ấy, khi nào nàng sang Kinh Bắc thì xin cho biết, để ông ta sang chơi. Nàng nghĩ cha nàng khi trước tuy quán ở huyện Quỳnh Lưu, nhưng vẫn ở luôn Bắc Thành, làm gì lại có học trò ở huyện Nam Đàn. Hay là ông đó thấy dì nàng thân với nhà nàng, nên cũng nhận vợ thế chăng? Tuy vậy, nàng cũng tỏ ý vui vẻ, hứa đến ngày mai sẽ tự sang ông ta.

Đêm ấy, dì, cháu, chị, em, chuyện lời, chuyện lả, hết chuyện gần đến chuyện xa gần quá nửa đêm, vẫn chưa ai ngủ.

Sáng sớm hôm sau, người con gái nhỏ bà dì cấp sách đi học, nàng cũng nói với bà ấy luôn thể để em đưa mình sang thăm ông đồ.

Sau chiếc án thư gác cây roi mây dài hơn một sải, và đặt một cái ca đàn mài son, thầy đồ quần vành khăn vải nhuộm màu tam giang, ngất ngưỡng ngồi trên bộ phản với cái điều đàn, hai ghế hai bên ló nhỏ một lũ con nít mặt mũi nhếch nhác, quần áo lem luốc và la liệt những cuốn sách mỏng và nát nhàu.

Thấy nàng, thầy đồ ra vẻ ngạc nhiên liền hỏi bằng giọng trọ trẹ:

- Cô tới màn chi! Xin câu đôi chứ?

- Tôi là Hồ Xuân Hương, nghe nói ông dạy học ở đây nên tôi sang thăm.

Luông cuống, ông đồ mời nàng ngồi vào phản mình và rồi rít sai lũ học trò xuống bếp đun nước.

Một cậu học trò có ống mũi dài như hai cái ngà voi tiến đến phía trước án thư, chìa sách thẳng mặt thầy đồ, nói bằng tiếng mũi:

- Thưa thầy chữ gì?

Nghiêm nghị, thầy đồ cúi nhìn vào sách và đáp:

- Túc là đủ... ự.

Vui vẻ, cậu đó quệt ngang ống mũi vào ống tay áo, rồi quay trở ra vừa đi vừa học:

- Túc là đủ a? Túc là đủ a!

Thầy đồ cau mặt quát lớn:

- Ai bảo mi tức là đụ, thằng kia? Tức là đụ... ụ chứ! Nét mặt ngơ ngác, cậu đó chỉ đứng lẩn thân.

Thầy đồ lại giục:

- Tức là đụ . . . ụ ! Học đi !

Cậu bé lại học:

- Tức là đụ a! Tức là đụ a!

Thầy đồ phát câu:

- Lại đây! Thằng kia!

Cậu đó trở lại phía trước án thư với bộ mặt lo sợ.

Thầy đồ cầm cây roi mây quật xuống án thư đen đét và nói:

- Tức là đủ . . . ụ chứ? Ai bảo mi tức là đụ bao giờ?

Cậu đó vẫn học:

- Tức là đụ a! Tức là đụ a?

Thầy đồ nổi cơn lôi đình, nện vút cho cậu hơn chục roi mây và mắng:

- Đụ gì? Đụ cha đụ mẹ mi à? Đã bảo tức là đủ... ụ sao lại cứ "tức là đụ" hoài?

Cậu bé van lạy rồi rít, và khóc nức nở. Thầy đồ lại thét:

- Tức là đủ... ụ? Học đi? Hể còn "tức là đụ" nữa thì. . . một trăm roi vào đấy!

Cậu bé vẫn cứ xì xoạt không dám cất tiếng. Xuân Hương mỉm cười, nàng nhìn cậu kia và nói một cách ngọt ngào.

- Thầy bảo tức là đủ, sao em cứ học tức là đụ?

Cậu bé như đã tỉnh ngộ, cấp sách chạy sang chỗ ngồi của mình.

Một cậu bé khác xách siêu nước từ dưới bếp lên:

- Thưa thầy, nước sôi rồi ạ!

Giở sâu chìa khóa, mở tráp lấy gói chè nọ, thầy đồ bỏ một nắm chè và xách ấm đưa ra cho cậu học trò:

- Rót vào đây!

Khói nước bốc lên, mùi hoa sỏi bay ra ngào ngạt, thầy đồ sẽ sàng rót lưng chén nước, cung kính, hai tay nâng đưa Xuân Hương:

- Mời cô xơi nước! Xuân Hương vừa đón chén nước lên tay, một bé nữa đem sách đến nhìn vào mặt thầy đồ:

- Thưa thầy chữ gì?

Thầy đồ ra giọng oai vệ:

- Chữ môn là cựa!

Cậu ấy theo luôn lời thầy:

- Môn là cựa! Môn là cựa a!

Thầy đồ trừng mắt và thét:

- Cựa là cựa ra cựa vô, chứ cựa cha cựa mẹ mi à!

Xuân Hương phì cười, nàng liền bảo giúp:

- Môn là cửa kia mà! Không phải "môn là cựa"!

Thầy đồ đỡ một trận quát tháo, cậu bé cũng thoát một trận sợ sệt. Giữa phản bên cạnh những tiếng ê a, ề à nhất tề nổi lên, nghe như một đám tụng kinh. Một lát sau, tiếng học

dần dần uể oải, các cậu học trò chen nhau, đẩy nhau, chí chước cãi nhau. Rồi một cậu nhỏ mếu máo đến trước án thư chấp tay:

- Thưa thầy, anh Quế bẹo con đây ạ?

Ông đồ đồng dặc:

- Quế đâu, ra đây!

Một cậu run rẩy tiến lại, sắc mặt xám mét, hai bàn tay núc lại với nhau, giống như ông thầy phù thủy bắt quyết. Thầy đồ hách dịch:

- Làm sao mi dám bẹo nó hử Quế ?

Cậu Quế vẫn cứ núc tay. Vút! vút! Vút cây roi mây trong tay thầy đồ quất luôn ba cái vào lưng cậu này, rồi thầy đồ lên giọng bệ vệ:

- Học không học, chỉ chòng nhau? Thôi cho về chỗ.

Cậu ấy òa khóc lùì xuống, lại một cậu nữa láu táu tiến lên:

- Thưa thầy. . .

- Cái gì hử?

- Thưa thầy, hôm qua anh Sâm ra đường chửi nhau. Để cho chúng nó...

Cậu đó lại im. Hình như không dám nói nốt.

Thầy đồ liền gặng:

- Chúng nó mần gì?

- Chúng nó chửi... thầy.

- Chửi thế nào?

- Thưa thầy, chúng nó chửi...

- Chửi thế nào. Cho mi cứ nói! Thừa thầy chúng nó chửi rằng: "mẹ cha thằng thầy mày ạ" !

Thầy đồ giương tròn hai mắt:

- Sâm! lại đây. Mau!

Trống ngực hồi hộp. Cậu Sâm khúm núm đi lại đứng tựa vào cột. Thầy đồ chỉ cây roi mây xuống đất:

- Nằm xuống đó!

Cậu Sâm khóc nhéch khóc nhác, lạy như tể sao.

Thầy đồ quát lớn:

- Đứa nào vật cổ nó xuống cho ta!

Các cậu bên phản ngơ ngác nhìn nhau, không cậu nào chịu vâng lời thầy. Thầy đồ dùng dùng nổi giận, giở roi vụt luôn vào cổ cậu Sâm mấy cái:

- Có nằm xuống không? Vô phép!

Cậu bé đáng thương nằm xoài xuống đất với những tiếng khóc râm rì. Thầy đồ ngồi trên ghế ngựa chĩa roi xuống một chập độ sáu bảy roi. Mỗi tiếng đánh "vút" một cái, cậu lại oằn oại lăn cựa giống như con rắn sắp chết, và van thầy, lạy thầy vang một góc nhà. Tan cơn giận, thầy đồ đặt roi xuống mặt án thi:

- Thôi tha cho dậy!

Lốp ngóp đứng dậy, cậu Sâm lạy xuống đất lạy thầy hai lạy. Theo lệ thường của thầy đồ, mỗi khi học trò bị đòn phải nằm xuống đất, lúc được trở dậy, không đợi thầy bảo cứ phải lễ tạ hai lễ, cậu nào không nhớ lệ ấy, tức thì lại phải nằm xuống chịu tội một lần thứ hai. Lạy xong cậu bé đáng thương nâng áo chùi nước mắt, trở lại chỗ cũ.

Thầy đồ rót tuần nước nữa mời Xuân Hương, rồi quay ra bảo bọn học trò:

- Hôm nay thầy còn bận có kỳ văn trước cho không khiến kẻ nghĩa, sách tô đề ngày mai sẽ chấm, về mà học ôn bài học hôm qua, nghe không?

Các cậu học trò hết thầy hớn hở vui mừng, nhao nhao gấp sách đứng dậy. Thầy đồ ngoảnh lại nói với Xuân Hương:

- Bữa nay vì có kỳ văn nhật khắc, tôi cho chúng nó nghỉ sớm một chút...

Xuân Hương tươi cười và hỏi:

- Ông vẫn tập ở trường nào?

Thầy đồ đáp một cách tự đắc:

- Tôi không tập ở trường nào cả. Nhưng mỗi tháng hai kỳ, anh em rủ đi làm văn, nề họ quá, tôi phải nhận lời.

- Những quyển văn ấy. Các ông nhờ ai chấm cho? Cụ Nghè Đặng chấm sơ, cụ Nghè Hoàng chấm phúc, đầu bài cũng ở hai cụ ra cho. Cô tính chỉ các cụ Nghè là bậc túc học mới chấm nổi văn chúng tôi, chứ các ông Cống. . . ! Thầy đồ đương nói dở câu thì một dây "lạy thầy" đồng thời nổi lên, các cậu học trò tranh nhau cấp sách ra cửa, đẩy ghế bên cạnh, chỉ còn một người em gái Xuân Hương. Hết cơn ào ào, nàng lại hỏi thêm thầy đồ:

- Các ông làm văn ở đâu ở đình làng Độ, ngay bên cạnh đây!

- Tôi muốn sang xem có tiện hay không?

- Tiện lắm! Mời cô sang chơi. Anh em học trò Kinh Bắc nhiều người cũng biết tiếng cô.

Trò truyện vài ba câu nữa, Xuân Hương cáo biệt đứng dậy, cùng người em gái trở về nhà dì. Thầy đồ tiến ra đến cửa, khi quay đầu lại chào ông ấy, nàng vừa trông thấy vú già của nhà chủ lễ mẽ bụng ở bếp lên cái mâm gỗ mốc trong đựng một liễn com, một âu canh, một bát rau muống luộc, một đĩa cà thâm xì và một bát tương.

Chương VII

Trong lúc nhà Lê trị vì, văn học rất thịnh ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, những hạng học trò đã có đi khảo thi rất chuyên cần về việc tập văn.

Ngoài những kỳ văn của thầy ra cho, người ta còn rủ nhau từng bọn hoặc vài chục hoặc hàng trăm người nói với các ông danh sĩ trong xứ ra bài cho làm, rồi lại nhờ những ông ấy chấm cho. Việc tập văn ấy người ta gọi là văn hội, mỗi tháng hai kỳ hoặc ba kỳ. Chỗ làm văn không nhất định ở đâu, thông thường thì ở các đình các chùa. Văn hội nhóm ở đình chùa làng nào, người học trò ở làng ấy phải cung đón những vật cần dùng ví như nước nôi, đèn điều chẳng hạn.

Sau thời kỳ nhà Lê, trong nước rối loạn, việc học hoang phế, văn hội cũng bị tan hết. Gần đây thiên hạ đã yên, sự học đã bắt đầu hưng phục, ở Kinh Bắc cũng như ở các xứ khác, văn hội đã nhóm lên dần dần.

Bữa ấy nhằm kỳ văn nhật khắc, họp ở đình Độ, những người học trò ở mấy phủ huyện gần đó, nhiều người đến dự. Xuân Hương nghe tin như vậy, nàng cũng náo nức muốn sang coi thử.

Mặt trời đã vượt lên khỏi nóc nhà lán giềng, ánh nắng chiếu xuống trước thềm thành một màu vàng trắng, nàng nói qua cho bà dì biết, rồi dắt người con gái út bà ấy cùng đi với mình.

Đình Độ ở ngay bên cạnh.

Trong ba gian đình thênh thang như ba cái chợ, học trò mỗi người một chiếu, gù lưng nằm khắp sàn đình.

Chừng như ông đồ Nghệ đã có nói trước, nên khi Xuân Hương bước đến giọt đình, hết thấy học trò đều ngẩng cổ nhòm ra, và họ thì thầm nói riêng với nhau:

- Mặt mũi cũng khá đấy nhỉ?

- Coi bộ cũng không có gì khác người, làm sao mà chua ngoa thế ?

- Có thể mới nên chuyện. Nếu cứ từ bi như vợ mình, em mình ở nhà thì còn có tiếng tăm gì!

Làm thỉnh, nàng dắt người em gái lên thẳng sàn đình và chấp tay chào vài người ở gần trước mặt.

Ông đồ Nghệ đứng lên giới thiệu:

- Thưa các ông, đây là cô Hồ Xuân Hương, con gái ông nghiệp sư tôi ở Nghệ, nhân qua xứ Bắc thăm người bà con, tiện nay có kỳ văn, nên cô sang chơi.

Rồi thầy đồ ấy ngoảnh lại nhìn mặt Xuân Hương:

- Tiện thể, hay là cô thử viết với chúng tôi một kỳ.

Xuân Hương nghĩ thầm: "Nếu họ không nhờ lão Nghè Đặng và lão Nghè Hoàng chấm văn, thì ta cũng viết chơi vài bài cho họ biết tay. Nhưng họ đã cậy hai lão ấy chấm thì ta không nên dính vào làm chi. Nàng liền trả lời:

- Tôi cũng muốn viết với các ngài cho vui, nhưng ở đây không sẵn giấy bút, và tôi bỏ đã lâu, bây giờ viết chắc chậm lắm, không thể theo kịp các ngài. Hơn nữa quá trưa bữa nay, tôi lại phải về Hà Nội, dầu viết cũng không trọn quyển?

Các ông học trò ra ý cũng không đậm đà về sự mời nàng viết văn, hình như ai nấy đều sợ có một người lạ dự vào. Nhất là người ấy lại là con gái có tiếng hay chữ, thì văn của mình tự nhiên cũng hóa khó viết, vì thế, thấy nàng từ chối, không ai kéo nài thêm một câu nào. Vài người lớn tuổi đứng ra mời nàng vào chiếu giữa đình: ăn trầu uống nước, rồi họ hỏi thăm qua loa về chuyện học hành thi cử ở Hà Nội. Còn các người khác đều cặm cụi với quyển văn.

Kỳ ấy là kỳ kinh nghĩa. cũng đủ bảy bài, hai bài chuyện thì Luận ngữ và "Ngô kỳ vi Đông chu hồ", Mạnh Tử là: "Đương kim chi thế, xả ngã kỳ thù", năm bài kinh thi: Kinh Dịch là "Uốn dĩ dưỡng chính, thánh công giã", kinh Thư là: "Việc nhược kê cổ Cao dao", kinh Thi là "Chu đạo như chỉ", kinh Lễ là "An dân tai" và kinh Xuân Thu là "Công tức vị". Nhìn qua đầu bài ở các quyển, nàng lăm bằm cười thầm: "Không biết những đề mục này của lão Nghè Đặng hay lão Nghè Hoàng đã ra cho bọn học trò, hình như bài nào "kẻ ra" cũng có ngụ ý tự phụ, thật là khả ố". Rồi nàng mỉm cười hỏi thầy đồ Nghè:

- Ông chuyên kinh gì?

Ông đồ Nghè vênh vang:

- Tôi chuyên kinh Dịch?

Nàng vẫn mỉm cười và tiếp:

- Thế thì, đầu bài kinh Dịch hôm nay hợp với cảnh ông lắm. "Uốn dĩ dưỡng chính, thánh công giã", đó là cảnh ông chứ gì. Hay là các cụ Nghè biết ông đương vất vả với lũ học trò trẻ con, nên mới ra cái bài ấy.

Cả đình đều cười oà lên, ông đồ Nghè vẫn ra vẻ tự đắc:

- Kẻ ra làm nghề gõ đầu trẻ cũng có khổ thật, rất hàu, rất cổ suốt ngày, thế mà đến khi chúng nó khá giả, ít đứa chịu nhớ đến mình.

Nàng lại cười cách chế giễu:

- Khi nào lại thế. Những kẻ làm nên, bao giờ cũng nhớ ông thầy khai tâm trước tiên.

Rồi nàng dẫn luôn một truyện cổ tích:

- Ông không nhớ chuyện cụ Trạng Cháy đây à?

Ông đồ Nghè vội vàng hỏi tắt:

- Cụ Trọng Cháy là ai nhỉ?

Nàng tủm tỉm:

- Là cụ Nguyễn Công Hằng, người ở làng Cháy, tên chữ là làng Phù Chẩn. Người ta nói rằng: Khi cụ mới đỗ Trạng nguyên, ở Hà Nội có người khách buôn góa chồng nhờ cụ khai tâm cho con trai mù. Mẹ con đưa nhau cấp sách đến nhà, cụ mới viết cho tám chữ "thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", và dạy cho học vài lượt, thì nhà có khách. Cụ cho nghỉ học, mẹ con lại đem nhau về. Hôm sau, cụ bận việc khác không dạy học nữa, chẳng bao lâu, mẹ ấy đem con về Tàu, cụ cũng không hề nhớ rằng mình đã khai tâm cho một người Khách. Cách hơn mười năm...

Nói đến đây, nàng cầm khay cau nhón lấy một miếng bỏ vào mồm nhai, rồi tiếp:

- Cách hơn mười năm: cụ làm quan với chúa Trịnh, phải làm sứ thần đệ các đồ cống sang Tàu khi qua Quảng Tây vào nghỉ trong nhà một ông quan lớn ở ven đường. Thấy ở giữa nhà kê một cái sập thiếp vàng. Trên có bài vị khắc một dòng chữ "Nghịệp sư An Nam Nguyễn tướng công chi vị" và cạnh bài vị có cái biển con khắc rõ tám chữ "Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng", dưới đó lại đề mấy chữ "nghịệp sư thủ bút". Cụ để ý nhìn, tám chữ kia chính là chữ mình, nhưng không nhớ viết từ bao giờ, và làm sao lại sang đến đây. Sau khi gặp ông quan là chủ nhà ấy, cụ nói tên họ của mình cho biết, ông ta liền thụp xuống lạy; té ra ông ấy chính là con trai mù khách khi trước đã nhờ cụ khai tâm. Hỏi ra mới biết ông ấy đã thi đậu tiến sĩ, và đã làm đến tri phủ, vì có tang mẹ, phải nghỉ ở nhà. Rồi ông ta mời cụ lên ngồi ở giữa cái sập để bài vị đó. Sập ấy, mọi ngày ông ta chỉ để thờ vọng bóng cụ, nội tử người sang người hèn, không ai được ghé vào đó, bây giờ cụ ngồi là lần đầu tiên. Đó, đối với ông thầy khai tâm, chỉ viết chữ và dạy vài câu, người ta còn nhớ ơn đến thế, huống chi như ông ngày ngày rất cô bồng hòng về học trò, lẽ nào học trò lại quên công ông. Chỉ sợ họ không làm nên mà thôi.

Ông đồ Nghệ biết nàng nói riếu, cắm đầu vào quyển văn không nói gì nữa. Nàng dắt người em gái đi lướt một lượt, tò mò liếc qua các quyển xem sao. Có quyển đã viết đến

đoạn trung cổ, có quyền mới viết hai câu phổ thừa, có quyền lời văn cũng hay, có quyền giọng văn nhạt như nước ốc. Nàng lượn ra xung quanh đình dạo thăm phong cảnh, một lát, lại trở lên đình, định chào cả bọn rồi về, trông đi, trông lại nàng không thấy ông đồ Nghệ đâu cả.

Tới nhà bà dì, nàng bỗng ngấm ngấm đau bụng, muốn đi đại tiện, ra đến chuồng xí đã thấy một người ngồi ở bên trong, nàng phải bấm bụng cố nhịn mà về.

Bụng dần dần yên, nàng nằm trong màn nghỉ. Gần trưa, cơn đau bụng lại nổi và mót đi đại tiện, nàng lại chạy ra chuồng xí, người lúc này vẫn còn ngồi đấy, nàng vẫn bị bắt như ý mà về. Nửa giờ sau bụng vẫn đau dữ, nàng ra đằng sau đứng nhòm trong chuồng xí vẫn thấy có người, và vẫn là người lần trước. Tức quá, nàng cầm hòn đá ném vào chuồng xí một cái đánh chát, một người ở trong tắt tả chạy ra, chính là ông đồ Nghệ.

Thì ra ông ta đương lúc nghĩ văn mót đi đại tiện, ra tới nhà xí hứng văn nổi lên, làm cho ông ta mãi miết để cả tâm trí vào văn quên hẳn đi rằng chỗ mình ngồi đó chính là nhà xí nên đã thôi đi đại tiện mà vẫn ở mãi đó chưa ra.

Thấy vậy, nàng vừa bực mình vừa buồn cười, sự liên tưởng khiến nàng bỗng nhớ đến chữ "tam thượng" của Âu Dương Tu, nhà tiên nho ấy tự nói bình sinh làm văn, chỉ có ba chỗ nghĩ được nhiều nhất, một là mã thượng, tức là khi ngồi trên ngựa, hai là chẩm thượng tức là khi nằm trên gối, ba là xí thượng, tức là khi ngồi trên cầu chuồng tiêu. Vậy thì trên cầu chuồng tiêu cũng là một nơi làm văn của cổ nhân. Nhưng làm văn như thầy đồ này ngồi trong chuồng tiêu từ sáng đến chiều, thật cũng quá đáng. Không biết có rặn ra được câu văn nào không. Nàng về thuật chuyện cho bà dì nghe cả nhà đều cười oà lên, làm cho người con gái út bà ấy cũng phải xấu hổ về thầy, nhất định không sang học ông đồ ấy nữa.

Hôm sau bà dì lại phải đỡ mãi, con bé mới lại chịu đi.

Ở đó vài ngày, bệnh nàng lại khỏi như thường. Vì đã mấy năm nàng mới sang chơi một lần, bà dì nhất định giữ lại không cho về vội. Nàng phải nán ná ở đó đến hơn nửa tháng,

ngày ngày cùng bọn em gái đi ra các sông, các núi thăm viếng những nơi danh lam cổ tích ở gần chung quanh.

Khi nàng về tới Hà Nội đã là trung tuần tháng một, bảy giờ hai kỳ thi đệ tam và đệ tứ đã xong từ lâu, Hà Nội đương đợi kỳ xướng danh.

Sáu năm mới có một lần, ngày xướng danh ở cửa trường thi cũng là một ngày vui vẻ của thành Hà Nội.

Chẳng riêng gì bọn sĩ tử là những kẻ có dự cuộc danh khôi đoạt giáp nào nức chờ đợi, những người vô sự ở các phường phố cũng nô nức muốn coi cho biết mặt mũi những ông tân khoa thế nào.

Đúng ngày xướng danh. Nàng cũng dậy từ gà gáy thứ nhất. Uống tàn ấm nước chè tàu, nàng liền vắn khăn mặc áo, cấp nón đi ra cửa trường. Tuy đối với việc thi cử khoa ấy, nàng không dính dáng mấy may, nhất là nàng không như những cô con gái nhà giàu, cốt ra nghe cho biết ai đỗ ông Đồ, ông Cống để rồi đánh tiếng lấy chồng, nhưng với nàng, ngày ấy cũng như một ngày có hội, ở cạnh đám hội, lẽ nào lại không đi coi! Vàng trắng tà tà về tây, nàng xuống đến phố trường thi, trong khu đất giá rét như cát, hàng xứ đã đến đông như kiến cỏ. Ngoài số sĩ tử được vào phúc hạch ra đó chờ nghe xướng danh, lại còn thân thuộc bạn hữu của họ, lại còn những người vô sự đi xem, đúng số được dự vào cuộc xướng danh, chỉ có độ ba chục người mà ở cửa trường có tới bảy tám trăm người cả thảy. Đêm nay cũng như các đêm vào kỳ đệ nhất đệ nhị, sự canh phòng vẫn cẩn mật, những cây đình liệu vẫn cháy đùng đùng.

Khác một điều là, những ông học trò không ai phải lếch thếch đeo lều đeo chõng, và bao nhiêu người đều dồn cả vào cửa tiền, những cửa vi giáp, vi ất, vi tả, vi hữu đều đóng im ỉm.

Gần sáng trên chòi canh đóng ba hồi trống ba hồi kèng, đèn lồng, lọng xanh, cờ khâm sai, biển phụng chỉ, theo lệ rước các ông quan trường ra cổng trường. Các ghé treo đã bày sẵn sàng, những ông khảo quan và những ông ngự sử, lần lượt leo lên mặt ghé với

những ông hốt nga voi, lại một hồi trống và một hồi kèn đóng nhau điểm ở trên chòi, người lại phòng đứng cạnh viên chánh chủ khảo cầm sổ đọc cho người lính cầm loa, rồi người lính ậm ọe thét gọi:

- Giải nguyên Hoàng Đức Phu, Hà Nội, Đồng Xuân!

Tiếng loa vừa dứt, tiếp đến tiếng dạ ở ngoài xa xa, một người học trò trẻ tuổi áo the quần trắng cố sức lách qua đám đông tiến vào khu đất cửa trường. Người lính cầm loa lại bắc gọi lần nữa và người học trò trẻ tuổi cũng dạ một lần nữa. Lúc ấy bọn lính kiểm soát liền lĩnh một chiếc mũ đuôi én và một tấm áo lam ban cho người học trò ấy. Đội mũ mặc áo chinh tề, người học trò ấy lính xính chấp tay vào ngực đi vào trong nhà thập đạo. Người lại phòng cầm sổ lại xướng cho người lính cầm loa gọi đến tên khác. Ngoài cửa trường không thấy tiếng dạ, cái loa lại phải ậm ọe gọi mấy lần, vẫn không ai thừa, quan trường phải cho lính đi xuống đám đông hỏi xem có ai gặp ông tân khoa ấy không. Thì ra ông ấy ra bộ không nóng nảy về đường công danh, tuy nghe tin mình đậu hương cống, anh em họ Mạc đã mấy lần sai người về báo, ông vẫn ngất ngưỡng đánh chén ở nhà trọ, chứ không thềm ra. Sau khi đã phái hình vào tận nhà trọ đòi gọi người học trò ấy, quan trường bảo người lại phòng đọc cho lính cầm loa gọi luôn người dưới.

Mỗi tiếng gọi là một tiếng dạ, mỗi tiếng dạ là một bộ mũ áo đưa xuống, xướng danh hết trên mười người không xảy ra sự gì cả. Người lính cầm loa cứ việc theo miệng người lại phòng gọi đến người mười bảy.

Không có người nào thừa thốt cả, nhưng ở ngoài tít đằng xa, có một ông học trò vào khoảng ngoài bốn chục tuổi bận áo nâu, vắn khăn vải, úp cái nón chóp sơn vào ngực, vừa đâm vào chóp nón, vừa nhảy chân sáo vừa reo:

- Sứ lộn về ai? Thử xem sứ lộn về ai?

Ông ấy Chinh là ông hương cống thứ mười bảy, bè bạn đứng cạnh, thấy người lính cầm loa ậm ọe gọi hoài, ông này vẫn không thềm thừa, mấy người liền vỗ vào vai và hỏi:

- Đã biết thủ lợn về ông, chứ về ai nữa, nhưng ông phải dạ một tiếng, rồi lĩnh mũ áo đi vào ăn yến, sao cứ để người ta gọi mãi?

Ông ấy cũng không trả lời cứ việc nhảy chân sáo, đâm vào chóp nón mà hét:

- Sứ lợn về ai? Thử xem sứ lợn về ai?

Loa đồng gọi đã hết hơi, cái nón chóp sơn bị đâm đã bẹp, ông đó vẫn cứ chân nhảy chơi, miệng reo thủ lợn về ai, không thêm thừa cũng không thêm vào.

Bực quá, quan trường phải bảo lính xuống tận nơi, hỏi thăm những người quen thuộc của ông ta, biết đích ông ta đậu thứ mười bảy, liền cho lính dẫn vào cửa trường, đưa mũ đưa áo cho ông ta. Không đội mũ, cũng không mặc áo, ông ta chỉ lảm nhảm nói hoài một câu "sứ lợn về ai", lính phải cấp mũ cấp áo và đưa ông ta vào tận trong nhà thập đạo.

Người lính cầm loa theo người lại phòng gọi luôn bốn năm người nữa, rồi gọi đến Nguyễn Cao Đệ, Hà Nội, Khán Xuân, hương cống thứ hai mươi hai.

Cũng như ông cống thứ mười bảy, Nguyễn Cao Đệ nghe thấy loa gọi tên mình, cũng không thừa dạ, chỉ nhảy chân sáo và reo thật to:

- Ý a! Ta đỗ rồi!

Thế rồi như ngựa đứt cương, Nguyễn Cao Đệ lồng té một mạch từ khu cửa trường lên khu cửa Nam, quan trường cho lính đuổi theo không kịp.

Gọi nốt ba người dưới nữa, thế là xong cuộc xướng danh, khoa ấy lấy hai mươi năm hương cống cả thảy.

Các ông tân khoa và các quan trường đã vào trong nhà thập đạo hết rồi, bây giờ cửa trường mới kéo bảng hương cống rồi kéo đến bảng sinh đồ. Có một vài ông mắc phải những tội thiệp tích, phạm húy, phạm trường qui đều bị nêu tên ra chiếc bảng con.

Hàng xú dần dần về hết, Xuân Hương ghé lại xem tấm bảng con, thấy có tên Đặng Như Bích, phạm lỗi "quyển viết không đủ. Nàng mỉm cười và đương nghĩ thầm "thế cũng đạo mạo lên mặt công tử? Bỗng ở đằng xa nghe có tiếng người ồn ào và sự ồn ào mới tiến gần lại. Giây lát, một bọn học trò độ năm sáu người, anh nào anh ấy rượu say bết nhè, vừa đi vừa gọi tên các ông quan trường chửi rửa inh ỏi. Thì ra những ông học trò ấy đều phúc hạch và bị hồng tuột. Họ tự cho là văn họ đáng đố, vì quan trường không biết bầm văn, đánh hồng họ. Con cảm khái nổi lên, họ rủ nhau vào hàng đánh chén, hơi men hăng bốc, khí tức càng lên đùng đùng, họ liền kéo đến cửa trường mà chửi những người đã làm cho họ phải hồng. Cổng trường đã đóng, những ông tân khoa và các ông quan trường đương vui vẻ trong tiệc lộc mình, chợt nghe ở ngoài có người găm thét, quan trường liền cho lính ra hỏi chuyện gì. Sau khi đã biết là bọn học trò sinh sự, quan trường phải sai mấy người lại phòng ra đó vừa dọa nạt, vừa an ủi, cốt cho họ hãy im đi. Nhưng mà vô hiệu, bọn kia trước còn đứng, sau rồi ngồi, sau nữa thì lăn đàng đạch xuống đất họ cứ réo tên quan trường chửi mắng một cách thậm tệ.

Chán chửi quan trường, họ lại chửi trời chửi đất chửi các vị thần thánh, chửi đến những người đứng xem ở chung quanh.

Một lúc sau, họ đều ù té đứng dậy và chạy đùng đùng ra phía bờ hồ Hoàn Kiếm.

Không biết họ định đến đó làm gì, hàng xú lóc nhóc chạy theo để xem. Té ra họ định dắt nhau đến hồ tự tử, một dãy ngồi trên bờ hồ, anh nọ ra dằng can đảm bảo anh kia:

- Phải để cho tao chết trước.

Anh kia cũng ra bộ hăng hái và bảo anh nọ:

- Tao chết trước chứ, mày không được phép nhảy xuống trước tao!

Gió bắc ào ào, hơi nước kéo lên lạnh ngắt, cả bọn cùng thò một chân xuống hồ, rồi tức thì cả bọn lúi rút lên liền; hình như trong nước giá quá, cái chân bằng thịt không thể để lâu ở dưới ấy. Cuối cùng một người ra ý khoáng đạt bảo với mọi người:

- Muốn chi thì khó, chứ muốn chết thì có khó gì, định chết thì chết lúc nào chẳng được? Can gì phải chết trong lúc giá rét cho khổ thân, chúng ta hãy về nhà trọ chén thêm cái đã!

Mọi người đều khen nói phải, cả bọn đều đứng dậy và lại tất tả chạy về, ai nấy vẫn còn say dí say dì, loạng choạng, chân nam đá chân chiêu, lảo đảo như lên đồng trượng làm cho hàng xú cười reo ầm ĩ.

Coi hết tán hài kịch ấy, Xuân Hương lẻo đẻo cắp nón về phường Khán Xuân, giữa đường, nàng bỗng nhớ đến Nguyễn Cao Độ. Vì ông đó với nàng cùng ở một phường và hai nhà cách nhau cũng không xa lắm, lý lịch ông ta nàng biết hết cả, ông ta tư chất khá, thông minh, học hành lại rất chăm chỉ, nhà nghèo, bố mẹ chết cả, không ai cấp dưỡng, không có lương ăn, ông ta phải đến nương nhờ nhà vợ, để hồng theo đuổi cho trọn nghiệp học. Bố vợ làm nghề hàng thịt, mẹ vợ vẫn thường bán thịt chợ Đồng Xuân. Cả hai tính nết cũng y như nhau, đều là hạng ăn phàm nói phũ và đều không ưa việc học. Lúc đầu ông ta mới đến ở rể, nhà vợ còn hơi kính trọng. Dần dần thấy ông ta chỉ ăn hại mà không làm lợi cho nhà ấy đồng nào, thì từ bố mẹ trở xuống đến đứa em vợ nhỏ nhất, đều có ý ghét, trước còn đá mềo quèo rể, sau thì họ nói thẳng vào mặt ông ta. Vợ tuy thương chồng, nhưng vì không kiếm được đủ nuôi chồng, nên cũng không dám bênh chồng, trái lại, nhiều khi chị ta lại phải đay nghiến ông ta để lấy lòng cha mẹ là khác. Ông ta đã mấy phen cắp gói ra về, toan tìm một chỗ dạy học độ thân, nhưng không tìm đâu cho ra, sự đói khó lại bắt ông ta cứ phải vác bộ mặt dầy trở lại nhà vợ. Từ đó bố vợ mẹ vợ lại càng khinh rẻ, mẹ vợ mỗi khi sắp sửa đi chợ lại gọi nheo nhéo: "Đệ đâu? Đi ra gánh thịt xuống chợ cho tao!". Còn bố vợ, những lúc say rượu, thường thường mắng chửi ông ta, bảo ông ta phải thôi học để đi khiêng lợn, mổ lợn. Tuy rằng từ lúc đi thi đến giờ ông ta đã được vào luôn mấy kỳ và lại được vào phúc hạch, bố vợ mẹ vợ cũng không nể mặt, họ vẫn thường chỉ vào mặt ông ta và nói: "Mày được vào thế, chẳng qua chó ngáp phải ruồi, chứ đậu đâu đến thứ những người như mày". Chính tối hôm qua, ông ta cao hứng nói với vợ rằng: "Sáng mai dậy sớm, để ra cửa trường nghe xướng

danh" chẳng ngờ câu ấy lơ lửng vào tai bố vợ, bố vợ liền nổi giận lôi đình và thét: "Đừng có làm bộ, điếc tai ông! Trong sự thi cử, ai đỗ phải có các vì tinh tú trên trời giáng vào người ấy. Mày thử nghĩ xem, tinh tú nào giáng đến mặt mày mà mày còn hòng nghe xướng danh! Sáng mai dậy sớm đi hốt phân lợn cho tao"! Ông ta thấy thế lại phải nín im phăng phắc, không dám thở mạnh, và rón rén vào giường nằm.

Từ mấy năm trước, Xuân Hương nghe chuyện cực nhục của ông ta, nàng đã mấy lần toan bỏ tiền ra giúp cho ông ta ăn học, nhưng vì nghĩ mình là gái chưa chồng, làm vậy hoặc giả đến tai ông bà cha chú trong họ không khéo lại xảy ra điều nọ tiếng kia, vì thế nàng lại phải thôi. Lúc ở cửa trường, nghe loa gọi tên ông ta, nàng cũng mừng thay cho người học trò nghèo khó, từ nay chắc là không bị nhà vợ rầy rật như trước.

Khi thấy ông ta không thừa, không dạ, ùng ùng cắp nón chạy đi, nàng không hiểu là vì có gì, cho rằng ông ta căm tức bố vợ mẹ vợ, đã lâu, nay đã thi đỗ, thì về nói cho họ biết. Nàng để ý ngắm, từ thủy chí chung, không thấy ông ta trở lại cửa trường để lĩnh mũ áo, thì nàng lại có lòng ngờ, tưởng là ông ta phải cảm, đau bụng sao đó lúc trở về, vừa đi nàng vừa nghĩ thầm: "Chắc Nguyễn Cao Đệ mới bị bạo bệnh, nếu không sao hẳn lại bỏ bữa yến vua ban." Khi tới đầu phường Thái Cam bỗng ở trước mặt có đám võng lọng, nghênh ngang, chính là cả một nhà vợ Cao Đệ, bố vợ khiêng một đầu đòn võng, mẹ vợ khiêng một đầu đòn võng, hai đứa em vợ vác hai cái lọng, còn vợ ông ta thì lững thững đi với chiến nón thúng quai thao cầm tay, Xuân Hương mỉm cười và hỏi:

- Thế nào! ông Ba, bà Ba, sao không về nhà bày biện đồ đạc để tiếp khách mừng ông Công lại còn vác võng vác lọng đi đâu bây giờ?

Tôi tả, người hàng thịt trả lời:

- Chào cô. Cô ra coi xướng danh đã về đấy ư, chúng tôi nghe tin ông Công mới đỗ, nên phải mang võng mang lọng ra cửa trường để rước ông ấy về nhà.

- Sao ông bà không thuê người khác! Ai lại bố vợ mẹ vợ đem võng đi rước chàng rể?

- Có thể mới quý cô ạ! Thiên hạ dễ đã mấy người có rể để mà rước? Rể có thể nào thì mới rước chứ, công vợ chồng tôi nuôi cho ông cống ăn học trong bao nhiêu năm, thật là chịu hơn chịu cha chịu mẹ, bây giờ ông ấy làm nên thế này mình cũng bỏ công! Có phải không cô?

Nàng lại mỉm cười và đáp:

- Phải! Ông bà đi rước ông Cống nghĩ ra cũng phải! Nhưng ông Cống không có ở trường, tôi tưởng ông ấy về nhà.

Vợ chồng người hàng thịt đều cười và nói:

- Thôi đi, cô đừng nói trêu chúng tôi, chúng tôi lại không biết rằng bây giờ ông ấy hiện đang ăn yến hay sao!

Rồi họ cứ khiêng vồng, vác lọng rào bước đi đến trường thi. Xuân Hương không muốn nói thêm, nàng bụng bảo dạ: "Người ta trở mặt chóng thế ! Vừa tối hôm qua còn là học trò, cả nhà coi như con chó, bây giờ đổ lên một cái, họ đã coi như thần như thánh cả rồi, không trách những kẻ thông minh chỉ vùi đầu vào việc thi cử".

Nàng đi về đến gần phường Khán Xuân, thì thấy nhiều người nhao nhao nói chuyện với nhau:

- Ông Nguyễn Cao Đệ phát điên! Nghe nói ông ấy đã đậu hương cống đấy mà, đừng nói láo!

- Đến tai ông ấy thì có mà sống dở.

- Bây giờ người ta là ông Cống rồi, không phải là kẻ bạch đình như trước mà anh nhòn!

- Thật đấy, ông ấy phát điên thật đấy! Chẳng điên thì sao trời rét thế này, mà lại cởi trần tròng trực; lặn hết các vũng trâu đầm!

- Ở đâu?

- Ở Ô Cầu Giấy chứ đâu, chẳng tin anh thử sang tận bên ấy mà xem?

Tức thì mấy người kéo cả sang Ô Cầu Giấy.

Xuân Hương lững thững về nhà, nàng biết là Nguyễn Cao Đệ điên thật, vì hần khổ cực đã lâu, nay được thi đậu, sướng quá cho nên hóa điên.

Nàng lẩm bẩm cười thầm: "Mới đậu hương cống đã đến nỗi phát điên! Người đâu mà khí cục hèn đến thế!"

Về tới nhà, nàng vừa ăn xong bữa cơm, đã thấy ngoài đường tiếng khóc vang ầm, hỏi ra mới biết vợ chồng hàng thịt đón rẽ không gặp, vác vỗng vác lọng về không, cực thân mà khóc.

Một lát sau, lại thấy ngoài phố có tiếng ầm ầm, nàng mở cửa sổ trông ra, thì thấy độ bốn năm người lực lưỡng đương co kéo một người lấm như trâu vùi, người ấy chính là Cao Đệ, hần bị co kéo sềnh sách đã không đủ sức mà cự, vừa đi vừa nói lảm nhảm:

- Ý a! Ta đồ rồi. Ý a! Ta đồ rồi!

Chương VIII

Trông thấy một ông tân khoa hình giống như quý cái, ai không thương hại và buồn cười. Xuân Hương lẩm bẩm nghĩ thầm: "Khốn nạn, bao nhiêu năm học hành khổ sở, bao nhiêu năm chịu tủi chịu nhục với nhà vợ chỉ cốt kiếm lấy một miếng khoa danh. Bây giờ thi đậu đáng lẽ đến lúc sung sướng, thì lại sinh ra điên rồi! Ông trời thật cơ cầu lắm vậy".

Bỗng nàng sực nhớ hình như nàng đã đọc thấy ở cuốn sách nào, cũng có một người sướng quá hóa điên, người ta làm cho người ấy mất sướng, chứng điên cũng khỏi, lập tức nàng xuống thang gác và sang nhà hàng thịt hỏi thăm, luôn thể để bảo cái phương thuốc ấy.

Hàng phố đứng xem chật cả ngoài cửa. Nguyễn Cao Đệ, do ba bốn người đàn ông lực lưỡng nắm tay ôm lưng, đứng ở trước thềm vẫn chồm chồm nhảy lên, ngồi xuống, y như con mèo bị trói lỏng lộn muồn thoát thân, miệng thì lảm nhảm chỉ nói một câu "Ý a ! Ta điên rồi".

Giữa sân bày chiếc hương án, trên để một bát nước, một coi trầu, ba chén rượu và năm nén hương đen đốt lửa, khói nhựa trám kéo lên nghi ngút. Vợ chồng hàng thịt vừa lạy vừa khấn:

- Chúng tôi căn rơm căn cỏ lạy trời lạy phật, lạy quỷ thần hai vai, xin ngài thương tình nhà tôi nuôi nấng khó nhọc trong bấy nhiêu năm để cho rể ăn học, mà các ngài tha cho rể tôi nếu có chéch lệch về đâu, sau này chúng tôi sẽ xin tiện tạ.

Họ còn khấn nhiều câu lạ lùng hơn nữa, nhưng nàng cũng không để ý. Chờ cho hai người lạy xong đứng dậy, nàng ôn tồn chào và hỏi:

- Thế nào, ông bà đã tìm thầy chạy thuốc cho ông Công chưa? Đó là ông Công mắc bệnh, không phải ma trêu quỷ hờn gì đâu, chạy thuốc cho ông ấy uống sẽ khỏi, không phải cúng vái gì cả.

Vợ chồng hàng thịt mếu xệch đôi miệng như đôi khâu giai, ra ý nửa tin nửa ngờ, người chồng vừa khóc vừa nói:

- Cô đã sang chơi đấy ư! Mời cô vào chơi trong nhà? Khốn khổ, công trình nhà tôi nuôi rẻ bao nhiêu năm trời, bây giờ đến lúc thi đậu, ông ấy hóa ra thế này, thật là công lao chúng tôi đổ cả xuống sông xuống biển.

Người vợ nói xen:

- Hôm qua ông ấy ra nghe xướng danh, người vẫn lành mạnh như thường chớ có bệnh tật gì đâu. Chúng tôi không có ở đấy, nhưng thấy người ta đồn rằng... Khi nghe loa gọi tên mình, ông ấy tức thì hóa điên. Nếu không có người trêu quở, tật bệnh đâu có chóng được như thế.

Xuân Hương chưa kịp trả lời, mẹ ấy lại nói thêm:

- Có tội thì vái tứ phương, chúng tôi người trần mắt thịt, biết đâu được việc quỷ thần mà dám nói là không hay có. Cầu cúng cứ cầu cúng, thuốc thang cứ thuốc thang. . .

Người vợ Cao Đệ xị xoạt ở trong nhà ra, nói ngắt lời mẹ:

- Thưa cô, tôi cũng nghe thấy vài người nói rằng ông Công nhà tôi sượng quá hóa điên đấy thôi, uống thuốc phải mặt thì khỏi. Chúng tôi quê kệch, chẳng biết ai là danh sư, cô đã ở đây lâu ngày, cô biết người nào chữa được bệnh ấy, xin cô bảo cho.

Xuân Hương vui vẻ đáp:

- Danh sư bây giờ ít lắm, tôi cũng không thể biết người nào có thể chữa khỏi chúng điên. Nhưng tôi có một mẹo này, cũng là mẹo ở trong sách dạy lại, không phải thuốc

thang gì cả, bác hãy thử làm xem sao, may ra thì khỏi. Nếu không khỏi cũng không hại gì! Cả nhà đều xúm lại hỏi:

- Mẹo như thế nào, cô thử nói cho, chúng tôi sẽ làm ngay.

Xuân Hương hỏi lại bằng giọng nghiêm trang:

- Xưa nay ông Cống có sợ ai không?

Người vợ Cao Đệ ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Nhà tôi vẫn là một người bướng bỉnh xưa nay chẳng sợ ai hết, bao nhiêu ông cả bà lớn, người khác trông thấy đều phải xanh mặt, nhà tôi cũng coi như thường. Riêng chỉ sợ có thầy tôi mà thôi, mỗi khi thầy tôi say rượu, cầm con dao bầu nghênh ngang, tức thì nhà tôi đã tái mặt lại, có lúc run như cây sậy, không biết là tại sao thế!

Xuân Hương tiếp lời:

- Thế thì được. Bây giờ ông đến tát vào mặt ông Cống một cái và thét to rằng: "Đừng nói láo? Mày đồ bao giờ?". Như vậy, tự nhiên ông Cống sẽ khỏi.

Người hàng thịt xua lấy xua để:

- Cái gì chứ cái việc ấy thì bố tôi sống lại bảo tôi, tôi cũng không dám làm theo. Bởi vì, những người thi đỗ đều có những vì tinh tú to lớn trên trời giáng vào trong mình. Phạm đến thân thể người ta, tức là phạm đến những vì tinh tú to lớn kia vậy, khó lòng sống mà ở với vợ với con! Cô còn ít tuổi không biết, ngày xưa cũng có một người tức nhau với một ông Cống, lúc ra việc làng, chỉ đâm ông ta một cái, thế mà đêm ấy anh ta về nhà tự nhiên phải gió lẩn đòn ra chết. Đó cô bảo có linh hay không. Thôi, thà để cho ông Cống điên, chứ cái mẹo của cô tôi không dám bắt chước.

Mụ hàng thịt liền nói lời chồng:

- Phải đấy? Thầy cháu nói phải? Bây giờ tát cho ông Cống một cái, hoặc giả sau này ông ấy khỏi điên có kẻ nịnh hót, nói lại cho ông ấy biết, chắc là ông ấy sẽ đem lòng thù

giận nhà tôi, lúc ấy, nhà tôi biết ăn ở thế nào cho lại? Thôi trời bắt sao chịu vậy, ông ấy có điên suốt đời chẳng nữa, chúng tôi cũng được là bố vợ mẹ vợ ông Cống từ bữa nay rồi!

Người vợ Cao Đệ máy môi sắp nói, thì ở trong thềm, Cao Đệ đã giật được tay những người đàn ông đứng giữ ông ta chạy sổ xuống sân và reo rầm rĩ:

- Ý a! Ta đỗ rồi ! Ý a ! Ta đỗ rồi!

Vừa reo, ông ta vừa té ra cổng. Xuân Hương vội vàng lách vào cạnh tường, cả bọn đàn ông tất cả chạy theo giữ ông ta lại. Nhưng vì trong lúc cơn điên nổi lên, ông Cống cũng hóa ra khỏe, mấy người đàn ông đều bị du đẩy, ngã dúi, ngã dụi xuống đất. Ai nấy lại cùng lóp ngóp trở dậy và cùng lật đật đuổi theo.

Người vợ Cao Đệ dậm chân tru tréo:

- Trời đất ơi, sao mà nhà tôi bạc phúc thế này. Người ta đỗ thì không, chồng tôi đỗ thì hóa rồ hóa dại!

Quay lại, chị ta lại hỏi Xuân Hương:

- Thưa cô, tôi tát vào mặt ông công nhà tôi có được hay không hở cô? Xuân Hương ra vẻ cảm động, nàng buồn rầu đáp:

- Nếu lúc ngày thường bác trai vẫn sợ bác, thì bác tát vào mặt bác ấy cũng được!

- Thưa cô, không! Những người học hành biết chữ ít khi có kẻ sợ vợ, huống chi nhà tôi lại là một người ương ngạnh. . . chỉ có nể tôi thì có, chứ đến sợ tôi thì không.

- Thế thì không được, dù bác có tát vào mặt bác trai cũng là vô ích. Phải để ông bố làm cái việc ấy!

Người hàng thịt lại chối bai bãi:

- Tôi chả dám, cô xui đại? Tát vào giữa mặt một ông khoa mục để rồi những vì tinh tú trên trời quật chết tôi à.

Xuân Hương mỉm cười không trả lời. Mụ hàng thịt hỏi chồng một cách sừng sốt:

- Hay là nhà ta từ xưa đến nay giết nhiều lợn quá hại đến âm công trời phạt bắt tội phải thế này chăng?

Câu nói của mụ rất trúng ý nghĩ của lão hàng thịt, hắn cũng đáp lại bằng giọng sừng sốt:

- Có lẽ thế, sát sinh nhiều quá, tài nào không tổn âm đức! Bây giờ làm thế nào?

- Để tôi đi xem bói quẻ. May mà nhà còn có phúc, "bói ra khoa thầy", thì phải lập đàn giải oan cho những con lợn chết oan, chứ còn biết làm thế nào!

Người hàng thịt sốt sáng tán thành ý kiến của vợ, giục vợ lấy tiền đi luôn lên chợ Đồng Xuân, vì vẫn thấy đồn ở đấy có ông thầy bói hay lắm. Xuân Hương biết rằng với kẻ hạ ngu như vợ chồng nhà này, không thể lấy lời lẽ gì mà giải cái lòng mê tín của họ. Nàng liền chào cả ba người rồi về.

Ngoài cửa, những người hàng phố không biết Cao Đệ đã đi khỏi nhà, vẫn còn kéo đến lũ lượt, chờ xem ông Công hóa điên.

Suốt trong ngày ấy, Xuân Hương lúc nào cũng áy náy thương cho Cao Đệ, nhưng mà bảo lão hàng thịt đã không đất lời, nàng cũng không còn cách nào mà cứu được người vô phúc. Thình thoảng nàng lại cứ sai con Nụ ra phố hoặc sang bên nhà hàng thịt dò xem bệnh tình Cao Đệ ra sao. Mấy lần con Nụ trở về đều nói ông ta chạy mãi xuống vùng Hoàng Mai, bao nhiêu người nhà đi theo bắt lại không được. Gần tối lại thấy nói bây giờ Cao Đệ càng điên hơn lúc ban trưa, ông ta nhảy cả xuống chuôm, xuống ao, không biết gì là gì cả.

Sáng hôm sau, Xuân Hương vừa mới ngủ dậy, nàng đương chờ đợi ấm nước sôi của con Nụ đun, thì ở ngoài cửa có tiếng mở cửa, rồi ở thang gác có tiếng chân bước thành thịch. Nàng vội vàng nhìn xuống, người vợ Cao Đệ vừa nhô đầu lên với bộ mặt nhăn nhó sầu thảm.

Vồn vã, nàng mời bà Công ngồi trong ghế, và đơn đả hỏi thăm ông Công đêm qua ra sao. Nước mắt chảy xuống ròng ròng, người vợ Cao Đệ vừa khóc xịt xoạt vừa nói:

- Khổ quá, cả đêm hôm qua, nhà tôi cứ cời trần trùng trục đùng đùng chạy khắp cả mấy cánh đồng ở vùng Bạch Mai. Mấy làng ở đấy đã phải nhón nháo, tuần phu đổ ra rất đông, họ toan trói lại, chẳng ngờ có một anh tuần lóng ngóng thế nào để cho nhà tôi cướp được ngọn mác. Rồi nhà tôi cứ đi nghênh ngang cùng đường vừa múa ngọn mác vừa reo "ý a, ta đồ rồi", hễ ai đến gần, tức thì chìa mác ra đâm. Vì thế ai ai cũng phải lánh xa. Tôi ở dưới ấy mãi đến gần sáng mới về, nhà tôi vẫn chạy rong chạy càn, chẳng chịu dừng chân lúc nào.

- Bên nhà đã định chạy chữa bằng cách nào chưa?

- Hôm qua mẹ tôi xuống chợ Đồng Xuân xem bói, tôi tưởng thầy bói thế nào cũng phán cho lập năm, bảy đàn tràng, nhưng mà không, ông ta bảo là động mã ông cụ tam đại, phải mua mũ đen mã đen và một con ngựa sắt đen đem tạ.

- Đã tạ chưa?

- Tạ rồi! Tạ luôn từ chiều tối hôm, nhưng mà có ăn thua gì cô bảo?

- Vậy thì bác tính thế nào?

- Gà gà hôm nay ở dưới Bạch Mai, tôi thấy cúng kính không được chuyển bệnh, mấy lần khuyên bảo thầy tôi thử theo lời cô, tát cho nhà tôi một cái. Nhưng mà thầy tôi gàn quá, chỉ sợ tát vào mặt ông khoa mục thì chết, nhất định không chịu nghe lời. Thôi thì việc đó xin nhờ cô.

- Tôi làm gì được!

- Nhà tôi lúc thường vẫn trọng cô lắm, ngồi với anh em bạn học luôn luôn khen cô là bậc tài hoa, học giỏi hơn các ông Nghè, ông Cống. Vậy cô làm phúc, thử xuống Bạch Mai tát cho nhà tôi một cái, xem có cứu được nhà tôi không! Nếu không khỏi bệnh, không phải lỗi tại cô. Bằng như khỏi bệnh, tôi xin đền lại ơn cô một cách xứng đáng.

Xuân Hương tủm tỉm cười nụ:

- Không được bác ạ? Bác trai trọng tôi thì có trọng thật, tôi cũng biết thế. Nhưng chỉ trọng tôi mà thôi, chứ không sợ tôi. Phải có người nào bác ấy vẫn sợ như thể ông bố nhà ta thì mới làm được việc ấy.

Người vợ Cao Độ lại khóc:

- Thầy tôi đã khẳng khái một mực không chịu làm rồi. Nếu cô không giúp, tôi cũng không biết cậy ai được nữa. Nhưng mà tôi tưởng trọng tức là sợ, nhà tôi đã phải trọng cô, tất nhiên cũng phải sợ cô. Cô hãy làm phúc cứu lấy nhà tôi!

Thấy chị ta nằn nì nàng rất thương hại, liền nói:

- Nếu vậy, thì tôi cũng nhận lời bác nhưng để đến chiều hôm nay, xem rằng bác trai có tỉnh không đã!

Nếu bác ấy dần dần tỉnh lại thì thôi, nhược bằng không, bấy giờ tôi sẽ giúp bác. Nhưng tôi nói trước, đó là tôi cũng theo đúng lời dạy trong sách mà nói thế thôi, chứ tôi không nhất quyết rằng làm vậy sẽ khỏi được bệnh bác ấy!

Người vợ Cao Độ có ý mừng rỡ:

- Cái đó là lẽ cố nhiên, việc gì cô phải rào trước chắn sau như thế.

Cám ơn nàng một cách chân thật và thiết tha, chị ta lui thủi xuống gác.

Nàng thử lần nữa lại một vài bộ sách, để xem chuyện người sướng quá điên ở đâu. Nhưng mà không thấy đâu cả, nàng cứ bần khoản đứng ngồi không yên, trong bụng lúc nào cũng canh cánh nghĩ quanh nghĩ quẩn, không biết mình đã thấy ở sách nào, lâu ngày quên mất, bây giờ nhớ mãi không ra.

Quá trưa, ngoài cửa có tiếng ầm ầm, một người đàn ông lộc lộc đã bắt được Cao Đệ trói lại điệu về.

Ngó qua cửa sổ, nàng thấy ông Cống tân khoa vẫn đeo một mảnh quần rách, mình mẩy mặt mũi bần trát kín hết một lượt, trông như con trâu mới ở vũng lên.

Một lúc sau, người vợ Cao Đệ hốt hoảng chạy sang và nói:

- Mời cô sang cho! Anh em đã trói nhà tôi đem về nhà rồi.

Nàng toan từ chối không sang, những nghĩ mình đã trót hứa với người ta rồi, nếu không sang thành ra con người thất tín. Tức thì nàng vắn khăn mặc áo chinh tề, rồi theo cô Cống đến nhà hàng thịt.

Nguyễn Cao Đệ tuy đã bị trói bằng một chiếc thừng khá lớn, lại có độ bốn năm người lực điền xúm lại giữ tay giữ chân, ông ta vẫn còn đủ sức lồng lộn cựa cạy, nhồm lên nhồm xuống và vẫn lảm nhảm đọc đi đọc lại một câu "ý a ta đồ rồi".

Xăm xăm bước vào tận nơi, nàng giơ thẳng cánh tay phải tát đánh bốp vào mặt Cao Đệ một cái rồi thét thật to:

- Anh đồ bao giờ mà chỉ nói láo! Sức học như anh đồ làm sao được! Chẳng tin các người thử điệu anh ấy xuống dưới trường thi coi bảng, thử xem có đồ hay không!

Nàng nói dứt câu, Cao Đệ lập tức ngã ùng xuống đất, mê man không biết gì cả.

Cả nhà hàng thịt đều sợ cuống quýt, tưởng rằng ông Cống sắp sửa quì tiên.

Nàng bảo những người chung quanh cố vực Cao Đệ vào giường, rồi lấy một ấm nước lạnh phun khắp vào mặt ông ta.

Nửa giờ sau Cao Đệ dần dần tỉnh lại, bây giờ hình như mới biết trong mình có nhiều chỗ đau, vì rằng từ lúc phát điên đến giờ, ông ta đã rúc vào nhiều bụi dong, bụi gai, và lăn vào nhiều đồng sành, đồng gạch, thân thể toạc ngang toạc chéo y như con cá rô nướng. Hừ hừ rên rầm một hồi, Cao Đệ sờ đến quanh mình, chỗ nào cũng thấy những bùn là bùn, lấy làm lạ, ông ta liền hỏi tại sao mà mình lấm láp như thế. Người vợ ngồi cạnh liền thuật lại câu chuyện phát điên cho nghe, Cao Đệ có ý xấu hổ vội vàng quay mặt vào trong và giục vợ lấy nước lau rửa cho sạch. Dường như ông ta vẫn còn khiếp sợ bố vợ. Lúc vợ đứng dậy ông ta còn gọi trở lại, ghé tai dặn nhỏ một câu: "Lấy nước phải có ý tứ và phải dấu cho kín, kẻo ông trông thấy thì ông chửi chết."

Thấy Cao Đệ đã tỉnh, Xuân Hương đứng lên xin về. Cả nhà hàng thịt hết sức cảm ơn. Ông lão hàng thịt nói thêm:

- Cô là một người nhiều chữ, cho nên cô tát ông Công cũng không việc gì. Tôi là kẻ dốt đặc cán mai, nếu tôi mà tát ông ấy, tất nhiên đêm nay tôi sẽ phải gió mà chết.

Nàng ra đến cổng, người vợ Cao Đệ tát tả chạy theo và nói:

- Ôn cô vạn bội, cô đã cứu được nhà tôi. Nay mai vợ chồng nhà tôi xin sang tạ nhà mà tạ ơn cô...

Sau khi Nguyễn Cao Đệ khỏi điên, danh tiếng của Hồ Xuân Hương càng to hơn trước.

Trước kia thấy văn thơ nàng có vẻ lẳng lơ, người ta chỉ bảo nàng là đồ gái đã thoã. Đến nay nghe tin một ông hương cống tân khoa đương lúc hóa rồ, hóa dại, nàng tát một cái mà khỏi, người ta lại cho nàng là thứ yêu quái thiêng liêng, không phải loài người. Nhân thấy trong sách Lĩnh Nam trích quái có chuyện con hồ chín đuôi ở trong Hồ Tây thường hóa làm con gái đẹp để đi cám dỗ con trai, lại thấy nàng người họ Hồ mà cũng ở gần Hồ Tây, nhiều kẻ mới quyết đoán rằng chính nàng là loại hồ tinh do con hồ chín đuôi kia hóa ra.

Từ đó, những kẻ nhát gan thấy nàng đi qua, thì lánh cho xa, họ sợ bị nàng cảm dỗ hoặc giả hại đến tính mệnh. Nhưng mà những bậc danh sĩ, nhất là những người đã có đọc qua mấy bộ Duyệt vi thảo đường và Liêu trai chí di, hâm mộ những sự ly kỳ, muốn được gặp nàng, để coi hình dáng và cử chỉ của loài yêu tinh ra sao.

Những cái tin đó đều đến tai nàng, nàng chỉ cười thầm cái kiến thức trẻ con của bọn học thức.

Bữa đó vào khoảng trung tuần tháng chạp, phố phường Hà Nội đã lác đác trang điểm bằng những hoa đào thắm và những bông cúc vàng, thiên hạ đương tấp nập sắm sửa đồ tết. Nàng đem con Nụ xuống chợ Đồng Xuân mua mấy cành đào và vài sọt cúc. Mua bán xong rồi, nàng giao mấy sọt cúc cho con Nụ quẩy gánh về trước, mình thì cầm mấy cành đào lững thững đi sau.

Qua phố Hàng Đường, nàng đương mãi nhắm vào một cửa hàng, bên cạnh bỗng có người hỏi:

- Hồ Xuân Hương hôm nay đi bán đào đấy ư? Bao nhiêu tiền một cành đào ấy?

Giật mình, nàng quay lại trông, người ấy vào trạc hai bốn hoặc hai năm tuổi, dung mạo rất tuấn tú nàng tưởng như mình đã gặp một lần, mà không nhớ là người nào. Mỉm cười, nàng đáp:

- Dám hỏi mua đào của Hồ Xuân Hương, không sợ bị cảm dỗ à?

Người kia cũng tùm tùm và nói:

- Đây là Bắc phương Chấn vũ đại đế giáng sinh, có sợ gì ái cảm dỗ. Tha hồ, thù cảm dỗ đi xem nào!

Nghe nói nàng liền nghĩ thầm: "A , ra anh chàng dám dùng sự tích trong sách Lĩnh Nam trích quái đối đáp với ta, có lẽ hẳn là người khá chững", nàng bèn nói khích thêm một câu nữa:

- Thôi, muốn sống về ở với vợ với con thì lánh xa ra, đây cũng sinh phúc cho, đừng nói ốm ờ mà chết.

Người kia vẫn cười:

- Cái giống hồ tinh chỉ cốt hút lấy tinh huyết người ta, để luyện cho mình thành người chứ gì. Được! Đây chưa có vợ có con, tinh huyết còn nhiều, tha hồ cho hút, chỉ sợ không đủ sức, chẳng việc gì mà đây phải lánh!

Nàng bụng bảo dạ: "Hắn còn dám nói bằng giọng láo lơi thế này, hoặc giả cũng là một kẻ khác người, không đến nỗi mù đui như nhiều kẻ khác, ta thử mời hắn đến nhà nói chuyện vài câu cho vui". Rồi nàng trả lời:

- Tôi cũng khen cho ông là người can đảm, còn dám nói năng đối đáp với tôi. Nhưng ở giữa đường chúng ta không tiện nói nhiều, ông có thông thả, mời ông ghé qua nhà tôi xơi nước!

- Tôi rất thông thả, và cũng ước ao được biết nhà cô, nhưng cô hãy cứ về trước, lát nữa, tôi sẽ lại sau, kéo sợ chúng ta đi đôi với nhau, thiên hạ lại đặt ra điều này tiếng khác.

Dứt lời, người ấy liền lùi trở lại và đi ra nẻo Hàng Buồm. Nàng vác cành đào nghênh ngang theo đường cửa Bắc lên phường Khán Xuân. Vừa đi, nàng vừa lẩm bẩm: "anh chàng này cũng liều chết nói láo mảy câu đó thôi, chưa chắc đã dám bước vào nhà ta! Thế mới biết ở đời tìm một người ra người, thật khó".

Tới nhà, nàng sai con Nụ đem cúc trồng vào trong chậu, tự mình lấy nước cắm những cành đào vào lọ.

Bài trí vừa xong, con nụ vừa xách ấm đồng xuống bếp đun nước, ngoài cửa đã thấy có tiếng gõ cửa càn cạch. Đẩy cánh cửa sổ, nàng đứng trên gác ngó ra xem ai, Chính là anh chàng lúc nãy. Mừng quá, nàng vội chạy xuống mở cửa và mời lên chơi thư phòng. Tia sáng bỗng nảy trong trí, khiến nàng bỗng nhớ ra người ấy là người nào. Lên khỏi thang gác nàng mời người ấy vào ghế và hỏi một cách nghiêm trang:

- Thưa ông, có phải ông là Đàm Thận Trung không nhỉ?

Người ấy mỉm cười trả lời:

- Phải? Chính tôi là Đàm Thận Trung? Sao cô lại biết tên tôi?

- Tôi đã gặp ông một lần ở trên bờ hồ Hoàn Kiếm. Hôm ấy ông đi với cụ Chiêu Bẩy và bốn người nữa. Về sau cụ Chiêu Bẩy có nói tên nói họ các ông cho tôi nghe.

- Cô đã biết tôi, làm sao lúc này lại còn nói chưa?

Xuân Hương vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tôi còn chưa nghĩ ra ai. Vả lại, dù biết là ông đi nữa, tôi vẫn có quyền nói chưa chứ sao. Khi mà một người con trai vô cớ châm chọc một người con gái, thì người con gái vẫn được nói chưa, nếu như người ta không thích những câu châm chọc của người con trai. Ông cũng cho phép thế chứ!

- Cồ nhiên như thế. . . Nhưng người con trai cũng được đáp lại bằng lời sâu sắc. . .

Hai người cùng phá ra cười.

Con Nụ đun sôi ấm nước. Nàng tự đứng dậy pha nước mời Thận Trung uống rồi hỏi:

- Ở ngoài, những ông học trò vẫn đồn tôi là hồ tinh, có phải không ông?

Thận Trung cười khanh khách:

- Chuyện ấy cũng có, thiên hạ vẫn thường nói phao như thế.

- Ông thì thế nào?

- Tôi chưa hiểu ý câu nói của cô?

- Ông có tin tôi là hồ tinh hay không?

- Tin hay không, cái đó không cần nói. Tôi chỉ nói cho cô biết rằng, dù cô có là hồ tinh đi nữa, tôi cũng không sợ.

Xuân Hương vẫn cười tủm tỉm:

- Gớm nhỉ! Ông to gan nhỉ! Dám không sợ tôi, ông cũng to gan thật đấy. Tiếc thay ông là học trò của cụ Nghè Hoàng.

- Thế ra cô vẫn căm cụ Nghè Hoàng phải không?

- Nhưng có sao cô lại nói đến câu ấy, cô bảo tôi làm học trò cụ ấy không đáng hay sao!

- Đáng lắm! Tôi đâu dám bảo cụ Nghè Hoàng không đáng làm thầy học ông; tôi chỉ tiếc rằng. . .

Nói đến đây, nàng bỗng ngừng lại, hình như không muốn nói nốt, Thận Trung vội gặng:

- Tiếc rằng thế nào, cô cứ nói đi, nhưng cảm không được nói chưa?

Nàng cũng nể mặt Thận Trung, liền quay đầu lười:

- Tôi tiếc rằng ông là học trò cụ Nghè Hoàng mà đi vào chơi nhà tôi, lỡ đến tai cụ, có khi cụ lại bắt chước ông Không, sai học trò thúc trống mà đuổi ông ra khỏi cửa.

Thận Trung biết nàng nói đùa, chàng chỉ đáp lại bằng một nụ cười, rồi chàng vờ nói chuyện khác:

- Tôi vẫn thấy nói cô giỏi thơ nôm, thỉnh thoảng anh em đọc lại cho nghe một bài của cô, tôi thấy hay lắm. Trong bọn nhà nho chúng tôi, ít người làm được thơ hay như thế. Vậy chắc cô có thì tập, xin cho tôi được coi qua.

- Thơ tôi mà ông dám cho là hay ư, ông? Thế sao các cụ tiền bối, ai cũng cho là đi thõa?

Rồi nàng mở tủ lấy một cuốn sách giấy bản trao cho Thận Trung:

- Ông muốn coi, tôi có tiếc gì. Làm thơ chỉ cốt người đọc cho là may. Nếu làm rồi lại phải nhét vào trong tủ, không thể nói với ai được, thì còn thú hứng nổi gì.

Thận Trung đón lấy cuốn sách và hỏi:

- Từ ngày cô chép ra tập thơ này, bạn nhơ chúng tôi đã ai coi chưa?

- Trong cái đời này, người ta còn mải miết về đường công danh, ai dám coi đến tập thơ của tôi, ông bảo?

- Tôi là người đầu tiên cầm đến thi tập của cô?

- Có lẽ thế !

- Nếu thế thì tôi là tri kỷ của cô mất rồi!

Xuân Hương nghiêm sắc mặt:

- Ông phải nói đứng đắn, vì lần này là lần thứ nhất chúng ta nói chuyện với nhau.

Thận Trung hơi thẹn, chàng vờ nhìn vào cuốn sách. Bắt đầu coi nhằm bài "Chơi đài Khán Xuân", chàng ngâm kêu như tiếng chuông:

Êm ái chiều xuân tới khán đài !

Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.

Ngâm lại lượt nữa, chàng tấm tắc khen lấy khen

- Hay lắm, rõ như vẽ ra ngôi đài chót vót trên cao.

Rồi chàng đọc tiếp:

Ba hồi chiều mộ chuông gầm sóng

Một vũng tang thương nước lộn trời

Chàng vội gật gù khen ngợi:

- Đường lắm! "Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng, một vũng tang thương nước lộn trời, thật là giọng Thịnh Đường, thơ thế này thì có kém gì Đỗ Phủ, Lý Bạch. Và chàng lại ngâm:

Bái nghìn trùng khôn tắt cạn

Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.

Chàng tán:

- Hai câu này cũng ra cái đài ở nơi chùa chiền và cất tại chỗ gần nước.

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười.

Đọc hết hai câu cuối cùng, chàng bỗng ngẩn người ra mà hỏi:

- Quái! Bài này tôi xem không giống giọng những bài của họ đọc cho tôi nghe. Cứ như những câu này, tôi chẳng thấy gì là dĩ ngôn, sao người ta lại cứ đổ tiếng cho cô!

Xuân Hương đáp:

- Đây là bài tôi làm từ mấy năm trước, lúc ấy tuổi thơ ngây, cho nên giọng thơ cũng còn thơ ngây. Mấy năm sau này tuổi lớn lên, tính càng sinh hư, giọng thơ cũng đổi khác, người ta bảo là dĩ ngôn cũng không oan. Ông cứ đọc hết thì biết.

Thận Trung lần lượt đọc những bài dưới.

Khi xem đến bài "Qua núi Ba đèo"(Tức đèo Ba Dội, hay còn gọi là đèo Tam Điệp), chàng lại ngâm to:

- Một đèo, một đèo, lại một đèo !

Chàng bỗng vỗ đùi và nói:

- Tài ! Thơ tài! "Một đèo, một đèo lại một đèo" thật là ngọn núi Ba đèo. Mượn ba chữ một để thích một chữ ba, giỏi thật. Nếu không phải là bậc thiên tài, khó mà nghĩ được câu ấy.

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc

Chàng ngẩng lên nhìn Xuân Hương:

- Sao cô khinh cái cửa son quá thế! Cửa mà đến "đỏ loét" thì bẩn lắm nhỉ, có lẽ nó là cái cửa gì đó, không phải cửa son.

Xuân Hương chỉ cười không nói. Thận Trung lại nhêu ngao:

Cồn đá xanh rì lún phún rêu

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc

Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.

- Được! Hai câu này được lắm, cũng ra cảnh núi Ba đèo.

Hiền nhân quân tử ai là chẳng

Mỏi gối, chồn chân vẫn muốn trèo.

Chàng đặt cuốn thơ xuống và nói:

- Tôi nói xin cô tha lỗi.

- Ông cứ nói.

- Kể ra hai câu sau này cũng có sự thật?

- Thì tôi có chối bao giờ. Tôi vẫn nhận rằng mấy năm sau này, thơ tôi đổi giọng, người ta chê là dĩ hòa vi quý cũng không oan.

- Đã thì có đi. Nhưng cũng hay lắm.

Chàng lại ngâm lại lần nữa:

Hiền nhân quân tử ai là chẳng

Mỗi gồi chôn chân vẫn muôn trèo.

Chàng lại mỉm cười và hỏi Xuân Hương:

- Như tôi có phải là hiền nhân, hay quân tử không hử cô?

- Tôi không biết. Hôm nay tôi mới biết.

- Cái đó quyền ở cô! Cô cho tôi là hiền nhân quân tử thì tôi sẽ là hiền nhân quân tử.

Xuân Hương lại nghiêm sắc mặt:

- Ông xem thơ thì cứ việc xem thơ, không được nói ra chuyện khác.

Thận Trung im lặng hồi lâu, chàng cầm ấm nước rót lấy một chén nhấp giọng, rồi lại vớ lấy cuốn thơ giở vào một bài ở giữa: "Cái quạt?" À thử xem thơ cái quạt ra sao.

Rồi chàng đọc luôn:

Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa

Chàng cau mày, nhưng không nói gì và cứ tiếp tục đọc nữa:

Duyên em dính dáng tự bao giờ

Vành ra ba góc da còn thiếu

Khép lại, đôi bên thịt vẫn thừa.

Chàng lắc đầu lè lưỡi mà rằng:

- Thơ vịnh cái quạt mà đến thế này thật là kỳ quái, không trách người ta khiếp cũng phải.

Chàng lại đọc:

- Mát mặt anh hùng cơn nắng gió

Che đầu quân tử lúc sa mưa!

Chàng bỗng quăng tọt cuốn thơ xuống ghế và cười khanh khách:

- Sao cô chưa thể hử cô. Cô có thù gì bọn anh hùng quân tử mà nỡ nói đê nói nhục họ thế ! "Vành ra ba góc da còn thiếu. Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa", thế mà tiếp đến "Mát mặt anh hùng khi nắng gió, Che đầu quân tử lúc sa mưa" thì đầu quân tử và mặt anh hùng còn ra gì nữa. Cô thật chua ngoa vô cùng!

Xuân Hương cũng cười:

- Đó là tôi tả chân cái quạt, có ý gì đâu? Ông thử tưởng tượng hình dáng cái quạt mà xem, có phải khi xòe ra thì nó thành hình ba góc mà có một góc thiếu giấy, khi cụp lại thì thịt nó thừa ra đôi bên hay không.

Người ta cầm quạt, ai cũng quạt vào mặt trước, nếu lúc đi mưa mà có cái quạt ở tay ai không dùng để che đầu.

Tôi dùng những chữ "che đầu, "mát mặt" để tả cái quạt tưởng cũng đúng lắm. Còn như những chữ anh hùng quân tử chẳng qua là đặt đối nhau, cho đẹp câu, không có ý tứ gì hết.

- Cô nói vậy thì tôi không chịu. Nếu bảo đặt đối nhau cho đẹp câu sao cô không đặt làm "mát mặt giai nhân" "che đầu thực nữ", giai nhân thực nữ cũng thường dùng quạt như bọn anh hùng quân tử, chứ có khác gì. Không nói người nọ mà nói người kia, chỗ đó, chứng bụng cô lúc nào cũng căm hờn bọn đàn ông con trai chúng tôi cho nên mới có giọng chua ngoa như thế.

- Ông nói thế thì tôi còn cãi sao được. Nhưng ông nên xét cho rằng: Đó là tôi cũng vô tình đặt mấy câu ấy nối liền với nhau, không phải là tôi cố ý, xin ông cũng đừng động lòng.

- Tôi có động lòng gì đâu, thấy vậy tôi cũng nói vậy để cô khỏi cười tôi là ngu dốt mà thôi.

Một lúc lâu, Thận Trung lại tiếp:

- Thực ra anh hùng quân tử ngày nay, nhất là những người đọc sách, biết chữ, mình tự cho mình là bậc đạo đức cao thượng, càng đáng ghét nữa.

- Sao ông lại ghét người đạo đức cao thượng?

- Cô lầm! Không phải tôi ghét người đạo đức cao thượng. Nếu họ mà thật đạo đức thì cái thân họ tức là gương sáng của bọn thiếu niên, đáng quý lắm chứ, ai mà dám ghét? Tôi ghét là ghét bọn đạo đức giả dối ấy thôi. Mà ở đời này, cô bảo lấy ai là đạo đức thực?

- Ông đã nói tôi cũng muốn nói một câu, nhưng trước khi nói tôi xin ông hãy tha thứ cho tôi, dù câu nói ấy có hơi vô lễ!

- Chắc cô lại muốn nói cụ Nghè Hoàng phải không? Được, cô cứ nói, cụ ấy tuy là thầy học tôi thật, nhưng cũng rất nhiều cái tôi rất không phục, cô thử nói xem có hợp ý tôi không?

Xuân Hương chưa kịp, Thận Trung lại giục:

- Cô cứ nói, nhưng cô nên nói cho đúng, không được đặt điều cho cụ.

- Tôi tưởng cụ là hạng đạo đức giả dối, không biết có đúng hay không!

- Cô nói chính đúng ý tôi. Khi trước nghe tiếng đồn cụ là bậc đạo đức cao thượng, nên tôi mới xin vào học. Từ ngày vào học đến nay, tôi mới biết cụ chỉ đạo đức giả, lòng tôi rất là hối hận.

- Bây giờ tôi muốn làm vỡ cái đạo đức giả của cụ, ông nghĩ có nên không?
- Nên lắm. Nhưng cụ giả dối rất khéo, khó mà làm vỡ ra được!
- Được! Tôi đã có phép. Nếu cụ không phải gõ đá, thì thế nào cũng mắc với tôi?

Thận Trung có ý nghi hoặc:

- Nếu cô cùng vào với tôi, e rằng cụ không thêm tiếp, mà rồi cụ còn mắng tôi tàn tệ.

Xuân Hương cười ngặt cười nghẽo:

- Ông thật thà quá! Tôi há chẳng biết bây giờ cụ đang coi tôi như vật dơ bẩn, không muốn để cho lại gần? Nhưng, nếu muốn trêu cụ chơi cho vui, thì tôi phải... không là tôi nữa mới được!

- Cụ có biết mặt cô không?

- Không! Tôi với cụ kiếp trước không thù, kiếp này không thù, hai bên chẳng giáp mặt nhau lần nào, thế mà không hiểu vì sao cụ cứ ghét tôi như đổ thuốc độc ?

Thận Trung cũng cười:

- Một đằng thích giọng đạo đức, một đằng chỉ nói phóng phiếm, hai bên khác nhau như nước với lửa, cô còn ghét cụ, trách gì cụ chẳng ghét cô! Có điều cái thứ đạo đức của cụ, chỉ là đạo đức cửa miệng, chính tôi cũng không chịu nổi, nên muốn để cô chòng cụ xem sao. Nếu cụ chưa biết mặt cô, thì cô có thể đánh lừa cụ được. Nhưng tôi dặn trước, cô nên chòng cụ vừa vừa chứ thôi, không nên làm quá!

Chàng lại quay vào tập thơ và đọc nốt hai câu cuối cùng:

Nâng niu ướm hỏi người trên trướng,

Phì phạch trong lòng đã sướng chưa ?

Lại một nụ cười nở trên cặp môi chúm chím, chàng liếc mắt nhìn nàng:

- Người trên trưởng là ai? Có phải ông lão rậm râu sâu mắt hay không?

Xuân Hương sầm mặt:

- Ông đừng nhắc đến chuyện ấy, tôi muốn vùi dập nó xuống đất đen, không khi nào bới nó lên nữa. Lão Quyền Chương Vệ với tôi, cũng như tôi với cụ Nghè Hoàng, khác một điều là, cụ Nghè Hoàng không thấy mặt tôi, lão đó thì một vài ngày lại được ngó tôi một lần. Ấy là lúc tôi lấy lão ấy, tính duyên chỉ có thể thôi!

Chàng vờ nói đi chuyện khác:

- Vậy ngày mai khoảng nào thì cô vào thăm cụ Nghè?

Chừng độ gần trưa.

- Nhưng, tôi không thể cùng đi với cô.

Xuân Hương ngẫm nghĩ giây lát:

Ông sợ mang tiếng học trò phản thầy phải không! Thế cũng phải. Nhưng tôi muốn rằng khi tôi vào rồi thì ông cũng vào, hoặc ông vào trước rồi tôi vào sau. Miễn là chúng ta không đi cùng với nhau, thì dù xảy ra sự gì, cụ cũng không trách đến ông.

- Được! Tôi cũng muốn chứng kiến cuộc nghịch tình ấy của cô.

Chương IX

Ánh nắng êm dịu qua cửa sổ chiếu vào khuôn gương treo trên tường vôi, trong thư phòng đầy vẻ tung bừng ấm áp.

Xuân Hương đứng trước giá gương, ngắm nghía bóng mình và những bông hoa đào trên lọ chiếu xuống, những cánh hoa đào, hết thấy tươi cười hơn hở, như sung sướng vì được đứng bên cạnh một trang giai nhân.

Bỗng nàng nghĩ đến hai câu cổ thi: "tích niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng", lẩm bẩm nàng khen là thơ rất hay, rồi nàng tự nghĩ: "Tuy vậy. . . vẫn không ra dáng đàn ông, nếu gặp một người tinh mắt, họ cũng có thể nhận biết rằng mình cải trang, vì đôi má hồng và nước da trắng nõn vẫn cố hiện cái bản tướng của nó. Thành linh nhìn lên bộ ngực, đôi vú dầy thì vẫn cứ phồng phồng ra ngoài, tuy nàng đã mặc một lần áo kép. Nàng bụng bảo dạ: "lại còn cái của "mắt dầy" này nữa, bây giờ làm thế nào mà đẹp được nó?" Tức thì nàng mở rương lấy thêm một tấm áo bông mặc phủ ra ngoài. Con Nụ vừa ở dưới chạy lên, thấy nàng, nó phát kinh ngạc mà hỏi:

- Thưa ông, ông ở đâu lại chơi có việc gì xin ông cho biết?

Nàng cố nín cười không được, tùm tùm nàng nắm bàn tay chặn vào lỗ mũi để nói cho ra giọng người lạ:

- Tôi ở Thanh Hóa. . .

Mới nói được bấy nhiêu tiếng con Nụ đã nhận ra tiếng cô chủ, nó liền cười rũ cười rươi:

- Trời ơi ! Cô giả dạng khéo quá, con vẫn tưởng là ông khách nào. Những quần áo ấy cô lấy ở đâu ra thế?

Xuân Hương chưa trả lời, nó lại nói tiếp:

- À phải rồi! vẫn bộ cánh cô may độ trước để đánh lận xông vào trường thi, con tưởng cô đã đem cho ông Nguyễn Cao Đệ mất rồi, vẫn còn đây ư?

Nhìn vào giá gương lần nữa, nàng lại mỉm cười và hỏi:

- Mà trông có giống đàn ông hay không?

- Giống lắm. Chẳng giống sao con lại lắm. Nếu cứ ăn mặc như thế mà đi ra ngoài, có lẽ khắp cả Hà Nội không ai nhận ra cô nữa.

Vui vẻ nàng dặn con Nụ ở nhà coi nhà, rồi nàng đi luôn xuống phường Đồng Xuân.

Lớp học buổi sáng đã tan, học trò đâu về đấy hết, trong trường cụ Nghè Hoàng lúc ấy đã thấy vắng teo.

Nàng đứng ngấp nghé ngoài cổng, chờ mãi mới thấy một cậu bé con tung tăng chơi ở giữa sân. Nàng gọi cậu đó ra cổng mà bảo:

- Nhờ cậu vào trình cụ Nghè: có người ở Thanh Hóa ra, muốn vào hầu cụ.

Cậu vui vẻ chạy vào, chừng nửa giờ sau mới thấy trở ra trả lời:

- Cụ bảo tên thầy là gì, thầy hãy nói cho cụ biết.

Nàng liền nói với cậu đó cho mượn cái bút có tấm mực sẵn. Rồi nàng móc túi lấy mảnh hoa tiên trong túi, viết tấm danh thiếp như sau: "Văn sinh, Thanh Hóa ngoại chân sinh đồ Phạm Khắc Kỉnh bái yết", rồi trao tấm danh thiếp cho cậu học trò, nàng dặn:

- Cậu cầm cái này vào trình cụ Nghè dùm tôi.

Mãi nửa giờ sau, cậu học trò ấy tất tả chạy ra và nói:

- Cụ bảo mời thầy vào chơi trong nhà!

Sửa lại nếp khăn và vuốt các tà áo cho thật ngay ngắn, nàng theo cậu bé cung kính vào trong nhà học.

Cụ Nghè ngất ngheo bắt chân chữ "ngũ" ngồi trên ghế ngựa quang đầu, chừng như mới ăn cơm xong, trong miệng hãy còn cái tăm đương ngậm. Thấy nàng cụ vẫn ngồi im không hề nhúc nhích. Lễ phép, nàng bước vào trong bọc cửa và chắp hai tay lại chào. Khi nàng vừa ngẩng đầu lên, thì vừa thấy cụ rút tăm đặt xuống án thư, chìa bàn tay phải chỉ vào dãy ghế bên cạnh và nói:

- Thầy ngồi!

"Lão này kiêu ngạo đến thế này, thật là quá quắt, thế mà thiên hạ cứ đổ xô vào học, không biết họ định học lấy cái gì".

Nghĩ vậy, nàng lại cố nén cơn tức, xin lỗi cụ rồi khúm núm ngồi vào chỗ ghế mà cụ đã chỉ.

Lâu lâu, thấy cụ lên giọng đạo mạo:

- Mà y đâu, lấy nước thầy đồ xơi nước?

Một tiếng dạ rất nhip nhàng từ phía sau nhà kéo dài đến tận cửa hậu, một cậu học trò vào khoảng mười hai, mười ba vội vàng đến trước án thư nghiêng âm bình tích rót độ lưng chén rón rén đệ vào chỗ nàng ngồi:

- Mời ông xơi nước ạ?

Rồi cậu ấy lại rón rén đi ra đằng sau.

Mùi hoa sồi lẫn mùi chè nụ theo khói đưa ra ngào ngạt. Nàng lại lễ phép đứng dậy:

- Cụ ban nước, chúng con xin bái lĩnh!

Cặp môi nhăn nheo sẽ mấp máy trong bộ râu bạc phát phơ và đưa ra hai tiếng vắn cộc:

- Không dám!

Rồi cụ lại bắt chân chữ ngũ ngồi im. Nàng đã uống cạn chén nước, cụ vẫn không nói không rằng.

Một lúc nữa, chòm râu bạc lại thấy rung rung. Cụ ngoảnh nhìn nàng và hỏi:

- Thầy ra thăm tôi có việc gì!

Nàng vội đứng dậy giải tai và đáp:

- Dạ, bẩm cụ chúng tôi nghe tiếng...

Vừa nói đến đây, ngoài cửa nghe tiếng người "lạy thầy" rất ròn rã làm cho nàng phải ngừng lại và đưa mắt trông ra. Đàm Thận Trung nhanh nhẩu bước vào với cái dáng bộ kính cẩn. Theo lệ mọi ngày, chàng ấy ngồi lại dãy ghế bên kia đối mặt với Xuân Hương.

Im lặng một lúc nữa, cụ lại quay mặt sang phía Xuân Hương và nhắc lại câu nói vừa rồi:

- Thầy vào thăm tôi có việc gì không?

Nàng cũng lễ phép nói nốt một câu đương nói dở:

- Dạ bẩm cụ, chúng con được nghe tiếng cụ là bậc đạo cao vọng trọng, cho nên chẳng quản đường xá xa xôi, nhất bái, để xin cụ chỉ giáo cho một vài điều về cách lập thân xử thế, chúng con lấy làm đội ơn.

Se sẽ giờ tay vuốt mấy sợi râu trắng xóa, cụ rung đùi ra cách tự đắc:

- Làm sao thầy biết tiếng ta?

Nàng đáp:

- Dạ, bẩm cụ, danh vọng của cụ ngày nay, thật chẳng khác gì núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu, trong cánh sĩ lâm ái cũng nói đến, chúng con nay mới được biết cũng là muộn lắm.

Cụ lại ngậm tăm xỉa răng, một hồi, rồi nói:

- Thầy muốn hỏi tôi về cách lập thân xử thế ?
- Dạ.
- Thầy biết nghề vậy thì cũng khá đấy! Năm nay thầy bao nhiêu tuổi?
- Dạ, bẩm cụ, chúng con đã hai mươi tuổi.
- Ừ đương lúc niên thiếu lực cường. . . Thầy đỗ sinh đồ từ năm nào?
- Bẩm cụ, chúng con mới đậu khoa trước?
- Năm nay thầy không đi thi?
- Dạ, bẩm có. Nhưng chúng con hỏng ngay từ kỳ đệ nhị.
- Năm nay các đầu bài thi cũng nhẹ cả mà? Sao thầy lại hỏng đệ nhị? Chắc thầy kém về tứ lục!
- Dạ.
- Thế thì thầy phải cố công rèn tập để đến khoa sau lại thi.
- Dạ.
- Làm người học trò, ai ai cũng mong thi đỗ, nhưng theo ý ta, đỗ hay không đỗ, cái đó chưa quan hệ lắm. Cần nhất phải giữ cho phẩm hạnh đoan chính cái đã. Nếu như phẩm hạnh không ra gì, thì càng đỗ to bao nhiêu, lại càng làm hại dân nước bấy nhiêu, Vương Án Thạch, Lã Di Đản đều đỗ Trạng nguyên cả đấy, thế mà chỉ vì phẩm hạnh bất chính, làm càn làm bậy, muôn đời mang tiếng là kẻ gian thần, các thầy đọc sử, chắc cũng biết cả.
- Dạ bẩm, chúng con cũng nghĩ như thế nên phải tìm đến cửa cụ, mong cụ chỉ đường dẫn lối, cho con được rạng mặt thêm ra.

- Tôi không phải là thánh hiền gì đâu. Nhưng tôi học sách thánh hiền đã nhiều, biết theo ý của thánh hiền, từ một việc làm đến một câu nói, tôi không dám sai lời thánh hiền bao giờ...

- Bẩm cụ, đối với ngày nay, cụ thật là một cây cột đã đứng vững giữa dòng nước chảy?

Cụ lại vuốt râu mà cười ha hả:

- Thầy cũng biết như thế à? Được! Cho thầy ngồi.

Xuân Hương lại khiêm tốn ngồi vào chỗ cũ. Cụ Nghè ngảnh mặt sang phía Thận Trung và bảo:

- Anh Trung hãy sang bên này mà ngồi. Đó là thầy Phạm Khắc Kỉnh, sinh đồ ở Thanh Hóa ngoài, thầy ấy với các anh cũng là chỗ thanh khí với nhau tất cả.

Thận Trung cố sức nhin cho khỏi cười, rồi chàng đứng dậy rón rén đi sang bên này cúi chào Xuân Hương và ngồi vào cùng ghế nàng. Cụ Nghè lại trông Xuân Hương rồi nói:

- Thầy chắc không biết anh này là ai?

- Dạ bẩm không.

Đó là anh Đàm Thận Trung học khá nhất trường tôi, bài tập tứ lục trong mấy kỳ này của anh ấy tôi đều phê "ưu" cho cả. Sau này nếu thầy muốn giỏi tứ lục, thì phải ở cùng với anh ta.

- Dạ, chúng con cũng ước ao được thế.

Cụ lại trông mặt Thận Trung và nói một cách thẽ thọt:

- Tứ lục của anh thì khá, nhưng tính nết của anh hãy còn chưa chín. Những chuyện bông phào lác cắc, rất có hại cho sĩ hạnh, anh nên tự biết mà chừa dần đi, chớ để cho thầy mang tiếng.

Thận Trung vội dạ một tiếng rất lễ độ, cụ Nghè lại tiếp:

- Thầy đồ Thanh Hóa muốn hỏi ta về cách lập thân xử thế, ấy là thầy đã biết nghĩ, có thể dạy được. Tiện thể ta nói cả cho anh Trung cùng nghe: Trong sự tu thân, cốt nhất là phải chính tâm thành ý, ở sách lại học đã nói: "Muốn làm rõ rệt "đức sáng" của mình ra gầm trời, trước hết phải trị nước mình, muốn trị nước mình, trước hết phải tủy nhà mình; muốn tủy nhà mình, trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình; trước hết phải chính lòng mình; muốn chính lòng mình, trước hết phải thật ý mình. Thật ý mình là gì? Nghĩa là lúc nào cũng vậy, ý nghĩ của mình cứ phải thật thà dù rằng trong lúc đêm khuya, trong nơi người vắng, không có ai biết, mình lại dối mình, các thầy nghe chưa?"?

Hai người cùng "dạ" ; cụ Nghè nhấp giọng một hớp nước nụ, thở một hơi dài, lâu lâu cụ ra mặt buồn rầu và thêm:

- Bây giờ thói đời mỗi ngày mỗi kém, lạng người không giống ngày xưa, thiên hạ chỉ đua nhau đi về đường điêu trá gian ngoan, không coi lễ, nghĩa, trung, tín là cái gì cả. Thấy vậy, ta rất lấy làm lo phiền.

Hai người cúi mặt im lặng, như có ý để tai nghe ngóng, cụ bỗng chép miệng một cái, rồi nói ra đáng tức giận:

- Nhất là cái thành Hà Nội lại càng tệ hại hơn các nơi khác. Bởi vì ở đây là đất phồn hoa đô hội, người ta chỉ biết vụ lợi, không biết trọng nghĩa, cho nên nhân tâm lại càng kiêu bạc.

Rồi cụ sai cậu học trò đánh đá lấy lửa, giắt mỗi thuốc vào nõ điều ống: cụ vít xe điều hút sòng sọc mấy tiếng.

Giây lát, cụ nhìn Xuân Hương và hỏi:

- Thầy đồ Thanh Hóa có biết con Hồ Xuân Hương ở ngoài này không?

Xuân Hương vội làm ra vẻ nghiêm nghị:

- Dạ, bẩm cụ, chúng tôi có nghe thấy anh em nói chuyện, nhưng không biết rõ cô ta ra sao?

Nét mặt hăm hăm cụ nói:

- Nó là con yêu con quái giáng sinh, để làm nhơ bản sĩ phong đời nay. Cứ như người ta nói lại với ta, thì nó cũng có học ít nhiều, có biết làm thơ, thơ của nó toàn là thơ nôm, không có câu nào là không ngụ ý đi thõa. Thế mà trong đám sĩ lâm cũng có nhiều người truyền tụng, anh nọ đọc lại cho anh kia nghe. Như thế, thế đạo sĩ phong phồng còn ra trò gì nữa! Ta lo rằng chẳng bao lâu nữa, người đời sẽ hóa cảm thú hết cả.

Cụ đương nói dở, đằng sau bỗng có tiếng chân chạy thình thịch. Một tên nhà bếp tiến lại phía trước án thư với sắc mặt xám mét. Cụ Nghè ngạc nhiên và hỏi:

- Mà muốn nói gì?

- Bẩm cụ...

Nói được hai tiếng, đứa nhà bếp lại đứng thừ ra, đầu lười ngáp ngừng, dường như không dám nói nữa, cụ gặng:

- Cái gì, cứ nói!

Tên nhà bếp lại ngáp ngừng cố nói hai tiếng "bẩm cụ", rồi hấn lại im, cụ phát cáu:

- Bẩm cụ cái gì mới được chứ? Làm sao hỏi mãi không nói?

- Bẩm cụ con mẹ hàng gà...

- Con mẹ hàng gà làm sao?

- Bẩm cụ, con mẹ hàng gà nó vẫn ngồi ở nhà dưới.

- Nó ngồi ở nhà dưới làm gì? Chúng bay có mua bán tăng tịu gì với nó không?

- Bẩm không.

- Thế thì đuổi cổ nó đi! Có việc thế cũng phải hốt hoảng, thôi xuống dưới ấy.

Tên nhà bếp lại nói bằng giọng áp úng:

- Bẩm cụ con gà hôm nọ cụ sai con đem nhốt vào chuồng, bây giờ thả ra, nó nhận là gà của nó.

Cụ Nghè cau đôi lông mày trên bộ mặt đỏ bừng:

- Của nó là của thế nào? Bảo nó muốn sống về ngay, nếu còn nhận lão thì ông đánh cho đập xác ra.

- Bẩm cụ, con đã bảo thế nhưng mà con mụ ấy ghê gớm lắm, nó cứ nhất định bắt gà đem về, và nói rằng: Nếu không trả gà cho nó, thì nó sẽ đứng đấy coi gà đẻ cho con nó đi trình ông Thiên Hộ.

Cụ Nghè đập tay xuống án thư:

- À lão? con mụ láng giềng này lão thật, dám đem thằng Thiên Hộ mà dọa người nhà ông à? Mày bảo nó nếu nó đi trình Thiên Hộ, thì ông bảo quan Tổng đốc bỏ cả Thiên Hộ vào ngục.

Tên nhà bếp dạ một tiếng lớn, rồi chạy thẳng xuống. Giây lát nó lại tất tả chạy lên:

- Bẩm cụ, con mụ bướng lắm. Con đuổi thế nào nó cũng không về, nó nói lão rằng: của nó nó nhận, quan Tổng đốc cũng đến "phải" thì thôi.

Cụ Nghè thở dài:

- Dân phong ngang ngạnh đến thế, có đáng ghét không?

Xuân Hương ngửa miệng, giả cách lễ phép đứng dậy và bảo tên nhà bếp:

- Anh không cần cãi vã với kẻ tiểu nhân vô lễ làm gì ; cứ bắt đem con gà ấy thả ra ngoài cổng, hễ nó chạy về nhà kia thì là gà của nhà kia, mà nếu nó lại chạy về nhà này, thì là gà của nhà này.

Cụ Nghè chưa kịp bảo sao, tên nhà bếp đã lật đật chạy xuống.

Mở quả trầu lấy trầu, cau và cái cối ngà đưa cho Thận Trung đem giã, cụ Nghè đương sắp tiếp theo câu chuyện đạo đức, thì tên nhà bếp lại hốt hoảng chạy lên, vừa thở vừa nói:

- Bẩm cụ, con mới đem thả con gà ra công, nó đã chạy tọt vào nhà con mụ hàng gà.

Chương X

Phố phường Hà Nội đã hết vẻ nhộn nhịp của năm mới, xác pháo ngoài đường đều bị vùi dập dưới tầng đất lấm, câu đối xanh đỏ ở các đường ngõ đều phải hoen ố vì những giọt mưa xuân.

Những nhà buôn bán lần lượt mở cửa bán hàng.

Những bà, những cô phong lưu thi nhau thắp áo mới, sắm vàng hương, để đem đầu vào các đèn các miếu.

Xuân Hương vò vộ ngồi trong thư phòng, nàng tự thấy mình như không chống nổi sự buồn bã của cảnh hiu quạnh. Rồi lòng xuân phơi phới giục nàng phải nhớ đến Đàm Thận Trung. Từ ngày hẹn nhau vào nhà cụ Nghè Hoàng, chàng thường lui tới nhà nàng luôn luôn. Trong lúc cùng nhau trò chuyện nàng vẫn để ý xem xét, và đã nhận chàng là kẻ khoáng đạt, hoà nhã không câu nệ, giả dối như các ông nho sĩ khác. Vì thế, tình ý hai bên mỗi ngày mỗi thêm thân mật, chàng coi nàng là bạn tâm đầu ý hợp, nàng cũng coi chàng là tri kỷ của mình.

Hồi cuối năm ngoái, không ngày nào chàng không đến chơi nhà nàng. Tuy giữa hai người chưa hề có chút bõm xòm lả lơi, nhưng sự ăn ở, đối đãi đã gần giống như người một nhà, có khi nàng đã lưu chàng ăn ngủ luôn ở nhà mình, mà không lấy làm e lệ. Vì năm hết, tết đến, theo tục, chàng phải về quê, trước khi từ biệt phường Khán Xuân, chàng đã hẹn nàng đoạn tết lại sang rồi cùng đi chơi các nơi hang động, núi rừng, để ngắm cảnh đẹp của trời đất. Vậy mà qua tết đã hơn mười ngày, vẫn chưa thấy chàng tới nơi, cho nên nàng nóng ruột. Phải, nàng không phải là loại gỗ đá, tất nhiên cũng có dục tình, trong bấy nhiêu ngày, lửa đã gần rơm, dù hai bên vẫn cố giữ cho nó không thể bùng lên, nhưng sự thực, ở trong lòng nàng, cũng như ở trong lòng chàng, lửa ấy vẫn cứ cháy ngấm cháy ngấm, vắng chàng lúc nào, ấy là nàng phải buồn tẻ lúc ấy.

Mấy cánh bích đào trên lộ đã bắt đầu nảy những lá non, cánh hoa tươi thắm lả tả rơi rụng khắp nhà, đầu cành trơ những quả non nhu nhú. Sự thay đổi của hoa cảnh nhắc lại cho nàng bài thơ "Tiết xuân" của chàng Đỗ Mục ngày xưa.

Trong những thi nhân đời Đường, Đỗ Mục là người rất đa tình. Khi chàng ra chơi Hồ Châu, viên thứ sử ở đó là Ứng Quân Tố muốn chiều ý bạn, gọi hết con hát trong quận đến cho chàng coi, chàng không vừa ý một ả nào hết. Rồi chàng xin cho viên thứ sử mở hội, bày các trò vui dưới nước cho người trong quận đến coi, để chàng kén xem có người con gái nào đẹp hay không! Viên thứ sử cũng xin vâng lời. Đúng ngày mở hội, người ta đến coi chật cả hai bên bờ sông. Đỗ Mục đi ngắm khắp lượt, vẫn không có ai vừa ý. Thành linh có một mục già dắt đưa con gái còn đề hồng mao đi vào. Mục coi hồi lâu liền bảo với viên thứ sử, con bé ấy thực là một bậc quốc sắc, viên thứ sử tức thì cho đón vào thuyền. Mục nghĩ ý muốn hỏi làm vợ. Cả mục già lẫn cô bé con nghe nói đều sợ không dám nhận lời. Mục nói ta không cưới ngay bây giờ, chỉ đính hẹn với mẹ con nàng mà thôi. Sau mười năm nữa, tất nhiên ta ra làm quan hạt này. Nếu mười năm nữa mà ta không ra, thì cho tùy nàng muốn đi lấy ai thì lấy. Khi ấy Mục đưa rất nhiều tiền cho mẹ con nàng để làm tiền cưới. Khi về triều, Mục vì quan thấp, chức nhỏ không dám xin ra Hồ Châu. Tới lúc được ra Hồ Châu, tính ra đã mười bốn năm. Lập tức cho đòi người con gái ấy thì nàng không đến, chỉ có mẹ nàng vào ra mắt Mục, nói rằng: Khi trước ông hẹn mười năm nhưng hết mười năm, không thấy ông ra, tôi gả chồng cho cháu đã ba năm nay, cháu đã sinh được ba đứa con rồi. Mục cúi đầu ngẫm nghĩ rồi bảo các bạn, lý của họ thắng, mình không nên cưỡng. Luôn đó, Mục tiễn bà lão ra cổng một cách kính trọng, nhưng Mục vẫn ngậm ngùi tiếc người con gái, mới ngâm một bài "Tiết xuân".

Xuân Hương giở tập Đường Thi ra coi, nàng thấy ý tứ trong thơ rất hợp với tình cảnh mình, tức thì nàng lấy giấy bút dịch ra một bài quốc âm như sau:

Bởi tại tìm hoa quá chậm chân,

Há nên ngao ngán oán ngày xuân,

Gió đông bay hết màu tươi thắm,

Quả trái đầy cành, bóng rợp sân

Nàng ngó những cành hoa đào tan tác dưới sàn gác, nằm những quả đào non và lá đào xanh mơn mớn trên độc bình, rồi nàng lại ngâm đi ngâm lại hai câu:

Gió đông bay hết màu tươi thắm

Quả trái đầy cành, bóng rợp sân

Lúc ấy trong lòng càng thấy buồn bực, nàng liền nhớ lại những ngày còn để hồng mao mỗi khi gặp tiết đầu xuân, thường được theo mẹ đi chơi nhà các người họ hàng ở nhà quê, rồi những chị em bạn gái rủ nàng chui vào bờ bụi, tìm các thứ lá để đánh đố lá với nhau. Nàng vì ở đất thị thành, không thuộc được nhiều tên bằng họ, lần nào đố lá nàng cũng thua họ, bị họ dằn vặt cả lưng và vẹo cả sườn.

Thế mà ngoảnh đi, ngoảnh lại, bây giờ nàng đã ngoài hai chục tuổi, những bạn đố lá ngày trước, ai nấy đều đã con bông con mang. Chỉ riêng nàng hãy còn lẳng lặng: "Tuổi xuân chẳng qua cũng như những cánh hoa đào, nó chỉ tươi thắm được trong một thì, hết thì tươi thắm ấy thì hết xuân, nghìn vàng không mua lại được". Nghĩ vậy, nàng liền đọc luôn đến câu phương dao:

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Cái già xồng xộc, nó thì theo sau.

Ngâm chưa dứt tiếng, dưới gác bỗng thấy có người gõ cửa. Nàng đẩy cửa sổ ngó ra, thì ra Đàm Thận Trung đã đến. Mừng quá, nàng không rụt rè e lệ gì cả. Tự mình chạy xuống mở cửa mời chàng lên gác.

Con Nụ biết ý, xách chiếc ấm siêu xuống bếp đun nước, để gian phòng gác mặc chủ và ông khách tự do.

Chàng vừa ngồi đoạn, nàng liền đem chuyện cụ Nghè Hoàng ra nói:

- Con gà hôm ấy đích là của mụ láng giềng không phải của cụ Nghè Hoàng.
- Thì chính thế, nếu là gà của cụ Nghè Hoàng sao khi thả ra, nó lại chạy tốt về nhà mụ kia.
- Chắc cụ muốn ăn xuyết con gà của họ để cúng.
- Có lẽ thế.

Nàng cười sằng sặc:

- Gớm chữa, văn hay, học rộng, mở miệng nói toàn giọng đạo đức thánh hiền, thế mà dám ăn cắp gà của người ta đấy. Đáng chán chưa? Có lẽ những ông thâm nho toàn là hạng người đi ăn cắp gà tất cả.

Thận Trung sầm mặt:

- Mình không được phép nói hỗn thế. Nho cũng tùy người, không phải ai cũng như ai. Nếu mình muốn nhân việc ăn cắp gà của cụ Nghè Hoàng mà kết án chung mấy ông lên mặt đạo đức, thì phải nói thử thế này...
- Nói như thế nào?
- Nói rằng bao nhiêu cụ Nghè ngày nay toàn là người ăn cắp gà tất cả, thế mới đúng.

Hai người cùng cười râm rả.

Ngọn gió hiu hiu qua cửa sổ thổi vào án sách, một mảnh hoa tiêu trong đồng sách pháp phới bay ra giữa nhà, Xuân Hương toan tính nhặt lấy dẫu đi, nhưng chưa kịp nhặt, tờ giấy đã bị vào tay Thận Trung.

Chàng đưa lên nhìn, chính là bài thơ vô đề của nàng mới làm trong mấy bữa nay. Gật gù, chàng vừa cười vừa đọc:

- Canh khuya vắng vắng trống canh dồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trắng bóng xé, khuyết hay tròn

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con.

Đọc đi đọc lại đến ba bốn lần, thấy trong thơ chứa chan tình hứng, làm cho chàng không thể nén được ngọn lửa trong buồng gan. Bỏ tờ hoa tiên xuống án, chàng đứng dậy, ôm nàng vào lòng và đặt trên đôi má hồng của nàng bốn, năm cái hôn nồng nàn. Nàng không cự nhưng hình như cũng sượng sùng, hai má đỏ bừng, vừa cười nàng vừa nói bằng giọng ồm ồm:

- Ô hay! Làm gì thế? Làm cái gì thế?

Thang gác có tiếng thành thịch, hai người vội buông nhau ra, con Nụ vừa xách ấm nước sôi lên. Lấy đủ ấm chén pha nước đặt lên trên yên, nó lại lùi xuống dưới gác. Thận Trung không đợi Xuân Hương mời chào, chàng lại cầm ấm rót lấy mà uống. Một nụ cười nở trên cặp môi son, nàng nhìn Thận Trung và hỏi:

- Hôm nay ăn cơm chiều ở đây chứ?

- Chẳng ăn ở đây thì ăn ở đâu?

Nàng liền xuống gác đưa tiền cho con Nụ đi chợ mua đồ làm cơm.

Gần tối, đồ ăn làm xong, con Nụ bung mâm lên, hai người cùng ngồi một mâm, vừa uống rượu, vừa xướng họa, đêm ấy Thận Trung cùng nàng ngủ chung một giường.

Sáng hôm sau, mặt trời lên khỏi ngọn cây, ánh nắng chiếu xuống Hồ Tây lóng lánh, hai người mới cùng trở dậy, ai nấy còn uồn vai, ngáp vặt nhìn nhau bằng cặp mắt sượng sùng.

Tan cuộc nước chè, Thận Trung vui vẻ bảo nàng:

- Trước kia nghe bài tự tình của mình đưa vào trong trường cụ Nghè, tôi vẫn không tin, ý tôi cho rằng trong lúc mình ở nhà lão Quyền Chương Vệ, cũng như mở để miệng mèo, tất nhiên lão ấy không để cho mình yên lành. Bây giờ mới biết là tôi đoán sai...

Xuân Hương không trả lời, nàng chỉ mỉm cười một cách chua chát. Hồi lâu, nàng bảo con Nụ mua đồ ăn sáng, để nàng sắp đi chơi xa. Muốn tránh sự bàn tán lời thôi của những người ngứa miệng, nàng lại ăn mặc giả trai như hôm vào thăm cụ Nghè Hoàng.

Lần ấy là lần đầu nàng cùng người bạn trai đi chơi sơn thủy, chàng muốn vào thẳng Thanh Hóa ngoại trấn viếng chùa Non Nước, rồi xuống luôn huyện Gia Viễn thăm động Hoa Lư. Nhưng nàng không thích đi về hướng ấy, và nàng khuyên hãy lên coi qua rừng trên vùng Thái Nguyên. Ý chàng vốn không nhất định đi đâu vì đi đâu cũng là ải chơi, không có sự gì quan hệ, cho nên nàng định thế nào, chàng cũng theo thế ấy.

Hai người thuê hai chiếc cáng theo huyện Kim Anh đi lên, khi tới phố Mã thì trời vừa tối, phải vào ngủ trong nhà trọ.

Sáng mai mờ đất đã toan trở dậy lên đường, nhưng vì ở đó là nơi đồng rừng, hết giờ mào chưa tan sương mù, nên chàng khuyên nàng hãy nên thông thả.

Bỗng thấy ở nhà bên cạnh có tiếng trẻ học, nàng cười và bảo với chàng:

- Ai ngờ ở trong hang sâu cũng có tiếng chân ngư mục đi. Ta thử vào chơi xem sao.

Rồi nàng gọi hỏi nhà trọ xem rằng thầy đồ dạy học bên ấy tên họ là gì, tính hạnh ra sao, người chủ trọ đáp:

- Chúng tôi chỉ thấy gọi là ông Công Tuyên Quang, về đây bảo trẻ đã hai năm nay, tính hạnh rất thuần thực, và rất nghiêm nghị. Trong hai năm nay, ngoài nhà chú nuôi com, ông ấy chưa hề chơi bời với ai.

- Chúng tôi muốn sang thăm ông có tiện không nhỉ?

- Cái đó chúng tôi không biết. Nhưng ông cứ sang, nghe đâu bên ấy cũng có ông Nghè Hưng Hóa về chơi với ông Công đã mấy bữa nay.

Nghe nói, nàng liền bảo chàng :

- Quái lạ! Hưng Hóa Tuyên Quang cũng có ông Nghè, ông Công, văn học đường rừng cũng thịnh đấy chứ.

Rồi chàng và nàng cùng dắt nhau sang nhà láng giềng, nói là bọn lái buôn đi đường, nghe tin ở đây có ông Công bảo trẻ, nên muốn vào thăm ông và xem cách thức học hành thế nào.

Thì ra cách nói đôi ấy rất trúng với ý ông Công.

Từ trước đến giờ, ông Công không thềm tiếp một người nào là khách hết, trừ ra ông Nghè Hưng Hóa là bạn chí thân của ngài. Nhưng nếu nói là lái buôn hoặc lý dịch chi đó, thì ngài rất vui lòng khoản đãi, có khi chè chén đến năm, bảy bữa, ngài cũng không hề phàn nàn.

Hai người tiến vào trong nhà, cung kính lạy chào ông Nghè, ông Công, rồi theo lời mời của ông Công hai người cùng ngồi vào dãy ghế của học trò ngồi.

Ông Công giới thiệu cho hai người biết ông khách của ngài là một ông tiên sĩ ở đạo Hưng Hóa, rồi ngài lại tự giới thiệu cho ngài. Đúng như lời mục chủ trọ đã nói, ngài tự xưng mình là ông Hương Công ở đạo Tuyên Quang.

Hai người chỉ vâng vâng, dạ dạ, tỏ ý kính trọng.

Ngoài ngõ có tiếng chó sủa, một lớp ăn mỳ tiến vào với cái niêu đất và một tấm áo tơi xù.

Trong nhà, ông ra lệnh cho cậu học trò học rồi học rít để che lấp tiếng lạy ông lạy bà của kẻ khốn khó.

Một cậu học trò chìa sách đến hỏi ông Công:

- Thưa thầy chữ gì!

Vứt cây roi mây xuống phản, ông Công thét thật lớn:

- Cảm dung là đất Cẩm Dương.

Cậu bé liền nghêu ngao học:

- Bái công binh chí Cẩm Dương, ông Bái Công quân đến đất Cẩm Dương.

Ông Nghê Hưng Hóa vội ngắt câu nói:

- Không phải Cẩm Dương, sao ông dạy càn con cái người ta thế?

Ông Công trừng mắt:

- Chẳng phải Cẩm Dương thì là chữ gì?

Ông Nghê đồng dặc:

- Ông dốt lắm, không trách ông đồ đại khoa. . . Ấy là Hàm Thang là đất Hàm Thang chứ gì.

Ông Công gân cổ cãi lại:

- Tôi nhất định không chịu.

Rồi hai ông cãi nhau lộn bậy, một ông quyết là Cẩm Dương, một ông quyết là Hàm Thang. Ông nọ mắng ông kia ngu, ông kia lại bảo ông nọ dốt. Xuân Hương và Thận

Trung bầm bụng ngồi im không dám cười. Ông lão ăn mày ngoài sân ngựa miệng nói vào:

- Thừa lạy hai ngài, cho tôi xin nói.

Ông Nghè, ông Công cùng chạy xô ra thét hỏi:

- Lão ăn xin cũng biết chữ à!

- Dạ bầm hai ngài, thuở nhỏ chúng tôi cũng có theo đòi nghiên bút, bây giờ còn nhớ ít nhiều, cái câu cậu bé đang học đó là câu ở sách Hán Cao Tổ phải không, thưa hai ngài !

Hai ông cùng nói:

- Phải đấy? Thế lão bảo trong hai chúng ta ai đốt, ai không đốt?

- Bầm cả hai ngài cùng đốt. Không phải Hàm Thang, cũng không phải Cẩm Dương.

Hai ông cùng sấn sổ:

- Thế thì mày bảo nó là chữ gì?

- Bầm hai ngài, nó là chữ Hàm Dương, hai ngài mỗi ngài trúng một chữ, nhưng mỗi ngài lầm một chữ.

Tức thì hai ông cùng nổi trận lôi đình, chạy lại túm lão ăn mày toan đánh, Xuân Hương, Thận Trung thương hại vội vàng chạy ra cố can. Hai ông chùng cũng nể mặt khách lạ, bèn tha tội cho lão ăn mày, không đánh nhưng họ bắt mất cái niêu đem đập vỡ tan. Lão ăn mày cảm cảnh, ngồi ở trước cổng khóc ru khóc rười. Một lúc sau lão mới xù xì khoác chiếc áo toi đi ra, để lại tường cổng mấy chữ thảo.

Xuân Hương và Thận Trung chán chuyện ông Nghè ông Công đứng dậy cáo từ trở ra. Tới cổng thấy có mấy dòng chữ nét mực chưa ráo, lối chữ rất già và rất tươi. Hai người cùng đứng lại nhìn, té ra một bài tứ tuyệt.

Xuân Hương liền làm rầm đọc:

- Ông Nghè Hưng Hóa, Cống Tuyên Quang

Chết dẫm, xưng chân cũng một tuồng.

Ma thiêng chẳng đánh hai thằng chết

Đập vỡ niêu tao đất Cẩm Thang.

Chương XI

Từ biệt phố Mã, Xuân Hương cùng Thận Trung, mỗi người một cái, leo đèo lên phủ Phủ Bình.

Đường núi quanh co, rậm rừng gai góc, hai người tuy ngồi trên cái, không phải chạy bộ bước nào, nhưng mỗi khi lên đèo xuống dốc, ai nấy đều thấy như dốc ngược người đi. Dù vậy mặc lòng, hai người vẫn đều vui vẻ, không lấy gì làm ngại. Là vì ở đất đô hội, nhìn cảnh phồn hoa đã chán, nay được ngắm cảnh đường rừng, cũng như vào chơi một thế giới khác, càng đi càng thấy nhiều vẻ đáng yêu.

Ngày thì chật vật trên đường, đêm vào ngủ trọ trong các thung lũng, dân Thổ dân Mán tưởng hai người là quan khách ở đường xuôi lên có việc gì, hò đều thưa tiếp một cách cung kính. Hai người tuy không thích vậy, nhưng cũng giả cách làm lơ, không dám nói thật rằng mình đi chơi.

Chừng năm, sáu ngày gì đó, đôi cái ngẫu nhiên đến hạt Phủ Bình. Trước mặt bỗng hiện một trái núi lớn. Hỏi ra mới biết đó là ngọn núi Độc Tôn, chúa tể của đám núi Tam Đảo, Xuân Hương liền hỏi Thận Trung:

- Trong dãy núi này có một cổ tích, mình có biết không?

Thận Trung mỉm cười:

- Khinh nhau làm gì vậy? Mình còn biết, hướng chi tôi.

Xuân Hương cũng cười:

- Cổ tích thế nào, mình thử nói cho tôi nghe.

- Di tích của Nguyễn Danh Phương chứ gì! Trong đời Cảnh Hưng, Danh Phương kéo quân chiếm trái núi này làm nơi sào huyệt để chống lại với triều đình vua Lê. Bây giờ

ông ta làm đúng như một vị đế vương, cung lâu đài dựng ở trên núi rất nhiều, đồn ải dinh trại ông khắp các miền chung quanh. Lương thực khí giới, ông ta chứa cả ở đồn Ngọc Bội. Đó là nội đồn ở gần chân núi, rồi đến đồn Hương Ngạch gọi là trong đồn, ngoài nữa là đồn Ục Kỳ, gọi là ngoại đồn. Lại còn vô số chi đồn, rải rác đóng ở các nơi khác. Cứ như các cụ truyền lại, thì quý mô của ông ta xếp đặt cũng khá vững chãi. Ruộng nương trong vùng này đều bị ông ta tịch biên, sai quân cày cấy lấy thóc để nuôi tướng sĩ. Những sản vật miền thượng du như: chè, sơn, nứa, gỗ, chì, kẽm, vân vân đều bị ông ta chiếm cả. Lúa gạo, của cải tích ở các đồn nhiều lắm. Ba hạt Lâm Thao, Tam Đại, Đà Dương đều vào tay ông ta, quan quân nhà Lê lên đánh mấy năm, lần nào cũng thua liểng xiểng. Qua năm Canh Ngọ triều đình sai Phạm Đình Trọng thống lĩnh đại quân kéo lên. Ông này là tay danh tướng, biết cách hành binh.

Lúc quân trẩy, ông ấy chia ra làm bốn đạo quân, đồng thời tiến vào.

Nói đến đây, Thận Trung mở ống thuốc lá cuộn một môi thuốc, chàng lấy đá lửa đánh lửa châm thuốc, vừa hút vừa tiếp:

- Trước hết ông Phạm đem quân đánh đồn Ục Kỳ và chiếm luôn được đồn ấy. Các tướng bên kia thấy đồn Ục Kỳ đã đại bại ai nấy mất vía, đồn Hương Ngạch chưa bị đánh chác gì cả, quân sĩ tự nhiên tản chạy... Ông Phạm thừa thế, tiến lên đánh đồn Ngọc Bội, quân của ông Phương phải rút lên núi Độc Tôn, quan quân lại đuổi lên tận sườn núi, đánh nhau ở đó một trận dữ lắm, quân ông Phương thua to, đêm ấy ông Phương phóng hỏa đốt hết nhà cửa kho đụn, rồi cùng các tướng đi trốn, ông Phạm tức thì đốc quân đuổi theo. Tới huyện Lập Thạch, ông Phương bị bắt.

Dứt mạch, chàng thở khói thuốc trong miệng, hài mắt lơ lơ nhìn Xuân Hương:

- Có phải câu chuyện thế không? Hay là tôi có nói sai chỗ nào?

Xuân Hương vẫn cười:

- Phải! Đúng thế. Kể ra ông Nguyễn Danh Phương cũng là một tay anh hùng đấy chứ!

- Anh hùng lắm! Chẳng may gặp tay ông Phạm định Trọng, ông Phương mới bị tan tành. Nếu không có khi ông ta làm vua cũng nên.

Xuân Hương cười chế riễu:

- Mình bảo làm vua thì khó khăn gì. Tôi xem các vua mở nước đời trước lúc đầu phần nhiều là anh kẻ cướp, vây cánh mỗi ngày mỗi to thì họ làm giặc. Giặc mà đắc thế thì họ làm vua. Nói cho đúng anh nào bạo tay giết người, ấy là anh ấy làm vua, chẳng phải tài đức gì cả.

- Thì vẫn thế! Có lạ gì đâu? Nhưng, bạo tay giết người cũng là một cái tài của họ. Nếu bảo không phải là tài thì sao tôi với mình từ xưa đến giờ chưa giết được ai.

Xuân Hương ra vẻ là loi:

- Thôi đừng nói phiếm. Hãy lên trên núi coi thử di tích của ông Quận He ra sao.

Hai người liền bảo phu cáng kẻ ôm võng, người vác đòn theo mình lên núi.

Thoạt tiên hai người đến thăm dấu vết cung điện của Nguyễn Danh Phương. Tuy cái sào huyết của viên đại tướng nay cây cối đã um tùm, cỏ gai rậm rạp, chỉ là hang tổ của giống cáo giống cầy, nhưng, trong những đám tro than đen xám, còn có thể nhận ra di tích lâu đài. Hai người ngậm ngùi than tiếc cho đời oanh liệt của ông chúa tể đường rừng, rồi cùng trở xuống đi xem mấy nơi Ngọc Bội, Hương Ngạnh và Ục Kỳ. Nhìn qua dấu tích của những dinh trại kho tàng còn lại, chàng và nàng đều phục Danh Phương là người thao lược, không kém những vua mở nước đời xưa. Thờ thần với núi rừng ít lâu, hai người lại cùng xuống núi, đêm ấy cả hai cùng ngủ trong một nếp nhà sàn ở chân làng Ngọc Bội. Hôm sau, Thận Trung chừng như đã mệt, muốn về Hà Nội nghỉ ngơi, Xuân Hương không nghe, nàng muốn lên phủ Thông Hóa viếng cảnh Ba Bể luôn thể. Bốn anh phu cáng cáng hai người từ phố Mã tới đó cũng đã nhọc lắm, thấy nói lên phủ Thông Hóa ai nấy đều sợ xanh mặt, họ bèn nói dối là không biết đường. Xuân Hương

liền bảo thổ dân thuê hộ bốn người phu khác, trả tiền công cho bốn người này để họ trở về.

Từ Ngọc Bội lên Thông Hóa đường đi rất xa và rất hiểm trở, người ở miền xuôi ít ai đã biết lối đi. Chỉ có thổ dân suốt đời luôn rừng, thì họ mới thuộc. Tuy ở đường rừng, ít khi có người đi cáng nhưng bọn thổ dân sức lực khỏe lắm, hai người khiêng một mà họ lên đèo xuống đèo thường nhẹ tênh tênh.

Vừa đi vừa xem phong cảnh rừng rú, có đêm ngủ luôn trong rừng, len lỏi luôn rúc gần một tháng trời, hai người mới lên đến châu Bạch Thông. Phu cáng đưa chàng và nàng vào nghỉ trong nhà một viên quan lang, sáng mai, Thận Trung bèn bảo quan lang cho người khiêng đôi song loan đưa chàng và Xuân Hương lên núi Côn Lôn coi cảnh Ba Bể.

Ba Bể là một cảnh lạ, thỉnh thoảng cũng có người ở đường xuôi lên coi, cho nên dân thổ cũng có sẵn song loan để đưa người ta lên núi. Mỗi cái song loan phải hai người khiêng, chàng và nàng mỗi người ngồi vào một cái, đường núi dốc như bức tường, mới trông tưởng là không thể lên được, thế mà mấy anh phu khiêng song loan leo trèo rất tài, họ không phải bám phải vịn gì hết, anh nào anh ấy cứ việc ngay lưng mà đi, ngồi trên song loan nhìn xuống chân họ, chẳng khác con mèo leo cột nhà vậy. Đường núi khuất khúc như hình chữ "chi", từ chân núi đến đỉnh núi không thể một ngày mà tới, quan lang đã nói trước như vậy, nên chàng và nàng đã bảo họ sắp sửa lương thực đem theo, tiện đâu ăn đấy. Lên tới lưng núi thì trời vừa tối, hai người và lũ dân phu phải ngủ lại đó. Hồi ấy tuy đã trung tuần tháng ba, nhưng ở trên núi khí hậu vẫn còn hơi lạnh, chàng và nàng phải bảo lũ phu bẻ lá cây làm đệm mà nằm cho ấm. Sáng dậy, trời còn lờ mờ, dân phu đã giục hai người phải lên song loan, vì họ đã thuộc độ đường, phải đi luôn từ bây giờ thì đến quá trưa mới tới Ba Bể. Sự định liệu của họ rất đúng, chàng và nàng lên đến giữa núi, mặt trời đã xế về tây. Sau khi nghỉ ngơi ăn uống, chàng và nàng dắt tay nhau đứng ngắm hình thế của dãy Côn Lôn.

Núi này phát mạch từ xứ Tuyên Quang chạy thẳng đến châu Bạch Thông. Thân nó mọc ra rất nhiều nhánh ngang, nhánh nào cũng thẳng như tường đứng, ngọn núi mà chàng và nàng lên đó là ngọn núi cao nhất trong các ngọn, đỉnh nó chót vót giữa trời, xưa nay chưa ai lên được, chỗ chàng và nàng đứng coi mới ở giữa núi. Trong một tảng đá cao thẳm thành linh có một cái hang cao độ ba trượng, rộng độ trượng rưỡi, dài độ mười trượng, ở trên có nhiều nhũ đá rủ xuống, trông như bức tranh năm sắc, thật là một nơi thần đảo quỷ gột, hơn hẳn nhân tạo.

Hang này quanh năm vẫn có nước suối chảy ra, đứng dưới trông lên trắng xóa như tấm lụa bạch. Các sách địa dư thuở trước, đều nói suối ấy phát nguyên tự bên Tàu, qua phủ Cao Bằng đến châu Bạch Thông rồi đổ ra đó. Không biết có đúng vậy không. Từ trong hang này đi ra, nhánh bên hữu là xã Tiên Loan có một cái bể, nhánh bên tả là xã Hải Vũ có hai cái bể. Hết bể sang tới địa hạt Tuyên Quang, bên kia cũng là một làn nước. Giữa chỗ hai làn nước ấy giáp nhau, có cái bờ đá ngăn cách, thuyền bè không thể đi qua. Mỗi cái bể đó, chu vi ước chừng hai dặm hoặc ba dặm, quanh bể toàn là núi đá, cạnh núi, xóm làng thổ dân ở khắp bốn mặt, chỗ thì nước, chỗ thì đá, chỗ thì cây cối um tùm, trong bể lại có những hòn núi đá nhỏ ẩn hiện giữa lớp sóng cồn. Khi ấy gió im, sóng lặng, thuyền chài bơi lên bơi xuống, phấp phới khắp các nơi, chàng và nàng thơ thẩn đứng coi, dường như ai nấy đều không biết chán. Xuân Hương chỉ tay xuống bể và nói:

- Trông bể, núi liệu có thật là kỳ công của tạo hóa?

Thận Trung chưa kịp nói sao, một người phu bộp chộp vội hỏi:

- Hai ngài có biết vì đâu có những bể này hay không?

Chàng và nàng đều lắc đầu:

- Chúng tôi không biết! Những bể ấy vì đâu mà có?

Người dân phu ra bộ đắc ý:

- Vì một bà long thân. Các cụ ở đây vẫn thường nói rằng: Đời xưa, mấy làng ở vùng Nam Mẫu mở hội làm chay, lập đàn thí thực to lắm. Người ở các nơi đến xem rất đông, thỉnh thoảng có một bà già quần áo rách rưới, thân hình bần thiêu trôn vào đám xin ăn. Người làng lấy làm ghê tởm, thi nhau mắng đuổi bà lão. Bà lão cố ngồi từ sáng đến tối, không được miếng gì, lại phải chống gậy đi ra. Tới giữa đường gặp hai mẹ con nhà nọ cũng ở làng. Nam Mẫu, bà lão kể hết tình đầu.

Mẹ con nhà kia ngậm ngùi than thở mà rằng: "Khốn nạn? Bà đã tiêu tụy thế này, mà sao người ta không thương? Tội nghiệp. Thôi đây, tôi còn vài bát cơm tối chưa ăn, bà hãy xơi cho đỡ đói". Bà lão ăn mảy tức thì ăn hết cả mấy bát cơm, mẹ con nhà kia vui vẻ mà về sắc mặt chưa hề có vẻ oán hận. Đêm hôm ấy, bà lão ăn mảy lại đến tận nhà kia bảo rằng: "Lúc chiều nhà bà nhường cơm cho tôi, thật là một người nhân đức. Tôi đi từ bảy đến giờ vẫn không có chỗ nào ngủ, bà đã làm phúc thì hãy làm phúc cho trót, xin bà cho tôi ngủ nhờ một đêm, sáng mai tôi xin đi sớm". Mẹ con nhà ấy lấy làm vui lòng, liền mời vào nhà nhường giường cho bà lão ngủ, cả hai mẹ con cùng nằm dưới đất. Nửa đêm nghe tiếng ngủ ngáy ầm ầm như sấm, mẹ con bà kia bảo nhau đốt đèn lên soi. Không thấy bà lão ăn mảy đâu cả, chỉ thấy cái xác con rồng lớn độ vài mét nằm dài thườn thượt giữa nhà. Mẹ con nhà này sợ quá, tức thì tắt đèn đóng cửa đi ngủ, không dám đánh tiếng. Sáng mai trở dậy, lại thấy bà lão ăn mảy nằm đó, không thấy con rồng đâu nữa? Mẹ con bà này biết rằng bà lão ăn mảy không phải là người thường, liền đến trước mặt thụp xuống vái lạy. Bà lão ăn mảy thở thè bảo rằng "Ban ngày ta đi xem hội, trong hội toàn là những kẻ "khẩu Phật tâm xà", không ai ra gì. Chỉ có mẹ con nhà mụ, còn có một chút từ tâm, vậy ta làm phúc cứu cho ra khỏi bể "trầm luân". Mẹ con bà này càng sợ, cứ việc vái lạy xì xụp, không dám ngẩng lên.

Bà lão ăn mảy lại nói: "Nay mai chi đây, hễ thấy có sự gì lạ, mẹ con nhà mụ phải mau mau đem nhau lên mãi sườn núi mà ở, không được chậm trễ phút nào, nếu chậm thì chết, không ai cứu được". Dứt lời, bà lão ăn mảy biến mất. Mẹ con nhà kia thấy vậy càng khiếp, ai nấy tin rằng lời nói của bà cụ ấy tất nhiên sẽ có ứng nghiệm. Quả nhiên

cuộc hội chưa tan, thì ở một khu ruộng cạn tự nhiên thấy có mạch nước phun lên. Mạch ấy lúc đầu bằng cái cổ tay, chỉ trong nháy mắt, nó đã loét bằng cái cống, nháy mắt nữa thì bằng cái chuôm, lại nháy mắt nữa thì bằng cái hồ, chưa đầy nửa ngày đã thành ba cái bể đó. Hết thủy dân cư trong vùng đều bị chìm xuống đáy bể chết cả, chỉ có mẹ con bà nọ sống sót. Là vì hai người ấy nhờ có bà lão ăn mày báo trước, từ khi mới thấy nước phun, mẹ con đã dắt nhau chạy lên đến sườn núi. Thế là cả vùng Nam Mẫu, đàn ông đàn bà còn được hai người. Về sau, hai người ấy, con lấy vợ, mẹ lấy chồng, sinh con đẻ cháu, nẩy nở mỗi ngày mỗi nhiều, thành ra nhân dân trong vùng Nam Mẫu bây giờ.

Người dân phu nói luôn một mạch không nghỉ, dường như sợ rằng nghỉ, sẽ bị người khác cướp lời của mình, làm cho Xuân Hương và Thận Trung không thể nói xen vào chỗ nào được. Khi ấy hết chuyện, anh ta mới tạm dừng một phút để thở một hơi, rồi anh ta nói nốt câu kết:

- Như vậy hai ông bảo có lạ không?

Thận Trung nửa cười:

- Lạ lắm!

Rồi chàng ngoảnh nhìn Xuân Hương:

- Ở trên vùng này chắc có người đọc Công dư tiệp?

Xuân Hương lắc đầu:

- Không chắc! Hoặc giả người soạn Công dư tiệp ký đã nghe những chuyện truyền văn ở vùng này cũng nên.

Hai người lần lượt đi dạo vài nơi quanh bể, ngắm nghía phong cảnh. Xuân Hương muốn thuê một chiếc thuyền chài chở ra bể chơi. Bỗng đâu gió Nam nổi lên, các mặt bể sóng đánh cồn cộn, bao nhiêu thuyền chài đều phải rút vào ven bờ.

Bốn bề mây kéo tối sầm. Chiều trời mỗi lúc mỗi thêm u ám, bọn phu song loan sợ đổ mưa, liền giục hai người trở xuống, tìm chỗ gốc cây ẩn nấp, chàng và nàng đều phải quay lại lối cũ. Thận Trung chỉ xuống chân núi và bảo Xuân Hương:

- Cứ kể từ đây xuống đến chân núi cũng không xa lắm, thế mà phải đi gần hai ngày trời là nghĩa lý gì!

Xuân Hương đáp:

- Thì đường đi quanh co như thế, một bước sôi ra ba, bốn chục bước, trách nào mà chẳng đi xa thêm. Giả sử có con đường khác thẳng hơn một chút, thì đâu đến nỗi phải đi vắn vèo như vậy?

Đi một quãng nữa, Thận Trung lại nói:

- Chỗ này là một cảnh đẹp, văn nhân mặc khách ai trông thấy cũng phải say mê. Bây giờ hạt này còn là rừng rú những kẻ đương đại, không biết thưởng thức thắng cảnh cho nên họ không sửa sang. Nhưng con cháu chúng ta sau này tất nhiên cũng phải có kẻ mở mang đường lối, khiến cho du khách tiện sự đi lại.

Xuân Hương gật đầu:

- Cái đó có lẽ. Cảnh đẹp tức là cái môi nhử người, dù nó ở xứ hẻo lánh, người ta cũng phải tìm đến. Tây hồ bên Tàu, đời Tô Đông Pha, còn là một chỗ hoang vu, chỉ để đầy người có tội, thế mà ngày nay đã trở thành một nơi phồn hoa...

Câu chuyện đương dở, cả bọn đã tới chỗ cũ, dân phu mời hai người lên song loan để họ khiêng xuống.

Chẳng bao lâu, đến nhà quan lang. Xuân Hương muốn ở lại để xem một vài nơi nữa. Thận Trung sợ rằng ở đó lâu ngày sẽ bị ngã nước, hai người bèn cùng lên cáng trở về đường xuôi.

Tới huyện Kim Hoa, hai người vừa đổ cáng vào hàng uống nước, trước quán bỗng có cái võng tròn cong do hai người lính áo nẹp khiêng đến, đằng sau lại có hai người cấp tráp xách điếu đi sau. Đến cửa quán, đòn võng hạ xuống, trên võng, một người khăn thân, áo chùng, ra bộ nho học bệ vệ bước xuống. Thận Trung vội nhìn xem ai, thì ra một người học trò cụ Nghè Hoàng, cùng bạn đồng học với mình, vừa đậu Hương Cống khoa trước. Giữ lễ giao thiệp, chàng liền đứng dậy vái chào, ông Cống chỉ sẽ gật đầu một cái, rồi nghiêm trang bước vào, ngồi lên cái ghế cao nhất trong quán. Hai đứa đầy tớ cung kính đệ điếu và tráp đến tận trước mặt.

Thấy cử chỉ ấy, Thận Trung cũng như Xuân Hương, ai nấy đều giận đầy tiết, nhưng còn cố nhịn và đều ngồi vào chiếc ghế cạnh chõng bán hàng. Sau khi hút thuốc uống nước một cách trịnh trọng, ông Cống nhìn mặt Thận Trung mà hỏi:

- Trông thầy hình như quen quen?

Thận Trung cười khinh bỉ:

- Ngài chóng quên nhỉ? Tôi là thằng Trung họ Đàm đây mà!

Ông Cống càng làm ra bộ nghiêm nghị:

- À phải? Thầy không nói thì tôi không nhớ? Tôi nghe văn thầy cũng khá, làm sao không đậu?

Thận Trung giả cách cung kính:

- Bẩm tôi quên sách nhiều quá!

- Đó là tại thầy không chịu học. Phải cố học đi mới được!

- Tôi cũng muốn học, nhưng mà lẩm chễ quên lú không biết hỏi ai, hiện giờ cũng có câu không biết chữ ở sách nào, tiện thể gặp ngài, xin ngài làm ơn bảo cho?

- Câu gì?

Thận Trung khép nép đứng dậy chấp tay:

- Bẩm ngài cái câu "xê ra cho bà đun bếp" xuất xứ ở đâu?

Ông Cống hằm hằm đỏ mặt, đứng phắt dậy và nói lảm bảm:

- Quân vô hạnh. Rồi mày sẽ biết tay tao.

Tức thì ông Cống lên võng, giục lính khiêng đi cho chóng.

Chương XII

Mấy hôm nay Thận Trung đã khá nhiều lắm.

Chàng đã cắt cơn nóng lạnh, ăn, ngủ gần bằng cũ. Nét mặt cũng đỡ xanh xao. Xuân Hương bấy giờ mới hơi vui lòng.

Hôm mới mắc bệnh, chàng sợ ở đó có điều bất tiện cho nàng, nên đã bảo nàng thuê cáng đưa mình về quê.

Nhưng nàng không nghe, nhất định giữ chàng ở lại.

Nàng cũng biết rằng giữ chàng ở lại tất nhiên lảng giềng, hàng phố, ai cũng bảo mình nuôi trai trong nhà, nhưng nàng không sợ những tai tiếng đó. Bởi vì, theo ý nàng sự tâm đầu ý hợp đã dắt hai người ăn chung ở lộn trong bấy nhiêu lâu, thì với nàng, chàng tức là "chồng" không phải là "traị", nàng nuôi chàng chính là nuôi chồng, không phải nuôi trai.

Người ta bảo nàng nuôi trai, chẳng qua chỉ tại nàng không có trầu cau biếu họ, không có cỗ bàn thết họ, để trình cho họ hay rằng "tôi đã là vợ người này". Chồng cũng được, trai cũng được, ai có miệng thì nấy cứ nói, mình đã yêu chàng quý chàng, coi chàng là người tri kỷ, trong lúc khỏe mạnh, xa nhau một ngày cũng còn khó chịu, huống chi chàng đương đau yếu... Hơn nữa, cái sự đau yếu của chàng lại bởi tại mình ép chàng lên chơi xứ Thái, xông pha trong đám hơi rừng khí núi đến mấy tháng trời, thế thì mình để chàng về quê sao đành?

Nghĩ vậy, nàng mới để ngoài tai những tiếng thị phi, quyết chí lưu chàng ở nhà để mình chạy chữa. Cố nhiên bệnh ngã nước chưa phải bệnh nguy hiểm đến không thể chữa được, nàng vẫn biết thế, thế mà mỗi khi thấy chàng lên cơn, run lấy bầy, rên hừ hừ, thì nàng lại lo canh cánh, chỉ sợ chàng chết, mất ăn, mất ngủ vì chàng đến mấy

chục ngày. May thay gặp thầy gặp thuốc, bệnh chàng mỗi ngày một lùi, bụng nàng cũng mỗi ngày mỗi yên.

Hôm ấy, chàng thấy trong mình đã mạnh, mới sai con Nụ nấu nước để mình tắm gội, Xuân Hương mỉm cười bảo chàng:

- Tắm làm gì vội? Tôi tưởng các ông nhà nho vẫn có đức "hà tiện nước", hằng năm không tắm cũng vẫn chịu được kia mà, mình mới nghỉ tắm độ vài chục ngày đã thấm vào đâu!

Thận Trung cũng cười:

- Tôi chỉ là một người có biết chữ, có đọc sách, không phải nhà nho. Mình nên nhớ rằng: trong đám học trò chúng tôi, có người là nhà nho, cũng có người không phải nhà nho. Đại khái những người đã đọc sách nho, lại làm ra bộ ta theo đạo nho, như cụ Nghè Hoàng hay cụ Nghè Đặng và những đệ tử đắc đạo của các cụ ấy thì mới gọi là nhà nho, còn tôi, tôi đọc rất nhiều thứ sách, sách Lão, sách Trang, sách Đường, sách Mặc... Nội sách chư sử, tôi đều đọc qua không phải riêng một sách nho. Việc làm của tôi, có khi giống đạo nho, cũng có khi trái hẳn đạo nho, sao mình lại bắt tôi phải là nhà nho. Nhắc lại cho mình lần nữa: tôi không phải nhà nho, từ rày trở đi đừng đem thói xấu của nhà nho mà gán vào tôi.

Xuân Hương vẫn cười:

- Vậy thì tôi đem thói tốt của nhà nho mà gán cho mình, mình có bằng lòng hay không?

- Không! Tôi không thích thế. Cái gì không phải tự tôi làm ra, không khi nào tôi lại nhận lấy, việc tốt cũng vậy, việc xấu cũng vậy. Bởi vì không có mà nhận, nhận cái xấu tức là giả dối, nhận cái tốt tức là ăn cắp.

Mình đã không phải nhà nho, làm sao hôm nọ tôi chê nhà nho, mình lại cứ bênh chằm chặp...

- Đó là lẽ đương nhiên! Nhà nho cũng có người tốt, có người xấu, không nên vì một vài người tốt mà khâm phục nhà nho, cũng không nên vì một vài người xấu mà mạt sát nhà nho. Tôi bệnh nhà nho là bệnh cái danh nghĩa của một phái người, không phải bệnh những ông lên mặt ta là nhà nho.

Nghỉ một lát, chàng lại nói tiếp:

- Nói cho đúng, cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và những ông Nghè, ông Cống cùng một tính nết như hai cụ ấy cũng không thể gọi là nhà nho.

- Sao vậy?

- Các cụ ấy chỉ cứ bề bề làm bộ để lấy danh vọng đó thôi. Thực ra những việc của các cụ ấy đã làm, những ý của các cụ ấy vẫn nghĩ chẳng có cái đúng như đạo nho. Nhưng những cụ ấy mà dám nhận là nhà nho.

Thế thì gọi các cụ ấy là "nhà" gì được?

Nhà "hương nguyên". Giả sử Không Tử sống lại, chắc ngài cũng không thêm nhận các cụ hương nguyên ấy vào đám nhà nho.

Con Nụ nấu nước tắm đã xong, nó lên giục chàng xuống tắm.

Lúc ấy đã gần đến trưa, tuy rằng đương tiết tháng sáu, trời nắng chang chang, nhưng ở thư phòng của Xuân Hương, gió nam ở dưới hồ Tây đưa vào hây hây. Nàng đứng trước cửa, nhìn những bông sen đương nở trong hồ, và thưởng thức mùi hương theo gió bay lên trên gác, mơ màng ôn lại những ngày vui, buồn vừa qua, bỗng chốc nhớ đến mấy câu đầu chuyện Hoa tiên nàng ngâm:

- Vọng khởi nguy lan nập nán lương,

Thu phong vi tông bạch liên hương

Thận Trung Tầm xong, vừa lên, chàng liền đọc theo:

- Giao tri thiên thượng giai kỳ cận

Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang

Rồi chạy đến trước cửa, vỗ vai nàng, chàng đọc lại câu cuối lần nữa:

- Chức nữ kim dạ hội Ngưu lang.

Nàng nhìn chàng bằng đôi mắt tình tứ:

- Vừa mới ồm dậy. . .

Chàng không trả lời, liền dịch bốn câu Hoa tiên mà nàng và chàng mới ngâm ra bốn câu thơ nôm:

- Tựa lan, bóng mát, ngấm trời chiều,

Gió quạt mùi sen bát ngát theo,

Nhớ chữa, trên trời sắp có tiệc

Đêm nay ả Chức gặp chàng Ngưu!

Rồi chàng vờ hỏi:

- Phải không nhỉ! có phải đêm nay ả Chức gặp chàng Ngưu không nhỉ?

- Nửa tháng nữa!

Dưới cửa có mụ hàng mít đi qua, nàng bảo con Nụ ra mua một quả. Lẽ mề ôm quả mít lên gác, con Nụ lắc đầu nói với cô chủ:

- Mít còn xanh lắm chưa thật chín, chưa ăn được!

Xuân Hương gắt mắng:

- Sao mà không lấy quả thật chín?

- Thừa cô, quả này chín nhất đấy, những quả kia còn xanh hơn nhiều.

Quay lại, Thận Trung xoay vắn quả mít, quả nhiên hãy còn xanh lắm, vỗ tay vào vỏ, chỉ thấy bành bịch, không thấy bồm bộp! Xuân Hương liền sai con Nụ đem xuống nhà dưới đóng cọc vào cuống và phơi ra nắng cho nó chóng chín.

Thận Trung vui cười bảo nàng:

- Mình giỏi thơ nôm, thử vịnh quả mít một bài tôi xem.

Nàng cười và đọc:

- Thân em như thể mít trên cây,

Da nó xù xì, múi nó dày

Rồi nàng bỗng cười rũ rượi, không đọc được nữa.

Thận Trung ngạc nhiên hỏi:

- Cười gì dữ vậy?

Nàng vẫn cười không trả lời. Một lúc lâu; nàng vừa bung miệng vừa đọc nốt hai câu nữa:

- Quân tử có yêu thì đóng cọc,

Xin đừng mân mó nhựa ra tay.

Thận Trung cũng phá lên cười:

- Thế cũng thơ với thân! Thơ thân gì mà nhả nhót như vậy! Thế mà người ta chê là đi thõa lại còn kêu oan!

Nàng vẫn vừa cười vừa nói:

- Ô hay, tôi vịnh quả mít như thế! Sao mình lại chê nhả nhót? Những chữ "đóng cọc", "mân mó", "nhựa ra tay" là chữ "nhả nhót" hay sao?

- Cố nhiên những chữ ấy không phải là chữ nhả nhót, nhưng ở miệng mình nói ra, thì nó hóa ra nhả nhót tức thì.

Vừa nói, chàng vừa sẽ ôm lấy nàng hôn luôn mấy cái. Một trận gió nồm thổi vào cửa gác, bức màn trên phát phơ rung động, làm tan cuộc ái ân. Xuân Hương đứng dậy chạy ra án sách, mài mực tắm bút chép luôn mấy câu thơ mít vào tập thì cao, Thận Trung vội ngăn:

- Thơ thế mà cũng chép lại, mình không sợ đời sau chê cười hay sao?

- Nếu sợ tôi đã không làm, đã làm thì tôi không sợ ai khen mặc ai, ai chê mặc ai. Và chẳng, mình đã làm ra, thì cứ chép lại để cho đời sau phẩm bình, can gì mà phải giấu giếm.

Chàng cũng phục nàng là người can đảm và thực thà.

Cách vài hôm sau, Thận Trung đi chơi thăm mấy người bạn, khi về, chàng đưa cho nàng cái thư của một người sắp sửa cưới vợ, mời chàng đến mừng, và nói:

- Con trai ông Cống lấy con gái ông Nghè, đám cưới chắc là to lắm.

Nàng đọc hết thư rồi bình tĩnh hỏi:

- Mình có định đi mừng hay không?

- Có chứ? Chỗ anh em chí thân! Người ta đã mời không đi thì còn ra thế nào?

- Thế thì mình còn câu nệ, không xét thấu lẽ phải.

- Sao vậy?

- Trai lấy vợ, gái lấy chồng, chỉ là một sự rất thường, không phải lạ lùng gì cả! Thật thế, mình thử nghĩ mà xem, có âm dương thì có vợ chồng, đến như giống chim giống chuột

cũng đều có vợ có chồng tất cả, chẳng riêng gì một giống người. Vả lại, việc vợ chồng của loài người nó cũng là việc cần có của đức dâm dục, cũng như đói phải ăn, khát phải uống, làm sao gọi là việc vui mừng, bày ra lễ nọ lễ kia cho phiền?

- Theo ý mình, vợ chồng lấy nhau không phải lễ nghĩa, cũng không phải mừng mỗ gì cả?

- Chính thế. Dạm là cái gì, hỏi là cái gì, đưa dâu đón rể là cái gì? Chẳng qua cỗ nhân vô sự, cũng vẽ ra thế cho hay, giống như phường trò vẽ ra một vở trò vậy. Loài người cần phải đôi nào vào đôi ấy, là tránh cho khỏi nạn loạn dâm. Đã vậy, tôi bằng lòng mình, mình bằng lòng tôi, chúng ta cứ việc ăn nằm với nhau, sinh con đẻ cái với nhau, chỉ cần báo cho mọi người biết rằng tôi với mình đã kết thành đôi với nhau, đừng ai ngấp nghé sánh đôi với chúng ta nữa, dạm, hỏi, treo, cưới, đưa dâu, đón rể, ý nghĩa chỉ có như vậy. Thế thì tìm cách gì khác mà báo cáo với người ta, há chẳng tiện hơn, can gì phải bày ra ăn uống mừng mỗ!

Thận Trung cười tình:

- Thế thì tôi với mình không cần phải thêm gì nữa, cứ thế này thì cũng đủ thành vợ thành chồng đấy nhỉ?

- Đủ rồi. không phải vẽ vọt thêm nữa. Miễn là chúng ta suốt đời yêu nhau.

- Nhưng mà thiên hạ chê cười thì sao?

- Mặc kệ, chúng mình cho thế là phải thì chúng mình cứ thế, mà còn như cái chê, khen của người đời chẳng biết lấy gì làm bằng. Người ta cười chúng mình không cưới không hỏi là không biết lẽ, chúng mình có quyền cười lại những kẻ có cưới có hỏi, có đưa đưa dâu đón rể là ngu, không biết phán đoán hay dở, chỉ nhắm mắt theo liều cỗ nhân.

Thận Trung bỗng đùa âu yếm:

- Thế thì ở trong đời này, nhất mình đến tôi, thánh hiền đời xưa cũng không bằng!

- Chứ gì. Thánh hiền đời xưa, phần nhiều chỉ là người đặt ra, mắc cái thói quen. Chúng ta nay cũng xướng xuất cho thiên hạ đời sau một việc, thì chúng ta cũng là thánh hiền chứ sao.

Từ đó hai người nghiêm nhiên làm vợ làm chồng với nhau không còn e lệ gì hết.

Dần dà sang đầu mùa thu, Thận Trung ngỏ ý muốn vào Nghệ An thăm viếng quê quán của nàng, luôn thể đi xem các nơi sơn thủy ở vùng trong. Nàng rất hoan nghênh việc đó, và nói một cách ỡm ờ:

- Ngã nước suýt chết vì sơn thủy đường ngược vẫn không chừa, lại muốn đi xem sơn thủy đường trong nữa.

- Chơi sơn thủy cũng như đọc sách vở, đều là việc rất cần của văn nhân. Cổ nhân có nói: "Trong bụng không có ba vạn cuốn sách, trong mắt không có non nước lạ lùng ở gầm trời, chưa chắc đã viết được văn, dù có viết văn, cũng chỉ là lời của đàn bà trẻ con mà thôi". Tôi cho câu ấy rất đúng.

Hôm sau, Xuân Hương thuê hai cái cáng để chàng và nàng cùng đi. Lần này nàng ăn mặc đàn bà, chứ không ăn mặc giả trai như lần lên chơi Thái Nguyên.

Thận Trung không dám ngăn nàng, trong bụng cũng hơi e lệ, vì chàng vờ nàng tuy là vợ chồng nhưng không hỏi không cưới, thì đối với người ngoài, vẫn là một đôi trai gái. Vô cớ dắt gái đi chơi tránh sao khỏi những tiếng mai mỉa của bạn bè. Nàng hiểu ý chàng như vậy. Song cũng giả vờ làm thình.

Sắp sửa đồ đạc xong rồi. Hai người lên hai cáng, theo đường thiên lý đi về phía Nam.

Phong ải dọc đường nhiều chỗ đã lưu chàng và nàng phải quyến luyến bồi hồi không thể dứt đi thoát.

Khi qua huyện Kim Bảng, hai người xuống cáng dắt nhau lên thăm dãy Long Đội, rồi cùng sang núi Kẽm Trống.

Núi này ở chỗ giáp giới của hai xứ Sơn Nam và Thanh Hoá. Hai bên hai cái sườn núi giáp nhau, giống như hai cái trái đùi, ở giữa có một giòng nước rất hẹp, hình thể coi cũng lạ lùng. Trông ở tám đá đỉnh núi có vết chữ đục, nhìn kỹ là thơ của Chúa Trịnh đề vịnh trong khi đi tuần miền Tây, Thận Trung liên bảo Xuân Hương:

- Mình giỏi thơ, thử đề một bài thi với chúa Trịnh xem sao!
- Mình muốn tôi đề thơ nôm hay thơ tự.
- Nôm cũng được, tự cũng được, miễn là thơ hay.

Nàng không nghĩ ngợi liền đọc:

- Hai bên thì núi, giữa thì sông,

Có phải đây là Kẽm Trống không

Gió đập cành cây khua lác rắc,

Sóng dồn mặt nước vỗ lòng bong,

Thận Trung nói xen:

- Chưa hay. Hai câu thứ ba thứ tư tả trái núi khác cũng được, không sát với cảnh Kẽm Trống.

Nàng lại đọc tiếp:

- Ở trong hang tối hơi còn hẹp,

Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.

Thận Trung vẫn chê:

- Cũng chưa hay. Trong hẹp, ngoài rộng, cái hang nào mà chẳng thế, cứ gì Kẽm Trống.

Nàng vờ phát cáu:

- Thế nào mình cũng chê là không hay, tôi phải kết cho thật hay mới được.

Rồi nàng đọc nốt:

- Qua... cửa mình ơi nên ngấm lại,

Nào ai có biết nổi bùng bùng.

Thận Trung cười:

- Chữ của đặt liền với chữ mình tục, thì tục, chữ hay thì không hay. Có điều cũng hơi tài, và chỉ riêng mình có cái tài ấy. Làm sao đề vịnh cảnh gì, mình cũng vẽ ra cái "phải gió" ấy được?

Chương XIII

Sau khi để lại Kẽm Trống tám câu thơ nôm, Xuân Hương và Thận Trung lại nghênh ngang đôi vòng, theo đường thiên lý vào phủ Trường An.

Chừng bốn, năm ngày tới bến đò Dán, thì trời đã chiều, mặt trời lúi xuống phía Tây, trên dãy rừng Ngang, phủ một làn mây đỏ ối. Bây giờ đã nửa mùa thu, lá vàng rơi tả tơi khắp mặt nước ven đường. Thận Trung sức nhớ một bài trong tám bài thu hứng của Đỗ Phủ, chàng liền dịch ra tiếng Nôm và đọc cho Xuân Hương nghe:

- Trường An nghe nói tựa bàn cờ

Ngắm việc trăm năm luống ngẩn ngơ

Nhà cửa đức ông đều chủ mới

Áo xiêm quan lớn khác thì xưa

Đồn canh ải thoát vang hồi trống

Quân tây miền tây rộng lá thơ

Lạnh ngắt sông thu rờn cá lặn

Mỗi tình nước cũ gợn lòng tơ.

Xuân Hương mỉm cười:

- Thơ dịch như thế, kẻ cũng đúng và khéo lắm. Tiếc rằng mình đã làm một việc vô vị.

Thận Trung không hiểu ý nàng, chàng ngơ ngẩn hỏi:

- Đã khéo lại vô vị là nghĩa làm sao?

Xuân Hương vẫn cười:

- Bài thơ ấy Đỗ Phủ nói về Trường An của Tàu, có dính dáng gì đến Trường An của ta? Sao mình lại lôi nó vào trong cuộc đi chơi Trường An ngày nay.

- Bởi vì nhân lúc chúng mình chơi phủ Trường An, lại gặp giữa tiết mùa thu, tôi chợt nhớ đến bài thơ ấy, nên thử dịch chơi, có phải là tôi tức cảnh cuộc chơi của chúng mình đâu!

Hai người bèn vào nhà trọ, một lát thì trời vừa tối. Sáng mai, để phu cáng ở lại nhà trọ, chàng và nàng tự đi thuê một chiếc thuyền theo dòng sông Hán xuôi thẳng xuống huyện Gia Viễn thăm động Hoa Lư, kinh đô của vua Đinh Tiên Hoàng. Một hòn núi đá chót vót nổi trên bờ sông Diêm, hình thế chỗ ấy tuy có hùng vĩ, nhưng nó chỉ đáng làm chỗ sào huyệt của giặc cỏ, không đáng làm nơi kinh đô của ông vua. Xuân Hương thoát nhìn thế núi, thế đất, nàng liền bảo với Thận Trung:

- Cái người đã có sức đẹp nổi mười hai sứ quân, lấy được đất nước, làm sao lại đem kẻ chợ đóng vào một chỗ chật hẹp và hẻo lánh thế này? Xem thế biết thì lão ấy liệu đáng kể là vua một nước?

Thận Trung nói:

- Nước ta bắt đầu độc lập là tự ông ấy.

- Chỉ nên gọi là lãnh chúa.

Rồi hai người lên bộ, thuê chiếc thuyền nan, bơi vào trong núi. Núi có ba ngọn, hai ngọn bên cạnh, một ngọn giống như hình người, gọi là núi ông Trạng, một ngọn giống như cái hòm, gọi là núi hòm Sách, động Hoa Lư ở vào chính giữa, cửa động không sâu lắm, nhưng thân động thì cũng khá sâu. Thăm qua hang núi, hai người dắt nhau lên sườn núi tìm dấu kinh đô của Đinh Tiên Hoàng. Hình như trải qua thời gian, mưa gió đã mài mòn hết sự nghiệp của ông vua mở nước bằng cò lau, di tích lâu đài thuở xưa, nay không thể nhận ra, sườn núi chỉ thấy có mấy gian đền lợp xúp, trên thờ Đinh Tiên

Hoàng, dưới thờ Lê Đại Hành, giữa thờ mẹ Dương Hậu, Thận Trung nhìn khắp trong đền thấy đôi câu đối:

- Vân hội nhất u thiên,

Đê Tông hoàng bào,

Đê Việt long cổn

Anh linh đồng thử địa,

Hoàng Đình thượng miếu,

Hoàng Lê hạ từ.

Chàng chỉ tay bảo Xuân Hương:

- Người nào nghĩ hai câu ấy móc máy soi mói, kể cũng chua chát lắm nhỉ?

Xuân Hương cười nhạt:

- Theo ý tôi, móc máy soi mói như thế cũng quá đáng.

- Sao vậy? Một người vợ vua, chồng chết đi phải lòng trai, lại đem cả nước của chồng cho trai, thế mà mình bảo không đáng soi mói thì thế nào nữa mới đáng soi mói?

- Phải, theo luân lý của nhà nho, Dương Hậu vẫn là có tội. Nhưng cái tội ấy, có thể tha thứ. Bởi vì, như tôi vẫn nói, trời sinh loài người ai ai cũng có nét dâm dục, nó bắt người ta phải bạo lực khó chịu trong khi bị thiếu thốn về đường tình, cũng như thiếu cơm thì thấy đói thiếu nước thì thấy khát vậy. Gái góa chồng không khác trai góa vợ, nếu còn trẻ tuổi, ai không vì đường tính thiếu thốn mà bạo lực khó chịu? Cớ sao trai chết vợ thì được lấy vợ, mà gái chết chồng lại bắt người ta phải suốt đời giữ cái phòng không? Đó là một điều vô lý. Thế thì Tiên Hoàng chết đi, Dương Hậu vẫn được phép đi phải lòng trai, việc ấy là việc rất cần của bà. Còn như chuyện đem nước của chồng cho trai lại càng không đáng trách bà. Lúc ấy con trai Tiên Hoàng đã không ra người,

trong nước lại bị quân Tống kéo sang đánh phá, nếu không có Lê Hoàn chống lại thì nước của Tiên Hoàng cũng mất về Tống, chớ còn sao được? Vả lại, hồi ấy bao nhiêu binh quyền đều ở trong tay Lê Hoàn, Lê Hoàn cứ việc cướp lấy cũng không có ai can nỏi, thà cho ông ta còn được tiếng là người tri cơ. Hơn nữa, nước của Tiên Hoàng cũng là đất cát của trời sinh ra, Tiên Hoàng giỏi nghề binh đao, dành được của kẻ khác, có phải là nước của Tiên Hoàng đúc nặn ra đâu? "Nhất điện thiên vạn chừ", ruộng của nhà này có thể bán cho nhà khác.

Xuân Hương nói một thôi dài, làm cho Thận Trung không tìm được lẽ cãi lại, chờ nàng dứt câu, chàng liền tùm tùm cười nụ mà rằng:

- Tư tưởng của mình kẻ cũng lạ đấy. Nhưng tôi nghe mình nói không khỏi phát phì.
- Việc gì mà mình phải phì?
- Giả sử tôi chết, chắc mình cũng phải lòng trai.
- Cái đó đã hẳn. Nếu có tiếc tôi thì mình đừng chết. Mà nếu như mình chẳng may phải chết, thì còn giữ tôi làm gì.

Hai người cùng cười âm lên. Mặt trời tà, họ mới cùng xuống núi, ra sông, xuống thuyền ngược về phủ Trường An.

Ánh trăng vàng vạc chiếu xuống làn nước xanh lè, cảnh đêm trên sông cực kỳ xinh đẹp, chàng và nàng ngồi trên mạn thuyền ngắm nghía phong cảnh. Dưới những đám mây lơ lửng, núi non cao thấp chạy khắp bốn mặt, chẳng khác bốn bức họa đồ, càng nhìn càng không biết chán. Đêm khuya, hai cô lái đò chừng đã mỏi mệt buồn ngủ, thỉnh thoảng lại điểm một vài câu hát để làm nhịp cho đôi mái chèo. Giọng trong tiếng tốt khúc hát đầy những ý vị ngây thơ, khiến cho chàng và nàng càng thêm hứng thú.

Gần sáng, thuyền đến phủ lý Trường An, hai người nghỉ ngơi, rồi cùng thuê thuyền xuống thăm cảnh chùa Non Nước. Bước lên sườn núi, Thận Trung nhìn bài thơ của Trương Hán Siêu khắc trên tảng đá, chàng mới đọc được hai câu:

- Sơn sắc chính y

Y du nhân hồ bất qui.

Bỗng chàng rùng mình một cái, sắc mặt tái mét, phải ngồi phục xuống tảng đá, chân tay run như cây sậy.

Sợ quá, Xuân Hương bảo lái thuyền vục chàng xuống thuyền đưa về nhà trọ. Thì ra bệnh sốt rét ngã nước ngày trước tuy khỏi nhưng chưa triệt nọc, khi ấy vì chàng đi đường vất vả, dầu dãi sương gió, lại thêm thức luôn mấy đêm không ngủ, cho nên nó lại phát ra.

Xuân Hương lại dùng phương thuốc hôm xưa vò cho chàng uống, nhưng lần này không thấy công hiệu, luôn bận năm ngày, chàng uống hết chừng bốn năm bát vẫn không cất cơn. Sống ở nhà trọ nhiều điều bất tiện, nàng bèn thôi việc vào thăm quê hương, bảo phu cáng, cáng chàng và mình trở về Hà Nội.

Gió thu hiu hiu đưa khí lạnh từ nẻo rừng núi phía tây trở về, càng làm cho Thận Trung to thêm cơn bệnh.

Tuy rằng chàng vẫn nể nàng, không dám rên rĩ than thở, nhưng mỗi khi cơn bệnh nổi lên, sức chàng không hãm nổi, thường thường rung chuyển cả võng.

Tới phủ Lý Nhân, nàng bảo phu cáng đỡ cáng để chàng vào quán nghỉ tạm. Mụ quán thấy chàng mặt mũi xanh xao, đoán là chàng sốt rét, mụ liền mách nàng lấy mấy viên thuốc của một thầy lang gần đó, và nói quyết rằng: "chỉ uống một lần là khỏi". Xuân Hương xưa nay không tin bọn lang vườn, nàng cho họ là đồ vô học, không biết nghề thuốc là gì, uống thuốc của họ không khỏi có sự nguy hiểm, nên nghe mụ nói, nàng chỉ cảm ơn không nhận lời. Thận Trung lại khác, chàng cũng không tin bọn lang vườn vô học, nhưng lại tin những thuốc gia truyền, chàng vẫn cho rằng: "những thuốc gia truyền đều là thứ thuốc đã quá nhiều lần kinh nghiệm mà tìm ra được, phần nhiều rất

có công hiệu." Bởi vậy, chàng cứ giục nàng đi lấy mấy liều để chàng uống thử, dù không khỏi cũng không hại gì.

Chịu chàng, nàng bèn nhờ mụ hàng lấy giúp cho một liều. Uống thuốc xong, chàng lại lên cáng giục phu cáng đi. Xuân Hương luôn luôn cho cáng của mình đi kèm ở bên cạnh chàng, nàng chỉ canh cánh lo chàng làm thuốc, chẳng ngờ thuốc ấy hay thật, hôm ấy Thận Trung không lên cơn, hôm sau cũng không thấy cơn lên, chàng được yên lành về đến Hà Nội.

Cố nhiên nàng lại đón chàng vào luôn nhà mình dưỡng bệnh, không dám để đi đâu.

Chàng vừa lên gác nằm nghỉ chưa đầy nửa giờ, ngoài cửa bỗng thấy có tiếng ầm ầm, rồi đến tiếng đập cửa thành thành, rồi đến tiếng gọi dữ dội:

- Thằng Đàm Thận Trung muốn sống xuống mà chịu tội! Mau mau!

Giật mình, chàng vội trở dậy hé cửa trông ra. Dưới cả một bọn chừng ba chục người toàn là học trò, kẻ cầm sào gậy, người thùng trạc ai nấy nét mặt hầm hầm ra bộ tức giận. Đi đầu bọn đó, lại có mấy ông cụ già đầu bạc phơ phơ: cụ Nghè Hoàng, cụ Nghè Đặng và ông Đồ Đàm bác ruột Thận Trung.

Chàng không hiểu vì sao hai cụ Nghè Hoàng và ông cụ Đồ bác mình lại đem học trò đến xỉ vả mình như thế, lúng túng chàng bảo Xuân Hương đừng mở cửa vội thử xem họ làm trò gì.

Thì ra trong khi chàng lên cáng đi với Xuân Hương, học trò cụ Nghè Hoàng có kẻ trông thấy, liền về mách luôn với thầy. Nghe tin ấy, cụ Nghè Hoàng lấy làm tức giận, và lại thẹn rằng: trong môn đồ có kẻ đi theo con đĩ, làm nhục thanh gia của mình. Lúc đầu, cụ định họp cả học trò tại trường để kẻ tội Thận Trung rồi xóa tên chàng trong sổ môn sinh, không nhận là học trò nữa. Sau vì cụ Nghè Đặng nói ra nói vào, cho rằng trị tội Thận Trung như thế còn là quá nhẹ. Theo ý cụ phải bắt Thận Trung đánh cho một trận như tử, thì mới có thể răn được kẻ khác. Câu nói như thổi vào ruột cụ Nghè Hoàng,

tức thì cụ viết thư mời ông Đồ Đàm đến nhà mình, kể hết tội trạng Thận Trung cho nghe. Ông đồ cũng xấu hổ vì có đứa cháu hư thân làm cho điểm nhục gia thanh, luôn hôm ấy ông nhờ cả học trò của hai ông Nghè đi rình Thận Trung xem chàng ở đâu, chẳng may cho chàng, vừa về đến Hà Nội, người ta báo ngay cho hai cụ Nghè và ông Đồ biết.

Khi ấy cả lũ học trò gọi mãi không thấy Thận Trung xuống gác, họ bèn bảo nhau cậy cửa kéo vào.

Thận Trung không còn đường nào chạy, chàng liền bị họ trói lại điệu xuống. Xuân Hương biết chừng không thể cứu nổi, nàng bèn giả cách làm lơ, chờ cho bọn kia dẫn chàng ra khỏi nhà mình, tức thì nàng đến nhà ông Chiêu Bảy nhờ ông nghĩ cách cứu cho chàng. Vừa may gặp ông Chiêu Tám cũng có ở đó, hai ông nghe nói Thận Trung, ai cũng thương hại và tức giận mấy cụ kia. Ngay lúc ấy, các ông dẫn nhau ra phường Đồng Xuân, đón đường mấy ông cụ ấy để xin giùm cho Thận Trung. Không những các cụ không nghe, lại mắng thêm cho hai ông Chiêu một trận tàn nhẫn.

Hai ông Chiêu cũng không chịu nhìn, cùng nhô vào mặt hai cụ Nghè và mắng:

- Các anh chỉ làm cho nhục nhà Nho.

VIỆC LÀNG

Lớp người bị ở xót

Hôm ấy, một hôm về cuối mùa đông, cách đây độ hơn mười năm, trời xế chiều, tôi mới đến nhà cụ Thượng Lão Việt. Cái nhà mới lạ làm sao! Nó là một túp lều tranh lụp xụp, đầy cảnh thô thảm, nhưng lại có vẻ vui vẻ. ở gian bên này khách khứa tấp nập. Người ta cười cười nói nói sốt sắng đợi hơi thở cuối cùng của ông cụ già. Cụ Thượng nằm to vo trên chiếc giường tre trong gian bên kia. Mặt cụ ngoảnh vào bức vách. Lưng cụ uốn gù con tôm. Bức chăn dạ đỏ phủ trên mình đã hóa màu gạch non vừa vắn đầy kín từ vai đến gối. Cái đầu trắng xóa và đôi bít tất thùng gót đeo ở cổ chân đều bị để lộ ra ngoài. Cánh dại che ở trước cửa chỉ còn lơ thơ vài nan. Gió Bắc tự do đưa mãi hơi lạnh từ ngoài sân vào vách. Mấy cục củ tre nhóm trên đồng trấu cạnh giường đã hết ngọn lửa, khói đang nghi ngút tỏa khắp nhà. Cụ Thượng từ từ mở hai bàn tay gầy guộc khoác nhau ở đằng sau gáy, nặng nhọc trở mình ra ngoài, chào tôi bằng hai con mắt cảm động khi tôi rón rén ghé vào giường cụ, và sẽ lên tiếng hỏi cụ.

Biết bao nhiêu sự hối hận rung động lòng tôi! Nó trách tôi đến thăm cụ muộn quá. Với cụ, tôi không phải là kẻ họ hàng thân thích, hay người cùng tỉnh cùng huyện. Sở dĩ biết nhau chỉ vì một chuyến tàu thủy chạy từ Hà Nội xuống Nam Định, chuyến tàu chở dân lều chõng lần cuối cùng. Bảy giờ tàu cạn ở trên cửa Luộc, phải dừng lại đó suốt hai ngày một đêm để chờ con nước. Trong lúc suốt ngày đêm lênh đênh ngồi trên mặt nước để nghe những tiếng "dì xế dì" và "xám xế xám" của bọn mạch nô đo nước, người ta dễ thân với nhau, nếu đã cùng nhau ăn cùng mâm và nằm cùng chiếu. Nhờ vậy tôi mới trở nên người bạn của cụ, dù tôi kém cụ hơn ba chục tuổi và không phải cùng làm một nghề với cụ. Cụ yêu tôi về tính hoạt động. Còn tôi thì tôi trọng cụ ở chỗ từng trải, chất phác, có can đảm, không câu nệ, luôn luôn nhìn đời bằng con mắt lạc quan, nhất là những lúc rung đùi mà cất chén rượu, cụ đã tỏ ra người có chí khí. Bây giờ, cụ đương

buôn than, thường lên Hà Nội mua hàng tải về Nam Định. Nhưng cụ cũng có biết chữ, chữ quốc ngữ đủ để đọc báo, chữ Hán thì có thể hiểu những cuốn Tam quốc chí hay là Chinh đông chinh tây. Sau mấy ngày tình cờ hội ngộ, chúng tôi biệt nhau khi tàu cập bến Nam Định. Từ đó, tuy không gặp nhau, nhưng mà hai bên vẫn có thư từ đi lại. Mỗi lần cụ đổi nghề này làm nghề khác, đều có viết giấy cho tôi. ân hận hơn hết là cái giấy mời tôi đến làng Lão Việt dự tiệc bảy mươi, cái tiệc người ta ăn vạ cụ về tội dám sống đến bảy chục tuổi để là "cụ thượng" làng ấy.

Lúc ấy, tôi đã định đi, rồi lại ngần ngại không đi. Thế rồi, ba năm sau, một bữa tôi nhận được một bức thư của cụ và tôi giật mình đánh thót, khi coi đến mấy dòng này:

"Tôi nay sắp sửa từ giã cái làng Lão Việt, từ giã hết thảy những yêu ghét trong khoảng bảy mươi năm trời. Gan ruột tôi đang bồn chồn không muốn ở lại một ngày nào nữa. Sở dĩ chưa nhắm mắt được là vì còn mớ tâm sự muốn ngỏ với ông. Nếu lần này mà không được gặp ông, thì cái tâm sự ấy, tôi đành đem xuống suối vàng để nói với lũ quỷ sứ..." Chao ôi! Một chữ bao nhiêu đau đớn! Có lẽ cụ đã viết bằng nước mắt. Còn một lẽ nào để tôi chậm sự lên đường trong vài giờ? Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi thoát bước đến trước cổng nhà cụ. Trong khu vườn xoan kề bên cổng, người ta đã buộc một con trâu kèn. Theo cái giá rẻ hời ấy, nó cũng đáng đến bốn chục bạc. Cạnh đó, một bó nứa khô, mấy chiếc đòn tre, lồng chông dựa vào gốc xoan và mấy bó rơm tanh bành quảng ở giữa vườn. Thoáng coi những vật liệu ấy, đủ thấy một cuộc vật trâu đang được dự bị tại đó.

Ngó vào trong cổng, một tòa rạp lớn nghênh ngang dựng ở ngoài sân, mái cót còn chưa lợp kín. Dưới rạp giường, phản, bàn ghế đã kê sẵn sàng. Nong bát, nong đĩa, chum đựng nước, cối giã giò, rồi nồi ba mươi... không biết mỗi thứ là bao nhiêu cái, la liệt bày khắp ngoài rạp. "Tội nghiệp! Cụ Thượng đã chết mất rồi! Con cháu đã đương sắp đồ làm ma đây rồi! Mình không được nói với cụ một câu nào, sao mà phụ phàng cụ thế?..." Với sự bùi ngùi ấy, tôi bỡ ngỡ bước vào trong sân. Mấy chục con mắt đỏ đôn

vào tôi. Không ai biết tôi là người nào hết. Bởi vì tôi đến nhà cụ, lần này là lần đầu. Sau khi tôi tự giới thiệu, một người đàn ông, độ bốn mươi tuổi, tươi cười bảo tôi:

- Rước ông vào chơi trong nhà! Ba bốn hôm nay hôm nào thầy tôi cũng nhắc đến ông.

Thì ra người đó chính là con trai cụ Thượng. Lúc đó tôi mới biết cụ Thượng còn sống.

Đưa tôi vào đến cạnh giường cụ Thượng, người ấy chỉ kịp rót cho một chén trà nguội, rồi ông ta sấp ngửa chạy đi, coi bộ đương bận rộn lắm. Cụ Thượng tuy đương ốm nặng, nhưng nó chỉ là bệnh già, cũng như cái cây hết nhựa, chứ không có chứng gì khác. Vì vậy tinh thần vẫn còn tỉnh táo. Tuy đã xa nhau đến gần mười năm, mà khi thoát nghe tiếng tôi, cụ liền nhận ngay ra tôi và cố quay mặt ra chỗ tôi ngồi! Cái mặt mới đáng sợ chứ! Nó sạm như ngả bùn, đôi mắt trũng hoáy, đôi má hóp lại, hai cái gò má dô lên, người ta có thể ngờ là một chiếc đầu lâu, nếu không có đôi con ngươi lóng lánh. "Sao mình không đi thăm cụ tự mấy tháng trước để đáp tấm lòng ân cần của cụ trong mấy năm xa nhau? Bây giờ đã đến thế này, cụ còn sức đâu mà kể với mình những điều cụ định kể? Thật là mình đã phạm một tội lớn! Chính mình đã làm cho cụ thấy áy náy trước khi từ già cõi đời!... Tôi đang phàn nàn với tôi như vậy thì cái bàn tay cẳng gà của cụ chờ choạng nắm lấy tay tôi. Rồi cụ cất giọng rên rên như sắp đứt hơi:

- Đáng lẽ tôi sẽ im lặng mà chết, không thể nói thêm câu nào, dù tôi vẫn muốn nói. Bởi vì luôn hai bữa nay người tôi đã hết khí lực, không đủ sức để đưa câu nói ở trong miệng ra. Không hiểu vì sao mới nghe tiếng ông, tự nhiên tôi thấy trong mình hơi mạnh hơn trước. Có lẽ bây giờ tôi đã có thể nói nhiều với ông. Ngừng lại giây lát, cụ tiếp:

- Tôi sẽ là người chết oan! Ông nên nhớ cho như thế!

Nghe đến câu ấy, tôi phải hết sức sửng sốt, nhưng vẫn cố giữ vẻ bình tĩnh. Cụ vẫn ngập ngừng cất từng tiếng một:

- Đời tôi thế nào, ông đã biết rõ. Nhiều lúc tôi vẫn tự phụ: tuy không thông minh, nhưng không đến nỗi ngu dốt. Nhất là tôi không lười biếng...

Xen vào đó, một tiếng thở dài, rồi cụ lại nói đều đều:

- Thật vậy, từ thuở mười bảy tuổi đầu đến giờ, tôi không chơi không ngày nào, trừ ra những ngày đau ốm. Thôi thì cày sâu cuốc bẫm, buôn ngược bán xuôi, không quản ngại một việc gì cả. Có lúc đã lên mỏ Hích lăn lộn với đám phu mỏ... Những việc tôi làm, bất kỳ việc nào, tuy không phát đạt, nhưng không thất bại bao giờ, chẳng lẽ nhiều thì lãi ít. Vậy mà suốt đời nghèo xác, nghèo xơ, ăn không đủ, mặc không đủ, cả nhà có một thằng con đành để nó dốt nát. Ông bảo là vì có gì!

Tiếng cười nói ở gian bên kia làm cụ im đi một lúc như để chờ câu trả lời của tôi. Lâu lâu cụ mới cắt nghĩa:

- Ấy là bởi gánh việc làng. Cái làng Lão Việt nhà tôi có thể đại diện cho cả hương thôn già cỗi của nước Việt Nam. Vì nó là chỗ để chứa hủ tục. Bất kỳ hủ tục nào, làng tôi đều có đủ cả. Vì thế mà tôi suốt đời còm cộm, chỉ để đóng góp là vừa. Bây giờ tôi sắp nằm xuống, lại sắp để lại cho thằng con tôi một cái gánh nặng. Những sự linh đình ông thấy ở ngoài sân kia, sẽ là món nợ mà một đời nó chưa chắc trả hết... Đuôi con mắt cụ bỗng có một giọt nước rỏ xuống dưới chiếu, cụ cố nói cho ra giọng cứng:

- Hủ tục không phải là thứ thiên kinh, địa nghĩa, nó vẫn có thể thay đổi, nếu phái trí thức để ý đến sự khai hóa cho dân quê. "Nhưng vì chúng tôi là một lớp người bị bỏ sót trong đá tre xanh, con mắt của phái trí thức ít khi ngó tới. Bởi vậy, những cái tục lệ quái gở, mọi rợ mới được tự do kế tiếp nhau, chồng chất lên vai chúng tôi. "Nhiều lúc tôi muốn hắt cái gánh nặng ấy đi, nhưng sức một mình không thể làm nổi, đành phải ề ề mà chịu.

"Một người chăm chỉ, cần kiệm, lao lực như tôi, chỉ vì một gánh nặng đè ép, đến nỗi suốt đời không góc đầu lên được, bây giờ sắp chết, gánh nặng ấy vẫn còn đè ép chưa tha, ông bảo có oan uổng không? Vậy mà nó vẫn được coi như vị thần thiêng, không ai

đả động đến nó. Lạ thay! Tôi ước ao rằng: sau khi tôi đã nhắm mắt, ông sẽ đem những tội ác của nó mà phơi ra bóng mặt trời"...

Lúc này tiếng nói của cụ đã thấy nhỏ dần. Vì sợ cụ mệt, tôi tạm cáo từ để ra chỗ khác. Gần tối, tôi lại tới đó. Cụ vẫn ngoảnh mặt trở ra như có ý đợi tôi. Khi thấy tôi đến, cụ cố gắng sức đưa ra những tiếng thì thào và rì rạc:

- Một nước giống như một cái xe bò, lớp trí thức là người làm bò, lớp dân quê là người đẩy xe. Nếu kẻ đẩy còn bị những dây lệ buộc chặt hai chân, thì kẻ làm bò tài giỏi bậc nào cũng không thể kéo được cái xe bò lên dốc... Vì vậy... tôi chỉ mong mỗi các ông đưa mắt đến chỗ bản thi, tôi tắm... trong đá tre xanh".

Hết câu đó, cụ bỗng trợn ngược hai mắt, đờm ở trong cổ kéo lên khè khè. Cả nhà nhón nhác xúm lại. Cụ đã tắt thở. Cái lúc trong nhà im lặng bỏ tiền và gạo vào miệng người chết, thì ở ngoài vườn người ta cũng hò reo để vật con trâu. Từ lúc đưa đám tang cụ Thượng, lời cụ vẫn văng vẳng bên tai tôi. Sau mười năm lang thang nay đây mai đó, tới đâu tôi cũng thấy chứng cứ về sự từng trải và nỗi đau đớn của cụ. Cụ quả là người chết oan. Cho được an ủi vong hồn của cụ, tôi phải minh oan cho cụ và cho những người như cụ bằng thiên phóng sự này.

Một đám vào ngôi

Nhà bác Cả Mỗ mọi ngày thường im phăng phắc, hôm nay bỗng nhiên linh đình như đám giỗ nhỏ. Dưới cầu ao, hai người đàn ông lực lưỡng đang chầu đầu trên chiếc rỗ thưa, tỉ mỉ nhổ từng sợi lông tơ cho một con gà trong rỗ. Trên bờ ao, một con chó xồm bị trói bốn chân, nhe răng nằm trên vũng máu lênh láng. Cạnh nó, một nồi nước sôi khói bốc nghi ngút và bốn năm người, cũng hạng đàn ông lực lưỡng, kẻ cầm gáo múc nước, người cầm dao sắp sửa cạo lông. Từ cổng đến thêm, tấp nập những người đi lại. Tôi mới nhô vào đến sân, bác Cả lật đật chạy ra đón lên nhà trên với một bộ điệu vui vẻ. Ở gian bên kia, độ bảy tám ông ngỗ ngang nằm vây một chiếc khay đèn thuốc phiện. Với những cặp môi thâm xít và dài vều, và những chiếc quần cháo lòng, áo ba-đờ-xuá rách lòi khó tả, các ông ấy như muốn bảo cho tôi biết đây toàn là hạng kỳ dịch kiêu tín đồ của đức chúa Phù dung. Dãy phản bên này, hai bàn tổ tôm kề nhau. Bàn trong vang những tiếng ăn, tiếng phỗng, bàn ngoài đương ỏm tỏi cãi nhau về sự đánh thấp đánh cao. Chủ nhân lễ phép mời tôi vào ngồi trong chiếc tràng kỷ kê ở gian giữa, đối mặt với tòa bàn thờ hương khói vắng tanh. Mấy ông trong bàn tổ tôm thì nhau nhìn tôi bằng nửa con mắt trông nghiêng, giữa khi vài ông ở bàn thuốc phiện lần lượt ngóc cổ như đàn rắn lửa. Rồi thì ai nấy lại cùng theo đuổi công việc của họ, người hút cứ hút, người đánh bài cứ đánh bài.

- Ông có lòng đến đây mừng cho nhà cháu, thật là quý hóa! Xin mời ông xơi tạm chén nước.

Bác Cả Mỗ đương một tay gãi tai, một tay bưng chén chè nộ đặt trước mặt tôi, bên bàn tổ tôm bỗng có tiếng gọi:

- Anh Cả đâu! Cho mượn hai đồng đánh thêm hội nữa. Đen quá, cả hội chẳng ù ván nào!

Bằng một tiếng vang đầy giọng thành tâm, bác Cả Mỗ nhanh nhẩu chạy xuống nhà dưới, để tôi ngồi đó với bác Hai Thìn, một người em ruột bác ấy. Thờ thần chưa biết nên nói chuyện gì, tôi có dịp nghĩ đến cái câu của bác Cả Mỗ mới nói. Với bác, tôi chỉ

là người trọ học ở nhà lán giếng. Vì năng gặp bác, thành ra quen biết. Hôm nay là ngày "vào ngôi" cho thằng con bác mới đẻ được ba tháng nay, bác vẫn mến tôi nên cố mời tôi sang chơi. Ở làng khác, vào ngôi chỉ là một lệ rất thường, người ta phí tốn độ vài ba chục, hay vài ba trăm quả cau là xong. Sao trong đám này lại có cỗ bàn linh đình, và sao ở trước mặt khách, ông chủ lại nói đến câu "mừng cho nhà cháu"? Hay là riêng với làng này, vào ngôi là một việc hỷ? Nếu vậy, có lẽ mình phải mất một món tiền mừng. Ớc tôi còn đương vắn vơ, bác Cả Mão đã ở nhà dưới chạy lên. Cung kính trao hai đồng bạc cho một ông trong bàn tổ tôm, bác ấy tung tăng ra sân, khiến tôi không kịp nói chuyện. Dưới bếp, có tiếng dao thót ký cốc, mùi xôi ngào ngạt đưa lên nhà trên. Một ông trong đám thuốc phiện đồng dặc cất cái giọng khàn khàn:

- Anh Cả đâu! Lên đây tôi bảo!

Một tiếng dạ lớn, bác Cả Mão từ sân vào thềm, rồi khoanh tay đứng tựa vào cột:

- Bẩm cụ dạy gì con ạ? - Trưa lắm rồi đấy! Liệu mà giục bảo chúng nó sắp đồ lễ mau lên! Rồi anh phải thân hành đến mời cụ Điền lại chơi, kéo cụ lại ăn cơm nhà.

Lại một tiếng dạ rất lễ phép, bác Cả rón rén lui ra. Tiện dịp, tôi bảo bác ngồi xuống chỗ tôi ngồi và móc ví lấy một đồng bạc mừng bác. Nhưng bác khăng khăng từ chối, nói rằng việc này không có lệ mừng. Ngoài thềm có tiếng leng keng. Một người xách chiếc mâm đồng sáng choang đặt lên cái bàn ở trước mặt tôi. Rồi một người khác để luôn thúng xôi vào đó. Bác Cả Mão nức hai bàn tay như thầy phù thủy bắt quyết và nói với tôi:

- Bên này chật quá, mời ông sang nhà chú cháu. Ông nhọc tôi cũng ở bên ấy. May quá, tôi đang muốn tránh cái bầu không khí khó chịu. Nghe lời chủ nhân, tôi liền theo bác Hai Thìn đi luôn. Nhà này cũng thấy lổ nhố những người, nhưng toàn là người tôi quen. Qua một tuần trà, bác Hai Thìn nhìn tôi và nói bằng giọng sung sướng:

- Anh tôi lo công việc này cho cháu tất cả cũng hết đến trăm rưỡi bạc. Ấy là chúng tôi khôn khéo, xoay xở thì việc mới xong, người khác ở vào địa vị chúng tôi, dù có mấy trăm, vị tất đã lo nổi! Câu nói của bác khiến tôi hết sức ngạc nhiên:

- Sao nhà các ông hoang quá như vậy? Tôi thấy người ta "vào ngôi" cho con chỉ tốn độ vài đồng bạc là cùng!

Bác Hai xua tay và nói bằng giọng thì thầm:

- Nào có phải hoang! Ông tính ở đời ai muốn mất tiền! Đó là sự bất đắc dĩ. Nói giầu gì ông, nhà tôi không phải gốc gác ở làng này. Ông thân chúng tôi ở vùng Nam lên đây sinh cơ lập nghiệp, rồi mới đẻ ra anh tôi và tôi. Thế là tới ở làng này, nhà tôi mới ở có hai đời. Theo lệ nhà quê, những người ngụ cư ba đời mới được "thành tổ". Nghĩa là được ngang hàng với mọi người khác. "Làng này lại ngặt hơn nữa, từ xưa đến giờ họ không cho một người ngoài nào nhập bạ. Vì thế, anh tôi và tôi cũng như ông thân chúng tôi, đều không có ngôi ở đình. "Chắc ông cũng biết ở làng mà không có ngôi, thật là một sự nhục nhã. Những lúc tứ quý kỳ phúc, người ta thì phần ăn, phần gói, mình thì chẳng có miếng gì. Những lúc hội hè, đình đám, người ta rước cờ, rước quạt, mình chỉ đóng vai khiêng chiêng. Như thế cũng đã khổ rồi. Hơn nữa, lỡ có cha già mẹ héo, làng giáp có chôn cho đâu! Chính lúc ông thân bà thân chúng tôi qua đời, anh em tôi đều phải nhờ cậy hàng xóm khiêng giúp. Rồi khi xong việc, chúng tôi muốn theo mọi người nộp lệ cho làng con trâu, họ cũng không thèm nhận cho. Cái đó mới cực cho chứ!

- Người ta không nhận thì càng khỏi mất. Việc gì mà cực! Tôi mỉm cười và đáp một câu khôi hài như vậy. Bác Hai vẫn nói một cách thật thà:

- Thế được còn nói gì nữa! Anh em chúng tôi, trời cho trong nhà cũng đủ bát ăn, mỗi người cũng có được con trâu cày và dăm mẫu ruộng. Thế mà không thể nộp được lệ làng cho cha và mẹ, tức là tiếng xấu để đời... Mỗi khi nghĩ lại những nông nỗi ấy, anh tôi và tôi tức chết người đi được. Trước đây, chúng tôi đã cố luôn lột mấy ông đàn anh,

để xin nhập bạ, nhưng mà bây giờ hãy còn cụ Bá, cụ ấy nghiệt lắm, nhất định bảo nhà tôi đến ở làng này chưa được ba đời, không thể nhận lời. Chúng tôi đành phải cắn răng mà chịu. Bởi vậy lần này anh tôi sinh được mụn cháu, lại may gặp lúc cụ Bá đã mất, chúng tôi phải cố vào ngôi cho nó.

- Nhưng mà các ông tiêu những món gì mà hết đến hơn trăm bạc?

Bác Hai càng hạ giọng xuống, sau khi liếc mắt ngó qua những người chung quanh:

- Ông bảo những công việc ấy, nói bằng miệng không được ư? Phải mất tiền cả đấy! Cụ chương lễ ba chục, ông chánh hội hai chục, cụ lý trưởng mười lăm đồng, ông phó lý và ông phó hội mỗi người mười hai đồng, thư ký, trưởng bạ, mỗi người mười đồng, hương trưởng, lý cự, tộc biểu, trương tuần mỗi người năm đồng. Những số tiền ấy hết ngoài trăm đồng rồi. Lại còn ăn uống từ chiều hôm qua đến giờ...

- Nếu đã mất tiền cho họ thì thôi cái bữa ăn uống có được không? Bày vẽ làm gì cho tốn?

Bác Hai lắc đầu: - Không được ông ạ! Ở chốn thôn quê, ăn uống là sự đầu tiên. Muốn gì thì gì, hễ không có ăn thì việc không thành. Lúc trước, anh tôi cũng nghĩ như ông, đã định chúc sự ăn uống vì đã rắc tiền khắp mặt chức dịch. Nhưng ông chánh hội không nghe. Ông ấy nói rằng thế nào cũng phải đám miệng cho các bô lão, và bọn trai đinh bỏ bấu một bữa. Nếu không họ sẽ phá ngang, tất nhiên sẽ có cản trở.

Trước mặt có người đi qua, bác Hai ngừng lại một lát chờ cho người ấy đi khỏi, rồi tiếp:

- Một bữa ăn này, ít ra anh tôi cũng phải tiêu đến năm, sáu chục đồng. Vì kiêng tiếng làm thịt lợn, sợ rằng làng nước cho là húng mỡ, nên mới đi chợ mua thịt. Sự thực, mua thịt lại quá giết lợn. Sáng ngày đi lấy vừa lòng lợn vừa thịt lợn tất cả mười một đồng bạc, đáng lẽ cũng đủ chần chát, nhưng cụ chương lễ thích ăn thịt cây, nên ông lý trưởng bắt phải giết thêm con cây. Chẳng nhẽ mời dân mời làng ăn uống trong nhà, ngoài đình

lại không có gì. Bởi thế chúng tôi phải sửa cỗ xôi, con gà để ra lễ thờ. Bấy nhiêu món hết ngót hai chục rồi. Còn tiền rượu, tiền thuốc phiện, còn tiền cung đốn họ đánh tổ tôm. Ông đã biết rõ, mọi khi làng tôi có ai dám đánh "góp một"? Lớn lắm chỉ "góp năm hào". Hôm nay vì tiền nhà chủ bỏ ra, được thì ăn, thua không phải trả, nên họ hò nhau đánh góp hai đồng. Rồi đây ông xem, đến lúc đứng dậy, ai cũng thu hết, anh tôi đưa ra bao nhiêu mất hút bấy nhiêu, chẳng lấy lại được đồng nào hết... Lúc nãy tôi nói trăm rưởi, còn là hà tiện, xong việc có lẽ hết hơn, chứ bấy nhiêu tiền không thể nào đủ.

Bác Hai còn muốn nói nữa. Bên nhà bác Cả chợt nghe có tiếng âm âm, bác ấy lật đật xin lỗi đứng dậy:

- Mời ông ngồi chơi với các cụ tôi. Tôi phải chạy sang bên kia. Làng đã vào rồi!

Tiếng âm âm bên nhà bác Cả mỗi lúc một to, trước còn cười nói, sau đến quát tháo, cuối cùng thì đến những tiếng mách tục mách quẻ. Lâu lâu cuộc xô xát lại dữ dội thêm, bác Hai Thìn hốt hoảng chạy về, vừa thở vừa nói:

- Khổ quá, mấy ông bô lão lại còn bẻ vành bẻ vế, nhất định nói rằng: hương ước không có chỗ nào nói cho người ngoài vào ngôi. Cụ Điền hết sức giàn xếp không được. Ông chánh hội và ông lý trưởng bảo anh tôi phải chòng hai chục đồng bạc - tiền ngay cốc cốc - để cúng vào nóc các lão, thì việc mới yên. Thôi thế cũng còn là may.

Cuộc ăn uống kéo dài mãi đến gần tối, nhưng không xảy ra sự gì nữa. Cách ba bữa sau, bác Cả Mão sang nhà tôi trọ, đem bán cho ông chủ nhà một mẫu hai ruộng, lấy trăm đồng bạc để trang công nợ. Vui vẻ bác khoe với tôi:

- Tất cả, tôi lo hết gần hai trăm. Của nhà có non một trăm, còn thì đều phải đi vay. Nhưng tôi cũng lấy làm hả. Từ nay trở đi, cháu đã có ngôi đình, chúng tôi sẽ được ăn miếng thịt phần việc làng của nó!...

Cái án ông cụ

Bây giờ đã quá trưa. Ánh nắng của mặt trời tháng năm thiêu đốt càng dữ. Trên đường thỉnh thoảng lại thấy khét như lửa cháy.

Bước rảo chừng hơn một tiếng đồng hồ, tôi cố phấn đấu với thần Hạng và đi cho chóng đến cổng làng K.Q. để được nhờ sức che chở dưới bóng mát của một cây đa cổ thụ. Trong làng vắng vắng có tiếng ồn ào. Rồi một lũ tuần phu nghênh ngang đi ra đầu làng với một đoàn tay thước mã tấu, chiêm trống, cò quạt, coi bộ như sắp có cuộc nghênh tiếp ông quan nào đó. Đôi mắt quáng nắng đã tỉnh, tôi đứng định đi vào giữa làng để tìm đến nhà người bạn. Tiếng ồn ào mỗi lúc mỗi rõ thêm. Và nó biến ra những câu gào khóc, thét lác, khi tôi thoát tới đầu đình. Người làng làm gì mà đông như vậy? Họ đứng rải rác khắp trong giải vũ, ngoài tường bao lan, và họ lơ nhố ở trước sân đình. Dưới giọt tiền tế, chiếc chiếu cạp đỏ cuộn thành một đồng xù xù, như có người nằm ở trong. Cạnh đó, mấy vũng máu tím lênh láng đọng trên mặt gạch, ruồi nhặng bay đến đình đình, mùi tanh nồng nực pha trong hơi nắng. Trên sân tiền tế một người đàn ông lực lưỡng chễm chệ ngồi với một con dao nhọn. Tuy hai khuỷu tay bị sợi thiếu cày ghì vào cây cột sau lưng, nhưng coi nét mặt vẫn thấy nhơn nhơn đắc ý.

- Ối anh ơi! Tôi đã can anh không nên gây thù gây oán, anh chẳng nghe tôi! Bây giờ anh chết bỏ mẹ con tôi bơ vơ, tôi biết nương tựa vào đâu! Ối anh ơi! Ối anh Quân ơi!

Một người đàn bà với bộ đầu tóc rũ rượi, gục vào trên chiếc chiếu cạp, vừa đập tay lên mặt đồng chiếu vừa khóc bằng giọng thảm thiết. Dứt mấy tiếng tí ti, rên rầm, người ấy bỗng đứng phắt dậy.

Và như con chơi chơi, chị ta nhảy xổ đến trước tiền tế, hai tay đen đét đánh song thẳng vào mặt người bị trói, réo mãi tam tộc, ngũ phục nhà hấn, nguyên rửa một cách rất độc. Người kia cũng nham nhảm chửi lại:

- Ông chết thì thôi! Nếu ông còn sống thì ông sẽ giết cả nhà nhà mày; cái mạng của thằng chồng mày, ông coi như mạng chó vậy.

Chồm chồm như con trâu lồng, người đàn bà ấy nhảy vọt lên sân tiền tế, vớ luôn lấy con dao nhọn, chực đâm vào người đàn ông.

Mấy người chung quanh xúm lại kéo chị ta ra và khuyên: - Bà Quản không nên nóng quá. Việc đã có quan. Sát nhân giả tử! Bà không ngại! Lát nữa quan về, quan sẽ phân xử!

Hắn là một vụ án mạng.

Tôi đoán như vậy và cố nén cơn lợm lòng bởi mùi hôi tanh của vũng máu tươi phơi nắng gây ra, để đi vào coi cái chết của kẻ bất đắc kỳ tử. Người này vào khoảng dưới bốn chục tuổi. Tuy bị chiếc chiếu phủ kín từ cổ đến gối, nhưng đầu và chân còn hở ra ngoài. Hình như hắn chết đã lâu. Một chân co ở trong chiếu, đầu gối dựng lên, làm cho chiếc chiếu thành ra cái hình khum khum. Chân nữa bê bết một lượt màu tím, vẫn duỗi thẳng dăng trên gạch. Cái mặt anh ta mới đáng sợ chứ! Nó bị bốn năm vết chém rất sâu. Một vết ở má bên trái, rạch hằn gò má thành miếng thịt sắp rơi. Một vết ở mắt bên phải, ngăn đôi con mắt, giống như cái hình chữ thập. Trời nắng, da thịt bị nướng trong bầu không khí nóng nực, nó phải co lại, những vết thương đều rộng hoác ra, chẳng khác những vết nứt nẻ trên mình một con bò thui. Tôi đang rùng mình kinh sợ, đằng sau chợt thấy có người vỗ vai, khiến tôi giật mình quay lại. Đó là bạn tôi, người ở làng ấy. Không kịp chào tôi, anh ta hỏi một cách ngạc nhiên:

- Anh cũng đến xem cái án "ông cụ" đấy à?

- Không! Tôi đến thăm anh! Tình cờ thấy có sự lạ, nên còn đứng lại...

Anh ấy liền kéo tôi về nhà. Rồi vừa đi, anh ta vừa kể cho tôi nghe đầu đuôi vụ án mạng ấy. Thì ra cái người bị trói trên đình tên là Hai Thu, em ruột lý Xuân, chính là hung thủ vụ đó. Còn người bị giết thì là quản Thi, con trai ông Thư, một ông bô lão làng ấy. Sở

đã xảy ra án mạng, chỉ vì một quân "ông cụ". Cha con ông Thư, trước kia chỉ là những người ngụ cư ở làng K.Q., theo tục lệ nhà quê, hạng dân ngụ cư, bao giờ cũng bị khinh rẻ. Ông ấy mấy lần muốn xin vào ngôi cho con, nhưng mà không được. Bởi vì nhà ấy đến ở làng này chưa được ba đời, cho nên người ta không nhận. Thành linh gặp có khóa lính, quan bắt rất gấp, trong làng không ai chịu đi. Lý trưởng phải gọi cả Thi. Thừa cơ, anh Thi yêu cầu cả làng ký kết cho mình nhập tịch và được hưởng đủ quyền lợi như mọi người khác, mới chịu ứng mộ. Bí quá, dân làng đành phải bằng lòng. Trờì kia đất nọ, anh ta ra lính vài tháng thì được đóng bếp. Rồi thì chẳng bao lâu bác bếp Thi đã thành ra ông đội Thi. Đến lúc hưu trí, ông đội ấy nghiêm nhiên về làng với chức phó quản đề ngôi vào ngôi tiên chỉ. Bỗng không bị một người ngoài đe đầu cưỡi cổ, cả làng ai cũng cay lắm, nhưng việc đã lỡ, còn biết nói sao.

Một hôm ở bàn tổ tôm trong một đám khao lão, có lý Xuân và ông cụ Thư cùng dự. Trong cỗ tổ tôm, có quân "bach vạn" bôi đỏ, người ta thường gọi là quân "ông cụ". Khi nào bài ù, hết thấy là quân đề trắng, chỉ có một quân "ông cụ" bôi đỏ, ấy là ván bài "kính cụ", được ăn tiền bằng ba những ván ù sông. Lúc ấy, một người trong cuộc, bốc "nọc" gặp phải một quân "ông cụ", hấn đùa và hỏi:

- "Ông cụ" của làng cũng được kính chứ?

Lý Xuân buột miệng trả lời:

- Chỉ kính "ông cụ" của nhà, ai kính "ông cụ" ngụ cư. Ông Thư nghe câu đó lấy làm căm tức, về nhà thuật lại với con; từ đó quân Thi đem lòng thù oán lý Xuân, và luôn luôn bới bèo ra bọt, để kiện lý Xuân. Nhờ có thần thế lại có nhiều tiền, quân Thi đã thành một vị thần thông, có phép đổi đen ra trắng. Kết cục, lý Xuân hết cả cơ nghiệp, bị cách lý trưởng, lại bị phạt tù sáu tháng. Hai Thu là đứa ngỗ nghịch, trước sự oan ức của người ruột thịt, cố nhiên hấn không chịu nhin. Sáng nay nhân có việc làng, hấn bèn sinh sự cãi nhau với quân Thi, rồi sẵn con dao chọc tiết lợn, hấn đâm và chém quân Thi đến hai chục nhát. Một nhát trúng phổi, quân Thi chết không kịp ngáp. Kể hết câu chuyện bạn tôi nói thêm:

- Ngay lúc xảy ra án mạng, lý dịch làng tôi đã phải phái người lên phủ trình quan. Từ thì còn phải đề đó, đợi quan về khám.

Rồi thì anh ta kết luận: - Vụ này có lẽ hai Thu sẽ bị ghép vào án tử hình. Vậy là một quân "ông cụ" giết chết hai mạng.

Nghệ thuật bằm thịt gà

Từ khi thôi học, tính ra đã gần mười năm, bây giờ tôi mới lại gặp Lăng Vân. Những chuyện tích lại trong một thời gian khá dài, lúc ấy được dịp xuất hiện nó đã làm cho chúng tôi đều phải quên ngủ, tuy đêm đã khuya. Ngoài sân trời tối như mực và mưa sùi sụt, nước mưa rả rích giội xuống đầu thêm, như thêm vẻ chứa chan cho mỗi tình cửu biệt. Gà bắt đầu gáy. Dưới bếp bỗng có tiếng người khậm khoặc. Rồi thấy bóng đèn lập lòe. Một lát sau, nghe có tiếng gà đập cánh phành phạch và kêu quang quác. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Người nhà đã sắp làm cơm đây sao?

Lăng Vân lắc đầu: - Không! Sáng mai nhà tôi phải chứa hàng xóm. Chứa xóm cổ nhiên không phải là một đầu đề để nói chuyện. Chúng tôi lảng ra chuyện khác. Đồng hồ điểm hai tiếng mới cùng trùm chăn nằm ngủ. Giấc ngủ của tôi đương ngon, thành linh bị tan bởi mấy tiếng lộc cộc của guốc, và gậy nện xuống thêm gạch. Tôi bừng mắt ra, trời đã sáng rõ, trong nhà ló nhố mấy ông cụ già khăn áo tề chỉnh, Lăng Vân đang xoắn xoe chào mời các cụ một cách cung kính. Giữ lễ xã giao với người lạ, tôi vội tung chăn ngồi dậy và đương lúng túng chưa biết nên ở đó hay lánh đi đâu, Lăng Vân đã bung đến chỗ tôi ngồi một bộ bàn chè, một siêu nước sôi, bảo tôi cứ việc pha nước và uống tự nhiên. Người đến mỗi lúc một đông. Già có, trẻ có, đứng bóng có. Toàn là đàn ông tất cả. Trong nhà giường phản chật hết, người nhà phải quét cái thêm mưa ướt rờm rộp, rồi trải chiếu lên, để làm chỗ ngồi cho mấy ông tí nhau. Hàng xóm vẫn lục tục kéo đến với những bàn chân đất lấm bê bết. Ai cũng như nấy, sau khi đã đến bể nước giội qua, người ta đi nhón lên thêm, chùi chân vào cái chổi rơm làm phép, rồi bước xầm xạp lên chiếu.

- Sao không lấy gì mà che, lại đi đội trời thế kia! Nước mưa ướt cả đồ lễ!

Tiếng thét đồng dục của một ông già ở phản bên kia vừa dứt, thì ở dưới sân, một người vừa lù lù bung mâm xôi gà lên thêm và đặt vào chiếc phản giữa. Rồi một người khác đề luôn lên đó hai chai rượu lớn. Con gà cũng không nhỏ lắm, ước chừng một người ăn

cổ mới hết. Cổ xôi vừa kín cái lòng mâm đồng, nó phải độ bốn đầu gạo! Còn hai chai rượu thì đầy ăm ắp, hạng chai ba phần tư lít. Mọi người ngồi yên, một ông đàn anh ra lệnh:

- Hàng xóm đã đến đông đủ! Thằng Mới đem làm cỗ đi! Thì ra cái người đội mâm xôi gà lúc nãy chính là mõ làng. Hấn dạ một tiếng thật dài rồi khép nép đứng tựa bên cột:

- Thừa các cụ làm bao nhiêu cỗ?

Ông đàn anh ấy lại lên giọng:

- Mà trông xem có bao nhiêu người kiên tại.

Thằng Mới liếc mắt một lượt từ trong nhà ra đến ngoài thềm, rồi thưa:

- Bẩm ba mươi người tất cả.

Ở đầu dãy phản tay phải, thấy có tiếng hỏi: - Hàng xóm ta mười mấy suất, cụ còn nhớ không? Rồi có tiếng đáp:

- Năm ngoái bảy mươi tám suất, năm nay mới thêm năm suất thế là tám mươi ba suất cả thảy.

Ông đàn anh vừa rồi nhìn vào thằng Mới:

- Vậy thì phải làm hai mươi ba cỗ, tám cỗ kiên tại, một cỗ chứa, một cỗ cho mày, còn mười ba cỗ làm phần.

Câu nói của ông ấy khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Một con gà và bấy nhiêu xôi mà làm đến mấy chục cỗ, thì làm ra sao? Chắc là còn có món gì khác nữa.

Tôi nghĩ như thế. Nhưng mà không. Chẳng có chi hết. Người nhà chỉ bung lên thềm hai thúng bát đĩa, một con dao, một cái thớt, một liễn nước mắm và hai chõng mâm. Thằng Mới lễ bễ bung mâm xôi gà ra thềm. Hấn nhấc con gà sang chiếc mâm khác, rồi chữa cỗ xôi hình tròn ra hình vuông. Ôi lạ! Con gà làm được hơn hai chục cỗ, thật là

một kỳ công! Tôi phải giả vờ đứng dậy ra sân để đến tận nơi mà coi cho rõ. Thằng Mới đặt thử con dao lên mặt cổ xôi, hấn tính lắm bằm giây lát, rồi xấn một chiều làm sáu, một chiều làm bốn. Sau khi lấy một miếng xôi véo ra từng tí để phụ vào các miếng kia, hấn nhấc mâm xôi sang một bên cạnh và kéo cái thớt vào chỗ trước mặt. Cái thớt khí trũng, hấn gọi thằng nhỏ đòi cho cái khác và hấn lắm bằm một mình:

- Bằm thịt gà cần phải dao sắc, thớt phẳng. Nếu mà dao cùn thớt trũng thì thịt sẽ bong hết da!

Vừa nói, hấn vừa với sang thúng đĩa lấy đủ chục chiếc, bày la liệt trên mặt thềm. Thằng nhỏ đã xách lên đó chiếc thớt mới nguyên, sắc gỗ nghiêng còn đỏ đồng đọc. Nhanh nhẩu, hấn sờ ngón tay vào lưỡi con dao, xem có bén không. Và hấn lật cái tròn bát liếc luôn ba lượt thật mạnh. Bấy giờ mới giờ đến bộ lòng gà. Mề, gan, tim, phổi, các thứ đều được thái riêng và được bày riêng vào một góc đĩa. Tuy nó mới chỉ một dúm cón con, nhưng trong mười đĩa không đĩa nào thiếu một thứ nào. Rồi hấn nhấc cả con gà ra thớt. Bắt đầu chặt lấy cái sỏ, sau mới chặt đến miếng phao câu. Thành linh thấy hấn đứng lên ngoảnh mặt vào phía mấy ông đàn anh:

- Thừa trình các cụ, hôm nay sỏ gà pha mấy? Phao gà pha mấy?

Một ông trong bọn nhìn qua vào đám nhiều tuổi, hình như để đếm đầu người, rồi đáp:

- Ở đây chỉ có năm cụ và bốn ông đàn anh. Vậy thì sỏ gà pha năm, phao gà pha bốn.

Hấn lại ngồi xuống chỗ cũ. Trước hết ghè dao vào giữa hai miếng mỏ gà để cắt cái sỏ ra làm hai mảnh.

Rồi hấn úp cả đôi mảnh xuống thớt, chặt mảnh mỏ dưới làm đôi và mảnh mỏ trên làm ba. Tôi không biết những miếng thịt gà này có đều nhau không, chỉ thấy tất cả năm miếng, miếng nào cũng có dính một tí mỏ. Tiếp đến cuộc pha phao câu. Công việc tuy không lấy gì làm khó, nhưng hấn làm cũng vẫn có vẻ khác người. Bốn miếng phao gà, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn, chẳng khác nào một cái chũm cau chẻ tư. Sỏ gà

bày vào một đĩa, phao gà bày vào một đĩa. Hắn lại cắt lấy hai chiếc cánh gà, chặt luôn làm hơn mười miếng và bày với đôi chân gà làm thêm một đĩa nữa. Bây giờ thì đến mình gà. Hắn lách lưỡi dao vào sườn con gà, cắt riêng hai cái tủy gà bỏ góc mâm. Rồi lật ngửa con gà lên thót, hắn ướm dao vào giữa xương sống và giờ dao chém luôn hai nhát theo chiều dài cái xương ấy. Con gà bị tách ra làm hai mảnh. Mỗi mảnh đều có một nửa xương sống. Một tay giữ thối thịt gà, một tay cầm con dao phay, hắn bằm lia lịa như không chú ý gì hết. Nhưng mà hình như tay hắn đã có cỡ sẵn, cho nên con dao của hắn giờ lên, không nhát nào cao, không nhát nào thấp. Mười nhát như một, có khi chỉ lên khỏi mặt thót độ khoảng một gang, và cách cái ngón tay hắn độ vài ba phân. Tiếng dao công cốc đụng vào mặt thót, nhịp nhàng như tiếng mõ của phường chèo, không lúc nào mau, cũng không có lúc nào thừa. Mỗi tiếng cốc là một miếng thịt gà băng ra. Miếng nào cũng như miếng ấy, đứt suốt từ xương đến da, không còn dính nhau mảy may. Trông những miếng thịt gà của hắn bóc ra góc mâm, mới đẹp làm sao! Không giập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh con bướm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước. Bằm xong con gà, hắn móc túi lấy một nắm tằm. Mỗi miếng thịt gà, hắn khâu cho một cái tằm vào giữa. Rồi hắn cắm vào mâm xôi. Cứ mỗi tảng xôi là bốn khâu thịt. Thịt vừa hết, xôi cũng vừa kháp. Té ra cái mình con gà, hắn đã bằm được 92 miếng. Lãng Vân cười và hỏi tôi:

- Anh đã chịu nghề bằm thịt gà của ông Mới làng tôi chưa? Nhà hắn ba đời làm cái nghề ấy, thì mới thạo được như thế. Người khác dễ ai làm nổi!

Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ.

Đôi giày mất dạy

Tôi phải hết sức ngạc nhiên khi bắt đầu thấy anh Hai Thuyết. Người đầu mà lạ làm vậy! Cổ tay lớn bằng bắp chuối, ngón tay như hai chiếc dùi đục; những lúc anh vắn vành khố một - nhai, bao nhiêu bắp thịt chần chẫn trong lớp da đồng tុ đều lộ ra hết, thì trông chẳng khác gì cái tượng lực sĩ ở Đền Đô. Tuy rằng lúc đó anh đã gần năm chục tuổi, nhưng còn gánh nổi hàng tạ và vẫn đủ sức để cắt cái búa bỏ củi một cách nhẹ nhàng. Ông chủ nhà tôi rất mến anh, quanh năm, suốt tháng, không dám rời anh mấy khi, sợ rằng người khác mượn mất.

Vì thế, từ ngày đến trọ ở làng Đ.S tôi không ngày nào mà không gặp anh. Giọng nói ngây ngô, mộc mạc của anh vẫn là những thuốc giải muộn cho tôi trong lúc vô liêu. Vậy mà sáu, bảy hôm nay, chẳng thấy bóng anh đâu hết. Một người như anh cố nhiên không ai dám đoán là có tật bệnh.

Lúc đầu tôi tưởng rằng anh đi vắng. Nhưng mấy bữa sau thỉnh thoảng lại thấy tiếng anh ở nhà, tôi ngờ rằng anh có chuyện xích mích với ông chủ nhà tôi, nên không sang nữa.

- Không! Nó còn khổ về hai chiếc giày! Từ hôm rước được đôi giày về nhà đến giờ, nó phải bỏ cả làm ăn, không lúc nào đi ra khỏi cổng. Nếu còn giữ hai chiếc giày ấy không khéo có ngày vợ con nó sẽ chết đói.

Câu nói của ông chủ nhà khiến tôi càng lấy làm lạ, không sao hiểu nổi. Tôi phải phiên ông giảng lại một lượt. Thì ra năm nay làng ấy vào đám dầy chà, anh được cắt làm thủ hiệu trống. Tuy chỉ là người cầm dùi đánh trống, nhưng ở đình đám, chức thủ hiệu vẫn sang hơn chức cầm cờ, cầm quạt, bất kỳ là thủ hiệu gì. Những ngày rước thần, thủ hiệu vẫn được đóng đai, đi ủng, đội mũ võ và mặc áo thụng, có người che lọng, có người cấp tráp đi hầu; nếu là mùa bức, họ còn thuê mượn đầy tớ vác chiếc quạt lông, thỉnh

thoảng phẩy cho một cái là khác. Trong một chà đám, thủ hiệu được có sở riêng tại đình, góp tiền góp gạo, ăn uống ở đó, khi nào đoạn đám mới về. Sở của thủ hiệu, bao giờ cũng oai, có cờ, có trống, có tay thước, mã tấu... trang hoàng như dinh quận của ông đại tướng. Cho được xứng đáng với bấy nhiêu sự sang trọng, ngoài những quần lành, áo mới, các vị thủ hiệu lúc nào cũng phải xỏ chân vào giày, không được phép đi dép, đi guốc, nhất là không được đi đất. Thủ hiệu đi đất, ấy là để cho hàng tổng, hàng xứ chê cười làng mình, người ta vẫn tin như thế. Bởi thế, từ khi có tin được bỏ thủ hiệu, anh Thuyết lập tức cậy người đi ra Hà Nội mua cho đôi giày da lộn, để góp với bạn đồng sự. Cái người ảnh cậy cũng đã sáng ý, thấy đôi bàn chân của ảnh đều là "xuất chúng" nó phen phạt như chiếc bàn cuốc và lớn bằng rưỡi bàn chân người thường, hẳn phải tìm khắp các cửa hàng giày, để chọn cho ảnh thứ giày "quá đại".

Vậy mà chân ảnh xâu vào, vẫn còn thừa một ngón út và nửa cái gót. Đòi ảnh sắm giày lần này là hai. Cả hai lần đều bất như ý. Lần trước, khi sắp cưới vợ, ảnh đã có mua một đôi. Vì đi không lọt, ảnh phải gác lên gác bếp, đến khi dây đàn ải đứt thì đem vứt đi. Lần này lại đi không vừa, ảnh phải bán lại cho một người làng rồi tự đem hai bàn chân lên tỉnh để thừa lấy một đôi khác. Bằng cái giá tiền gấp ba giày thường, người thợ giày mới chịu đo hai chân ảnh, để hẳn đệm cốt, lựa da, đóng cho ảnh đôi giày hợp thức. Chuyến này thì ảnh xâu lọt cả năm ngón chân, có điều nó cũng khít chặt. Ông chủ nhà tôi kể đến chỗ đó, rồi thêm:

- Không hiểu chân nó ra sao mà khi lồng vào chiếc giày, coi bộ cực kỳ ngượng nghịu, chẳng khác đứa trẻ tập đi. Bởi vậy, nó phải nghỉ việc để học đi giày, ông sang mà xem, buồn cười hết sức.

Té ra thế gian lại có hạng người gần năm chục tuổi mới học xỏ chân vào giày, có lẽ cũng là một sự kỳ dị. Nhân lúc vô sự, tôi liền đi đến nhà ảnh để coi. Hình như ảnh sợ có người vào xem, nên đã đóng cổng kín mít. Tôi gọi hồi lâu, mới thấy ảnh ra mở cổng với cái bộ mặt bẽn lẽn. Bước vào trong nhà, chẳng thấy đôi giày đâu cả, hẳn là ảnh vì xấu hổ, nên đã cất vào buồng trong. Tôi đoán như vậy, rồi thử hỏi ướm:

- Nghe nói bác tập đi giày, nên tôi sang xem. Có việc gì mà phải giấu giếm. Chúng tôi lúc mới đi giày cũng phải học đến hàng tháng ấy chứ! Bác tưởng tự nhiên mà biết đi chẳng? Cứ đem ra mà tập đi, hễ sai chỗ nào tôi sẽ bảo giúp.

Ảnh nhìn tôi bằng một bộ mặt ngờ ngác, đầy vẻ sung sướng:

- Thì ra các ông cũng phải tập ư? Tôi ngỡ là có mình tôi. Rồi ảnh đẩy cánh cửa buồng lấy đôi giày ra. Thảm hại! Đôi giày chẳng khác gì lũ tướng cướp bị bắt, mỗi chiếc có một sợi chuối buộc ở phía gót, đầu chuối còn dài lê thê. Thoáng trông tôi đã biết ngay những cái chuối ấy dùng để làm gì, liền cười và nói:

- Bác cũng tinh đấy, có chằng gót giày vào chân mình thì khi nhấc giày, nó mới khỏi rơi. Nào thử đi đi tôi xem.

Ra bộ đặc ý, ảnh bèn xâu chân vào giày và mỗi bên chân ảnh lại chằng đi, chằng lại hai ba vòng dây, giống như người ta trói con lợn vậy. Rồi ảnh đứng dậy, đồng dục chống tay vào sườn, bắt đầu cất bàn chân đi. Nhìn ảnh, tôi thấy giống hệt những bà nà dòng tiếc cái xuân xanh sắp hết, cố học đi giày cao gót để thi với bọn tân thời. Bởi vì, đôi giày của ảnh tuy đã chằng trói kiên cố, nhưng bộ giò ảnh vẫn phải rón rén rụt rè, không dám bước mạnh. Diễn quanh lòng nhà độ vài chục lần, ảnh thấy nó đã hơi quen, liền khoe:

- Thế nào, ông coi tôi đi đã được hay chưa?

Tôi cố nín cười và đáp: - Được rồi đấy! Bây giờ bác thử cởi dây mà đi xem sao! Vẫn cái nét mặt hớn hở, ảnh lại ngồi xuống, tháo hết những nút chằng buộc của giày vào chân. Rồi ảnh thử đi giày không. Quái lạ làm sao! Chân ảnh xỏ vào chiếc giày, vừa mới giơ lên, thì nó đã bắn đi xa độ hai ba thước, y như người ta đá giày đi vậy. Mấy lần ảnh nhặt giày lại, cầm tay xâu vào bàn chân và ảnh mồm môi, nghiêng răng, cố quíp cả năm ngón chân để giữ nó lại, nhưng cái đôi giày mất dạy như có thù với bàn chân ảnh, mỗi khi ảnh nhấc chân lên, nó lại bắn đi đánh phót một cái. Buồn rầu, ảnh nói bằng giọng năn nỉ:

- Ông hãy làm ơn mỗi ngày sang đây dạy tôi một lúc. Nếu mười ngày nữa mà tôi không đi được giày thì lúc vào đám, tôi đành cáo ốm nằm nhà. Ông thử hiệu không biết đi giày, thật là nhục cho cả làng.

Góc chiếu giữa đình

Trời đã quá trưa. Tôi vừa về đến nhà trọ, đã thấy người nhà ông L đã sang mời. Lần này là ba. Sáng ngày đã hai lần rồi. Trước sự ân cần như vậy, ai mà có thể từ chối. Bởi tại hôm nay nhằm kỳ bình văn, tôi phải có mặt ở trường, nên còn xin khát đến chiều. Kể ra tôi với ông không phải có thân tình gì. Vì tôi trọ học ở gần nhà ông thành ra quen ông. Người ta bảo với tôi rằng: Ông rất thật thà chăm chỉ. Trước đó chừng mười lăm năm, ông còn làm nghề cày thuê, vợ ông thì chuyên đi ở vú sữa. Cái chính sách tiết kiệm, trong một thời kỳ khá dài, đã đưa nhà ông lên đến bậc có máu mặt, lưng vốn ở nhà đã có gần mẫu ruộng và nửa con trâu. Trong mấy năm nay, vợ ông đã không còn sữa, ông cũng không được khỏe mạnh như xưa, cho nên cả hai đều tự hưu trí để cùng trông nom nhà cửa ruộng nương. Nhờ trời hồi ấy luôn luôn được mùa, vận ông lại càng tấn tới, trong chuồng lúc nào cũng có lợn lớn, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia. Trong cái hạnh phúc của loài người, ông không mong gì hơn thế, nếu như làng ông không có cái đình. Khổ vì cái làng Đ.Tr. nhà ông tuy không phải làng văn vật, nhưng mà rất có trật tự. Bao giờ cũng vậy, ngôi chỗ trong đình làng ấy cũng như ngôi chỗ ở các rạp hát, vẫn chia ra rất nhiều lô: trên nhất là chiếu phẩm hàm, rồi đến các chiếu chức dịch, trai đình phải ngồi vào lớp cuối cùng. Ông tuy ngoài năm chục tuổi, nhưng vẫn là hạng bạch đình, mỗi khi ra đình, chỉ được ngồi với bọn bố cu, bố đi. Điều đó, ông rất lấy làm bất mãn. Nhiều lần làng khuyết lý trưởng, phó lý, ông đã dóc lòng định mưu lấy chút danh phận. Chỉ vì ông không biết một thứ chữ nào, cho nên không được như nguyện. Năm nay, mái đình làng ấy có mấy chỗ dột. Dân làng cũng mong chữa lại, nhưng mà tiền công của làng chỉ vừa đủ để các hào lý đi việc quan, không còn thừa mà mua ngói. Các ông kỳ dịch liền gọi ông ra giữa đình, để bán cho ông cái chức "lý cự" lấy một trăm bạc chi tiêu vào công việc tu bổ.

Lúc đầu ông cũng phân vân, vì sợ cái của "không tân mà cựu" sẽ không được ai quý trọng. Mấy ông kỳ dịch nói rất bùi tai, họ bảo người ta bỏ hàng năm, bảy trăm, một nghìn để làm ông lý, ông phó. Đằng này, ông chỉ tốn một trăm bạc, không vất vả gì, mà rồi cũng được ngồi ngang với họ, ăn biếu ăn xén như họ. Ấy là một dịp hiếm có, không nên bỏ qua. Nghe vậy, ông cũng cho là rất có lý và đã bàn kỹ với vợ. Vợ ông cũng muốn được làm bà Cựu, nên cũng khuyên ông cố lo. Từ nửa tháng trước, ông đã bán trâu, bán ruộng, được hơn trăm bạc, để nộp cho làng. Thế là công việc mười phần đã xong chín phần, chỉ còn khao làng một bữa, thì sẽ thành danh ông Cựu. Đáng lẽ bữa khao ấy ông định hoãn đến tháng mười, đợi cho lúa gạo của nhà, đỡ phải vay mượn mất lãi. Nhưng mấy ông hương lý không nghe. Họ nói để lâu không tiện, dân làng đã vậy, còn quở thần. ừ thì cái áo còn lo được, hưởng chi cái giải! Trước một lần, sau cũng một lần, lo lúc nào thì xong lúc ấy. Ông nghĩ vậy, nên mới cố mua bát họ hơn sáu chục đồng để lo cho yên. Cứ ý bà Cựu, thì cuộc khao này chỉ cốt cho đủ lệ làng, không mời khách khứa nào cả. Ông Cựu không chịu. Bây giờ ông đã làm bậc lý cựu trong làng, không thể xử cách nhom nhem được. Bởi vậy, ông định làm thật linh đình. Nhà chật. Trừ khu bếp đun, toàn thể dinh cư chỉ có bốn gian một chái nhà tranh. Ngày thường, với gia đình ông như thế cũng là rộng. Lúc nào có việc, nó không đủ chỗ để chứa làng xóm họ mạc. Từ chiều hôm qua, ông đã sai mỗ con lợn, để nhờ bà con dựng hộ gian rạp. Bấy giờ đã nửa tháng tám, công việc ngoài đồng xong rồi, cả làng ai cũng rỗi rãi. Tôi tuy chưa sang nhà ông, cũng nghe nói số người giúp đáp đông lắm. Mẹ nào con ấy, chị nào em ấy, người ta kéo vào từng lũ. Cái anh người nhà sang mời khoe rằng:

- Bữa chiều hôm qua, tất cả năm chục mâm cỗ. Con lợn bảy yến, chỉ ăn một lượt là hết. Sáng nay ông Cựu lại cho giết ba con nữa, hai con để họ hàng ăn cơm, một con để đem lễ thờ, rồi biếu dân làng.

Và hấn nói thêm:

- Nhưng cũng chưa đủ. Chiều nay còn mời các lão và tư văn, thế nào cũng phải vài ba con nữa. Rồi hấn giục tôi:

- Rước ông sang ngay đi cho kéo ông Cự tôi lại bắt người khác sang mời. Ở bên ấy, các ông hàng tổng đương đợi ông đấy.

Anh ta nói đúng. Tôi còn lúi húi rửa mặt, đã nghe có tiếng lợn kêu eng éc tự phía ngõ ngoài đi vào. Và một lát sau lại có người nữa sang giục. Thay xong quần áo, tôi theo hai anh người nhà cùng đi. Từ cổng trở vào, bát đĩa mâm nôi la liệt bày khắp mặt đất. Trong rạp đông nghịt những người. Đám này không khác gì các đám khác, ngoài một số người tay dao tay thớt, lại có các ông chỉ chuyên thuốc phiện và tổ tôm. Tôi ngó hai dãy phản rạp thấy có ba bàn tổ tôm và bốn bàn thuốc phiện. Thì ra cái bữa thết làng tuy đã xong từ sáng ngày, nhưng mà các ông kỳ dịch vì có cảm tình với ông "Cự mới" cho nên còn lưu lại đó tất cả. Thoáng thấy bóng tôi, ông Cự chào hỏi một cách lơ lửng và mời tôi vào trong nhà ngồi với mấy người làng bên. Rồi ông trách tôi đã tẽ với ông, vì từ hôm qua đến giờ mới sang. Theo lệ tôi mở ví lấy một đồng bạc ra mừng. Ông Cự ra ý không thích và nói:

- Ông cho nhà cháu mấy chữ chả quý hơn ư? Tiền tuy cũng quý, nhưng nhà cháu còn có thể kiếm ra được. Hay là để cháu mua một đôi liễn, rồi ông viết chữ vào cho.

Tôi còn chưa kịp trả lời, thì thấy một người tát tả chạy vào báo với ông Cự:

- Tư văn đã vào! Ông Cự lật đật chạy ra ngoài rạp. Thằng Mới vừa bung vào đó một mâm cau và một bánh pháo.

Theo nó, một bọn lố nhỏ độ hai chục người tiến vào trong rạp. Sau khi đã nói vài câu chiếu lệ, ông Cự mời họ sang ngồi nhờ ở nhà lán giềng, rồi ông giục người bung cỗ sang đó. Một ông ở bàn thuốc phiện vào chỗ tôi ngồi, nói chuyện tiếp tôi:

- Ông nó lo một việc này, có lẽ cũng tốn đến hai trăm bạc. Song cũng còn may! Ông tính không làm việc ngày nào, tự nhiên thành người kỳ cựu, chễm chệng ngồi chiếu cạp điều giữa đình, há chẳng sướng sao? Vì có chúng tôi giúp cho thì việc mới xong, người khác đâu được như thế.

Uống rượu xong, tôi từ biệt ra về. Tới cổng lại thấy một lũ kéo vào. Đó là các lão trong làng vào mừng ông Cự. Cuộc linh đình còn mãi đến sáng hôm sau.

Năm hôm sau nữa, tôi gặp bà Cự cấp nón đi ra cổng làng, với một dáng điệu không vui:

- Chào ông ở nhà, cháu đi làm đây.

Và không đợi tôi hỏi, bà ấy vội vàng cắt nghĩa:

- Cháu sang Hà Nội làm vú già ông ạ. Có gần mẫu ruộng và nửa con trâu đã bán hết cả, lại còn nợ thêm hơn bảy chục đồng, nếu không đi làm thì lấy gì mà đóng họ?

Nén hương sau khi chết

Từ hôm làng bàn chữa lại tam quan đến nay, hôm nào ông chủ nhà tôi cũng bận tiếp khách, bỏ cả công việc. Thằng ở đã phải càu nhàu, bà chủ đã phải lườm nguýt, mấy con chó dè nhặng nhấc sữa không dứt tiếng. Hôm nay cũng vậy, những ông kỳ dịch hương hội vừa ra, bà lão răng móm đầu bạc đã vào. Người ta nói chuyện với nhau ở trên nhà thờ. Hình như câu chuyện cũng không cần bí mật. Biết là việc riêng của họ, tôi không có ý nghe ngóng làm gì, nhưng cái lỗ tai vô tình thỉnh thoảng lại bị lọt vào những câu như vậy:

- Sức tôi chỉ lo được thế, trăm sự nhờ ông giúp tôi.
- Tôi vẫn hết sức giúp cụ, nhưng ông Điền lễ nhất định không nghe, không lẽ tôi làm phù thủy lại hù gà nhà!

Tan một hồi tiếng to, tiếng nhỏ, bà lão lưng thưng chống gậy trở ra, ông chủ nhà tung tăng đi xuống nhà học với một nụ cười đắc chí:

- Ở nhà quê, giàu mà lép vế nghĩ cũng khổ thật ông ạ! Tôi chưa nói sao, ông ta liền hỏi:
- Chắc ông không biết bà lão mới rồi là ai? Và ông ấy lại giảng:
- Đó là bà Tư Ty, thím thằng cả Thân ở xóm dưới. Bà ta góa chồng từ thuở ngoài hai mươi tuổi. Lúc chồng chết đi, trong nhà không có hột gì. Chỉ nhờ có chiếc đòn gánh với hai bàn tay, thế mà trong mấy chục năm, bà ấy tậu được hơn bốn mẫu ruộng, làm được năm gian nhà ngói, còn tiền cho vay không kể. Làng tôi ai cũng phải phục bà ta có tài làm giàu. Vừa nói, ông ấy vừa ghé vào chỗ tôi ngồi và tiếp:
- Nhưng mà họ giàu là phải. Ông tính quanh năm khách khứa không có, sưu thuế không mất, làm gì mà chẳng giàu? Nếu mình mà được như họ, có lẽ còn giàu bằng hai. Tuy vậy giàu như bà này, cũng chỉ là cái thân tội...

Ngừng lại để về một môi thuốc lào, rồi như sợ tôi cướp lời, ông ta kể luôn một mạch:

- Bà ấy không có con trai. Lúc trước chỉ được một đứa con gái, nhưng sau nó lại chết mất. Vậy mà bà ta hà tiện rõ "vắt cổ chày ra nước". Suốt đời cơm ăn với muối, bữa nào hoang lắm mới dám mua một mớ rau. Tháng năm tháng mười cũng như tháng ba tháng tám, nếu không độn khoai, thì độn ngô, chẳng bao giờ nấu cơm toàn gạo. Những năm gạo đắt, thường chỉ ăn khoai ăn ngô trừ cơm. Thế nhưng nhiều lúc vẫn phải đi hàng trăm, hàng chục. "Là vì ông lý ông phó làng tôi, đều tay ghê gớm. Thấy bà ta có, nay người này hỏi vay vài chục, mai người kia hỏi vay vài chục. Cho họ vay, ấy là mất hút, chớ có bao giờ họ trả. Nhưng nếu không cho họ vay, họ sẽ bới bèo ra bọt, khó mà yên lành với họ.

"Bà ta cũng đã chịu khó luôn lợt. Nội các đàn anh trong làng, nhà nào có giỗ có chạp, hay có cưới xin khao khoán, dù không mời, bà ta cũng đến, với một món đồ lễ: đám nhỏ vài chai rượu, đám lớn thì vài đồng bạc. Những lúc làng có công việc, ví như chữa đình, chữa chùa chẳng hạn, bà ta đều có xuất tiền công đức, không tuân chay nào không mất nước mắt. Vậy mà các ông hào lý vẫn không tha cho, hễ gặp dịp bóp được là họ cứ bóp.

Tôi hơi ngạc nhiên và hỏi: - Bà ấy không có họ hàng nào ư? Cớ sao người ta chịu để người ngoài ăn hiếp mãi người trong họ như vậy?

- Họ hàng xa cả, chỉ có cả Thân là gần, chính nó được ăn thừa tự bà ấy. Nhưng mà thằng ấy tệ lắm, nó cũng đục khoét bà ta như một. Năm trước thua bạc, nó đã bán của bà ấy mất hơn mẫu ruộng, bà ta cũng phải cắn răng mà chịu. Nhiều lúc nó còn thông với các ông hào lý kiếm có mà xoay bà ta. Cái việc bây giờ cũng là ở nó mà ra, chứ ai!

Nói đến đây, như đã đứt mạch, ông ấy thông điều đặt thuốc, hút một hơi dài. Rồi lại tiếp tục:

- Hiện nay bà ấy đang xin đặt hậu ở làng. Việc này, kỳ thủy không phải tự ý bà ta. Vì thằng cả Thân, thấy thím còn vài mẫu ruộng và mấy gian nhà, nó muốn bán nốt, nhưng

trong làng chẳng có ai mua, hấn mới bàn với ông Điền xui cho bà ta đặt hậu, nếu việc xong, ông Điền phải chia cho nó một nửa số tiền. Ông kia bằng lòng. Nó liền về nhà tán với bà cụ thế này: đáng lẽ, sau khi bà ấy trăm tuổi, bao nhiêu gia tài sẽ về nó cả. Nhưng nó có tính chơi bời, sợ rằng không thể giữ được. Muốn cho chắc chắn, bây giờ đem một phần ruộng mà giao cho làng, sau này làng sẽ cúng giỗ cúng tết bà ấy mãi mãi. Bà ta nghe cũng bùi tai, liền bảo nó đi nói với các ông kỳ dịch xin nộp một mẫu ruộng để làm ruộng hậu, một trăm bạc để làng sung công, và sửa con lợn cỗ xôi, trước lễ thánh, sau kính làng. Một đám đặt hậu như thế, ở làng tôi kể cũng là hậu. Các ông hào lý nhận lời. Chờ đơn "ký hậu" làm xong, bà ta đã mắc vào tròng, bấy giờ họ mới giở ngón: ông Điền đòi năm chục, chánh hội, lý trưởng mỗi người đòi ba chục. Có được thế họ mới ký tên vào đơn, thì việc mới xong. Thấy thế bà ta chết ngã cổ ra, đã toan xin thôi. Nhưng họ lại dọa: nếu mà bà ấy bỏ dở việc này, ấy là bà đã đánh lừa làng, họ sẽ đệ đơn trình quan và sau khi bà ấy chết đi, làng không khiêng nữa. Bà ấy hoảng quá, không dám nói đến chuyện lòi thôi đặt hậu, chỉ xin rút bớt số tiền "nhuận bút" của các vị hào lý mà thôi. Mấy bữa nay bà ta luôn luôn đến đây là cốt nhờ tôi nói đỡ với họ. Tôi đã khuyên họ nên nghĩ phúc đức về sau, không nên bóp nặn người ta thái quá. Chánh hội, lý trưởng và các tộc biểu bằng lòng mỗi người bớt cho mười đồng, nhưng ông Điền lễ nhát định đòi đủ năm chục. Công việc nhà quê có rắc rối không? Ngoài cổng lại thấy có tiếng chó sủa, ông Điền lễ với tấm áo the quần cổ, lộc cộc chống chiếc gậy song đi vào. Xăm xăm đến cửa nhà khách, ông ta nhìn ông chủ nhà tôi và hỏi một cách tự nhiên:

- Thế nào! Lúc nãy con mẹ Tư Ty nó nói với ông ra sao? Ông chủ nhà tôi liền mời ông ta ngồi vào ghế và đáp:

- Nó vẫn chối khan chối vã là không có tiền.

- Ông cho gọi nó đến đây! Tôi sẽ liệu xoay cách khác. Vâng lệnh ông chủ, thằng nhỏ lật đặt vác gậy ra đi. Một lúc sau, bà lão Tư Ty đã đến với một dáng bộ khúm núm. Sau

khi chào ông Diễm lễ, bà ấy ngồi phệt xuống mặt thêm gạch. Ông Diễm lên giọng hách dịch:

- Tôi đòi năm chục đồng bạc, bà tưởng là đất hay sao? Nếu đất thì thôi, tôi không cần. Một người như bà, sau khi nhắm mắt, kiếm được kẻ thấp cho nén hương cũng khó lắm thay, huống chi muốn được cả làng cúng lễ. Cũng vì làng chữa tam quan, cần đến tiền tiêu, cho nên chúng tôi phải cố thu xếp cho bà. Nếu như lúc khác, bà có hàng nghìn cũng không lo nổi. Bà thử nghĩ kỹ mà xem.

Bà lão nói giọng phều phào của người móm:

- Thừa cụ, tôi không dám tiếc các cụ, chỉ vì trong nhà chưa sẵn, ruộng bán không có ai mua, đi vay không được...

Ông Diễm không để cho bà ấy nói hết lời:

- Nếu vậy thì bà gạt ruộng cho tôi cũng được. Không phải văn tự văn khế gì hết, hễ bà bằng lòng thì tôi cứ bảo chương bạ dịch sổ, rồi bà đi điền chỉ vào sổ, thế là xong.

Hình như bà lão biết mình chẳng sống ở đời bao lâu nữa, không tiếc cái của mồ hôi nước mắt làm gì, nên phải miễn cưỡng vâng lời. Cả bọn cùng giải tán.

Hôm sau, ông chủ nhà tôi vừa cười vừa nói với tôi:

- Bà Tư Ty đã phải sang sổ cho ông Diễm lễ hơn năm sào ruộng rồi đấy. Ông ấy đã ký đơn rồi, chừng vài ngày nữa bà ta sẽ phải chõng tiền hậu và giao ruộng hậu cho làng.

Hạt gạo xôi mới

Hôm nay vừa đầy tám ngày, ngày nào trong nhà ông Quyết cũng thấy họ mạc kéo đến tấp nập. Có gì đâu? ông ta phải sửa xôi mới. Với làng Th. của ông Quyết cũng như với nhiều làng khác, xôi mới vẫn là một lễ long trọng. Hễ làng chưa làm lễ ấy, các nhà không ai được ăn, hoặc cúng, hay bán thứ gì bằng nếp. Người nào phạm vào điều đó sẽ bị bắt vạ tức thì. Là vì theo tục thôn quê, nghề gì cũng có tiên sư, tiên sư của nghề làm ruộng là ông Thần nông. Muốn đền cái ơn dạy dân cấy gặt và muốn cầu cho suốt năm mưa thuận, gió hòa, hàng năm, đến mùa lúa chín, người ta phải tế ông ấy bằng ba mâm xôi bằng gạo nếp mới, ý nghĩa của lễ xôi mới là vậy. Cho được tỏ lòng thành kính đối với quý thần, làng lại bắt buộc gạo ấy phải do người làng làm ra, không được mua sẵn ở chợ, sợ rằng gạo chợ không được tinh khiết. Bởi vậy, làng đã để riêng một mẫu ruộng tốt, mỗi năm, chiếu theo ngôi thứ giao cho bốn người cấy cấy. Rồi khi gặt lúa, mỗi người phải thoi cho làng một nôi gạo xôi. Ruộng ấy, năm nay đến lượt ông Quyết được cấy một phần. Việc thờ không phải chuyện chơi.

Trước kia, mỗi lần cấy ruộng, gieo mạ, cấy lúa, làm cỏ, lần nào ông cũng phải sửa cỗ xôi con gà ra đình lễ thánh để trình công việc của mình, và lần nào ông cũng được có anh em họ hàng giúp hết mọi việc, không phải thuê mướn một buổi nào hết. Có nhiên, được người làm giúp, nhà chủ vẫn phải tốn hơn thuê người làm mướn, vì phải cung đốn bà con một bữa cơm rượu xứng đáng với hảo tâm của họ. Nhưng ở nhà quê, nếu không được thế, sẽ bị người ta chê cười, cho nên dù có phí tổn ông cũng chẳng quản. Bây giờ việc thờ đã sắp đến ngày hoàn thành, số người làm giúp lại đông gấp mấy, thời kỳ làm giúp cũng dài gấp mấy khi trước. Bắt đầu từ hôm lúa chín, bên nội, bên ngoại đã có hơn hai chục người gồng quang xách liềm ra ruộng, cắt lúa cho ông. Ấy là chưa kể những người ở nhà làm đồ uống rượu. Nhà ông có bao nhiêu ruộng cấy nếp, người ta chỉ gặt một buổi là xong. Hôm sau, họ mạc lại đến đông đủ. Lúa cắt hết rồi, còn có việc gì để người ta làm? May quá, trong giống lúa nếp, bao giờ cũng có nhiều cây lúa

nghén. Nghén là một thứ dở nếp dở tẻ, bởi khi hoa cái lúa nếp phơi màu, phần của hoa đực lúa tẻ ở các ruộng khác bay vào, rồi nó chung đực cho hạt lúa nếp pha lẫn tính chất lúa tẻ. Đến khi gieo mạ, những hạt lúa ấy mọc lên, thành cây lúa nghén. Lúa nghén thổi cơm thì nát, thổi xôi không chín, là một thứ lúa vô dụng. Vì vậy, người ta cứ phải nhặt bỏ nó đi. Cây nghén bao giờ cũng dài hơn cây lúa nếp, nhặt nó cũng không khó lắm. Ở mọi nhà, họ cứ để nguyên đồng lúa, sai lũ trẻ con rút đi một lượt là hết. Đàng này ông Quyết thừa người, việc ấy đã hóa ra việc quan trọng. Trước khi đập lúa, họ mặc mỗi người lấy vài lượm lúa đem ra ngồi khắp trong sân, vừa bới những dé lúa nghén, vừa kể chuyện cổ tích cho vui đình đám. Rồi khi nhặt hết lúa nghén, người ta chỉ cắt vài người kê cối mà đập, còn các người khác thì cùng lấy đũa kẹp vào dé lúa mà tuốt cho lúa rụng ra, không cần đập gì cả. Bởi vì, nếu ai cũng đập, việc sẽ chóng xong, họ mặc còn giúp vào đâu? Tuy vậy, bấy nhiêu công việc, cũng chỉ làm trong một ngày là xong. Qua bữa thứ ba, người ta lại cùng nhau kéo đến để giúp ông về việc phơi lúa. Lúc này, ai nấy đều muốn tỏ mình là kẻ đắc lực. Lúa đổ ra nong, người ta tranh nhau trang cào. Hạt thóc ít khi được nằm yên độ vài chục phút. Mọi nhà phơi lúa còn bị gà chim quấy nhiễu, nhà ông nhờ có họ mặc trông nom một cách tận tâm, chẳng những gà vịt không thể bạ men, mà đến con ruồi con nhặng cũng khó lai vãng trên sân lúa. Lúa phơi hai ngày thì già. Sang bữa thứ năm, bà con lại chiếu lệ kéo đến xay, giã. Bây giờ công việc đã có trật tự, người ta cắt những chàng trai khỏe mạnh đội gạo đi giã, còn các ông già, bà già thì phải ở nhà trông coi, hoặc là bỏ cau, tằm trầu, xào nấu các món ăn uống. Luôn hai ngày nay, các cối giã gạo trong xóm đều phải nhường chỗ cho hạt gạo thờ. Máy nhà gần đó luôn luôn có tiếng xì xọt. Cái chỗ tôi trọ chỉ cách nhà ông một bức rào thưa. Quang cảnh linh đình của nhà ông vẫn tự do hiện vào mắt tôi. Liên trong tám ngày, tôi thấy ngày nào vợ ông cũng phải hai lần gồng thùng đi chợ để mua đồ ăn. Mỗi bữa thường thường có bảy tám mâm uống rượu. Trong nhà không đủ chỗ ngồi, người ta phải ngồi la liệt ngoài sân. Những lúc họ mặc say sưa, tiếng cười tiếng nói vang như cái chợ.

- Việc này bác cháu cũng phải tốn đến dăm chục. Mấy anh sang già gạo nhờ ở nhà tôi trợ nói với tôi như thế khi họ nghỉ việc lên chỗ tôi ở để hút thuốc Lào.

Ngạc nhiên tôi hỏi:

- Nghe nói lệ làng chỉ có một nôi gạo xôi thôi mà! Ông ấy tiêu gì mà hết đến bấy nhiêu tiền?

Họ đáp: - Vâng! Theo lệ làng cháu, mỗi người cấy ruộng xôi mới chỉ phải nộp làng một nôi xôi. Nhưng mà việc gì cũng vậy, một "tang" mười "ngoại" là thường, có khi còn hơn thế nữa. Để cháu xin nói cho ông nghe: "Phần ruộng của làng chia cho bác cháu năm nay, tất cả là hai sào rưỡi. Nếu như gặp năm được mùa, số ruộng ấy cũng được mười lăm nôi thóc, thừa đủ để thổi xôi làng. Nhưng lỡ phải năm mất mùa, nó chỉ được một hai nôi thì làm thế nào? Vì thế, bác cháu đã phải thuê thêm hơn hai sào nữa, dự phòng chỗ hao hụt đó. Rủi cho bác cháu, năm nay tiếng rằng được mùa, nhưng mà các ruộng lúa nếp, ruộng nào cũng bị chuột ăn. Từ khi lúa mới có đồng, bác cháu đã phải đốc xuất người nhà ra ruộng đuổi chuột. Có khi bỏ con cắt canh mà thức suốt đêm ở các bờ ruộng. Vậy mà nó vẫn ăn hủy ăn hoại, mười phần mất đến chín phần, hơn bốn sào gặt về phơi già, quạt sạch, chỉ được mười ba nôi thóc, ông tính thế có hại không! Nếu là xôi thường, một nôi gạo chỉ xay độ một nôi thóc là đủ. Nhưng là xôi thờ, bác cháu phải cho xay tám nôi thóc tất cả. Bởi vì, xay rồi còn già, già rồi còn phải lựa những hạt đón, hạt gãy bỏ đi. Tám nôi thóc lấy một nôi gạo, cũng không còn thừa mấy nôi. Vả lại, từ hạt thóc làm ra hạt gạo, có phải dễ đâu? Luôn tám hôm nay, hôm nào họ mạ giúp đập cũng phải chèn chén. Chúng cháu tính ra mỗi ngày hà tiện cũng hết độ bốn đồng. Thế mà gạo đã được đâu? Còn phải già thêm hai, ba ngày nữa. Già đến khi nào hạt gạo bóng nhoáng, cám ở trong gạo trắng như vôi mới thôi!

Tôi lấy làm lạ, lại hỏi nữa:

- Lệ làng bắt phải như thế hay sao?

Họ lắc đầu nói tiếp:

- Không! Chẳng có lệ ngạch nào bắt. Chỉ vì một lớp bốn người cùng phải thổi xôi, người nào cũng sợ xôi của mình thua kém xôi của người ta, thì sẽ mang tiếng với làng, cho nên ai cũng phải cố. Trước kia làng cháu đã có lắm người chỉ sửa một "vần" xôi mới mà mất cơ nghiệp ông ạ.

Rồi họ kết luận:

- Bác cháu lo xong việc này cũng không còn gì. Hôm qua đã phải bán một cái chum đựng nước lấy tiền mua rượu. Thì ra hạt gạo xôi mới có khi là cả gia tài của người ta.

Mua cỗ

- Đấy! Bác vào nói với nhà tôi! Ông ấy có giúp được bác thì giúp. Chứ tôi bây giờ chẳng có đồng nào. Bác nói mãi cũng đến thế thôi!

Tôi đương nói chuyện với ông chủ nhà trong buồng học, những tiếng the thé bỗng tự đầu thêm đưa vào, khiến tôi và ông chủ nhà đều phải trông ra phía sân. Bà chủ nhà đương cầm cái gậy đuổi chó để dẫn một người đàn ông lạ mặt đến sân nhà học, rồi lại trở xuống nhà dưới. Với cái nón cụp gãy cạp cầm tay, người ấy khúm núm bước lên thềm và rụt rè đi vào trong nhà. Sau khi đã nâng vạt áo nâu cũ lau qua những giọt mồ hôi đọng lại trên trán, hắn đặt cái nón xuống bậc cửa và nhìn thẳng vào ông chủ nhà:

- Lạy cụ ạ! Con sang từ nãy... Nhưng tưởng là cụ có khách, nên không dám lên.

Như sợ tôi lầm người ấy là một người bạn hay một người có họ thì có hại đến danh giá của mình, ông chủ nhà vội vàng giới thiệu bằng một cách trống suông:

- Bố thằng bé ở. Tưởng là ông khách quý nào!

Rồi bằng một giọng xách mé của kẻ cả, ông ấy ngược mắt nhìn người kia.

- Anh sang hỏi gì? Vay tiền chứ!

Người ấy vẫn quanh co ở ngoài bậc cửa, vì chưa được lệnh ông chủ bảo nên chưa dám ngồi. Khi thấy ông này gạn hỏi, anh ta liền tựa vào cột và nói giọng van lơn:

- Vâng! Cháu muốn kêu cụ giúp cháu ít đồng. Vì mấy hôm nữa, cháu phải "mua cỗ" cho em thằng Tý.

Thằng Tý là một thằng nhỏ mới đến ở nhà ấy được vài tháng nay, năm nay nó mới mười bốn tuổi. Theo sự tưởng tượng của tôi lúc ấy, thì chính nó cũng chưa từng dùng

gì đến cỡ, huống chi em nó chắc còn bé nhỏ hơn nó... Thế thì người ta mua cỡ cho nó làm gì.

Tôi đương phân vân suy xét, ông chủ nhà lại ngó người kia và chối bai bãi:

- Thấy nhà tôi nói, tiền công năm nay của thằng Tý, anh đã lấy trước rồi kia mà. Bây giờ còn tiền nào nữa mà giúp?

Người ấy vẫn cố nằn nì:

- Phải, tiền công năm nay của nó, cháu đã mượn trước của cụ bà rồi. Nhưng vì làng cháu mới gọi "bán cỡ" cho thằng bé con, cháu đi vay mãi không được, cho nên lại phải sang kêu với cụ... Xin cụ nhón tay làm phúc, cho cháu lo đủ lệ làng. Nếu cụ không cứu giúp cho, có lẽ vợ chồng cháu sẽ phải bỏ làng mà đi.

Câu nói khẩn thiết của anh ta làm tôi phải cảm động. Nhân lúc ông chủ đi ra, tôi mời anh ấy vào ngồi trong phản bên cạnh và hỏi:

- Bác ở làng nào?

Anh ta đáp rất lễ phép:

- Thưa ông cháu ở C.L.

À, C.L cái làng rất cổ trong tỉnh P.A tôi đã có dịp đi tới. Thoáng nghe tên nó, như nhắc cho tôi nhớ lại mấy người quen. Sau khi hỏi thăm qua loa về cận trạng của họ, tôi bắt sang chuyện người em thằng Tý:

- Thằng cháu thứ hai nhà bác năm nay mấy tuổi? Anh ta nhanh nhẩu trả lời:

- Thưa ông, nó mới năm tuổi.

- Năm tuổi mà đã mua cỡ của làng? - Vâng ạ! Theo lệ làng cháu con trai đẻ trong một tháng thì phải vào ngôi. Hễ ai có ngôi rồi thì làng cứ việc theo sổ mà bán cỡ cho! Có đứa mới có hai tháng đã phải mua cỡ rồi, nữa là năm tuổi!

Tôi càng không hiểu anh ta nói thế nghĩa là thế nào. Cái tính hiếu kỳ bắt buộc tôi cố hỏi cho hiểu:

- Đứa trẻ hai tháng hăn chưa thể ăn được cỗ. Sao làng lại bắt chúng nó phải mua?

Anh ta bật cười, như muốn chế tôi là kẻ ngu ngốc. Rồi hăn cắt nghĩa:

- Thưa ông, gọi là mua cỗ chẳng qua nói theo tiếng của các cụ ngày xưa. Kỳ thực nào có cỗ bàn gì đâu! Số là hàng năm cứ đến thượng tuần tháng giêng làng cháu vào đám, trai đình phải cắt lượt nhau làm cỗ bung ra đình, để từ bàn trùm trở lên uống rượu nghe hát. Lệ của các cụ đặt ra thế. Nhưng đã lâu nay, làng không có nhiều của công, cho nên, mỗi khi làng cần đến tiền lại bắt những người sắp đến lượt phải làm cỗ, chồng tiền cho làng, chứ làng không lấy cỗ nữa. Vì vậy kêu là bán cỗ.

Bây giờ tôi đã hiểu bán cỗ tức là nộp tiền cho làng. Nhưng còn muốn biết rõ hơn, nên lại hỏi thêm:

- Mỗi năm làng bác dùng hết độ bao nhiêu cỗ?

Anh ta ra bộ đắc ý: - Ôèi chà! Làng cháu to lắm, tất cả đến ba nghìn suất đình. Riêng từ bàn trùm trở lên cũng có hơn bốn trăm người. Tục làng sáu người một cỗ, cứ thế mà tính hết bao nhiêu thì gọi cho đủ bấy nhiêu. Mỗi năm chừng phải bảy mươi cỗ trở ra.

Con số to khiến tôi hết sức kinh ngạc:

- Một người phải làm bấy nhiêu mâm cỗ hay bao nhiêu người?

Anh ta lắc đầu lia lịa:

- Nếu một người làm cả bấy nhiêu mâm cỗ thì có bán cả đình làng cũng không đủ. Mỗi người phải làm có năm mâm thôi, nhiều cỗ nhiều người, ít cỗ ít người!

- Nếu mua cỗ thì mỗi người phải chồng cho làng bao nhiêu? - Cái đó không nhất định. Càng nhiều tuổi càng nhiều tiền. Càng ít tuổi càng ít tiền. Bởi vì nhiều tuổi là người sắp phải làm cỗ, mà kẻ ít tuổi thì lượt "làm cỗ" còn lâu mới đến mà lại!

- Những năm bán cỗ, làng sẽ thôi uống rượu chứ? - Sao lại thôi! Bán lớp người trên thì làng gọi lớp người dưới làm cỗ; bán lớp người dưới thì gọi lớp người dưới nữa. Hễ có vào đám thì làng cứ việc đánh chén như thường.

- Nếu bán hết lượt thì làm thế nào?

- Hết lượt thì lại vất lại, chẳng bao giờ làng chịu hết người làm cỗ. Đáng lẽ mỗi người một đời chỉ phải gánh cỗ một lượt, nhưng vì có lệ "bán cỗ" thành ra có người phải mua đến bốn, năm lần. Như cháu, năm nay mới bốn mươi một tuổi đã phải mua đến bốn lượt rồi, có lẽ còn phải mua một lượt nữa.

- Những lúc thế nào thì làng có quyền bán cỗ? - Chẳng có lệ ngạch nào cả. Các ông kỳ dịch muốn bán lúc nào thì bán. Đại khái thiếu tiền việc quan, hay là chữa chùa, chữa đình chẳng hạn, thì làng gọi người mua cỗ. Nhưng cũng có khi không có việc gì, các ông kỳ dịch bảo nhau thuê thợ đào lại ngôi đình, hoặc là phá đoạn tường này xây đoạn tường khác để lấy cơ mà bán cỗ. Bởi vì số tiền của người mua cỗ đem nộp, các ông ấy lại tiêu với nhau, trai đình biết đấy là đâu? Nhiều người đã định bưng không chịu mua, nhưng không mua thì họ bắt phải làm cỗ, cũng chết, thì thà mua cho rảnh.

- Thế sao trai làng không kiện?

- Năm xưa cũng đã có người kiện rồi. Nhưng không đỗ. Vì bọn kỳ dịch có tiền. Mà nào họ có mất gì của nhà họ đâu? Tiêu hết bao nhiêu họ cứ đi vay, xong việc, họ lại bán cỗ mà trả. Chẳng những họ không lỗ vốn, có khi còn được lãi nữa. Bởi vậy, họ đã bán cỗ cho ai, người ấy nhất định phải mua. Không mua họ bảo là người thiếu đống, thiếu góp với làng rồi họ sổ ngôi. Nghe đến câu đó, tôi rất phục cái thủ đoạn của mấy ông kỳ dịch làng ấy. Có lẽ họ không thua gì những nhà chính trị đại gia.

Tôi còn đương muốn hỏi gì thêm thì ông chủ nhà vừa ở ngoài sân đi vào. Người cha thằng Tý bỏ tôi, để quay ra van lạy ông ấy lấy tiền mua cỗ cho thằng con út.

Con gà thờ

Ở làng V.Đ. Ông chủ nhà trọ của tôi đáng lẽ cũng là bậc sượng. Dầu không là tay cự phú, trong nhà cũng có gần sáu mẫu ruộng, một con trâu cái, một con lợn nái, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia, tiền bạc tiêu đâu sẵn đó, nếu chỉ bảy tám chục đồng trở lại, dù là việc bất thành linh, cũng không phải vay của ai. Gia đình lại rất đề huề. Trên thì bà mẹ gần tám mươi tuổi, vẫn còn sáng suốt, tinh táo, không lòa không điếc, cũng không lẫn lộn, dưới thì đàn con sáu đứa, trai có, gái có, đứa nào cũng ngoan ngoãn dễ bảo. Cái cô con gái đầu lòng mới mười lăm tuổi mà đã bốn năm ông tổng, ông bá muốn hỏi cho con. Bà vợ ông ấy chưa nhận lời ai, sợ rằng gả chồng cho cô này, công việc đồng áng sẽ không đủ người coi sóc. Tuy cũng là nhà làm ruộng, nhưng mà quanh năm chí tối, ông ấy không hề phải đặt cái cày lên vai. Cho đến những lúc sớm cày, mạ úa, người ta đánh nhau vỡ đầu vì tranh nhau cái bầu tát nước, ông ấy cũng chỉ đứng đỉnh ra đồng với cái cuốc bỏ xem chỗ nào còn nước, chỗ nào hết nước, đâu nên cày trước, đâu nên cày sau, và anh thợ cày có chịu làm việc, hay chỉ ngồi hàng ngồi quán. Ấy đó, công việc ông ấy đại khái có vậy. Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách. Quan bắt phiên, dân bắt nhiều, suốt năm lúc nào cũng ung dung. Nhưng mấy tháng gần đây, ông ấy lại rất vất vả. Chỉ vì có hai con gà. Năm đó ông ta chẳng đã năm mươi nhăm tuổi à? Theo tục làng đó, đàn ông năm mươi sáu tuổi mới lên lão làng. Nhưng từ ba mươi tháng một cái năm năm mươi nhăm tuổi, đã phải sửa một cỗ xôi và một con gà để đem ra đình lễ thần, rồi biếu dân. Cỗ xôi không quan hệ lắm, miễn được gạo trắng và dẻo, đóng vào đầy một chiếc quả "phù trang" của làng. Duá có con gà thì hơi cầu kỳ một chút. Nó phải là thứ gà sống mã đỏ, chân vàng, vạt lông và lược chín rồi, còn đủ bốn cân. Lệ làng định rõ như thế. Thế nhưng ít ai chịu giữ đúng lệ. Người ta đua nhau tự tăng số cân ấy lên, ít nhất cũng là năm cân, nhiều thì có khi sáu cân, bảy cân, hễ gà càng lớn bao nhiêu, ông chủ càng được dân làng kính trọng bấy nhiêu. Nghe nói từ đời Thiệu Trị, Tự Đức chi đó, có ông lão nuôi được con gà nặng bảy cân rưỡi, đến nay cả làng vẫn

còn ca tụng. Họ bảo ông đó hết lòng thành kính đối với quỷ thần, nhờ có quỷ thần phù hộ, cho nên gà của ông ta mới lớn như vậy. Dù chẳng dám mong nổi gót được ông cụ ấy, nhưng ông chủ nhà trọ của tôi cũng vẫn quả quyết không chịu thua ai trong hội gần đây. Hồi cuối năm kia, nghe nói ở dưới làng Hồ có giống gà tốt, ông ấy muốn mua, đã phải thân hành đến nơi để được tự mình kén chọn. Sau mười mấy ngày lặn lội ở vùng Hồ, ông ấy vui mừng trở về với hai con gà con nhót trong một chiếc lồng khiêu. Đôi gà mới lạ làm sao! Nó lớn bằng con chim câu và trọc lông lóc như đầu ông sư. Từ cổ đến đuôi toàn là thứ thịt đỏ hỏn, lơ thơ điểm ít sợi lông tơ. Mỗi con ở hai vút cánh, đều có hai cái lông cánh lớn bằng vảy ốc và cong vênh lên như miếng cau khô để ngựa. Ông ấy bảo với tôi rằng:

- Những nhà hà tiện thường chỉ nuôi có một con. Bởi vì lệ làng chỉ có một con. Nhưng mà con gà độ bốn, năm cân, tất nhiên phải nuôi trong khoảng hai năm trở ra. Giả sử nuôi đến nửa chừng, chẳng may nó chết, thì không thể nào mua đâu được nữa. Bởi vậy, tôi phải mua phòng hai con. Nhờ giờ nếu nó còn cả, thì một con lễ đình, còn một con nữa tôi đem lễ chùa, chứ không dám bán mà cũng không dám ăn. Vì rằng mình đã thành tâm nuôi về việc thờ, nếu đem bán hay để ăn ấy là đắc tội với quỷ thần.

Tiếp đó ông ấy lại khoe:

- Đôi gà này nếu đem bán chợ, chẳng qua độ bốn năm hào một con. Họ thấy mình chuốc, nên họ bóp mắt, bóp mũi. Tôi phải trả một đồng một con, họ mới chịu bán. Tuy vậy, kẻ cũng không đắt. Giống gà này quý lắm. Nó mới bỏ mẹ mà đã lớn bằng bảy nhiều. Nếu khéo nuôi, sau này có thể lớn bằng con ngỗng.

Luôn bữa đó, ông ta sửa lễ ra đình để trình với "đức thượng đẳng" là mình đã mua được gà, rồi đem cả đôi quý vật thả vào nếp chuồng ở đầu nhà trên. Chuồng ấy, ông làm riêng để nhốt gà thờ, cũng mới hoàn thành độ một tháng trước. Cửa chuồng ngoảnh về phía nam. Gậm chuồng xây gạch làm bức tường con, để giữ rắn, chuột. Quanh chuồng lại có bốn bức rào bằng phen nứa, ngăn hẳn khu đất đầu nhà thành cái vườn vuông, để làm chỗ cho gà ăn... chơi. Ròng rã gần hai năm nay, những việc lấy nước cho gà uống,

tung thóc cho gà ăn và sớm mai mở cửa cho gà ra vườn, chiều tối bắt câu cho gà lên chuồng, đều do tự tay ông ấy làm lấy, không dám giao cho người nào, vì sợ người khác làm không cẩn thận. Trừ ra cái việc hai ngày một lần múc nước, quét rửa chuồng gà thì anh thợ cày được thay. Hồi cuối năm ngoái, một trận gió bắc nổi lên giữa khi âm áp, đã gây cho làng V.Đ. cái nạn gà toi. Ông ấy lập tức sai vợ sửa cái sỏ lợn và một mâm xôi làm lễ ra đình, để cúng các đấng "bộ hạ", khẩn ngài phù hộ cho gà của mình. Sau đó, bao nhiêu gà của làng ấy chết hết. Riêng đôi gà này vẫn được mạnh khỏe như thường. Ông ấy cho là các đấng "bộ hạ" thiêng lắm. Đúng như ông ấy ước mong. Đôi gà mỗi ngày mỗi thấy chóng lớn như thổi. Trong hơn một năm nó đã xù xù như hai con công. Lông đẹp, cánh đẹp; óng chân bóng nhoáng như ngà, tiếng gáy ò ò như tiếng còi tàu thủy. Nhưng cả hai con đều gầy như hạc. Ông ấy cắt nghĩa như vậy:

- Cái phép nuôi gà cũng như nuôi lợn, lúc nó còn non, phải hãm cho nó đừng béo, thì nó mới lớn. Nếu khi nó còn đang lớn mà đã béo rồi, ấy là nó sẽ không lớn được nữa.

Thế rồi bắt đầu từ cuối tháng tám, cái tháng cách ngày "lễ thờ" độ một trăm ngày, công việc nuôi gà của ông ta bỗng thấy thay đổi khác hẳn.

Khu vườn của gà không dùng đến nữa. Sớm ra, ông ấy bắt gà ở chuồng xuống lồng, tối đến ông ấy bắt gà ở lồng lên chuồng. Trong tháng đầu, đồ ăn của gà đã xen thêm ngô, mỗi ngày bốn bữa, hai bữa ngô và hai bữa thóc. Từ tháng hai trở đi, hai món ấy đều bị bãi cả, ông ta cho gà ăn cám. Lúc đầu còn là cám nấu với gạo đổ vào chậu sành để gà tự mổ. Hình như nó cũng thấy ngấy không ăn được nhiều, nên sau lại phải dùng theo phương pháp bào chế. Ông ta luyện cám như luyện thuốc tể và đem viên lại mỗi viên lớn độ bằng đầu ngón tay. Đến bữa ông ấy ngâm nước trong miệng, rồi ôm con gà vào lồng, một tay vành hai mỏ gà, một tay ấn viên cám vào. Sau khi đã mớm cho nó hớp nước, ông ta sẽ lấy tay vuốt vào cổ nó, để cho viên cám từ từ trôi xuống dưới điều, mới lại bón tiếp viên khác. Mỗi con gà, mỗi bữa độ vài chục viên, mỗi ngày độ chín mười bữa, đều do ông ta tự làm, chứ không khiến ai. Thành ra suốt ngày, ông ấy chỉ quanh vào hai con gà mà không lúc nào được nghỉ. Giữa lúc công việc tui bụi, bà mẹ

ông ta lại bị ốm nặng, cả ngày chỉ nằm trên giường và rên hừ hừ. Tuy vậy, những việc cơm cháo thuốc men cho bà cụ, ông ta giao mặc vợ con, vì mình không có thì giờ trông đến. Bà cụ hình như cũng biết thân mình không quan hệ bằng hai con gà, cho nên, mỗi khi thấy cháu gọi con lên buồng xem bà làm sao, bà ấy lại gạt ngay đi.

- Việc thờ không thể nói chơi. Cứ để thầy mày trông nom cho gà. Gọi lên làm gì!

Hôm ấy nhân bữa 25 tháng một. Theo lệ mọi ngày, ông chủ nhà trọ của tôi vừa ở trên giường xuống đất, mắt nhắm mắt mở, chạy luôn ngay ra trước chuồng gà để rước gà ra. Quái lạ! Làm sao hôm nay một trong đôi gà có vẻ khác thường! Thả vào trong lồng, nó cứ rụt cổ mà đứng lù lù. Nhắc cái lồng ra, nó cũng không buồn cựa quậy. Hoảng quá! Ông ấy vội bắt nó lên, để xem là chứng bệnh gì. Chung quanh thân thể không thấy vết tích gì hết. Riêng có cái điều cứng rắn và lớn chần chần như một quả bưởi. Vừa ôm con gà, ông ấy vừa gọi mọi người nhà bùng rở cám ra để mình bón thử cho nó mấy viên. Nhưng mà nó không chịu nuốt, viên cám ấn vào trong mỏ, nó lại lắc đầu lắc cổ cho bật ra. Với vẻ mặt không còn sắc máu, ông ấy hằm hằm chạy xuống nhà khách sau khi thả con gà ấy vào lồng của nó. Rồi cơn thịnh nộ theo sự lo sợ nổi lên, ông ta bỏ cả cơm nước, gắt vợ, gắt con luôn miệng. Bởi vì, theo ý ông ấy, con gà bị bệnh là do vợ con ông ta đều không thành kính mà ra.

- Đã bảo không được gọi "người" là "gà", cả nhà không đứa nào nghe! Bây giờ còn năm hôm nữa thì được sửa lễ, nếu như "người" có làm sao, chúng bay còn khổ với ông! Ông thì tổng cổ mẹ con nhà mày!

Cứ một câu ấy, ông ta nhắc đi nhắc lại đến mấy chục lượt. Các con đều phải nem nép không dám ho he. Hình như chúng cũng tự biết gọi gà là "gà" chính là một cái tội lớn. Cho được chuộc lại cái lỗi ngạo mạn với gà, một lần nữa bà vợ ông ta lại phải đi chợ mua đồ cúng các bộ hạ của "đức thượng đẳng". Trước khi đi, bà ấy dặn anh thợ cày ở nhà già gừng hòa với rượu tẩy uế chuồng gà cho kỹ. Vì sợ chuồng không trai khiết, cho nên sinh ra thế chẳng. Tin tức truyền đi mới chóng làm sao! Bà này mới ra khỏi nhà độ mười lăm phút, họ hàng làng nước kéo đến hỏi thăm rất đông. Người nào, người ấy nét

mặt ngơ ngác, giống như đứng trước một tai nạn lớn của người ruột thịt. Giữa khi ấy, bà mẹ ông chủ nhà tôi ở nhà trên lại nổi cơn bệnh. Ngồi ở nhà dưới cũng nghe tiếng rên và tiếng "ôi chao". Nhưng không ai nhắc đến bà cụ. Người ta chỉ hỏi chứng bệnh con gà. Có người bày cho ông ấy nên dùng tỏi tươi giã nhỏ mà bón cho nó. Ông ta nhất định không nghe, cho rằng tỏi tươi là vật ứ tập, nếu cho gà ăn, nó sẽ ứ tập lây đến gà. Và chẳng, bà vợ ông ấy đã đi mua đồ cúng rồi, nếu lại chữa thuốc cho gà, thì ra mình không tin ở quỷ thần nữa ư! Phải cứ thành tâm tin ở quỷ thần, hễ ngài vuốt ve đi cho thì nó khắc khỏi. Ông ta đáp lại họ mạc làng nước như vậy. Nhưng mà ông ta đã bị thất vọng. Bữa trưa hôm ấy, sau khi bà vợ ở chợ về nhà, đồ lễ đã được sửa soạn một cách hỏa tốc, ông ta liền tự tay ra đình lễ bái và cầu khẩn thiết tha, vậy mà bệnh tình của gà chẳng những không chút thuyên giảm, lại còn trầm trọng hơn nữa. Sáng ngày nó còn chịu đựng và chịu mở mắt, bây giờ thì chỉ nằm phục dưới đất, hai mắt nhắm nghiền, nước mũi chảy ra rành rạch.

Cả nhà đều luống cuống chỉ lo còn con gà nữa lại mắc bệnh nốt. Cực chẳng đã, ông ấy phải dùng bài thuốc của người ta mách lúc nãy. Thì ra con gà đã mắc phải bệnh thương thực. Bởi tại hôm trước ông ta nhồi cám cho nó quá nhiều, tiêu hóa không kịp, điều nó trương lên. Từ lúc được ít tỏi tươi vào miệng, giúp sức cho sự tiêu hóa, hình như trong mình nó đã thấy dễ chịu, cho nên thỉnh thoảng nó đã đứng dậy, đôi mắt có lúc mở to. Đến chiều hôm ấy, nó đã nhỏ nhẻ mổ vài hạt gạo. Và sáng hôm sau thì nó ăn uống như thường. Trong nhà lúc ấy vui vẻ như tết. Ông ấy lại sửa lễ ra đình để tạ các vị bộ hạ của "đức thượng đẳng". Thấm thoát đến ngày 29 tháng một. Sáng sớm hôm ấy, sau khi ra chuồng thăm gà, ông ta liền sai người nhà quét dọn suốt cả nhà trên nhà dưới, rồi đi gánh nước đổ thêm vào bể. Gần trưa, họ mạc làng xóm kéo đến tấp nập. Người ta chia nhau mỗi người đi làm mỗi việc. Bà này rửa bát, bà kia rửa nồi, ông này kê bàn, ông kia kê phản, năm bảy ông khác vào chuồng bắt lợn làm thịt. Chừng đến quá trưa, con lợn bị giết đã thành ra mấy chục mâm dấm ghém, la liệt bày khắp cả mấy tòa nhà. Họ hàng ăn xong bữa ấy, mặt trời đã xế về tây. Bảy giờ người ta bắt đầu lo đến việc thờ. Những người làm giúp lúc này chia làm hai đội. Một đội sắp sửa quang gánh gánh mấy

thúng gạo ra giếng để vo, vì sợ vo bằng nước bề hột gạo xám đi, sau này xôi sẽ không trắng. Còn một đội nữa thì đi đun nước để làm lông gà. Gần tối, đôi gà đã vặt lông xong. Con nào con ấy màu da trắng nõn. Cả họ đều khen là béo là lớn. Sau khi mấy anh con trai dùng díp nhỏ râu nhỏ hết những sợi lông tơ ở đầu ở cổ, ở quanh hai mỏ đôi gà, ông chủ nhà tôi quyết định để con bị ốm hôm nọ lễ chùa, còn con không ốm thì đem lễ đình, và tươi cười nói với mấy ông nhiều tuổi trong họ:

- Công việc nuôi gà của tôi thế là xong rồi. Bây giờ còn việc luộc gà xin mặc các cụ. Nếu luộc được khéo, cả họ nhà ta sẽ được tiếng khen. ạ hay! Luộc gà chẳng qua đến bỏ vào nước mà đun là cùng, có sao ông này lại nói vậy? Hay là trong cái việc ấy ở đây còn có bí quyết gì chẳng? Tôi đương tự hỏi như vậy thì một ông già trong đám đồng dạc đáp ông chủ tôi:

- Cái đó, cụ cứ yên tâm, chúng ta sẽ bắt anh em làm cho thật khéo.

Rồi thì ông đó ngoảnh lại gọi bọn ít tuổi: - Ai biết chẳng gà thì đem gà ra chẳng đi. Sau một tiếng dạ rất gọn, mấy anh con trai linh lợi bụng hai con gà đặt vào hai chiếc mâm đồng và để lên một cái bàn kê ở gian giữa. Rồi một người khác đem đến cho họ một bó thanh tre và một cuộn dây gai. Dùng tre làm cột và dây cuốn ngoài, họ buộc cho hai con gà ngồng cổ, giương cánh, đứng trên mặt mâm. Rồi họ lấy những ruột non, ruột già và bộ dạ dày của nó chẳng từ đâu mổ quặt sang hai cánh làm cho con gà thành ra cái hình con phượng ngậm bức cuộn thư.

Cả đám xúm lại ngắm nghía, ai nấy đều cho là được. Bấy giờ họ mới giục nhau đun nước luộc gà.

Mỗi con gà đó, từ cổ đến chân có thể cao đến gần hai thước, hai cánh của nó cũng phải đến hơn một thước, tôi không hiểu rằng luộc vào nồi nào cho vừa, nhưng vẫn yên lặng để xem họ làm ra sao. Luôn trong một lúc thấy họ bắc bếp đến sáu chiếc nồi ba mươi, nồi nào nước cũng gần đến miệng. Nửa đêm, cả sáu nồi nước đều sôi. Người ta liền bung cả hai mâm gà xuống đó. Dưới hai ngọn đèn hai dây sáng như ban ngày, năm sáu

cái gáo chĩa vào các nồi mức nước giội từ đầu gà trở xuống. Và cứ giội luôn như thế không lúc nào ngơi, hết nồi nước ấy, họ lại nấu nồi nước khác, trong bếp không lúc nào không sẵn nước sôi. Giội đến gần sáng thì gà vừa chín. Té ra cái kiểu luộc gà của họ là vậy. Chờ cho đôi gà đều nguội, họ cởi hết các dây chằng, đặt vào trong giữa mâm xôi rồi đem ra đình và đưa lên chùa. Lễ xong, con gà của ông chủ nhà tôi cân được 7 cân. Ông ấy sung sướng bảo tôi:

- Đồi như thế là mãn nguyện!

Cổ oăn tuần sóc

Hơn một năm nay, cả làng M.H. ai cũng ái ngại cho ông Linh Phúc. Nào phải là người ăn hoang làm biếng cho cam, ông ấy rất tần tiện và chịu khó làm việc, cả đời không dám tiêu hoang một xu, cả năm không hề chơi không nửa ngày. Trước kia còn vợ, vợ làm, chồng làm, tuy không thừa thãi, nhưng không đến nỗi phải đi vay. Từ đầu năm ngoái, bà Phúc "về với tổ tiên" sau nửa năm nằm liệt với bệnh hậu sản, mấy sào tư điền bán hết, vẫn chưa trang xong số tiền thuốc và tiền ma chay, ông ấy mới mang công mắc nợ. Kể ra số nợ của ông ấy vay cũng không lấy gì làm to. Nhưng ở thôn quê, cái giống nợ lãi nó đẻ dữ lắm; một năm, một đồng thành hai, còn là hạng thường, hơn nữa, có khi một đồng thành gần ba đồng. Chỉ nuôi báo cô vài chục bạc nợ, hai bàn tay trắng của ông ta cũng đủ nhọc rồi, huống chi dưới nách lại vướng năm đứa con mọn, đứa bé còn bú, đứa nhón mới mười bốn tuổi. Cái thân gà sống mỗ xỏ, phỏng kiếm làm sao cho chúng đủ no. Sau khi bà vợ mỗ yên mả đẹp, ông ấy đã phải dứt tình cây người nuôi giúp đứa nhỏ và cho đứa lớn đi ở không công. Trong nhà chỉ để lại ba đứa nhỏ. Bây giờ trong cái gia đình một bố ba con, hoàn toàn trông vào một chiếc đòn gánh. Quê quán ông ta chẳng gần với chợ Xa à? Hàng ngày, trời nóng cũng như trời lạnh, trời nắng cũng như trời mưa, sáng ra, sau khi thổi nấu cho các con ăn, ông ấy liền vác luôn chiếc đòn gánh xuống làng T.B. gánh thuê cho mụ hàng cháo một gánh "cháo đúc" lên thẳng chợ Xa, chiều đến, lại từ chợ Xa đải về bên đò Đ.C. cho bọn B.Đ. một gánh lá trầu hoặc các hàng vặt. Đường đi cũng không xa xôi cho lắm, chuyển đi chừng năm cây số, chuyển về độ sáu cây số. Mỗi ngày chỉ chạy mười một cây số, kể còn nhàn hạ gấp trăm phu xe. Vả lại, gánh hàng của mụ hàng cháo chỉ có nồi cháo và thúng bánh đúc, trọng lượng độ vài chục cân, với sức ông ấy, cái sức quen theo chân trâu của người lực điền, kể cũng chẳng thấm vào đâu. Độc địa là gánh hàng cho bọn B.Đ. Hình như với ông Phúc, mấy mụ B.Đ. vẫn có mối thù tiền kiếp, cho nên, hễ đã thuê đến ông

ta gánh đưa, họ liền rủ nhau đòn hai ba gánh làm một. Cái thúng của họ xếp trong quang, ít khi để cho chiếc quang có chỗ bỏ trống.

Ai bảo xương cứng, tôi xin nhất định cái là xương dẻo. Bởi vì mắt tôi đã thấy cái lúc ông Phúc xoay tròn trùng trục để cho bên vai đỡ chiếc đòn gánh đeo những thúng hàng của bọn B.Đ. thì cái xương vai cong lõm hẳn xuống, chẳng khác một chiếc vòng cung để ngựa. Kịu kịt trên vai ông ấy, cái đòn gánh luôn luôn co lên, éo xuống như con cá mè giẫy cựa. Mỗi khi đầu đòn gánh lướt xuống, ấy là mỗi lần cái vai ông ấy lệch đi, cái cổ ông ấy rút lại, cái mồm ông ấy nhàn ra, cái sườn ông ấy nghiêng sang một bên. Vậy mà đôi chân ông ấy vẫn cứ nhon nhón bước rảo để đưa cái đầu cung cức cúi xuống đằng trước, y như con cuốc lội trong ruộng lúa. Người ta bảo như vậy không phải là khỏe. Chỉ vì gánh nặng nên phải đi thật nhanh, nếu đi chậm, có khi sẽ bị ngã gục xuống đất. Xưa kia nghe người nhà quê mỉa nhau "vai u thịt bắp", tôi vẫn không hiểu là gì. Bây giờ được thấy chân tướng cái vai ông Phúc, tôi mới biết nó là một tiếng tả thực. Trời ơi, đôi vai mới lạ làm sao! Nó giống hệt lưng con lạc đà, mỗi bên có một cái bướu lớn chừng bằng quả soài tượng. Cố nhiên hai cái bướu ấy cũng đều bằng thịt. Nhưng nó là thứ thịt cứng rắn, ấn không thấy lõm, bấm không thấy đau, màu da xù xì và mốc thềch như da trăn gió. Ông Phúc gọi nó là thịt thành chai và kể với tôi:

- Hồi tôi còn đi cày ruộng, hai vai cũng vẫn nhẵn nhụi như vai các ông. Từ khi bắt đầu xoay sang cái nghề gánh mướn, vì chiếc đòn gánh đè xuống nặng quá, thớ thịt đầu phải giập nát vì sưng u lên, lúc ấy đặt chiếc đòn gánh lên vai, người tôi thấy buốt từ đầu đến gót, tưởng như chết điếng đi được. Vậy mà tôi cứ phải gánh -nếu không gánh thì lấy gì nuôi các cháu -gánh đi độ vài thôi đường rồi nó ê đi, không thấy đau nữa. Tôi tưởng thế nào nó cũng nung mủ.

Nhưng mà không, nó cứ việc sưng, tôi cứ việc gánh, trong vài bốn ngày, chỗ sưng đét đi và lớp da ngoài dần dần dày lên, thành ra hai cái bướu đó. Bây giờ hai cái bướu ấy rất có ích lợi cho tôi. Là vì nhờ nó ngăn đệm ở giữa, chiếc đòn gánh không thể tì sát đến xương, nên dù gánh nặng đến đâu cũng vậy, chỉ mỗi ống chân và mỗi xương sống,

chứ không bao giờ đau vai. Tôi hỏi đi gánh như thế mỗi ngày ước chừng được bao nhiêu tiền. Ông ta lắc đầu và đáp:

- Nào có được là mấy nổi! Gánh cháo chỉ ba bốn xu, còn gánh lá trâu, ngày nắng bóng đất họ mới trả cho hào hai, hôm nào mát trời chỉ được độ tám chín xu.

Thế là mỗi ngày ông ấy kiếm được chừng mười lăm xu.

Bấy giờ vật giá còn hạ, với số tiền ấy, ông ta cũng đủ mua ngô, mua khoai để nuôi năm cái dạ dày, tuy mỗi ngày vẫn phải bớt ra mấy xu để góp lại mà trả lãi tháng cho người chủ nợ. Giả như ông ta còn là hạng trai trong làng thì thôi, như thế cũng đủ để sống mà chờ đàn con khôn lớn. Chết vì đầu năm đến giờ, ông ta lại mới lên ngôi "ông trùm". Với thôn quê, ông trùm là hạng đàn anh chiếu theo ngôi thứ mà thăng, không phải chạy chọt gì cả. Số ngạch ông trùm không có nhất định, nhiều ít tùy theo tục làng. Thuở xưa, ông trùm tức là những người hợp với lý trưởng chủ trương tất cả việc làm. Từ ngày thôn quê có cuộc cải lương, quyền của ông trùm chỉ còn trong việc lễ bái, nhưng cũng vẫn tiếng là hạng đàn anh. Ở làng M.H. tất cả có hai mươi bốn ông trùm. Lên trùm tuy không phải khao dân làng, nhưng hàng năm cả hai mươi bốn ông ấy phải chia lượt nhau mà sửa oản chuối cúng thần trong hai ngày rằm và mừng một của mỗi tháng, người ta gọi chung là lễ "sóc vọng". Vừa "vọng", vừa "sóc" mỗi năm có hai mươi bốn kỳ, đáng lẽ mỗi người chỉ gánh một lần là đủ. Nhưng mà theo lệ làng này, số oản mỗi kỳ cúng rồi, phải chia khắp từ già lão xuống đến bàn nhất và các chức dịch, mỗi người một chiếc. Nghĩa là phải hơn

trăm chiếc mới đủ. Như vậy, mỗi người sửa riêng một kỳ, e rằng nặng quá, người ta mới định mỗi kỳ hai người. Bởi vậy mỗi người một năm mới phải gánh lễ vọng hai lần. Ông Phúc là rớt "bàn trùm", lượt oản thứ nhất ông ấy phải sửa vào ngày mùng một tháng sáu. Tôi tuy không phải là người làng M.H. nhưng đến trọ học ở làng ấy và nhà trọ tôi lại ở gần nhà ông ta. Từ khoảng trung tuần tháng năm, trong lúc lật đật đi vay tiền sưu, tôi thấy ông ấy đã lo đến cái lễ "sóc" nó đương sắp tới sau lưng. Rồi đến hai mươi tháng năm, suốt đêm trời mưa tầm tã, gió tây nổi lên ùng ùng. Sáng ra, gió im,

mưa tạnh tôi qua trước nhà ông ấy, đương thấy ông ta hùng dũng đứng trên mái nhà, bốc những rạ lợp ném mãi xuống đất. Tưởng là hôm qua nhà bị gió "chốc", tôi hỏi bằng giọng chia buồn:

- Ông lợp lại nhà đấy ư? Trận gió ban đêm tai hại lắm nhỉ!

Ông ta uể oải trả lời: - Không! Nhà tôi có bị "chốc" đâu, mà phải lợp lại! Tôi dỡ đi đây!

Rồi, như hiểu sự ngạc nhiên ở trong đầu tôi, ông ấy nói tiếp:

- Tuần sóc tháng sáu đến lượt tôi phải sửa oản ra thờ, nhà không sẵn, vay không ai tin, tôi đành dỡ hai gian nhà làm củi để bán lấy tiền mua gạo. Đáng lẽ tôi định để vài bữa nữa mới dỡ, nhưng vì thấy trời mưa dầm, chắc là củi đất, nên mới dỡ từ hôm nay. Thôi thì túng kiết quanh năm, hãy cho qua cái lúc này. Bao giờ trời cho mở mặt, bấy giờ lại làm nhà khác. Vả lại, có bốn bố con, ở vào hai gian một chái cũng còn vừa chán.

Vừa nói, ông ấy vừa dùng cái cửa xi xoẹt cửa đứt cây tre "cái nóc", rồi rút nó ra và quăng xuống đất một cách giận dữ. Dưới nhà nôi niêu, thúng mủng, bát đĩa, rổ rá, lồng chông ở gian bên kia. Ba đứa bé con to vo ôm nhau ngồi trên chiếc giường đầy những rác cặn. Tối ba mươi, vào khoảng nửa đêm, tôi tình cờ lại đi qua cửa nhà ấy. Bấy giờ cái đầu nhà bị phá hai gian vẫn còn bỏ trống chưa có bức vách. Nhưng mà trong nhà đèn thấp sáng choang. Lố nhố dưới bóng đèn, tôi thấy độ hai chục người chia làm bốn tốp, vây quanh bốn chiếc mâm gỗ đầy những thịt đậu đặt trên chiếc chiếu sạm sạp trải ở mặt đất. Tiếng cười tiếng nói vui như ngày tết. Người ta khen ông Phúc hết lòng lo việc thờ. Người ta bảo ông Phúc phá nhà bán củi, thật là một người tháo vát. Người ta tán dương oản của ông ấy tốt và chuỗi của ông ấy mẫm. Rồi người ta thúc bách ông ấy đi mua lấy chai rượu nữa. Ba đứa bé con vẫn rau rầu ngồi ở đầu thềm hình như chúng thiếu chỗ ngủ. Sáng mai ông Phúc gặp tôi liền phô:

- Thế mà đêm qua nhà tôi cũng hết năm chai rượu và hơn đồng bạc rau đậu, ông ạ. Cái nhà phá ra, bán cả tre, rạ được bốn đồng rưỡi. Mua gạo, mua chuỗi hết non hai đồng,

còn hơn hai đồng chỉ vào bữa chén không đủ. Khôn nạn, tôi có muốn tồn làm gì. Bà con có lòng chạy đến, không thể không được.

Tôi hỏi:

- Bao giờ ông lại sửa tuấn sóc thứ hai?

Một tiệc ăn vạ

Hôm ấy nhằm phiên chợ Đình, cái chợ mà cả làng Đ.G. đều sống về nó. Tôi đi đến đầu làng ấy giữa lúc người làng đi chợ đương đông. Quái lạ! Làm sao hôm nay không có đàn ông, trên đường rất những đàn bà. Kẻ gồng rau, người gánh gạo, bà này gồng chiếc lồng lợn, bà kia quẩy đôi lồng gà, hết lũ dài đến lũ ngắn, người ta tiếng to tiếng nhỏ, nhao nhao nói chuyện với nhau.

- Khốn nạn! Trông thấy tình cảnh ông Sửu mà tôi thương quá. Hôm qua đến giờ, bà vợ lúc nào nét mặt cũng ủ rầu rầu, ông chồng chỉ nằm thõ dài, có lúc đấm mãi hai tay vào ngực, hàm răng nghiến lại kèn kẹt...

Bà ấy còn định nói nữa, nhưng bị bà khác cướp lời:

- Tôi cũng ái ngại cho ông ấy. Tội nghiệp! Cả vợ lẫn chồng ai cũng hiền lành biết điều, thật thà như đếm. Không hiểu có gì lại bị nhiều người ghét bỏ đến thế? Phen này không khéo hết cả cơ nghiệp!

Một bà thứ ba nói xen: - Các bà là bậc nhân đức từ bi, các bà cứ thương ông ấy. Riêng tôi, tôi chẳng thương một chút nào!... Anh em ít, cánh vế không có, thế mà vẫn không biết thân, lại còn cứ bướng, thì ai người ta để cho yên lành!

Lại một bà nữa tiếp theo:

- Phải, bà nói phải đấy! Mình ở trong làng, sống nhờ làng, chết nhờ làng. Cái người đã dám vác miệng chửi làng, thì bị trừng trị là đáng kiếp lắm. Hơi đâu mà thương.

Rồi một bà nữa cãi lại: - Các bà đừng nói thế, oan cho ông ta! Chẳng qua ghét nhau thì họ gặp lửa bỏ vào bàn tay... chứ đời nào ông ấy dám động đến làng. Luôn mấy năm nay, hết người này ăn hiếp, lại đến người kia đè lấn, ông ấy vẫn nhin như nhin cơm sống, có dám bướng bỉnh với ai đâu!

Còn nữa! Làn sóng dư luận còn kéo dài mãi ở dọc đường. Nhưng nó mỗi lúc mỗi theo những gánh gà lợn, rau gạo đi xa dần, nên khi bay lại tai tôi, không còn rõ là tiếng gì nữa. Cố nhiên tôi không có ý nghe chi những chuyện giữa trời, nhưng vì nó đã ngẫu nhiên lọt vào tai, tôi cũng ngẫu nhiên bận óc vì nó. "Chắc là trong làng đã có người nào bị đánh bị trói gì đây". Với câu phỏng đoán đó vơ vẩn trong óc, tôi lững thững đi vào cổng làng. Người làng ở trong các xóm, lũ lượt kéo ra con đường giữa làng, già có, trẻ có, con nít cũng có. Trái lại với quang cảnh của đoạn đường lúc nãy, ở đây rất nhiều đàn ông, thỉnh thoảng mới có một người đàn bà. Với những tiếng cười cười, nói nói, vui như đám hội, người ta đổ xô về nẻo cuối làng. Xen lộn vào sự xôn xao của đám đông người, ở trong các xóm, lại có tiếng lợn eng éc. "Không phải là chuyện đánh nhau, trói nhau, có lẽ người ta sắp sửa có cuộc ăn uống. Phải rồi, hôm nay đàn ông vì bận ăn uống, nên mới nhường hết quyền đi chợ Đình cho bọn đàn bà, đoạn này toàn là đàn ông", tôi vừa cải chính cái câu của tôi phỏng đoán mới rồi, vừa im lặng đi theo một con đường với lũ người ấy. Và tôi đã từ biệt họ khi đến khỏi đình: họ đi tấp nập kéo vào điểm đình, thì tôi rẽ sang nhà Khóa Trúc, người bạn đồng học với tôi năm xưa. Bởi vì chúng tôi có hẹn trước nên lúc ấy anh Trúc đương vợ vẩn đón tôi ở chỗ đầu ngõ. Đường đi tuy rằng hơi xa, nhưng nhà anh này lại ở kề với sân điểm và chỉ cách khu điểm một bức rào bằng gang tây. Vào ngòi trong nhà anh ấy, tôi còn thấy rõ hết thảy cảnh tượng trong điểm. Cái điểm rộng quá!

Ngoài một tòa chính ở giữa lại có hai tòa giải vũ kèm ở hai đầu, mỗi tòa độ bốn năm gian. Đám người lúc nãy lần lượt tiến vào đến cửa điểm. Các ông già và người cao tuổi lên thẳng tòa chính, còn người ít tuổi và đám con nít thì xuống hai tòa giải vũ. Giây lát, ba bọn đàn ông lực lưỡng khiêng ba con lợn bị trói đặt vào trước sân, và một lũ người khác đài tãi tới đó đủ hết các thứ: bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá và nôi ba mươi. Rồi đó, bọn này bắc nôi đun nước, bọn kia đề lợn chọc tiết. Bắt đầu câu chuyện, tôi phải hỏi ngay anh Trúc:

- Đám ấy là đám gì, đám gì mà có đủ từ ông bạc đầu đến lũ trẻ con!

Anh Trúc mỉm cười đáp:

- Đó là một đám ăn vạ!

Rồi vừa pha nước, anh ấy vừa tiếp:

- Cái tục ăn vạ, thiên hạ cũng nhiều nơi có. Nhưng mà có lẽ không đâu nặng bằng làng tôi. Bởi vì theo lệ làng tôi, quyền hành của bốn "trùm nhất" lớn lắm, bao nhiêu công việc trong làng đều do bọn họ quyết định, lý dịch cũng phải theo họ. Người nào cưỡng lại với họ, ấy là họ sẽ tìm cách ăn vạ.

Như đã thấy tôi không hiểu "ăn vạ" là gì, anh Trúc uống cạn chén nước rồi thêm:

- Chắc anh chưa được chứng kiến cuộc ăn vạ nào thì phải! Có gì đâu, người nào có lỗi với "làng" thì "làng" cứ việc mua lợn, mua rượu, mua gạo đem ra điểm làng mà ăn. Phí tổn bao nhiêu, người có lỗi đó phải chịu. Hôm nay họ ăn vạ lão Sửu. Tội nghiệp! Lão ấy hiền lành, thật thà nhất làng tôi đấy! Chỉ vì nhà đã lép vế, lại có bát ăn, một hôm một ông trong bốn ông "trùm" đến nhà hỏi vay gánh lúa, lão ta đi vắng, mẹ vợ chối là không có, ông trùm kia lấy làm thù, cách vài hôm sau hấn mượn việc làng sinh sự cãi nhau với lão ấy, rồi hấn vu cho lão ta chửi làng và đem chuyện đó trình "làng". "Làng" là bọn đó chứ có ai đâu! Chúng với hấn cũng như một đào một kép, cho nên khi thấy hấn trình, chúng liền hòa nhau bắt vạ lão Sửu.

Anh Trúc rót chén nước nữa cho tôi, rồi tỏ vẻ ái ngại:

- Cuộc ăn vạ này, chúng làm hại lão ta đến hơn trăm bạc. Bởi vì chúng ăn to lắm, ăn suốt từ trên đến dưới. Những đứa con nít toét mắt, ỏng bụng mà anh thấy đó, cũng đều được ăn tất cả. Chúng nó cũng là "làng". Hễ ai là "làng", hôm nay đều được ra ăn, chỉ trừ đàn bà và những trẻ con ẵm ngửa.

Tôi vẫn chưa hiểu:

- Thế thì những tiền mua lợn, mua rượu, mua gạo đó ai ứng ra cho làng?

Anh Trúc trả lời:

- Chẳng ai phải ứng hết thảy, họ đi mua chịu tất cả. Mà hễ họ đã hỏi mua, thì ai cũng bán. Bởi vì bán chịu cho "làng" như thế, sau này có thể tính với khỏ chủ một giá rất cao và tính bao nhiêu, khỏ chủ phải trả bấy nhiêu, không được bớt xén một đồng nào hết.

- Nếu như khỏ chủ không chịu thì sao?

- Khỏ chủ không chịu thì họ phải lấy tiền làng mà chi. Nhưng rồi họ sẽ họp làng tại đình, đóng chiếc đình cù vào cột đình và phát thệ rằng: "Nhà ấy đã không thềm tuân lệ làng, từ sau trở đi, những lúc làng có ăn uống, không ai được ngồi với người nhà ấy, và rồi nhà ấy có người nào chết, bất kỳ đàn ông, đàn bà, họ xa, họ gần, làng sẽ không khiêng". Ở thôn quê, cái người lúc sống không ai ngồi với, lúc chết làng không khiêng cho, là người cực nhục, sống cũng như chết. Vì vậy từ xưa đến nay, họ đã ăn vạ người nào, người ấy cứ phải bán nghiệp mà trả. Không ai dám bướng.

Anh ta đương nói, thì ở bên điểm, có tiếng nói lớn:

- Thừa "chạ"! Hôm nay từ trên già lão đến dưới trai đình, tất cả hơn hai trăm xuất, ăn ba con lợn có lẽ không đủ, xin "chạ" cho bắt thêm một con nữa.

Thế rồi, một lúc sau, lại nghe có tiếng lợn kêu. Cuộc ăn uống linh đình mãi đến quá trưa mới tan.

Chiều hôm ấy, tôi còn ở đó, đã có tin nói lão Sửu thất cổ chết ở trong nhà, lý dịch còn đi khát quan về khám.

Xâu lòng thờ

Một ngày hôm qua tôi thấy bác Hai Đắc đến nhà tôi trọ trước sau tới mười một lần: lần đầu tiên trời mới sáng rõ, lần cuối cùng chừng hết canh hai. Trừ ra lần thứ mười một vì tối quá, không thể trông rõ, còn các lần trước, tôi đều gặp bác. Lại thay, lần nào cũng vậy, sau khi thấy nói ông chủ nhà tôi đi vắng, thì bác lập tức lật đật trở về với cái bộ mặt đầy vẻ sợ hãi. Hôm nay, trời còn mờ mờ, đã thấy tiếng bác vấp véo gọi cổng. Ông chủ nhà tôi cũng chưa về, nên bác không vào. Rồi cách một giờ sau, bác lại hoảng hốt chạy đến. Và vẫn bị thất vọng như lần trước, bác lại lui thủi đi về bằng một dáng điệu cực kỳ buồn rầu. Với bác, tôi không phải là chỗ quen thuộc, vì trọ trong làng B.X. đã lâu nên tôi cũng có biết mặt, biết tên, hơn nữa tôi còn biết bác là người đàn độn, hiền lành, nhà khá, có trâu cày, có ruộng cấy. Bởi vậy, nay thấy thái độ khẩn cấp của bác, tự nhiên tôi cũng để ý suy nghĩ. Và tôi đoán rằng: chắc bác đã phạm một tội quan trọng, nếu không chứa đồ quốc cấm, tất là lỡ đánh chết người. Nhưng mà tôi làm. Nếu bác mắc phải một trong hai việc đó, thì từ hôm qua đến giờ, làng nước đã đồn ầm lên rồi, người ta đã gong cổ bác điệu lên quan rồi, khi nào bác được xõng xênh chạy đi, chạy lại? Huống chi một người cẩn thận như bác, đời nào có thể xảy ra những việc ghê gớm ấy? Thế thì có gì bác phải tìm ông chủ nhà tôi gấp quá như thế? Trời cũng không thể đoán được! Bóng nắng đã đến nửa thềm, bác lại lù lù tiến vào trước sân giữa những tiếng sủa xô xát của đàn chó dữ.

- Cụ đã về chưa? Anh nhỏ!

Thằng nhỏ vì phải đuổi chó cho bác nhiều lần, nó cũng phải phát cáu với bác:

- Chưa về! Làm gì mà đến hỏi luôn thế! Chỉ quấy rầy! Bác giả vờ như không nghe tiếng và lại quay mặt trở ra, toan đi. Vì muốn rõ cái chuyện cấp bách của bác, tôi cố gọi bác vào trong buồng học và hỏi:

- Bác tìm cụ Chánh có việc gì mà kíp như vậy? Nói cho tôi biết, xem tôi có giúp được chăng?

Bác cảm ơn tôi và đáp:

- Chỉ có cụ Chánh họa chăng mới cứu được tôi. Nếu hôm nay mà cụ không về, thì tôi đành phải ngồi tù. Rồi, như trong bụng nóng nẩy không thể ngồi yên, bác lại đứng dậy toan ra. Tôi phải an ủi, giữ bác ở lại để hỏi cho hết câu chuyện. Nể tôi quá, bác lại nén lòng ngồi xuống và kể đầu đuôi cái nạn phi thường của mình.

Thì ra trưa hôm kia, làng ấy làm lễ "thượng điền". Đó là cái lễ để trình với vua Thần nông và các cụ tiên nông trong làng đời xưa biết rằng: làng mình cày cấy đã xong.

Cũng như lễ "hạ điền" cử hành trong khi bắt đầu cấy lúa xuống ruộng, lễ này tại các thôn quê làng nào cũng có. Bởi vì làng B.X năm nay trời cho mưa nắng thuận hòa, suốt một vụ cấy, không nhà nào phải tát một khâu nước nào, hơn nữa, hễ cấy đến đâu lúa cứ xanh tốt ngùn ngụt đến đấy, không cần phân tro gì hết. Người ta tin rằng nhờ có quỷ thần ủng hộ mới được như thế. Cho nên, nhân ngày "thượng điền" làng có sửa một con lợn, trước là tạ ơn thần thánh, sau nữa cả làng ăn uống cho vui. Trong khi cúng tế, thịt lợn để nguyên cả đánh, lòng lợn cũng để nguyên cả giàn, nhưng phải thái lấy tám bát đủ cả dồi, tim, gan, phổi, lá lách, dạ dày, để bày vào mâm xôi thờ, người ta gọi là lòng thờ. Tế xong, đồ lễ hạ xuống, phận sự bốn người "bàn hóa" phải giữ công việc làm cỗ. Theo lệ làng, phần của trai làng chỉ có xôi thịt. Ngoài ra sỏ lợn, lăm lợn, nhỡn lợn, mũi lợn, rồi móng chân lợn và khấu đuôi lợn đều phải để làm phần biếu, để biếu từ cụ Chương lễ đến ông bàn nhì. Còn riêng tám bát lòng thờ thì phải để kính tám ông trên nhất có ra lễ thánh trong lúc cúng tế. Vì vậy, sỏ lòng lợn ấy lại có biệt hiệu là "lòng mũ áo". Bác Hai Đắc mới lên "bàn hóa" từ đầu năm nay. Trong bữa "việc làng" hôm kia, bác cũng dự một chân làm cỗ. Công việc thái thịt, bày thịt cho phần trai đình, sức bác làm dư đi rồi. Rắc rối cho bác, chỉ có cái sỏ phần biếu. Thế lệ kính biếu, không phải chỉ nói bằng miệng mà thôi. Ông nào được biếu thứ nào, đã có sổ sách biên chép rõ rệt. Cuốn sổ ấy có chữ cả làng ký kết, lại có trình quan trên duật y, nó là một pháp

luật của làng, không ai được phép thay đổi. Một người "bàn hóa" biết chữ, khi chia phần biểu có thể giở sổ mà coi. Nhưng với những người không biết chữ nào, ít nhất cũng phải tập sự hai năm mới thuộc, bởi vì một năm chỉ được học việc có bảy tám lần mà thôi. Bác Hai Đắc không biết chữ gì, và lên bàn hóa mới già nửa năm, cố nhiên bác không thể thạo được chức vụ. Tuy vậy, hôm đó nhờ có ba người tuổi trên cang đáng, cho các phần cũng không lầm lẫn. Khổ cho bác, chỉ tại một "xâu lòng thờ" của cụ Chương lễ. Hôm ấy cụ Chương lễ có ra chủ tế, phần cụ phải có một xâu lòng thờ là dĩ nhiên rồi. Tế xong cụ cũng mũ áo lễ thánh như các ông khác, theo lệ, cụ lại được hưởng xâu nữa. Bác Đắc không hiểu lệ đó, chỉ để phần cụ một xâu. Đến khi thăng nhỏ đệ phần vào nhà, cụ Chương lễ kiểm lại số thịt thấy thiếu, tức thì cụ sai đầy tớ gọi bác đến nhà, ghép bác vào tội tự nhiên cất phần của cụ, và bảo cho bác biết rằng: việc ấy cụ đã nhất định đưa lên quan xét, rồi cụ sai đuổi bác ra, không cho nói thêm câu nào. Mấy lần bác đã cậy người xin giúp, đều không đất nhờ. Bây giờ chỉ còn một cách nhờ cụ Chánh Cự - tức là ông chủ nhà tôi - nói đỡ. Xưa nay cụ Chương lễ vẫn nể cụ này, nếu như cụ này chịu giúp cho bác, họa may bác được thoát nạn... Vì thế bác phải khẩn cấp đi tìm ông chủ nhà tôi. Nói đến đây, thấy bác rơm rớm nước mắt và thêm:

- Năm xưa một người bàn hóa cũng đánh mất phần của cụ Chương lễ, và bị cụ ấy đi kiện. Hai bên vật nhau từ huyện lên tỉnh lại sang Hà Nội. Rút lại, người bàn hóa đó tốn kém đến gần nghìn bạc mà vẫn bị phạt một đồng. Ấy là anh ta nhà giàu, biết lý luật, lại biết tòa nọ, sở kia, còn không chống nổi cụ ấy. Huống chi như tôi, tiền không có, từ thuở mẹ đẻ đến giờ không đến cửa quan bao giờ... nếu bị kiện, mười phần chắc phải ngồi tù cả mười. Rồi bác gạt nước mắt đứng dậy.

Ngoài sân nghe có tiếng giày sên sệt kéo trên mặt gạch. Ông chủ nhà tôi đã về. Bác Hai Đắc vội vàng nép vào cây cột gần đó, và vái một vái cực kỳ cung kính. Ông chủ nhà tôi điềm nhiên đi vào trong nhà. Sau khi bỏ khăn và cởi áo ngoài treo lên đỉnh cột, ông ấy ghé vào chỗ tôi, vớ lấy cái điếu, châm lửa hút thuốc. Chờ cho ông ta thở hết hơi khói trong miệng, bác Đắc khúm núm đi ra trước chiếc phản ngựa, thụp xuống lễ luôn hai lễ.

Ông chủ nhà tôi có vẻ ngạc nhiên và hỏi giật giọng:

- Mà làm cái gì thế, Đắc?

Bác Đắc với bộ lưng khom khom như hình con tôm, chấp tay đứng ở ngoài thềm, nước mắt chảy ra giàn giụa:

- Lạy cụ, xin cụ cứu con...

Ông chủ nhà tôi vẫn một giọng sừng sốt:

- Mà làm sao?

Bác này như lú lỏi lại:

- Lạy cụ cứu con!

Ông chủ nhà tôi phải gất:

- Nhưng mà cứu cái gì chứ? Thằng này điên à?

Bác Đắc đứng bên cửa vừa mếu vừa kể cho ông ấy nghe việc đánh mất phần của cụ Chương lễ và bị cụ ấy đe kiện. Ông chủ nhà tôi nhìn tôi, và cười tủm tỉm:

- Cái phái tông lý chúng tôi có gớm hay không?

Rồi ngoảnh sang nhìn bác Đắc, ông ấy lại gặng:

- Bây giờ mà bảo tao đi lạy mướn cho mà à?

Bác Đắc chỉ nằn nì mãi một câu:

- Lạy cụ, xin cụ cứu con!

Ông chủ nhà tôi ngần ngừ một hồi, rồi đáp:

- Nói với con một già ấy khó lắm, phi tiền không xong. Nhưng cứ về đi, lát nữa tao đi cho. Chiều lại đây, công việc thế nào tao bảo.

Bác Đắc sung sướng vái chào chúng tôi rồi ra. Mặt trời tà tà, ông chủ nhà tôi khăn áo chỉnh tề ra đi. Một lúc lại thấy trở về và nói với tôi:

- Tôi đã biết mà. Lão Chương lẽ làng tôi đều lắm, cái gì cũng tiền. Tôi đến nói hộ thằng Đắc, lão ta nhất định đòi hai điều này:

một là thằng Đắc giết lợn mời làng tế thánh để lấy một xâu lòng thờ biểu hấn; hai là nó đền cho hấn trăm bạc. Mà hấn đã nói một trăm, ít ra cũng phải sáu chục mới xong. Ấy ở nhà quê khó thế, ông ạ! Có của đã chắc giữ được mà ăn đâu?

Một chiếc lăm lợn

Bảy giờ bóng đã chiều cả. Mặt trời chỉ cách ngọn tre của dãy làng xóm xa xa độ vài con sào. Chân trời phía tây dần dần hiện những tia đỏ. Dưới đồng còn đông người làm. Trong rừng ngô đậu xanh rì, tiếng hát theo gió đưa đi réo rắt. Tôi vừa đi đến ngã tư rẽ vào con đường làng Đ.C và những giọng lên bổng xuống chìm của bọn gái quê xới đậu, vun ngô như đương bảo tôi khoan bước để thưởng cái cảnh trời xuân mình mị.

Bỗng ở trong nẻo đầu làng có tiếng thét lớn, như phá cái bầu tịch mịch của cánh đồng chiều, làm cho các đám hát xướng đều phải im bật. Càng đi gần lại, tiếng thét càng dữ thêm. Tiếp đến tiếng chửi phũ phàng của cơn thịnh nộ, rồi đến tiếng kêu làng nước inh ỏi.

Trong khu văn chỉ của làng Đ.C. bóng người đen kịt. Và ở cổng làng cũng như các ngã đường khác, đàn ông đàn bà tất tả chạy ra. Ai cũng như nấy, mỗi người trong tay đều có một món khí giới, hoặc sào, hoặc gậy, hoặc cán cuốc, hoặc đòn gánh, có người thì vác cái vò đập đất. Tứ chi bát mạch, nhất tề đổ vào khu đất văn chỉ với một bộ điệu hùng hổ.

Đánh! Đánh! Đánh!

Mấy tiếng thét đánh vừa dứt, cuộc hỗn chiến tức thì bắt đầu. Đòn gánh giơ lên, tai cuộc bổ xuống, tiếng chí chát của các khí giới đụng nhau xen lộn với tiếng kêu, tiếng chửi, tiếng gầm gào, nghe thật gớm ghiếc. Tôi phải dừng lại ở một quãng xa để chờ đến lúc tan cuộc, vì rằng đường đi đã bị chiến trường ngăn cản, không có lối nào qua được. Tấn náo kịch mỗi lúc một thêm kịch liệt. Các toán viện binh các nơi vẫn tiếp tục kéo đến ầm ầm. Đáng sợ nhất là mấy mẹ đàn bà. Xấn váy, xắn áo và quần búi tóc vênh ngược, các mẹ liều mạng xông vào trận địa như một đội quân cảm tử.

Tôi phải rùng mình sồn gáy, khi thấy một người lực điền thẳng tay giơ vồ đập đất bổ vào đầu một ông già vừa chui ra khỏi vòng vây. Ông già ấy loạng choạng, lảo đảo như con gà toi giấy chết rồi ngã phục vị xuống đất. Người lực điền kia lại vác chiếc vồ nghênh ngang vào trận. Giữa đám túi bụi, thấp thoáng có bóng xanh xanh. Khi đã lách qua vòng vây, bóng xanh xanh liền hiện ra thành hình người. Ôi! Lạ! Trong đám ầu đã lại có người mặc áo thụng lam và đội mũ nhiều hoa bạc! Tuy rằng đứng ở đằng xa, tôi cũng trông rõ hình dạng. Người ấy hàm râu đã dài, cái áo thụng lam đã toạc vạt trước, trên trán có một vết đỏ chạy thẳng từ trán xuống cằm, có lẽ là vết máu chảy. Chỉ kịp lật mũ vát xuống vệ đường, người ấy vén tay áo thụng, giằng lấy chiếc gậy của một người khác, rồi quay vào đám đông người, ra sức vụt lầy vụt để. Hình như bây giờ đến hồi loạn chiến, người ta chỉ cốt đánh cho sướng tay, bất phân ai là phe thân, ai là phe thù. Vì vậy, giao chiến đã lâu mà vẫn chưa phân thắng phụ. Phía trong cổng làng chợt có tiếng hiệu rúc hồi. Một đoàn tuần phủ độ hơn mười người, kẻ vác giáo, người vác mã tấu, tấp nập đi theo lý trưởng tiến lên khu đất vắng chi.

- Trói lại! Trói hết cả lại! Điệu về đình kia! Đánh nhau chết người ra đây, tội vạ ai chịu?

Lý trưởng thét vừa dứt miệng, cả bọn tuần đình hăng hái sấn vào đám đông, đàn áp một cách hùng dũng và can đảm. Các tay chiến sĩ tuy đương "ham đánh" nhưng cũng còn sợ pháp luật, thấy bóng tuần phiên tiến vào, ai nấy tản mác lùi ra, kẻ này chạy vào trong làng, người kia trốn xuống dưới ruộng. Trên bãi chiến trường còn lại bọn tuần đình với một đám độ hơn mười người hầu hết có mặc áo thụng.

Cái gì thế nhỉ? Có sao người ta lại bận lễ phục để đi đánh nhau? Hay là ở đây cũng là cửa Không, sân Trình, cho nên dù là đánh nhau, cũng phải giữ lễ? Giông tố đã yên, tôi bèn lại chỗ vắng chỉ để về trong làng, và luôn thể coi qua cho biết tình hình cuộc đại chiến.

Té ra những ông áo thụng còn lại đó rất là "tư văn" và đều bị thương tất cả. Đau nhất là ông Cựu Thịnh. Ông ấy bị một vết ở má bên phải. Hình như nó là vết thương của máu

đòn gánh đập vào -gò má bị khuyết mất một miếng thịt khá to, cái xương lòi ra, máu chảy rành rạch xuống vai áo thụng. Rồi đến ông Cự Bình. Không biết ông này bị những cái gì đánh vào má trông thảm quá, giữa trán bươu lên như quả ổi lớn, gò má bên trái sưng húp như cái đồng chai úp vào.

Con mắt bên ấy híp lại như mắt lợn ỷ. Rồi đến ông Phó Đê, cái ông bị một cái vồ lúc nãy. Ông ấy mất mảng tóc đỉnh đầu, thịt non phơi ra đỏ hồng. Cả ba ông đó cùng phải nằm liệt dưới đất, thi nhau kêu rên hừ hừ. Còn các ông khác, hoặc bị thương ở mặt, hoặc bị thương ở tay, hoặc bị thương ở vai hay cổ, tuy cũng đau lắm, nhưng còn có thể ngồi gượng. Sau khi sai người lấy chiếu đắp cho những người đau nặng, lý trưởng cắt bọn tuần phiên, một nửa ở đó canh gác, một nửa thì đi lùng bắt những kẻ có dự vào cuộc chiến tranh. Rồi hẩn về nhà đóng ngựa lên huyện, khát quan về khám. Lúc ấy trời đã gần tối, những người làm đồng lũ lượt trở về. Một người cùng đi một đường với tôi, đã được chứng kiến trận ẩu đả ấy và có biết rõ nguyên ủy. Cứ như anh ta đã nói, thì căn do của tâm thảm kịch chỉ tại một chiếc lăm lợn. Làng Đ.C. cũng như làng khác, vẫn có riêng một số người chuyên coi về việc tế tự, người ta gọi là "tư văn" hay là "văn giáp", hoặc "văn hội", có làng gọi là "quan viên". Mỗi khi làng có cúng tế thì từ chủ tế đến việc rước nến, bưng đài, đều do tư văn phải làm.

Theo nguyên tắc, hội "tư văn" tức là môn đồ của Khổng phu tử. Bởi vì trong số hội viên, trừ những người dưới do làng bầu ra, các người đứng đầu phải là những bậc khoa hoạn. Làng nào không có khoa hoạn, thì lấy những người chức sắc thay vào. Hàng năm, cứ đến ngày "đỉnh" của tháng giữa mùa xuân và ngày "đỉnh" của tháng giữa mùa thu, tư văn làm lễ tế tại văn chỉ, gọi là xuân đỉnh và thu đỉnh. Đó là lễ riêng của hội tư văn, người ngoài không ai được dự. Nhưng không phải là tế Khổng tử. Quyền tế Khổng tử thuộc về nhà vua và các văn miếu hàng tỉnh, hàng phủ, còn dân gian thì chỉ được tế những vị "tiên đạt" của làng mình. Làng Đ.C. không có khoa mục. Chức Chương lễ của hội tư văn vẫn thuộc về cụ Bá Trung. Đáng lẽ mỗi khi trong làng có tế, bất kỳ là tế ở đâu, cụ ấy vẫn được giữ ngôi tế chủ. Nhưng vì tuổi già, lễ bái khó nhọc, cho nên cụ ấy

vẫn giao công việc chủ tế cho ông Cửu Nghĩa. Theo lệ nhất định, những khi làng làm lễ bằng lợn, cái sỏ lợn phải để biếu cụ Chương lễ, còn cái cổ lợn thì cắt làm hai khoanh tròn - người ta gọi là cái lăm - một khoanh biếu ông tả văn, một khoanh nữa thì để biếu một ông nào đã gánh công việc chủ tế. Chủ tế là ông tả văn, ông ấy sẽ được hưởng cả đôi lăm, nếu chủ tế là cụ Chương lễ, thì phần cụ ấy phải có một lăm một sỏ. Mọi khi hai cái lăm của con lợn tế thần đều là phần ông Cửu Nghĩa.

Bởi vì ông ấy vừa quyền tế chủ lại vừa viết văn. Nhưng độ này ông Cửu Nghĩa ốm nặng, ngày mai tư văn làm lễ xuân đình chắc là ông ta không thể ra làm chủ tế. Chức ấy phải cắt đến người thứ ba. Từ chiều hôm nay, tư văn có sửa tuần rượu đệ lên văn chỉ làm lễ "túc yết". Ai vào chủ tế ngày mai, hôm nay phải lên văn chỉ mà khấn, để các tư văn lễ theo. Chiều theo ngôi thứ, chức chủ tế ngày mai đến ông Cựu Thịnh, và rồi ông ấy sẽ được hưởng cái lăm lợn dư huệ của ông Cửu Nghĩa.

Ông Cựu Bình lấy thế làm tức. Bởi vì, nếu ông Cựu Thịnh từ chối, thì chức tế chủ và cái lăm lợn ngày mai sẽ về ông ta. Đợi lúc ông Cựu Thịnh xúng xính mũ áo, sắp sửa vào khấn, ông Cựu Bình ngăn lại và nói:

- Ông định khấn như thế nào, phải đọc trước cho cả tư văn cùng nghe cái đã!

Cái đó mới hiểm độc chứ!

Một người suốt đời chưa học chữ nào như ông Cựu Thịnh thì đọc văn khấn làm sao cho trôi.

Bí quá, ông Cựu Thịnh phát cáu:

- Khấn thế nào, tôi không phải trình với anh.

Ông Cựu Bình càng làm già:

- Không phải trình tôi, thế thì nếu anh khấn cha, khấn mẹ về đó, tư văn cũng phải chịu à?

Ông Cự Thỉnh đương cơn tức tối, liền tát cho ông Cự Bình một cái và thét:

- À! Thằng này mà chửi ông à?

Ông Cự Bình cũng không chịu nhịn, túm luôn lấy cổ áo thụng ông này và đâm vào gáy một chặp. Trong đám tư văn, có người là họ ông Thỉnh, có người là họ ông Bình, thấy hai bên đánh nhau, kẻ thì kêu làng cầu cứu, người thì xông vào đánh giùm. Lúc này, người làm dưới đồng còn đông, những kẻ thù ghét cả hai ông kia, thì nhau kéo lên đánh hôi, cốt để gieo vạ cho kẻ thù xướng, vì thế mới ra cuộc đại chiến, và mới đến bấy nhiêu người bị thương. Nửa đêm hôm ấy quan huyện mới về biên án. Ngay lúc đó, những người bị thương đều được khiêng lên nhà thương. Khi họ đi đường, người ta còn nghe tiếng rên âm âm..

Miếng thịt giỗ hậu

Hôm ấy vào khoảng thượng tuần tháng chạp. Trời đương quang đãng, tự nhiên thấy tối sầm lại. Gió bắc ở đâu kéo đến ùng ùng. Những đám mây đen tự phía chân trời lù lù tiến lên giữa trời, rồi hóa ra một tấm màn màu tro phủ kín bầu trời. Bằng cái hăng hái của người chạy mưa, tôi cứ trông thẳng cổng làng H.Đ. cắm đầu đi thật ráo bước. Tấm màn màu tro dần dần thấp xuống rồi những luồng chớp nhằng nhằng như đàn rắn vàng đuổi nhau ở nẻo xa xa. Rồi những tiếng sét vỡ trời từ góc trời nọ, dồn nhau sang góc trời kia chẳng khác tiếng những tảng đá lớn từ đỉnh núi lăn xuống chân núi. Hột mưa rào rào sa xuống, như muốn giúp sức cho sự giá lạnh. Hai má tôi đã thấy buốt, hai tay tôi đã thấy cứng. Trong cái quán ở đầu cổng, đàn ông đàn bà đương chen vai nhau đứng vây chung quanh mấy bó mạ chiêm. Những lúc phong vũ bất tình, ai cũng muốn giữ thân này, khi nào họ chịu nhường chỗ cho một người lạ? Tôi đành đội mưa dò trên con đường lầy lội, định cố đi tới nhà một người bạn rồi nghỉ luôn thể. Nhưng khi mới đến sân đình, trời càng mưa to, không thể liệu đi được nữa, tôi phải lánh lên thềm đình. Ở ngoài cổng đình lù lù tiến vào một lũ độ trên mười ông lão già. Ông nào cũng như ông này, đầu đội nón lá, lưng khoác áo to, tay chống một chiếc gậy tre lộc cộc. Sau khi đã chao chân vào cái vũng nước dưới giọt đình, các cụ lấy bẫy trèo lên thềm đình, và lò dò bước lên sân đình với những tiếng thít tha đáng ái ngại. Hết bọn ấy, lại tiếp bọn khác. Các cụ lẻ tẻ đến mãi. Những bọn sau không được đông như bọn trước, mỗi bọn độ vài bốn người. Trên đình có tiếng mâm bát leng keng. Mùi hương ngào ngạt trong đám tiếng người ào ạt. Hẳn là người ta cúng lễ gì đó. Tôi không để ý và chăm chăm nhìn những giọt nước từ mái ngói chảy xuống sân gạch.

Trời tháng chạp mà sao mưa to làm vậy? Chỉ trong một lát sân đình nước chảy lênh láng, bong bóng trôi trên mặt nước lênh bênh. Gió bắc mỗi lúc mỗi thêm dữ dội; nó hất hột mưa tua tủa vào chỗ tôi đứng, như muốn đuổi tôi lên đình để xem cảnh tượng trên

ấy ra sao. Dưới bức chân song ở phía sau đình, một chiếc mâm cao sơn đỏ chằm chện kê giữa mảnh chiếu rách cặp. Trước mâm có để mấy bó vàng hồ, một chai rượu và mấy quả cau. Trên mâm là một tảng xôi vuông vắn bằng cái lá nem và một miếng thịt lợn luộc ước chừng hai cân trở lại. Nén hương cắm trong mâm xôi cháy đã hết nửa, tàn hương rụng trên mặt xôi đen xì. Các cụ túm năm, tùm ba, bó gối ngồi trong mấy chiếc chiếu trải liên bên cạnh bao lơn. Tất cả độ bốn chục cụ, cụ nào cũng sắc mặt xám mét. Thấy tôi nhô lên, các cụ đều ngơ ngác nhìn. Lâu lâu, một cụ sẽ cất cái giọng run run của người bị rét:

- Ông khách vào chơi nhà ai?

Tôi đáp rất lễ phép:

- Thưa cụ, tôi vào thăm ông tú Tĩnh

Cụ khác lên giọng phều phào:

- Ấy! Nhà tôi cũng ở liền ngõ với ông ấy. Ông hãy ở đây lát nữa cùng đi với tôi.

Thì ra cụ này chính là cụ Thượng làng ấy. Sau khi tôi tỏ ý cảm ơn, một cụ nữa ngó vào cụ ấy và nói:

- Thôi hết hương rồi! Cụ Thượng "vái hạ" đi cho!

Cụ Thượng sẽ gật đầu, rồi lom khom đứng ra phía trước mâm xôi, cúi đầu vái luôn ba vái. Trong đám có tiếng đồng dục, tôi không nhận ra tiếng cụ nào:

- Thằng Mới hạ mâm xuống để làm cỗ đi. Tất cả bốn mươi sáu suất, mười một cỗ rưỡi, với một cỗ nhà chứa, một cỗ cho mày. Làm mười bốn cỗ, còn thừa hai phần! Nghe không?

Với một tiếng dạ không được lễ phép cho lắm, thằng Mới nhanh nhẩu bung mâm xôi thịt đến chỗ dao thót giữa khi một cụ ít tuổi trong bọn lệch kệch nhắc mấy bó vàng ra chỗ bệ đình, phì phò thổi chiếc mồi rơm, châm lửa.

Thằng Mối làm cỗ mới nhanh làm sao! Đồng vàng cháy chưa hết nửa, mười bốn mâm cỗ đã xong cả rồi. Nó bung từng mâm đặt ra các chiếu. Mỗi mâm chỉ có một đĩa thịt mỏng, một bát nước mắm và một cục xôi bằng bánh xà phòng ba xu. Bốn một, tám hai, các cụ tự do ngồi vào các cỗ, không ai phải mời ai. Cụ Thượng sai thằng Mối bỏ cau quệt trâu đưa ra thết tôi:

- Mời ông xơi tạm miếng trâu. Chúng tôi xin thất lễ ông chén rượu. Hôm nay làng tôi có giỗ ông hậu. Mọi khi còn làm to hơn. Bây giờ thời buổi cải lương, nên có giảm đi đôi chút.

Chai rượu bị rót ra hai cái bát ở mâm thứ nhất, lần lượt chuyển xuống đến mâm cuối cùng. Các cụ bắt đầu cầm đũa. Một cụ lại gọi thằng Mối:

- Còn thừa hai phần, mày đem một phần chiếu lại lên mâm cụ Thượng, còn một phần nữa thì để cho người quá lộ!

"Người ta sắp sửa bố thí xôi thịt cho mình đây chắc?" Tôi đương tự hỏi như vậy, thì ở trong đám vừa thấy có người cắt nghĩa:

- Ông khách hẳn chưa biết hai chữ "quá lộ" là gì. Chính nghĩa thì là những người qua đường, nhưng đây chúng tôi chỉ nói riêng bọn ăn mày. Là vì trong lúc dân làng ăn uống, thường thường vẫn có ăn mày đến xin. Dù ít dù nhiều, thế nào cũng phải cho họ. Bởi vậy, đám nào làm cỗ, cũng phải để dành cho họ, nếu họ không đến thì cho thằng Mối.

Dứt lời, các cụ lần lượt chia đũa mời nhau "đưa cay". Câu chuyện "cái giá cắn đôi" của đất Hà Nội, tôi mới được nghe chưa từng được thấy, nhưng ở đám này tôi đã mục kích được một kiểu ăn uống còn có lễ độ hơn thế. Miếng thịt gấp lên, các cụ chỉ sẽ "nhắm" một chút xiu, rồi lại đặt luôn xuống bát của mình. Có lẽ cái chỗ bị "nhắm" nó chỉ lớn bằng hạt đỗ. Ngoài sân sấm vẫn ù ù, những hạt mưa đã nhỏ dần dần, chiều trời cũng quang dần. Tôi đương vờ vẫn trông trời trông đất, chợt thấy có tiếng đũa đặt xuống mâm leng keng. Chai rượu đã hết, các bát rượu đã cạn, các cụ đã cùng bãi tiệc, xôi thịt còn lại, đương bị chia ra làm phần. Tuy đứng xa tôi cũng trông rõ: mỗi phần chỉ có hai

ba miếng thịt xâu vào cái tăm và một hòn xôi bằng quả ổi con đặt ở trên mảnh lá chuối. Mưa tạnh, các cụ lần lượt đứng dậy, ai nấy đội nón chông gậy mặc áo toại, lò dò bước xuống sân đình với một dáng bộ run rẩy. Cụ Thượng pheù phào bảo tôi:

- Nào! Ông khách có vào nhà ông tú Tĩnh thì đi với lão. Hình như có vài hớp rượu, cơn rét của cụ lại càng tăng thêm. Ra khỏi đầu đình, hai ông chân cụ loạng choạng, xiêu vẹo, mấy lần xuýt ngã. Tôi phải chạy lại gần cụ, nắm lấy cánh tay và dắt cụ đi. Bằng hai hàm răng đập vào nhau cầm cập, cụ vừa đi vừa nói chân tình:

- Tôi gần tám mươi tuổi đầu, mà lúc mưa rét thế này, cũng cố dò đi ăn uống, chắc ông sẽ cho là già tham ăn. Thực ra, tôi có thiết gì miếng xôi, miếng thịt! Sở dĩ cố đi, chỉ vì có mấy đứa cháu. Ở nhà quê gạo ăn còn chẳng có, lấy đâu ra tiền mua thịt? Nếu không có miếng phần việc làng, thì những trẻ con quanh năm không được biết mùi thịt ra sao. Bởi thế, tôi phải dò đi, để lấy phần về cho chúng nó...

Câu chuyện chưa hết, cụ Thượng vừa tới cổng nhà, mấy đứa trẻ con, mặt xám như gà cắt tiết, thấy cụ liền reo một cách mừng rỡ như người được của:

- A! Ông đã về! Phần của cháu đâu?

Hình như chúng nó đợi cụ đã lâu lắm.

Món nợ chung thân

Thường thường ô tô chở khách chạy đường Hà Nội - Thái Nguyên, vẫn bị tài xế "ôm" ở C.Đ. để đón khách, hoặc ăn cơm. Có khi cao hứng, họ còn tán chuyện bù khú với bọn hàng quà, đến hai, ba giờ đồng hồ, hành khách giục giã mặc kệ. Hôm ấy, tôi và ông L. cũng bị họ giam lại đó. Bấy giờ đang giữa mùa hè, trời nắng như thiêu. Vì ở trên xe chật quá, chúng tôi cũng muốn thoát lá cái chỗ "người như nêm cối" để xuống hàng nước nghỉ mát, cho nên dù bị chờ đợi quá lâu, cũng không ai thấy sốt ruột. Thành linh một chiếc xe nhà ở nẻo xa xa lạch cạch kéo đến, cái xe hình như đóng đã lâu ngày, vải mui đã rách, gong mui đã bật, hai càng đã hết màu sơn, hai bánh lăm bê lăm bết, trên xe không có người ngồi. Uể oải qua cửa hàng nước, anh xe cúi chào ông L.

- Lạy cậu.

Rồi hấn đỗ xe bên đường, lau qua những giọt mồ hôi nhễ nhại trên trán, và hấn vừa thở vừa bước vào hàng. Trông bộ dạng hấn, không hơn một người ăn mày. Quần đã xơ cả hai gấu, áo đã vá hàng chục mụn mà hấn còn hở một bên vai, cái nón trên đầu đã tả tơi như tàu lá chuối bị bão. Hạ nón úp xuống mặt chõng của nhà hàng, hấn ngửa chiếc bát lên chõng và giục nhà hàng múc nước. Ông L. nhìn tôi và nói:

- Thằng này là người làng tôi. Nó vẫn kéo xe cho ông T.T. Rồi ông lại nhìn người kia và nói:

- Mày đánh xe đi đâu?

Anh xe òng ọc uống hết bát nước, rồi đáp:

- Bẩm cậu, con ra Hà Nội để đón cụ con.

Ông L. ra bộ ngạc nhiên:

- Ở Hà Nội về làng ta, chỉ hết một hào ô tô. Thế mà cũng bắt xe nhà đi đón, sao mà cụ mày cẩn thận quá vậy!

Anh xe lắc đầu:

- Không phải cẩn thận. Chỉ vì độ này ở nhà không có việc gì, cụ con sợ con chơi không, nên mới bắt con đánh xe đi đón cho khỏi tốn một hào chỉ.

Rồi hấn nói tiếp:

- Trong mấy năm nay, cụ con đi đâu một bước cũng dùng xe nhà. Không chịu mất một đồng tiền xe, tiền tàu nào hết. Nhiều hôm con phải chết dở với cái xe ấy.

Như muốn mượn câu chuyện của hấn để tiêu thì giờ, ông L. lại gặng:

- Xe hỏng hay sao?

Anh xe cầm chiếc nón rách vừa quạt vừa nói: - Nào nó có hỏng đi cho, đã phúc nhà con!

Rồi hấn ngửa mặt nhìn ông L.:

- Thưa cậu, từ làng ta đến làng V.Đ ước chừng bao nhiêu cây- lô-mếch?

Ông L. bầm đốt ngón tay và đáp:

- Tất cả đến sáu chục cây. Làng ta đến Hà Nội hơn mười cây, Hà Nội đến Hà Đông hơn mười cây, Hà Đông vào V.Đ hơn ba mươi cây.

Anh xe nhàn nhàn lè lưỡi:

- Trời ơi! Sáu chục cây số kia! Thế mà năm ngoái, khi sang V.Đ đưa ma, cụ con cũng bắt con kéo đi đấy. "Bữa ấy, cũng vào mùa hè; cụ con dậy từ gà gáy, sai người gọi con đưa xe ra cổng. Ngoài đường, trời tối như mực, con phải đi dò từng bước, kéo sợ đâm xuống vệ đường. Lệ thường ở nhà cụ con, chắc cậu đã biết, hôm nào cũng đến chín giờ thì ăn cơm sáng. Hôm ấy, vì còn sớm quá, người nhà chưa nấu cơm, cụ con cũng đi lòng không, thì con còn được miếng gì vào miệng! Ra đến Hà Nội, con đã đói, nhưng

phải cố gượng và tưởng thế nào vào đến Hà Đông, cụ con cũng cho ăn quà. Té ra không, khi qua Hà Đông cụ con chỉ cho vào hàng uống một bát nước, rồi lại bắt kéo đi liền. Trời nắng, bụng đói, con đã vàng cả hai mắt, uể oải lúi cúi càng xe, chẳng khác gì thằng ốm dờ. Tới V.Đ. cụ con vào nhà đám, con phải nằm lủ trong xe. Đến lúc người nhà gọi cho ăn cơm, thì con mệt quá, nhai không buồn nuốt.

"Hôm sau, đưa đám xong rồi, cụ con lại bắt kéo về. Tuy rằng sáng nay có được ăn uống no nê, nhưng vì hôm trước phải chạy kiền kiết cả ngày, cho nên con thấy mỗi một hết sức. Tới Hà Đông, con đi thủng thẳng bước một, giống như người đi xe giờ. Cụ con bảo con cố kéo về đến Hà Nội sẽ nghỉ. Nhưng đến Thái Hà chân con như bị rời ra, không thể nào mà bước đi được. Cùng quá, cụ con bảo con kéo vào nhà một ông bạn trong ấp, để cho con ngủ một đêm. Nói đến đây, anh xe đứng dậy, đến chỗ chúng tôi xin mời thuốc lào:

- Ấy, con đi làm như thế, mà một đồng xu mua thuốc không có, quanh năm cứ phải ăn xin. Nhiều khi con đã cố từ, nhưng nghiện nặng quá, không sao từ được!

Ông L. véo thuốc cho hấn:

- Thế, tiền công của mày để đâu?

Hấn đón mời thuốc bằng một dáng buồn rầu:

- Bẩm cậu, nhà con nó quên đi mất. Ông L. tỏ vẻ ái ngại:

- Vợ mày đi mất rồi à?

- Bẩm không! Nhà con nó mới chết ạ!

Vừa nói, hấn vừa trở lại chỗ ngồi của hấn bằng một bộ điệu chán nản.

Ông L. lại hỏi:

- Thế sao nó lại quên được tiền công của mày?

- Thưa cậu, cho con hút xong điều thuốc, sẽ xin kể đề cậu nghe.

Rồi hấn vội vàng đặt thuốc vào điều, lấy đóm châm lửa. Và bằng thái độ của kẻ nghiện nặng nhưng nhin đã lâu, hấn hóp hai má hút một hơi dài. Như muốn để cho hơi thuốc ngấm vào xương cốt, hấn cố ngậm khói trong miệng hồi lâu, rồi mới há miệng cho nó từ từ đùn ra. Hai mắt lơ lơ nhìn sang ông L. hấn tiếp:

- Cảnh con bây giờ khổ quá, cậu ạ! Từ giữa năm ngoái, nhà con bị bệnh hậu sản, nhưng nó vẫn gượng đi làm. Đến đầu tháng mười thì nó ốm nặng, suốt ngày suốt đêm chỉ nằm trên giường và ho khù khụ. Bảy giờ con vào làm cho cụ con mới được một tháng, tiền công lĩnh rồi, lại phải vay thêm năm đồng nữa, lấy tiền thuốc men cho nó. "Giả sử trời để nó sống, thì số tiền ấy, chúng con trả trong vài tháng cũng hết. Chẳng ngờ thuốc uống không chuyên, bệnh nó chẳng những không bớt, lại cứ mỗi ngày một tăng, rồi cuối tháng một, nó chết."

Nói đến đây, hấn bỗng ngừng lại. Một giọt nước mắt từ trong khóe mắt rơi xuống mặt đất. Im lặng chừng độ nửa phút, hấn lại rẽ ràng nói thêm:

- Lệ của làng ta, chắc cậu đã rõ. Một người nằm xuống, dù giàu dù nghèo, nhà chủ cũng phải giết một con lợn đái "phe" một bữa đám ghém, phe mới khiêng cho. Không được thế, thì phải nhờ cậy họ mạc khiêng giúp. Nhà con tuy còn ít tuổi, nhưng nó là người thiên hạ và cũng hấn hoi với con, nếu để họ khiêng, thì sợ tủi vong hồn nó, và rồi con cũng không mặt mũi nào trông thấy anh em nhà vợ nữa. Vì thế, con phải cố lo bữa rượu để mời hàng giáp. "Một con lợn, mười nôi gạo, vài chục chai rượu, tất cả cũng hơn ba chục đồng, chưa kể quan ván của nó. "Trong nhà không có đồng nào, một chốc phải tiêu đến bấy nhiêu tiền, cậu bảo lấy ở đâu ra? "Nếu nhà vợ con mà được giàu có, thì con cũng không khổ lắm. Nhưng mà bên ấy cũng không có gì, bà nhà con và các cậu nó chỉ giúp cho được hơn mười đồng.

Còn thiếu, con lại phải kêu cụ T. "Cụ con bằng lòng cho con vay thêm hai năm đồng nữa, với năm đồng trước thành ba chục đồng. Cho người khác vay, cụ T. vẫn đều tính

lãi mỗi đồng một tháng sáu xu, vì con là kẻ tội tởm cụ con cũng thương, nên mỗi đồng một tháng chỉ lấy năm xu, nhưng tháng nào phải trả lãi ngay tháng ấy, còn gốc chịu đến bao giờ cũng được. "Tiền công của con ở đây, mỗi tháng được một đồng rưỡi; trừ vào tiền lãi là vừa. Từ cuối năm ngoái đến giờ, quần áo rách như bướm bướm, con cũng không có đồng nào mà may.

Rồi với hai hàng nước mắt giàn giụa, hấn kết luận:

- Đời con không còn lúc nào trả xong được món nợ ấy. Bây giờ đã vậy, không biết rồi khi về già, không kéo nổi cái xe kia nữa, thì làm thế nào?

Ông L. cười và bảo tôi:

- Một bữa "lệ làng" có thể gây cho người ta món nợ lãi chung thân không trả hết.

Một cái thảm trạng

Lúc bấy giờ, trời đã nhá nhem tối, trống mõ trong các làng đã dồn dập thu không, hồi chuông chiều mộ trong tam quan chùa ngân nga gieo vào khoảng không gian tĩnh mịch để cảnh cáo cho mọi người trong thôn sự kết liễu của một ngày. Những cái cảnh sắc chốn thôn trang, nơi đồng ruộng đều bắt đầu chìm đắm trong cõi u âm lạnh lẽ. Trên con đường đất quanh co khúc khuỷu, còn thấy có hai cái bóng đen đương mập mờ chuyển động. Một cái chớp nhoáng trên không trung dọi xuống, người ta nhận thấy hai cái bóng ấy là hai người đương ì ạch dìu nhau, một người thì cao lớn lực lưỡng đương lễ mễ bên người thấp bé, lả lướt như chẳng buồn đi. Hai cái bóng ấy dần dần tiến về phía cổng làng. Càng lại gần, càng nghe thấy tiếng rên rỉ, rên rầm. Tiếng người đàn ông thở hổn hển như thiết tha khuyên nhủ:

"Cố đi mấy bước nữa, gần đến nhà ta rồi, mình cố bước lên cho tôi đỡ mệt".

Tiếng người đàn bà yếu ớt thều thào đáp lại:

"Đau lắm!... Nhọc lắm!... Sẽ nó tụt ra đây này!... Thôi để tôi ngồi dựa gốc đa kia, mình mau mau chạy về gọi ai ra đỡ tôi vậy".

Người đàn ông ra dáng ngần ngừ rồi nói:

"Hay mình chịu khó nằm ngửa trên lưng tôi để tôi cõng vậy, vì ở đây xa làng xóm, trời thì gió lạnh, sắp mưa, ở lại đây nếu có sự gì chát ngại thì khôn! Thôi, cố về đến nhà cho yên dạ".

Nói rồi không đợi cho người đàn bà đáp lại, ráng hết sức cõng người vợ lên lưng, chạy một mạch tới cái điểm đầu làng, bồng người trên lưng tụt xuống, thoáng nghe thấy tiếng trẻ khóc. Một tiếng đồng dục trong điểm hỏi ra:

- Ai?

- Tôi xin bác làm ơn...

Người đàn ông chưa nói dứt thì mấy anh tuần đã vội nhảy cả ra, rồi cùng reo:

- Vợ dĩ Tít đẻ anh em ạ!

Người đàn ông vội sụp xuống lạy, khấn khoản van lơn xin ngơ đi cho để đem vợ về tới nhà.

Bỗng một tiếng của bác trương lẫm liệt thét ra: - Không được, việc này rất quan hệ, đàn em đâu, hãy chạy vào trình cụ tiên xem cụ dạy thế nào đã, anh em mình quyền rơm vạ đá, ăn chẳng có thì tội gì mà để khó đến thân".

Bác dĩ Tít hu hu bung mặt khóc, để mặc vợ rũ rượi tóc tai. Dưới ánh môi lửa của bọn tuần, mẹ con người khôn nạn đầm đìa trong vũng máu! Một anh tuần chạy đi một lát thì bỗng thấy đèn lửa lập lòe trong xóm đi ra, người lớn trẻ con lóc nhóc kéo theo cụ tiên chỉ. Cụ mình khoác áo bông, chân đi guốc gộc, đầu bịt chiếc khăn bông, lò xòa một chòm râu trắng xóa. Hai con mắt hoăm hoăm dưới bộ lông mày bạc nhìn theo mấy anh tuần chỉ trở rồi cụ cất tiếng hỏi:

- Vợ chồng thằng Tít đây phải không?

Một tiếng dạ run run trong cổ bác Tít đưa ra còn nghẹn ngào nước mắt.

- Gô cổ mẹ nó ra góc đa kia cho ông! Hừ! Sinh dữ tử lành, chúng bay còn không biết à? Trời đất dân làng đang yên lành thế này, chúng bay dám rước vạ làng ông chẳng? Năm xưa đã thằng cu ốc đem vợ đẻ về làng, rồi trong làng sinh dịch lệ tứ tung, tiền tống khôn khổ, chúng bay còn không nhớ à? Dù phép vua còn phải thua lệ làng, chúng bay làm trái lệ làng thì chúng bay còn hòng ở làng nữa hay không? Chúng bay tưởng ông không trừng trị nổi chúng bay à? Tuần đâu rong lên, gô cổ con mẹ ấy ra ngoài kia, chỗ dây máu kia thì lấy nắm rác đốt lên rồi rẫy cho sạch đất đổ xa đi, còn thằng Tít thì trói nó vào cái điểm kia, mai ông sẽ liệu!...

Dứt lời oanh liệt của bậc chí tôn, bác Tít người run như cày sậy, sụp lạy cụ Tiên, cầu khẩn xin cho theo ra để tìm cái che đậy cho vợ con khỏi rét mướt rồi sẽ xin vào chịu tội. Mấy bác tuần rằm rắp dạ, người lớn trẻ con trong xóm đều ngấm nguyết đua nhau thóa mạ:

"Đàn bà thôi thầy đầy da, kỳ sinh nở chẳng biết liệu lại còn định dẫn nhau về để chực gieo vạ cho làng".

Cũng có người động mỗi thương tâm, kẻ thì thổi cơm, người thì nấu nước đem ra cho, lại xúm nhau ôm rơm rác, chiếu nong cho để làm lều làm túp. Cũng có kẻ lại sợ vía van, sợ cung long chẳng dám lại gần. Dù có cái phong tục cổ truyền là cấm người đem gái đẻ về làng chẳng hề ai há miệng nói sao, cũng chẳng ai hiểu vì sao mà độc.